3000

HOÀNH PHI CÂU ĐỐI HÁN NÔM



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

3000

HOÀNH PHI CÂU ĐỐI HÁN NÔM

3000
HOÀNH PHI CÂU ĐỐI HÁN NÔM
漢喃横枇對聯三千副

Chủ biên
TRẦN LÊ SÁNG
Biên soạn
TRẦN LÊ SÁNG PHẠM ĐỨC DUẬT
PHẠM KỲ NAM NGÔ VƯƠNG ANH *(Thư ký)*

Hà Nội. Chiều 3.7.08
NPM.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN
HÀ NỘI - 2002

文章为锦绣

学问是金银

陳黎創書

壬午年春

祖国壮雄英战绩功成铭青史

江山新喜色富强幸福许年天

桐江范德裔書

對天然感作

奇楠書

東日堪稱笑傲孤松當寒冷

春天可愛清騷瘦梅帶玉霜

冽這倖騎松過冬

霜玉騷清梅術春

文道雙而進

志德并以行

[illegible]

[illegible]



Hội đồng Biên soạn

Ảnh: Vương Anh

THAY LỜI TỰA

Hoành phi 横披 vốn là bức thư họa 書畫 (tranh chữ), có khi còn gọi là Hoành 横, là Biển 匾; hoặc gọi là Biển ngạch 匾額, Bài biển 牌匾; dùng để treo phía trên bình phong 屏風 trong phòng sách, hoặc treo ở nhà mát trong vườn hoa... Về sau, Hoành phi được viết là 横批[1], được dùng rộng rãi hơn.

Ở ta, hoành phi có thư họa, có treo để thờ. Hoành phi thư họatự viết hoặc xin chữ người khác, để vừa thưởng thức chữ vừa tự nhắc nhở mình về một tín niệm gì đó. Loại hoành phi này thường treo hoặc dán ở phòng khách, phòng sách, phòng ở. Đại thể thường viết là: Tích thụ kim hoa, Xuân hòa cảnh lệ, Xuân phong mặc vận, Xuân thị ngã, Lan thất hương, Thụ đức, Chính tâm v.v... Nhưng trong thực tế, phần lớn các gia đình bút nghiên thường nghèo, nhà chật, không có phòng riêng rộng, vì vậy người ta không chơi hoành phi nữa mà chơi đại tự; chữ treo, dán chỉ một chữ, thường là chữ hòa, chữ tâm, chữ nhẫn, chữ đức v.v... Nhưng hoành phi ở ta chủ yếu là để treo ở những nơi thờ cúng như ở nhà thờ họ; ở đình, chùa, đền, miếu, quán...

Ở nhà thờ họ: Thường họ để trước, sau là chữ *từ đường*, hoặc *tộc từ đường*. Ví dụ:

Nguyễn từ đường 阮祠堂
Nguyễn tộc từ đường 阮族祠堂

Nếu có sự tích thì thêm hoành phi khác, như:
Quang khuê tảo 光奎藻

Hoành phi ở đình: Thường là tên đình; tiếp đến là:

Thánh cung vạn tuế 聖躬萬歲

---

[1] Chữ *phi* 批 này có khi đọc là *phê: phê bình* 批評.

Uy mạc trắc 威莫測
Đức nan danh 德難名

Hoành phi ở chùa: Thường là tên chùa; tiếp đến là:

Từ vân biến phú 慈雲遍覆
Hoằng khai phật đạo 弘開佛道
Vạn pháp quy tâm 萬法歸心

Hoành phi ở đền: Thường là tên đền; tiếp đến là:

Thượng đẳng linh từ 上等靈祠
Phối thiên kỳ trạch 配天其澤
Cao sơn cảnh hành 高山景行[1]

Hoành phi ở miếu: Giống hoành phi ở đền; nhưng ở Văn miếu, Võ miếu, Y miếu thì có khác; đặc biệt, ở miếu thờ Mẫu thì thường là:

Khôn nghi tại 坤儀在
Mẫu nghi thiên hạ 母儀天下
Thiên hạ mẫu 天下母
Mai hoa cung quảng 梅花宮廣

Hoành phi thờ Tổ các nghề cũng có nét riêng:

Nam giao học tổ 南郊學祖
Viên nhi thần 圓而神[2]
Viên cơ hoạt pháp 圓機活法[3]

Hoành phi ở quán: Quán ở đây là quán Đạo. Quán Đạo ở ta nay còn một số quán như Bích Câu quán, Chân Vũ quán, Huyền Thiên quán, Đồng Thiên quán, Đế Thích quán v.v... Hoành phi thường thấy là:

Thiên thượng xưng thần 天上稱神
Phần Kinh tại hội 芬經在會

V.v...

---

[1] Hoành phi ở đền Hùng, có nghĩa là: Núi cao đạo lớn.

[2,3] Hoành phi thờ Tổ của thợ tiện ở Thiết Trụ, Bình Minh, Châu Giang.

Nội dung của hoành phi là nghiêm túc, dù hoành phi để ở nhà thờ hay hoành phi để ở nhà riêng cũng vậy. Thế nhưng dần dần, hoành phi cũng trở thành sinh hoạt văn hóa bình thường trong dân gian và cũng có chuyện vui[1].

*

* *

Câu đối còn gọi là Doanh thiếp 楹帖, Doanh liên 楹聯, Đối liên 對聯. Doanh là cột, thiếp là tờ giấy, liên là liên kết; đối là đi đôi, song song, một cặp đối xứng. Nhân dân ta rất thích câu đối, hai chữ Câu đối là chữ của bà con ta. Thời xưa, Câu đối (Đối liên), còn được gọi là liên, là liễn. Liễn là hai tấm giấy, hoặc vóc, lụa dài dùng để viết câu đối, có nẹp trục để cuộn. Vào ngày đầu năm mừng Tết, mừng xuân mừng Đảng; hoặc khi đám cưới, sinh con... đều có câu đối. Vui vì cảnh đẹp, ca ngợi đất nước, dân tộc, dòng họ; tuyên dương sự học, tuyên dương đạo nghĩa... đều có câu đối. Trong đình, đền, miếu, chùa, quán, lăng tẩm, nhà học, di tích... càng phải có câu đối. Chúc thọ, chúc nhà mới, cơm mới, cửa hàng mới, thờ Tổ ngành nghề, thi đỗ, thi hỏng...

---

[1] Chuyện kể rằng, có làng buôn mang lễ vật đến xin cụ Tam nguyên Yên Đổ (Nguyễn Khuyến) bức hoành phi để treo ở đình, cầu buôn bán phát đạt. Cụ lấy bút viết bốn chữ *Nhi* đại tự, trông giống như bốn cái bừa. Làng buôn không hiểu, xin Cụ viết cho bức khác. Cụ bảo: Chẳng còn chữ nào hay hơn nữa. Làng buôn thắc mắc, sao bức hoành phi lại rặt các chữ *Nhi* 而. Cụ nói: Làng đi buôn là mong có lãi; sách *Tam tự kinh* dạy rằng: “Nhất nhi thập, thập nhi bách, bách nhi thiên, thiên nhi vạn”; chẳng phải làng được “Một rồi mười, mười rồi trăm, trăm rồi nghìn, nghìn rồi vạn” đấy ư ! Lại có chuyện rằng, làng Đặng Xá dựng đình, cho người đến xin cụ Tam bức hoành phi để thờ Thành hoàng. Cụ viết bốn chữ *Quang bị tứ biểu* 光被四表. Bốn chữ này lấy ở thiên *Nghiêu điển*, chương *Ngu thư*, sách *Thượng thư (Kinh Thư)*; có nghĩa là Đức sáng khắp bốn cõi. Nhưng làng này lại là làng làm nghề hàng xáo; bức hoành *Quang bị tứ biểu* hiểu theo nghĩa Nôm lại là Quang dây bị dó đi khắp bốn phương, tức việc dân làng này quang [illegible] các nơi mua thóc về làm hàng xáo vậy.

cũng có câu đối. Phúng viếng cũng không thiếu được câu đối phúng (văn). Đến giao thiệp, ứng xử, ngoại giao... vẫn rất cần câu đối; v.v... Câu đối phải được kể là một trong những loại hình văn hóa rất phổ biến ở nước ta.

Câu đối hòa hợp một cách sâu sắc nhất, hài hòa nhất giữa văn chương kinh viện với văn học bình dân. Đặc biệt, có lẽ hơi khác với các loại hình văn học khác, câu đối nước ta hình như không phải đi từ truyền miệng đến thành văn, mà ngược lại, chuyển từ thành văn sang truyền miệng. Bỏ qua một giai đoạn rồi lại gia vào một giai đoạn, điều đó là nhờ có sẵn các điều kiện vậy. Nhưng đó là dưới dạng lý luận, còn trong thực tế, các giai đoạn nói trên cứ xen kẽ lẫn nhau. Nhìn chung, câu đối nước ta có loại đầy điển tích kinh điển, có loại vừa vừa, có loại viết như nói. Có không ít những đôi câu đối viết cầu kỳ, song cũng có không ít những đôi viết mộc mạc; có câu viết để treo, để dán; nhưng cũng có câu chỉ đọc, xong thôi. Câu đối có thể là viết để cung kính biếu tặng, có thể viết để cho, thậm chí bắt lấy, bắt nghe. Câu đối có thể xin, nhưng có khi phải mua. Giống như tranh dân gian, câu đối cũng có thể là hàng hóa, bầy bán ở chợ, viết bán theo yêu cầu của khách... Hình thức thật muôn mầu muôn vẻ, xen kẽ trăm mối, khó nói sao hết được văn hóa câu đối muôn hồng nghìn tía trong sinh hoạt của nhân ta.

Chúng ta thử điểm một số nét chính về nội dung và nghệ thuật của câu đối nước ta:

Trước hết, nói đến câu đối là phải nói đến câu đối Tết:

Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ;

Nêu cao, pháo nổ, bánh chưng xanh.

Có là bao! Ba vạn sáu ngàn ngày, được trăm cái Tết;

Ước gì nhỉ! Một năm mười hai tháng, cả bốn mùa Xuân.

Hoặc chữ Hán thì có:

Sổ điểm đào hoa tri vãn tuế;

Nhất hương địa bỉnh báo tân xuân.

(Mấy đoá hoa đào hay tết đến;

Một làn bếp bánh báo xuân về)

Đào lý mãn viên tân phú qúy;

Xuân huyên lưỡng thụ cựu xuân thu.

(Con cháu đầy nhà thêm phú qúy;

Mẹ cha hai vị vẫn vui tươi)

Đó là kiểu câu đối Tết thời xưa, nay thì tư duy đã đổi mới:

Vẽ bức tranh Xuân: lợn béo gà to ưng ý vợ;

Đề câu đối Tết: khoai sai lúa tốt đẹp tình chồng.

Bài hát Kết đoàn, Bác bắt nhịp núi sông cùng hát;

Câu thơ Chúc tết, Người gieo vần đất nước càng thơ.

Rộn rã Xuân về, đất nước đón chào thời đổi mới;

Mừng vui Tết đến, non sông hoan hỉ buổi canh tân.

Ất Mão xuân liên ca thống nhất;

Bính Dần doanh thiếp khánh canh tân.

(Ất Mão (1975) câu đối tết vui ca tổ quốc thống nhất;

Bính Dần (1986) câu đối chúc mừng đất nước đổi mới)

Hoa mộc Xuân vũ diệm;

Phúc y Đảng ân sinh.

(Hoa tắm mưa Xuân nở;

Phúc nhờ Đảng mà sinh)

v.v...[1]

Tết xưa, tết nay, mầu sắc có hơi khác; câu đối Tết cũng có đổi mới; song cốt lõi vẫn là vui Tết mà viết. Báo chí nước ta, chỉ có dịp Tết mới in câu đối; câu đối với Tết có duyên nợ gắn bó đến như vậy. Thời xưa (và rồi cả gần đây), cứ mỗi dịp Tết về, các ông đồ (và gần đây thì có cả bà đồ) lại bầy mực tầu giấy bản ra chỗ đông người để viết câu đối phục vụ mọi người. Tết mà thiếu câu đối thì hình như chưa đủ Tết; nhưng cũng vì vậy, có khi nhân dịp Tết người ta dán câu đối để bộc bạch tình cảm của riêng mình, tình cảm đó chủ yếu là tình cảm đối với Tết, nhưng cũng có khi lấy Tết để nói việc khác. Việc nhỏ là vui buồn cá nhân, việc lớn là vui buồn có tầm xã hội, quốc gia... Chính vậy mà nội dung câu đối Tết rất phong phú, điều đó khó dùng lời mà nói hết được, mong bạn đọc xem sáchnày rồi tự tìm hiểu thêm.

Câu đối nước ta cũng dành nội dung không nhỏ cho việc ngợi ca cảnh sắc đất nước, danh lam thắng tích nơi nơi:

Trường Sơn núi cao, Trường Sa đảo nhỏ; từ đây tới đó, đất đai ta muôn thuở vẹn toàn;

Cà Mâu bãi rộng, Lạng Sơn rừng dầy; ngoài Bắc trong Nam, non nước cũ ngàn năm thống nhất.

Lăng tẩm tự năm nào, núi Tản sông Đà, non nước vẫn quay về đất tổ;

Văn minh đương buổi mới, con Hồng cháu Lạc, giống nòi còn biết nhớ mộ ông.

Cửa phật mở mang, bia đá ghi tên chùa Bích Động;

Sân trời mát mẻ, chuông vàng nức tiếng cảnh Linh Lâu.

[1] Phần lớn các câu đối dẫn trong bài này đều có ở phần văn bản.

Đỏ đào Nhật Tân, đỏ sóng sông Hồng; xuân đẹp thế, nét xuân Hà Nội;

Xanh nước Hồ Tây, xanh cây Hoàn Kiếm; tết vui thay, vẻ đẹp Thăng Long.

Câu đối chữ Hán viết về phong cảnh lại càng nhiều:

Trấn Quốc diễm truyền, Nhị nguyệt Nùng vân danh thắng địa;

Yên Hoa hưng đổ, Âu phong Á vũ thái bình thiên.

(Trấn Quốc đẹp truyền, trăng sông Nhị, mây núi Nùng, đất danh thắng;

Yên Hoa hưng vận, gió châu Âu, mưa châu Á, trời thái bình).

Địa ái Nậm Sơn, đài viết linh, chiểu viết linh, Vạn An thắng cảnh;

Đàn danh Niệm Thiện, trắc hồ thử, giáng hồ thử, thiên cổ linh từ[1].

(Đất qúy Nậm Sơn, đài rằng thiêng, ao rằng thiêng,Vạn An cảnh đẹp;

Đàn lừng Niệm Thiện, lên nơi đó, xuống nơi đó, ngàn thuở đền thiêng)

Vạn Kiếp hữu sơn giai kiếm khí

Lục Đầu vô thủy bất thung thanh

(Ở Vạn Kiếp, có núi ắt đều có khí kiếm;

Nơi Lục Đầu, không sông nào không có tiếng đóng cọc)

Hùng Lĩnh thiên thu tiên chính khí;

---

[1] Câu đối ở chùa Nậm Sơn , xã Vân Diên, Nam Đàn, Nghệ An. Không có trong bộ sách này.

Thao Giang nhất trận chấn kỳ công.

(Hùng Linh ngàn thu nêu chính khí;

Thao Giang một trận dấy kỳ công)

V.v...

Ở Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm (Hà Nội), hiện còn giữ được gần ba nghìn bản Thần tích bằng chữ Hán; tương ứng với số Thần tích ấy là số nơi thờ thần ở các nơi; mà những nơi này mới chỉ kể từ Nghệ An trở ra, nếu tính cả nước thì nhiều hơn nhiều. Đó mới chỉ là nơi thờ thần; các chùa, quán, tháp và các di tích khác chưa kể; nếu kể gộp lại thì con số phải rất lớn. Ở những nơi này thường có câu đối, các cơ quan hữu quan hiện đang cố gắng sưu tầm, sau này có dịp, chúng ta có thể được đọc những bộ câu đối dành riêng cho nội dung về phong cảnh, di tích danh thắng.

Ngoài hai nội dung trên, người xưa làm câu đối còn có một yêu cầu không thể thiếu được; đó là việc biểu dương công đức người trước, ca ngợi thành tích người đương thời, khuyến khích điều thiện. Nói chung, đây là loại câu đối có nội dung về phương diện học tập, tu dưỡng. Loại câu đối này có ở khắp các đình, đền, chùa; và đặc biệt ở các nhà thờ họ, ở các văn chỉ, văn miếu các nơi. Chúng tôi chỉ xin dẫn một số câu:

Đức đại an dân, tâm đồng thiên cổ thịnh;

Hùng triều hộ quốc, đức hóa vạn niên tư[1].

(Đức lớn yên dân, lòng cùng ngàn xưa thịnh;

Hùng triều giúp nước, đức hóa vạn năm thờ)

Thiện báo, ác báo, trì báo, tốc báo; chung tu hữu báo;

Thiên tri, địa tri, nhĩ tri, ngã tri; hà vị vô tri[2].

---

[1] Câu đối đình Mộ Chu, phường Bạch Hạc, thành phố Việt Trì, Phú Thọ.

[2] Các câu đối dẫn có trong sách này, chúng tôi không chú.

(Thiện báo, ác báo, chậm báo, nhanh báo; đến cùng đều có báo;

Trời biết, đất biết, anh biết, tôi biết; sao bảo không ai biết)

Huynh hữu đệ cung, nãi quân tử tu thân chi bản;

Lễ môn nghĩa lộ, vi đại nhân thiệp thế chi phương.

(Anh hiền em kính, ấy cái gốc tu thân của người quân tử;

Lễ theo nghĩa giữ, đây là phương pháp vào đời của bậc đại nhân)

Phúc địa tâm điền nghi mỹ qủa;

Hiền tôn hiếu tử tức danh hoa.

(Đất phúc ruộng tâm nên quả đẹp;

Cháu hiền con thảo được hoa thơm)

Tổ công tông đức thiên niên thịnh;

Tử hiếu tôn hiền vạn đại xương.

(Công tổ đức tông ngàn năm thịnh;

Con hiếu cháu hiền vạn đời lên)

Đạo nhược lộ nhiên, đắc kỳ môn nhi nhập;

Thánh tức thiên dã, bất khả giai nhi thăng.

(Đạo tựa lối đi, được đường thì vào;

Thánh tức trời vậy, chẳng thể leo mà lên)

V.v... Nếu chia tỷ mỷ hơn, câu đối có nội dung học tập, tu dưỡng còn có thể xếp theo loại thờ thành hoàng, văn miếu, văn chỉ, Văn Xương Đế, vũ miếu, Vũ Đế, Đức Thánh Trần, điện Mẫu, dược miếu,

quán các (chia ra nhiều loại), chùa tháp (cũng chia ra nhiều loại), huệ phúc, cầu tự, thủy thần, tài thần, nhà thờ họ (chia làm nhiều bậc); ngoài rạ, từ ngoài vào còn xếp thành môn liên, tiền, trung, hậu v.v...; mỗi nơi lại có nội dung hơi khác.

Cuối cùng chúng tôi muốn nói đến loại câu đối có nội dung chúc mừng, thăm viếng.

Câu đối chúc mừng:

Hơn bẩy chục năm qua, có Đảng dẫn đường, dân tộc Việt ngẩng đầu cùng bốn biển;

Ngoài năm lăm thu ấy, bác Hồ chỉ lối, nước non Hồng rạng mặt với năm châu.

Xưa, câu đối chúc mừng gọi là Khánh hạ liên; cuối lạc khoản thường có hai chữ *Trang hạ*. Nhân dân ta có tập quán là anh em bà con, bạn bè, xóm giềng có việc vui thì đến chúc mừng, trong lễ mừng có câu đối. Có khi mình tự mừng mình. Câu đối mừng có thể tự viết, cũng có thể nhờ người khác viết (gọi là xin câu đối); hoặc ra phố mua.

Mừng ông Tiên chỉ:

Đám công danh có chí thì nên, ơn làng giấy trắng, ơn vua giấy vàng, chiếu trung đình ngất ngưởng ngồi trên; ngôi Tiên chỉ cũng là rất đáng;

Nhờ phúc ấm sống lâu lên lão, anh cả bàn năm, anh hai bàn sáu, đàn tiểu tử xênh xang múa trước, tranh Tam đa ai khéo vẽ nên.

(Nguyễn Khuyến)

Mừng thi đỗ:

Nhị giáp do năng khôi, đề phẩm bất hư danh hạ sĩ;

Nhất bảng tịnh tứ đệ, giang sơn tằng lão nhãn trung nhân[1].

(Đỗ Nhị giáp như đỗ đầu, tiếng đồn hay chữ quả không sai;

Một bảng đều cho đỗ cả, sông núi mắt đã quen lâu rồi)

Khoả lãng đăng long môn, thâm tuyệt chúng lưu cao tuyệt lĩnh;

Khoá hoa đáo quỳnh uyển, hoàng vi thu cúc, bạch vi mai[2].

(Cá chép vượt sóng lên cửa rồng, đương ở chỗ vực sâu vọt lên đỉnh núi;

Xem hoa đến vườn quỳnh, sắc vàng là thu cúc, sắc trắng là hoa mai)

Xảo tá thiên công, quyệt tá thiên công, trực tương tân khổ thí tài hoa, cơ cơ phụ bát thập niên tiền thư kiếm trái;

Kỳ đích nhân vật, khoái đích nhân vật, nghĩ bả văn chương hoàn tạo hóa, hảo hảo khan thiên vạn lý ngoại phong vân trình[3].

(Khéo là thợ trời, giả dối thợ trời, cứ đem cay đắng thử tài hoa, thiếu chút phụ nợ kiếm thư ngoài tám mươi tuổi;

Lạ thay cho ông, vui thay cho ông, thích lấy văn chương trả nợ đời, vừa đúng lúc xem đường mây trên ngàn muôn dặm).

---

1 Câu đối Vũ Phạm Hàm mừng Nguyễn Thượng Hiền đỗ Hoàng giáp. Ý nói Nguyễn Thượng Hiền được tiếng hay chữ, nhưng thực ra chỉ đáng đỗ Thứ hai.

2 Câu đối Nguyễn Thượng Hiền mừng Vũ Phạm Hàm đỗ Thám hoa. Vũ Phạm Hàm và Nguyễn Thượng Hiền đỗ cùng khoa Nhâm Thìn (1892). Câu này ý nói Vũ Phạm Hàm xuất thân hèn kém, mà nay vượt lên được. Còn việc mình đỗ hạng Thứ thì cũng như các loài hoa; hoa cúc mầu vàng, hoa mai mầu trắng, đều đẹp cả.

3 Phan Bội Châu mừng Đoàn Tử Quang, 82 tuổi thi đỗ Cử nhân. Khoa thi ấy (Canh Tý - 1901), Phan Bội Châu đỗ Thủ khoa.

Mừng đám cưới:

Mừng cháu xe duyên, tình đôi lứa trăm năm hòa hợp;
Chúc con có bạn, nghĩa đá vàng muôn thuở sắt son.

Chữ Hán:

Hoa đường sơ vịnh Thư Lân cú
Tú các tân biên Bác nghị thư

(Phòng hoa bắt đầu ngâm câu Thư, Lân [1];
Gác gấm soạn mới sách Bác nghị [2])

Tú các đăng minh uyên ương tịnh lập;
Trang đài chúc lệ phỉ thúy đồng thê.

(Gác gấm đèn sáng, đôi uyên ương kề vai;
Trước bàn trang điểm ánh nến đẹp, cặp phỉ thúy sóng đôi)

Dịch viết càn khôn định hĩ;
Thi vân chung cổ lạc chi.

(Kinh Dịch chép rằng: dương âm đã định rồi;
Kinh Thi nói là: chuông trống làm cho vui)

Mừng thọ:

Tính ông hay, hay tửu hay tăm, hay nước chè đặc, hay nằm ngủ trưa, dù đã bảy mươi còn khoẻ mạnh;
Nhà ông có, có bầu có bạn, có ván cơm sôi, có nồi cơm nếp, mở ra một tiệc thấy linh đình.

(Nguyễn Khuyến)

---

[1] *Thư, Lân*: Tức bài thơ *Quan thư* ở *Chu Nam, Quốc Phong, Kinh Thi*; viết về tình yêu nam nữ; bài *Lân chi chỉ* (còn gọi *Lân chỉ*) cũng ở *Chu Nam, Quốc Phong, Kinh Thi*; viết về con cháu đông đúc và đều có tài.

[2] *Bác nghị*: Sách của Lã Tổ Khiêm đời Tống, bàn về thơ tình yêu.

Chữ Hán:

Hoa giáp phùng xuân, tửu ánh thanh khâm, xuân cộng túy;

Thái sơn chúc thọ, ca truyền Bạch tuyết, thọ tần thiêm.

(Sáu mươi gặp xuân, rượu ánh tuổi xanh, xuân càng say nữa;

Trăm tuổi chúc thọ, hát ca vui vẻ, thọ được nhiều thêm)

Đào hoa kết tử tam thiên tuế;

Xuân thụ phu vinh bát thập xuân.

(Hoa đào ra qủa ba nghìn tuổi;

Cây xuân rậm rạp tám mươi xuân)

V.v... Ngoài ra còn có câu đối mừng nhà mới, mừng mở cửa hàng..., ở đây chúng tôi xin không dẫn tiếp, mong các bạn tự xem trong sách này. Chúng tôi chỉ muốn nói thêm rằng, cùng với câu đối chúc mừng còn có câu đối đề vịnh, đề tặng; ví như câu đối của Bà Huyện Thanh Quan vịnh chén uống trà có vẽ cảnh sơn thủy:

In như thảo mộc trời Nam lại;

Đem cả sơn hà đất Bắc sang.

Câu đối Cao Bá Quát vịnh điếu cầy:

Ra tay cầm cán sôi trong nước;

Ngậm khói phun mây sạch bụi trần.

Câu đối vua Lê Thánh Tông tặng hàng nước:

Nếp giầu quen thói kình cơi, con cháu nương nhờ vì ấm;

Việc nước ra tay chuyển bát, bắc nam đâu đấy lại hàng.

Câu đối ông Nghè Nguyễn Qúy Tân tặng Tổng đốc hồi hưu Nguyễn Công Trứ:

Giang sơn tóm lại đôi sân khấu[1];

Văn vũ đem ra một khúc cầm[2].

Câu đối khen tác phẩm *Phạm Công Cúc Hoa*:

Trạng nguyên tám tuổi thơm trời Việt;

Sứ sự mười năm khét đất Ngô.

V.v... Trong một số sách chép câu đối xưa, khi phân loại nội dung câu đối chúc mừng, người biên soạn thường chia rất nhỏ. Đại thể thường chia ra là: Chúc tết, Nguyên tiêu, Đề tặng, Tự đề, Vạn thọ, Văn quan thọ, Vũ quan thọ, Phong quân thọ, Tăng thọ, Đạo thọ, Nam thọ, Nữ thọ, Song thọ, Nam Tứ thập thọ, Nam Ngũ thập thọ, Nam lục thập thọ, Nam Thất thập thọ, Nam bát thập thọ, Nam Cửu thập thọ, Nam Bách tuế thọ; Nữ lục thập thọ (cho đến bách tuế thọ); Tân hôn (chia ra từng tháng, từ tháng Giêng đến tháng Chạp); Hạ Tam nguyên, Hạ Bảng nhãn, Hạ Thám hoa, Hạ Hàn lâm, Hạ Tiến sĩ, Hạ Vũ Tiến sĩ, Hạ Văn cử, Hạ Vũ cử, Hạ sinh tử, Hạ sinh tôn, Hạ sinh tằng tôn. Chúc mừng: Nhà mới, Mở cửa hàng: Hàng Sách, Hàng Bút, Hàng Mực, Hàng Giấy, Khắc chữ, Vẽ, Hàng Vàng, Hàng Bạc, Hàng Mũ, Hàng Giầy, Hàng Vải, Thợ may, Hàng Đoạn, Hàng Gấm, Hàng Tơ, Hàng Quạt, Hàng Lọng; Quán rượu, Quán cơm rượu, Quán trọ, Hiệu thuốc, Hiệu cắt tóc; Thầy bói, Thầy tướng, Thầy số; v.v..., còn chia rất nhỏ nữa. Biên soạn câu đối với nội dung chia nhỏ như vậy không phải là việc quá khó, nhưng biên soạn bộ 3000 câu đối Hán Nôm này, chúng tôi qủa thực chưa muốn mất công qúa nhiều cho việc chia nhỏ như vậy; nhắc đến việc ấy, chúng tôi chỉ muốn nói đến bình diện rất rộng, câu đối rất nhiều ở nội dung chúc mừng.

---

[1] *Đôi sân khấu:* Có người giải thích là chỉ việc Nguyễn Công Trứ khai phá, mở mang hai huyện Kim Sơn, Tiền hải.

[2] *Một khúc cầm*: Chỉ việc lúc hàn vi, Nguyễn Công Trứ vì qúa hâm mộ cô đào Xuân Nga mà đi làm kép.

Câu đối Thăm viếng, xưa gọi là Phúng, chữ Hán gọi là Ai văn, không nhiều bằng câu đối Chúc mừng, nhưng số lượng cũng không phải ít; và đặc biệt, có nhiều câu hay.

Câu đối Nguyễn Khuyến khóc vợ:

Lão cũng đã mừng thay, nhờ được bà hay lam hay làm, thắt lưng bó que, xắn váy quai cồng, tất tả chân đăm đá chân chiêu, vì lão đỡ đần trong mọi việc;

Bà đi đâu vội bấy, để cho lão vất vơ vất vưởng, búi tóc củ hành, buông quần lá tọa, gật gù tay đũa chạm tay chén, cùng ai kể lể chuyện trăm năm.

Câu đối chữ Hán Bùi Hữu Nghĩa khóc vợ:

Ngã bần khanh năng trợ, ngã oan khanh năng minh, triều quận giai xưng khanh thị phụ;

Khanh bệnh ngã bất dược, khanh tử ngã bất táng, giang sơn ưng tiếu ngã phi phu.

(Ta nghèo mình giúp đỡ, ta oan mình kêu oan, trong triều ngoại quận đều khen mình thật đáng là vợ;

Mình ốm ta không có thuốc, mình chết ta không về đưa tang, sông núi phải cười ta chẳng xứng là chồng).

Câu đối Đỗ Đình Liêu viếng Đặng Toán:

Phương náo Hoan chi thăng, hồ kỵ hạc quy, quy Thúy Hạc;

Khởi dữ Ninh hữu ước, hưu tương hồng ấn, ấn Lam Hồng.

(Mới nghe tin đồn ông thăng quan vào châu Hoan, sao ông vội cưỡi hạc về, về núi Thúy Sơn, núi Hồi Hạc;

Hay là với tỉnh Ninh Bình có hẹn ước, ông không đem dấu chân chim hồng, chim hạc vào in ở Lam Giang, Hồng Lĩnh).

Câu đối viếng Tống Duy Tân:

Tiểu Bạch bá Tề, sinh Quản Trọng;

Đại Nguyên di Tống, tử Thiên Tường.

(Tiểu Bạch làm vua nước Tề, Quản Trọng được sống [1];

Nhà Nguyên diệt nhà Tống, Thiên Tường phải chết [2]).

Câu đối Phan Bội Châu viếng Tôn Trung Sơn:

Chí tại tam dân, đạo tại tam dân, ức Hoành Tân Trí Hoà Đường lưỡng độ ác đàm, trác hữu chân thần di hậu tử;

Ưu dĩ thiên hạ, lạc dĩ thiên hạ, bị đế quốc chủ nghĩa giả đa niên áp bức, thống phân dư lệ khấp tiên sinh[3].

(Chí ở tam dân, đạo ở tam dân, nhớ hai lần nói chuyện ở Trí Hòa Đường Hoành Tân, để lại tinh thần cho người chưa chết;

Lo vì thiên hạ, vui vì thiên hạ, bị nhiều năm áp bức do bọn đế quốc chủ nghĩa, cùng dành nước mắt để khóc tiên sinh).

Một số câu đối viếng bằng chữ Hán như câu đối Văn thân Nghệ Tĩnh viếng Phan Đình Phùng (1895), Phan Bội Châu viếng Nguyễn Thượng Hiền (1925), v.v... đều là những đôi câu đối nổi tiếng. Ở đây, chúng tôi chỉ muốn nhắc lại một đôi câu đối chữ Hán ở nội dung viếng; mà theo chúng tôi, có lẽ đây là đôi câu đối chữ Hán thuộc thời kỳ cuối của loại câu đối này. Đó là đôi câu đối Tôn Quang Phiệt viếng

---

1 Tiểu Bạch khi lưu vong, mấy lần bị Quản Trọng đuổi giết; khi Tiểu Bạch về làm vua nước Tề tức Tề Hoàn Công, xây dựng nước Tề hùng mạnh, không giết Quản Trọng mà còn vời đến giúp.

2 Thiên Tường tức Văn Thiên Tường, người đời Tống; nhà Nguyên diệt Tống, giết Văn Thiên Tường. Thiên Tường có bài *Chính khí ca* nổi tiếng. Đôi câu đối này do văn thân đương thời viếng liệt sĩ Tống Duy Tân bị giặc Pháp xử tử ngày 3 - 9 - 1892 ở Thanh Hóa.

3 Tôn Trung Sơn là lãnh tụ Trung Hoa dân quốc, mất năm 1925.

Hoàng Văn Hành (Giám Hành), người Hoàng Trù, Nam Đàn, Nghệ An (1942):

Ức tích niên cung kiếm bão hùng tâm, Bồ Lư thất trước, Yên Thế cùng đồ, vãng sử du du, hận bất chích thân phong mã cách;

Thả kim nhật tang thương vô định cục, Ngư Hải trường trì, Sào Nam vĩnh quyết, tiền đồ diếu diếu, đãn tương quy lệ trích hồ khâu.

(Nhớ năm xưa cung kiếm mạnh hùng tâm, Bồ Lư thất bại, Yên Thế cùng đường, xem sử mịt mù, giận chẳng bọc thây trong da ngựa;

Vả ngày nay bể dâu không định cuộc, Ngư Hải từ trần, Sào Nam tạ thế, đường dài bối rối, này đem nước mắt rưới hang hồ).

Sau thời gian này, câu đối phần nhiều viết bằng chữ Nôm hoặc chữ Quốc ngữ.

Nói đến nội dung câu đối, còn một phương diện nữa cũng phải nhắc đến; đó là loại câu đối chủ yếu viết cho vui, người xưa gọi là Tạp liên. Ví như những câu:

Gió tựa tường ngang, lưng gió phẳng;

Trăng nhòm cửa sổ, mắt trăng vuông.

Huyện Tam Dương có ba con dê, đứng núi đá, trông về Lập Thạch;

Quan Tứ Kỳ đi bốn xe ngựa, vâng mệnh trời, ra trị Thừa Thiên.

Quân tử cố cùng, quân tử cùng, quân tử cố;

Khổng Minh cầm túng, Khổng Minh túng, Khổng Minh cầm[1].

V.v... Đây là loại câu đối vui, thường gọi là chơi chữ; có lúc bí chữ phải đối liều:

Ra: Thần Nông giáo dân nghệ ngũ cốc[2]

Đối: Thánh sâu gươm quan gừng tam cò

V.v... Đặc biệt, ở câu đối Nôm, việc chơi chữ càng hết sức đặc sắc; đây là nét nổi bật của nghệ thuật câu đối nước ta mà chúng tôi sẽ nói thêm dưới đây.

*

* *

Câu đối ở nước ta có từ bao giờ, điều ấy thật khó biết cụ thể; nhưng dựa vào thể đối trong thơ phú cổ nước ta, có thể nghĩ rằng câu đối ở nước ta có khá sớm, chí ít là có từ thời Tiền Lê, thế kỷ thứ X. Đến đời Trần thì câu đối đã đạt nghệ thuật điêu luyện qua giai thoại đối đáp của Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi. Sau đó có câu đối của bà Nguyễn Thị Bích Châu, bà phi của vua Trần Duệ Tông, qua bộ *Truyền kỳ tân phả* của Đoàn Thị Điểm. Đến đời Lê, câu đối Nôm dấy lên rực rỡ, đặc biệt giai thoại đối Nôm của vua Lê Thánh Tông. Vào cuối đời Lê, câu đối đã được sưu tầm, tìm hiểu qua một số trước tác của Lê Qúy Đôn; đến đời Nguyễn, câu đối đạt đỉnh cao, nhất là câu đối Nôm; nổi bật có Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Qúy Tân, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương, v v...; trong đó, Nguyễn Khuyến đáng được

---

1 Chữ Hán đôi câu này có nghĩa: Bậc quân tử bền chí lúc khốn cùng, quân tử càng khốn cùng càng kiên cường; Khổng Minh bắt thả, Khổng Minh thả rồi Khổng Minh lại bắt (Mạnh Hoạch). Nhưng chữ nghĩa ở cả hai vế đều đã bị Nôm hóa, nghĩa cũng khác hẳn đi.

2 Vế này có nghĩa: Thần Nông dạy dân trồng ngũ cốc. Nhưng vế đối lại đối chan chát bằng Nôm; đọc vế đối chẳng có nghĩa gì, nhưng suy ngẫm vẫn có cái gì đó ý tại ngôn ngoại.

tôn vinh là vua câu đối, đặc biệt là câu đối Nôm. Có lẽ kể từ bấy giờ, câu đối đã vượt ra khỏi quy phạm mà đi vào dân gian; ca dao có câu:

Người như cây gỗ xoan đào

Em như câu đối dán vào được chăng

Câu đối đã hoà nhập vào sinh hoạt dân gian đến như vậy.

Nói về cách làm câu đối, đại thể chia làm ba loại:

1. Loại tiểu đối, mỗi vế có bốn chữ trở xuống:

Hoa nghênh hỷ khí;

Điểu xướng xuân quang[1].

2. Loại thi đối (đối thơ), mỗi vế có trên bốn chữ; nếu là năm chữ hoặc bẩy chữ thì câu đối giống hai câu thực hoặc hai câu luận (câu 3, 4 và 5, 6) của thơ Đường luật:

Tổ quốc xuân thường tại

Thần châu nguyệt chính viên[2].

Kiếm một cơi trầu thưa với cụ;

Xin đôi câu đối để thờ ông.

3. Loại phú đối (đối phú), đặt câu theo thể Đường phú. Mỗi vế có năm chữ trở lên, chín chữ trở xuống đặt liền, gọi là phép Song quan (Hai cửa); mỗi vế có hai câu dài ngắn cách ra, gọi là phép Cách cú (Cách câu); mỗi vế có ba đoạn trở lên; đoạn giữa ngắn xen vào giữa, gọi là phép Hạc tất (Gối hạc); ví dụ:

1. Tạc dạ xuân phong nhập hộ;

Kim triêu hỷ khí doanh môn[3].

2. Ngói đỏ lợp nghè, lớp trên đè lớp dưới;

Đá xanh xây cống, hòn dưới nống hòn trên.

---

[1] Tạm dịch: Hoa chào sắc mới; chim ngợi xuân về.

[2] Tạm dịch: Tổ quốc xuân thường có; kinh đô nguyệt đúng tròn.

[3] Tạm dịch: Tối qua gió xuân nhập hộ; Sáng nay vui đến cửa nhà.

Quan chẳng quan thì dân, chiếu trung đình ngất ngưởng ngồi trên, nào lệnh nào trưởng, nào bàn ba, tiền làm sao, gạo làm sao, củi nước làm sao, một năm mười hai tháng thảnh thơi, cái thủ lợn nhìn thấy đà nhẵn mặt:

Già chẳng già thì trẻ, đàn tiểu tử nhấp nhô đứng dưới, này phú này thơ, này đoạn một, hoành là thế, sổ là thế, bằng trắc là thế, ba vạn sáu ngàn ngày thấm thoắt, con mắt gà đeo mãi cũng mòn tai.

Về luật bằng, trắc; loại tiểu đối, chữ cuối vế trên, dưới; bằng, trắc đối nhau; loại thi đối, giống luật thơ; loại phú đối, bằng trắc đối nhau ở chữ cuối đoạn (chữ đậu câu) và chữ cuối vế. Ở phép Cách cú và Hạc tất, chữ cuối vế là bằng thì chữ đậu câu là trắc và ngược lại. Tuy vậy, trong một số đôi câu đối cũng có sự ép vận, đó là loại khổ độc; đọc nghe trục trặc:

Mười mấy khoa còn gì, nhờ trời có phúc có phận;

Năm mươi tuổi thành tài, mừng ông càng dẻo càng dai.

Một đôi câu đối mà chữ cuối cùng vế trên và chữ cuối cùng vế dưới cùng một vần là Thất luật; ví dụ:

Lúa tám gặt chín tháng tám;

Nồi sáu mua năm quan sáu.

Câu đối làm đúng quy cách, chữ cuối vế trên vần trắc; chữ cuối vế dưới vần bằng. Khi treo câu đối, hướng đứng ngoài trông vào chỗ dán câu đối, chữ cuối vế bên tay phải vần trắc, vế kia vần bằng. Nhưng cũng có một số trường hợp, nếu vế trên do người khác ra mà chữ cuối là vần bằng, người buộc phải đối đành phải theo vần ra mà đối; ví dụ:

Ra: Trạng dở hay Trạng nguyên;

Đối: Khách quan hóa khách lạ.

(Chuyện Trạng Lợn)

Ra: Ba sĩ ngồi một kỷ, đội đức đế Nghiêu;

Đối: Một bách xách hai cung, đáng tài phụ bật.

V.v...

Về phép đối, nói chung là bằng, trắc đối nhau; ví dụ: Kim kinh đối là Bảo kệ; Chu sa giới đối là Biến đại thiên; v.v...; ngoài ra, về các loại từ như danh từ đối với danh từ, đại từ đối với đại từ, số từ đối với số từ...; ví dụ: Nhất hoa hiển thụy đối là Ngũ diệp lưu phương, Cành biếc thiếp trông lên đối là Suối vàng chàng thác xuống, v.v...; các câu lấy trong kinh điển đối nhau, thành ngữ, tục ngữ... đối nhau; ví dụ: Thiên tích thông minh đối là Thánh phù công dụng (Tam tự kinh); Xắn váy quai cồng *đối là* Buông quần lá tọa; Lắm kẻ yêu hơn nhiều người ghét đối là Một câu nhịn là chín câu lành, v.v... Đó là nói một cách nôm na, còn trong các sách dạy về phép đối xưa, chúng ta thấy chép một số phép đối như sau: 1. Chính đối. 2. Đích danh đối. 3. Đồng loại đối. 4. Dị loại đối. 5. Liên châu đối. 6. Song thanh đối. 7. Điệp vận đối. 8. Song nghĩ đối. 9. Liên cẩm đối. 10. Hồi văn đối. Tuy vậy, đó chỉ là quy cách để đối cho chỉnh, cho giòn, chọi chan chát; còn làm được đôi câu đối cho hay còn phải là cây bút sắc sảo, uyên bác, điêu luyện, có tâm. Người ta kể rằng, Cử nhân Nguyễn Tử Mẫn, người Ninh Bình, làm Tri huyện ở Hiệp Hòa, Bắc Giang; có hai vợ đều mất, nhưng con trai con gái ông đều đã có con trai. Ông làm đôi câu đối:

Vợ cả vợ hai không vợ cả

Con trai con gái có con trai

Đôi câu đối này được lưu truyền và về sau có dị bản. Lại có chuyện rằng, con trưởng Tiến sĩ Bùi Ân Niên (Bùi Quế) là Bùi Thức, người Châu Cầu, Hà Nam khi sắp đi thi Hương mà đương có tang mẹ; mồng một tháng mười trường Nam thi mà đến ngày mồng năm tháng mười ông mới hết tang. Vậy là không được phép đi thi. Nhưng năm ấy có việc đại sự; triều đình hoãn thi đến ngày mười sáu tháng mười; thế là ông được dự thi. Trước khi đi thi vài ngày lại cưới vợ. Thi Hương năm ấy lấy tám mươi Cử nhân, Bùi Thức đỗ thứ tám mươi, cuối bảng. Nhưng khoa thi ấy (1897), phủ Thống sứ cho đặc cách lấy thêm hai Cử nhân nữa là người của phủ này, bởi vậy ông Bùi được đứng trên

hai người, thoát cảnh đội bảng[1]. Lúc ăn mừng, Yên Đổ (Nguyễn Khuyến) có mừng đôi câu đối:

Thánh thượng diệc lân tài, cống viện trì lai tam ngũ nhật;

Khuê trung ưng phá tiếu, lang quân áp đắc kỷ đa nhân.

(Nhà vua ý thương tài, trường thi hoãn lại năm ba bữa[2];

Cô cử cười vỡ bụng, anh chàng đè được những bao người).

Trong câu đối của Yên Đổ, có nhiều câu hay tuyệt vời; ví như đôi câu đối chữ Hán mừng đám cưới:

Oanh đề phượng ngữ nghênh hoa trướng;

Nhạn vũ loan phi phất cẩm bình[3].

Nếu dịch theo chữ Hán, đôi câu đối này có nghĩa là:

Oanh kêu phượng hót chào trướng hoa;

Nhạn múa loan bay lay bình gấm.

Nhưng cái tài của Yên Đổ là đôi câu đối chữ Hán này lại có thể đọc thành Nôm và nội dung vẫn rất chi là mừng đám cưới:

Bình gấm phất phơ loan mó nhạn;

Trướng hoa nghiêng ngửa phượng đè oanh.

Còn nhiều câu đối khác của Yên Đổ như câu đối mừng cô Tư Hồng, câu đối tặng hàng thịt, câu đối tặng sư móm; câu đối làm giúp vợ thợ nhuộm khóc chồng, vợ thợ rèn khóc chồng, vợ chú Khách không chồng,v.v... đều làm hết sức tài tình.

Đôi câu đối Tú Xương làm tặng cô hàng cau dưới đây cũng là câu hay:

Thiếp vì lòng trắng không thay hạt;

---

[1] Người xưa đi thi, coi hỏng còn hơn đội bảng.

[2] Năm ba là mười lăm; ý nói kỳ thi hoãn lại 15 ngày.

[3] Đôi câu đối này thấy có trong *Nguyễn Khuyến, tác phẩm*; Nxb Khoa học xã hội; Hà Nội; 1984; Tr. 608. Không thấy có ở một số sách khác chép thơ văn Nguyễn Khuyến.

Khách muốn môi son phải mượn mầu.

Đôi câu đối của vua Đồng Khánh làm sau đây cũng nói lên được bối cảnh một thời và được truyền tụng:

Võ tướng tiêu sầu duy hữu tửu;

Văn thần thoái lỗ cánh vô thi.

(Quan võ chỉ biết uống rượu giải buồn;

Quan văn càng không làm nổi thơ lui giặc).

Trên nhiều phương diện, nhiều bối cảnh, nhiều giai tầng khác nhau, câu đối đều có thể tham gia bằng nghệ thuật của mình. Chữ nghĩa câu đối điêu luyện, nội dung miêu tả được nắm bắt một cách tinh nhanh, góc nhìn sắc bén... Tuy vậy, câu đối không phải chỉ giành riêng cho lớp thượng lưu, câu đối cũng rất gần với dân gian. Theo nhiều chuyện kể lại, đặc biệt là chuyện Trạng, việc đối đáp bằng câu đối thường là đối đáp miệng, không viết chữ hoặc không biết viết chữ... Như vậy, câu đối đã trở thành một trong những sinh hoạt văn hóa của nhân dân ta. Câu đối nước ta có đặc sắc riêng; dù là câu đối Hán hay câu đối Nôm; dù là câu rất ngắn hay câu rất dài; qua nội dung và nghệ thuật câu đối, chúng ta có thể tìm hiểu được nhiều vấn đề về lịch sử, văn học, ngôn ngữ... của dân tộc ta.

*

* *

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, tinh hoa di sản văn hóa nước ta đang được tiếp tục phục hồi, với những góc độ khác nhau, việc tìm hiểu và viết câu đối đang là yêu cầu của đông đảo bà con ta. Câu đối có câu đối chữ Hán, câu đối chữ Nôm và câu đối chữ Quốc ngữ; trong bộ sách *3000 hoành phi, câu đối Hán Nôm* này, chúng tôi chỉ giới thiệu câu đối Hán Nôm. Mục đích là giúp thêm cho người muốn tìm hiểu hoặc viết câu đối cổ, có trong tay một số tư liệu thông dụng để tham khảo; ngoài ra, với học sinh, giáo viên, nhà nghiên cứu, người ham thích câu đối..., bộ sách này cũng có thể là sách đọc thêm lúc cần thiết.

Về hoành phi, chúng tôi chưa gặp ở sách nào có hoành phi bằng chữ Nôm, vì vậy chọn 150 bức viết bằng chữ Hán; việc chép lại, phiên âm, không phải là việc khó; nhưng dịch hoành phi thì rất khó, chúng tôi cố gắng dịch ý, mục đích là giúp bà con biết được nghĩa của bức hoành ấy.

Về câu đối chữ Hán, chúng tôi chọn 2600 câu; ở mỗi câu có phần chữ Hán, phần phiên âm và phần dịch nghĩa. Ở phần chép chữ Hán, trừ trường hợp đặc biệt phải hiệu chính, nói chung tôn trọng nguyên bản; phiên âm thì phiên đúng âm thông dụng. Dịch câu đối lại là việc hết sức khó; chúng tôi chọn phương án là câu nào dịch được như số chữ, âm điệu trong nguyên văn mà không mất nhiều ý thì cố gắng bám sát nguyên văn để dịch; câu nào khó dịch qúa thì châm chước số chữ; với câu qúa khó dịch thì đành phải dịch xuôi. Dù đã xoay trở đủ cách, nhiều câu dịch xong vẫn băn khoăn, mất ngủ. Dịch câu đối qủa là hình phạt, nợ vì duyên; nhưng dịch câu đối (cũng như dịch thơ phú) mà câu nào, chữ nào cũng bỏ mặc thể cách cổ điển, đặc thù của thể loại này thì lại cảm thấy việc mình làm là tắc trách; mà thế, công việc cũng nhạt nhẽo, đối phó... Rồi lại nghĩ; viết đối dị, dịch đối nan... Bởi vậy, nếu bạn đọc xem qua phần chữ Hán, phần phiên âm; đến phần dịch mà mỉm cười, vậy là người dịch cũng coi như đã lập công chuộc tội được phần nào rồi vậy.

Về câu đối chữ Nôm, chúng tôi chọn 250 câu. Câu đối chữ Nôm của ta có không ít, nhưng dạng chơi chữ như giai thoại Cô Điểm - Trạng Quỳnh hoặc như câu đối của Tú Xương, Yên Đổ thì nhiều; còn câu đối Nôm ở đình chùa đền miếu, nhà thờ... lại hiếm; vì vậy, xem xét nhiều mặt về việc kết hợp một cách tương đối với yêu cầu của bộ sách này, chúng tôi châm chước tuyển với số lượng nói trên. Bởi số lượng câu đối Nôm tuyển không nhiều, vì vậy không chia theo chủ đề một cách tỷ mỷ; nhưng câu đối Nôm không xếp lẫn vào câu đối chữ Hán, mà để riêng hẳn lên trên, tức phần

II, ngay sau phần Hoành phi. Câu đối Nôm, tất nhiên không phải dịch mà chỉ có việc chép chữ Nôm và viết lại bằng chữ Quốc ngữ. Khi biên soạn câu đối Nôm, việc khó khăn nhất là ở phần chữ Nôm. Chữ Nôm phổ thông[1], một chữ có thể viết theo hai ba cách; vậy trong một bộ sách, các chữ viết khác nhau lấy từ các nguồn khác nhau có nên chỉnh cho thống nhất không? Sau khi bàn bạc, ý kiến chung là với những chữ viết sai hẳn quy cách thì chỉnh lại, còn nữa nên cố gắng giữ theo nguyên bản. Việc chế bản chữ Nôm để đưa in; hiện nay, đây cũng là việc chúng tôi phải đầu tư nhiều tâm sức; nhưng đây là việc thuộc kỹ thuật chế bản, chúng tôi chỉ muốn nói thêm để bạn đọc thông cảm khi gặp một số chữ không như ý; vả chăng nội dung bộ sách này cũng không phải chủ yếu ở phương diện viết chữ.

Để giúp bạn đọc được thuận lợi hơn, phần câu đối chữ Hán, chúng tôi xếp theo 4 chủ đề; 4 chủ đề đó là: I. Câu đối Tết; II. Câu đối về phong cảnh; III. Câu đối về học tập và tu dưỡng; IV. Câu đối mừng và viếng. Tất nhiên, việc xếp theo bốn chủ đề này vẫn là việc xếp ở bình diện rộng; nếu xếp tỷ mỷ hơn, với chủ đề phong cảnh còn có thể chia làm phong cảnh núi sông, phong cảnh đình chùa đền miếu, phong cảnh thiên nhiên...; với chủ đề về mừng viếng có thể chia làm câu đối mừng, câu đối viếng; với câu đối mừng lại có thể chia làm câu đối mừng đám cưới, câu đối mừng thọ nhật, câu đối mừng nhà mới, câu đối mở cửa hàng...; với câu đối viếng lại có thể chia làm câu đối viếng nam, câu đối viếng nữ, tuổi tác... Nói chung, nếu kỹ tính, các chủ đề mà câu đối bao hàm có thể chia làm nhiều tầng lớp, đến mức rất hẹp. Nói thế để chúng ta càng biết thêm nội dung phong phú, đa dạng, sâu xa... của câu đối. Bởi vậy, việc xếp câu đối theo bốn chủ đề lớn của bộ sách này chỉ là việc xếp

---

[1] Ở đây, chúng tôi muốn phân biệt với chữ Nôm các dân tộc ít người.

một cách tương đối; mục đích không ngoài gợi ý cho bà con về cách thức, về ý tưởng trong việc học hỏi để làm, để sử dụng câu đối khi cần thiết.

Để giúp bạn đọc có thể tìm được các hoành phi câu đối một cách nhanh chóng, cuối sách có bảng *Sách dẫn*.

Nhóm biên soạn bộ 3000 hoành phi, câu đối Hán Nôm này có các ông Trần Lê Sáng, Phạm Đức Duật, Phạm Kỳ Nam, Ngô Vương Anh; ông Trần Lê Sáng được nhóm biên soạn ủy nhiệm làm Chủ biên; Ngô Vương Anh làm Thư ký; ông Nguyễn Tất Hòa ở Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin cùng một số vị ở Nhà xuất bản và nhiều bè bạn thân thiết đã hết sức nhiệt tình giúp đỡ. Qua nhiều Xuân thu, nhóm biên soạn đã cố gắng vượt nhiều khó khăn mà có lúc tưởng như không thể vượt qua được, kể cả việc khắc phục hoàn cảnh khó khăn của chính mình, tự vượt lên khả năng mình để làm việc... Nay bộ sách đã được hoàn thành, đóng góp của bộ sách này ra sao, điều đó còn phải chờ ý kiến của người đọc; song điều chúng tôi dám nói, đó là việc chúng tôi đã làm hết sức mình, đã làm với tinh thần chí thành, chí thiện vậy...

Hà Nội, ngày 8 tháng 1 năm 2002

TRẦN LÊ SÁNG



Cơ sở biên soạn

Ảnh: Vương Anh

PHẦN I

HOÀNH PHI

昔 樹 今 花

Tích thụ kim hoa.

Cây xưa hoa nay.

飲 思 源

Ẩm tư nguyên.

Uống nước nhớ nguồn.

光 前 垂 後

Quang tiền thùy hậu.

Làm sáng người trước, để phúc cho người sau.

祖 鞏 孫 培

Tổ củng tôn bồi.

Tổ tiên gây dựng, con cháu bồi đắp.

不 哭 神 傷

Bất khốc thần thương.

Không khóc thần thương.

德 及 梓 里

Đức cập tử lý.

Đức tới quê cũ.

良 師 楷 模

Lương sư khải mô.

Thầy hay khuôn mẫu.

遺訓在耳

Di huấn tại nhĩ.

Di huấn bên tai.

雖死猶生

Tuy tử do sinh.

Chết như còn sống.

万古長青

Vạn cổ trường thanh.

Muôn thở còn xanh.

名遠德高

Danh viễn đức cao.

Tiếng xa đức cao.

駕鶴歸仙

Giá hạc quy tiên.

Xe hạc về trời.

名垂千古

Danh thùy thiên cổ.

Tên lưu thiên cổ.

清白一世

Thanh bạch nhất thế.
Một đời thanh bạch.

母儀天古
Mẫu nghi thiên cổ.
Mẫu nghi muôn thuở.

品高德厚
Phẩm cao đức hậu.
Phẩm cao đức hậu.

百世流芳
Bách thế lưu phương.
Tiếng thơm trăm đời.

痛仰岳尊
Thống ngưỡng nhạc tôn.
Đau nhớ ông nhạc.

桃李望春
Đào lý vọng xuân.
Đào mận mong xuân.

光明磊落
Quang minh lỗi lạc.
Quang minh lỗi lạc.

福 壽 無 量

Phúc thọ vô lượng.

Phúc thọ vô cương.

雙 壽 無 邊

Song thọ vô biên.

Song thọ vô biên.

福 如 東 海

Phúc như Đông hải.

Phúc như biển Đông.

春 秋 不 老

Xuân thu bất lão.

Năm tháng chẳng già.

萱 草 長 春

Huyên thảo trường xuân.

Cây xuân tươi mãi.

壽 衍 千 秋

Thọ diễn thiên thu.

Tuổi thọ ngàn năm.

福 海 壽 山

Phúc hải thọ sơn.

Phúc biển, thọ núi.

人 壽 年 年

Nhân thọ niên niên.

Người thọ lâu năm.

松 鶴 延 年

Tùng hạc diên niên.

Thọ như tùng hạc.

壽 同 松 柏

Thọ đồng tùng bách.

Thọ cùng tùng bách.

人 心 思 富

Nhân tâm tư phú.

Lòng người muốn giầu.

安 居 樂 業

An cư lạc nghiệp.

An cư lạc nghiệp.

万 民 同 樂

Vạn dân đồng lạc.

Muôn dân cùng vui.

山 河 壯 麗

Sơn hà tráng lệ.

Non sông tráng lệ.

鳥 語 花 香

Điểu ngữ hoa hương.

Chim hót hoa thơm.

國 泰 民 安

Quốc thái dân an.

Nước thái dân yên.

興 旺 發 達

Hưng vượng phát đạt.

Hưng vượng phát đạt.

國 富 民 強

Quốc phú dân cường.

Nước giầu dân mạnh.

敬 老 愛 幼

Kính lão ái ấu.

Kính già yêu trẻ.

辭 舊 迎 新

Từ cựu nghinh tân.

Bỏ cũ đón mới.

萬 象 更 新

Vạn tượng canh tân.

Muôn vẻ đổi mới.

風 和 日 麗

Phong hoà nhật lệ.

Trời đẹp gió hoà.

歡 度 春 節

Hoan độ xuân tiết.

Mừng đón tiết xuân.

喜 氣 盈 門

Hỷ khí doanh môn.

Khí lành đầy cửa.

萬 世 師 表

Vạn thế sư biểu.

Tiêu biểu cho đạo làm thầy của muôn đời.

道 冠 古 今

Đạo quán cổ kim.

Đạo này đứng đầu xưa nay.

德 參 天 地

Đức tham thiên địa.

Đức này sáng cùng trời đất.

集 大 成

Tập đại thành.

Thầy là bậc tập đại thành.

福 斯 文

Phúc tư văn.

Làm tốt đẹp nền tư văn.

古 今 日 月

Cổ kim nhật nguyệt.

Đạo lý của Khổng Tử vĩnh hằng như ánh sáng của mặt trời mặt trăng xưa nay.

河 海 標 異

Hà hải tiêu dị.

Thầy ra đời đánh dấu sự thay đổi lớn lao như sông biển.

万 主 象

Vạn chủ tượng.

Tượng vạn chủ.

貝 葉 傳 芳

Bối diệp truyền phương.

Lá bối hương truyền.

和 且 平

Hoà thả bình.

Hoà lại bình.

聯 芳 續 焰

Liên phương tục diệm.

Thơm lâu sáng mãi.

錫胤祚

Tích dận tộ.

Cho nối phúc.

湛露豐襄

Trạm lộ phong tương.

Sương nặng được mùa.

真靈位

Chân linh vị.

Đúng ngôi thiêng.

真宰最靈

Chân tể tối linh.

Đúng quản tối linh.

慈雲遍覆

Từ vân biến phú.

Mây lành che khắp.

根深葉茂

Căn thâm diệp mậu.

Sâu rễ tốt lá.

大哉坤國

Đại tai khôn hạp.

Lớn thay khôn đóng.

(Triết thuyết cổ: Trời mở vào giờ Tý. Đất khép vào giờ Sửu).

並 山 海

Tịnh sơn hải.

Cùng non biển.

依 正 莊 嚴

Y chính trang nghiêm.

Giữ đúng trang nghiêm.

江 山 有 主

Giang sơn hữu chủ.

Giang sơn có chủ.

明 德 遠

Minh đức viễn.

Đức sáng xa.

佛 法 僧 寶

Phật Pháp Tăng Bảo.

Phật Pháp Tăng Bảo.

來 也 遠

Lai dã viễn.

Đến từ xa.

仁為寶

Nhân vi bảo.

Nhân là qúy.

德惟馨

Đức duy hinh.

Đức chỉ thơm.

其間名世

Kỳ gian danh thế.

Trong khoảng danh thế.

革虎炳文

Cách hổ bính văn.

Da hổ rực vằn.

馮家勳將

Phùng gia huân tướng.

Tướng họ Phùng có công.

德始發

Đức thủy phát.

Đức mới phát.

河有源

Hà hữu nguyên.

Sông có nguồn.

天 聖 降 塵

Thiên thánh giáng trần.

Thiên thánh giáng trần.

五 嶺 花 開

Ngũ lĩnh hoa khai.

Hoa nở Ngũ lĩnh.

用 敷 五 福

Dụng phu ngũ phúc.

Bố thí ngũ phúc.
(Phú qúy thọ khang ninh).

洋 乎 如 在

Dương hồ như tại.

Coi như còn đó.

三 界 大 師

Tam giới đại sư.

Đại sư tam giới.
(Dục giới, sắc giới, vô sắc giới).

宛 然 仙 界

Uyển nhiên tiên giới.

Như trên cõi tiên.

佛 化 有 缘

Phật hóa hữu duyên.

Phật hóa có duyên.

洪 福 寺

Hồng phúc tự.

Chùa Hồng phúc.

大 師 在 祀

Đại sư tại tự.

Đại sư ở tế tự.

天 保 九 如

Thiên bảo cửu như.

Trời giữ cửu Như.
(Chúc Chín chữ Như trong *Kinh Thi*).

天 地 合 德

Thiên địa hợp đức.

Trời đất hợp đức.

普 慈 光 炤

Phổ từ quang chiếu.

Phổ từ sáng chiếu.

祥 光 遠 照

Tường quang viễn chiếu.

Ánh sáng lành chiếu xa.

普 德 慈 光

Phổ đức từ quang.

Phổ đức sáng từ.

金 蓮 寶 座

Kim liên bảo tòa.

Bảo tòa sen vàng.

慈 光 譜 度

Từ quang phổ độ.

Ánh sáng từ phổ độ.

天 龍 獻 瑞

Thiên long hiến thụy.

Rồng hiến điềm lành.

護 明 珠

Hộ minh châu.

Minh châu hộ vệ.

德 合 坤 生

Đức hợp Khôn sinh.

Đức hợp Khôn sinh.

光 於 前

Quang ư tiền.

Sáng ở trước.

垂 於 後

Thùy ư hậu.

Rủ đến sau.

德 其 盛

Đức kỳ thịnh.

Đức ấy thịnh.

威 肅 風 雲

Uy túc phong vân.

Gió mây oai nghiêm.

萬 德 圓 彰

Vạn đức viên chương.

Vạn đức sáng đầy.

三 有 祭 胥

Tam hữu tế tư.

Tế tư tam hữu

陳 朝 顯 聖

Trần triều hiển thánh.

Hiển thánh triều Trần.

四 恩 總 報

Tứ ân tổng báo.

Bốn ân đều báo.

揚德建武

Dương đức kiến vũ.

Nêu đức lập uy vũ.

爲百粵祖

Vi Bách Việt tổ.

Là tổ Bách Việt.

桔林植德

Quất lâm thực đức.

Quất lâm trồng đức.

慈雲遍

Từ vân biến.

Mây từ khắp chốn.

顯其光

Hiển kỳ quang.

Tỏ rõ ánh sáng.

涵三极

Hàm tam cực.

Chứa ba cực.
(Trời, đất, người).

洋其上

Dương kỳ thượng.

Mênh mông ở trên.

龍 德 中 正

Long đức trung chính.

Long đức ngay thẳng.

慶 雲 凝 蓋

Khánh vân ngưng cái.

Mây tốt ngưng che.

至 教 眞 如

Chí giáo chân như.

Chí giáo chân như.

仁 慈 廣 大

Nhân từ quảng đại.

Nhân từ quảng đại.

慧 光 照

Tuệ quang chiếu.

Minh mẫn chiếu sáng.

氣 高 星 漢

Khí cao tinh hán.

Khí cao ngân hán.

一 念 即 如 來

Nhất niệm tức Như lai.
Một niềm tin tức Như lai.

超 生 淨 度

Siêu sinh tịnh độ.
Siêu sinh tịnh độ.

上 等 累 嘉 封

Thượng đẳng luỹ gia phong.
Nhiều lần gia phong Thượng đẳng

崇 祠 永 典

Sùng từ vĩnh điển.
Đền tôn nghiêm giữ phép.

玉 祝 太 平

Ngọc chúc thái bình.
Ngọc chúc thái bình.

赫 濯 厥 靈

Hách trạc quyết linh.
Linh thiêng chói lọi.

佛 日 增 輝

Phật nhật tăng huy.
Trời, Phật tăng sáng.

太 極 元 氣

Thái cực nguyên khí.

Nguyên khí thái cực.

神 又 神

Thần hựu thần.

Thần của thần.

望 之 如 雲

Vọng chi như vân.

Ngóng đấy như mây.

聲 振 波 海

Thanh chấn ba hải.

Tiếng rậy biển sóng.

慈 仁 齋 潔

Từ nhân trai khiết.

Nhân từ trinh khiết.

騰 雲 駕 雨

Đằng vân giá vũ.

Đạp mây cưỡi mưa.

萬 古 江 山

Vạn cổ giang sơn.

Non sông muôn thuở.

蓮 座 生 香

Liên toạ sinh hương.

Toà sen sinh hương.

方 便 門

Phương tiện môn.

Cửa phương tiện.

神 格 思

Thần cách tư.

Nghĩ theo phong cách thần.

奉 先 思 孝

Phụng tiên tư hiếu.

Phụng dưỡng trước nghĩ hiếu.

護 法 龍 天

Hộ pháp long thiên.

Long thiên hộ pháp.

美 德 遺 風

Mỹ đức di phong.

Đức tốt nếp còn.

大 慈 大 悲

Đại từ đại bi.

Đại từ đại bi.

慧光遠照

Tuệ quang viễn chiếu.

Trí huệ sáng chiếu xa.

濯濯厥靈

Trạc trạc quyết linh.

Linh thiêng lừng lẫy.

正統水

Chính thống thủy.

Nước chính thống.

並受其福

Tịnh thụ kỳ phúc.

Cùng nhận được phúc.

萬古英靈

Vạn cổ anh linh.

Anh linh muôn thuở.

善慈心

Thiện từ tâm.

Lòng từ thiện.

神功莫測

Thần công mạc trắc.

Thần công khôn lường.

聖智巧功

Thánh trí xảo công.

Khéo công trí thánh.

赫濯聲靈

Hách trạc thanh linh.

Tiếng thiêng lừng lẫy.

慈航普濟

Từ hàng phổ tế.

Thuyền từ cứu giúp.

痛失知音

Thống thất tri âm.

Đau mất tri âm.

教誨銘心

Giáo hối minh tâm.

Lời dạy ghi lòng.

南郊學祖

Nam giao học tổ.

Học tổ Nam Giao.

趙越王祠

Triệu Việt Vương từ.

Đền vua Triệu Việt Vương.

青蓮寺

Thanh Liên tự.

Chùa Thanh Liên.



Đối câu đối bằng chữ Nôm ở Lăng vua Hùng,
đền Hùng (Phú Thọ)

Ảnh: Vương Anh

PHẦN II

CÂU ĐỐI NÔM

教養人才𡶀滝闖祿節
占怚民計坦渃萬芷春

Giáo dưỡng nhân tài, non sông muôn lộc Tết;
Chăm lo dân kế, đất nước vạn nhành xuân.

坦渃䵫塘春海島边疆烰力稚
垌鄉愹景節岃滝洞畊色起蘇

Đất nước rộng đường Xuân, hải đảo, biên cương bừng sức trẻ;
Quê hương vui cảnh Tết, núi sông, đồng ruộng sắc khởi tươi.

節種核坦渃撐蘇沒𦄂𡶀滝披沛節
春掛賣𡶀滝紅𣓍𩁱纏坦渃吨𤈜春

Tết trồng cây, đất nước xanh tươi, một dải non sông phơi phới Tết;
Xuân đổi mới, non sông hồng thắm, trăm miền đất nước rộn ràng Xuân.

淂禮幅貞春坦渃闖紅千紫
熷烰穹景節𡶀滝𩁱色萬年

Lộng lẫy bức tranh Xuân, đất nước muôn hồng ngàn tía;
Tưng bừng khung cảnh Tết, non sông trăm sắc vạn màu,

𢜠節鍊軍雄戰術精通醒灶擱庚𡗶祖國
迍春𤌋將磊排兵布陣機謀防衛坦垌鄉

Mừng Tết luyện quân hùng, chiến thuật tinh thông, tỉnh táo gác canh trời Tổ quốc;

Đón Xuân rèn tướng giỏi, bài binh bố trận cơ mưu phòng vệ đất quê hương.

牌喝結團伯扒喋岃滝共喝
勾詩祝節𢵋招韻坦渃強詩

Bài hát kết đoàn, Bác bắt nhịp núi sông cùng hát;
Câu thơ chúc Tết, Người gieo vần đất nước càng thơ.

民蹺黨全心，兆兆悉民𡏦成意黨
黨肤民無限，千千意黨答應悉民

Dân theo Đáng toàn tâm, triệu triệu lòng dân đúc thành ý Đảng;
Đảng yêu dân vô hạn, ngàn ngàn ý Đảng đáp ứng lòng dân.

�Ể𢆥占產出，經營窖了，儉勤，�Ể𢆥節
罕務磊攑餒，椗林生能，周到，罕務春

Quanh năm chăm sản xuất, kinh doanh, khéo léo, kiệm cần, quanh năm Tết;
Bốn mùa giỏi chăn nuôi, trồng trọt, siêng năng, chu đáo, bốn mùa xuân.

學丐𧵑恈條初共爰𨇒文明現代
除奸貪摳敝難決待踈落後𧸘難

Học cái mới, nhớ điều xưa, cùng vươn tới văn minh hiện đại;
Trừ gian tham, xua tệ nạn, quyết đẩy lùi lạc hậu nghèo nàn.

𡶀𢀲滝𨱽准准𦹵花𠓻會𧵑
民𧵑渃孟𣈜𣈜通牒报信春

Núi rộng, sông dài, chốn chốn cỏ hoa vào hội mới;
Dân giàu, nước mạnh, ngày ngày thông điệp báo tin xuân.

炖沼春術坦渃迍嘲時𢷮𧵑
𢝙慍節𦤾𡽫滝歡喜𣋽庚新

Rộn rã Xuân về, đất nước đón chào thời đổi mới;
Mừng vui Tết đến, non sông hoan hỉ buổi canh tân.

每春沒紆意志工人抗才能𥗐䥚𡽫滝許貝節爰尋𡫡𡒇拵

添春添𡤓思維𠊛㑪禮智慧點𡨸制度哏共春娘𦓡𣪲工程

Mỗi xuân một bền ý chí, công nhân đem tài năng tô đẹp non sông-
Hứa với Tết vươn tầm xa xây dựng;

Thêm xuân thêm mới tư duy, người thợ lấy trí tuệ điểm xinh chế độ -
Hẹn cùng Xuân nâng vóc lớn công trình.

節𦤾與𡎢秩序𢊄坊攝𤯨文明𢜏景節
春𨖲擔保安全村𥮊家庭幸福𫜵情春

Tết đến, giữ gìn trật tự phố phường, nếp sống văn minh vui cảnh Tết;
Xuân sang, đảm bảo an toàn thôn xóm, gia đình hạnh phúc đẹp tình xuân.

𢭂義𣛤於𠁀局戰斗空𨁡沒𨀈
扒志高𠓨陣𨀈長征庄管堆蹎

Mang nghĩa lớn ở đời, cuộc chiến đấu không lùi một bước;
Lấy chí cao vào trận, bước trường chinh chẳng quản đôi chân.

重德貴才坦渃𢜠𢜏𠓨會𡤓
𫜵文孟武𡶀滝𩄲創𤎜𠸗初

Trọng đức quý tài, đất nước mừng vui vào hội mới;
Đẹp văn mạnh võ, non sông tươi sáng rạng ngàn xưa.

勝跡名藍𥊚景強𢞅坦渃
奇山秀水𠰘𢚸決與𡶀滝

Thắng tích danh lam, ngắm cảnh càng yêu đất nước;
Kỳ Sơn tú thuỷ, nhủ lòng quyết giữ non sông.

忠貝渃𢶢獨立自由㐌捨身爲渃
好貝民底𤯩𩛷幸福強篤力爲民

Trung với nước, giành độc lập tự do đã xả thân vì nước;

Hiếu với dân, để ấm no hạnh phúc càng dốc sức vì dân.

迍節盡用閅時准備行妝進赫
惻春濊過試喊產床氣勢𨀈蓮

Đón Tết, tận dụng thời cơ, chuẩn bị hành trang tiến bước;

Mừng Xuân, vượt qua thử thách, sẵn sàng khí thế đi lên.

庯𠓨景節增烰𠱋從古潭沱情坦渃
廊𢲫會春閏喋曲民歌滛㵢義圭鄉

Phố vào cảnh Tết tưng bừng, vở tuồng cổ đậm đà tình đất nước;

Làng mở hội Xuân nhộn nhịp, khúc dân ca dào dạt nghĩa quê hương.

黨英明一墨爲民創率𢲫塘造事業輝煌萬節
民不屈沒𢚸蹺黨堅強進赫抍基圖爍烘𨷈春

Đảng anh minh, nhất mực vì dân sáng suốt mở đường tạo sự nghiệp huy hoàng vạn Tết;

Dân bất khuất, một lòng theo Đảng kiên cường tiến bước dựng cơ đồ rực rỡ muôn Xuân.

青年志𡘯轉岃垃滝進赫𢬗𦲿祺团學磊𠇍𩈘戰勝𩛄難迍節
㜻稚力孟移𡽫垃波決心沒𢚸蹺黨凭傍𢭸銃與𡑖坦渃惻春

Thanh niên chí lớn, chuyển núi lấp sông, tiến bước dưới lá cờ Đoàn, học giỏi làm giầu, chiến thắng nghèo nàn đón Tết;

Tuổi trẻ sức mạnh, dời non lấp biển, quyết tâm một lòng theo Đảng, vững vàng tay súng, giữ gìn đất nước mừng Xuân.

𠦳𢆥記𢘾功恩黨
𨷈課𠶢悁德博胡

Ngàn năm ghi nhớ công ơn Đảng

Muôn thuở nào quên đức Bác Hồ

功德𠦳𢆥記碑𥒥
傳統𨷈𠁀鑿心肝

Công đức ngàn năm ghi bia đá
Truyền thống muôn đời tạc tâm can

幸福自由留𨷈課
共和社會凭𠦳秋

Hạnh phúc tự do lưu muôn thuở
Cộng hoà xã hội vững ngàn thu

民族趍蓮哿渃熷坪會賣
賢才發展𨷈茹歡喜迍春

Dân tộc đi lên, cả nước tưng bừng hội mới;
Hiền tài phát triển, muôn nhà hoan hỷ đón Xuân.

𤯨固道固情春𨷈課順情廊義渃
𢝙爲仁爲義節絆數和意黨𢚸民

Sống có đạo có tình, Xuân muôn thuở thuận tình làng nghĩa nước;
Vui vì nhân vì nghĩa, Tết bền lâu hòa ý Đảng lòng dân.

祖國夵岸春史潭印煰勢渃
江山𨷈萬節花蒼燎咯恩𠊛

Tổ quốc mấy ngàn Xuân, sử đậm in ngời thế Nước;
Giang sơn muôn vạn Tết, hoa thơm toả ngát ơn Người.

文化高學術高亙力𢭲高民智
世紀賣千年賣喝𢚸𢷮賣思維

Văn hóa cao, học thuật cao, gắng sức nâng cao dân trí;
Thế kỷ mới, thiên niên mới, hết lòng đổi mới tư duy.

干部與𡨸正廉奮斗犧牲民幸福乙𥾽格𣘃

人民㤙𠳚勤儉悁命勞動渃繁榮羅自𦹵源

Cán bộ giữ chữ chính liêm, phấn đấu hy sinh, dân hạnh phúc ắt bền gốc rễ;

Nhân dân nhớ câu cần kiệm, quên mình lao động, nước phồn vinh là tự ngọn nguồn.

𡥙招草賢𤎜德前人湧孝義

翁婆卯墨創悉後世攝人慈

Con cháu thảo hiền, rạng đức tiền nhân dòng hiếu nghĩa;

Ông bà mẫu mực, sáng lòng hậu thế nếp nhân từ.

坦渃廣茄終坦越撐膱核獨立

人民坪𪇅凭𡗶南粲爛燭文明

Đất nước mái nhà chung, đất Việt xanh tươi cây độc lập;

Nhân dân nền móng vững, trời Nam sán lạn đuốc văn minh.

坦㥋𧹻塘春𨋤𠒦稚頑搓幸福

劇鄉𢜠𥘀𧶬佳才妸担𢵢將來

Đất vui rộng đường xuân, già khoẻ trẻ ngoan xây hạnh phúc;

Quê hương mừng đời mới, trai tài gái đảm dựng tương lai.

迍春迎抉滌奸貪與凭紀綱除國難

𢜠節𨀈搓𥾽仁義尊高道理重家風

Đón Xuân sang, quét sạch gian tham, giữ vững kỷ cương trừ quốc nạn;

Mừng Tết đến, xây bền nhân nghĩa, tôn cao đạo lý trọng gia phong.

𠰺濁啓沖泣𥹰垤鄉撐滌𪆵

嘟才斗力每纏坦渃孟朝㥋

Gạn đục khơi trong, khắp nẻo quê hương xanh sạch đẹp;

Đua tài đấu sức, mọi miền đất nước mạnh giàu vui.

局𦓿㖠每高跳𠚢塘瞸裙襖𢆥𢅫如貞節

民生𢆥每可趍泣𥾛眀時妝𢚸愜似花春

Cuộc sống ngày mỗi cao, bước ra đường ngắm quần áo mầu đẹp như tranh Tết;

Dân sinh năm mỗi khá, đi khắp nẻo nhìn thời trang lòng vui tựa hoa Xuân.

萬琰浮沙培歷史

𢜠春坦渃㐌𨖲張

Vạn dặm phù sa bồi lịch sử

Mừng xuân đất nước đã sang trang.

與傳統文明作𦢞終情忠貝黨

𡏦家風清歷記𢚸終義孝貝民

Giữ truyền thống văn minh, tạc dạ trọn tình trung với Đảng;

Xây gia phong thanh lịch, ghi lòng trọn nghĩa hiếu với dân.

𢆫高志強高常穿体育養生唯世局論人情㤨廉正勸㖡後世

𠊛擬心庄擬占注修身積德滅内侵除國難𡨸孝忠學習前人

Tuổi cao chí càng cao, thường xuyên thể dục dưỡng sinh, dõi thế cục, luận nhân tình, nết liêm chính khuyên răn hậu thế;

Người nghỉ tâm chẳng nghỉ, chăm chú tu thân tích đức, diệt nội xâm, trừ quốc nạn, chữ hiếu trung học tập tiền nhân.

運渃當𨖲多方化多樣化邦交𡗶自主揚高旗獨立

力民㐌𠢞發展高發揮高内力坦人和造凭勢繁榮

Vận nước đang lên, đa phương hóa, đa dạng hóa bang giao, trời tự chủ dương cao cờ độc lập;

Sức dân đã khoẻ, phát triển cao, phát huy cao nội lực, đất nhân hòa tạo vững thế phồn vinh.

初軒昂蹎鉄𥈽銅戰功餒接戰功禮洳赫絩坪獨立
尼憑䟫肝鐄腋玉潛力增強潛力扰悉崙縒景垤鄉

Xưa hiên ngang chân sắt vai đồng, chiến công nối tiếp chiến công, lấy máu đỏ thêu nền độc lập;

Nay vững trãi gan vàng dạ ngọc, tiềm lực tăng cường tiềm lực, đem lòng son dệt cảnh quê hương.

𠰺風波物𢷀𥚇移輪崙鉄没悉忠貝黨
油浖逾𡶀𤵺湲浒拉矽鐄終腋孝貝民

Dẫu phong ba vật đổi sao dời, luôn son sắt một lòng trung với Đảng;

Dầu sóng gió non mòn biển cạn vẫn đá vàng trọn dạ hiếu với dân.

𠮿辭世紀𠄩进勝敵禍天災坦渃凭傍過試適
嘲迠千年紀賣矇天時地利全民奋振造時機

Giã từ thế kỷ hai mươi, thắng địch họa, thiên tai, đất nước vững vàng qua thử thách;

Chào đón thiên niên kỷ mới, mong thiên thời địa lợi, toàn dân phấn chấn tạo thời cơ.

英俺和順琨招同心相愛相親𡏦家庭坪攝
𨖲𨑜結團軍民一致全心全意拵社會紀綱

Anh em hòa thuận, con cháu đồng tâm, tương ái tương thân, xây gia đình nền nếp;

Trên dưới kết đoàn, quân dân nhất trí, toàn tâm toàn ý, dựng xã hội kỷ cương.

場高𢌌站康妝知識𢲫芒力𠢞增強村箬罒務慆如節
電創坪塘𢲫𢌌文明和入流通發展畊洞迯𢆥𢞂似春

Trường cao rộng, trạm khang trang, tri thức mở mang sức khỏe tăng cường, thôn xóm bốn mùa vui như Tết;

Điện sáng bừng, đường mở rộng, văn minh hòa nhập lưu thông phát triển, ruộng đồng quanh năm đẹp tựa Xuân.

核仁義坟扯調朱𢆥腁梗膱蘿碧
園情傷𡑝搭窣底率𡏧菓𪸯花蕎

Cây nhân nghĩa vun xới đều cho năm tháng cành tươi lá biếc;

Vườn tình thương xây đắp tốt, để suốt đời quả ngọt hoa thơm.

禮民𠹾格一墨爲民黨創啐𢲫塘蓮幸福
蹺黨進蓮萬念信黨民堅強凭北蹓將來

Lấy dân làm gốc, nhất mực vì dân, Đảng sáng suốt mở đường lên hạnh phúc;

Theo Đảng tiến lên, vạn niềm tin Đảng, dân kiên cường vững bước tới tương lai.

與廛惺𢞂旿初扐仁𠹾格
搔㳥役窣𡏧尼重道羅垪

Giữ gìn nết đẹp ngày xưa, lấy nhân làm gốc;

Trau dồi việc tốt đời nay, trọng đạo là nền.

終力稚𦓅𡑝䋞凭繁榮坦渃
順𢚸㚻婚與𢞂膱傳統家庭

Chung sức trẻ già, xây bền vững phồn vinh đất nước;

Thuận lòng chồng vợ, giữ đẹp tươi truyền thống gia đình.

積智積仁柴�𢪏吒𨁈空管辱因沒𢚸爲𤳆稚

㵼德㵼才徒學文學禮庄泥難苦決志𡗶業初

Tích trí, tích nhân, thày dạy chữ, dạy người không quản nhọc nhằn, một lòng vì con trẻ;

Rèn đức, rèn tài, trò học văn, học lễ, chẳng nề gian khó, quyết chí nối nghiệp xưa.

䲥固組𠊛固宗󰞺發展空涓垫民族

渃固源核固檜𤯩文明強怓格種内

Chim có tổ, người có tông, dời phát triển không quên nền dân tộc;

Nước có nguồn, cây có cội, sống văn minh càng nhớ gốc giống nòi.

咦孟平人民䋦歪垃渡

決誓共滝𡶀女渃讎茹

Gì mạnh bằng nhân dân, vá trời lấp biển

Quyết thề cùng sông núi, nợ nước thù nhà

家庭𠄼窣婦女𠀧擔當決沒腋㛪佳𦓅稚

政府罒點解放𠄼條件伶仍唾鋼鍐瑟𡳃

Gia đình năm tốt, phụ nữ ba đảm đang, quyết một dạ gái trai già trẻ;

Chính phủ bốn điểm, giải phóng năm điều kiện, rành những lời gang thép sắt son.

忠貝黨孝貝民任務𫢩共完成苦巾𫢩共越戈几讎𫢩共打得勝

𫢩䟻塘𨕭接北佳英雄喋熱血㛪忠厚輪擔當逞𠄼州𡑝與和平

Trung với Đảng, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh được thắng;

Trước mở đường, sau tiếp bước, trai anh hùng vang nhiệt huyết, gái trung hậu luôn đảm đang, sánh năm châu gìn giữ hòa bình.

奇渃㭲春城市農村紅色曠

全民盃節岗棱峒渡播年花

Cả nước mừng Xuân, thành thị nông thôn hồng sắc nắng;

Toàn dân vui Tết, núi rừng đồng biển thắm mầu hoa.

扡高程度垶功德

𨷑𢌌機開役奉蜍

Nâng cao trình độ nền công đức

Mở rộng cơ khai việc phụng thờ

坦希雄重義威風祫忠勇凍爰𨉟𠠩

𡗶渃越親情創晬㖡德才嚨𠰺拭春

Đất vua Hùng trọng nghĩa oai phong, thờ trung dũng Gióng vươn mình khoẻ;

Trời nước Việt thân tình sáng suốt, chuộng đức tài rồng dậy sức xuân.

坦渃𠓨春𢌌闖乾坤歐亞東西頓𤝞投資春坦渃

圭鄉𢷮買通源造化電塘場站終𢬣搓𢩮買圭鄉

Đất nước vào xuân, rộng cửa càn khôn, Âu Á Đông Tây đón bạn đầu tư xuân đất nước;

Quê hương đổi mới, thông nguồn tạo hóa, điện đường trường trạm chung tay xây dựng mới quê hương.

道義𤎜𨤔沖固祖固先念珍重眧衛過去

文明燸燭創爲昆爲招跳㒡平向細將來

Đạo nghĩa rọi gương trong, có tổ có tiên, niềm trân trọng nhìn về quá khứ;

Văn minh soi đuốc sáng, vì con vì cháu, bước vững vàng hướng tới tương lai.

欣𣦮𢇫春過固黨引唐民族越仰頭拱𦊚渡
外𠄼森秋意伯胡枳𨀈渃𡽫鴻㶲𩈘買𠄼洲

Hơn bẩy chục xuân qua, có Đảng dẫn đường, dân tộc Việt ngẩng đầu cùng bốn biển;

Ngoài năm lăm thu ấy, Bác Hồ chỉ lối, nước non Hồng rạng mặt với năm châu.

𢲫闧世界同情𢭲技藝底𣹓𣼽公益
𢷮買全民終𢧚拱施嘟𫐶𦬆𡛔人才

Mở cửa, thế giới đồng tình, góp kỹ nghệ để dồi dào công ích;

Đổi mới, toàn dân chung sức, cùng thi đua nên nẩy nở nhân tài.

議決黨𤈜唐終𢧚終𢚸𡏦坦渃輝煌𨷈𩯀𢢆
江山民𠫾主𢬣𣘃𢬣銃𡨹邊疆𠎬𡾵萬務春

Nghị quyết Đảng soi đường, chung sức chung lòng xây đất nước huy hoàng muôn vẻ đẹp;

Giang sơn dân làm chủ, tay cày tay súng, giữ biên cương vững chãi vạn mùa xuân.

𡽫滝統一坦渃和平𢀭人義𢢆文明𩈘印㖪蹺𠰘伯
祖國光榮家庭幸福創良心𩈣道德孝中𡨹援情民

Non sông thống nhất, đất nước hòa bình, giầu nhân nghĩa, đẹp văn minh, gương mẫu vâng theo lời Bác;

Tổ Quốc quang vinh, gia đình hạnh phúc, sáng lương tâm, tròn đạo đức, hiếu trung giữ vẹn tình dân.

初袄𩄲旗桃𢶒強暴𢬭𡽫滝事業豪雄民大義
尼𨁪銅𣛟鏁勝侵陵𡏦獨立功勞偉大黨前鋒

Xưa áo vải cờ đào, diệt cường bạo, dựng non sông, sự nghiệp hào hùng dân đại nghĩa;

Nay chân đồng vai sắt, thắng xâm lăng, xây độc lập, công lao vĩ đại Đảng tiền phong.

紀元春每精花調發露拾份建設𡋂鄉

大會𠃩𠊛才德得進身終𢵰振興坦渃

Kỷ nguyên Xuân, mọi tinh hoa đều phát lộ, góp phần kiến thiết quê hương;

Đại hội Chín, người tài đức được tiến thân, chung sức chấn hưng đất nước.

祖國噌呼會買渃𨀈唐趍糈跢闌方佳調𥚄

𡶀滝𥒥𠎬坪𢧚崇文尚武堞拱萬𣊾曲歌春

Tổ quốc tưng bừng hội mới, nước bước đường đi, vai sánh muôn phương giai điệu trẻ;

Núi sông bền vững nền xưa, sùng văn thượng võ, nhịp cùng vạn thuở khúc ca xuân.

𠀧进𢆥安眈葩亭𡧲𢚸𢬣包𦨻𦊚渡

𠤩𠃩𢆧𥘀𢚸祖國𦹳燭紅熄創𠄼洲

Ba mươi năm an giấc Ba Đình, trái tim lớn bao quanh bốn biển;

Bẩy chín tuổi nặng lòng Tổ Quốc, ngọn đuốc hồng rực sáng năm châu.

唐𨆢黨創𤏬𡏦祖國鮮花㥝錦

𢚸𢚸民忠義𢬣務春𤾓色𠦳香

Đường lối Đảng sáng ngời, xây Tổ Quốc tươi hoa đẹp gấm;

Tấm lòng dân trung nghĩa, dựng mùa xuân trăm sắc ngàn hương.

頓春坦渃妟花𢵋闌青平摳毒害爲孟𩂟𤈜細

𢜠黨圭鄉𢷮買摡源勤儉搣艱貪扠饒對進蓮

Đón Xuân đất nước nở hoa, mở cửa thanh bình, xua độc hại, vì mạnh giầu vươn tới;

Mừng Đảng quê hương đổi mới, khơi nguồn cần kiệm, diệt gian tham, xoá nghèo đói tiến lên.

盃節青平願𢠩拭𡏦圭鄉𢀭㥼
𢜠春鮮𥟈𠡚點穌朱嫩渃錦花

Vui Tết thanh bình, nguyện dốc sức xây quê hương giàu đẹp;

Mừng Xuân tươi thắm, gắng điểm tô cho non nước gấm hoa.

摜𤈜嚛𬏑盃節笘廊恩革命
電燸創𨷯頓春𦓅𥘷怓伯胡

Máy nổ vang đồng, vui Tết xóm làng ơn cách mạng;

Điện soi sáng ngõ, đón Xuân già trẻ nhớ Bác Hồ.

坦壒𤽸𬏑𢲫埯徐鬔昆渃𤽸
核嫩碧菉怯株待𠺙細蔓精

Đất ải trắng đồng, mở luống chờ bơm con nước trắng;

Cây non biếc lộc, khép chồi đợi nhú tí mầm xanh.

𡲈幅帳春𤞼䏾𪃿蘇應意𡞕
題㘃對節芌𢪏穭卒㥼情𫯳

Vẽ bức tranh Xuân: lợn béo gà to ưng ý vợ;

Đề câu đối Tết: khoai sai lúa tốt đẹp tình chồng.

穭𠩌牟𩇢𬏑𬏓每沔當𢷮買
花墱色𥟈圭鄉𨷈裊頓𢜠春

Lúa trải mầu xanh, đồng ruộng mọi miền đương đổi mới;

Hoa dâng sắc thắm, quê hương muôn nẻo đón mừng xuân.

妥願伯胡民渃𠄩沔盃沒節
進蹺旗黨㟔滝閿踸倈𠦳秋

Thoả nguyện Bác Hồ, dân nước hai miền vui một tết;
Tiến theo cờ Đảng, non sông muôn dặm vững nghìn thu.

掙獨立自由沒繲㟔滝盃統一
蓮主義社會𠄩沔坦渃㦒將來

Giành độc lập tự do, một giải non sông vui thống nhất;
Lên chủ nghĩa xã hội, hai miền đất nước đẹp tương lai.

民族英雄合㓡勝連𠄩帝國
㟔滝錦紌終拪搓掙沒基圖

Dân tộc anh hùng, hợp sức thắng liền hai đế quốc;
Non sông gấm vóc, chung tay xây dựng một cơ đồ.

長山岃高長沙島𡮈自低細帝坦墆些閿𥘀援全
墘牟罷曠諒山棱𡍚外北𥪝南㟔渃𠦳𡗉統一

Trường Sơn núi cao, Trường Sa đảo nhỏ, từ đây tới đó, đất đai ta muôn thuở vẹn toàn;
Cà Mâu bãi rộng, Lạng Sơn rừng dày, ngoài Bắc trong Nam, non nước cũ ngàn đời thống nhất.

世界啲和平𦲿燭𠄼洲燶熱頓
家庭盃幸福花春閿朶吵嗷𦹳

Thế giới chuộng hòa bình, ngọn đuốc năm châu nồng nhiệt đón;
Gia đình vui hạnh phúc, hoa xuân muôn đóa ngạt ngào thơm.

幸福家庭昆悼㛪賢孝敬順和𡍚攝正
榮光社會民信黨㤇儉勤廉正𦛌𧹻沖

Hạnh phúc gia đình: con thảo, vợ hiền, hiếu kính thuận hoà, nền nếp chính;

Vinh quang xã hội: dân tin, Đảng cậy, kiệm cần liêm chính, tấm gương trong.

英𢜠春𩵜渃鴶𡗶㳥波動牌歌海島
𡛔頓節䔲核花岃蘿棱飛𠴓咭邊疆

Anh mừng Xuân: cá nước chim trời, sóng biển động bài ca hải đảo;

Em đón Tết: lộc cây hoa núi, lá rừng bay tiếng hát biên cương.

節𦥃𩈘買嘲咍𢺺咭噌呼茹文化
春迦𢝙盃影㦖旗𢚸熄炤𢶒通信

Tết đến: phim mới, chèo hay, múa hát tưng bừng nhà văn hóa;

Xuân sang: hành vui, ảnh đẹp ,cờ băng rực rỡ cụm thông tin.

頓節𤎜㶘電創唐通夏倘舖坊立吏紀綱
𢜠春㸌炤花鮮𨷯𢹿茹盃廊箈𦇒情團結

Đón Tết, lung linh điện sáng, đường thông, hè thoáng, phố phường lập lại kỷ cương.

Mừng Xuân, rực rỡ hoa tươi, ngõ sạch, nhà vui, làng xóm thắm tình đoàn kết.

核德園人准准𢫈㭱䔲萬節
昆賢招𢠩茹茹垓𢫝福𨷈𢆥

Cây đức vườn nhân, chốn chốn vun trồng xanh vạn tết.

Con hiền cháu thảo, nhà nhà gây dựng phúc muôn năm.

𢜠春抵盃深耕能率爰蓮欣計劃
盃節增強管理精神捉細㵢指標

Mừng Xuân đẩy mạnh thâm canh, năng suất vươn lên hơn kế hoạch;
Vui Tết tăng cường quản lý, tinh thần xốc tới vượt chỉ tiêu.

盃節決空底𥢆𣘈摡𨇍
㦖春𢯰𠫾朱穭卒蘇𡗉

Vui Tết, quyết không để mạ già cấy chậm;
Mừng Xuân, gắng làm cho lúa tốt bèo nhiều.

畊券產穭𩇢姉農民施𨀈㦖𢇴黨
廠巴歌撰趨英工人產出惵悉民

Ruộng khoán sẵn lúa xanh, chị nông dân thi đua mừng tuổi Đảng;
Xưởng ba ca máy chạy, anh công nhân sản xuất đẹp lòng dân.

噉抙噉𠫾𢶢𨀏疴品質
自批自㧡㦖𢭮買思維

Dám nghĩ, dám làm, chống xói mòn phẩm chất;
Tự phê, tự sửa, mừng đổi mới tư duy.

民羅椥椥固卒蘿梗買卒
渃固源源𣻆沖滝瀝拱沖

Dân là gốc, gốc có tốt lá cành mới tốt;
Nước có nguồn, nguồn mà trong sông lạch cũng trong.

盃節獨立自由闗睞恾恩𠊛指𡓃
㦖春和平統一沒念信想黨𢬣唐

Vui Tết độc lập tự do, muôn thuở nhớ ơn Người chỉ lối;
Mừng Xuân hoà bình thống nhất, một niềm tin tưởng Đảng đưa đường.

坦渃㦖春春𢇴買

家庭頓福福𨱽𤯩

Đất nước mừng Xuân, xuân trẻ mãi;

Gia đình đón phúc, phúc dài lâu.

柴吣𡨸徒學懺盃節𠫾蹺咥伯吣

學㐌咍行吏卒悀春恾𠹾役場交

Thầy dạy giỏi, trò học chăm, vui tết làm theo lời Bác dạy;

Học đã hay, hành lại tốt, mừng xuân nhớ trọn việc trường giao.

傳見識引文章向業造才能爲利益𤾓𢆥唭咥伯

練語言溫道理改革煉意志𡨸尊師𨷈𣇞恾功柴

Truyền kiến thức, dẫn văn chương, hướng nghiệp tạo tài năng, vì lợi ích trăm năm vâng lời Bác;

Luyện ngữ ngôn, ôn đạo lý, cải cách rèn ý chí, chữ tôn sư muôn thuở nhớ công thầy.

刬尒俺奸𥮊筆拯披弓捥𣕭

𨁦包饒道昆船輪㑲𢬣兢帆

Đâm mấy thằng gian, ngòi bút chẳng bẻ cong uốn vẹo;

Chở bao nhiêu đạo, con thuyền luôn vững lái căng buồm.

𩌂𧛊踏迎𠀧帝國

棍櫳𢫘㑲沒基圖

Giày vải đạp nghiêng ba đế quốc;

Gậy song chống vững một cơ đồ.

坦越㷡志英雄祖國記功如𣷷奇

滝蒲𤎜名烈士人民作腋似𡽫高

Đất Việt ngời chí anh hùng, Tổ Quốc ghi công như biển cả;

Sông Bồ sáng danh liệt sĩ, nhân dân tạc dạ tựa non cao.

恩黨先鋒革命𡏦𢧚𡋂自主
福茹厚待和平立吏闈榮光

Ơn Đảng tiên phong, cách mạng xây nên nền tự chủ;

Phúc nhà hậu đãi, hoà bình lập lại cửa vinh quang.

𦊚𠦳𢆥渃𦹵當局𢷮𢧚旗寔業𪔠新民𢧲𢡞𢹌沒梗江山𤈜固𡗉眞𢚸拱拖

𦒹𨑮𢇆身𦓅包番險阻志愚公魂精衛疠𤸊𫩊姅𣋁湄𩙍蚕雖𠹾肆𣳮群紅

Bốn nghìn năm nước cũ, đương cuộc đổi thay, cờ Thực nghiệp, trống Tân dân, may mắn sao một gánh giang sơn, rết có nhiều chân, mừng cũng đã;

Sáu mươi tuổi thân già, bao phen hiểm trở, chí Ngu Công hồn Tinh Vệ, đau đớn nhẽ nửa đêm mưa gió, tằm tuy rút ruột vẫn còn vương.

(Câu đối của Bạch Thái Bưởi viếng Phan Chu Trinh)

𩆐𩅜𠺱無情𡗶兜𡛔𢺺些庄𠄼𨑮𢆥魂渃吏魂茹鍾𢫝𪔠㨢仍約自由羅幸福

𡶀滝終梗𥗐埃乃拱如翁奇外𨑮𪿒㗂歌連㗂哭𩄲和𩙍順群懞不死意精神

Sấm sét khéo vô tình, trời đâu nỡ giết ta chăng, mấy mươi năm hồn nước lại hồn nhà, chuông gióng trống rung, những ước tự do là hạnh phúc;

Non sông chung gánh nặng, ai thấy cũng như ông cả, ngoài mười dặm tiếng ca liền tiếng khóc, mưa hoà gió thuận, còn mong bất tử ấy tinh thần.

(Học sinh trường Thuận Hoá viếng Phan Chu Trinh)

𠻀餒𡗶坦拯傷𠊛志士𱐬𢚸拼域權民朱𡶀渃𢲫𢲣眉𩈘

嘆喂江山群少𩈘英雄𥚄埃𢗼算役渃底彈昆𤛠仍疠𢚸

Ngán nỗi trời đất chẳng thương người chí sĩ, hết lòng bênh vực quyền dân cho non nước mở mang mày mặt;

Than ôi! giang sơn còn thiếu mặt anh hùng, lấy ai lo toan việc nước để đàn con luống những đau lòng.

(Đồng bào bái viếng cụ Phan Chu Trinh)

瞞瞠眊夢㥋㵋渰姉媘碎㐌別之兜市主市民市權渃市
權𠐞恘固先生才操略
陳濁𦛌身爲社會神聖𣋁枚𥘀群悏固坦固𡗶固魂吒固
魂媄𥖑份恨死𦛿冰傾

Mơ màng giấc mộng tủi non sông, chị em tôi đã biết chi đâu, nào chủ, nào dân, nào quyền nước nào quyền người, nhờ có tiên sinh tài thao lược;

Trằn trọc tấm thân vì xã hội, thần thánh trước mai sau còn nhớ, có đất, có trời, có hồn cha có hồn mẹ, nặng chia hận tử dạ bâng khuâng.

(Nữ sinh Quảng Nam viếng Phan Chu Trinh)

聖神搖動𧼋𢆥𢆫尒固悲𣇞𩙌砱𩅹匝湄沙怯幅先知𡗶女芳
國家興運哂沒𠐞共空掙𡎢𠸟嗲渃愁吉培疠𢚸後輩渡群猪

Thánh thần dao động, trải nghìn năm mới có bây giờ, ngẩn ngơ gió táp mưa sa, khép bức tiên tri trời nỡ thế;

Quốc gia hưng vận, dẫu một người cũng không tránh khỏi, ngao ngán nước sầu cát bụi, đau lòng hậu bối biển còn chờ.

(Học sinh trường Kỹ nghệ viếng Phan Chu Trinh)

进森𢆫𣋁𧡊具於低劍野蠻𠀧梵稽頭慷慨尒𠳨𡗶坦証
明𢚸鐵石
尒兆同胞䏾具衛渃臺文化姅澄搓𢮿𩅹湄沒陣渃㵋滇
潴渋桑滄

Mười lăm năm trước thấy cụ ở đây, kiếm dã man ba thước kề đầu, khảng khái mấy lời, trời đất chứng minh lòng thiết thạch;

Mấy triệu đồng bào trông cụ về nước, đài văn hóa nửa chừng xoay xở, gió mưa một trận, nước non chan chứa giọt tang thương.

(Ký lục Võ Liêm Sơn viếng cụ Phan Chu Trinh)

𠃣𨒒𢆥𣎃波邊𡗶彙熾𢚸孤忠達爲渃𡎝爲民精神沕浪
𢘾滝𡶀越

㐌𡗉課摳鍾搈𤻻𣾼催魂故國𦋦合悉𨅹合𠂆事業停付
托招𤝞鴻

Mấy mươi năm góc bể bên trời, vằng vặc tấm cô trung, trên vì nước, dưới vì dân, tinh thần vẫn lắng lo sông núi Việt;

Đã nhiều thuở khua chuông rung trống, sục sôi hồn cố quốc, trước hợp lòng, sau hợp sức, sự nghiệp đành phó thác cháu con Hồng.

(Nữ sĩ Đạm Phương viếng cụ Phan Chu Trinh)

精神𣩂鄧能空𣎃𢆥乙丑𠊛𢪀吏𣎃𠄩丙寅𠰺台滝陀群
𣼽𡶀陀群𩄲翁𡝕𠫾兜恩渃沕群悉鐵石

心血𤯩埃拱𠇍𠊛准南圻𢘽𢢯吏𠊛京城化終奇𡗶越羅
坦媄魂𨖲衛𡛔傷昆坤𪿒𤀖山河

Tinh thần chết đặng hay không, tháng năm Ất Sửu sao ngờ lại tháng hai Bính Dần, ngán thay sông Đà còn sóng, núi Đà còn mây, ông nỡ đi đâu, ơn nước vẫn còn lòng thiết thạch;

Tâm huyết sống ai cũng thế, người chốn Nam Kỳ chắc nghĩ lại người kinh thành Huế, chung cả trời Việt là cha, đất Việt là mẹ, hồn vừa về đó, thương con khôn dặm dọt sơn hà.

(Nam sinh Quảng Nam viếng cụ Phan Chu Trinh)

𠄩𠄻兆同胞𠊛𦓅𠊛𥘷𠊛眞䟻眜𥊚𢯏𧆄𠫾兜𠸦具具徹
𢚸肆𦛌

𦓡𠚢𢆥祖國尼𡶀尼滝尼錢棱鉑波响魂衛𠽄𠹾𡗶𡗶固
摞頭庄

Hai nhăm triệu đồng bào, người già người trẻ, người chân chậm mắt loà, mang thuốc đi đâu, thưa cụ cụ xiết đau ruột lắm;

Bốn nghìn năm Tổ quốc, này núi này sông, này tiền rừng bạc bể, hú hồn về chửa, hỏi trời trời có ngoảnh đầu chăng?

(Nhà thương Huế viếng cụ Phan Chu Trinh)

功恩黨䶃秋吻怓
德博胡閫課空𠱋

Công ơn Đảng nghìn thu vẫn nhớ;

Đức Bác Hồ muôn thuở không quên.

渃獨立民自由幸福䶃𢆥坦越
景巴圻垺統一和平閫課𡗶春

Nước độc lập, dân tự do, hạnh phúc nghìn năm đất Việt;

Cảnh ba kỳ, nền thống nhất, hoà bình muôn thuở trời xuân.

武略煉雄兵綠水䶃秋䛊史越
文才謀上將白藤沒陣勝軍元

Vũ lược luyện hùng binh, Lục Thủy nghìn thu ghi sử Việt;

Văn tài mưu thượng tướng, Bạch Đằng một trận thắng quân Nguyên.

陵寢自𢆥市岃傘滝洮嶺渃拉乖衛坦祖
文明當唄買混鴻招貉種㑏群别怓墓翁

Lăng tẩm tự năm nào, núi Tản, sông Thao, non nước vẫn quay về đất Tổ;

Văn minh đương buổi mới, con Hồng, cháu Lạc, giống nòi còn biết nhớ mộ Ông.

进貝科群咦如𡗶固福固份
𢆥进辫成才懞翁強眇強夷

Mười mấy khoa còn gì, nhờ trời có phúc có phận;

Năm mươi tuổi thành tài, mừng ông càng dẻo càng dai.

穭糁秈炒腨四
坬四摸觪貫䢺

Lúa tám, gặt chín tháng tư

Nồi tư, mua năm quan sáu

最巴进怯翻乾坤搦秩吏矯魔王拸鬼䞧
㬇初沒拼杆造化𦑃䋥罶朱少女連春衛

Tối ba mươi, khép cánh càn khôn, ních chặt lại kẻo ma vương đưa quỷ tới;

Sáng mồng một, lỏng then tạo hóa, mở toang ra cho thiếu nữ rước xuân về.

連官𢖖民𠊚朱連順𢖖和𢫆几胅欣𢦞𠊛㤕
𠊛廊𡧲底貴乎外淹𡧲㕭沒勾忍羅炒勾怜

Trên quan dưới dân, sao cho trên thuận dưới hòa, lắm kẻ yêu hơn nhiều người ghét;

Người làng trong họ, quý hồ ngoài êm trong ấm, một câu nhịn là chín câu lành.

坦庄沛㚢扰改舌䯊𥢅鄧
圣麻𣩂婚試耽肝肆婚𪂉

Đất chẳng phải chồng, đem gửi thịt xương sao đặng;

Trời mà chết vợ, thử xem gan ruột mần răng.

𫏾共想秦晉沒茄盃份薄沛㤇坦客
市固別北南堆我扰挭鐄趍堵滝吳

Trước cũng tưởng Tần Tấn một nhà, vậy phận bạc phải nhờ đất Khách;

Nào có biết Bắc Nam đôi ngả, đem gánh vàng đi đổ sông Ngô.

𠓨固少之錢扰沒𠀧貫空沛義

迦空辰共薄規𦋦𠃣拧噲羅情

Giầu có thiếu chi tiền, đem một vài quan không phải nghĩa;

Sang không thì cũng bạc, kiếm năm ba chữ gọi là tình.

閫齋禪娘似渚包数喋扛師吣經偈煵香搭畑抵嗯願仍矇師孟劲
塘淨渡車概辄丿祝鍾㪍尾抵廚塵尾抉花墱菓供㕵房女底尾諸𩛂

Cửa trai thiền nương tựa chửa bao lâu, dịp dàng sư dạy, kinh kệ sư rèn, hương thắp đèn khêu, khấn nguyện những mong sư mạnh khoẻ;

Đường tịnh độ xa khơi nên phút chốc, chuông trống vãi khua, chùa chiền vãi quét, hoa dâng quả cúng, sớm khuya nỡ để vãi chơ vơ!

𨕭核固花𤳆核固花翁榮花倅探花書曰重華此之謂也
外𡑝固杜𥪝茹固杜𢜝悶杜些朱杜詩曰杕杜不其然乎

Trên cây có hoa, dưới cây có hoa, ông vinh hoa, tôi thám hoa,
Thư viết: Trùng Hoa thử chi vị dã;

Ngoài sân có đỗ, trong nhà có đỗ, ngươi muốn đỗ, ta cho đỗ,
Thi viết: Đễ Đỗ bất kỳnhiên hồ!

㐌卒減插醜調欣窣磊
貴乎順眛𥾽𠫾吏派𦂽

Đã chót nhúng +ay, xấu đều hơn tốt lỏi;

Quí hồ thuận mắt, thắm lắm lại phai nhiều!

(Vịnh nghề nhuộm)

姑盧姑祿渥
趾蓮趾𤳆蜂

Cô lô cô lốc, ốc...

Nhẩy lên nhẩy xuống, ong...

(Trạng Quỳnh vịnh Đồng cô)

半行𠸜客客𢖵茹行茹行空𢖵客
會𢄂𢭝𠊛𠊛𠭤𫜵貼貼庄𠭤𫜵𠊛

Bán hàng chiều khách, khách nhớ nhà hàng, nhà hàng không nhớ khách;

Họp chợ lấy người, người làm nên của, của chẳng làm nên người.

(Nhà hàng)

妾爲𢚸𤽸空台粒
客悶𠰘𤀜沛㩫牟

Thiếp vì lòng trắng không thay hạt

Khách muốn môi son phải mượn mầu

(Tú Xương vịnh cô hàng cau)

江山繓來堆𡑝叩
文武扰𦋦𠬠曲琴

Giang sơn tóm lại đôi sân khấu

Văn vũ đem ra một khúc cầm

(Cụ Nghè Nguyễn Quý Tân tặng cụ Thượng Nguyễn Công Trứ)

𢲫𢹿乾坤固𦋦𢬣買別
𦋦𠓨相將試𥆾眜麻𥋳

Mở khép càn khôn có ra tay mới biết

Ra vào tướng tướng thử liếc mắt mà coi

(Nguyễn Hữu Chỉnh)

𩙍𢭲墻昂𦡟𩙍坂
𦡟瞒闌𠾕眜𦡟𠢞

Gió tựa tường ngang lưng gió phẳng

Trăng nhòm cửa sổ mắt trăng vuông

坦悉淩泮補添渃
岃悸歪迎拖扤霔

Đất e biển cạn bù thêm nước
Núi sợ trời nghiêng đỡ lấy mây

沒𠀧旬𥓶𥗾扤𠔦惱課糬固蜍之聖醞
𠀧进𦒹傘鐄辰共盃術𢚸空禮降神𥺊

Một và tuần chén trắng lấy làm vui, thuở trước có thờ chi thánh rượu;
Ba mươi sáu tàn vàng thì cũng vậy, về sau không lễ giáng thần cơm.

(Phạm Thái tự vịnh)

翁老庄别之文打虐册眈洓𩛂𣳔萬固固空空𠯇
仉批楊空芮蹭
將士瞶共卒車咹連砲𥇌跬騎𥮋象昂昂育育妒𠊛騎馬
𠸦𦓡𢬣

Ông lão chẳng biết chi, văn đánh ngược, sách xem xuôi, giàu tám vạn, có có không không, dẫu kẻ bắc thang không nối gót;
Tướng sĩ coi cũng tốt, xe ăn liền, pháo nhẩy vọt, cưỡi bốn tượng, ngang ngang dọc dọc, đố người kỵ mã dám ra tay.

(Vịnh đánh tổ tôm)

渃瀧遼汀魰嗒魰
歪曞熾熾𠊛繂𠊛

Nước trong leo lẻo cá đớp cá
Trời nắng chang chang người trói người

(Cao Bá Quát)

讀𠀧槑𦒹进卷經庄神聖佛仙仍恪俗
台𣳔萬𧶭司墨偈空群臣父子𡛔𦓡𠊛

Đọc ba trăm sáu mươi quyển kinh, chẳng thần thánh phật tiên nhưng khác tục;

Hay tám vạn ngàn tư mặc kệ, không quân thần phụ tử đếch ra người.

(Nguyễn Công Trứ)

𩙍眷𦲿核核眷𩙍
𦝄𢭲𡌿渃渃𢭲𦝄

Gió quyến ngọn cây, cây quyến gió;
Trăng lồng đáy nước, nước lồng trăng.

𢭸𢬣貝試𡗶高𡶀
躇距𢵰眈坦𥿁𨱽

Giơ tay với thử trời cao thấp;
Xoạc cẳng đo xem đất ngắn dài.

(Hồ Xuân Hương ngã tự vịnh)

扱古鏡𦋦尋𢭯𣋝
插殘衣耒底𠵯唏

Đập cổ kính ra tìm lấy bóng;
Xếp tàn y lại để dành hơi.
(Nguyễn Gia Thiều vịnh góa phụ)

狀元糁𢆫𦹳𤳆越
使事𨒒𢆥𤇊坦吳

Trạng nguyên tám tuổi thơm người Việt;
Sứ sự mười năm khét đất Ngô.
(Vịnh sách *Phạm Công Cúc Hoa*)

得辰撝輸辰趂怙症英雄苦
咹扒課於扒辰𣉹𤳆些如落

Được thì vơ, thua thì chạy, ghét chứng anh hùng rơm;
Ăn lấy thuở, ở lấy thì, coi người ta như rác.
(Vịnh đánh bạc)

沒隻柑槺蹎固帝
𠀧瑗釲鏉跳辰王

Một chiếc cùm lim chân có đế
Ba vòng xích sắt bước thì vương

𠰺古鶶䚢榜空𠸛𡗶坦咳文章𨑜渡
𨇒頭鷗衎茄噲婚媄嫗㖫錢粘蓮𡗶

Nghển cổ cò, trông bảng không tên, trời đất hỡi, văn chương xuống biển;
Lủi đầu cuốc, về nhà gọi vợ, mẹ đĩ ơi, tiền gạo lên trời!

印如草木𡗶南來
扰𡤓山河坦北䢚

In như thảo mộc trời Nam lại,
Đem cả sơn hà đất Bắc sang.
(Bà Huyện Thanh Quan vịnh chén uống trà)

𠚢𢬣扲杆炊𤃠渃
唅𤌋噴𩄲瀝埮塵

Ra tay cầm cán sôi trong nước,
Ngậm khói phun mây sạch bụi trần.
(Cao Bá Quát vịnh điếu cầy)

攝蔞悁颾鯨核猑招娘𡚦為墖
役渃𠚢𢬣轉鉢北南兜底來行

Nếp giầu quen thói kình cơi, con cháu nương nhờ vì ấm;

Việc nước ra tay chuyển bát, bắc nam đâu đấy lại hàng.
(Lê Thánh Tông vịnh hàng nước)

固疾秩命救病如救火
𠛣栖哈𦳢𠫾福如𠫾𠁀

Có tật giật mình, cứu bệnh như cứu hoả;
Đứt tay hay thuốc, làm phúc như làm giầu.

丐鴣𨅸沫坡滝𢭮吧餒𡥵麻化實
𦊚鳳噤嵬𣷭冰傾緣姉吏徐底

Cái cò lặn lội bờ sông, rủ rỉ nuôi con mà hoá thực;
Gối phượng ngậm ngùi dưới suối, bâng khuâng duyên chị lại từ đây.
(Tú Xương viếng ông hàng xóm có vợ cả mất, vợ sau làm hàng xáo)

纀蹎騏驥揸𠚢𥱬
𢭲腪桑蓬呂女飵

Trói chân kỳ ký tra vào rọ
Rút ruột tang bồng trả nợ cơm

姉𡛔咳𠀧进𢆥𡗋东西南北𦊚方𡗶兜共凌名公子壳
𡗶坦吥𠄻𠬠番尼女插弓劍琴書𠚢𠬠𢬣𠫾朱浽𨈒丈夫鯨

Chị em ơi! ba mươi sáu tuổi rồi, khắp đông tây nam bắc bốn phương trời, đâu cũng lừng danh công tử xác;
Trời đất nhẻ! gắng một phen này nữa, xếp cung kiếm cần thư vào một gánh, làm cho nổi tiếng trượng phu kềnh.

𡨸義嘜寅𡥵稚竭
鬚髯𨨨買丐𦓅𦓅

Chữ nghĩa mớm dần con trẻ hết
Râu ria đâm mãi cái già ra

(Cụ đồ tự vịnh)

坦民廚廊風景佛
𠊛𣈜貼世渃𡶀仙

Đất dân chùa làng phong cảnh phật
Người đời của thế nước non tiên

花菓𢚸誠𤎜供佛
畑香恭奉敬家先

Hoa quả lòng thành, dâng cúng phật
Đèn hương cung phụng, kính gia tiên

空𡎢春𦤾之茹佃
固禮𡗶𠇮揀闗埃

Không dưng xuân đến chi nhà tớ
Có lẽ trời nào đóng cửa ai

撿沒核蒥𠰘貝𧻭
吀堆呴對底𢀨翁

Kiếm một cơi trầu thưa với cụ
Xin đôi câu đối để thờ ông

四時八節庚終始
岸柳堆蒲欲點妝

Tứ thời bát tiết canh chung thủy
Ngạn liễu đôi bồ dục điểm trang[1]

---

[1] Câu đối của nhà thơ Nguyễn Khuyến (1835 - 1909) làm cho ông hàng thịt. Nghĩa chữ Hán của đôi câu đối này là: bốn mùa tám tiết lần thay đổi, bờ liễu gò bồ muốn điểm trang. Nhưng trong đôi câu đối này, vế trên có "bát tiết canh", vế dưới có "đôi bồ dục" lại có ý Nôm nói về hàng thịt.

敬誠𠄩𡨸禮
忠好沒𢚸蜍

Kính thành hai chữ lễ
Trung hiếu một lòng thờ

品菓共㑲迎佛祖
香花誠敬獻天仙

Phẩm quả cúng giàng nghênh phật tổ
Hương hoa thành kính hiến thiên tiên

𦓅稚斤賖娘𨉞佛
旬𣎃花菓度生靈

Già trẻ gần xa nương bóng phật
Tuần rằm hoa quả độ sinh linh

志切修道閌𣈜福
誠心念佛萬年康

Chí thiết tu đạo muôn đời phúc
Thành tâm niệm phật vạn niên khang

閞𥢅𠼖湯𠊛戈徠
塘趍𥋳𥊚客𠚢𠓨

Cửa rộng thênh thang người qua lại
Đường đi thẳng tắp khách ra vào

坦渃廚廊風景佛
貯𣈜𠊛世渃𡽫仙

Đất nước chùa làng phong cảnh phật
Của đời người thế nước non tiên

塘覺悟提攜進化
闈慈悲接引隋緣

Đường giác ngộ đề huề tiến hóa
Cửa từ bi tiếp dẫn tuỳ duyên

強憑強商強歷事
拯揀拯轉拯桑滄

Càng vững càng thương càng lịch sự
Chẳng rung chẳng chuyển chẳng tang thương

生時仰慕慈悲沒悉蜍供佛
謝世西天念德感淪道化神

Sinh thời ngưỡng mộ từ bi, một lòng thờ cúng phật
Tạ thế tây thiên niệm đức, cảm luân đạo hóa thần

陵墓巍峨映玉朝智創買
廟擻熠烘焚香踸蒑紆數

Lăng mộ nguy nga, ánh ngọc triều xưa sáng mãi
Miếu đền rực rỡ, phần hương dấu cũ bền lâu

位正迣方常變現
䊼高萬丈拉威儀

Vị chính mười phương thường biến hiện
Ngôi cao vạn trượng vẫn uy nghi

𩙍法霜慈潤泣奇人間㐌垬
飄丕景佛愜終窮世界䏾州

Gió pháp mưa từ, nhuận khắp cả nhân gian ba cõi
Bầu trời cảnh phật, vui chung cùng thế giới năm châu

䦚佛𢲫㧡碑𥒥記𪀄廚廊社
𡑝𡗶沫渼鍾鐄喏㗂景𡍢些

Cửa phật mở mang, bia đá ghi tên chùa làng xã
Sân trời mát mẻ, chuông vàng nức tiếng cảnh quê ta

夢沒節夢𠄩節夢𠀧節唹節
𣋽㐌醝𬁒吏醝最拱醝朱醝

Mồng một tết, mồng hai tết, mồng ba tết, ừ tết
Sáng đã say, trưa lại say, tối cũng say, cho say

固羅包𠀧萬𦒹𢆥𣈜得𤾓丐節
約咦𠰚沒𢆥迣𠄩𦚐奇𦊛務春

Có là bao, ba vạn sáu ngàn ngày được trăm cái Tết
Ước gì nhỉ, một năm mười hai tháng cả bốn mùa Xuân

𢧚佛𢧚神坦𡗐細𣈗記𨀈印
尼陵尼廟焒香群買貝𡶀撑

Nên phật nên thần, đất cũ tới nay ghi dấu ấn
Này lăng này miếu, lửa hương còn mãi với non xanh

固祖固先固吒固媄恩德劬勞𥗾𠰚
羅招羅猑羅涌羅種義情報答𥢆低

Có tổ có tiên, có cha có mẹ, ân đức cù lao nặng nhỉ
Là cháu là con, là giòng là giống, nghĩa tình báo đáp sao đây

𣋽墱花念佛彌陀
最供菓誦經懺悔

Sớm dâng hoa, niệm phật Di - đà
Tối cúng quả, tụng kinh Sám hối

坦渃平安𢜠德聖
𡎝鄉盛旺迍功神

Đất nước bình yên, mừng đức thánh
Quê hương thịnh vượng, đón công thần

𦖑㗂鍾𨫊固沛𣱆行埃帝𠰚
𥆾蓮閣紫想如𡗶佛於兜低

Nghe tiếng chuông vàng, có phải họ hàng ai đấy nhỉ
Trông lên gác tía, tưởng như trời phật ở đâu đây

渃碧沒𮉯印景佛
核𩇢𦊚𩈘𫅜𡽫仙

Nước biếc một mầu, in cảnh phật
Cây xanh bốn mặt, đẹp non tiên

佛固應靈由誠心信仰
修𧷺菓福𤳸憑志煉𤊧

Phật có ứng linh, do thành tâm tín ngưỡng
Tu tròn quả phúc, bởi vững chí luyện rèn

𣷭苦𣷮迷船濟渡
花靈𤒛慧𨷯慈悲

Bể khổ bến mê thuyền tế độ
Hoa linh đuốc tuệ cửa từ bi

𨷯佛慈悲𪜀福得福
機𡗶報應於鐥𨒒鐥

Cửa phật từ bi, làm phúc được phúc
Cơ trời báo ứng, ở lành gặp lành

腨堆各㐱禮念經得迯𢆥盛旺
𢆥罘季蓮廚禮佛求八節平安

Tháng đôi lần làm lễ niệm kinh, được quanh năm thịnh vượng
Năm bốn quý lên chùa lễ phật, cầu bát tiết bình yên

㴜苦渡迷船濟渡
花靈燭慧闟慈悲

Bể khổ bến mê thuyền tế độ
Hoa linh đuốc tuệ cửa từ bi

回鍾感動㺲进方南無佛潙成愁㵢㴜苦
念偈傳通𠀧𠤩𡏦轉機𡗶符國泰護安民

Hồi chuông cảm động chín mười phương, nam vô phật vợi thành sầu vơi bể khổ;
Niệm kệ truyền thông ba bẩy cõi, chuyển cơ trời phù quốc thái hộ an dân.

鍾霜嘺噲魂今古
樓𩙍𪠞衛䏾色空

Chuông sương kêu gọi hồn kim cổ;
Lầu gió đi về bóng sắc không.

劇塵緣沒職鐄界定慧𣋽修身成佛
爭世事𤾓𢆥鉑参瞋癡𢖖𦇒業𠓺身

Kịch trần duyên một giấc vàng, giới định tuệ sớm tu thân thành phật;
Tranh thế sự trăm năm bạc, tham sân si sau mang nghiệp vào thân.

闟空𤾓映經𤾓蘿
茄淨𩙍蒼香罘務

Cửa không trăm ánh kinh trăm lá;
Nhà tịnh gió thơm hương bốn mùa.

本涌詩禮堆𤎎春秋迻客書生𧡊𢚸欲易
弟此庄周迣𢆥孔孟𧡊娘顏色買沛𠳒呈

Vốn dòng Thi Lễ, đôi tám xuân thu, gặp khách thư sinh thấy lòng dục dịch;
Đệ thử Trang Chu, mười năm Khổng Mạnh, thấy nàng nhan sắc mới phải thưa trình.

翠翹𠫾戈𣘃略𧡊払金𢚸㐌重
仲水瞻𠓨渃曠𥆾娘媚眜溈珠

Thuý Kiều đi qua cầu, nhác thấy chàng Kim lòng đã trọng
Trọng Thuỷ nhòm vào nước, thoáng nhìn nàng Mị mắt rơi châu.

𧸝蔞𧸝醪空𧸝渃
𧹻𤾓𧹻逐拯𧹻貫

Bán trầu bán rượu, không bán nước
Buôn trăm buôn chục, chẳng buôn quan.

𥒥撑𡏦貢坤𠁑㨋坤𨑗
𤭸赤笠𠍢笠𡢐提笠𠓀

Đá xanh xây cống, hòn dưới giống hòn trên
Ngói đỏ lập nghè, lớp sau đè lớp trước.

𡥵秩吒如𪀄離祖
核悶朗𩙻𨕭拯停

Con mất cha như chim lìa tổ
Cây muốn lặng sao gió chẳng dừng.

德媄高㗖審切踈癡𠃩𡨸
𢚸猑報答唅嘃尋鞊𠀧春

Đức mẹ cao dày, thắm thiết thơ ngây chín chữ
Lòng con báo đáp, ngậm ngùi tấc cỏ ba xuân.

翁趍兜趍兜粫唁菓𤀏頒扗抋埃憴𡪇女
吒哭鄰哭祿頭喪鬔緆徘徊覓景唅嘃台

Ông đi đẩu đi đâu, bánh ngon quả ngọt, ban sẻ lấy ai vui vẻ nữa.
Cha khóc lăn khóc lóc, đầu tang tóc rối, bồi hồi thấy cảnh ngậm ngùi thay.

婆憴蓮堘佛堘仙姑貝招悈滄坤揧計
茄㗂勢空鎷空固媄共英𢖵料仍𠇍𢏢

Bà vui lên cõi Phật cõi tiên, cô với cháu nhớ thương khôn xiết kể.
Nhà tiếng thế không giàu không có, mẹ cùng anh lo liệu những làm sao.

惆忱注共如吒每役娘恾群揧計
㖂悭注衛景佛悐情滄悈别包饒

Mừng thầm chú cũng như cha, mọi việc nương nhờ cồn xiết kể.
Ngán nỗi chú về cảnh phật, xót tình thương nhớ biết bao nhiêu.

老𪆯𢱖兜迎語爲埃𨍦鬔鉑
春𥺊𦼔賣挳運𨀈勢拉桃嫩

Lão chửa già đâu, nghiêng ngửa vì ai nên tóc bạc
Xuân sao trẻ mãi, quay vần đến thế vẫn đào non
(Tú Xương lỡm phó Huyến)

創罯冇創覧花鐄悈具黄花
柴𡎝廚柴𥉫慶碎想悉石磬

Sáng ra núi Sáng, thấy hoa vàng nhớ cụ Hoàng Hoa;
Thày đến chùa Thày, nhìn khánh đá tưởng lòng Thạch Khánh.

縣三陽固𠀧昆羝𥪸岃𥒥𧡊術立石
廊百穀行𤾓次秃蹺湏滝𣿅𣦍緣河

Huyện Tam Dương có ba con dê, đứng núi đá trông về Lập Thạch;
Làng Bách Cốc hàng trăm thứ thóc, theo ven sông xuôi đến Duyên Hà.

𤳆廊𥗐𩩫挭杶笈𠫾過莰竹咀𦋦嚱噲
官府鑊頭白如鴣拎筆𣯡䳽曰伶如𢭾

Trai làng Nứa vai gánh đòn tre, đi qua khóm trúc thở ra hí hóp;
Quan phủ Vạc đầu bạc như cò, cầm bút lông gà viết nhanh như cắt.

埃公侯埃卿相𥪝塵埃埃𢷀別埃
勢戰國勢春秋返時勢勢時沛勢

Ai công hầu, ai khanh tướng, trong trần ai, ai dễ biết ai!
Thế Chiến quốc, thế Xuân Thu, gặp thời thế, thế thời phải thế.

𣦰𠦳𢆥文獻坦昇竜曾歸聚人才
接傳統豪花𠊛河内掄𢷮𢲧智慧

Trải nghìn năm văn hiến, đất Thăng Long từng qui tụ nhân tài;
Tiếp truyền thống hào hoa, người Hà Nội luôn mở mang trí tuệ.

貴廉正重才能社會公平逃𢆥節
除官僚排貪冗全民團結𦊚務春

Quí liêm chính, trọng tài năng, xã hội công bằng quanh năm Tết;
Trừ quan liêu, bài tham nhũng, toàn dân đoàn kết bốn mùa Xuân.

𣘃桃日新𣘃𣳔滝紅春𢢯世涅春河内

䔲𪷹湖西䔲核還劍節愜哈𠢞𤎜昇竜

Đỏ đào Nhật Tân, đỏ sóng sông Hồng, xuân đẹp thế nét xuân Hà Nội;
Xanh nước Hồ Tây, xanh cây Hoàn Kiếm, tết vui thay vẻ đẹp Thăng Long.

節恈媄𦓅頭㐌白
春傷昆𥙩𩯀群䔲

Tết nhớ mẹ già đầu đã bạc;
Xuân thương con trẻ tóc còn xanh.

落𠫾湄㵢廊露雨
伊諳霹動坦風雷

Lác đác mưa rơi làng Lộ Vũ;
Ỳ ầm sấm động đất Phong Lôi.

賣𨔈㤝學悄咥㖡
施杜𫜵官嘔啫柴

Mải chơi biếng học quên lời bố;
Thi đỗ làm quan nức tiếng thầy.

杜外朗招兜調逗菓
豆安排㭙𠶢拉撸花

Đỗ Ngoại Lãng gieo đâu đều đậu quả;
Đậu An Bài trồng mãi vẫn trổ hoa.

唅𤠄𢭸兜擣畨𡗉䏧
鴶鶴乙䏧仍窒劲髃

Hàm trâu, lấy đâu đẽo ra nhiều thịt;
Chim hạc, ít nạc nhưng rất rắn xương.

施鄉蘿箕䧻鱙施會蘿箕䧻鱙沒㗂榜噗𡗶欣𢉨仍𠊛𠫾壻著
姑𡚚堆𩌂𠰉𧋆姑𡮈堆𩌂𠰉𧋆𦊚蹎裙瀵坦暢𠰉𠄩妸𥙩𫯳終

Thi hương lá cờ đuôi nheo, thi hội lá cờ đuôi nheo, một tiếng bảng vang trời, hơn hẳn những người làm rể trước;

Cô lớn đôi giày mõm ngoé, cô bé đôi giày mõm ngoé, bốn chân quần quét đất, sướng thay hai gái lấy chồng chung.

昆狂𥪸竟繩𩛷得翁里𩠑頭磨𥚄
姥嫜𡎢邊官尚覔具貳𦙫㧅忱𠶖

Con chó đứng cạnh thằng Tây, được ông Lý cúi đầu mà lạy;

Mụ đầm ngồi bên quan Thượng, thấy cụ Nhì cứng cổ thầm khen.

翁議得賞𦝄低猨𠫾狄𩛷𥘷嫜𫼳會咹犒愮㕮洏
𠊛南𠁑權保護𤷱蒲𥉫民奴隸偈𦒹𤯩苦的勤之

Ông Nghị được thưởng mề đay, khỉ làm xiếc, Tây nhẩy đầm, mở hội ăn khao vui gớm nhỉ;

Người Nam dưới quyền bảo hộ, vua bù nhìn, dân nô lệ, kệ đời sống khổ đếch cần chi.

𢅌稅𥒥𦛌𦡟㗂棋捉噗昆狂𠴜
民𡊱𢠩𦁂𣎏者豪𠯇𠲯㗂猫㗂

Sưu thuế nặng cong lưng, tiếng mõ thúc vang, con chó sủa;

Dân quê lo vón dái, kỳ hào thét lác, tiếng bò kêu.

𦊚柱𦊚猊唭丐仉掙𦧘掙𥺊𢹈拯別掙𨆢拱世界
𠄩𩈘𠄩竜捲捲仍埃捲渃𩄲未𢹈低捲瀝僂𡍢𩛷

Bốn trụ bốn nghê cười, cười cái kẻ tranh thịt tranh xôi mà chẳng biết tranh đua cùng thế giới;

Hai đầu hồi hai long cuốn, cuốn những ai cuốn nước cuốn mây rồi mai đây cuốn sạch lũ bồi Tây.

姉哝姉沒喈哃𠰺劫浮生官𡚢㐌衝耒他𢪏𤯩乘𡛔買姉

昆唉昆𢆥𣎃創𤇮𨤔世閲各昆群𤈜𡚝音忱𣩂吀媄拱昆

Chị ơi chị! Một tiếng đùng đoàng, kiếp phù sinh quan lớn đã xong rồi, thơ thẩn sống thừa em với chị;

Con hỡi con! Trăm năm sáng tỏ, gương thế phiệt các con còn soi đó, âm thầm chết điếng mẹ cùng con.

(Câu đối về vụ Cung Khắc Đản, làm quan ở Thái Nguyên (thời Pháp), bị chết vì lựu đạn của lực lượng cách mạng).

仍想𠁀拱饒𣈜𦚏𢣂丕情故友

𢘾兜𢧚隔别𣋽𣋂傷𢘝義通家

Những tưởng mãi cùng nhau, ngày tháng vui vầy tình cố hữu;

Ngờ đâu nên cách biệt, sớm chiều thương nhớ nghĩa thông gia.

學廚富溪咹粓𤈜

官縣書池旺渃泑

Học trò Phú Khê ăn cơm cháy

Quan huyện Thư Trì uống nước ao.

昆胥那眈仔細

翁軼咳𦳢計功夫

Con rể nết na xem tử tế

Ông chồng cay đắng kể công phu.

夫羅軼婦羅婚爲軼婚沛趍夫

我羅些你羅眉爲眉些𢧚化我

Phu là chồng, phụ là vợ, vì chồng vợ phải đi phu;

Ngã là ta, nhĩ là mày, vì mày ta nên hóa ngã.

袙襖甲解揻䏧丁戊己庚誇軀哏癸
𠮩妓乾䏧招粒坎選離兑𡎝吶哏坤

Mặc áo giáp, giải cài chữ đinh, mậu, kỷ, canh, khoe mình rằng quý;
Làm đĩ càn, tai đeo hạt khảm, tốn, ly, đoài, khéo nói rằng khôn.

(Hồ Xuân Hương - Chiêu Hổ)

侍䢖候侍䇢視𥆾𣼽共悶是空固厶
武恃孟武𠚢舞㨢雨返霜羽汔奇毦

Thị vào hầu, thị đứng thị trông, thị cũng muốn, thị không có ấy;
Vũ cậy mạnh, vũ ra vũ múa, vũ gặp mưa, vũ ướt cả lông[1].

些尼官侍迻篤塘椰助洪水朱天下恃
倅學廚橘𠯿矇榜眼功招揁丕志買甘

Ta nay quan Thị, đi đốc Đường Da, trợ hồng thủy cho thiên hạ cậy;
Tôi học trò Quất, rắp mong Bảng Nhãn, công đèo bòng phỉ chí mới cam.

昆佳文谷蓮渥㧖鴣䇢林離哄卿喀
昆㛪鉢場𧶭行䏧蝹蚍朝𧋟吶央央

Con giai Văn Cốc, lên dốc bắn cò, đứng lăm le, cười khanh khách;
Con gái Bát Tràng, bán hàng thịt ếch, ngồi chầu chẫu, nói ương ương.

雞羅鴇鴇咹稽
幼羅稚稚咹㘃

Kê là gà, gà ăn kê

---

[1] Tương truyền đây là đôi câu đối, đối đáp giữa quan Thị và quan Vũ; trong hai vế đều dùng nhiều chữ cùng âm Thị, âm Vũ nhưng nghĩa khác nhau để diễu nhau.

Ấu là trẻ, trẻ ăn ấu

梈鷌揞押梈𪁀
魜鰑即坊魜鯺

Chuồng gà kê áp[1] chuồng vịt
Cá diếc tức phường[2] cá mè

鹿羅貅貅𧼋祿局
魚羅魜魜濕脈魚

Lộc là hươu, hươu đi lộc cộc
Ngư là cá, cá lội ngắc ngư

翁通蛭梒核提翁通空𧼋羅翁通吏
具秀𧼋戈闟貢具秀𧿆得么具秀才

Ông Thông đến gốc cây Đề, ông Thông không đi là ông Thông lại;
Cụ Tú đi qua cửa Cống, cụ Tú nhẩy được ấy cụ Tú tài.

君子固窮君子窮君子固
孔明捦縱孔明縱孔明捦

Quân tử cố cùng, quân tử cùng, quân tử cố;
Khổng Minh cầm túng, Khổng Minh túng, Khổng Minh cầm.

昆鴣多麻杜梗移拮㗂吇多多益善
丐魜郁耒𩹹吟澳𤞼鰄蓮郁郁乎文

Con chim đa mà đỗ cành đa, cất tiếng gáy: Đa đa ích thiện;
Cái cá úc lại nằm luống úc, vẩy vây lên: Úc úc hồ văn.

---

[1] Kê, cùng âm có chữ Hán là gà; áp còn chữ Hán khác là vịt.
[2] Tức, cùng âm còn có chữ Hán là cá diếc; phường còn chữ Hán khác là cá mè.

𡨸大羅哿𡓁沒𤵶昂𡨸人羅𠊛渚覔𠊛𨖅抔咣𠫾底

𡨸皮羅𦢞𣦍𠀧點水𡨸波羅𣷷渚覔𣷷哿麻我𢬣掉

Chữ đại là cả, bỏ một nét ngang, chữ nhân là người; chớ thấy người sang bắt quàng làm họ;

Chữ bì là da, thêm ba chấm thủy, chữ ba là sóng; chớ thấy sóng cả mà ngả tay chèo.

𥘷吏𠇍春渃祖𦊚𠦳𢆥歷史

𨅸蓮𠫾主權𠊛𠄩𨒒兆民生

Trẻ lại với xuân, nước tổ bốn nghìn năm lịch sử;

Đứng lên làm chủ, quyền người hai chục triệu dân sinh.
Mừng xuân - Huỳnh Thúc Kháng

媄坦渃春𧗱家庭姑博英𡛔拯𥑥醞𢜠饒𠄩𨒒兆𠊛空少伴

吒𡗶朱𤯩買禍劫𡏦兵刀渃焒𢯏𢭸𢬣點試𠄼𨑮𠬠歲吻𦓡𦓅

Mẹ đất nước xuân về, gia đình cô bác anh em, nâng chén rượu mừng nhau hai chục triệu người không thiếu bạn

Cha trời cho sống mãi, hoạ kiếp trải binh đao nước lửa, co ngón tay đếm thử, bảy mươi mốt tuổi vẫn chưa già

[(Mừng xuân - Huỳnh Thúc Kháng.)]

𦓅𢝙𠊛些𢦓冽𢦓烘燶𢦓𣼽𦛌𤻬𦜞拙𢦓𩚵唁羮𠰘檜𪘵砵槌𥋴鐵研𢯕𢦓特老姉候嫩固沒

傑吪學徒對情對趣昨對𨀍𩯀泊𦢞瑁對眉𧋆昧鳳𦼔膵𧎜錐輪打𩃳對傑𦓅猑喝𥘷㧡堆

Già ưa người ta chiều, rét chiều hong, nồng chiều quạt, lưng đau ruột xót, chiều cơm ngon canh ngọt, cối răng vôi, chày sắt nghiến dồn, chiều được lão chị hầu non có một.

Thầy dạy học trò đối, tình đối thú, ngủ đối chơi, tóc bạc da mồi, đối mày ngài mắt phượng, trống bụng cóc, dùi son đánh xuống, đối thầy già con hát trẻ vừa đôi.

要饒如包如摔如捴㐌樋如㩡混搓如搓偖羨如抃行絲
扒低固飄固伴固板飦欵固坊飦糤固牒柄蒸固稜坫醞

Yêu nhau như bâu như rót, như hót vào thùng, như búng con quay, như xoay thợ tiện, như bện hàng tơ.

Lấy đây có bầu có bạn, có ván cơm xôi, có nồi cơm nếp có đệp bánh chưng có lưng hũ rượu.

[(Ông Nghè Nguyễn Quý Tân)]

筆鏬墨淬魂渃醒咍鑄沒蔰焒紅眾腑𡗶南擅𡨸𨖅
蹎亙矽𥣷英俺𢱖跳細堆哩珍重頭𢆥祝節噲𢗀春

Bút cùn mặc kệ, hồn nước tỉnh hay chưa, một ngọn lửa hồng bốn tháng trời Nam chen giữa gió

Chân cứng đá mềm, anh em nên bước tới, đôi lời trân trọng, đầu năm chúc Tết gọi mừng xuân.

[(Mừng xuân - Vũ Oanh)]

欺㨢最喑喑君子殂㭝䀡拯覔
眆𦑃罶㖠霍英雄匝井㞘𪓼𥊚

Khi khép tối om om, quân tử tò mò nhìn chẳng thấy

Lúc mở ra toác hoác, anh hùng tấp tỉnh đứng mà coi.

[(Hồ Xuân Hương)]

搜長紇紼金剛呢點呢扨呢小呢僧呢法有直言持誦
楪慈悲鐘濟度节摳节拈节嚜节𧝓南無陀佛奉如來

Xâu tràng hạt chuỗi kim cương, này đếm, này đeo, này tiểu, này tăng, này pháp hữu trực ngôn trì tụng;

Mõ từ bi chuông tế độ, nào khua, nào gõ, nào khấn, nào vái, Nam mô đà Phật phụng Như lai.

(Hồ Xuân Hương)

郭屍衆奴試𠅒之杜𡮍𪽏之𢌌仍欺醽𩸄瓢彈𩸄壁册𩸄
索伴𩸄茹嘵嗷䏲𨕭罘務𨁪色都味催固𨆢之坊𪽐𣉹

群固𨷈些因拯憛苔拱拯憛朱𨀈𣅶咽如鯖唼如蟯𠲖如
鎊眛如霦捉摶𡾵淹沒梗𠅒朱𢵋役閉𣇞仕𠳨傳𢆥𢆫

Quách thây chúng nó, thi mà chi đỗ nữa mà chi, nào những khi rượu đầy bầu, đàn đầy vách, sách đầy án, bạn đầy nhà, nghêu ngao trăng gió bốn mùa chơi đà đủ vị, thôi có lạ gì phường mặt trắng;

Còn có bọn ta, tù chẳng sợ đầy cũng chẳng sợ, cho đến lúc miệng như tép, mép như rồng, tiếng như cồng, mắt như chớp, xốc vác non sông một gánh làm cho nên việc, bấy giờ sẽ hỏi chuyện trăm năm.

[(Nghe tin bạn thi đỗ - Lê Đại)]

固𩄲空𩙍𨕭湖𠁑𡗶沒堆欺𠰘沒堆𠳚常𠳨𠲣奇廊奇村
奇親戚𢈱行𠡎飾𢵋才群吻𥌀乎𠁑舊界

拯豬時鴉過螺衝𥆾𢄂进森歲學进森𡨸𠍽别㦖𨀈渃𨀈
茹𨀈翁吒住博𢬣𦝄揚眛催停匝井丐虛名

Có mây không gió, lơ lửng giữa trời, một đôi khi nhấn một đôi lời thường hỏi thăm cả làng, cả xóm, cả thân thích họ hàng, gắng sức đua tài, còn vẫn mơ hồ trong cựu giới.

Chẳng lợn thì gà, qua loa xong buổi chợ, mười lăm tuổi học mười lăm chữ, nếu biết nghĩ đến nước đến nhà, đến ông cha, chú bác, giỏng tai giương mắt, thôi đừng tấp tểnh cái hư danh.

[(Mừng cháu Thi đỗ - Lê Đại)]

𠫾坦舑塘𤁕如䏧

𡎝𪲍椰𨕭沫盡𩩫

Đi đất thịt, đường trơn như mỡ

Ngồi gốc da, gió mát tận xương

姳哿姳𠄩𠄩姳條羅姳奇

官承官少少官程噲官承

Vợ cả vợ hai, hai vợ đều là vợ cả

Quan thừa quan thiếu, thiếu quan sao gọi quan thừa[1]

聖祖𠲖聖尊𦋦𨷑渃

神魂埕神性趍衛茹

Thánh tổ bảo Thánh tôn ra mở nước

Thần hồn nát Thần tính chạy về nhà

昆蛤撩核望格做棶𩆐坦做劇𦤾𦓅

昆公趍戈廚涇做聍㗂槓做鯨古耒

Con cóc leo cây vọng cách, nó rơi xuống đất, nó cạch đến già;

Con công đi qua chùa Kênh, nó nghe tiếng cồng, nó kềnh cổ lại.

昆妸梂梞𦟐𧹻紅紅悶趍禮𫯳底麻𬆸忌

翁老行𩄲䏧撐埋廣惕𨔈昆妸暢大宮𩄲

Con gái cầu Cậy, má đỏ hồng hồng, muốn đi lấy chồng, để mà trông cậy;

Ông lão hàng Mây, da xanh mai mái, thích chơi con gái, sướng đại cung mây.

春𦤾𠰩拱花鞊别

情𧵆𤊰買𨖲𦚖收

Xuân đến nhắn cùng hoa cỏ biết;

[1] Tương truyền đôi câu đối này của Cử nhân Nguyễn Tử Mẫn, Tri huyện Hiệp Hoà, Bắc Giang; về sau có dị bản. Xin xem thêm phần *Thay lời tựa* ở đầu sách này.

Tình riêng giãi với gió trăng thâu.

曲咭潯陽返逢滇和𠊛𦊚𤅶
弓彈翠懌趍衛扛掃𧵑𠀧生

Khúc hát Tầm dương, gặp gỡ chan hoà người bốn biển;

Cung đàn Thuý dịch, đi về dan díu nợ ba sinh.

𡗶坦拱多情吹伯春公據舖煙花趍吏𧶄
粉𡽫更𢜠忿悔翁月老拱坊巾𧛊恄慳之

Trời đất cũng đa tình, xui bác xuân công, cứ phố yên hoa đi lại mãi;

Phấn son càng tủi phận, hỏi ông nguyệt lão, cùng phường khăn yếm ghét ghen chi.

春拱𢠩𠊛𡑝李湄篭曼漠𦟐
花群待客梗梨皚點沒𠀧芃

Xuân cũng chiều người, sân lý mưa lồng man mác bóng;

Hoa còn đợi khách, cành lê trắng điểm một vài bông.

緣𧵑𧶄牢底沒眃咳群撝吻蜓
哏嘝埃妒些𠀧春渚氐損搒花

Duyên nợ mãi sao đây, một giấc hãy còn vơ vẩn bướm;

Hẹn hò ai đó tá, ba xuân chớ để phũ phàng hoa.

妸固𫯳如蠬固鰭妸空𫯳如壜槎空楀
𡥵固吒如茄固𪀅𡥵空吒如蠬蜅𠛣雕

Gái có chồng như rồng có vây, gái không chồng như cối xay không ngõng;

Con có cha như nhà có nóc, con không cha như nòng nọc đứt đuôi.

埃蓮守諒共英工幹氏䖶鴫車𡋥波
𡀮吼娘蘇朱姉儂接尼妸鵶𤂬坡洞

Ai lên thú Lạng cùng anh, công cán ấy dã tràng xe cát bể;

Nhắn nhủ nàng Tô cho chị, nông nỗi này cái cò lội bờ ao.

一士貳農歇粘趍𪅴一農貳士
䢀師𢄂娓景胬𠯇來䢀娓𢄂師

Nhất sĩ nhì nông, hết gạo chạy rông, nhất nông nhì sĩ;
Trên sư dưới vãi, ngoảnh lưng giở lại, trên vãi dưới sư.

蜆逗梗梅𤿤狂橘
馭衛塘櫑趍伶榹

Kiến đậu cành Mơ bò cuống quýt
Ngựa về đường Bưởi chạy lanh chanh

檣拥眜㹳貓踓𢹿
𤘁瀛泑蓮苹浽蓮

Phên đan mắt cáo mèo chui lọt
Nghé lội ao sen ngó nổi lên

𢴇𠓨權職底𢫕咹嘲𢄂侫䢀揞底𥗾𥹰𩩫𧛇
援理自由麻曰𡢻抔黰吶瘦只勤拘客收錢

Dựa vào quyền chức để xoay ăn, chiều dưới nịnh trên, cốt để nặng tay đầy túi;
Viện lẽ tự do mà viết ẩu, bôi đen nói xấu, chỉ cần câu khách thu tiền.

先學禮後學文𠊛𠊛㖀饒吶𡨸忠𡨸孝
坦固例垟固退茹茹哏吪𠬠調善調咍

Tiên học lễ hậu học văn người người bảo nhau nói chữ trung chữ hiếu;
Đất có lề quê có thói nhà nhà răn dạy làm điều thiện điều hay.

紑㑲家風茹幸福
嚴明國法渃昇平

Bền vững gia phong, nhà hạnh phúc;
Nghiêm minh quốc pháp, nước thăng bình.

㦖黨𦒹进𢆥奇𥪝馮坦渃噌呼頓節
㤕伯𠃩𥪝𢆥行兆𣘃𦟐紅熖熄𠓨春

Mừng Đảng sáu mươi năm, cả trăm miền đất nước tưng bừng đón Tết;
Nhớ Bác tròn trăm tuổi, hàng triệu trái tim hồng rạo rực vào Xuân.

保衛邊疆㫰曩晧霜英戰士決心戰鬥
㝵攄海島𣋽溶𣌒𩙍姉民軍謹密巡防

Bảo vệ biên cương, ngày nắng đêm sương, anh chiến sĩ quyết tâm chiến đấu;
Giữ gìn hải đảo, sớm giông chiều bão, chị dân quân cẩn mật tuần phòng.

警覺防奸人民𥪝眛𠦳𢬣㝵安内地
堅強𢶢賊戰士閔𠊛沒志㝵凴邊陲

Cảnh giác phòng gian, nhân dân trăm mắt nghìn tay giữ yên nội địa;
Kiên cường chống giặc, chiến sĩ muôn người một chí giữ vững biên thuỳ.

堅持𢷮買思維發輝精神𫜵主𠱊趾進𨖲𡏦事業
鞏固紀綱體制動員𢧚孟全民決心奮鬥𢸌基圖

Kiên trì đổi mới tư duy, phát huy tinh thần làm chủ, vững bước tiến lên xây sự nghiệp;
Củng cố kỷ cương thể chế, động viên sức mạnh toàn dân, quyết tâm phấn đấu dựng cơ đồ.

㦖招車緣情堆侶𥪝𢆥和合
祝昆結伴義𥒥鐄閔𣉹𨯹岺

Mừng cháu xe duyên, tình đôi lứa trăm năm hoà hợp;
Chúc con kết bạn, nghĩa đá vàng muôn thuở sắt son.

PHẦN III

CÂU ĐỐI CHỮ HÁN

CÂU ĐỐI TẾT

百花吐艷春風暖
萬象更新國運昌

Bách hoa thổ diễm xuân phong noãn;
Vạn tượng canh tân quốc vận xương.

Trăm hoa đua nở hơi xuân ấm;
Muôn vẻ đổi thay vận nước vui.

天增歲月人增壽
春滿乾坤福滿門

Thiên tăng tuế nguyệt nhân tăng thọ;
Xuân mãn càn khôn phúc mãn môn.

Trời thêm năm tháng người thêm thọ;
Xuân khắp đất trời phúc mọi nhà.

田野春光眞好
農家歲月更新

Điền dã xuân quang chân hảo;
Nông gia tuế nguyệt canh lân.

Đồng ruộng xuân tươi vui thực;
Nhà nông năm tháng mới hơn.

春來也魚龍變化
時至矣桃李芳菲

Xuân lai dã ngư long biến hoá;
Thời chí hĩ đào lý phương phi.

Xuân về nhỉ cá rồng biến hoá;
Thời đến ư đào mận thơm hương.

和順一門添百福
平安二字值千金

Hoà thuận nhất môn thiêm bách phúc;
Bình an nhị tự trị thiên kim.

Hoà thuận một nhà thêm trăm phúc;
Bình an hai chữ giá ngàn vàng.

心地光明千丈霽
家庭和睦四時春

Tâm địa quang minh thiên trượng tễ;
Gia đình hoà mục tứ thời xuân.

Lòng dạ quang minh ngàn trượng qúy;
Gia đình hoà thuận bốn mùa xuân.

數點桃花知晚歲
一香地餠報新春

Sổ điểm đào hoa tri vãn tuế;
Nhất hương địa bỉnh báo tân xuân.

Mấy đoá hoa đào hay tết đến;
Một làn bếp bánh báo xuân về.

人逢盛世精神爽
歲轉陽春气象新

Nhân phùng thịnh thế tinh thần sảng;
Tuế chuyển dương xuân khí tượng tân.

Tinh thần sảng khoái vui thời thế;
Cảnh mới xuân tươi đón giao thừa.

獨立自由貴眞貴
勞動英雄榮更榮

Độc lập tự do qúy chân qúy;
Lao động anh hùng vinh cánh vinh.

Độc lập tự do qúy thật qúy;
Lao động anh hùng vinh càng vinh.

昇平盛世興歌溢
幸福民生得意多

Thăng bình thịnh thế hưng ca dật;
Hạnh phúc dân sinh đắc ý đa.

Hoà bình đời thịnh vui khúc hát;
Hạnh phúc nhân dân thoả ý mừng.

鴻嶺萬年銘偉績
藍江千古涉恩波

Hồng Lĩnh vạn niên minh vĩ tích;
Lam Giang thiên cổ thiệp ân ba.

Hồng Lĩnh muôn năm ghi nghiệp lớn;
Lam Giang nghìn thuở thấm ơn xa.

萬里江山新景色
三圻骨肉喜團圓

Vạn lý giang sơn tân cảnh sắc;
Tam kỳ cốt nhục hỉ đoàn viên.

Muôn dặm non sông vừa đổi mới;
Ba kỳ ruột thịt lại chung vui.

自由歌曲聞閭里
獨立紅旗燦日天

Tự do ca khúc văn lư lý;
Độc lập hồng kỳ xán nhật thiên.

Tự do ca hát vang hàng xóm;
Độc lập cờ hồng rực sáng ngời.

救國有丹心民族最隆惟獨立
愛民堅夙志民權無價是自由

Cứu quốc hữu đan tâm, dân tộc tối long duy độc lập;
Ái dân kiên túc chí, dân quyền vô giá thị tự do.

Cứu quốc có lòng son, dân tộc tối cần là độc lập;
Yêu dân bền chí hướng, dân quyên vô giá ấy tự do.

爲獨立自由願團結大團結
謀富強幸福必成功成功大成功

Vị độc lập tự do, nguyện đoàn kết đoàn kết đại đoàn kết;
Mưu phú cường hạnh phúc, tất thành công thành công đại thành công.

Vì độc lập tự do đã nguyện "Đoàn kết đoàn kết đại đoàn kết";
Mưu mạnh giầu hạnh phúc tất được "Thành công thành công đại thành công".

明月清風白類魚禽皆國色
金枝玉葉四時花草有天香

Minh nguyệt thanh phong bách loại ngư cầm giai quốc sắc;
Kim chi ngọc diệp tứ thời hoa thảo hữu thiên hương.

Gió mát trăng thanh, trăm loại ngư cầm đều quốc sắc;
Cành vàng lá ngọc, bốn mùa hoa thảo có hương trời.

胜友如雲同頌党恩深重
壽筵從簡不忘國事興隆

Thắng hữu như vân đồng tụng đảng ân thâm trọng;

Thọ diên tòng giản bất vong quốc sự hưng long.

Bạn tốt như mây, cùng ca ơn Đảng sâu rộng;
Thọ dài theo thẻ, chẳng quên việc nước chấn hưng.

春風送暖歸楊柳
細雨飛紅上碧桃

Xuân phong tống noãn quy dương liễu;
Tế vũ phi hồng thướng bích đào.

Gió xuân đưa ấm cho dương liễu;
Mưa nhẹ thêm hồng đến bích đào.

百鳥和鳴歌序曲
萬民歡愉慶丰年

Bách điểu hoà minh ca tự khúc;
Vạn dân hoan dụ khánh phong niên.

Chim chóc hoà ca cùng khúc nhạc;
Muôn dân vui vẻ đón được mùa.

物阜財丰民幸福
俗淳風正國昌隆

Vật phụ tài phong dân hạnh phúc;
Tục thuần phong chính quốc xương long.

Của cải nhiều lện dân hạnh phúc;
Thuần phong mỹ tục nước phồn vinh.

幸福堂前無限樂
長春花下有余香

Hạnh phúc đường tiền vô hạn lạc;
Trường xuân hoa hạ hữu dư hương.

Hạnh phúc đầy nhà vui khôn xiết;

Xuân tươi hoa nở vẻ thêm hương.

江山畫卷描新樣
桃李春風改舊觀

Giang sơn hoạ quyển miêu tân dạng;
Đào lý xuân phong cải cựu quan.

Non sông bức vẽ tinh thần mới
Đào mận vào xuân nét đổi xưa.

江山盛世春風里
日月新天畫景中

Giang sơn thịnh thế xuân phong lý;
Đào lý tân thiên hoạ cảnh trung.

Non sông thời thịnh xuân về khắp;

Ngày tháng mới nay cảnh đẹp đầy.

千村笑語千村果
一路春風一路花

Thiên thôn tiếu ngữ thiên thôn quả;
Nhất lộ xuân phong nhất lộ hoa.

Nghìn thôn cười nói nghìn thôn quả;

Một lối xuân về một lối hoa.

盛世同歌歌盛世
新春共樂樂新春

Thịnh thế đồng ca ca thịnh thế;
Tân xuân cộng lạc lạc tân xuân.

Đời thịnh cùng ca ca đời thịnh;
Xuân về vui hát hát về xuân.

萬頃嘉禾盈瑞气
千園碩果笑春風

Vạn khoảnh gia hoà doanh thuỵ khí;
Thiên viên thạc quả tiếu xuân phong.

Vạn ruộng trĩu bông đầy khí tốt;
Nghìn vườn sai quả nhộn xuân vui.

春到農家添异彩
風吹田野吐清香

Xuân đáo nông gia thiêm dị thái;
Phong suy điền dã thổ thanh hương.

Xuân đến nhà nông thêm khởi sắc;
Gió bay đồng ruộng nở trong hương.

興業須從勤處得
生財總自儉中來

Hưng nghiệp tu tòng cần xứ đắc;
Sinh tài tổng tự kiệm trung lai.

Dấy nghiệp phải từ cần mẫn được;
Làm giàu đều tự kiệm mà nên.

一歲良辰千古節
百年正朔萬家春

Nhất tuế lương thời thiên cổ tiết;
Bách niên chính sóc vạn gia xuân.

Giờ tốt hàng năm ngàn xưa tết;
Tháng giêng mồng một vạn nhà xuân.

大樹新風光祖國
廣開財路富山鄉

Đại thụ tân phong quang tổ quốc;
Quảng khai tài lộ phú sơn hương.

Tổ quốc vinh quang nhờ gió mới;
Bản làng sung túc bởi làm giầu.

街頭燈影追花影
村里梅香雜酒香

Nhai đầu đăng ẩnh truy hoa ảnh;
Thôn lý mai hương tạp tửu hương.

Đèn hoa lồng bóng đầu đường rọi;
Mai rượu hoà hương khắp xóm thơm.

春風春雨春光好
新歲新年新事多

Xuân phong xuân vũ xuân quang hảo;
Tân tuế tân niên tân sự đa.

Gió xuân mưa xuân ánh xuân tốt;
Ngày mới năm mới việc mới nhiều.

鼠去牛來聞虎嘯
民般國富看龍飛

Thử khứ ngưu lai văn hổ khiếu;
Dân ân quốc phú khán long phi.

Chuột chạy trâu về nghe hổ thét;
Dân yên nước thịnh ngó rồng bay.

馬粤已傳千道喜
羊奔又送萬家春

Mã việt dĩ truyền thiên đạo hỷ;
Dương bôn hựu tống vạn gia xuân.

Nghìn dặm ngựa truyền tin vui khắp;
Muôn nhà dê báo lại xuân về.

辦事爲民公仆志
以身作則主人心

Biện sự vi dân công bộc chí;
Dĩ thân tác tắc chủ nhân tâm.

Chí quyết vì dân làm công bộc;
Tâm nêu gương mẫu đức chủ nhân.

牛耕綠野千倉滿
虎嘯青山萬木春

Ngưu canh lục dã thiên thương mãn;
Hổ khiếu thanh sơn vạn mộc xuân.

Trâu cầy đồng rậm nghìn kho chất;
Hổ thét non xanh vạn cây xuân.

忠厚一生嫌善少
平安二字值錢多

Trung hậu nhất sinh hiềm thiện thiểu;
Bình an nhị tự trị tiền đa.

Trung hậu một đời hiềm thiện ít;
Bình an hai chữ đáng tiền nhiều.

新春寄意千門富
快馬加鞭萬里呈

Tân xuân ký ý thiên môn phú;
Khoái mã gia tiên vạn lý trình.

Xuân về đắc ý nghìn nhà phú;
Tuấn mã thêm roi vạn dặm đường.

政 通 世 泰 千 門 曉
國 富 民 強 四 海 春

Chính thông thế thái thiên môn hiểu;
Quốc phú dân cường tứ hải xuân.

Chính thông đời tốt nghìn nhà sáng;
Nước mạnh dân giàu bốn biển xuân.

東 風 化 雨 山 山 翠
政 策 歸 心 處 處 春

Đông phong hoá vũ sơn sơn thuý;
Chính sách quy tâm xứ xứ xuân.

Mưa về gió ấm non non biếc;
Dạ đón tin trên xứ xứ xuân.

揮 毫 大 寫 英 雄 譜
展 卷 欣 描 幸 福 圖

Huy hào đại tả anh hùng phả;
Triển quyển hân miêu hạnh phúc đồ.

Bộ phả anh hùng tha hồ viết;
Tập tranh hạnh phúc thoả sức tô.

登 山 望 海 雲 天 遠
建 國 興 邦 歲 月 長

Đăng sơn vọng hải vân thiên viễn;
Kiến quốc hưng bang tuế nguyệt trường.

Lên non ngó biển mây trời rộng;
Dựng nước xây nhà năm tháng dài.

梅 竹 平 安 春 意 滿
春 萱 并 茂 壽 源 長

Mai trúc binh an xuân ý mãn;
Xuân huyên tịnh mậu thọ nguyên trường.

Mai trúc vui xuân đều mãn ý;
Xoan huyên hưởng thọ thoả dài nguồn.

月 满 一 輪 輝 宇 宙
梅 香 千 里 到 門 庭

Nguyệt mãn nhất luân huy vũ trụ;
Mai hương thiên lý đáo môn đình.

Trăng sáng một vầng soi trời đất;
Mai thơm nghìn dặm đến sân nhà.

社 會 繁 榮 臻 大 治
人 民 安 樂 慶 升 平

Xã hội phồn vinh trăn đại trị;
Nhân dân an lạc khánh thăng bình.

Xã hội phồn vinh vui thịnh vượng;
Nhân dân yên lạc thoả thái bình.

柳 岸 雨 濃 千 樹 綠
桃 園 春 暖 萬 枝 紅

Liễu ngạn vũ nùng thiên thụ lục;
Đào viên xuân noãn vạn chi hồng.

Bờ liễu đượm mưa nghìn cây biếc;
Vườn đào xuân ấm vạn cành hồng.

門 對 青 山 千 里 秀
家 居 旺 地 四 時 春

Môn đối thanh sơn thiên lý tú;
Gia cư vượng địa tứ thời xuân.

Cửa trước non xanh nghìn dặm đẹp;
Nhà trên đất thịnh bốn mùa xuân.

勤劳浇長生財樹
儉仆托來聚寶盆

Cần lao nhiêu trưởng sinh tài thụ;
Kiệm phác thác lai tụ bảo bồn.

Cần lao chăm được cây tài lộc;
Kiệm ước tạo nên chĩnh đựng vàng.

興邦有策人民福
報國無私赤子心

Hưng bang hữu sách nhân dân phúc;
Báo quốc vô tư xích tử tâm.

Non sông vững bước nhân dân phúc;
Tổ quốc vinh quang đồng chí tâm.

功高不泯忠貞志
位顯更堅公仆心

Công đức bất dẫn trung trinh chí;
Vị hiển cách kiên công bộc tâm.

Trung trinh chí giữ dù công lớn;
Công bộc tâm kiên dẫn hiển vinh.

移山不忘愚公志
興業猶存赤子心

Di sơn bất vong Ngu công chí;
Hưng nghiệp do tồn xích tử tâm.

Dời núi chẳng quên Ngu công lớn;
Dấy nghiệp còn bền dân chúng tâm.

長幼團圓分歲畢
送迎新舊此宵中

Trưởng ấu đoàn viên phân tuế tất;
Tống nghênh tân cựu thử tiêu trung.

Già trẻ đoàn viên theo tuổi tác;
Tiễn mừng cũ mới lúc giao thừa.

高歌盛世詩千首
共祝民康酒一杯

Cao ca thịnh thế thi thiên thủ;
Cộng chúc dân khang tửu nhất bôi.

Nghìn bài thơ viết mừng nước thịnh;
Một chén rượu đưa chúc dân khang.

萬象更新承眾志
千花競放賴東風

Vạn tượng canh tân thừa chúng chí;
Thiên hoa cạnh phóng lại đông phong.

Vạn cảnh canh tân nhờ quần chúng;
Nghìn hoa đua nở dựa gió đông.

好借廉風舒畫卷
常將正气壯詩情

Hảo tá liêm phong thư hoạ quyển;
Thường tương chính khí tráng thi tình.

Luôn lấy thanh liêm làm bức hoạ;
Thường đem chính trực để làm thơ.

萬樹欣隨春水綠
百花爭向艷陽紅

Vạn thụ hân tuỳ xuân thủy lục;
Bách hoa tranh hướng diệm dương hồng.

Nước biếc xuân về cây hớn hở;
Trời hồng ấm đến vạn hoa đua.

萬管玉簫歌盛世
千支神筆贊新風

Vạn quản ngọc tiêu ca thịnh thế;
Thiên chi thần bút tán tân phong.

Muôn ống ngọc tiêu ca thịnh thế;
Nghìn cây thần bút ngợi đời nay.

萬户管弦歌盛世
百般紅紫琇芳春

Vạn hộ quản huyền ca thịnh thế;
Bách ban hồng tử tú phương xuân.

Muôn hộ sáo đàn ca thịnh thế;
Trăm mầu hồng tía dệt xuân vui.

萬眾一心同獻策
百花齊放共爭春

Vạn chúng nhất tâm đồng hiến sách;
Bách hoa tề phóng cộng tranh xuận.

Quần chúng một lòng chung hiến kế;
Trăm hoa đua nở góp thêm xuân.

千秋歲月千秋美
萬里江山萬里春

Thiên thu tuế nguyệt thiên thu mỹ;
Vạn lý giang sơn vạn lý xuân.

Nghìn thu năm tháng nghìn thu đẹp;
Vạn dặm non sông vạn dặm xuân.

門庭春暖生光彩
田畝年丰樂太平

Môn đình xuân noãn sinh quang thái;
Điền mẫu niên phong lạc thái bình.

Sân nhà xuân ấm sinh mầu sắc;
Đồng ruộng bội thu được thái bình.

水流新韻山流翠
竹報平安梅報春

Thủy lưu tân vận sơn lưu thúy;
Trúc báo bình an mai báo xuân.

Nước khơi vần mới non khơi biếc;
Trúc báo bình an mai báo xuân.

壯麗山河多异彩
文明國度遍高風

Tráng lệ sơn hà đa dị thái;
Văn minh quốc độ biến cao phong.

Sắc thái non sông bao tráng lệ;
Thời phong đất nước thật văn minh.

清風喜打歡心鼓
綠水暢彈如意琴

Thanh phong hỷ đả hoan tâm cổ;
Lục thủy sướng đàn như ý cầm.

Lòng vui trống gióng nhờ gió mát;
Ý toại đàn hay bởi nước xanh.

江山大好英雄健
天地多情草木春

Giang sơn đại hảo anh hùng kiện;
Thiên địa đa tình thảo mộc xuân.

Non sông vận tốt anh hùng mạnh;
Trời đất tình nhiều cây cỏ xanh.

青春有限志無限
歲月無情人有情

Thanh xuân hữu hạn chí vô hạn;
Tuế nguyệt vô tình nhân hữu tình.

Tuổi xanh có hạn chí vô hạn;
Năm tháng vô tình người có tình.

舉目看花花滿目
出門見喜喜盈門

Cử mục khán hoa hoa mãn mục;
Xuất môn kiến hỷ hỷ doanh môn.

Ngước mắt nhìn hoa hoa đầy mắt;
Ra nhà được hỷ hỷ đầy nhà.

春到山鄉遍地喜
福臨農户滿庭春

Xuân đáo sơn hương biến địa hỷ;
Phúc lâm nông hộ mãn đình xuân.

Xuân đến bản làng nơi nơi tốt;
Phúc vào nông hộ chốn chốn xuân.

春風大雅能容物
秋水文章不染塵

Xuân phong đại nhã năng dung vật;
Thu thuỷ văn chương bất nhiễm trần.

春入春天春不老
福臨福地福無疆

Xuân nhập xuân thiên xuân bất lão;
Phúc lâm phúc địa phúc vô cương.

Xuân nhập trời xuân bất lão;
Phúc vào đất phúc phúc vô biên.

強身健骨人長壽
盛世丰年國太平

Cường thân kiện cốt nhân trường thọ;
Thịnh thế phong niên quốc thái bình.

Thân cường cốt mạnh người trường thọ;
Thời thịnh mùa nhiều nước thái bình.

人傑地靈百業興旺
山歡水笑五谷丰登

Nhân kiệt địa linh bách nghiệp hưng vượng;
Sơn hoan thủy tiếu ngũ cốc phong đăng.

Nhân kiệt địa linh bách nghiệp hưng vượng;
Sông cường núi nhộn ngũ cốc bội thu.

倒海移山豪情永在
改天換地樂趣無窮

Đảo hải di sơn hào tình thủy tại;
Cải thiên hoán địa lạc thú vô cùng.

Lấp biển dời non tinh thần còn mãi;
Đổi trời thay đất hứng thú không cùng.

瑞繞重門增百福
春回甲第集千祥

Thụy nhiễu trùng môn tăng bách phúc;
Xuân hồi giáp đệ tập thiên tường.

冬去山川齊秀麗
春來桃李共芬芳

Đông khứ sơn xuyên tề tú lệ.
Xuân lai đào lý cộng phân phương.

Xinh đẹp đồi khe khi đông hết;
Thơm tho đào mận lúc xuân về.

新春喜接新時代
大衆歡呼大有年

Tân xuân hỷ tiếp tân thời đại;
Đại chúng hoa hô đại hữu niên.

Xuân mới đón mừng thời đại mới;
Đại chúng hoan hô đại được mùa.

正策英明處處生机勃勃
春風得意家家喜气洋洋

Chính sách anh minh xứ xứ sinh cơ bột bột;
Xuân phong đắc ý gia gia hỷ khí dương dương.

Chính sách anh minh chốn chốn làm nên lắm lắm;
Gió xuân đúng lúc nhà nhà hớn hở khơi khơi.

政策英明山歡水笑
人心爽快物阜年丰

Chính sách anh minh sơn hoan thủy tiếu;
Nhân tâm sảng khoái vật phụ niên phong.

Chính sách anh minh sông cười núi sướng;
Lòng người sảng khoái vật bội năm hên.

爲人民服務一腔熱血
替群眾理財兩袖清風

Vị nhân dân phục vụ nhất xoang nhiệt huyết;
Thế quần chúng lý tài lưỡng tụ thanh phong.

Phục vụ nhân dân một tấm lòng nhiệt huyết;
Đỡ đần quần chúng hai tay áo thanh phong.

百業興昌欣逢盛世
萬民愉悦喜接新年

Bách nghiệp hưng xương hân phùng thịnh thế;
Vạn dân du duyệt hỷ tiếp tân niên.

Bách nghiệp phồn vinh vui mừng thịnh thế;
Muôn dân phấn chấn chào đón tân niên.

冬去春來千條楊柳迎風綠
民安國泰萬里山河映日紅

Đông khứ xuân lai thiên điều dương liễu nghênh phong lục;
Dân an quốc thái vạn lý sơn hà ánh nhật hồng.

Đông hết xuân về nghìn nhành dương liễu xanh nhờ gió;
Dân an nước thịnh vạn dặm non sông đỏ ánh dương.

田野欣臨春雨春風春景
農家喜有新農新谷新家

Điền dã hân lâm xuân vũ xuân phong xuân cảnh;
Nông gia hỷ hữu tân nông tân cốc tân gia.

Mưa xuân gió xuân cảnh xuân, đồng điền vui đón;
Áo mới lúa mới nhà mới, nông nghiệp mừng vui.

梅柳迎春萬里東風綻桃李
椿萱含笑一門气樂桑榆

Mai liễu nghênh xuân vạn lý đông phong trạn đào lý;
Xuân huyên hàm tiếu nhất môn khí lạc tang du.

Mai liễu đón xuân vạn dặm gió đông đùa đào mận;
Xoan huyên ngậm nụ cả nhà vui vẻ với dâu tằm.

國事和平一家團聚
春光浩蕩四境安寧

Quốc sự hoà bình nhất gia đoàn tụ;
Xuân quang hạo đãng tứ cảnh an ninh.

Việc nước yên bình cả nhà đoàn tụ;
Ánh xuân lồng lộng bốn cõi thái hoà.

汗水潤喉歡唱丰收曲
政策指路敲開致富門

Hãn thủy nhuận hầu hoan xướng phong thu khúc;
Chính sách chỉ lộ xao khai trí phú môn.

Mồ hôi nhuận giọng hát lên khúc mùa được;
Chính sách chỉ đường gọi mở hướng làm giầu.

鑼鼓喧天共奏迎春妙曲
風雷動地同抒蹈海豪情

La cổ huyên thiên cộng tấu nghênh xuân diệu khúc;
Phong lôi động địa đồng trữ đạo hải hào tình.

Khúc nhạc chào xuân hợp tấu vang trời chiêng trống;
Tinh thần vượt biển cùng lúc động đất sấm vang.

美酒千杯共享農歡樂
山歌萬曲唱政策英明

Mỹ tửu thiên bôi cộng hưởng nông hoan lạc;
Sơn ca vạn khúc xướng chính sách anh minh.

Rượu tốt nghìn ly cùng hưởng nhà nông vui vẻ;
Dân ca vạn khúc đồng hát chính sách anh minh.

高舉長山火炬續寫創業史
發揚光榮傳統高唱正气歌

Cao cử Trường Sơn hoả cự tục tả sáng nghiệp sử;
Phát dương quang vinh truyền thống cao xướng chính khí ca.

Dương cao bó đuốc Trường Sơn viết tiếp trang sử mới;
Phát huy truyền thống quang vinh hát vang khúc hành ca.

越馬揚鞭萬眾一心驅窮白
飛花點翠十兆雙手織河山

Việt mã dương tiên vạn chúng nhất tâm khu cùng bạch;
Phi hoa điểm thuý thập triệu song thủ chức hà sơn.

Tuấn mã thêm roi quần chúng một lòng xua nghèo đói;
Hoa thêu điểm bích chục triệu đôi tay dệt non sông.

水笑山歡人勤春早年年好
花香鳥語國泰民安日日新

Thuỷ tiếu sơn hoan nhân cần xuân tảo niên niên hảo;
Hoa hương điểu ngữ quốc thái dân an nhật nhật tân.

Tốt đến năm năm non vui người mẫn mừng xuân sớm;
Ngày ngày đổi mới chim hót hoa thơm đón thái bình.

新歲雨晴祖國千桃爭盛放
故園春滿鄉村百鳥共歸來

Tân tuế vũ tình tổ quốc thiên đào tranh thịnh phóng;
Cố viên xuân mãn hương thôn bách điểu cộng quy lai.

Năm mới ngớt mưa tổ quốc nghìn đào tranh nở toả;
Vườn xưa xuân đến quê hương bách điểu rủ nhau về.

擊筑且高歌英雄气洽三杯酒
彈琴复長嘯壯士胸羅百萬兵

Kích củng thả cao ca anh hùng khí hiệp tam bôi tửu;
Đàn cầm phúc trường khiếu tráng sĩ hung la bách vạn binh.

Gõ gậy lại cao ca anh hùng khí hiệp ba ly rượu;
Gẩy đàn rồi hú lớn tráng sĩ trong lòng bách vạn binh.

移風易俗
除舊布新

Di phong dị tục;
Trừ cựu bố tân.

Dời phong đổi tục;
Trừ cựu tiếp tân.

門迎百福
户納千祥

Môn nghênh bách phúc;
Hộ nạp thiên tường.

Cửa chào bách phúc;
Nhà đón nghìn lành.

春風墨韻
夜雨書聲

Xuân phong mặc vận;
Dạ vũ thư thanh.

Gió xuân làm thơ;
Mưa đêm đọc sách.

祥光滿室
瑞气盈門

Tường quang mãn thất;
Thụy khí doanh môn.

Điềm tốt khắp nhà;
Khí lành đầy cửa.

一方和气
四面春風

Nhất phương hoà khí;
Tứ diện xuân phong.

Một vùng hoà khí;
Bốn phía xuân phong.

花迎喜气
鳥唱春光

Hoa nghênh hỷ khí;
Điểu xướng xuân quang.

Hoa chào điềm tốt;
Chim hót ánh xuân.

天開淑景
人樂丰年

Thiên khai thục cảnh;
Nhân lạc phong niên.

Trời mở cảnh thịnh;
Người vui bội thu.

全家福气
满院春光

Toàn gia phúc khí;
Mãn viện xuân quang.

Toàn gia hưởng phúc;
Khắp chốn ánh xuân.

春光普照
福气長臨

Xuân quang phổ chiếu;
Phúc khí trường lâm.

Ánh xuân chiếu khắp;
Điềm phúc dài lâu.

新年朝气
古國雄風

Tân niên triều khí;
Cổ quốc hùng phong.

Năm mới khí mới;
Nước cổ nếp hùng.

十分春色
萬里鵬程

Thập phân xuân sắc;
Vạn lý bằng trình.

Sắc xuân đầy khắp;
Đường đi muôn dặm.

九州永泰
四季長春

Cửu châu vĩnh thái;
Tứ quý trường xuân.

Toàn quốc thái hoà;
Bốn mùa đều xuân.

江山如畫
大地皆春

Giang sơn như hoạ;
Đại địa giai xuân.

Non sông như vẽ;
Khắp chốn đều xuân.

江山永固
廣宇同春

Giang sơn vĩnh cố;
Quảng vũ đồng xuân.

Non sông bền vững;
Trời đất cùng xuân.

日出千山秀
花開萬里香

Nhật xuất thiên sơn tú;
Hoa khai vạn lý hương.

Trời rạng nghìn non đẹp;
Hoa nở vạn dặm thơm.

腊月初臨福
新年又報祥

Lạp nguyệt sơ lâm phúc;
Tân niên hựu báo tường.

Tháng chạp phúc mới đến;
Đầu năm lại có mừng.

千峰月色
四海春光

Thiên phong nguyệt sắc;
Tứ hải xuân quang.

Nghìn non trăng sáng;
Bốn biển ánh xuân.

春爲一歲首
梅占百花魁

Xuân vi nhất tuế thủ;
Mai chiếm bách hoa khôi.

Một năm xuân là nhất;
Trăm hoa mai đến đầu.

紅旗映日
白米迎春

Hồng kỳ ánh nhật;
Bạch mễ nghênh xuân.

Cờ hồng ánh nhật;
Gạo trắng mừng xuân.

河清海晏
人壽年丰

Hà thanh hải yến;
Nhân thọ niên phong.

Sông trong biển lặng;
Người thọ năm vui.

春降千門福
花開萬户歡

Xuân giáng thiên môn phúc;
Hoa khai vạn hộ hoan.

Xuân về muôn nhà phúc;
Hoa nở vạn hộ vui.

神州騰异彩
祖國頌新章

Thần châu đằng dị thái;
Tổ quốc tụng tân chương.

Muôn sắc hoà sông núi;
Văn mới ngợi nước nhà.

風調雨順
國泰民安

Phong điều vũ thuận;
Quốc thái dân an.

Gió hoà mưa thuận;
Nước thịnh dân vui.

萬家騰笑語
四海慶新春

Vạn gia đằng tiếu ngữ;
Tứ hải khánh tân xuân.

Muôn nhà vui cười nói;
Bốn biển chúc xuân về.

陽光凝大地
春色入人家

Dương quang ngưng đại địa;
Xuân sắc nhập nhân gia.

Ánh dương đầy khắp chốn;
Xuân sắc đến từng nhà.
燕語千門曉
鶯聲萬户春

Yến ngữ thiên môn hiểu;
Oanh thanh vạn hộ xuân.
Yến hót nghìn nhà sáng;
Oanh ca vạn hộ xuân.
春風添畫意
歲月賦詩情

Xuân phong thiêm hoạ ý;
Tuế nguyệt phú thi tình.
Gió xuân thêm ý hoạ;
Năm tháng đọng tình thơ.
年豊人益壽
春早福盈門

Niên phong nhân ích thọ;
Xuân tảo phúc doanh môn.
Năm vui người thêm thọ;
Xuân sớm phúc đầy nhà.
風來花自舞
春入鳥能言

Phong lai hoa tự vũ;
Xuân nhập điểu năng ngôn.
Gió lùa xui hoa múa;
Xuân đến khiến chim ca.
春暖群芳喜
風清百鳥鳴

Xuân noãn quần phương hỷ;
Phong thanh bách điểu minh.
Xuân ấm muôn hương toả;

Gió lùa bách điểu ca.

國家行善政
民眾享康寧

Quốc gia hành thiện chính;
Dân chúng hưởng khang ninh.
Nước nhà đường lối tốt;
Dân chúng hưởng an ninh.

紅點桃花嫩
青描柳色新

Hồng điểm đào hoa nộn;
Thanh miêu liễu sắc tân.
Đào non hoa hồng điểm;
Liễu mới sắc xanh tô.

太平眞富貴
春色大文章

Thái bình chân phú quý;
Xuân sắc đại văn chương.
Thái bình là phú qúy;
Xuân sắc ấy văn chương.

花沐春雨艷
福依党恩生

Hoa mộc xuân vũ diệm;
Phúc y Đảng ân sinh.

Hoa tắm mưa xuân nở;
Phúc nhờ Đảng mà sinh.

花香能醉蝶
柳色欲迷鶯

Hoa hương năng túy điệp;
Liễu sắc dục mê oanh.
Hương hoa làm say bướm;
Sắc liễu khiến mê oanh.

錦繡山河壯
繽紛春色嬌
Cẩm tú sơn hà tráng;
Tân phân xuân sắc kiều.
Gấm vóc non sông mạnh;
Tươi tắn xuân sắc xinh.

喜雨千山果
和風萬樹花
Hỷ vũ thiên sơn quả;
Hoà phong vạn thụ hoa.
Mưa thuận đồi đầy quả;
Gió hoà cây nở hoa.

花開春富貴
竹報歲吉祥
Hoa khai xuân phú qúy;
Trúc báo tuế cát tường.
Hoa nở cho xuân đẹp;
Trúc báo để năm vui.

萬紫千紅地
花團錦簇天
Vạn tử thiên hồng địa;
Hoa đoàn cẩm thốc thiên.
Đất nghìn hồng vạn tía;
Trời hoa nở gấm thêu.

青山添秀色
碧海泛春潮
Thanh sơn thiêm tú sắc;
Bích hải phiếm xuân triều.
Núi xanh thêm sắc tú;
Biển biếc nổi triều xuân.

光風千日暖

麗景百花妍
Quang phong thiên nhật noãn;
Lệ cảnh bách hoa nghiên.
Gió xuân nghìn ngày ấm;
Cảnh đẹp trăm hoa tươi.

歲歲平安日
年年如意春
Tuế tuế bình an nhật;
Niên niên như ý xuân.
Tuế nguyệt bình yên cả;
Năm năm ý xuân vui.

地暖花長發
林幽鳥任歌
Địa noãn hoa trường phát;
Lâm u điểu nhậm ca.
Đất ấm hoa đua nở;
Rừng sâu chim thoả ca.

日月紅光照
乾坤喜气多
Nhật nguyệt hồng quang chiếu;
Càn khôn hỷ khí đa.
Ngày tháng ánh hồng chiếu;
Trời đất điềm tốt nhiều.

破除舊腐俗
表現新精神
Phá trừ cựu hủ tục;
Biểu hiện tân tinh thần.
Hủ tục cũ phải bỏ;
Tinh thần mới cần nêu.

雞鳴萬户曉
鶴舞一年春

Kê minh vạn hộ hiểu;
Hạc vũ nhất niên xuân.
Gà gáy muôn nhà sáng;
Hạc múa một năm xuân.

天地英雄气
風雲浩蕩春
Thiên địa anh hùng khí;
Phong vân hạo đãng xuân.
Trời đất anh hùng khí;
Gió xuân lồng lộng xuân.

雞聲崔曉讀
鳥語喚春耕
Kê thanh thôi hiểu độc;
Điểu ngữ hoán xuân canh.
Tiếng gà sớm đọc sách;
Chim hót báo vụ xuân.

勤劳方致富
和睦可生財
Cần lao phương trí phú;
Hoà mục khả sinh tài.
Chăm làm nên giàu có;
Tử tế được của nhiều.

一帆雲作伴
千里月相隨
Nhất phàm vân tác bạn;
Thiên lý nguyệt tương tuỳ.
Mây một thuyền kết bạn;
Trăng nghìn dặm theo cùng.

四時花似錦
萬衆面皆春
Tứ thời hoa tự cẩm;
Vạn chúng diện giai xuân.

Bốn mùa hoa tựa gấm;
Vạn người mặt đều xuân.

舊歲清除舊弊
新年樹立新風

Cựu tuế thanh trừ cựu tệ;
Tân niên thụ lập tân phong.

Năm cũ tệ cũ quét hết;
Năm mới nếp mới dựng lên.

水秀山青春艷
月圓花好谷香

Thủy tú sơn thanh xuân diệm;
Nguyệt viên hoa hảo cốc hương.

Nước biếc non xanh xuân đượm;
Trăng tròn hoa đẹp gạo thơm.

冬去山青水秀
春來鳥語花香

Đông khứ sơn thanh thủy tú;
Xuân lai điểu ngữ hoa hương.

Đông hết non xanh nước biếc;
Xuân về chim hót hoa thơm.

新歲新年新景
春風春雨春花

Tân tuế tân niên tân cảnh;
Xuân phong xuân vũ xuân hoa.

Tuổi mới năm mới cảnh mới;
Mưa xuân gió xuân hoa xuân.

風展紅旗似畫
春來綠水如煙

Phong triển hồng kỳ tự hoạ;
Xuân lai lục thuỷ như yên.

Gió thổi cờ hồng tựa vẽ;
Xuân về nước biếc như tranh.



Câu đối ở cổng đền Ngọc Sơn (Hà Nội)

Ảnh: Vương Anh

PHONG CẢNH

水繞花還西湖鍾秀
龍朝鳳舞北闕恩光

Thủy nhiễu hoa hoàn, Tây Hồ chung tú;
Long triều phượng vũ, Bắc khuyết ân quang.

Nước ấm, hoa ôm, Hồ Tây hun vẻ đẹp;
Rồng chầu, phượng múa, Cửa Bắc đượm ơn soi.

南水汪洋流不盡
北仇鄭重塊難消

Nam thủy uông dương lưu bất tận
Bắc cừu trịnh trọng khối nan tiêu

Sông Nam cuồn cuộn xuôi bất tận
Thù Bắc sâu xa kết khó quên.

德合地生千古美
恩同雨施萬家春

Đức hợp địa sinh thiên cổ mĩ
Ân đồng vũ thí vạn gia xuân

Đức hợp đất sinh nghìn xưa đẹp
Ơn cùng mưa đến vạn nhà xuân

一念精誠蒙福澤
千秋俸祀沐恩波

Nhất niệm tinh thành mông phúc trạch;

Thiên thu phụng tự mộc ân ba.

Thành kính một niềm ơn phúc trạch;
Phụng thờ nghìn thuở gội ân ba.

爲佛爲仙萬億化身紫竹菩陀東土鑑
樂山樂水千層紅紫青松古柏鳥能言

Vi phật, vi tiên, vạn ức hoá thân, tử trúc bồ đà Đông Thổ giám;
Nhạo sơn, nhạo thuỷ, thiên tầng hồng tử, thanh tùng cổ bách điểu năng ngôn.

Là phật, là tiên, vạn ức hoá thân, trúc tía bồ đà soi miền Đông Thổ;
Yêu non, yêu nước, ngàn tầng đỏ thắm, tùng xanh bách cổ chim biết hót vang.

廟貌山容相隱約
天光雲影共徘徊

Miếu mạo sơn dung tương ẩn ước;
Thiên quang vận ảnh cộng bồi hồi.

Dáng miếu, mặt non cùng thấp thoáng;
Trời quang, mây bóng vẩn vơ hồn.

兎烏隨過往
山水自高聲

Thố ô tuỳ quá vãng;
Sơn thuỷ tự cao thanh.

Thỏ quạ theo nhau đến;
Non nước vốn cao thanh.

天根月掘人來往
水色山光相送迎

Thiên căn nguyệt quật nhân lai vãng;

Thủy sắc sơn quang tương tống nghênh.

Nền trời trăng mọc người lui tới;
Sắc nước màu non đưa đón nhau.

橋引長紅棲島岸
樓當明月坐湖心

Kiều dẫn trường hồng lâu đảo ngạn;
Lâu đương minh nguyệt toạ hồ tâm.

Cầu dẫu muốn dài đậu bờ đảo;
Lầu đương trăng sáng toạ lòng hồ.

夜月或過仙是鶴
濠梁信樂子非魚

Dạ nguyệt hoặc qua tiên thị hạc;
Hào lương tín lạc tử phi ngư.

Dưới nguyệt lướt qua tiên hay hạc;
Trên cầu đôi bạn đoán cá vui.

虎榜龍門善根緣法
硏臺筆塔大塊文章

Hổ bảng long môn thiện căn duyên pháp;
Nghiên đài bút tháp đại khối văn chương.

Bảng hổ cửa rồng theo duyên người thiện;
Đài nghiên tháp bút trời đất văn chương.

平湖張日月
故殿小乾坤

Bình hồ trương nhật nguyệt;
Cố điện tiểu càn khôn.

Hồ phẳng in nhật nguyệt;

Điện cũ tiểu càn khôn.

文光衝斗北
亭影絡湖中

Văn quang xung đẩu Bắc;
Đình ảnh lạc hồ trung.

Ánh văn xông Bắc đẩu;
Đình bóng lọt lòng hồ.

劍有餘靈光若水
文從大塊壽如山

Kiếm hữu dư linh quang nhược thuỷ;
Văn tòng đại khối thọ như sơn.

Kiếm có dấu linh quang tựa nước;
Văn theo trời đất thọ tày non.

道有主張斗北文明之象
人同瞻仰交南禮樂之都

Đạo hữu chủ trương Đẩu Bắc văn minh chi tượng;
Nhân đồng chiêm ngưỡng Giao Nam lễ nhạc chi đô.

Đạo có chủ trương, hình tượng văn minh Bắc Đẩu;
Người cùng chiêm ngưỡng, kinh đô lễ nhạc nước Nam.

山名不在高水靈不在深自有主者
天柱賴以尊地維賴以立維此浩然

Sơn danh bất tại cao, thuỷ linh bất tại thâm, tự hữu chủ giả;
Thiên trụ lại dĩ tôn, địa duy lại dĩ lập, duy thử hạo nhiên.

Danh sơn không tại cao, thuỷ linh không tại sâu, tự thân có chủ;
Thiên trụ nhờ tôn kính, địa duy nhờ được lập, đấy khí hạo nhiên.

位秉圖書開太運
德留翰墨燦天章

Vị bỉnh đồ thư khai thái vận;
Đức lưu hàn mặc xán thiên chương.

Nắm giữ đồ thư khai thái vận;
Đức lưu bút mực sáng thiên chương.

一心白貫萬光旦
四海良回九夢天

Nhất tâm bạch quán vạn quang đán;
Tứ hải lương hồi cửu mộng thiên.

Một tấm lòng ngay muôn năm sáng;
Ngàn trùng tính thiện mãi trời thương.

日朗星輝筆研文章留勝跡
鸞飛鶴降湖山地秀鬱靈聲

Nhật lãng tinh huy bút nghiên văn chương lưu thắng tích;
Loan phi hạc giáng hồ sơn địa tú uất linh thanh.

Trời sáng sao dầy nghiên bút văn chương lưu thắng tích;
Loan bay hạc giáng núi hồ đất đẹp nổi tiếng linh.

惟聖不知惟神不測
在天成象在地成形

Duy thánh bất tri duy thần bất trắc;
Tại thiên thành tượng tại địa thành hình.

Thánh ta bất tri, thần ta bất trắc;
Trời thì thành tượng, đất lại thành hình.

大忠以行乎大勇
至義乃本於至仁

Đại trung dĩ hành hồ đại dũng;
Chí nghĩa nãi bản ư chí nhân.

Đại trung để làm việc đại dũng;
Chí nghĩa là gốc ở chí nhân.

誰知萬古重興業
半在關河半在仁

Thuỳ tri vạn cổ trùng hưng nghiệp;
Bán tại quan hà bán tại nhân.

Ai hay vạn cổ trùng hưng nghiệp;
Nửa ở địa hình nửa ở người.

爲國爲人民文武聖神留顯號
在上在左右聰明正直贊玄機

Vị quốc vị nhân dân văn vũ thánh thần lưu hiển hiệu;
Tại thượng tại tả hữu thông minh chính trực tán huyền cơ.

Vì nước, vì nhân dân, văn vũ thánh thần danh hiển hách;
Tại trên, tại tả hữu, thông minh chính trực, máy diệu huyền.

天上人間同陟降
聖文神武合聲靈

Thiên thượng nhân gian đồng trắc giáng;
Thánh văn thần vũ hợp thanh linh.

Trời đất nhân gian cùng thăng giáng;
Thánh văn thần vũ hợp tiếng linh.

天何言哉顯道非關我卜
神一者也音德只在中經

Thiên hà ngôn tai! hiển đạo phi quan ngã bốc;
Thần nhất giả dã, âm đức chỉ tại trung kinh.

Trời nói gì đâu! đường tỏ chẳng liên quan đến bói;
Thần linh nhất quán, âm đức còn trong sách "Trung kinh".

鎮北古名藍蕩漾西湖光慧日
粵南今勝跡芳從東土振禪關

Trấn Bắc cổ danh lam, đãng dạng Tây Hồ quang tuệ nhật;
Việt Nam kim thắng tích, phương tùng Đông Thổ chấn thiền quan.

Trấn Bắc vốn danh lam, lãng đãng Tây Hồ quang tuệ nhật;
Việt Nam nay thắng tích, ngát hương Đông Thổ giữ thiền quan.

鎮國艷傳洱月濃雲名勝地
安花興睹歐風亞雨太平天

Trấn quốc diễm truyền, Nhị nguyệt, Nùng vân danh thắng địa;
Yên Hoa hưng đổ, Âu phong Á vũ, thái bình thiên.

Trấn Quốc đẹp truyền, trăng Nhị, mây Nùng danh thắng địa;
Yên Hoa hưng vận, gió Âu, mưu Á, thái bình thiên.

福等河沙作福自然得福
功垂萬世興功便見成功

Phúc đẳng hà sa tác phúc tự nhiên đắc phúc;
Công thuỳ vạn thế hưng công tiện kiến thành công.

Phúc tựa cát sông Hằng, làm phúc tự nhiên được phúc;
Công ghi cùng vạn thế, nổi công liền thấy thành công.

爲仙爲佛爲國王生化三身留異蹟
有洞有湖有天帝江山一帶表奇觀

Vi tiên vi phật vi quốc vương sinh hoá tam thân lưu dị tích;
Hữu động hữu hồ hữu thiên đế giang sơn nhất đới biểu kỳ quan.

Là tiên là phật là quốc vương, sinh hoá ba thân lưu tích lạ;
Có động có hồ có thiên đế, giang sơn một dải biểu kỳ quan.

禪門開世界
梵宇小乾坤

Thiền môn khai thế giới;
Phạn vũ tiểu càn khôn.

Cửa thiền mở thế giới;
Chùa Phật nhỏ đất trời.

天地猶依天地舊
草花今異草花前

Thiên địa do y thiên địa cựu;
Thảo hoa kim dị thảo hoa tiền.

Trời đất vẫn như trời đất cũ;
Cỏ hoa nay khác cỏ hoa xưa.

艷麗桃園千古色
莊嚴佛像壹高臺

Diễm lệ đào viên thiên cổ sắc;
Trang nghiêm phật tượng nhất cao đài.

Vườn đào diễm lệ ngàn năm sắc;
Tượng phật trang nghiêm một đài cao.

天保辰亨生聖帝
地靈運泰出神仙

Thiên bảo thời hanh sinh thánh đế;
Địa linh vận thái xuất thần tiên.

Trời giúp hanh thông sinh vua thánh;
Đất linh vận mở xuất thần tiên.

鷲嶺花枯傳密法
頂山聖化顯眞王

Thứu Lĩnh hoa khô truyền mật pháp;
Đỉnh sơn thánh hoá hiển chân vương.

Hoa khô Thứu Lĩnh truyền mật pháp;
Thánh hoá Đỉnh sơn hiển chân vương.

頂上花開標勝境
山中佛蹟顯名藍

Đỉnh thượng hoa khai tiêu thắng cảnh;
Sơn trung phật tích hiển danh lam.

Hoa khai đỉnh núi nêu thắng cảnh;
Dấu phật trong non hiện danh lam.

佛渡眾生莫論富貧榮辱客
法門轉化勿談貴賤智愚人

Phật độ chúng sinh mạc luận phú bần vinh nhục khách;
Pháp môn chuyển hoá vật đàm quý tiện trí ngu nhân.

Phật cứu chúng sinh, chớ bàn khách giàu nghèo vinh nhục;
Pháp môn chuyển hoá, đừng nói kẻ ngu trí sang hèn.

暮鼓朝鍾喚醒塵埃名利客
法聲佛號歸回苦海夢迷人

Mộ cổ triêu chung hoán tỉnh trần ai danh lợi khách;
Pháp thanh phật hiệu quy hồi khổ hải mộng mê nhân.

Chuông sớm trống chiều gọi khách lợi danh trần ai tỉnh lại;
Tiếng kinh câu kệ đưa người mê mộng khổ hải quay về.

眞心所得千年盛
正法興傳萬代榮

Chân tâm sở đắc thiên niên thịnh;
Chính pháp hưng truyền vạn đại vinh.

Lòng thành đạt được ngàn năm thịnh;
Phép chính hưng truyền vạn thuở vinh.

國家有永山河固
佛道無窮日月長

Quốc gia hữu vĩnh sơn hà cố;
Phật đạo vô cùng nhật nguyệt trường.

Quốc gia còn mãi non sông vững;
Đạo phật vô cùng nhật nguyệt trường.

青地弘開傳佛道
竺林通達轉法輪

Thanh địa hoằng khai truyền phật đạo;
Trúc lâm thông đạt chuyển pháp luân.

Thanh địa mở mang truyền đạo phật;
Trúc lâm thông đạt chuyển pháp luân.

大殿輝皇衣缽花開迎瑞日
覺林寂淨菩提樹長送春風

Đại điện huy hoàng y bát hoa khai nghênh thụy nhật;
Giác lâm tịch tĩnh bồ đề thụ trưởng tống xuân phong.

Điện lớn huy hoàng, y bát hoa khai mừng ngày tốt;
Giác lâm tĩnh mịch, bồ đề cây lớn tiễn gió xuân.

聖德妙靈通方信古今蓬島
母儀神運化長留天地雪冰

Thánh đức diệu linh thông, phương tín cổ kim bồng đảo;
Mẫu nghi thần vận hoá, trường lưu thiên địa tuyết băng.

Thánh đức thật linh thông, mới biết xưa nay nơi bồng đảo;
Mẫu nghi thần biến hoá, dài lâu trời đất chốn tuyết băng.

天本再生奇花下題詩神筆在
地仙参降顯御前製錦聖恩嘉

Thiên Bản tái sinh kỳ, hoa hạ đề thi thần bút tại;
Địa Tiên tam giáng hiển, ngự tiền chế cẩm thánh ân gia.

Đất Thiên Bản tái sinh kỳ diệu, dưới hoa đề thơ thần, bút đó;
Miền Tiên Hương tam giáng hiển linh, trước nhà vua dệt gấm, ơn đây.

参世金身子育群生瞻法雨
歷朝葩衮母儀千古凜英風

Tam thế kim thân tử dục quần sinh chiêm pháp vũ;
Lịch triều ba cổn mẫu nghi thiên cổ lẫm anh phong.

Thân vàng ba thế, nuôi dưỡng quần sinh xem pháp vũ;
Áo cổn mấy triều, mẫu nghi thiên cổ nổi anh phong.

生化丰姿山若畫
好生心事石猶銘

Sinh hoá phong tư sơn nhược hoạ;
Hiếu sinh tâm sự thạch do minh.

Sinh hoá phong tư non như vẽ;
Hiếu sinh tâm sự đá còn bia.

天本降生神上等
仙香鍾育女中英

Thiên Bản giáng sinh thần thượng đẳng;
Tiên Hương chung dục nữ trung anh.

Thiên Bản giáng sinh bậc thần thượng đẳng;
Tiên Hương hun đúc bậc nữ anh linh.

普天之下資坤德

化日之中仰聖茲

Phổ thiên chi hạ tư khôn đức;
Hoá nhật chi trung ngưỡng thánh tư.

Khắp dưới gầm trời nương khôn đức;
Giữa ngày mẫu hoá ngưỡng thánh tư.

化而生正氣天上下
神猶在靈聲地北南

Hoá nhi sinh chính khí thiên thượng hạ;
Thần do tại linh thanh địa Bắc Nam.

Hoá như sinh chính khí khắp trời trên dưới;
Thần như tại tiếng linh vang cả Bắc Nam.

五百餘年神故化
再參轉世聖如仙

Ngũ bách dư niên thần cố hoá;
Tái tam chuyển thế thánh như tiên.

Ngũ bách năm dư thần đã hoá;
Tái tam lần biến thánh thành tiên.

普化工高山萬丈
濟生德著月天秋

Phổ hoá công cao sơn vạn trượng;
Tế sinh đức trứ nguyệt thiên thu.

Công phổ hoá núi cao muôn trượng;
Đức tế sinh trăng rọi nghìn thu.

十八人神功未泯
五家興邑德長留

Thập bát nhân thần công vị dẫn
Ngũ gia hưng ấp đức trường lưu

Mười tám nhân thần công không mất
Năm nhà dựng ấp đức dài lâu

(Đền Tam xã, Yên Thắng, Ý Yên)

菩薩前身仙聖佛
師尊萬古孝生慈

Bồ Tát tiền thân tiên thánh phật;
Sư tôn vạn cổ hiếu sinh từ.

Tiền thân Bồ Tát thành tiên, thánh, phật;
Muôn thuở tôn sư đức hiếu, nhân, từ.

川毓河鍾正直神明而一
魚沉鶴落妖嬌婉艷無雙

Xuyên dục hà chung, chính trực thần minh nhi nhất;
Ngư trầm hạc lạc, yêu kiều uyển diễm vô song.

Sông nuôi nước luyện, chính trực thần minh bậc nhất;
Cá lặn hạc sa, yêu kiều diễm lệ không hai.

終古此江山日月當門隆棟幹
高勳垂宇宙孝忠單節植根基

Chung cổ thử giang sơn nhật nguyệt đương môn long đống cán;
Cao huân thuỳ vũ trụ hiếu trung đơn tiết thực căn cơ.

Sông núi mãi còn đây, nhật nguyệt sáng soi tài lương đống;
Công cao trùm vũ trụ, hiếu trung tiết tháo dựng căn cơ.

昔人已去此地空餘風雨不關成一古
承相大名宗臣遺像江山有幸共千秋

Tích nhân dĩ khứ thử địa không dư phong vũ bất quan thành nhất cổ;

Thừa tướng đại danh tông thần di tượng giang sơn hữu hạnh cộng thiên thu.

Người xưa đã mất, đất này luống còn lưu, mưa gió chẳng phai thành chuyện cũ;
Thừa tướng đại danh, di tượng bậc tông thần, giang sơn may mắn mãi ngàn thu.

南北四方尊正氣
陳黎歷代贈忠勳

Nam Bắc tứ phương tôn chính khí;
Trần Lê lịch đại tặng trung huân.

Nam Bắc bốn phương tôn chính khí;
Trần Lê lịch đại tặng công huân.

臨水登山一路漸入佳景
尋源訪古此中無限風光

Lâm thuỷ đăng sơn nhất lộ tiệm nhập giai cảnh;
Tầm nguyên phỏng cổ thử trung vô hạn phong quang.

Men nước lần non, một đường dần vào cảnh đẹp;
Tìm nguồn hỏi cổ, trong đây vô hạn phong quang.

立人標表開人徑
度世津梁覺世關

Lập nhân tiêu biểu khai nhân kính;
Độ thế tân lương giác thế quan.

Lập nhân hãy mở đường nhân kính;
Độ thế điều cần biết thế quan.

道若路然得其門而入
聖即天也不可階而升

Đạo nhược lộ nhiên đắc kỳ môn nhi nhập;
Thánh tức thiên dã bất khả giai nhi thăng.

Đạo như đường ấy được cửa thì nhập;
Thánh tức trời vậy không thể leo mà lên.

萬 劫 有 山 皆 劍 氣
六 頭 無 水 不 秋 聲

Vạn Kiếp hữu sơn giai hiếm khí;
Lục Đầu vô thuỷ bất thu thanh.

Vạn Kiếp núi non đều khí kiếm;
Lục Đầu sông nước lắng hơi thu.

安 南 壯 氣 山 河 在
平 北 餘 靈 草 木 知

An Nam tráng khí sơn hà tại;
Bình Bắc dư linh thảo mộc tri.

Tráng khí An Nam sông núi đó;
Dư linh bình Bắc cỏ cây hay.

單 門 廣 大 眞 常 樂
光 景 慈 悲 法 界 觀

Thiền môn quảng đại chân thường lạc;
Quang cảnh từ bi pháp giới quan.

Cửa thiền rộng mở vô cùng lạc;
Quang cảnh từ bi khắp thế quan.

家 君 子 賢 人 出 入
門 英 雄 貴 客 往 來

Gia quân tử hiền nhân xuất nhập;
Môn anh hùng qúy khách vãng lai.

Nhà quân tử người hiền lui tới;
Cửa anh hùng khách qúy vãng lai.

洪鍾驚大夢
舊館喜新成

Hồng chung kinh đại mộng;
Cựu quán hỷ tân thành.

Chuông lớn tan giấc mộng;
Quán xưa mừng tân thành.

春風不怒千花笑
秋水無心四海平

Xuân phong bất nộ thiên hoa tiếu;
Thu thuỷ vô tâm tứ hải bình.

Xuân phong chẳng giận, nghìn hoa mỉm;
Thu thủy vô tâm, bốn bể bằng.

祇園始自陳皇帝
寶座依然佛聖人

Kỳ viên thuỷ tự Trần Hoàng đế
Bảo toạ y nhiên Phật Thánh nhân

Vườn chùa có tự đời Trần đế
Điện phật như xưa thuở Thánh nhân

(Chùa Trùng Khánh, TP. Nam Định)

自西來東南北此心同此理
從漢始宋齊梁其道即其心

Tự Tây lai, Đông, Nam, Bắc, thử tâm đồng thử lý;
Tòng Hán thủy, Tống, Tề, Lương, kỳ đạo tức kỳ tâm.

Đến từ Tây, Đông, Nam, Bắc, tâm ấy cùng lẽ ấy;
Đầu kể Hán, Tống, Tề, Lương, đạo này tức tâm này.

生為國柱顯為神
福在萬民功在世

Sinh vi quốc trụ, hiển vi thần;
Phúc tại vạn dân, công tại thế.

Sống làm quốc trụ thác làm thần;
Phúc tại muôn dân công tại thế.

國祖降生開貉域
邦君經統肇雄基

Quốc tổ giáng sinh khai Lạc vực;
Bang quân kinh thống triệu Hùng cơ.

Quốc tổ giáng sinh khai nước Lạc;
Nhà vua gây dựng mở nền Hùng.

二帝之間光史册
萬春以後色山河

Nhị đế chi gian quang sử sách;
Vạn xuân dĩ hậu sắc sơn hà.

Nhị đế trước ngày ngời sử sách;
Vạn xuân sau đo đẹp sơn hà.

生為將死為神正氣留行天地並
功在陳名在史英聲赫濯古今聞

Sinh vi tướng tử vi thần chính khí lưu hành thiên địa tịnh;
Công tại Trần danh tại sử anh thanh hách trạc cổ kim văn.

Sinh làm tướng, tử làm thần, chính khí lưu hành ngang trời đất;
Công tại Trần, danh tại sử, tiếng tăm lừng lẫy suốt xưa nay.

功参廣大慈悲佛
德一聰明正直神

Công tham quảng đại từ bi Phật;
Đức nhất thông minh chính trực Thần.

Công ngang trời đất từ bi Phật;
Đức tối thông minh chính trực Thần.

雄王創藉田耕藝
聖賢頒業寶明農

Hùng vương sáng tịch điền canh nghệ;
Thánh hiền ban nghiệp bảo minh nông.

Vua Hùng mở nghề dạy cày cấy;
Thánh hiền ban nghiệp trọng nghề nông.

義祖高懸天地白
忠肝廣對鬼神知

Nghĩa tổ cao huyền thiên địa bạch;
Trung can quảng đối quỷ thần tri.

Nghĩa tổ cao siêu trời đất rõ;
Gan trung lẫm liệt quỷ thần hay.

廣流正氣匡扶廟貌焄蒿彰聖德
論誌英聲自古山河壯麗赫神威

Quảng lưu chính khí khuông phù miếu mạo huân cao chương thánh đức;
Luận chí anh thanh tự cổ sơn hà tráng lệ hách thần uy.

Rộng dòng chính khí giữ gìn miếu mạo khói hương tỏ thánh đức;
Ghi chép tiếng vang tự cổ non sông tráng lệ chói thần uy.

流芳千載地壘以立天柱以尊

歷相三朝君名有榮臣號有顯

Lưu phương thiên tải, địa luỹ dĩ lập, thiên trụ dĩ tôn;
Lịch tướng tam triều quân danh hữu vinh, thần hiệu hữu hiển.

Lũy đặt đã dựng, trụ trời đã tôn, lưu thơm ngàn thuở;
Danh vua được vinh, hiệu tôi được tỏ, trải đã ba triều.

有開必先功德從來遠矣
克昌厥後子孫弗替引之

Hữu khai tất tiên, công đức tòng lai viễn hĩ;
Khắc xương quyết hậu, tử tôn phất thế dẫn chi.

Mở mang đi trước, công đức đến nay còn mãi;
Thịnh vượng đến sau, cháu con tiếp nối chẳng rời.

萬古開長夜
千載印寒江

Vạn cổ khai trường dạ;
Thiên tải ấn hàn giang.

Muôn thuở mở đêm dài;
Ngàn năm in sông lạnh.

一德現天誠自化
百年顯聖品非凡

Nhất đức hiện thiên thành tự hoá;
Bách niên hiển thánh phẩm phi phàm.

Một đức hiện trời, thành tự hoá;
Trăm năm hiển thánh, phẩm phi phàm.

南天拾捌世車書初頭第壹聖
西嶽億萬年香火上等最靈神

Nam thiên thập bát thế xa thư, sơ đầu đệ nhất Thánh;
Tây Nhạc ức vạn niên hương hoả, thượng đẳng tối linh Thần.

Trời Nam mười tám đời truyền nối, buổi đầu đệ nhất Thánh;
Tây Nhạc ức vạn năm hương hoả, thượng đẳng tối linh Thần.

高族遺尊萬代長存名繼盛
祖堂靈拜千年凭在德留光

Cao tộc di tôn vạn đại trường tồn danh kế thịnh;
Tổ đường linh bái thiên niên bằng tại đức lưu quang.

Dòng họ tôn vinh, muôn thuở dài lâu danh vẫn thịnh;
Tổ đường cúng bái, ngàn năm nhờ cậy đức còn quang.

祖堂百世香花在
裔族千秋福祿長

Tổ đường bách thế hương hoa tại;
Duệ tộc thiên thu phúc lộc trường.

Tổ đường trăm thuở, hương hoa cúng;
Dòng họ ngàn năm, phúc lộc dài.

祖功宗德萬古精神萃聚
春祀秋常億年香火焄蒿

Tổ công tông đức vạn cổ tinh thần tụy tụ;
Xuân tự thu thường ức niên hương hoả huân cao.

Tổ công tông đức, muôn thuở tinh thần hội tụ;
Xuân cúng thu lễ, ức niên hương hoả thơm tho.

片念追思存本族
百年香火憶先功

Phiến niệm truy tư tồn bản tộc;
Bách niên hương hoả ức tiên công.

Tấm lòng tìm hiểu về giòng họ;
Trăm năm hương hoả nhớ công xưa.

出入仰彌高然在
往來瞻起敬誠心

Xuất nhập ngưỡng di cao nhiên tại;
Vãng lai chiêm khởi kính thành tâm.

Ngửa thấy càng cao, ra vào còn đấy;
Người thêm kính trọng, qua lại thành tâm.

天書定份正統肇明都百粵山河之有祖
光岳協靈故宮成萃廟三江襟帶尚朝尊

Thiên thư định phận, chính thống triệu minh đô Bách Việt sơn hà chi hữu tổ;
Quang nhạc hiệp linh, cố cung thành tụy miếu tam giang khâm đới triều tôn.

Thiên thư định phận, chính thống mở kinh thành, Bách Việt núi sông đà có chủ;
Núi lớn cùng thiêng, cố cung thành miếu mạo, Tam Giang áo mũ vẫn duy trì.

啓我南邦鴻貉千秋尊帝國
顯丁西土傘瀘一帶壽新祠

Khải ngã Nam bang Hồng Lạc thiên thu tôn đế quốc;
Hiển Đinh Tây Thổ Tản Lô nhất đới thọ tân từ.

Mở nước Nam ta, Hồng Lạc ngàn thu tôn đế hiệu;
Sáng ngời Tây Thổ, Tản Lô một dải thọ tân từ.

萬世豪雄德樹栽培增五福
千年文憲仁基興盛享三多

Vạn thế hào hùng đức thụ tài bồi tăng ngũ phúc;

Thiên niên văn hiến nhân cơ hưng thịnh hưởng tam đa.

Muôn thuở hào hùng, cây đức vun trồng tăng ngũ phúc;
Ngàn năm văn hiến, nền nhân hưng thịnh hưởng tam đa.

德大安民心同千古盛
雄朝護國德化萬年思

Đức đại an dân, tâm đồng thiên cổ thịnh;
Hùng triều hộ quốc, đức hoá vạn niên tư.

Đức lớn yên dân, đồng tâm ngàn thuở thịnh;
Hùng triều giữ nước, đức hoá vạn năm ơn.

大地雄王愛國民生盛王
東向南天和平造立千秋

Đại địa Hùng vương ái quốc dân sinh thịnh vượng;
Đông hướng Nam thiên hoà bình tạo lập thiên thu.

Đất lớn vua Hùng, yêu nước sinh dân thịnh vượng;
Đông hướng trời Nam, hoà bình gây dựng ngàn thu.

始帝炎邦貞淑五南起業
生神古地樓臺一蔟重新

Thủy đế viêm bang trinh thục ngũ Nam khởi nghiệp;
Sinh thần cổ địa lâu đài nhất thốc trùng tân.

Vua đầu viêm bang, trinh thục ngũ nam dựng nghiệp;
Thần sinh đất cổ, lâu đài một cụm mới xây.

蜀朝社稷尊天柱
香嶺山河壯帝居

Thục triều xã tắc tôn thiên trụ;
Hương lãnh sơn hà tráng đế cư.

Đất nước triều Thục tôn cột trời;

Non sông Hương lĩnh mạnh đất đế.

慈閫留香作養人才標女烈
故鄉遺跡勤勞王室顯臣忠

Từ khổn lưu hương tác dưỡng nhân tài tiêu nữ liệt;
Cố hương di tích cần lao vương thất hiển thần trung.

Phòng mẹ thơm hương, nuôi dạy nhân tài nêu liệt nữ;
Làng quê dấu tích, siêng năng việc nước tỏ trung thần.

不愧古人稱烈女
養成當代一忠臣

Bất qúy cổ nhân xưng liệt nữ;
Dưỡng thành đương đại nhất trung thần.

Chẳng thẹn người xưa khen liệt nữ;
Nuôi dạy đời nay một trung thần.

聖德冠南天默佑鄉民康泰
神威騰北地匡扶社稷安寧

Thánh đức quán Nam thiên mặc hựu hương dân khang thái;
Thần uy đằng Bắc địa khuông phù xã tắc an ninh.

Thánh đức chủ trời Nam, giúp đỡ dân làng khang thái;
Thần uy trùm đất Bắc, khuông phù đất nước an ninh.

顯應默扶寧國勢
感通威鎮護民鄉

Hiển ứng mặc phù ninh quốc thế;
Cảm thông uy trấn hộ dân hương.

Hiển ứng giúp vững bền thế nước;
Cảm thông uy bảo hộ dân làng.

歷朝翊運千年史
越甸鐘靈萬古神

Lịch triều dực vận thiên niên sử;
Việt điện chung linh vạn cổ thần.

Các triều rạng rỡ sử ngàn năm;
Đất Việt linh thiêng thần vạn thuở.

雄嶺千秋標正氣
洮江一陳震奇功

Hùng lĩnh thiên thu tiêu chính khí;
Thao giang nhất trận chấn kỳ công.

Núi Hùng ngàn năm nêu chính khí;
Sông Thao một trận nổi kỳ công.

只有孤忠事去而心存故國
別成會所民間而肅若朝廷

Chỉ hữu cô trung sự khứ nhi tâm tồn cố quốc;
Biệt thành hội sở dân gian nhi túc nhược triều đình.

Chỉ có cô trung, việc cũ mà lòng còn nhớ nước;
Riêng thành hội sở, dân gian nghiêm túc tựa trong triều.

應蜀聘扶蜀危莫大勳名標宇宙
抗趙軍嗎趙使提高義氣作山河

Ứng Thục sính, phù Thục nguy, mạc đại huân danh tiêu vũ trụ;
Kháng Triệu quân, mạ Triệu sứ, đề cao nghĩa khí tác sơn hà.

Làm rể Thục, cứu nguy Thục, khó sánh tiếng tăm nêu vũ trụ;
Chống quân Triệu, mắng sứ Triệu, đề cao nghĩa khí giữ sơn hà.

千秋永烈傳名將
一對洮河邑舊祠

Thiên thu vĩnh liệt truyền danh tướng;
Nhất đối Thao hà ấp cựu từ.

Ngàn năm rực rỡ lưu danh tướng;
Một ấp Thao hà vẫn điện xưa.

歷代褒封光古廟
邑民歌舞樂春臺

Lịch đại bao phong quang cổ miếu;
Ấp dân ca vũ lạc xuân đài.

Các đời ngợi khen sáng miếu cổ;
Ấp dân ca múa rộn đài xuân.

忠心如白日
正氣壯山河

Trung tâm như bạch nhật;
Chính khí tráng sơn hà.

Lòng trung tựa trời sáng;
Khí chính mạnh non sông.

乃武乃文厥靈傳歷代
如日如月多福播群黎

Nãi vũ nãi văn quyết linh truyền lịch đại;
Như nhật như nguyệt đa phúc bá quần lê.

Gồm vũ gồm văn, tiếng thiêng truyền triều đại;
Tựa nhật tựa nguyệt, phúc ban đến nhân dân.

鍾毓何年水秀山英纏宇宙
邦扶依昔民安物阜拜神庥

Chung dục hà niên thuỷ tú sơn anh triền vũ trụ;
Bang phù y tích dân an vật phụ bái thần hưu.

Chung đúc năm nào, nước đẹp non thiêng quanh vũ trụ;
Giữ gìn như cũ, dân yên vật thịnh đội ơn thần.

廟宇功全上下斯民蒙利樂
高明位列西東觀者翕顒孚

Miếu vũ công toàn thượng hạ tư dân mông lợi lạc;
Cao minh vị liệt tây đông quan giả hấp ngung phu.

Miếu vũ nên công, trên dưới, dân đây nhờ lợi lạc;
Cao minh đặt chỗ, tây đông khách đến gợi niềm tin.

淑慎閨儀南國山河資内治
清高廟貌方民香火顯英靈

Thục thận khuê nghi Nam quốc sơn hà tư nội trị;
Thanh cao miếu mạo phương dân hương hoả hiển anh linh.

Thận trọng khuê nghi, sông núi nước Nam nhờ nội trị;
Thanh cao miếu mạo, khói hương dân nhớ hiển anh linh.

世歷雄紀以來先後彰靈盛跡
廟祠珥江之上春秋頂祝英聲

Thế lịch Hùng kỷ dĩ lai tiên hậu chương linh thịnh tích;
Miếu từ Nhĩ giang chi thượng xuân thu đỉnh chúc anh thanh.

Trải bao thế kỷ vua Hùng, sau trước rỡ ràng dấu tích;
Đền miếu trên bờ sông Nhĩ, xuân thu cầu chúc anh linh.

後先濯也功於國
左右洋乎祀在民

Hậu tiên trạc dã công ư quốc;
Tả hữu dương hồ tự tại dân.

Công với nước, trước sau rộng lớn;
Thờ do dân, trái phải mênh mông.

開闔間乾坤軸區顯赫英聲藏秘廟
歌聚處春臺壽域太平景像屬清河

Khai hạp gian, càn khôn trục khu, hiển hách anh thanh tàng bí miếu;
Ca tụ xứ, xuân đài thọ vực, thái bình cảnh tượng thuộc thanh hà.

Nơi đóng mở càn khôn trọng yếu, lừng lẫy tiếng tăm ghi miếu kín;
Chốn hội ca đài xuân thịnh vượng, thái bình cảnh tượng ở sông trong.

爲將爲神萬古靈聲傳越境
在民在國千秋功德引洮江

Vi tướng vi thần vạn cổ linh thanh truyền Việt cảnh;
Tại dân tại quốc thiên thu công đức dẫn Thao giang.

Làm tướng làm thần, vạn thuở anh linh truyền đất Việt;
Ở dân ở nước, ngàn năm công đức nhuận dòng Thao.

雄朝名將同生化
傘嶺有神自古今

Hùng triều danh tướng đồng sinh hoá;
Tản lĩnh hữu thần tự cổ kim.

Danh tướng triều Hùng chung sống thác;
Có thần núi Tản tự xưa nay.

山秀水佳如畫高清傘珥
地靈人傑兼優韜略孫吳

Sơn tú thuỷ giai như hoạ cao thanh Tản Nhĩ;
Địa linh nhân kiệt kiêm ưu thao lược Tôn Ngô.

Tản, Nhĩ cao trong, nước biếc non xanh như vẽ;
Tôn, Ngô thao lược, người kiệt đất linh gồm tài.

聖德英靈扶國盛
神功赫濯助民安

Thánh đức anh linh phù quốc thịnh;
Thần công hách trạc trợ dân an.

Đức thánh anh linh, phù nước thịnh;
Công thần hiển hách, giúp dân an.

洮水源深流益遠
東阿日暮影猶長

Thao thuỷ nguyên thâm lưu ích viễn;
Đông a nhật mộ ảnh do trường.

Thao giang nguồn rộng, dòng xa thẳm;
Trần nghiệp về chiều, bóng vẫn dài.

退敵助神功南國山河猶所在
安民留聖德雄朝苗裔到于今

Thoái địch trợ thần công, Nam quốc sơn hà do sở tại;
An dân lưu thánh đức, Hùng triều miêu duệ đáo vu kim.

Đuổi giặc có công thần, núi sông Nam Việt đây còn mãi;
Yên dân nhờ đức thánh, con cháu vua Hùng đến tận nay.

孝忠節烈存今古
廟宇樓臺紀後來

Hiếu trung tiết liệt tồn kim cổ;
Miếu vũ lâu đài kỷ hậu lai.

Hiếu trung tiết liệt còn kim cổ;
Miếu vũ lâu đài gửi cháu con.

才兼文武中興將
德合陰陽上等神

Tài kiêm văn vũ trung hưng tướng;
Đức hợp âm dương thượng đẳng thần.

Tài kiêm văn võ tướng trung hưng;
Đức hợp âm dương thần thượng đẳng.

繼祖傳宗光有永
聯燈續焰映無邊

Kế tổ truyền tông quang hữu vĩnh;
Liên đăng tục diệm ánh vô biên.

Tiếp nối cháu con ngời sáng mãi;
Lâu đài đèn lửa rạng khôn cùng.

廟宇千秋明祀典
香燈百世事先靈

Miếu vũ thiên thu minh tự điển;
Hương đăng bách thế sự tiên linh.

Miếu vũ ngàn năm sáng nghi lễ;
Đèn hương trăm thuở cúng tiên linh.

節義匡扶宗國祚
靈聲赫濯護斯民

Tiết nghĩa khuông phù tông quốc tộ;
Linh thanh hách trạc hộ tư dân.

Tiết nghĩa khuông phù bền phúc nước;
Linh thiêng lừng lẫy giúp cho dân.

忠孝一心天地照
敬誠二字鬼神知

Trung hiếu nhất tâm thiên địa chiếu;
Kính thành nhị tự quỷ thần tri.

Trung hiếu một lòng trời đất tỏ;
Kính thành hai chữ quỷ thần hay.

邦國匡扶歷代靈聲垂宇宙
方民翊相千秋正氣壯山河

Bang quốc khuông phù lịch đại linh thanh thuỳ vũ trụ;
Phương dân dực tướng thiên thu chính khí tráng sơn hà.

Trải mấy linh thiêng trùm vũ trụ, đất nước khuông phù;
Ngàn năm chính khí mạnh non sông, nhân dân giúp đỡ.

護國庇民萬古英靈傳勝地
除災捍患千秋福惠蔭斯民

Hộ quốc tý dân vạn cổ anh linh truyền thắng địa;
Trừ tai hãn hoạn thiên thu phúc huệ ấm tư dân.

Giúp nước, đỡ dân, muôn thuở anh linh truyền đất đẹp;
Trừ tai, cứu nạn, ngàn năm phúc huệ ấm dân này.

允武允文閱世勳功垂竹帛
乃神乃聖歷朝典重壯方村

Doãn vũ doãn văn, duyệt thế huân công thuỳ trúc bạch;
Nãi thần nãi thánh lịch triều điển trọng tráng phương thôn.

Đủ võ đủ văn từng trải công lao ghi trúc lụa;
Là thần là thánh các triều trọng vọng mạnh thôn dân.

生爲良將爲忠臣凜烈
化作尊神作顯聖大王

Sinh vi lương tướng vi trung thần lẫm liệt;
Hoá tác tôn thần tác hiển thánh đại vương.

Sống làm lương tướng, làm trung thần lẫm liệt;
Chết hoá tôn thần, hoá hiển thánh đại vương.

保國護民昭聖德
除災降福顯神功

Bảo quốc hộ dân chiêu thánh đức;
Trừ tai giáng phúc hiển thần công.

Giữ nước giúp dân ngời thánh đức;
Trừ tai giáng phúc tỏ uy thần.

靈光重鎮山河世
寶應旁觀殿閣謨

Linh quang trọng trấn sơn hà thế;
Bảo ứng bàng quan điện các mô.

Linh thiêng trấn giữ non sông cậy;
Đáp ứng chẳng màng, điện các nhờ.

水底何年留顯跡
秋臺自古仰餘威

Thuỷ để hà niên lưu hiển tích;
Thu đài tự cổ ngưỡng dư uy.

Đáy nước năm nào, lưu hiển tích;
Đài thu tự cổ, ngưỡng uy thừa.

陰扶越地中興聖
名鎮南天上等神

Âm phù Việt địa Trung hưng thánh;
Danh trấn Nam thiên Thượng đẳng thần.

Âm phù đất Việt, Trung hưng thánh;
Danh trấn trời Nam, Thượng đẳng thần.

南海神封天有敕
乾門波静地餘靈

Nam hải thần phong thiên hữu sắc;
Càn môn ba tĩnh địa dư linh.

Biển Nam phong thần, trời có sắc;
Cửa Càn sóng lặng, đất còn thiêng.

(Đền Quất Lâm, Nam Định)

萬古功成名顯達
千秋德盛姓繁榮

Vạn cổ công thành danh hiển đạt;
Thiên thu đức thịnh tính phồn vinh.

Muôn thuở công thành, danh hiển đạt;
Ngàn thu đức thịnh, họ phồn vinh.

亞雨歐風新砥柱
雄崗傘嶺舊封疆

Á vũ Âu phong tân chỉ trụ;
Hùng cương Tản lĩnh cựu phong cương.

Mưa Á gió Âu nền cột mới;
Núi Hùng non Tản cõi bờ xưa.

象嶺天開標正氣
馬江地闢顯英靈

Tượng lĩnh thiên khai tiêu chính khí;
Mã giang địa tịch hiển anh linh.

Trời mở núi Voi nêu chính khí;
Đất bày sông Mã tỏ anh linh.

一歲風波平宋賊
千秋香火振南邦

Nhất tuế phong ba bình Tống tặc;
Thiên thu hương hoả chấn Nam bang.

Sóng gió một năm, bình giặc Tống;

Hương hoả ngàn thu, rậy nước Nam.

劫嶺瀘江標正氣
花旗寶劍翊靈聲

Kiếp lĩnh Lô giang tiêu chính khí;
Hoa kỳ bảo kiếm dực linh thanh.

Núi Kiếp, sông Lô nêu chính khí;
Cờ hoa kiếm báu sáng linh thiêng.

花石鐘靈神將化身平北宋
黃雲秀氣天星降世翊南天

Hoa thạch chung linh thần tướng hoá thân bình Bắc Tống;
Hoàng vân tú khí thiên tinh giáng thế dực Nam thiên.

Hoa đá linh thiêng, thần tướng hoá thân bình Bắc Tống.
Mây vàng khí đẹp, thiên tinh giáng thế giúp trời Nam.

寵綏四辰如在上在左右
濯靈萬古保此土此人民

Sủng tuy tứ thời, như tại thường tại tả hữu;
Trạc linh vạn cổ, bảo thử thổ thử nhân dân.

Nối tiếp bốn mùa, như ở trên, như trái phải;
Linh thiêng muôn thuở, giữ đất này, nhân dân này.

正統南天分宇宙
功平北宋壯山河

Chính thống Nam thiên phân vũ trụ;
Công bình Bắc Tống tráng sơn hà.

Dòng chính trời Nam chia vũ trụ;
Công bình Bắc Tống mạnh non sông.

平虜威聲北敵寒心遽甲
慕珠舊跡南邦勝地退袍

Bình lỗ uy thanh, Bắc địch hàn tâm cự giáp;
Mộ Châu cự tích Nam bang thắng địa thoái bào.

Dẹp giặc lừng danh, quân Bắc kinh hồn quẳng giáp;
Mộ Châu dấu cũ, trời Nam đất vượng cởi bào.

墓下鐘靈留顯跡
黎朝護國震雄威

Mộ hạ chung linh lưu hiển tích;
Lê triều hộ quốc chấn hùng uy.

Dưới mộ linh thiêng lưu hiển tích;
Triều Lê hộ quốc rậy hùng uy.

福民可拜三公削
壽聖能呼萬歲聲

Phúc dân khả bái tam công tước;
Thọ thánh năng hô vạn tuế thanh.

Phúc dân đáng bái tước tam công;
Thọ thánh nên hô câu vạn tuế.

德大安民千古在
功高護國萬年長

Đức đại an dân thiên cổ tại;
Công cao hộ quốc vạn niên trường.

Đức lớn yên dân ngàn thuở thịnh;
Công cao giữ nước vạn năm dài.

前土宅後靈祠至今不改
孝於家忠與國自古猶傳

Tiền thổ trạch hậu linh từ chí kim bất cải;
Hiếu ư gia trung dữ quốc tự cổ do truyền.

Trước chỗ ở, sau đền thiêng; đến nay chẳng đổi;
Hiếu trong nhà, trung với nước, từ cổ còn truyền.
(Đền Cố Trạch, Nam Định).

秀 氣 一 胞 留 越 史
雄 風 萬 古 懍 神 威

Tú khí nhất bào lưu Việt sử;
Hùng phong vạn cổ lẫm thần uy.

Một bọc khí thiêng lưu sử Việt;
Muôn năm gió mạnh trọng uy thần.

赫 赫 厥 聲 霑 度 澤
洋 洋 在 上 仰 靈 光

Hách hách quyết thanh chiêm độ trạch;
Dương dương tại thượng ngưỡng linh quang.

Lừng lẫy tiếng tăm nhuần ơn trạch;
Thăm thẳm trên cao thấy khí thiêng.

德 博 聖 文 澄 鱷 舞
威 儀 神 武 帖 鯨 呑

Đức bác thánh văn trừng ngạc vũ;
Uy nghi thần võ thiếp kình thôn.

Đức rộng thánh văn trừng múa ngạc;
Uy nghi thần võ diệt quân kình.

砥 柱 高 標 明 日 月
金 甌 永 典 守 山 河

Chỉ trụ cao tiêu minh nhật nguyệt;

平虜威聲北敵寒心遽甲
慕珠舊跡南邦勝地退袍

Bình lỗ uy thanh, Bắc địch hàn tâm cự giáp;
Mộ Châu cự tích Nam bang thắng địa thoái bào.

Dẹp giặc lừng danh, quân Bắc kinh hồn quẳng giáp;
Mộ Châu dấu cũ, trời Nam đất vượng cởi bào.

墓下鐘靈留顯跡
黎朝護國震雄威

Mộ hạ chung linh lưu hiển tích;
Lê triều hộ quốc chấn hùng uy.

Dưới mộ linh thiêng lưu hiển tích;
Triều Lê hộ quốc rậy hùng uy.

福民可拜三公削
壽聖能呼萬歲聲

Phúc dân khả bái tam công tước;
Thọ thánh năng hô vạn tuế thanh.

Phúc dân đáng bái tước tam công;
Thọ thánh nên hô câu vạn tuế.

德大安民千古在
功高護國萬年長

Đức đại an dân thiên cổ tại;
Công cao hộ quốc vạn niên trường.

Đức lớn yên dân ngàn thuở thịnh;
Công cao giữ nước vạn năm dài.

前土宅後靈祠至今不改
孝於家忠與國自古猶傳

Kim âu vĩnh điển thủ sơn hà.

Trụ đá nêu cao sáng nhật nguyệt;
Âu vàng lập phép giữ sơn hà.

一柱高標芳山有勁骨
千秋永九土玉生德才

Nhất trụ tiêu phương sơn hữu kình cốt;
Thiên thu vĩnh cửu thổ ngọc sinh đức tài.

Một cột nêu cao, núi danh có cốt cứng;
Ngàn năm vĩnh cửu, đất ngọc sinh đức tài.

往以尊喝水爭高徵廟宇
銅可儔浪湖不折漢風雷

Vãng dĩ tôn, Hát thuỷ tranh cao Trưng miếu vũ;
Đồng khả trù, Lãng hồ bất chiết Hán phong lôi.

Sông Hát réo vươn cao, mãi tôn vinh đền miếu hai Bà;
Sóng gió Lãng hồ, chưa bẻ gãy cột đồng Đông Hán.

農壯秀氣留顯跡
丁朝護國震雄威

Nông trang tú khí lưu hiển tích;
Đinh triều hộ quốc chấn hùng uy.

Nông trang khí đẹp lưu danh tiếng;
Triều Đinh giữ nước rạy oai hùng.

百戰立奇功懿親良將
千秋傳勝跡故宅新祠

Bách chiến lập kỳ công ý thân lương tướng;
Thiên thu truyền thắng tích cố trạch tân từ.

Trăm trận lập kỳ công, Hoàng thân tướng giỏi;;

Ngàn thu truyền cảnh đẹp, Cố Trạch đền nay.

(Đền Cố Trạch, Nam Định).

宋賊解兵衷帝命
李朝開國顯神功

Tống tặc giải binh trung đế mệnh;
Lý triều khai quốc hiển thần công.

Giặc Tống lui quân, vì trời khiến;
Lý triều mở nước, rạng thần công.

一陣黑雲除漢寇
千秋香火應洲區

Nhất trận hắc vân trừ Hán khấu;
Thiên thu hương hoả ứng Châu khu.

Một trận mây đen, trừ giặc Hán;
Ngàn năm hương hoả, ứng trời Nam.

山勢地形淵源引脈高封後
雄峰萬古聖王乘龍駕御前

Sơn thế địa hình uyên nguyên dẫn mạch cao phong hậu;
Hùng phong vạn cổ thánh vương thừa long giá ngự tiền.

Cội nguồn dẫn mạch, kín che sau thế núi địa hình;
Thánh chúa cưỡi rồng, ngự giá trước đỉnh Hùng vạn cổ.

椿陣餘風敲樹杪
藥山古月印江心

Thung trận dư phong xao thụ mạo;
Dược sơn cổ nguyệt ấn giang tâm.

Trận cọc còn vang, cây phất gió;
Vườn thuốc trăng xưa, chiếu lòng sông..

數千年王佐始終父子君臣開極點
十五部天分翼軫山河日月共長存

Sổ thiên niên, vương tá thủy chung, phụ tử quân thần khai cực điểm;
Thập ngũ bộ, thiên phân dực chẩn, sơn hà nhật nguyệt cộng trường tồn.

Trước sau giúp chúa, mấy ngàn năm, cha con vua tôi tròn giữ đạo;
Dực chẩn trời phân, mười lăm bộ, núi sông nhật nguyệt vẫn lâu bền.

保越山河雲逐北
扶陳廟社日昇東

Bảo Việt sơn hà vân trục Bắc;
Phù Trần miếu xã nhật thăng Đông.

Giữ Việt non sông, mây đuổi Bắc;
Phù Trần xã tắc, mặt trời Đông.
(Đền Bảo Lộc, Nam Định)

扶擁天生文武將
江河地出聖仙人

Phù Ủng thiên sinh văn vũ tướng;
Giang hà địa xuất thánh tiên nhân.

Trời sinh tướng giỏi, làng Phù ủng;
Đất xuất thánh nhân, chốn sông hồ.

雲擁蘆旗天開運
包咸水馬地終靈

Vân ủng lô kỳ thiên khai vận;
Bao hàm thủy mã địa chung linh.

Mây cuốn cờ lau, trời mở vận;
Bao hàm ngựa nước, đất linh thiêng.

恩深海河留萬代
德厚山林刻千秋

Ân thâm hải hà lưu vạn đại;
Đức hậu sơn lâm khắc thiên thu.

Sông biển ơn sâu, lưu vạn thuở;
Núi rừng dày đức, khắc ngàn thu.

億年赫奕英靈地
萬世衣冠禮樂天

Ức niên hách dịch anh linh địa;
Vạn thế y quan lễ nhạc thiên.

Ngàn năm chói lọi, đất anh linh;
Muôn thuở y quan, trời lễ nhạc.

赫濯西郊留聖跡
繁宣下邑遍神庥

Hách trạc tây giao lưu thánh tích;
Phồn tuyên hạ ấp biến thần hưu.

Lừng lẫy tây thành, lưu dấu thánh;
Rợp che dưới ấp, khắp ơn thần.

協啓千秋新廟貌
迴廊四面舊江山

Hiệp khải thiên thu tân miếu mạo.
Hồi lang tứ diện cựu giang sơn;

Cùng dựng ngàn năm đền miếu mới.
Nhà quây bốn mặt núi sông xưa;

基址重新龍象左排孚仰望

江山依舊龜圻右列壯觀瞻

Cơ chỉ trùng tân long tượng tả bài phu ngưỡng vọng;
Giang sơn y cựu quy xích hữu liệt tráng quan chiêm.

Nền nhà làm mới, tượng rồng bày trái gây tin tưởng;
Non sông như cũ, mai rùa đặt phải gợi tham quan.

傘嶺雄山通國祭
仙花富石屹鄉祠

Tản lĩnh Hùng sơn thông quốc tế;
Tiên hoa Phú thạch ngật hương từ.

Tản lĩnh Hùng sơn thông quốc mạch;
Tiên hoa Phú thạch nổi đền quê.

求天地風和雨順
敬聖神福厚恩留

Cầu thiên địa phong hoà vũ thuận;
Kính thánh thần phúc hậu ân lưu.

Cầu trời đất, gió hoà mưa thuận;
Kính thánh thần, phúc hậu ơn lưu.

赫濯瑞雲留聖跡
繁宣富厚遍神庥

Hách trạc thụy vân lưu thánh tích;
Phồn tuyên phú hậu biến thần hưu.

Mây lành rực rỡ, lưu dấu thánh;
Giàu có sinh sôi, nấp bóng thần.

仰之遺高進一步升一級
瞻者起敬赫厥聲濯厥靈

Ngưỡng chi di cao, tiến nhất bộ, thăng nhất cấp;

Chiêm giả khởi kính, hách quyết thanh, trạc quyết linh.

Kẻ ngước thấy cao, tiến một bước lên một bậc;
Người xem thêm kính, lừng tiếng vang, rậy tiếng thiêng.

神功深莫測
聖德默扶持

Thần công thâm mạc trắc;
Thánh đức mặc phù trì.

Thần công khôn lường sâu;
Thánh đức phù trì kín.

聖德普施千户福
雄瀘風雨有餘威

Thánh đức phổ thi thiên hộ phúc;
Hùng Lô phong vũ hữu dư uy.

Thánh đức thi ân, ngàn hộ phúc;
Hùng Lô mưa gió, có thừa uy.

上等英靈留跡古
降神顯聖柱千秋

Thượng đẳng anh linh, lưu tích cổ;
Giáng thần hiển thánh, trụ thiên thu.

Thượng đẳng anh linh lưu dấu cổ;
Giáng thần hiển thánh vững ngàn thu.

溥海仰神庥
安瀾沾聖德

Phổ hải ngưỡng thần hưu;
An lan chiêm thánh đức.

Biển rộng nhớ ơn thần;

Sóng yên nhuần đức thánh.

水德汪涵七郡花村沾潤澤
金臺燦爛三河流域沐恩光

Thuỷ đức uông hàm, thất quận hoa thôn triêm nhuận trạch;
Kim đài xán lạn, tam hà lưu vực mộc ân quang.

Đức nước mênh mông, bảy quận thôn hoa nhuần tưới thấm;
Đài vàng xán lạn, ba sông lưu vực đượm ân soi.

遠溯德源歸鉅海
近來花甲報連枝

Viễn tố đức nguyên quy cự hải;
Cận lai hoa giáp báo liên chi.

Xa xưa đức độ dường biển cả;
Đến nay tuổi tác được liên chi.

東土青蓮開智慧
西天紅日照光明

Đông Thổ thanh liên khai trí tuệ;
Tây Thiên hồng nhật chiếu quang minh.

Đông Thổ sen xanh khai trí tuệ;
Tây Thiên hồng nhật chiếu quang minh.

金蓮寶上彌陀佛
紫竹林中觀世音

Kimliên bảo thượng Di Đà Phật;
Tử trúc lâm trung Quán Thế Âm.

Sen vàng trên điện Di Đà Phật;
Trúc tía trong rừng Quán Thế Âm.

色景輝煌求德佛
靈臺燦爛念釋迦

Sắc cảnh huy hoàng cầu đức Phật;
Linh đài xán lạn niệm Thích Ca.

Cảnh sắc huy hoàng cầu đức Phật;
Chùa thiêng xán lạn niệm Thích Ca.

百拜宮靈三世佛
一心朝奉九重仙

Bách bái cung linh Tam Thế Phật;
Nhất tâm triều phụng Cửu Trùng Tiên.

Trăm lạy cung thiêng Tam Thế Phật;
Một lòng thờ phụng Cửu Trùng Tiên.

風景有情色色映中天日月
乾坤不老永永存世上精靈

Phong cảnh hữu tình sắc sắc ánh trung thiên nhật nguyệt;
Càn khôn bất lão vĩnh vĩnh tồn thế thượng tinh linh.

Phong cảnh có tình, sắc sắc rạng giữa trời nhật nguyệt;
Càn khôn chẳng lão, mãi mãi còn cõi thế anh linh.

靈山萬古名庵入凡出聖
光景日時新色近悅遠來

Linh sơn vạn cổ danh am nhập phàm xuất thánh;
Quang cảnh nhật thời tân sắc cận duyệt viễn lai.

Linh sơn muôn thuở danh am, vào phàm ra thánh;
Quang cảnh ngày giờ sắc mới, gần chuộng xa ưa.

善惡分明天有眼
吉匈報應佛何心

Thiện ác phân minh thiên hữu nhãn;
Cát hungbáo ứng Phật hà tâm.

Thiện ác phân minh, trời có mắt;
Cát hung báo ứng, Phật đâu lòng.

天應地靈龍橋寺
神扶佛度錦隊村

Thiên ứng địa linh Long Kiều tự;
Thần phù phật độ Cẩm Đội thôn.

Chùa Long Kiều trời ứng đất linh;
Thôn Cẩm Đội thần phù phật độ.

日昭光明金殿閣
月臨梵宅玉樓臺

Nhật chiêu quang minh kim điện các;
Nguyệt lâm phạn trạch ngọc lâu đài.

Trời chiếu sáng ngời điện gác vàng;
Trăng soi thiền viện lâu đài ngọc.

梵宇擎天標屹柱
林圓特地起層樓

Phạn vũ kình thiên tiêu ngật trụ;
Lâm viên đặc địa khởi tằng lâu.

Mái phạn chống trời cao ngất cột;
Lâm viên đất tốt dựng tầng lầu.

寸燭九霄懸日月
單刀萬古壯山河

Thốn ***chúc*** *cửu tiêu huyền nhật ngyệt;*
Đan đao vạn cổ tráng sơn hà.

Tấc đuốc chín tầng cùng nhật nguyệt;
Thánh đao muôn thuở mạnh sơn hà.

優 缽 花 開 功 德 住
伍 月 果 結 夏 天 成

Ưu bát hoa khai công đức trú;
Ngũ nguyệt quả kết hạ thiên thành.

Sen xanh hoa nở chứa công đức;
Tháng năm kết quả mùa hạ thành.

日 月 恩 光 炤
江 山 喜 氣 臨

Nhật nguyệt ân quang chiếu;
Giang sơn hỷ khí lâm.

Ngày tháng ân chiếu sáng;
Non sông mừng khí lành.

大 慈 大 悲 救 一 劫 苦 海 眾 生 阿 彌 陀 佛
修 福 修 慧 造 無 量 極 樂 世 界 歡 喜 如 來

Đại từ đại bi, cứu nhất kiếp khổ hải chúng sinh, A Di Đà Phật;
Tu phúc tu tuệ, tạo vô lượng cực lạc thế giới, hoan hỷ Như Lai.

Đại từ đại bi, cứu một kiếp chúng sinh bể khổ, A Di Đà Phật;
Tu phúc tu tuệ, tạo vô số thế giới cực lạc, hoan hỷ Như Lai.

大 慈 大 悲 救 一 劫 苦 海 眾 生
修 福 修 慧 造 無 量 極 樂 世 界

Đại từ đại bi, cứu nhất kiếp khổ hải chúng sinh;
Tu phúc tu tuệ, tạo vô lượng cực lạc thế giới.

Đại từ đại bi, cứu một kiếp khổ hải chúng sinh;
Tu phúc tu tuệ, tạo vô lượng cực lạc thế giới.

福壽永綏茲景福
農桑不改古遺風

Phúc thọ vĩnh tuy tư cảnh phúc;
Nông tang bất cải cổ di phong.

Cảnh phúc nay giàu thọ vẫn còn;
Phong tục cũ nông tang không đổi.

安坐眞言求大覺
誠心奉請現如來

An toạ chân ngôn cầu đại giác;
Thành tâm phụng thỉnh hiện như lai.

Tin tưởng chân ngôn, cầu đại giác;
Thành tâm cầu khẩn, hiện như lai.

挈指拈花誠格瑤穹三界府
信心念佛名標淨域九蓮臺

Khiết chỉ niêm hoa thành cách dao khung tam giới phủ;
Tín tâm niệm phật danh tiêu tịnh vực cửu liên đài.

Ngón tay giơ hoa, thực biến vùng trời ba giới phủ;
Tín tâm niệm phật, danh nêu tịnh vực chín đài sen.

平等皈依登覺岸
自由信仰入玄門

Bình đẳng quy y đăng giác ngạn;
Tự do tín ngưỡng nhập huyền môn.

Bình đẳng quy y, đến bến giác;
Tự do tín ngưỡng, vào cửa huyền.

誦佛慈悲修積善
聖賢廣大福後來

Tụng Phật từ bi tu tích thiện;
Thánh hiền quảng đại phúc hậu lai.

Tụng Phật từ bi, nên tích thiện;
Thánh hiền quảng đại, phúc về sau.

福 錫 無 疆 極 衍 皇 疇 五 福
陽 春 有 脚 會 開 泰 宇 三 陽

Phúc tích vô cương, cực diễn hoàng trù ngũ phúc;
Dương xuân hữu cước, hội khai thái vũ tam dương.

Ban phúc khôn cùng, tràn ngập cõi bờ ngũ phúc;
Dương xuân có bước, mở ra thái vũ tam dương.

一 花 現 瑞 週 沙 界
五 葉 流 芳 遍 大 天

Nhất hoa hiện thụy chu sa giới;
Ngũ diệp lưu phương biến đại thiên.

Một hoa lành hiện quanh sa giới;
Năm cánh lưu phương khắp đại thiên.

創 立 勝 景 禪 庵 史 記 千 秋 光 日 月
造 成 蓮 花 石 座 留 傳 萬 古 對 江 山

Sáng lập thắng cảnh thiền am sử ký thiên thu quang nhật nguyệt;
Tạo thành liên hoa thạch toạ lưu truyền vạn cổ đối giang sơn.

Sáng lập cảnh đẹp chùa am, sử chép nghìn thu ngời nhật nguyệt;
Tạo nên toà sen bệ đá, người truyền muôn thuở với non sông.

培 像 貽 形 留 後 世
造 禪 再 立 繼 前 人

Bồi tượng di hình lưu hậu thế;
Tạo thiền tái lập kế tiền nhân.

Đắp tượng vẽ hình, lưu hậu thế;
Tạo thiền tái lập, nối tiền nhân.

天應地靈壯嚴寺
神扶佛度三江村

Thiên ứng địa linh Trang Nghiêm tự;
Thần phù Phật độ Tam Giang thôn.

Chùa Trang Nghiêm, thiên ứng đất linh;
Thôn Tam Giang, thần phù Phật độ.

慈悲不瞬諸天眼
清淨無塵寸地心

Từ bi bất thuấn chư thiên nhãn;
Thanh tịnh vô trần thốn địa tâm.

Từ bi chẳng sót, trời nhiều mắt;
Thanh tịnh không nhơ, đất tấc lòng.

九陛夢中祥應馬
千秋靈跡地呈龜

Cửu bệ mộng trung tường ứng mã;
Thiên thu linh tích địa trình quy.

Chín bệ ngựa ứng, điềm trong mộng;
Ngàn thu rùa hiện, đất dấu thiêng.

雲寺英靈十方仰望求必應
禪門廣大諸佛扶持得壽康

Vân tự anh linh, thập phương ngưỡng vọng cầu tất ứng;
Thiền môn quảng đại, chư Phật phù trì đắc thọ khang.

Chùa Vân linh thiêng, mười phương ngưỡng vọng cầu ắt ứng;
Cửa Thiền rộng lớn, chư Phật phù trì được thọ khang.

西竺有經傳佛道
南天生聖度民間

Tây Trúc hữu kinh truyền Phật đạo;
Nam thiên sinh thánh độ dân gian.

Tây Trúc có kinh truyền đạo Phật;
Trời Nam sinh thánh độ nhân gian.

古寺最清奇前溪後井
新庵增爽塏坐乙向辛

Cổ tự tối thanh kỳ tiền khê hậu tỉnh;
Tân am tăng sảng khải toạ ất hướng tân.

Chùa cổ rất thanh kỳ, trước khe sau giếng;
Am mới thêm sáng sủa, ngồi ất hướng tân.

古跡地靈祥雲應
今來靜放顯寺靈

Cổ tích địa linh tường vân ứng;
Kim lai tĩnh phóng hiển tự linh.

Dấu cổ đất thiêng, mây lành ứng;
Đến nay hiển hiện, rõ chùa thiêng.

福祖如山千萬古
慧眼流來日月香

Phúc tổ như sơn thiên vạn cổ;
Tuệ nhãn lưu lai nhật nguyệt hương.

Phúc tổ như non, ngàn vạn thuở;
Mắt tuệ lan truyền, nhật nguyệt hương.

慶元寺長存不盡
聖人地留仰萬年

Khánh Nguyên tự trườngtồn bất tận;
Thánh nhân địa lưu ngưỡng vạn niên.

Chùa Khánh Nguyên, trường tồn vô tận;
Đất Thánh Nhân, chiêm ngưỡng vạn năm.

三尊儼若西方聖
七寶巍然北地神

Tam tôn nghiễm nhược Tây phương thánh;
Thất bảo nguy nhiên Bắc địa thần.

Tam tôn trang trọng, Tây phương thánh;
Thất bảo nguy nga, Bắc địa thần.

空門舉足權開事相良方
有根皈投理入圓融覺地

Không môn cử túc quyền khai sự tướng lương phương;
Hữu căn quy đầu lý nhập viên dung giác địa.

Cửa không cất bước tạm coi, sự tướng phương hay;
Sẵn có quy căn vào chốn, phong quang đất giác.

天聖盡度諸眾生
德佛慈悲能救苦

Thiên thánh tận độ chư chúng sinh;
Đức Phật từ bi năng cứu khổ.

Thiên thánh độ hết mọi chúng sinh;
Đức phật từ bi hay cứu khổ.

天道無邊日月長
國家有永山河固

Thiên đạo vô biên nhật nguyệt trường;
Quốc gia hữu vĩnh sơn hà cố.

Đạo trời mênh mông, dài nhật nguyệt;
Nước nhà vĩnh viễn, vững non sông.

出入修行皆正路
往來方便不他枝

Xuất nhập tu hành giai chính lộ;
Vãng lai phương tiện bất tha chi.

Ra vào tu đạo đều ngay thẳng;
Qua lại cửa thiền, chẳng đổi tâm.

梵宇崇修普濟慈航超苦海
福田增廣永扶寶筏渡迷川

Phạn vũ sùng tu, phổ tế từ hàng siêu khổ hải;
Phúc điền tăng quảng, vĩnh phù bảo phiệt độ mê xuyên.

Mái chùa sửa sang, tế độ thuyền từ qua bể khổ;
Ruộng phúc rộng mở, mãi đưa bè quý vượt sông mê.

心誠歸道中南北
佛德無邊量海河

Tâm thành quy đạo Trung Nam Bắc;
Phật đức vô biên lượng hải hà.

Thành tâm quy đạo Trung, Nam, Bắc.
Đức Phật mênh mông lượng hải hà;

菩提樹長千年蔭
優鉢花開四序春

Bồ đề thụ trưởng thiên niên ấm;
Ưu bát hoa khai tứ tự xuân.

Bồ đề đại thụ nghìn năm bóng;
Ưu bát khai hoc bốn vụ xuân.

日誦金經祈國敬
時宣玉偈祝民安

Nhật tụng kim kinh kỳ quốc kính;
Thời tuyên ngọc kệ chúc dân an.

Ngày tụng kinh vàng, cầu nước mạnh;
Giờ tuyên kệ ngọc, chúc dân an.

萬古仰洪庥聖德昭如日月
億年降祀典神威永鎮乾坤

Vạn cổ ngưỡng hồng hưu thánh đức chiêu như nhật nguyệt;
Ức niên giáng tự điển uy vĩnh trấn càn khôn.

Muôn thuở cầu chở che, đức thánh sáng như nhật nguyệt;
Ức năm lo tế tự, uy thần vẫn trấn càn khôn.

水揚枝洗穢消災
愿修行成人得道

Thuỷ dương chi tẩy uế tiêu tai;
Nguyện tu hành thành nhân đắc đạo.

Nước cành dương tẩy uế tiêu tai;
Nguyện tu hành thành người đắc đạo.

日照光明金殿閣
月臨梵宅玉樓臺

Nhật chiếu quang minh kim điện các;
Nguyệt lâm phạn trạch ngọc lâu đài.

Trời chiếu sáng soi điện gác vàng;
Trăng vào cửa Phật lâu đài ngọc.

瑞雨慈濡菩提樹果千年茂
慈風動蕩般若開瑤萬世春

Thụy vũ từ nhu, Bồ Đề thụ quả thiên niên mậu;
Từ phong động đãng, Bát Nhã khai dao vạn thế xuân.

Mưa lành thấm đượm, Bồ Đề cây trái ngàn năm tốt;
Gió từ phơ phất, Bát Nhã hoa ngọc vạn đời xuân.

貼 合 方 民 承 介 福
安 寧 境 土 賴 陰 功

Thiếp hợp phương dân thừa giới phúc;
An ninh cảnh thổ lại âm công.

Thấm khắp chúng dân, nhờ phúc lớn;
An ninh bờ cõi, cậy âm công.

慧 日 天 晶 萬 種 雲 花 呈 般 若
法 雲 地 湧 兩 行 寶 樹 引 菩 提

Tuệ nhật thiên tinh, vạn chủng vân hoa trình Bát Nhã;
Pháp vân địa dũng, lưỡng hàng bảo thụ dẫn Bồ Đề.

Trời tuệ sáng soi, muôn dặm mây hoa trình Bát Nhã;
Mây pháp nước phun, hai hàng cây quý tới Bồ Đề.

錦 繡 乾 坤 歸 法 界
光 華 日 月 照 慈 航

Cẩm tú càn khôn quy pháp giới;
Quang hoa nhật nguyệt chiếu từ hàng.

Gấm vóc càn khôn, quy pháp giới;
Sáng tươi nhật nguyệt, chiếu thuyền từ.

景 佛 前 扶 善 罰 惡
心 信 誠 祈 保 平 安

Cảnh phật tiền phù thiện phạt ác;
Tâm tín thành kỳ bảo bình an.

Trước cảnh phật, phù thiện phạt ác;
Thực thành tâm, cầu giúp bình yên.

誦佛慈悲修積善
聖賢廣大福後來

Tụng phật từ bi, tu tích thiện;
Thánh hiền quảng đại, phúc hậu lai.

Tụng phật từ bi nên tích thiện;
Thánh hiền quảng đại phúc về sau.

殿上巍峨來妙相
案前祈禱表眞經

Điện thượng nguy nga lai diệu tướng;
Án tiền kỳ đảo biểu chân kinh.

Trên điện nguy nga, hiện diệu tướng;
Trước bàn cầu đảo, biểu chân kinh.

佛慈廣大遊世界
聖德寶紅護民間

Phật tư quảng đại du thế giới;
Thánh đức bảo hồng hộ dân gian.

Phật từ quảng đại khắp thế giới;
Thánh đức quý báu giúp dân gian.

玉質降皇宮噴水九龍齊沐浴
金身修雪嶺含花百鳥共朝参

Ngọc chất giáng cung, phún thủy Cửu long tề mộc dục;
Kim thân tu tuyết lĩnh, hàm hoa bách điểu cộng triều tham.

Chất ngọc xuống hoàng cung, mạch nước chín rồng đều tắm gội;
Mình vàng tu núi tuyết,ngậm hoa chim chóc thẩy về chầu.

法王堪忍界中慶喜多聞無礙辨
教主靈山會上隱光微笑一乘機

Pháp vương kham nhẫn giới trung, khánh hỷ đa văn vô ngại biên;
Giáo chủ Linh sơn hội thượng, ẩn quang vi tiếu nhất thừa cơ.

Pháp vương giữ trọn nhẫn giới, mừng được nghe nhiều không ngại tỏ;
Giáo chủ trên hội Linh sơn, nép mình cười mỉm lại nhân cơ.

代佛宜揚結集場中僧第貳
氣高星漢聰明德化合陰陽

Đại phật nghi dương kết tập trường trung tăng đệ nhị;
Khí cao tinh Hán thông minh đức hoá hợp âm dương.

Hội kết tập chúng tăng lần hai, thay Phật hoằng dương;
Đức thông minh hoá hợp âm dương, khí cao Ngân Hán.

蓮花化生身面見
萬劫逍瑤永不來

Liên hoa hoá sinh thân diện kiến;
Vạn kiếp tiêu dao vĩnh bất lai.

Thân chứng kiến hoa sen sinh hoá;
Mãi không còn vạn kiếp tiêu dao.

眾聖共推尊極樂淨光眞教主
諸佛同讚仰蓮花臺藏大慈尊

Chúng thánh cộng suy tôn, cực Lạc tịnh quang chân giáo chủ;
Chư phật đồng.tán ngưỡng, Liên Hoa đài tạng đại từ tôn.

Các thánh thẩy suy tôn, cực lạc sáng trong chân giáo chủ;
Chư Phật đều tin tưởng, đài sen hàm chứa đại từ bi.

菩薩同至皆出現
公主從來列御班

Bồ Tát đồng chí giai xuất hiện;
Công chúa tòng lai liệt ngự ban.

Bồ Tát đến đây đều xuất hiện;
Công chúa xưa nay liệt ngự ban.

解釋前生諸夙債
集群百姓保平安

Giải thích tiền sinh chư túc trái;
Tập quần bách tính bảo bình an.

Cởi bỏ mọi món nợ truyền kiếp;
Giữ gìn cho trăm họ bình an.

先賢玉樓同如福
後來具術聚禪門

Tiên hiền ngọc lâu đồng như phúc;
Hậu lai cụ thuật tụ thiền môn.

Tiên hiền lầu ngọc cùng chung phúc;
Hậu lai mọi cánh tụ cửa thiền.

禪門福慧留神祖
覺岸心坐接來生

Thiền môn phúc tuệ lưu thần tổ;
Giác ngạn tâm toạ tiếp lai sinh.

Phúc cửa thiền, sáng lưu thần tổ;
Tâm bến giác, nối tiếp đời sau.

鐘動三圻天有益
雷行四遠地無疆

Chung động tam kỳ thiên hữu ích;
Lôi hành tứ viễn địa vô cương.

Chuông réo ba kỳ, trời có ích;
Sấm rền bốn cõi, đất không biên.

亞東神佛雙靈地
南國乾坤格水歐

Á đông thần phật song linh địa;
Nam quốc càn khôn cách thuỷ âu.

Thần Phật, Á đông hai đất quý;
Càn khôn, Nam quốc cách trời Âu.

功参廣大慈悲佛
德配乾坤正直神

Công tham quảng đại từ bi Phật;
Đức phối càn khôn chính trực thần.

Phật từ bi, công dự quảng đại;
Thần ngay thẳng, đức sánh càn khôn.

由憐眾苦宣玄教
廣度群生顯法身

Do lân chúng khổ tuyên huyền giáo;
Quảng độ quần sinh hiển pháp thân.

Bởi thương chúng khổ, tuyên huyền giáo;
Cứu vớt sinh linh, hiển pháp thân.

色相輝煌三世佛
慈心濟度十方民

Sắc tướng huy hoàng tam thế phật;
Từ tâm tế độ thập phương dân.

Ba đời Phật, sắc tướng huy hoàng;
Mười phương dân, từ tâm tế độ.

身心非樹菩提非臺明鏡
恩德遍光覆慧遍日慈雲

Thân tâm phi thụ, Bồ đề, phi đài minh kính;
Ân đức biến quang, phú tuệ, biến nhật từ vân.

Thân tâm chẳng phải Bồ đề, chẳng phải đài gương sáng;
Ân đức làm sáng phúc tuệ, làm trời mây từ.

神光普照民寧靜
聖德乘恩物阜康

Thần quang phổ chiếu dân ninh tĩnh;
Thánh đức thừa ân vật phụ khang.

Thần quang chiếu khắp, dân yên tĩnh;
Thánh đức rủ ơn, vật thịnh cường.

優鉢花開長茂盛
普度群生脫苦緣

Ưu bát hoa khai trường mậu thịnh;
Phổ độ quần sinh thoát khổ duyên.

Ưu bát nở hoa, tươi tốt mãi;
Phổ độ chúng sinh, khổ duyên qua.

一眞空寂超之界
千億化身渡群生

Nhất chân không tịch siêu chi giới;
Thiên ức hoá thân độ quần sinh.

Một lòng tu đạo siêu tịnh;
Ngàn lượt hoá thân độ chúng sinh.

世界三千光佛日
蓮座寶殿渡眾生

Thế giới tam thiên quang Phật nhật;
Liên toà bảo điện độ chúng sinh.

Ba ngàn thế giới, sáng trời phật;
Bảo điện toà sen, độ chúng sinh.

日月千秋同山水
佛神萬古救群生

Nhật nguyệt thiên thu đồng sơn thuỷ;
Phật thần vạn cổ cứu quần sinh.

Nhật nguyệt cùng sông núi ngàn năm;
Thần phật cứu chúng sinh muôn thuở.

佛法重光三寶地
祖燈遠照十方天

Phật pháp trùng quang tam bảo địa;
Tổ đăng viễn chiếu thập phương thiên.

Phật pháp lại ngời đất tam bảo;
Tổ đăng xa chiếu trời thập phương.

佛即心心即佛
空是色色是空

Phật tức tâm, tâm tức phật;
Không thị sắc, sắc thị không.

Phật tức tâm, tâm tức phật;
Không là có, có là không.

福地高鄉正好回頭能覺者
陀天臨處惟高著眼可霑之

Phúc địa Cao hương chính hảo hồi đầu năng giác giả;
Đà thiên Lâm xứ duy cao trứ nhãn khả triêm chi.

Đất phúc làng Cao, nếu biết quay đầu mới có giác;
Trời đà xứ Lâm, lên cao tỏ mắt khá hay ơn.

念佛一聲消萬罪
誦經之變得因緣

Niệm phật nhất thanh tiêu vạn tội;
Tụng kinh chi biến đắc nhân duyên.

Niệm Phật một lời, tiêu vạn tội;
Tụng kinh thay đổi, được nhân duyên.

禪門不禁無緣客
佛道能容有善人

Thiền môn bất cấm vô duyên khách;
Phật đạo năng dung hữu thiện nhân.

Cửa thiền chẳng cấm khách vô duyên;
Đạo phật hay dung người có thiện.

感心通陽助風和雨順
求心應陰扶國盛民康

Cảm tâm thông dương trợ phong hoà vũ thuận;
Cầu tâm ứng âm phù quốc thịnh dân khang.

Cảm ắt thông, dương giúp gió hoà mưa thuận;
Cầu tất ứng, âm phù quốc thịnh dân khang.

國界重尊決只爲江山明面日
凡人能忍渡無乎祭祀格神明

Quốc giới trọng tôn quyết chỉ vi giang sơn minh diện nhật;
Phàm nhân năng nhẫn độ vô hồ tế tự cách thần minh.

Quốc giới phải tôn, cũng chỉ vì ngày non sông rạng vẻ;
Người phàm nên nhẫn, mong độ trì lo lễ tự thần minh.

特立不驚風雨伯
敬天無畏電雷神

Đặc lập bất kinh phong vũ bá;
Kính thiên vô uý điện lôi thần.

Đứng vững, không kinh thần mưa gió;
Kính trời, chẳng sợ sấm chớp ran.

西竺有經眞見佛
雄山何景敬尊師

Tây Trúc hữu kinh chân kiến phật.
Hùng sơn hà cảnh kính tôn sư;

Tây Trúc có kinh đúng thấy phật.
Hùng sơn đây cảnh kính tôn sư;

慈悲廣大天人合
盛正虔誠福果圓

Từ bi quảng đại thiên nhân hợp;
Thịnh chính kiền thành phúc quả viên.

Từ bi quảng đại, trời người hợp;
Thịnh chính kính thành, quả phúc tròn.

雪月風雲留本地
聲名大物卒斯民

Tuyết nguyệt phong vân lưu bản địa;
Thanh danh đại vật tuý tư dân.

Đất lưu lại tuyết trắng mây gió;
Dân họp nơi cảnh vật nổi danh.

住足不行孰誇書劍無歸處
得門而入誰式神仙在眼前

Trú túc bất hành, thục khoa thư kiếm vô quy xứ;
Đắc môn nhi nhập, thuỳ thức thần tiên tại nhãn tiền.

Dừng bước không đi, ai bảo sách gươm không chốn dụng;
Được cửa mà vào, nào biết thần tiên trước mắt mình.

中 立 安 排 亭 左 右
高 標 爭 對 樹 東 西

Trung lập an bài đình tả hữu;
Cao tiêu tranh đối thụ đông tây.

Trung lập bày hàng đình tả hữu;
Nêu cao cây mọc khắp đông tây.

癸 酉 完 成 由 地 利
壬 申 再 造 自 天 機

Quý Dậu hoàn thành do địa lợi;
Nhân Thân tái tạo tự thiên cơ.

Quý Dậu xây xong nhờ địa lợi;
Nhâm Thân dựng lại bởi cơ trời.

古 祠 最 清 奇 前 江 後 井
新 庵 增 爽 塏 坐 乙 向 辛

Cổ từ tối thanh kỳ tiền giang hậu tỉnh;
Tân am tăng sảng khải, toạ Ất hướng Tân.

Đền cổ rất thanh kỳ, trước sông sau giếng;
Am mới thêm sáng sủa, ngồi Ất hướng Tân.

禮 樂 威 儀 敬 如 神 在
謳 歌 鼓 舞 樂 在 人 和

Lễ nhạc uy nghi kính như thần tại;
Âu ca cổ vũ lạc tại nhân hoà.

Lễ nhạc uy nghi, kính như thần tại;
Hát ca cổ vũ, vui ở nhân hoà.

朔望香燈上祝九重躬萬壽
歲時誦念下祈百姓度三多

Sóc vọng hương đăng, thượng chúc cửu trùng cung vạn thọ;
Tuế thời tụng niệm, hạ kỳ bách tính độ tam đa.

Sóc vọng đèn hương, trên chúc cửu trùng cung vạn thọ;
Quanh năm tụng niệm, dưới cầu trăm họ được tam đa.

爐中纔熱五分香瑞氣氤氳騰宇宙
案上弘宣三藏教法音演解利人天

Lô trung tài nhiệt ngũ phần hương, thụy khí nhân uân đằng vũ trụ;
Án thượng hoằng tuyên tam tạng giáo, pháp âm diễn giải lợi nhân thiên.

Trong lò mới nóng năm phần hương, khí lành nghi ngút khắp vũ trụ;
Trên án hoằng dương tam tạng giáo, lời pháp nói ra lợi trời người.

信仰自由凴三寶
民安國泰仗僧伽

Tín ngưỡng tự do bằng tam bảo;
Dân an quốc thái trượng tăng già.

Tín ngưỡng tự do nhờ tam bảo;
Dân an quốc thái cậy tăng già.

菩提永結千年果
淨土長開般若花

Bồ đề vĩnh kết thiên niên quả;
Tịnh thổ trường khai bát nhã hoa.

Bồ đề kết mãi ngàn năm quả;

Tịnh thổ nở lâu bát nhã hoa.

南廟好收生旺水
方民普扇泰年風

Nam miếu hảo thu sinh vượng thuỷ;
Phương dân phổ phiến thái niên phong.

Miếu nam khéo thu nước sinh vượng;
Nhân dân quạt phẩy gió thái hoà.

佛跡西傳千古寺
道心善念福河沙

Phật tích tây truyền thiên cổ tự;
Đạo tâm thiện niệm phúc hà sa.

Chùa ngàn năm, dấu phật tây truyền;
Phúc vô lượng, đạo tâm khéo niệm.

日月照臨輝玉闕
海河清宴典金甌

Nhật nguyệt chiếu lâm huy ngọc khuyết;
Hải hà thanh yến điển kim âu.

Nhật nguyệt sáng soi, ngời ngọc khuyết;
Hải hà trong lặng, đẹp âu vàng.

富彊近邑歐潮浪
農圃相沿越俗傳

Phú cường cận ấp Âu trào lãng;
Nông phố tương duyên Việt tục truyền.

Sóng triều Âu, mạnh giàu đã sẵn;
Phong tục Việt, vườn ruộng vẫn quen.

天增歲月人增壽
春滿乾坤福滿堂

Thiên tăng tuế nguyệt nhân tăng thọ.
Xuân mãn càn khôn phúc mãn đường;

Trời tăng năm tháng người tăng thọ.
Xuân đầy trời đất phúc đầy nhà;

一黏之誠百事之吉
三界可通四府可同

Nhất niêm chi thành bách sự chi cát;
Tam giới khả thông tứ phủ khả đồng.

Một tấm lòng thành trăm việc đều tốt;
Ba giới được thông bốn phủ được đồng.

寶鼎靈通香結彩
銀臺昭感燭生花

Bảo đỉnh linh thông hương kết thái;
Ngân đài chiêu cảm chúc sinh hoa.

Đỉnh báu linh thông, hương kết sắc;
Đài ngân thiêng cảm, nến sinh hoa.

祖印重光如慧日
香爐續焰靉祥雲

Tổ ấn trùng quang như tuệ nhật;
Hương lô tục diệm ái tường vân.

Dấu tổ trùng quang, theo ngày sáng;
Lò hương tiếp đượm, báo mây lành.

仰望祠前萬里祥雲呈聖瑞

與和舍共九天甘露洒人家

Ngưỡng vọng từ tiền vạn lý tường vân trình thánh thuỵ;
Dữ Hoà xá cộng cửu thiên cam lộ sái nhân gia.

Ngưỡng vọng đền ngoài, vạn dặm mây lành trình thánh thuỵ;
Cùng chung Hoà xá, chín trùng móc ngọt tưới nhân gia.

視弗見聽弗聞陰扶旺相
感必通求必應民頼安康

Thị phất kiến, thính phất văn, âm phù vượng tướng;
Cảm tất thông, cầu tất ứng, dân lại an khang.

Nhìn chẳng thấy, nghe chẳng cùng, âm phù thịnh vượng;
Cảm tất thông,cầu tất ứng, dân cậy an khang.

入門思念彌佗佛
到景須祥本寺僧

Nhập môn tư niệm Di Đà Phật;
Đáo cảnh tu tường bản tự tăng.

Vào chùa cầu niệm Di Đà Phật;
Đến cảnh nên tường bản tự tăng.

逢迎遠近逍遙過
進退連還運道通

Phùng nghênh viễn cận tiêu da quá;
Tiến thoái liên hoàn vận đạo thông.

Chào mừng đạo cảnh, gần xa đến;
Tiến thoái đường đi, tiếp tục thông.

功惟廣業惟崇國家恩普
兄能師弟能長正教名芳

Công duy quảng, nghiệp duy sùng, quốc gia ân phổ;

Huynh năng sư, đệ năng trưởng, chính giáo danh phương.

Công lao rộng, sự nghiệp cao, nước nhà ân thưởng;
Anh nên thầy, em nên trưởng, giáo dục thơm danh.

佛道弘開萬類群生霑利樂
金臺屹立七重行樹烈芬芳

Phật đạo hoằng khai, vạn loại quần sinh chiêm lợi lạc;
Kim đài ngật lập, thất trùng hàng thụ liệt phân phương.

Phật đạo mở mang, muôn loại quần sinh nhuần lợi lạc;
Kim đài vòi vọi, bẩy trùng cây mọc toả hương thơm.

道脈長流玉偈纊傳燈奕葉
禪宗永遠金經應念道興隆

Đạo mạch trường lưu, ngọc kệ khoáng truyền đăng dịch diệp;
Thiền tông vĩnh viễn, kim kinh ưng niệm đạo hưng long.

Mạch đạo trường lưu, ngọc kệ rộng truyền đèn đổi thế;
Tông thiền vĩnh viễn, kim kinh cần niệm đạo hưng long.

東海移居群樂業
乾山對景睦淳風

Đông hải di cư quần lạc nghiệp;
Càn sơn đối cảnh mục thuần phong.

Đông hải di cư, cùng lạc nghiệp;
Càn sơn đối cảnh, đón thuần phong.

福田大結因緣果
舍宇明開智慧花

Phúc điền đại kết nhân duyên quả;
Xá vũ minh khai trí tuệ hoa.

Quả nhân duyên, kết nhờ ruộng phúc;

Hoa trí tuệ, nở bởi nhà hiền.

寶劍奮雄威瓢水九回頑鱷靜
神壇鐘秀氣象山一帶旺龍來

Bảo kiếm phấn hùng uy, Biều thuỷ cửu hồi ngoan ngạc tĩnh;
Thần đàn chung tú khí, Tượng sơn nhất đới vượng long lai.

Kiếm báu dấy uy hùng, Biều thuỷ chín vòng thu sấu dữ;
Đàn thần buông khí tốt, Tượng sơn một giải nạp rồng thiêng.

繼祖傳宗光有永
聯燈續焰映無邊

Kế tổ truyền tông quang hữu vĩnh;
Liên đăng tục diệm ánh vô biên.

Kế tổ truyền tông, nền sáng mãi;
Liên đèn tiếp đượm, nếp vô biên.

佛德弘宣馮眾慧
祖功繼接要當人

Phật đức hoằng tuyên bằng chúng tuệ;
Tổ công kế tiếp yếu đương nhân.

Phật đức mở mang, nhờ quần chúng;
Tổ đức thừa kế, dựa người nay.

景是神仙心是佛
金爲世界玉爲臺

Cảnh thị thần tiên tâm thị phật;
Kim vi thế giới ngọc vi đài.

Cảnh ấy thần tiên, tâm ấy phật;
Vàng đây thế giới, ngọc đây đài.

天啓慶隆色相金身常德佛
地儲福址金蓮玉陛自逍遙

Thiên khải khánh long, sắc tướng kim thân thường đức phật;
Địa trừ phúc chỉ, kim liên ngọc bệ tự tieu dao.

Trời mở vui dồn, sắc tướng kim thân theo đức phật;
Đất cho phúc đến, sen vàng bệ ngọc tự tiêu dao.

禱必靈求必應
赫厥威濯厥靈

Đảo tất linh cầu tất ứng;
hách quyết uy trạc quyết linh.

Cầu tất linh, xin tất ứng;
Tỏ uy danh, hiển linh thiêng.

德祖光榮香萬古
祠門顯赫壯千秋

Đức tổ quang vinh hương vạn cổ;
Từ môn hiển hách tráng thiên thu.

Đức tổ quang vinh, thơm vạn thuở;
Đền thờ hiển hách, rạng ngàn thu.

寶珠金海通三界
瑞氣祥雲滿九天

Bảo châu kim hải thông tam giới;
Thụy khí tường vân mãn cửu thiên.

Châu báu biển vàng, thông ba giới;
Khí tốt mây lành, khắp chín tầng.

啓澤江涵快賭祥雲慧日
鴻恩普洽群歌壽域春臺

Khải trạch giang hàm, khoái đổ tường vân tuệ nhật;
Hồng ân phổ hiệp, quần ca thọ vực xuân đài.

Đầm mở sông hoà, vui ngắm mây lành trời sáng;
Ơn dầy rộng hợp, cùng ca đất tốt đài xuân.

五 福 演 皇 疇 會 其 有 極
百 祿 庚 天 寶 以 莫 不 增

Ngũ phúc diễn hoàng trù hội kỳ hữu cực;
Bách lộc canh thiên bảo, dĩ mạc bất tăng.

Năm phúc đến lớn lao, phải hay có hạn;
Trăm lộc đổi của trời, nên chẳng không tăng.

凜 烈 威 靈 作 四 方 主 宰
包 涵 德 大 挺 二 氣 良 能

Lẫm liệt uy linh, tác tứ phương chủ tể;
Bao hàm đức đại, đĩnh nhị khí lương năng.

Lẫm liệt uy linh, nhận bốn phương chủ tể;
Bao hàm đức lớn, gánh hai khí lương năng.

神 通 法 運 仙 中 佛
聖 德 尊 為 帝 者 師

Thần thông pháp vận tiên trung phật;
Thánh đức tôn vi đế giả sư.

Phật trong tiên, thần thông vận phép;
Thầy ấy vua, tôn bậc thánh hiền.

祝 聖 壽 讚 皇 圖 同 日 月 光 輝 萬 古
祀 民 安 祈 物 阜 並 山 河 壯 固 千 秋

Chúc thánh thọ, tán hoàng đồ, đồng nhật nguyệt quang huy vạn cổ;
Tự dân an, kỳ vật phụ, tịnh sơn hà tráng cố thiên thu.

Chúc thánh thọ, ngợi sơn hà, cùng nhật nguyệt huy hoàng vạn cổ;
Mong dân an, cầu vật mạnh, với non sông vững mạnh ngàn thu.

花開淨界香成雨
金布祈園福滿田

Hoa khai Tịnh giới hương thành vũ;
Kim bố Kỳ viên phúc mãn điền.

Mưa thơm hoa nở, nơi Tịnh giới;
Ruộng phúc vàng đầy, chốn Kỳ viên.

六智運神通普濟群生百憶
三乘開聖教包含世界三千

Lục trí vận thần thông, phổ tế quần sinh bách ức;
Tam thừa khai thánh giáo, bao hàm thế giới tam thiên.

Trăm vạn quần sinh, nhờ Lục trí thần thông phổ độ;
Ba nghìn thế giới, được Tam thừa thánh giáo bao hàm.

梵宇巍峨萬丈毫光懸日月
禪門燦爛千秋香火對乾坤

Phạn vũ nguy nga, vạn trượng hào quang huyền nhật nguyệt;
Thiền môn xán lạn, thiên thu hương hoả đối càn khôn.

Điện Phật nguy nga, vạn trượng hào quang ngang nhật nguyệt;
Cửa Thiền xán lạn, ngàn thu hương lửa sánh càn khôn.

靜讀金經明妙理
閒觀花草悟眞空

Tĩnh độc kim kinh minh diệu lý;
Nhàn quan hoa thảo ngộ chân không.

Lặng đọc kinh vàng, minh diệu lý;
Nhàn xem hoa lá, ngộ chân không.

慶壽輝煌光慧日
靈通普照映無邊

Khánh thọ huy hoàng quang tuệ nhật;
Linh thông phổ chiếu ánh vô biên.

Chúc thọ huy hoàng, bừng trời đất;
Thiêng liêng toả khắp, ánh vô biên.

近悅遠來皈佛化
救民渡世仰洪恩

Cận duyệt viễn lai quy Phật hoá;
Cứu dân độ thế ngưỡng hồng ân.

Gần qúy xa về, theo Phật đạo;
Cứu dân độ thế, chịu ơn dầy.

望吉地菩提陰覆三千世界
海洲成寶所涵容百萬人天

Vọng cát địa Bồ đề, âm phú tam thiên thế giới;
Hải châu thành Bảo sở, hàm dung bách vạn nhân thiên.

Vọng đất tốt Bồ đề, chở che ba nghìn thế giới;
Bãi biển thành Bảo sở, bao dung trăm vạn người đời.

普照名藍原自古
文和勝景日重新

Phổ Chiếu danh lam nguyên tự cổ;
Văn Hoà thắng cảnh nhật trùng tân.

Vốn cổ danh lam, làng Phổ Chiếu;
Sửa sang thắng cảnh, xã Văn Hoà.

臨濟播心宗燈聯普照
東溪流乳海派引文和

Lâm Tế bá tâm, tông đăng liên Phổ Chiếu;
Đông Khê lưu nhũ, hải phái dẫn Văn Hoà.

Lâm Tế mở lòng, truyền thống liền Phổ Chiếu;
Đông Khê cho lộc, mạch biển dẫn Văn Hoà.

地結文風興梵宇
天留和氣壯禪關

Địa kết văn phong hưng phạn vũ;
Thiên lưu hoà khí tráng thiền quan.

Đất kết văn phong, hưng phật điện;
Trời cho hoà khí, dấy thiền quan.

啓後隆規萬世仰祖先之德
奉先思孝一心昭日月之光

Khải hậu long quy, vạn thế ngưỡng tổ tiên chi đức;
Phụng tiên tư hiếu, nhất tâm chiêu nhật nguyệt chi quang.

Mở hậu bày khuôn, vạn thế học tổ tiên đức độ;
Thờ trên vì hiếu, một lòng theo nhật nguyệt sáng soi.

海帖鯨波生氣懍然如有
民安府宅神功斂卻若無

Hải thiếp kình ba sinh khí lẫm nhiên như hữu;
Dân an phủ trạch thần công liễm khước nhược vô.

Khí thế sóng tợ như tự có nơi biển rộng;
Thần oai nha phủ lại tựa không chỗ dân yên.

法雨注南州翠竹黃花生思色
慈雲布東土長松細草沐洪恩

Pháp vũ chú Nam châu, Thúy trúc hoàng hoa sinh tư sắc;
Từ vân bố Đông Thổ trường tùng tế thảo mộc hồng ân.

Mưa phép tưới Nam châu, trúc biếc hoa vàng tươi sắc đẹp;
Mây lành che Đông Thổ, thông cao cỏ bé đượm ơn dầy.

泰筮羲疇換精祥於茶嶺
河圖奉詔顯靈蹟于龍文

Thái phệ hy trù, hoán tinh tường ư Trà Lĩnh;
Hà đồ phụng chiếu, hiển linh tích vu Long Văn.

Bói tốt quẻ lành, đổi tinh tường nơi Trà Lĩnh;
Trời ban phụng chiếu, tỏ linh tích ở Long Văn.

風光别占陽州景
名蹟猶留莫後碑

Phong quang biệt chiếm Dương Châu cảnh;
Danh tích do lưu Mạc hậu bi.

Dương Châu riêng có phong quang đẹp;
Mạc hậu còn truyền danh tích bia.

後先一也功於國
左右洋乎祀在鄉

Hậu tiên nhất dã, công ư quốc;
Tả hữu dương hồ, tự tại hương.

Trước sau dòng giõi công với nước;
Trái phải huy hoàng tế ở làng.

天命聖生兑東百結史記
地留神蹟香火兆年春長

Thiên mệnh thánh sinh, Đoài Đông bách kết sử ký;
Địa lưu thần tích, hương hoả triệu niên xuân trường.

Trời mệnh thánh sinh, Đoài Đông sử chép trăm việc;
Đất còn thần tích, hương lửa xuân dài triệu năm.

鬼神之爲德視弗見聽弗聞承祀洋洋在左右
天地有正氣上爲星下爲嶽於人一一垂丹青

Quỷ thần chi vi đức, thị phất kiến, thính phất văn, thừa tự dương dương tại tả hữu;

Thiên địa hữu chính khí, thượng vi tinh, hạ vi nhạc, ư nhân nhất nhất thuỳ đan thanh.

Cái đức của quỷ thần, nhìn không thấy, nghe không thông, hưởng lộc đầy hai phía trái phải;
Chính khí nơi trời đất, trên là sao, dưới là núi, với người chỉ một lối vàng son.

五百年應昌期生爲名將死爲靈神事業文章至今爲烈
十二月承新歷香花燭酒禱祈衣冠禮樂自古傳恭

Ngũ bách niên ứng xương kỳ, sinh vi danh tướng tử vi linh thần, sự nghiệp văn chương chí kim vi liệt;
Thập nhị nguyệt thừa tân lịch, hương hoa chúc tửu đảo kỳ y quan, lễ nhạc tự cổ truyền cung.

Năm trăm năm đúng thịnh kỳ, sinh là danh tướng, chết là linh thần, sự nghiệp văn chương chí kim vi liệt;
Mười hai tháng theo lịch mới, hương hoa nến rượu, cầu cúng áo khăn, lễ nhạc tự cổ kính truyền.

祖德高明思覆蔭
孫承奉事壽人和

Tổ đức cao minh tư phú ấm;
Tôn thừa phụng sự thọ nhân hoà.

Phúc ấm nhớ về, đức tổ sáng;
Nhân hoà thờ mãi, việc cháu con.

巍蕩神功塗山並峙

汪洋聖澤瓢水長流

Nguy đãng thần công, Đồ Sơn tịnh trĩ;
Uông dương thánh trạch, Biều Thủy trường lưu.

Cao rộng thần công, Đồ Sơn sừng sững;
Mênh mông thánh trạch, Biều Thuỷ dài xuôi.

此地此人民仰苛神功安鴈宅
在上在左右顯揚聖德迓鴻庥

Thử địa thử nhân dân, ngưỡng hà thần công an nhạn trạch;
Tại thượng tại tả hữu, hiển dương thánh đức nhạ hồng hưu.

Đất này, nhân dân này, ơn đức thần cho yên nhà cửa;
Trên ấy, trái phải ấy, được nhờ thánh giúp hưởng an khang.

聖德無私洋洋乎如在其上
神功丕顯熙熙然涵樂春臺

Thánh đức vô tư, dương dương hồ như tại kỳ thượng;
Thần công phi hiển, hy hy nhiên hàm lạc xuân đài.

Thánh đức vô tư, bao la khắp như ở trên vậy;
Thần công hiển hiện, vui vui sao tựa rải đài xuân.

古有光衣冠傳世譜
齋以祭忠信要神明

Cổ hữu quang, y quan truyền thế phả;
Trai dĩ tế, trung tín yếu thần minh.

Tổ được phong, áo khăn truyền thế phả;
Chay tịnh tế, lòng thành cốt thần soi.

東阿世系光青簡
湯沐香留溯錦堂

Đông A thế hệ quang thanh giản;

Thang mộc hương lưu tố cẩm đường.

Đông A sử chép đều các hệ;
Ơn thấm nhà thờ hãy còn thơm.

自古勳名傳采邑
於今世系出東阿

Tự cổ huân danh truyền thái ấp;
Ư kim thế hệ xuất Đông A.

Thái ấp công lao truyền tự cổ;
Đông A các hệ tiếng thơm nay.

俎豆常陳先祖精神不死
祖譜乃大子孫俊杰以生

Trở đậu thường trần, tiên tổ tinh thần bất tử;
Tổ phả nãi đại, tử tôn tuấn kiệt dĩ sinh.

Cỗ tế thường bầy, tiên tổ tinh thần không mất;
Phả họ thật lớn, cháu con hào kiệt dấy lên.

此地此民復腊歲時同敬愛
在宮在廟焄高精爽對神明

Thử địa, thử dân, phục lạp tuế thời đồng kính ái;
Tại cung, tại miếu, huân cao tinh sảng đối thần minh.

Đất này, dân này, tết chạp hàng năm cùng kính ái;
Ở cung, ở miếu, cảm thông linh ứng với thần thiêng.

事有廢興今是昔
理存往復舊維新

Sự hữu phế hưng kim thị tích;
Lý tồn vãng phục cựu duy tân.

Việc có cái bỏ đi, có cái mới làm, đời này cũng như đời trước;

Lẽ có cái đi rồi, có cái trở lại, nên cũ rồi lại mới.

歌聚於斯卜祝果成先祖志
烝常有所肇人從祀大夫家

Ca tụ ư tư bốc chúc quả thành tiên tổ chí;
Chưng thường hữu sở, triệu nhân tòng tự đại phu gia.

Ca hát ở đây, họp mặt ở đây, gây dựng được toại lòng tiên tổ;
Thu tế có nơi, đông tế có nơi, phụng thờ nay theo lối đại phu.

一官白人頭朔塞雪霜經幾度
相逢青我眼香江書劍是何年

Nhất hoạn bạch nhân đầu, Sóc tái tuyết sương kinh kỷ độ;
Tương phùng thanh ngã nhãn, Hương giang thư kiếm thị hà niên.

Quan đến bạc đầu, ải Bắc tuyết sương từng mấy lượt;
Gặp thêm xanh mắt, sông Hương đèn sách nhớ năm nào.

湯沐名鄉傳自古
阜元遺址奠千秋

Thang mộc danh hương truyền tự cổ;
Phụ nguyên di chỉ điện thiên thu.

Tự cổ ơn truyền, làng nổi tiếng;
Ngàn thu đặt móng, dấu còn đây.

福自求之主善爲師登彼岸
微而顯也前因後果悟于今

Phúc tự cầu chi, chủ thiện vi sư đăng bỉ ngạn;
Vi nhi hiển dã, tiền nhân hậu quả ngộ vu kim.

Phúc phải đi tìm, chủ thiện là thầy lên cõi phật;
Nhỏ mà lại rõ, trước nhân sau quả hiểu đời nay.

佛法長明同日月光輝萬古
國家永盛並山河壯固千秋

Phật pháp trường minh, đồng nhật nguyệt quang huy vạn cổ;
Quốc gia vĩnh thịnh tịnh sơn hà tráng cố thiên thu.

Phép phật trường minh, cùng nhật nguyệt sáng soi vạn thuở;
Nước nhà vĩnh thịnh, theo non sông vững mạnh ngàn thu.

阿彌頓息三途苦
陀佛蠲除十惡緣

A Di đốn tức tam đồ khổ;
Đà Phật quyên trừ thập ác duyên.

A Di khiến tắt tam đồ khổ;
Đà Phật giải trừ thập ác duyên.

一心清淨本無雙樂利永垂萬古
三教莊嚴居第一光明普照十方

Nhất tâm thanh tịnh bản vô song, lạc lợi vĩnh thuỳ vạn cổ;
Tam giáo trang nghiêm cư đệ nhất, quang minh phổ chiếu thập phương.

Một lòng thanh tịnh vốn vô song, đức độ vĩnh thuỳ vạn thuở;
Ba giáo trang nghiêm hàng đệ nhất, quang minh chiếu khắp mười phương.

若實若虛竹影掃階塵不動
是空是色月穿海底水無垠

Nhược thực nhược hư, trúc ảnh tảo giai trần bất động;
Thị không thị sắc, nguyệt xuyên hải để thuỷ vô ngân.

Như thực như hư, bóng trúc quét thềm không động bụi;
Ấy không ấy sắc, trăng soi đáy biển chẳng rung rinh.

和風天啓留其跡
廟水聖田記典功

Hoà phong thiên khải lưu kỳ tích;
Miếu thuỷ thánh điền ký điển công.

Hoà phong trời mở còn lưu dấu;
Miếu thuỷ thánh ban nhớ điển công.

信仰在人心弘揚佛法
自由行正道利樂群生

Tín ngưỡng tại nhân tâm,hoằng dương Phật pháp;
Tự do hành chính đạo, lợi lạc quần sinh.

Tín ngưỡng tại nhân tâm, dương cao Phật pháp;
Tự do hành chính đạo, giúp ích nhân sinh.

暮扣鯨鐘四海波清登覺岸
陽鳴魚鐸五洲風靜悟心經

Mộ khấu kình chung, tứ hải ba thanh đăng giác ngạn;
Dương minh ngư đạc, ngũ châu phong tĩnh ngộ tâm kinh.

Chiều gõ chuông kình, bốn biển sóng yên lên bờ giác;
Sáng khua mõ cá, năm châu gió lặng tỉnh kinh tâm.

德澤度民儀母慈心頒永福
殿臺拜望冬終夏季記前功

Đức trạch độ dân, nghi mẫu từ tâm ban vĩnh phúc;
Điện đài bái vọng, đông chung hạ quý ký tiền công.

Đức trạch giúp dân, thánh mẫu lòng từ ban phúc lộc;
Điện đài vọng bái, đông qua hạ đến nhớ công lao.

寶炤覃恩聖德流芳鴻社邑
彰善彈惡慈門廣大救人間

Bảo chiếu đàm âm, thánh đức lưu phương hồng xã ấp;
Chương thiện đàn ác, từ môn quảng đại cứu nhân gian.

Chiếu báu ơn ban, thánh đức hương thơm đầy xã ấp;
Thiện tỏ ác trừ, cửa thiền rộng lớn cứu nhân gian.

千秋香火招日月
萬古廟堂授乾坤

Thiên thu hương hoả chiêu nhật nguyệt;
Vạn cổ miếu đường thụ càn khôn.

Ngàn thu hương khói vời nhật nguyệt;
Vạn thuở miếu đường đón đất trời.

望遠能知風浪小
凌空始覺海波平

Vọng viễn năng tri phong lãng tiểu
Lăng không thủy giác hải ba bình

Nhìn xa sẽ thấy gió bão nhỏ
Vươn cao mới hiểu sóng biển bằng

讀能明達耕能富
成自謙虛敗自驕

Độc năng minh đạt, canh năng phú
Thành tự khiêm hư, bại tự kiêu

Đọc hay sáng ý, cày hay có
Thành tự khiêm cung, bại tự kiêu

事能知足心常愜
人到無求品自高

Sự năng tri túc tâm thường thiệp

Nhân đáo vô cầu phẩm tự cao

Việc hay biết đủ lòng thanh thản
Người đến không cầu phẩm tự cao

美酒飲于微醉后
好花看到半開時

Mỹ tửu ẩm vu vi tuý hậu
Hảo hoa khán đáo bán khai thời

Rượu ngon nên uống lúc ngà say
Hoa đẹp chờ xem khi chớm nở

偶然風雨惊花落
再上樓台待月明

Ngẫu nhiên phong vũ kinh hoa lạc
Tái thượng lâu đài đãi nguyệt minh

Ngẫu nhiên mưa gió e hoa rụng
Lên lại lầu cao đợi sáng trăng

莫對青山談世事
休將文字占時名

Mạc đối thanh sơn đàm thế sự
Hưu tương văn tự chiếm thời danh

Chớ bàn thế sự trước non xanh
Đừng chiếm thời danh bằng chữ nghĩa

皓月盈懷心不夜
春雲潤物雨含情

Hạo nguyệt doanh hoài tâm bất dạ
Xuân vân nhuận vật vũ hàm tình

Trăng sáng đầy lòng, tâm khó lặng
Mây xuân nhuần vật, đượm tình mưa

自將秋水洗望眼
長借燭光明學心

Tự tương thu thuỷ tẩy vọng nhãn
Trường tá chúc quang minh học tâm

Lấy nước mùa thu rửa mắt mờ
Nhờ cây đuốc sáng tỏ lòng học

取靜于山寄情于水
虛懷若竹清氣若蘭

Thủ tĩnh vu sơn, ký tình vu thuỷ
Hư hoài nhược trúc, thanh khí nhược lan

Giữ lặng ở núi, gửi tình ở nước
Lòng hư như trúc, thanh khí như lan

心澹水木秀
興幽魚鳥閑

Tâm đạm thuỷ mộc tú
Hứng u ngư điểu nhàn

Tâm an, nước cây đẹp
Hứng nhã, chim cá nhàn

好山一窗足
佳景回時宜

Hảo sơn nhất song túc
Giai cảnh tứ thời nghi

Núi non ngoài song đủ

Cảnh đẹp bốn mùa vui

庭松不改青葱色
盆菊仍霏清淨香

Đình tùng bất cải thanh thông sắc
Bồn cúc nhưng phi thanh tịnh hương

Tùng trước sân sắc xanh chẳng đổi
Cúc trong bồn hương thanh vẫn còn

煙景滿前供妙墨
芳州隨處引清游

Yên cảnh mãn tiền cung diệu mặc
Phương châu tuỳ xứ dẫn thanh du

Trước mắt khói lam – cho mực vẽ
Khắp nơi hương tỏa – dẫn đường chơi

晝永花香醺自醉
雨收天色碧于藍

Trú vĩnh hoa hương huân tự tuý
Vũ thu thiên sắc bích vu lam

Ngày vẫn hương hoa ngào ngạt thơm
Mưa nhuộm mây trời xanh đậm sắc

相與明月清風際
只在高山流水間

Tương dữ minh nguyệt thanh phong tế
Chỉ tại cao sơn lưu thuỷ gian

Trăng trong gió mát luôn giao tiếp
Nước biếc non xanh vẫn dạo chơi

麗日和風春淡蕩
花香鳥語物昭蘇

Lệ nhật hoà phong xuân đạm đãng
Hoa hương điểu ngữ vật chiêu tô

Xuân tươi mát, gió lành ngày đẹp
Vật hồi sinh, chim hót hoa hương

庭小有竹春常在
山靜無人水自流

Đình tiểu hữu trúc xuân thường tại
Sơn tĩnh vô nhân thuỷ tự lưu

Sân con có trúc, xuân thường đến
Núi vắng không người, nước cứ trôi

碧村紅花相掩映
竹軒蘭砌共清虛

Bích thụ hồng hoa tương yểm ánh
Trúc hiên lan thế cộng thanh hư

Cây biếc, hoa hồng, chen vẻ sáng
Thềm lan, hiên trúc, góp thanh hư

正喜軒窗無俗韻
更當風物報新秋

Chính hỉ hiên song vô tục vận
Canh đương phong vật báo tân thu

Hiên song mừng thấy không thơ tục
Cảnh vật thay mầu báo thu sang

窗前綠樹分禪榻

城外青山到酒杯

Song tiền lục thụ phân thiền tháp
Thành ngoại thanh sơn đáo tửu bôi

Ngoài song cây biếc thăm giường phật
Non nước bên thành rọi chén cay

柳暗花明好鳥枝頭亦朋友
峰回路轉白雲深處有人家

Liễu ám hoa minh hảo điểu chi đầu diệc bằng hữu
Phong hồi lộ chuyển bạch vân thâm xứ hữu nhân gia

Liễu rủ, hoa tươi, chim đẹp đầu cành là bạn cũ
Đường quanh, gió quẩn, mây trắng non xa vẫn có nhà

雨過琴山潤
風來花木香

Vũ quá cầm sơn nhuận
Phong lai hoa mộc hương

Mưa qua, đàn, núi nhuận
Gió tới, hoa, cây thơm

雲移溪樹侵書幌
風送岩泉潤墨池

Vân di khê thụ xâm thư hoảng
Phong tống nham tuyền nhuận mặc trì

Mây dời cây suối che màn sách
Gió tiễn giông khe đậm mực nghiên

窗間樹色連山淨
户外嵐光帶水明

Song gian thụ sắc liên sơn tịnh
Hộ ngoại lam quang đới thuỷ minh

Sắc cây liền núi qua song cửa
Đáy nước in mây trước ngõ nhà

丹花綠樹錦繡色
清瀾白石頗璃江

Đan hoa lục thụ cẩm tú cốc
Thanh lan bạch thạch pha lê giang

Hang gấm vóc, cây xanh hoa đỏ
Sông pha lê, đá trắng nước trong

放眼望乾坤身竹萬里半天下
偷閑談風月我生百事常隨緣

Phóng nhãn vọng càn khôn, thân hành vạn lý bán thiên hạ
Thân nhàn đàm phong nguyệt, ngã sinh bách sự thường tuỳ duyên

Đưa mắt ngắm đất trời, bước chân vạn dặm nửa thiên hạ
Lúc rảnh bàn trăng gió, thân ta trăm việc cũng tuỳ duyên

水能性澹爲吾友
竹解心虛是我師

Thuỷ năng tính đạm vi ngô hữu
Trúc giải tâm hư thị ngã sư

Nước hay thanh đạm, coi là bạn
Trúc vốn lòng hư, đáng bậc thầy

曲水帶雲歸海去
亂花隨雨落岩來

Khúc thuỷ đới vân quy hải khứ

Loạn hoa tuỳ vũ lạc nham lai

Quanh co theo nước, mây về biển
Rơi rụng vì mưa, hoa đến khe

江 心 有 島 留 明 月
世 外 無 人 問 落 花

Giang tâm hữu đảo lưu minh nguyệt
Thế ngoại vô nhân vấn lạc hoa

Lòng sông ghềnh nổi lưu trăng sáng
Cõi thế đâu người hỏi rụng hoa

樓 高 但 任 鳥 飛 過
池 小 能 將 月 送 來

Lâu cao đản nhậm điểu phi quá
Trì tiểu năng tương nguyệt tống lai

Lầu cao còn thấy cánh chim qua
Ao nhỏ vẫn đưa trăng sáng lại

共 知 心 是 水
安 見 我 非 魚

Cộng tri tâm thị thuỷ
An kiến ngã phi ngư

Tâm vốn như nước, mọi người biết
Tớ không là cá, mấy ai hay

波 光 先 得 月
山 秀 自 生 雲

Ba quang tiên đắc nguyệt
Sơn tú tự sinh vân

Sóng lặng, trăng sớm hiện

Núi cao, mây tự sinh

雲白山青萬余里
江深竹靜兩三家

Vân bạch sơn thanh vạn dư lý
Giang thâm trúc tĩnh lưỡng tam gia

Mây trắng non xanh trên vạn dặm
Sông sâu trúc lặng bốn năm nhà

波心似鏡留明月
松韻如篁振午風

Ba tâm tự kính lưu minh nguyệt
Tùng vận như hoàng chấn ngọ phong

Lòng sông gương sáng trăng còn tỏ
Thông reo sáo thổi gió đang về

青山笑我頭已白
泉水照人心自清

Thanh sơn tiếu ngã đầu dĩ bạch
Tuyền thuỷ chiếu nhân tâm tự thanh

Núi biếc cười ta đầu đã bạc
Giòng suối soi mình tâm vốn trong

水如碧玉山如黛
鳳有高梧鶴有松

Thuỷ như bích ngọc sơn như đại
Phượng hữu cao ngô hạc hữu tùng

Nước như ngọc bích, non như vẽ
Phượng có cành ngô, hạc có tùng

有約白雲來喚渡
且邀明月共開樽

Hữu ước bạch vân lai hoán độ
Thả yêu minh nguyệt cộng khai tôn

Mây trắng đưa chân đà ước hẹn
Trăng trong cụng chén đã tin mời

千樹梅光半輪月
萬家煙火一帆風

Thiên thụ mai hoa bán luân nguyệt
Vạn gia yên hỏa nhất phàm phong

Hoa mai ngàn gốc, nửa vầng trăng
Khói lửa muôn nhà, một buồm gió

日月風和雲散聚
黄昏景色映平明

Nhật nguyệt phong hòa vân tán tụ
Hoàng hôn cảnh sắc ánh bình minh

Ngày tháng gió hòa mây tán tụ,
Chiều hôm cảnh sắc ánh bình minh

保國護民昭聖跡
除災降福顯神功

Bảo quốc hộ dân chiêu thánh tích,
Trừ tai giáng phúc hiển thần công

Cứu nước giúp dân soi tích thánh
Trừ tai xuống phúc nổi công thần

枝咄數榮培本厚
波流不盡飲河思

Chi đốt phu vinh bồi bản hậu,
Ba lưu bất tận ẩm hà tư

Cành nẩy phô tươi bồi gốc hậu,
Sóng xuôi bất tận uống nhớ nguồn

千秋西竺蓮臺慈悲廣大
萬年禪門受效心誦眞經

Thiên thu Tây Trúc liên đài từ bi quảng đại,
Vạn niên Thiền môn thụ giáo tâm tụng chân kinh

Đài sen Tây Trúc ngàn thu từ bi quảng đại,
Lĩnh hội Thiền môn vạn thuở tâm tụng chân kinh

景佛前扶善罰惡
心信誠祈保平安

Cảnh Phật tiền phù thiện phạt ác,
Tâm tín thành kỳ bảo bình an

Trước cảnh Phật, phù thiện phạt ác
Thành tâm tin, cầu phúc bình an

恩深河海留萬代
德厚山林刻千秋

Ân thâm hà hải lưu vạn đại,
Đức hậu sơn lâm khắc thiên thu

Ơn sâu sông biển lưu muôn thuở,
Đức nặng rừng non khắc nghìn thu

仁慈博愛教民善
德度公平滅惡奸

Nhân từ bác ái giáo dân thiện,
Đức độ công bình diệt ác gian

Nhân từ bác ái dạy dân thiện
Đức độ công bằng diệt ác gian

聖德威靈扶國泰
神祠壯麗護民康

Thành đức uy linh phù quốc thái
Thần từ tráng.lệ hộ dân khang

Thánh đức oai linh phù nước thịnh,
Thần từ tráng lệ giúp dân vui

一家英雄橫海北
千秋廟貌峙山東

Nhất gia anh hùng hoành hải bắc,
Thiên thu miếu mạo trĩ sơn đông

Một nhà anh hùng ngang biển bắc,
Nghìn thu miếu mạo thẳng non đông

天飼英才文與武
地鐘靈氣宅而祠

Thiên tứ anh tài văn dữ vũ,
Địa chung linh khí trạch nhi từ

Trời dưỡng anh tài văn với võ
Đất đo linh khí miếu cùng lăng

象嶺天開煇正氣
馬江地闢顯英靈

Tượng lĩnh thiên khai huy chích khí,
Mã giang địa tịch hiển anh linh

Tượng lĩnh trời khai ngời chính khí,
Mã giang đất mở tỏ anh linh

癸酉還成由地利
壬申再造自天機

Quí dậu hoàn thành do địa lợi,
Nhâm thân tái tạo tự thiên cơ

Quí dậu hoàn thành do lợi đất,
Nhâm thân tái tạo tự máy trời

大聲雷鼓誰覺悟
小院發跡有鬼神

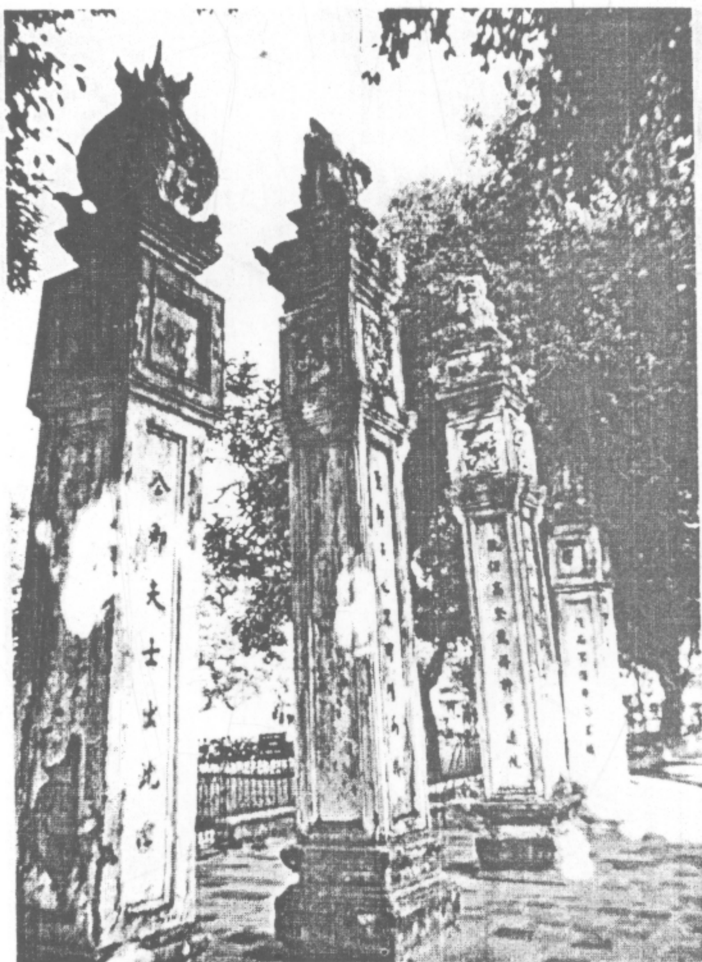
Đại thanh lôi cổ thuỳ giác ngộ,
Tiểu viện phát tích hữu quỷ thần

Tiếng to như sấm ai giác ngộ,
Viện nhỏ phát huy có quỷ thần

功德留傳萬民仰慕
四時八節品果香燈

Công đức lưu truyền vạn dân ngưỡng mộ,
Tứ thời bát tiết phẩm quả hương đăng

Công đức lưu truyền muôn dân ngưỡng mộ,
Bốn mùa tám tiết tiết phẩm quả đèn hương



Câu đối ở Văn Miếu (Hà Nội)

Ảnh: Vương Anh

HỌC TẬP TU DƯỠNG

義秉中天萬古綱常昭武烈
德輝南極千秋翰墨煥文光

Nghĩa bỉnh trung thiên vạn cổ cương thường chiêu vũ liệt;
Đức huy Nam cực thiên thu hàn mặc hoán văn quang.

Nghĩa vững trung thiên[1] muôn thuở cương thường soi gương võ;
Đức ngời Nam cực[2] nghìn thu hàn mặc sáng nền văn.

舉念時明明白白毋期了自己
到頭處是是非非曾放過誰人

Cử niệm thời, minh minh bạch bạch, vô kỳ liễu tự kỷ;
Đáo đầu xứ, thị thị phi phi, tằng phóng quá thuỳ nhân.

Nhớ lại khi xưa, tự mình minh minh bạch bạch, chẳng hề dối trá;
Khởi đầu nơi đến, ai người thị thị phi phi, từng mắc lỗi lầm.

善報惡報遲報速報終須有報
天知地知你知我知何謂無知

Thiện báo, ác báo, trì báo, tốc báo, chung tu hữu báo;
Thiên tri, địa tri, nhĩ tri, ngã tri, hà vị vô tri.

Báo thiện, báo ác, báo chậm báo nhanh, cuối cùng đều báo;
Tường thiên, tường địa, tường anh, tường tôi, không vật chẳng tường.

何必問吉凶或是或非你心本來明白

---

[1] *Trung thiên:* Giữa trời.

[2] *Nam cực:* ở phía Nam trái đất, cũng là tên một vì sao ở miền Nam cực.

無庸少趨避爲善爲惡神明自有顯靈

Hà tất vấn cát hung, hoặc thị, hoặc phi, nhĩ tâm bản lai minh bạch;
Vô dung thiểu xu ty, vi thiện, vi ác, thần minh tự hữu hiển linh.

Sao phải hỏi việc lành, việc dữ, hoặc đúng hoặc sai, lòng anh đà minh bạch;
Không cần sao chạy đến, lẩn đi, làm thiện làm ác, thần minh đã sáng soi.

福照人間財大有
神遍宇宙利同人

Phúc chiếu nhân gian tài đại hữu;
Thần biến vũ trụ lợi đồng nhân.

Phúc chiếu nhân gian, tiền của càng lắm;
Thần khắp vũ trụ, lợi ích mọi người.

開人間之利路
掌天下之財源

Khai nhân gian chi lợi lộ;
Chưởng thiên hạ chi tài nguyên.

Đường lợi nhân gian công khai thác;
Tài nguyên thiên hạ đức nắm quyền.

四方通大道
千里報佳音

Tứ phương thông đại đạo;
Thiên lý báo giai âm.
Bốn phương thông đạo lớn;
Nghìn dặm báo tin vui.

惟農貽景福
以德裕民財

Duy nông di cảnh phúc;
Dĩ đức dụ dân tài.

Hạnh phúc có bởi chuộng nông;
Tiền tài dư do sùng đức.

沐恩財晉發
賴德利豊亨

Mộc ân tài tấn phát;
Lại đức lợi phong hanh.

Đội ơn tiền tài tấn phát;
Nhờ đức lợi ích phong hanh[1]

神恩敷福祉
天庫拱財源

Thần ân phu phúc chỉ;
Thiên khố củng tài nguyên.

Ơn thần phô phúc đức;
Kho trời chứa tài nguyên.

户内土旺人從旺
堂中神安宅自安

Hộ nội thổ vượng nhân tòng vượng;
Đường trung thần an trạch tự an.

Trong cửa thổ vượng, con người cũng vượng;
Giữa nhà thần an, đất ở tự an.

門興不用華封祝
土旺何須天保吟

Môn hưng bất dụng hoa phong chúc;
Thổ vượng hà tu thiên bảo ngâm.

Cửa hưng chẳng phải hoa phong chúc[2];

---

[1] *Phong hanh:* Được mùa, thuận lợi.

[2] *Hoa phong chúc:* Lời chúc tốt đẹp.

Đất vượng sao cầm thiên bảo ngâm[1].

土 豊 恒 大 有
神 澤 益 家 人

Thổ phong hằng đại hữu;
Thần trạch ích gia nhân.

Đất lành hằng của lắm;
Thần ân lợi người thân.

地 興 和 為 貴
土 旺 居 之 安

Địa hưng hoà vi quý;
Thổ vượng cư chi an.

Địa hưng hoà làm quý;
Thổ vượng ở được an.

神 錫 恩 波 流 第 宅
人 逢 瑞 氣 發 祥 光

Thần tích ân ba lưu đệ trạch;
Nhân phùng thụy khí phát tường quang.

Âm đức thần cho lưu đệ trạch[2];
Khí lành người gặp phát tường quang[3].

祀 先 祖 如 在 其 上
佑 後 人 焕 乎 維 新

Tự tiên tổ như tại kỳ thượng;
Hựu hậu nhân hoán hồ duy tân.

Thờ tiên tổ như kính tại thượng;
Giúp hậu nhân sáng bởi duy tân.

---

[1] *Thiên bảo ngâm:* Khúc ngâm qúy như trời.

[2] *Đệ trạch:* Nhà ở của các quan xưa.

[3] *Tường quang:* Điềm tốt lành, sáng sủa.

金爐香靄添春色
銀燭花開映歲華

Kim lô hương ái thiêm xuân sắc;
Ngân chúc hoa khai ánh tuế hoa.

Lư vàng hương ngát thêm hương sắc;
Đuốc bạc hoa xoè ánh tuế hoa[1].

和平神聽宜家室
昌熾宗功蔭子孫

Hoà bình thần thính nghi gia thất;
Xương xí tông công ấm tử tôn.

An bình thần liệu nền gia thất;
Sáng rực tông huân ấm tử tôn.

香馥錦堂凝瑞氣
燭明金屋吐祥光

Hương phức cẩm đường ngưng thụy khí;
Chúc minh kim ốc thổ tường quang.

Hương ngát cẩm đường ngưng khí tốt;
Đuốc ngời kim ốc toả điềm lành.

瑞氣與爐煙共靄
祥光和燈影交輝

Thụy khí dữ lô yên cộng ái;
Tường quang hoà đăng ảnh giao huy.

Khí tốt với khói hương hoà nhã;
Điềm lành cùng đèn nến giao huy.

百代孝思深仰止

---

[1] Tuế hoa: Năm đẹp tốt.

萬年支派衍長流

Bách đại hiếu tư thâm ngưỡng chỉ;
Vạn niên chi phái diễn trường lưu.

Bách thế hiếu tư hằng ngưỡng mộ;
Vạn niên chi phái diễn trường lưu.

煙生香裡祥雲合
花發庭前瑞氣明

Yên sinh hương lý tường vân hợp;
Hoa phát đình tiền thụy khí minh.

Sinh khói trong hương mây lành hợp;
Phát hoa trước sảnh khí tốt phô.

明燈彩映祥煙靄
寶鼎香浮瑞氣融

Minh đăng thái ánh tường yên ái;
Bảo đỉnh hương phù thuỵ khí dung.

Đèn sáng ánh mầu điểm khói nhã;
Đỉnh trầm hương quyện khí lành bay.

香煙高篆祥和氣
燈焰常流積厚光

Hương yên cao triện tường hoà khí;
Đăng diệm thường lưu tích hậu quang.

Khói hương cao quyện điểm hoà khí;
Đèn nến hằng lưu vẻ hậu quang.

明德馨香來格享
謦靈赫濯睹規模

Minh đức hinh hương lai cách hưởng;

Thanh linh hách trạc đổ quy mô.

Đức sáng hương thơm trưng cách hưởng;
Tiếng linh vượt trội nếp quy mô.

水木本源思祖德
乾坤久大頌宗功

Thuỷ mộc bản nguyên tư tổ đức;
Càn khôn cửu đại tụng tông công.

Cây gốc nước nguồn ơn tổ đức;
Đất bền trời rộng ngợi tông công.

舉目思祖宗功德
存心爲孝子賢孫

Cử mục tư tổ tông công đức;
Tồn tâm vi hiếu tử hiền tôn.

Ngước mắt nhớ tổ tông công đức;
Ghi lòng làm hiếu tử hiền tôn.

燈焰光輝呈瑞色
香煙盤結繞祥雲

Đăng diệm quang huy trình thuỵ sắc;
Hương yên bàn kết nhiễu tường vân.

Đèn nến huy hoàng phô sắc qúy;
Khói hương bàn kết quyện mây lành.

寶鼎香煙騰紫氣
銀臺燭影耀紅光

Bảo đỉnh hương yên đằng tử khí;
Ngân đài chúc ảnh diệu hồng quang.

Đỉnh qúy khói hương bay khí tía;
Đài ngân ảnh đuốc vút tia hồng.

富 貴 花 開 金 盞 碧
平 安 字 篆 玉 爐 紅

Phú quý hoa khai kim trản bích;
Bình an tự triện ngọc lô hồng.

Phú qúy nở hoa nâng chén biếc;
Bình an khắc chữ rực lô hồng.

香 呈 寶 鼎 時 招 福
燈 結 珠 花 日 進 財

Hương trình bảo đỉnh thời chiêu phúc;
Đăng kết chấu hoa nhật tiến tài.

Hương phô đỉnh qúy thời chiêu phúc;
Đèn kết hoa châu buổi tiến tài.

金 爐 永 駐 千 年 篆
玉 盞 長 開 四 季 花

Kim lô vĩnh trú thiên niên triện;
Ngọc trản trường khai tứ quý hoa.

Lò vàng lưu mãi ngàn năm tạc;
Chén ngọc mở dài bốn quý hoa.

福 田 宗 祖 種
心 地 子 孫 耕

Phúc điền tông tổ chủng;
Tâm địa tử tôn canh.

Tông tổ gieo trồng nền điền phúc;
Cháu con canh tác nếp viên tâm.

駿 烈 追 先 代

鴻 庥 啓 後 人

Tuấn liệt truy tiên đại;
Hồng hưu khải hậu nhân.

Ngựa tốt khôn truy công tiên tổ;
Chim hồng đặng giúp phúc hậu nhân.

祥雲浮紫閣
瑞氣繞朱門

Tường vân phù tử các;
Thuỵ khí nhiễu chu môn.

Mây lành nổi trên gác tía;
Khí tốt toả quanh cửa son.

孝敬通宗祖
禎祥集子孫

Hiếu kính thông tông tổ;
Trinh tường tập tử tôn.

Hiếu kính thấu lên tông tổ;
Điềm lành họp lại tử tôn.

石徑有塵風自掃
禪門無鎖月常來

Thạch kính hữu trần phong tự tảo;
Thiền môn vô toả nguyệt thường lai.

Lối đá bụi vương, gió tự quét;
Cửa thiền không khoá trăng thường soi.

鍾帶潮音騰佛座
月同僧眼照天心

Chung đới triều âm đằng Phật toạ;
Nguyệt đồng tăng nhãn chiếu thiên tâm.

Chuông gió triều âm vương bệ Phật;

Nguyệt cùng tăng nhãn chiếu lòng trời.

山鳥有情尊佛偈
林花無語解禪機

Sơn điểu hữu tình tôn Phật kệ;
Lâm hoa vô ngữ giải thiền cơ.

Chim núi có tình tôn kệ Phật[1];
Hoa rừng không ngữ giải cơ thiền[2].

禪室從來雲外賞
香臺豈是世中情

Thiền thất tòng lai vân ngoại thưởng;
Hương đài khởi thị thế trung tình.

Thiền thất xưa nay vân ngoại thưởng;
Hương đài há phải thế trung tình.

白雲歸洞口
明月照禪心

Bạch vân quy động khẩu;
Minh nguyệt chiếu thiền tâm.

Mây trắng về cửa động;
Trăng thanh chiếu lòng thiền.

雁塔風霜古
禪房花木深

Nhạn tháp phong sương cổ;

---

[1] *Kệ Phật:* Bài kệ về đức Phật.

[2] *Cơ thiền*: Lay động nơi cửa Phật.

Thiền phòng hoa mộc thâm.

Nhạn tháp vẫn như xưa sương gió;
Phòng thiền sâu thẳm ẩn mộc hoa.

靜聞魚讀月
笑對鳥談天

Tĩnh văn ngư độc nguyệt;
Tiếu đối điểu đàm thiên.

Lặng nghe cá độc nguyệt;
Cười ngắm chim đàm thiên.

眼前色相皆成幻
曲裡歌聲不厭新

Nhãn tiền sắc tướng giai thành ảo;
Khúc lý ca thanh bất yếm tân.

Nhãn tiền sắc tướng đều thành ảo;
Trong khúc ca thanh chẳng yếm tân[1].

還將舊事從新演
聊借今人當古觀

Hoàn tương cựu sự tòng tân diễn;
Liêu tá kim nhân đương cổ quan.

Lại đem việc cũ làm tân diễn[2];
Hãy mượn người nay đọ cổ quan[3].

九天韶樂飄寒月
一曲清簫凌紫煙

---

1 *Chẳng yếm tân:* Không chán cái mới.

2 *Tân diễn:* Trò diễn mới.

3 Cổ quan: Nhìn nhận người xưa.

Cửu thiên thiều nhạc phiêu hàn nguyệt;
Nhất khúc thanh tiêu lăng tử yên.

Chín tầng thiều nhạc đưa trăng lạnh;
Một khúc thanh tiêu vượt khói mây.

一聲唱盡秋江月
萬舞齊開玉樹花

Nhất thanh xướng tận thu giang nguyệt;
Vạn vũ tề khai ngọc thụ hoa.

Một câu xướng tận sông thu nguyệt;
Muôn điệu đều tan ngọc thụ hoa.

世事渾如戲
人情莫認眞

Thế sự hồn như hý;
Nhân tình mạc nhận chân.

Sự thế đục như tuồng du hý;
Tình người chẳng nhận được thực chân.

就此一人身攵盡許多富貴貧賤都是電光石火
任他三疊曲唱來無限悲歡離合莫非海市蜃樓

Tựu thử, nhất nhân thân tộ tận, hứa đa phú qúy bần tiện, đô thị điện quang thạch hoả;
Nhậm tha, tam điệp khúc xướng lai, vô hạn bi hoan ly hợp, mạc phi hải thị thẩn lâu.

Đã đến đây, một tấm thân làm hết, biết bao phú qúy bần tiện, đều là đúng, sáng đèn lửa đá[1];
Đành phải gánh, ba điệp khúc xướng lên, vô hạn bi hoan ly hợp,

---

[1] *Sáng đèn lửa đá:* từ chữ "điện thạch" là đèn đất.

chẳng phải ư, chợ bể lầu ngao[1].

或笑或啼眞面目
爲歌爲舞改聲容

Hoặc tiếu hoặc đề chân diện mục;
Vi ca vi vũ cải thanh dung.

Hoặc khóc hoặc cười rõ ràng diện mục;
Khi ca khi múa thay đổi thanh dung.

百世衣冠長濟美
千年山水永朝宗

Bách thế y quan trường tế mỹ;
Thiên niên sơn thuỷ vĩnh triều tông.

Áo nũ trăm đời bền mỹ cảnh;
Nước non nghìn thuở vững tông đường.

宗祖千秋長祀典
兒孫萬古紹書香

Tông tổ thiên thu trường tự điển;
Nhi tôn vạn cổ thiệu thư hương.

Tông tổ nghìn thu dài tự điển[2];
Cháu con vạn thuở nối thư hương[3].

嚴若思孝孫有慶
祭如在明德惟馨

Nghiêm nhược tư hiếu tôn hữu khánh;
Tế như tại minh đức duy hinh.

---

[1] *Chợ bể lầu ngao:* ý nói việc tạm bợ như cảnh trên sân khấu.

[2] *Tự điển:* Phép tắc thờ cúng.

[3] *Thư hương:* Nề nếp con cháu nhà có học.

Nghiêm cẩn truy tư cháu hiền mừng phúc;
Cúng thờ như tại đức sáng ngát hương.

萬古斯文存正脈
千秋心法啓宗傳

Vạn cổ tư văn tồn chính mạch;
Thiên thu tâm pháp khải tông truyền.

Muôn thuở tư văn[1] lưu chính mạch;
Nghìn thu tâm pháp[2] mở tông truyền[3].

百代孝慈高仰止
萬年支派永流通

Bách đại hiếu từ cao ngưỡng chỉ;
Vạn niên chi phái vĩnh lưu thông.

Trăm đời từ hiếu cao ngưỡng vọng;
Muôn thuở phái chi mãi lưu truyền.

盈門吉慶家聲遠
滿室榮華世澤長

Doanh môn cát khánh gia thanh viễn;
Mãn thất vinh hoa thế trạch trường.

Phúc đức đầy nhà gia thanh còn mãi;
Vinh hoa ngập cửa thế trạch dài lâu.

堂寢宏開昭祖德
簪纓繼美壯家聲

---

1 *Tư văn:* Lễ nhạc, chế độ của thánh nhân xưa truyền lại.

2 *Tâm pháp:* Các phương pháp tâm đắc của thầy trò truyền cho nhau.

3 *Tông truyền:* Truyền thống của tổ tông.

Đường tẩm hoằng khai chiêu tổ đức;
Trâm anh kế mỹ tráng gia thanh.

Đường tẩm hoằng khai ngời tổ đức;
Trâm anh kế mỹ đẹp gia thanh.

玉樹芳蘭承祖豆
金蟬紫誥答蒸嘗

Ngọc thụ phương lan thừa tổ đậu;
Kim thiền tử cáo đáp chưng thường.

Cây ngọc hương lan thừa trở đậu[1];
Ve vàng lời qúy đáp chưng thường[2].

俎豆衣冠宗功衍慶
詩書禮樂世澤流徽

Trở đậu y quan tông công diễn khánh;
Thi thư lễ nhạc thế trạch lưu huy.

Lễ vật y quan, công đức tổ tông còn dài phúc;
Thi thư lễ nhạc ân tình thế trạch mãi đẹp danh.

禮樂繩其祖武
詩書貽厥孫謀

Lễ nhạc thằng kỳ tổ vũ;
Thi thư di quyết tôn mưu.

Uy vũ tổ tông truyền lễ nhạc;
Quyền mưu con cháu nối thi thư.

且喜先人傳舊業

---

1 *Trở đậu:* Đồ cúng tế.

2 *Chưng thường:* Nấu, mếm để điều canh.

還期後裔煥新猷

Thả hỷ tiên nhân truyền cựu nghiệp;
Hoàn kỳ hậu duệ hoán tân du.

Vừa vui người trước truyền nghiệp cũ;
Lại ngóng kẻ sau nối chí nay.

門楣增彩源流遠
堂構重輝俎豆新

Môn my tăng thái nguyên lưu vẫn;
Đường cấu trùng huy trở đậu tân.

Gia thế tươi thêm nguồn chẩy cũ;
Từ đường sáng lại lễ nghi nay.

富潤琴書成五色
貴連蘭玉映三台

Phú nhuận cầm thư thành ngũ sắc;
Qúy liên lan ngọc ánh tam thai.

Giầu thắm cầm thư thành ngũ sắc[1];
Sang liền lan ngọc ánh tam thai[2].

江山聚秀歸新宅
奎壁聯輝映畫堂

Giang sơn tụ tú quy tân trạch;
Khuê bích liên huy ánh hoạch đường.
Giang sơn tụ khí về tân trạch[3];
Khuê bích liên màu ánh hoạch đường[1].

---

1 *Ngũ sắc:* Năm màu: xanh, vàng, đỏ, trắng, đen.

2 *Tam thai:* Như “tam công” là ba chức quan: Thái sư, Thái phó, Thái bảo.

3 *Tân trạch:* Khu đất ở mới.

甲第鼎新容駟馬
華堂鍾秀起文人

Giáp đệ đỉnh tân dung tứ mã;
Hoa đường chung tú khởi văn nhân.

Khoa giáp cách tân dung tứ mã;
Hoa đường chung đúc khởi văn nhân.

堂開麗日金鶯轉
簾捲春風玉燕來

Đường khai lệ nhật kim oanh chuyển;
Liêm quyển xuân phong ngọc yến lai.

Ngày vui nhà mở oanh vàng chuyển;
Gió thoảng rèm lay yến ngọc về.

閣上金龍騰紫氣
堂前彩鳳映舟霞

Các thượng kim long đằng tử khí;
Đường tiền thái phượng ánh chu hà.

Rồng vàng trên các vươn sắc tía;
Phượng ngọc trước nhà ánh vẻ hồng.

堂構宏開綿世德
規模丕振啓人文

Đường cấu hoằng khai miên thế đức;
Quy mô phi chấn khải nhân văn.

Đường thất lớn lao dài thế đức;

---

[1] *Hoạch đường:* Đồ hoạch ngôi từ đường.

Quy mô phấn phát mở nhân văn.

地脈靈鍾開駿業
人文蔚起展鴻才

Địa mạch linh chung khai tuấn nghiệp;
Nhân văn uất khởi triển hồng tài.

Địa mạch kết tinh khai nghiệp lớn;
Văn nhân khởi phát dấy tài cao.

瑤埤蘭桂書香遠
錦座春萱世澤長

Dao bệ lan quế thư hương viễn;
Cẩm toà xuân huyên thế trạch trường.

Lan quế thềm giao thư hương tiếp;
Thung huyên toà gấm thế trạch dài.

華堂畫永書香藹
喬木春深手澤多

Hoa đường hoạch vĩnh thư hương ái;
Kiều mộc xuân thâm thủ trạch đa.

Nhà lan định vững thư hương nhã;
Cây cả xuân tươi phúc trạch nhiều.

玉樹琪花香作錦
水光山色翠連雲

Ngọc thụ kỳ hoa hương tác cẩm;
Thuỷ quang sơn sắc thuý liên vân.

Cây ngọc hoa vàng hương làm gấm;
Nước trong núi biếc sắc liền mây.

日月光華臨畫棟
山河環繞映樓臺

Nhật nguyệt quang hoa lâm hoạ đống;
Sơn hà hoàn nhiễu ánh lâu đài.

Nhật nguyệt bừng tươi soi trụ đống;
Sơn hà hoàn nhiễu ánh lâu đài.

今朝喜卜親仁里
異日重開書錦堂

Kim triều hỉ bốc thân nhân lý;
Dị nhật trùng khai thư cẩm đường.

Sáng nay mừng gặp người thân nơi nhân lý;
Ngày khác lại xem sách qúy chốn cẩm đường.

高大門閭美輪美換
綿延世澤丕顯丕承

Cao đại môn lư mỹ luân mỹ hoán;
Miên diên thế trạch phi hiển phi thừa.

Cao lớn môn lư đẹp tươi hoán cải;
Lâu dài gia thế rực rỡ kế thừa.

開百世鴻圖龍蟠虎踞
啓千秋大廈鳳起蛟騰

Khai bách thế hồng đồ long bàn hổ cứ;
Khải thiên thu đại hạ phượng khởi giao đằng.

Khai bách thế hồng đồ hổ ngồi rồng cuộn;
Mở thiên thu đại hạ giao rượt phượng bay.

虎踞龍蟠已得山川勝聚

蘭馨桂馥將舒宇宙英華

Hổ cứ long bàn dĩ đắc sơn xuyên thắng tụ;
Lan hinh quế phức tương thư vũ trụ anh hoa.

Rồng cuộn hổ ngồi đã được núi sông hội tụ;
Quế thơm lan ngát sẽ làm vũ trụ tươi hoa.

燕翼詒謀水繞山環新第宅
鴻規創立父慈子孝舊家聲

Yến dực di mưu thuỷ nhiễu sơn hoàn tân đệ trạch;
Hồng quy sáng lập phụ từ tử hiếu cựu gia thanh.

Yến đẹp nếp nhà, nước lượn núi vòng, tân đệ trạch;
Hồng so gươm sáng, cha hiền con hiếu, cựu thế gia.

書錦輝煌畫棟連雲迎瑞氣
春暉香靄華堂映日繞祥雲

Thư cẩm huy hoàng, hoạch đống liên vân, nghinh thụy khí;
Xuân huy hương ái, hoa đường ánh nhật, nhiễu tường vân.

Thư gấm huy hoàng, cơ nghiệp liền mây nghênh khí tốt;
Xuân tươi hương nhã, từ đường chiếu sáng quyện mây lành.

漫道新居仍舊址
聊期後裔振前徽

Mạn đạo tân cư nhưng cựu chỉ;
Liêu kỳ hậu duệ chấn tiền huy.

Nền cũ gia tân tràn đạo lý;
Sáng ngời hậu duệ hẹn niên kỳ.

萬卷古今消永日
一窗昏曉送流年

Vạn quyển cổ kim tiêu vĩnh nhật;
Nhất song hôn hiểu tống lưu niên.

Vạn quyển xưa nay ngày mải đọc;
Một song mờ tỏ tiễn năm qua.

書 從 疑 處 翻 成 悟
文 到 窮 時 自 有 神

Thư tòng nghi xứ phiên thành ngộ;
Văn đáo cùng thời tự hữu thần.

Sách có biết ngờ rồi sẽ hiểu;
Văn đến lúc cùng mới có thần.

天 然 文 吐 春 雲 潤
悟 后 心 如 秋 月 高

Thiên nhiên văn thổ xuân vân nhuận;
Ngộ hậu tâm như thu nguyệt cao.

Thiên nhiên văn đượm mây xuân đậm;
Giác ngộ lòng như trăng thu cao.

師 友 肯 臨 容 膝 地
儿 孫 莫 負 等 身 書

Sư hữu khẳng lâm dung tất địa;
Nhi tôn mạc phụ đẳng thân thư.

Thầy bạn những mong hầu dưới gối;
Cháu con chớ phụ sách ngày thơ.

書 到 用 時 方 恨 少
事 非 經 過 不 知 難

Thư đáo dụng thời phương hận thiểu;

Sự phi kinh quá bất tri nan.

Sách đến lúc dùng hiềm ít đọc;
Việc chưa từng trải khó không hay.

術業宜從勤學起
韶華不為少年留

Thuật nghiệp nghi tòng cần học khởi;
Thiều hoa bất vi thiếu niên lưu.

Sự nghiệp bắt đầu từ gắng học;
Tuổi xanh đi mất có chờ ai.

黑發不知勤學早
白頭方悔讀書遲

Hắc phát bất tri cần học tảo;
Bạch đầu phương hối độc thư trì.

Cần viết không hay chăm học sớm;
Bạch đầu mới hối đọc sao trời.

書山有路勤為徑
學海無涯苦作舟

Thư sơn hữu lộ cần vi kính;
Học hải vô nhai khổ tác chu.

Núi sách có đường, chăm dọn lối;
Biển học không bờ, gắng làm thuyền.

堂構重光長積慶
奐輪繼美遠鍾靈

Đường cấu trùng quang trường tích khánh;
Hoán luân kế mỹ viễn chung linh.

Sửa chữa sáng thêm nơi tích phúc;
Đổi thay đẹp mãi chốn chung linh[1].

山水朝宗依舊日
門堂集瑞靄新居

Sơn thuỷ triều tông y cựu nhật;
Môn đường tập thụy ái tân cư.

Non nước triều tông y ngày trước;
Cửa nhà tập phúc nhã tân cư.

書棟倚雲光舊業
華堂映日耀新居

Thư đống ỷ vân quang cựu nghiệp;
Hoa đường ánh nhật diệu tân cư.

Nhà sách dựa mây quang cựu nghiệp;
Từ đường chiếu sáng diệu tân cư.

舊裔雲礽垂燕翼
新居奕葉壯鴻圖

Cựu duệ vân nhưng thuỳ yến dực;
Tân cư dịch diệp tráng hồng đồ.

Hậu duệ phúc mây trùm yến dực[1];
Tân cư xanh lá sáng hồng đồ[2].

樑棟維新家聲丕振
奐輪依舊世澤流芳

---

[1] *Chốn chung linh*: Nơi thờ cúng linh thiêng.

[1] *Yến dực:* Cánh chim yến. Ý nói nơi có phúc đức.

[2] *Hồng đồ:* Kế hoạch lớn lao.

Lương đống duy tân gia thanh phi chấn;
Hoán luân y cựu thế trạch lưu phương.

Rường cột duy tân gia thanh hưng chấn;
Đổi thay y cựu thế trạch lưu hương.

鶯遷華屋安仁里
燕賀新居洽德鄰

Oanh thiên hoa ốc an nhân lý;
Yên hạ tân cư hiệp đức lân.

Yến chúc tân cư hiệp xóm đức;
Oanh dời hoa ốc yên làng nhân.

滿座珠璣光舊署
幾車書籍重新遷

Mãn toạ châu cơ quang cựu thự;
Kỷ xa thư tạ trọng tân thiên.

Một nếp ngọc đường ngời cảnh cũ;
Mấy xe sách vở trọng dời thay.

日映埤前森玉樹
鶯遷堂上茁蘭芽

Nhật ánh bệ tiền sâm ngọc thụ;
Oanh thiên đường thượng truật lan nha.

Nắng ánh trước thềm rừng cây ngọc;
Oanh dời trên mái nẩy mầm lan.

龍門舊列金章貴
鶯谷新遷喬木高

Long môn cựu liệt kim chương quý;

Oanh cốc tân thiên kiều mộc cao.

Long môn lệ cũ văn chương qúy;
Oanh cốc đổi thay kiều mộc cao.

魚耀龍門三汲浪
鶯遷花報一枝春

Ngư diệu long môn tam cấp lãng;
Oanh thiên hoa báo nhất chi xuân.

Cá vượt cửa rồng ba lần sóng;
Oanh dời hoa báo một cành xuân.

夏屋新遷鶯出谷
春臺彩煥鳳棲梧

Hạ ốc tân thiên oanh xuất cốc;
Xuân đài thái hoán phượng thê ngô.

Hạ ốc đổi dời oanh khởi tổ;
Xuân đài đẹp vẻ phượng cành ngô.

勝地卜新居此日華堂來燕賀
遷喬仍舊里他年泮水應蛟騰

Thắng địa bốc tân cư, thử nhật hoa đường lai yến hạ;
Thiên kiều nhưng cựu lý, tha niên phán thủy ứng giao đằng.

Thắng địa chọn tân cư, ngày nọ hoa đường khoe yến chúc[1];
Thiên kiều nguyên cựu lý, năm kia ao nước ứng giao đằng[2].

筆動惊寒月

---

[1] *Yến chúc:* Chim yến chúc tụng.

[2] *Giao đằng:* Giao long nhẩy vọt lên. Ý nói thời thái bình thịnh trị.

琴鳴送夕陽

Bút động kinh hàn nguyệt;
Cầm minh tống tịch dương.

Động bút kinh trăng lạnh;
Gảy đàn tiễn chiều tà.

修業勤爲貴
行文意必高

Tu nghiệp cần vi qúy;
Hành văn ý tất cao.

Tu nghiệp chăm là quý;
Hành văn ý phải cao.

墨落蛇爭舞
詩成鳥放歌

Mặc lạc xà tranh vũ;
Thi thành điểu phóng ca.

Mực rớt rắn tranh múa;
Thơ thành chim hót ca.

讀書必提要
處事在通情

Độc thư tất đề yếu;
Xử sự tại thông tình.

Đọc sách nắm thiết yếu;
Xử sự phải thông tình.

學貫天人際
名爭日月光

Học quán thiên nhân tế;
Danh tranh nhật nguyệt quang.

Học phân rõ trời người;
Tên sáng cùng nhật nguyệt.

著書惊日短
舞墨伴星稀

Trước thư kinh nhật đoản;
Vũ mặc bạn tinh hy.

Viết sách sợ ngày ngắn;
Múa bút bạn sao khuya.

筆存金石气
墨有屋漏痕

Bút tồn kim thạch khí;
Mặc hữu ốc lậu ngân.

Bút còn hơi vàng đá;
Mực có vết nước dột.

破壁群龍舞
臨池玉鳳飛

Phá bích quần long vũ;
Lâm trì ngọc phượng phi.

Phá vách bầy rồng múa;
Đến ao ngọc phượng bay.

靜聞魚讀月
笑對鳥談天

Tĩnh văn ngư độc nguyệt;

Tiếu đối điểu đàm thiên.

Tỉnh nghe cá đọc trăng;
Cười trước chim chuyện vãn

槐門舊蔭豐根本
芝誥新恩賁壤泉

Hòe môn cựu ấm phong căn bản;
Chi cáo tân ân bí nhượng tuyền.

Sân hòe bóng cũ nhờ gốc vững;
Sắc điệp ân nay thắm cam tuyền.

安貧忘歲月
救拙賴詩書

An bần vong tuế nguyệt;
Cứu chuyết lại thi thư.

Yên nghèo quên năm tháng;
Chữa vụng nhờ học hành.

杜門閑客散
開卷古人來

Đỗ môn nhàn khách tán;
Khai quyển cổ nhân lai.

Đóng cửa khách rồi ít;
Mở sách người xưa về.

看劍豪生膽
讀書香到心

Khán kiếm hào sinh đảm;
Độc thư hương đáo tâm.

Ngắm kiếm sinh can đảm;
Đọc sách hương vào lòng.

吟哦出新意
坦率見真情

Ngâm nga xuất tân ý;
Thản suất kiến chân tình.

Ngâm nga nảy ý mới;
Thản nhiên thấy chân tình.

星稀長練劍
夜半每觀書

Tinh hy trường luyện kiếm;
Dạ bán mỗi quan thư.

Sao thưa mê luyện kiếm;
Đêm khuya mở sách xem.

筆端通造化
意表出雲霞

Bút đoan thông tạo hoá;
Ý biểu xuất vân hà.

Ngọn bút thông tạo hoá;
Ý tứ vượt ngân hà.

翰墨惊天地
詩書通古今

Hàn mặc kinh thiên địa;
Thi thư thông cổ kim.

Bút mực kinh trời đất;

Sách vở thông xưa nay.

潤豪看風舞
和墨化龍飛

Nhuận hào khán phượng vũ;
Hoà mặc hoá long phi.

Bút hoạt như phượng múa;
Mực trơn hoá rồng bay.

有書堆滿案
惟德自成鄰

Hữu thư đôi mãn án;
Duy đức tự thành lân.

Có sách chất đầy án;
Duy đức là xóm giềng.

落筆撼山岳
成詩凌碧霄

Lạc bút hám sơn nhạc;
Thành thi lăng bích tiêu.

Xuống bút động núi cao;
Thơ thành lấn mây biếc.

詩從肺腑出
心與水月清

Thi tòng phế phủ xuất;
Tâm dữ thuỷ nguyệt thanh.

Thơ từ gan ruột ra;
Lòng với trăng nước sáng.

山光清眼界
書味潤心田

Sơn quang thanh nhãn giới;
Thư vị nhuận tâm điền.

Núi quang tầm mắt rộng;
Mùi sách nhuận trong lòng.

忠厚傳家久
詩書繼世長

Trung hậu truyền gia cửu;
Thi thư kế thế trường.

Trung hậu nhà truyền mãi;
Thi thư đời nối đời.

立德齊今古
藏書教子孫

Lập đức tề kim cổ;
Tàng thư giáo tử tôn.

Lập đức đều xưa nay;
Giữ sách dạy con cháu.

慧眼游書海
平心論古人

Tuệ nhãn du thư hải;
Bình tâm luận cổ nhân.

Mắt tuệ dạo biển sách;
Bình tâm bàn người xưa.

苦讀千年史

笑吟万家詩

Khổ độc thiên niên sử;
Tiếu ngâm vạn gia thi.

Khổ đọc sử ngàn năm;
Cười ngâm thơ vạn nhà.

詩思偏宜夜
衰鬢更耐秋

Thi tứ thiên nghi dạ;
Suy mấn cánh nại thu.

Tứ thơ thường về tối;
Tóc bạc bởi buồn thu.

終身爭一息
每事學三思

Chung thân tranh nhất tức;
Mỗi sự học tam tư.

Trọn đời giành từng phút;
Việc học nghĩ ba lần.

詩無入俗句
胸有濟世心

Thi vô nhập tục cú;
Hung hữu tế thế tâm.

Thơ không dùng câu tục;
Bụng có nghĩ giúp đời.

無言先立意
未嘯已生風

Vô ngôn tiên lập ý;
Vị khiếu dĩ sinh phong.

Chưa nói ý trước lập;
Chưa cười gió đã sinh.

略翻書數則
便不愧三餐

Lược phiên thư sổ tắc;
Tiện bất quý tam xan.

Lược xem sách vài chương;
Không thẹn ăn ba bữa.

飽覽古今事
淺識南北情

Bão lãm cổ kim sự;
Thiển thức nam bắc tình.

Xem nhiều việc xưa nay;
Biết ít chuyện nam bắc.

水墨開奇境
絲桐發妙香

Thuỷ mặc khai kỳ cảnh;
Ty đồng phát diệu hương.

Thuỷ mặc vẽ cảnh lạ;
Tơ đồng toả hương thơm.

胸中藏宇宙
筆下走風雷

Hung trung tàng vũ trụ;

Bút hạ tẩu phong lôi.

Trong bụng chứa vũ trụ;
Hạ bút nổi phong lôi.

雲 山 起 翰 墨
星 斗 煥 文 章

Vân sơn khởi hàn mặc;
Tinh đẩu hoán văn chương.

Non mây gợi bút mực;
Sao đẩu rạng văn chương.

夜 眠 人 靜 后
早 起 鳥 啼 先

Dạ miên nhân tĩnh hậu;
Tảo khởi điểu đề tiên.

Tối ngủ sau người tĩnh;
Sớm dậy trước chim kêu.

醉 歌 田 舍 酒
笑 讀 古 人 書

Túy ca điền xá tửu;
Tiếu độc cổ nhân thư.

Rượu thôn dã say ca;
Sách người xưa cười đọc.

筆 墨 增 情 趣
風 雪 煉 精 神

Bút mặc tăng tình thú;
Phong tuyết luyện tinh thần.

Bút mực tăng hứng thú;
Gió tuyết luyện tinh thần.

夜 静 磨 殘 月
吟 余 墜 落 花

Dạ tĩnh ma tàn nguyệt;
Ngâm dư truỵ lạc hoa.

Đêm tĩnh mài tàn nguyệt;
Ngâm xong rơi rụng hoa.

雨 過 琴 書 潤
風 來 翰 墨 香

Vũ quá cầm thư nhuận;
Phong lai hàn mặc hương.

Mưa xuống ẩm sách đàn;
Gió về thơm bút mực.

吟 竹 詩 含 翠
畫 梅 筆 帶 香

Ngâm trúc thi hàm thuý;
Hoạ mai bút đới hương.

Ngâm thơ trúc ngậm biếc;
Bút vẽ mai có hương.

文 章 千 古 事
風 雨 十 年 人

Văn chương thiên cổ sự;
Phong vũ thập niên nhân.

Chuyện ngàn đời văn chương;

Người mười năm mưa gió.

典故探奥旨
詩書挹余波

Điển cố thám áo chỉ;
Thi thư ấp dư ba.

Điển tích ý sâu xa;
Thi thư làn sóng gợn.

放眼窮天地
挑燈挹古今

Phóng nhãn cùng thiên địa;
Khiêu đăng ấp cổ kim.

Đưa mắt khắp trời đất;
Khêu đèn nhớ cổ kim.

拙光勤問古
敲竹苦吟詩

Chuyết quang cần vấn cổ;
Xao trúc khổ ngâm thi.

Chưa rõ cần hỏi cổ;
Lay trúc gắng ngâm thơ.

苦心追妙句
禿筆寫新詩

Khổ tâm truy diệu cú;
Thốc bút tả tân thi.

Nhọc lòng tìm câu hay;
Cùn bút viết thơ mới.

詩聲惊曉月
劍气逐寒風

Thi thanh kinh hiểu nguyệt;
Kiếm khí trục hàn phong.

Tiếng thơ kinh trăng thanh;
Khí kiếm đuổi gió lạnh.

開卷群言雅
擇豪六气清

Khai quyển quần ngôn nhã;
Trạch hào lục khí thanh.

Mở quyển mọi lời nhã;
Chọn hào sáu khí thanh.

裁詩痴作骨
剎紙苦爲刀

Tài thi si tác cốt;
Sát chỉ khổ vi đao.

Sửa thơ dại là cốt;
Cắt giấy khổ là dao.

暇拈碑帖寫
長起讀書聲

Hạ niêm bi thiếp tả;
Trường khởi độc thư thanh.

Rỗi đem thiếp ra viết;
Tiếng đọc sách hầu quen.

長養浩然气

靜觀無字書
（上八聯爲趙金光撰）

Trường dưỡng hạo nhiên khí;
Tĩnh quan vô tự thư.
(Thượng bát liên vi Triệu Kim Quang soạn).

Bền nuôi khí hạo nhiên;
Lặng xem sách không chữ.
Tám câu đối trên do Triệu Kim Quang soạn)

以教人者教己
在勞力上勞心

Dĩ giáo nhân giả giáo kỷ;
Tại lao lực thượng lao tâm.

Lấy điều dạy người dạy mình;
Ở trên lao lực lao tâm.

未能一日寡過
恨不十年讀書

Vị năng nhất nhật quả quá;
Hận bất thập niên độc thư.

Chưa thể một ngày ít lỗi;
Hận chẳng mười năm sách đèn.

求學將爲致用
讀書貴在虛心

Cầu học tương vi trí dụng;
Độc thư qúy tại hư tâm.

Cầu học cần cho thực dụng;

Đọc sách qúy ở hư tâm.

雅言詩書執禮
益友直諒多聞

Nhã ngôn thi thư chấp lễ;
Ích hữu trực lượng đa văn.

Lời nhã thi thư giữ lễ;
Bạn hay thẳng thắn nhiều nghe.

讀書心存遠志
實踐悟出眞知

Độc thư tâm tồn viễn chí;
Thực tiễn ngộ xuất chân trí.

Đọc sách lòng gửi chí xa;
Thực tiễn nhận ra thấy đúng.

墨海千帆競發
書林萬卉爭芳

Mặc hải thiên phàm cạnh phát;
Thư lâm vạn hủy tranh phương.

Bể học ngàn buồm tranh gió;
Sách rừng vạn cỏ đua hương.

風彩三秋明月
文章萬里長江

Phong thái tam thu minh nguyệt;
Văn chương vạn lý trường giang.

Phong thái ba thu trăng sáng;
Văn chương vạn dặm sông dài.

挾風雲于翰墨
羅經緯在心胸

Hiệp phong vân vu hàn mặc;
La kinh vĩ tại tâm hung.

Đưa mây gió vào bút mực;
Sắp ngang dọc ở trong lòng.

竹雨松風琴韻
茶煙梧月書聲

Trúc vũ tùng phong cầm vận;
Trà yên ngô nguyệt thư thanh.

Mưa trúc, gió tùng, điệu đàn;
Khói trà, trăng ngô, tiếng sách.

養心莫善寡欲
至樂無如讀書

Dưỡng tâm mạc thiện quả dục;
Chí lạc vô như độc thư.

Dưỡng tâm gì hơn ít dục;
Tận vui đâu bằng đọc sách.

鳥欲高飛先振翅
人求上進早讀書

Điểu dục cao phi tiên chấn sí;
Nhân cầu thượng tiến tảo độc thư.

Chim muốn bay cao trước vỗ cánh;
Người cầu tiến bộ chăm sách đèn.

讀書常戒自欺處

勤者不可有閑時

Độc thư thường giới tự khi xứ;
Cần giả bất khả hữu nhàn thời.

Đọc sách thường răn tự xem thường;
Người chăm không có lúc nhàn rỗi.

能勤德業惟良友
有益身心在讀書

Năng cần đức nghiệp duy lương hữu;
Hữu ích thân tâm tại độc thư.

Hay chăm nghiệp đức chỉ bạn hiền;
Giúp ích thân tâm là đọc sách.

書法未心全師古
文章重在能通今

Thư pháp vị tất toàn sư cổ;
Văn chương trọng tại năng thông kim.

Thư pháp chẳng nên toàn nệ cổ;
Văn chương trọng ở hiểu đời nay.

黄卷崔吾朝起早
青燈伴我夜眠遲

Hoàng quyển thôi ngô triêu khởi tảo;
Thanh đăng bạn ngã dạ miên trì.

Sách vàng giục ta mau sớm dậy;
Đèn xanh làm bạn lúc đêm khuya.

書窗夜深光射斗
墨池春暖筆生花

Thư song dạ thâm quang xạ đẩu;
Mặc trì xuân noãn bút sinh hoa.

Song thư đêm lặng ngời sao đẩu;
Nghiên mực trời xuân bút nở hoa.

書到精絶方弄險
詩窮蹇滞更吟豪

Thư đáo tinh sắc phương lộng hiểm;
Thi cùng kiển trệ cánh ngâm hào.

Sách đến tuyệt tinh là lộng hiểm;
Thơ sâu tâm sự mới ngâm hào.

吟成佳句花皆舞
談到奇書興欲狂

Ngâm thành giai cú hoa giai vũ;
Đàm đáo kỳ thư hứng dục cuồng.

Ngâm câu tuyệt diệu hoa đều múa;
Bàn đến kỳ thư hứng muốn cuồng.

肝膽照人如雪色
書篇擲地作金聲

Can đảm chiếu nhân như tuyết sắc;
Thư thiên trịch địa tác kim thanh.

Can đảm chiếu người như sắc tuyết;
Sách rơi xuống đất nảy thanh vàng.

得山水樂在怀抱
于古今文觀异同

Đắc sơn thuỷ lạc tại hoài bão;

Vu cổ kim văn quan dị đồng.

Hoài bão nước non mừng được chốn;
Riêng chung kim cổ ở lời văn.

几上江湖書一卷
窗前燈火夜三更

Kỷ thượng giang hồ thư nhất quyển;
Song tiền đăng hoả dạ tam canh.

Mòn ghế giang hồ sách một quyển;
Trước song đèn thắp đủ ba canh.

帘外五更風雨冷
案頭三尺筆墨濃

Liêm ngoại ngũ canh phong vũ lãnh;
Án đầu tam xích bút mặc nùng.

Năm canh ngoài cửa gió mưa lạnh;
Ba thước bàn cao bút mực nồng.

春庭草色和煙暖
午夜書聲帶月寒

Xuân đình thảo sắc hoà yên noãn;
Ngọ dạ thư thanh đới nguyệt hàn.

Sắc cỏ đình xuân hoà hơi ấm;
Tiếng ngâm đêm vắng lạnh vừng trăng.

千般月色硯邊過
無限風光筆下生

Thiên ban nguyệt sắc nghiễn biên quá;
Vô hạn phong quang bút hạ sinh.

Ánh trăng lắm vẻ soi nghiên mực;
Phong quang vô hạn bút khơi nguồn.

衣襟半染煙霞气
詩卷長留天地間

Y khâm bán nhiễm yên hà khí;
Thi quyển trường lưu thiên địa gian.

Áo manh vẫn đượm hơi mây khói;
Thơ quyển còn lưu chốn thế gian.

燈火夜深書有味
墨花晨湛字生光

Đăng hoả dạ thâm thư hữu vị;
Mặc hoa thần trạm tự sinh quang.

Đêm vắng đèn chong sách vẫn thơm;
Sớm mai mực tốt chữ tươi nét.

窗含春色墨生艷
筆吐豪情詩出新

Song hàm xuân sắc mặc sinh diệm;
Bút thổ hào tình thi xuất tân.

Xuân về song cửa thêm tươi mực;
Hứng trào lên bút mới vần thơ.

著書不向時流說
得句難爲俗者知

Trước thư bất hướng thời lưu thuyết;
Đắc cú nan vi tục giả tri.

Sách viết chẳng theo thời uốn giọng;

Câu hay khó để kẻ gàn hạy.

無盡波壽歸學海
長春花木在詞林

Vô tận ba trù quy học hải;
Trường xuân hoa mộc tại từ lâm.

Về biển học biết bao sóng gió;
Ở rừng từ xuân mãi cỏ hoa.

雄詞脫手堅如鑄
秀語生花粲欲飛

Hùng từ thoát thủ kiên như chú;
Tú ngữ sinh hoa xán dục phi.

Lời hùng khỏi bút cứng như đúc;
Câu hay hoa nở hương muốn bay.

舊業尚存三徑草
小窗獨對半床書

Cựu nghiệp thượng tồn tam kính thảo;
Tiểu song độc đối bán sàng thư.

Nghiệp cũ còn đây ba luống cỏ;
Bên song đứng trước nửa giường thơ.

未須百事必如意
且喜六時長見書

Vị tu bách sự tất như ý;
Thả hỷ lục thời trường kiến thư.

Chưa mong trăm việc đều như ý;
Những mừng sáu khắc sách hay xem.

花香獨愛密蜂采
書徑還留勤者行

Hoa hương độc ái mật phong thái;
Thư kính hoàn lưu cần giả hành.

Hoa hương chỉ quý con ong mật;
Lối sách dành cho kẻ học chăm.

舊學商量加邃密
新知培養轉深沉

Cựu học thương lượng gia thuý mật;
Tân tri bồi dưỡng chuyển thâm trầm.

Học cũ xem ra đều sâu kín;
Mới hay bồi dưỡng sẽ thâm trầm.

意趣橫生成巧對
方圓合度是佳聯

Ý thú hoành sinh thành xảo đối;
Phương viên hợp độ thị giai liên.

Ý thú nảy sinh thành đối khéo;
Vuông tròn thích hợp được liên hay.

功精筆健出佳作
意興力勤生妙篇

Công tinh bút kiện xuất giai tác;
Ý hứng lực cần sinh diệu thiên.

Công tinh, bút khoẻ, tác phẩm tốt;
Ý hứng, sức chăm, sách mới hay.

平生慣若千秋气

兩手勤澆萬木春

Bình sinh quán nhã thiên thu khí;
Lưỡng thủ cần kiêu vạn mộc xuân.

Bình sinh tiếp thụ ngàn năm khí;
Đôi tay chăm tưới vạn cây xanh.

竹里書聲來隔院
松間棋韻靜虛窗

Trúc lý thư thanh lai cách viện;
Tùng gian kỳ vận tĩnh hư song.

Ngõ trúc, tiếng ngâm, từ viện cạnh;
Vườn tùng, cờ mải, vắng song ngoài.

學海無涯須縱艇
駒光過隙不留蹤

Học hải vô nhai tu túng đĩnh;
Câu quang quá khích bất lưu tung.

Biển học không bờ thuyền nên lỏng;
Bóng câu qua cửa dấu không còn.

學問多自虛心得
風物長宜放眼量

Học vấn đa tự hư tâm đắc;
Phong vật trường nghi phóng nhãn lương.

Học vấn thường do lo lắng được;
Phong vật nên hay rộng mắt xem.

才如湖海文方偉
腹有詩書气自華

Tài như hồ hải văn phương vĩ;
Phúc hữu thi thư khí tự hoa.

Tài như sông biển văn chương lớn;
Bụng chứa văn chương khí vũ cao.

任事者必以實學
謹言人每有奇文

Nhậm sự giả tất dĩ thực học;
Cẩn ngôn nhân mỗi hữu kỳ văn.

Kẻ nhận việc phải giàu thực học;
Người cẩn ngôn đều có kỳ văn.

藤根揉就充書架
蕉葉斜分作硯田

Đằng căn nhu tựu sung thư giá;
Tiêu diệp tà phân tác nghiễn điền.

Rễ đằng mềm mại đưa lên giá;
Lá chuối chia nghiêng để viết thư.

博學深思增智慧
更新除舊見精神

Bác học thâm tư tăng trí tuệ;
Canh tân trừ cựu kiến tinh thần.

Học rộng nghĩ sâu tăng trí tuệ;
Mới thay cũ bỏ dựng tinh thần.

紙上讀來終覺淺
心中悟出始知深

Chỉ thượng độc lai chung giác thiển;

Tâm trung ngộ xuất thuỷ tri thâm.

Trang sách đọc xong hay biết cạn;
Trong lòng chợt hiểu mới hay sâu.

庸行虛己長尋竹
篤志吞書苦伴燈

Dung hành hư kỷ trường tầm trúc;
Đốc chí thôn thư khổ bạn đăng.

Vụng làm, ruột rỗng, lo tìm trúc;
Quyết chí, nhồi văn, bạn với đèn.

名花照眼春光滿
奇句天開妙論高

Danh hoa chiếu nhãn xuân quang mãn;
Kỳ cú thiên khai diệu luận cao.

Ngắm bông hoa đẹp xuân tươi vẻ;
Câu lạ trời ban nghị luận cao.

風月一庭爲良友
詩書半榻是嚴師

Phong nguyệt nhất đình vi lương hữu;
Thi thư bán tháp thị nghiêm sư.

Trăng gió một sân là bạn tốt;
Thi thư nửa bục đấy thầy nghiêm.

法取蘭亭存气韻
書隨時代見精神

Pháp thủ lan đình tồn khí vận;
Thư tuỳ thời đại kiến tinh thần.

Pháp chọn lan đình còn khí vận;
Thư theo thời đại rõ tinh thần.

洗硯春波臨晉帖
焚香夜雨和陶詩

Tẩy nghiễn xuân ba lâm Tấn thiếp;
Phần hương dạ vũ hoạ Đào thi.

Rửa mực sóng xuân vương thiếp Tấn;
Thắp hương mưa tối hoạ thơ Đào.

追摹古人得雅趣
奇生新意逸高情

Truy mộ cổ nhân đắc nhã thúc;
Kỳ sinh tân ý dật cao tình.

Mô phỏng người xưa theo thú nhã;
May ra tâm ý có tình cao.

窗臨水曲琴書潤
人讀花間字句香

Song lâm thủy khúc cầm thư nhuận;
Nhân độc hoa gian tự cú hương.

Song bên dòng nước thơ đàn đậm;
Nhàn đọc bên hoa câu chữ thơm.

無窮詩思窗前草
不了功夫架上書

Vô cùng thi tứ song tiền thảo;
Bất liễu công phu giá thượng thư.

Tứ thơ vô hạn bên song cỏ;

Công sức chẳng bù giá sách đầy.

畫本紛披來野意
文辭古怪亦天眞

Hoạ bản phân phi lai dã ý;
Văn từ cổ quái diệc thiên chân.

Bản vẽ rối ren do ý phác;
Lời văn cổ quái bởi tính trời.

愛敬古梅如宿士
發揮春色有新詩

Ái kính cổ mai như tú sỹ;
Phát huy xuân sắc hữu tân thi.

Yêu gốc mai già như tú sỹ;
Nâng cao xuân sắc mới đề thơ.

悅心不厭無名畫
養性唯收有用書

Duyệt tâm bất yếm vô danh hoạ;

Dưỡng tính duy thu hữu dụng thư.
Bức vẽ dở không gây khó chịu;
Tìm sách hay xem để thoả lòng.

小苑詩風籠翠墨
怡亭筆興拜青藤

Tiểu uyển thi phong lung thuý mặc;
Di đình bút hứng bái thanh đằng.

Gió lạnh qua vườn đông mực viết;
Đình chơi hứng bút vái dây xanh.

無數雲山供點筆
且將墨竹換新詩

Vô số vân sơn cung điểm bút;
Thả tương mặc trúc hoán tân thi.

Mây núi có nhiều cho bút tả;
Trúc biếc dành riêng để [illegible] thơ.

文泉如流水出峽
心鏡似皓月當空

Văn tuyền như lưu thủy xuất hiệp;
Tâm kính tự hạo nguyệt đương không.

Mạch văn như nguồn suối tuôn trào;
Lòng sáng tựa trăng trong lơ lửng.

風月一天詩酒料
文章千古性靈花

Phong nguyệt nhất thiên thi tửu liệu;
Văn chương thiên cổ tính linh hoa.

Trăng gió một trời thơ rượu sẵn;
Văn chương muôn thuở vốn hồn hoa.

心觸清机親翰墨
目游潤景足精神

Tâm xúc thanh cơ thân hàn mặc;
Mục du nhuận cảnh túc tinh thần.

Lòng gặp cơ may thân bút mực;
Mắt vui cảnh đẹp sáng tinh thần.

京圻破壁歌天順

學海行舟賴眼新

Kinh kỳ phá bích ca thiên thuận;
Học hải hành chu lại nhãn tân.

Kinh thành phá vách ca trời thuận;
Biển học thuyền chơi mắt mới ra.

立志不隨流俗轉
留心學到古人難

Lập chí bất tuỳ lưu tục chuyển;
Lưu tâm học đáo cổ nhân nan.

Thói quen thay đổi, chí không rời;
Người xưa chưa hiểu, học được biết.

立志須知三古盛
爲書自起一家言

Lập chí tu tri tam cổ thịnh;
Vi thư tự khởi nhất gia ngôn.

Lập chí nên hay tam cổ[1] thịnh;
Sách làm phải biết nhất gia ngôn[2].

無窮歲月忙中樂
有味詩書苦后甜

Vô cùng tuế nguyệt mang trung lạc;
Hữu vị thi thư khổ hậu điềm.

---

[1] *Tam cổ:* Ba vị thánh hiền Trung Quốc thời cổ đại là Phục Hy, Văn Vương, Khổng Tử.

[2] *Nhất gia ngôn:* Tên một tác phẩm cổ đại của Trung Quốc có tính tập hợp các giá trị văn hoá.

Năm tháng vô cùng, vui có việc;
Thi thư có vị, đắng rồi cam.

詩篇樂處風雲動
筆力停時造化閑

Thi thiên lạc xứ phong vân động;
Bút lực đình thời tạo hoá nhàn.

Vần thơ rơi xuống gió mây nổi;
Ngọn bút khi dừng tạo hoá nhàn.

友如作畫須求淡
文似看山不喜平

Hữu như tác hoạ tu cầu đạm;
Văn tự khan sơn bất hỷ bình.

Bạn theo nghề vẽ nên màu nhạt;
Văn tựa non cao chẳng chuộng bằng.

直諒喜來三徑月
縱横富有百城書

Trực lượng hỷ lai tam kính nguyệt;
Tung hoành phú hữu bách thành thư.

Thẳng thắn vui cùng ba lối nguyệt;
Tung hoành giàu có sách trăm thành.

隨時盡彔古今事
盡日放怀天地間

Tuỳ thời tận lục cổ kim sự;
Tận nhật phóng hoài thiên địa gian.

Tuỳ thời chép hết việc xưa nay;

Hết ngày rong chơi trong trời đất.

貧舍不嫌居陋巷
著書獨喜在名山

Bần xá bất hiềm cư lậu hạng;
Trước thư độc hỷ tại danh sơn.

Nhà khó hiềm chi ở xóm nghèo;
Viết sách riêng mừng nơi núi đẹp.

古人學問無遺力
少壯功夫老始成

Cổ nhân học vấn vô di lực;
Thiếu tráng công phu lão thuỷ thành.

Người xưa học hỏi không còn sức;
Trai trẻ dày công già mới thành.

書味最長宜細索
硯田勤种勿拋荒

Thư vị tối trường nghi tế sách;
Nghiễn điền cần chủng vật phao hoang.

Vị sách rất dài nên sáng tỏ;
Ruộng nghiên cần cấy chớ bỏ hoang.

刻意爲文宜善變
平情應物不須雕

Khắc ý vi văn nghi thiện biến;
Bình tình ứng vật bất tu điêu.

Khắc ý làm văn, nên khéo đổi;
Đem tình ứng vật, chạm không cần.

寶 劍 鋒 從 磨 礪 出
梅 花 香 自 苦 寒 來

Bảo kiếm phong tòng ma lệ xuất;
Mai hoa hương tự khổ hàn lai.

Bảo kiếm nhờ mài nên mới nhọn;
Hoa mai chịu rét toả mùi thơm.

文 能 換 骨 無 余 法
學 到 尋 源 自 不 疑

Văn năng hoán cốt vô dư pháp;
Học đáo tầm nguyên tự bất nghi.

Văn thay xương cốt không thừa phép;
Học đến cội nguồn tự hết ngờ.

久 病 始 知 求 葯 誤
衰 年 方 悔 讀 書 遲

Cửu bệnh thuỷ tri cầu dược ngộ;
Suy niên phương hối độc thư trì.

Lâu bệnh mới hay nhầm thuốc chữa;
Tuổi già thấy hối muộn thi thư.

書 似 青 山 皆 亂 疊
燈 如 紅 豆 最 相 思

Thư tự thanh sơn giai loạn điệp;
Đăng như hồng đậu tối tương tư.

Sách tựa non xanh chồng chất lắm;
Đèn như đậu đỏ nghĩ suy nhiều.

不 因 果 報 方 行 善

豈爲功名始讀書

Bất nhân quả báo phương hành thiện;
Khởi vị công danh thuỷ độc thư.

Chẳng e quả báo mà làm thiện;
Há vị công danh mới học hành.

敢爲天下大難事
愿讀人間未見書

Cảm vi thiên hạ đại nan sự;
Nguyện độc nhân gian vị kiến thư.

Dám làm việc khó lớn thiên hạ;
Mong đọc sách chưa thấy nhân gian.

筆老詩新疑有物
水清石瘦亦能奇

Bút lão thi tân nghi hữu vật;
Thủy thanh thạch sấu diệc năng kỳ.

Bút già thơ mới e sinh chuyện;
Nước trong mòn đá cũng kỳ thay.

古木自繞龍虎气
文章欲振鳳鸞聲

Cổ mộc tự nhiễu long hổ khí;
Văn chương dục chấn phượng loan thanh.

Cây cổ như vờn long hổ khí;
Văn chương muốn dậy phượng loan thanh.

倦眼苦追窮瀚海
柔毫磅礴寫長天

Quyển nhãn khổ truy cùng hãn hải;
Nhu hào bàng bạc tả trường thiên.

Giương mắt cố theo cùng hãn hải;
Bút lông man mác tả trời xanh.

勤能補拙才偏敏
廉不沽名品益高

Cần năng bổ chuyết tài thiên mẫn;
Liêm bất cô danh phẩm ích cao.

Thăm hay bù vụng tài hay nhậy;
Liêm chẳng mua danh phẩm ấy cao.

平生獨以文字樂
此日倏然水竹居

Bình sinh độc dĩ văn tự lạc;
Thử nhật thốc nhiên thủy trúc cư.

Bình sinh chỉ lấy văn vui thú;
Ngày ấy nào hay thủy trúc gần.

雖雲智慧生靈府
更須功夫在筆端

Tuy vân trí tuệ sinh linh phủ;
Cánh tu công phu tại bút đoan.

Dẫu hay trí tuệ qua trang sách;
Vẫn phải siêng năng việc học hành.

事要研求皆學問
言堪持贈即文章

Sự yếu nghiên cầu giai học vấn;

Ngôn kham trì tặng tức văn chương.

Việc cần nghiên cứu, là học hỏi;
Lời nói tặng người, ấy văn chương.

讀書身健即爲福
种樹花開亦是緣

Độc thư thân kiện tức vi phúc;
Chủng thụ hoa khai diệc thị duyên.

Đọc sách mạnh người, âu cũng phúc;
Trồng cây hoa nở, ấy là duyên.

求賢急似渴思飲
治學猶如蝶戀花

Cầu hiền cấp tự kiệt tư ẩm;
Trị học do như điệp luyến hoa.

Cầu hiền gấp tựa khát muốn uống;
Lo học coi như bướm luyến hoa.

精神到處文章老
學問深時意气平

Tinh thần đáo xứ văn chương lão;
Học vấn thâm thời ý khí bình.

Tinh thần đến độ văn chương lão;
Học vấn khi sâu ý khí bình.

立品宜思眞俊杰
讀書須下苦功夫

Lập phẩm nghi tư chân tuấn kiệt;
Độc thư tu hạ khổ công phu.

Lập chí biết suy là tuấn kiệt;
Học hành nên gắng hết công phu.

只有觀書堪遣慮
應須守道勿羞貧

Chỉ hữu quan thư kham khiển lự;
Ưng tu thủ đạo vật tu bần.

Bởi chăm đọc sách, nên hay nghĩ;
Phải nên giữ đạo, chớ thẹn nghèo.

好書不慶看還讀
益友何妨去復來

Hảo thư bất khánh khan hoàn độc;
Ích hữu hà phương khứ phục lai.

Sách hay không chán xem và đọc;
Giúp bạn lo gì đến với đi.

時日莫教平白過
師業當從遠奥承

Thời nhật mạc giao bình bạch quá;
Sư nghiệp đương tòng viễn áo thừa.

Thời gian chớ để trôi hờ hững;
Sự nghiệp sao cho tiếp nối dài.

好學滌思能知其意
反本修古不忘其初

Hiếu học địch tư năng tri kỳ ý;
Phản bản tu cổ bất phong kỳ sơ.

Chịu học chịu nghĩ nắm được ý nghĩa;

Nhớ gốc nhớ nguồn không quên bạn đầu.

爲善讀書得安樂法
澆花种竹生歡喜心

Vi thiện độc thư đắc an lạc pháp;
Kiêu hoa chủng trúc sinh hoan hỷ tâm.

Làm thiện đọc sách sẽ được yên vui;
Tưới hoa trồng trúc trong lòng hoan hỷ.

登黄鹤樓讀亦壁賦
磨青鐵硯歌白雲詩

Đăng Hoàng Hạc lâu độc diệc Bích phú;
Ma thanh thiết nghiễn ca Bạch Vân thi.

Lên lầu Hoàng Hạc đọc phú Xích Bích;
Mài nghiên đá xanh ca thơ Bạch Vân.

山水幽深襟怀妙遠
讀書夙好心气和平

Sơn thuỷ u thâm khâm hoài diệu viễn;
Độc thư túc hảo tâm khí hoà bình.

Non nước u thâm lòng vương xa thẳm;
Đọc sách nghiêm túc tâm được yên bình.

破千重關心懷天下
讀萬卷書志在四方

Phá thiên trùng quan tâm hoài thiên hạ;
Độc vạn quyển thư chí tại tứ phương.

Phá ngàn trùng quan, nghĩ về thiên hạ;
Đọc vạn quyển sách, chí ở bốn phương.

性道在文章深造自得
廉平稱治續遺愛無窮

Tính đạo tại văn chương thâm tạo tự đắc;
Liêm bình xưng trị tục di ái vô cùng.

Tính hiện ở văn chương, sâu sắc mới được;
Liêm bình là phép trị, yêu mến vô cùng.

几百年舊家無非積德
第一等好事還是讀書

Kỷ bách niên cựu gia vô phi tích đức;
Đệ nhất đẳng hảo sự hoàn thị độc thư.

Nhà cũ mấy trăm năm, vẫn lo tích đức;
Được việc loại số một, đọc sách đo chăm.

學如逆水行舟不進則退
心似平原走馬易放難收

Học như nghịch thuỷ hành chu bất tiến tắc thoái;
Tâm tự bình nguyên tẩu mã dị phóng nan thu.

Học như chèo thuyền nước ngược, không tiến thì lùi;
Lòng tựa ngựa chạy đồng bằng, dễ thả khó bắt.

開卷有益知識就是力量
自強不息光陰貴于黄金

Khai quyển hữu ích tri thức tựu thị lực lượng;
Tự cường bất tức quang âm quý vu hoàng kim.

Mở sách có ích, tri thức cũng là lực lượng;
Tự cường chẳng nghỉ, thời gian quý tựa hoàng kim.

積玉積金不如讀書教子

寬田寬地莫若寬量待人

Tích ngọc tích kim bất như độc thư giáo tử;
Khoan điền khoan địa mạc nhược khoan lượng đãi nhân.

Tích ngọc tích vàng chẳng như đọc sách dạy con;
Rộng ruộng rộng ao không bằng rộng bụng với người.

與善人交如入芝蘭之室
從良師學幸登桃李之門

Dữ thiện nhân giao như nhập chi lan chi thất;
Tòng lương sư học hạnh đăng đào lý chi môn.

Chơi với người tốt, như vào nhà có chi lan;
Theo học thầy hay, may vào cửa trồng đào mận.

學貴有恒切莫半途而廢
才須積累休忘一簣之功

Học quý hữu hằng thiết mạc bán đồ nhi phế;
Tài tu tích luỹ hưu vong nhất qúy chi công.

Học quý thường xuyên, chớ có giữa đường lại bỏ;
Tài cần tích luỹ, đừng quên từng chút công lao.

讀萬卷書還須行萬里路
享百年壽何如作百世師

Độc vạn quyển thư hoàn tu hành vạn lý lộ;
Hưởng bách niên thọ hà như tác bách thế sư.

Đọc sách vạn quyển, vẫn phải đường dài vạn dặn;
Hưởng thọ trăm năm, nghĩ sao làm thầy trăm đời.

丈夫當死中圖生禍中求福
古人有困而修德窮而著書

Trượng phu đương tử trung đồ sinh hoạ trung cầu phúc;
Cổ nhân hữu khốn nhi tu đức cùng nhi trước thư.

Trượng phu trong chỗ chết tìm sống, cầu phúc trong hoạ;
Cổ nhân gặp khốn mà tu đức, viết sách lúc cùng.

春亦多情鳥向枝頭推筆意
人皆得意梅從窗外放詩懷

Xuân diệc đa tình điểu hướng chi đầu thôi bút ý;
Nhân giai đắc ý mai tòng song ngoại phóng thi hoài.

Xuân cũng đa tình, chim hướng đầu cành giục ý bút;
Người mà đắc ý, mai ngoài cửa sổ thả hồn thơ.

讀古人書須處地設身一想
論天地下事要揆情度理三思

Độc cổ nhân thư tu xử địa thiết thân nhất tưởng;
Luận thiên hạ sự yêu quỹ tình đô lý tam tư.

Đọc sách người xưa, chỗ cư xử tự mình phải nghĩ;
Bàn việc thiên hạ, nơi xét tình ngẫm ngợi ba lần.

咬定几句有用書可以充飢
養成數竿新生竹直似儿孫

Giảo định kỷ cú hữu dụng thư khả dĩ sung cơ;
Dưỡng thành sổ can tân sinh trúc trực tự nhi tôn.

Chọn được vài câu sách dùng được, có thể no lòng;
Vun xới mấy hàng trúc mới mọc, cũng như cháu con.

天下奇觀看盡不如書卷好
世間滋味嘗來無過菜根香

Thiên hạ kỳ quan khan tận bất như thư quyển hảo;

Thế gian tư vị thường lai vô quá thái căn hương.

Xem đủ kỳ quan thiên hạ, chẳng bằng đọc sách hay;
Từng nếm vị lạ thế gian, chẳng qua hương rau cỏ.

何 物 動 人 二 月 杏 花 八 月 桂
有 誰 催 我 三 更 燈 火 五 更 雞

Hà vật động nhân nhị nguyệt hạnh hoa bát nguyệt quế;
Hữu thuỳ thôi ngã tam canh đăng hoả ngũ canh kê.

Vật gì nhắc mình, tháng hai mơ nở tháng tám quế;
Ai đó giục ta, canh ba đèn thắp canh năm gà.

貴 有 恒 何 必 三 更 眠 五 更 起
最 無 益 莫 過 一 日 暴 十 日 寒

Qúy hữu hằng hà tất tam canh miên ngũ canh khởi;
Tối vô ích mạc quá nhất nhật bạo thập nhật hàn.

Cũng quý đấy, việc gì canh ba nằm canh năm dậy;
Thật vô ích, chẳng qua một ngày nóng mười ngày lạnh.

長 觀 皓 月
靜 讀 天 書

Trường quan hạo nguyệt;
Tĩnh độc thiên thư.

Ngắm nhìn trăng sáng;
Lặng đọc sách trời.

三 思 方 舉 步
百 折 不 回 頭

Tam tư phương cử bộ;
Bách chiết bất hồi đầu.

Ba lần nghĩ mới bước;
Trăm lần gãy chẳng ngoái.

有容德乃大
無私心自安

Hữu dung đức nãi đại;
Vô tư tâm tự an.

Khoan dung đức sẽ lớn;
Vô tư lòng tự yên.

高懷見物理
和气得天眞

Cao hoài kiến vật lý;
Hoà khí đắc thiên chân.

Nghĩ cao thấy lý vật;
Ôn hoà được tính trời.

气平更事久
心曠得春多

Khí bình cánh sự cửu;
Tâm khoáng đắc xuân đa.

Khí bình làm việc lâu;
Lòng thoáng thấy vui nhiều.

清思抱明月
高懷對古松

Thanh tư bão minh nguyệt;
Cao hoài đối cổ tùng.

Lòng trong trùm trăng sáng;

Mọng cao sánh tùng già.

寧静而致遠
澹泊以清心

Ninh tĩnh nhi chí viễn;
Đạm bạc dĩ thanh tâm.

Nên tĩnh mà nghĩ xa;
Đạm bạc để thanh tâm.

讓人非我弱
得志莫离群

Nhượng nhân phi ngã nhược;
Đắc chí mạc ly quần.

Nhường người ta không yếu;
Đắc chí chớ bỏ bầy.

高懷同霽月
雅量洽春風

Cao hoài đồng tệ nguyệt;
Nhã lượng hiệp xuân phong.

Mong được vui cùng trăng;
Tao nhã tựa gió xuân.

有志肝膽壯
無私天地寬

Hữu chí can đảm tráng;
Vô tư thiên địa khoan.

Có chí giàu can đảm;
Vô tư rộng đất trời.

慷慨丈夫志
鐵石豪杰心

Khảng khái trượng phu chí;
Thiết thạch hào kiệt tâm.

Khảng khái chí trượng phu;
Sắt đá tâm hào kiệt.

疾風知勁草
烈火見眞金

Tật phong tri kính thảo;
Liệt hoả kiến chân kim.

Gió dữ biết cỏ cứng;
Lửa cao hay vàng thật.

名利淡如水
事業重于山

Danh lợi đạm như thuỷ;
Sự nghiệp trọng vu sơn.

Danh lợi nhạt như nước;
Sự nghiệp nặng tựa non.

虛心效竹節
人品似蘭馨

Hư tâm hiệu trúc tiết;
Nhân phẩm tự lan hinh.

Lòng rỗng như tiết trúc;
Nhân phẩm tựa lan thơm.

攀山將勵志

瞰海能忘憂

Phan sơn tương lệ chí;
Hám hải năng vong ưu.

Vịn núi khích lệ chí;
Ngó biển hay quên lo.

性天期活潑
心地尚光明

Tính thiên kỳ hoạt bát;
Tâm địa thượng quang minh.

Tính trời ưa hoạt bát;
Lòng đất chuộng quang minh.

竹因虛受益
松以靜延年

Trúc nhân hư thụ ích;
Tùng dĩ tĩnh diên niên.

Trúc nhờ rỗng có ích;
Tùng lấy tĩnh sống lâu.

心寬忘地窄
野曠覺天低

Tâm khoan vong địa trách;
Dã khoáng giác thiên đê.

Lòng khoan quên hẹp đất;
Nội thoáng biết thấp trời.

絶苟且之友
懷檢點之心

Tuyệt cẩu thả chi hữu;
Hoài kiểm điểm chi tâm.

Bạn cẩu thả, tuyệt giao;
Tự xét mình, luôn nhớ.

路遙知馬力
事久見人心

Lộ dao tri mã lực;
Sự cửu kiến nhân tâm.

Đường dài hay sức ngựa;
Việc lâu biết lòng người.

立意求清遠
平心對懵賢

Lập ý cầu thanh viễn;
Bình tâm đối mông hiền.

Lập ý cần sâu sắc;
Bình tâm trước ngu hiền.

清机發妙理
高步超常倫

Thanh cơ phát diệu lý;
Cao bộ siêu thường luân.

Thời cơ sinh diệu lý;
Cao bước trên luân thường.

白眼觀天下
丹心報國家

Bạch nhãn quan thiên hạ;

Đan tâm báo quốc gia.

Mắt trắng nhìn thiên hạ;
Lòng son báo nước nhà.

不矜威益重
無私功自高

Bất căng uy ích trọng;
Vô tư công tự cao.

Không kiêu uy càng lớn;
Vô tư công tự cao.

閱歷知書味
艱難識世情

Duyệt lịch tri thư vị;
Gian nan thức thế tình.

Từng trải biết vị sách;
Gian nan biết tình đời.

生當作人杰
死亦為鬼雄

Sinh đương tác nhân kiệt;
Tử diệc vi quỷ hùng.

Sống làm người hào kiệt;
Chết cũng là quỷ hùng.

平心嘗世味
含笑看人生

Bình tâm thường thế vị;
Hàm tiếu khán nhân sinh.

Bình tâm nếm thế vị;
Cười mỉm xem nhân sinh.

風從天幕出
雨過地清新

Phong tòng thiên mạc xuất;
Vũ quá địa thanh tân.

Gió từ rèm trời ra;
Mưa qua đất tươi mới.

有心作奉獻
無意寫雄篇

Hữu tâm tác phụng hiến;
Vô ý tả hùng thiên.

Có lòng làm dâng hiến;
Vô ý viết thiên hùng.

今日追先烈
未來屬后昆

Kim nhật truy tiên liệt;
Vị lai thuộc hậu côn.

Ngày nay nhớ tiên liệt;
Tương lai thuộc cháu con.

胸懷千里志
脚踏萬重山

Hung hoài thiên lý chí;
Cước đạp vạn trùng san.

Lòng mang chí ngàn dặm;

Chân đạp vạn trùng non.

心懸明鏡里
眼放碧天中

Tâm huyền minh kính lý;
Nhãn phóng bích thiên trung.

Tâm gương sáng treo cao;
Mắt trời xanh bao quát.

心清何懼鬼
气順不隨仙

Tâm thanh hà cụ quỷ;
Khí thuận bất tùy tiên.

Tâm sáng sợ gì quỷ;
Khí thuận chẳng cần tiên.

勁舞春心健
長歌濁气清

Kính vũ xuân tâm kiện;
Trường ca trọc khí thanh.

Mưa lớn lòng xuân mạnh;
Trường ca trọc khí thanh.

寄意詩書外
行舟世事間

Ký ý thi thư ngoại;
Hành chu thế sự gian.

Gửi ý ngoài thi thư;
Cưỡi thuyền xem thế sự.

以讀書爲樂
求靜修至賢

Dĩ độc thư vi lạc;
Cầu tĩnh tu chí hiền.

Lấy đọc sách làm vui;
Cầu tĩnh sửa đến tốt.

靜思明事理
誠朴貫人生

Tĩnh tư minh sự lý;
Thành phác quán nhân sinh.

Tĩnh suy rõ sự việc;
Chất phác thấu nhân sinh.

留心千古事
放眼九天雲

Lưu tâm thiên cổ sự;
Phóng nhãn cửu thiên vân.

Lưu tâm việc muôn thuở;
Đưa mắt chín tầng mây.

長河歌浩蕩
滄海傲襟懷

Trường hà ca hạo đãng;
Thương hải ngạo khâm hoài.

Sông dài ca rộng lớn;
Biển xanh ngạo trong lòng.

曠野長驅馬

高山每放歌

Khoáng dã trường khu mã;
Cao sơn mỗi phóng ca.

Đồng rộng lo ruổi ngựa;
Núi cao thoả hát ca.

笑眼迎嘉客
高心讀史書

Tiếu nhãn nghênh gia khách;
Cao tâm độc sử thư.

Mắt cười đón khách quý;
Lòng cao đọc sử thư.

秋清天遠大
水靜月分明

Thu thanh thiên viễn đại;
Thuỷ tĩnh nguyệt phân minh.

Trời thu xanh cao rộng;
Nước lặng trăng sáng ngời.

長思三老意
自起一家言

Trường tư tam lão ý;
Tự khởi nhất gia ngôn.

Mải nghĩ tam lão[1] ý;
Nên ở nhất gia ngôn[2].

---

[1] *Tam lão:* Thượng thọ, trung thọ, hạ thọ.

[2] *Nhất gia ngôn:* Tên một tác phẩm mang tính tập hợp.

望日气浩蕩
省身心坦然

Vọng nhật khí hạo đãng;
Tỉnh thân tâm thản nhiên.

Ngày rằm trời quang đãng;
Sửa mình lòng thản nhiên.

烹茶邀上客
种竹把高風

Phanh trà yêu thượng khách;
Chủng trúc ấp cao phong.

Pha trà mời khách quý;
Trồng trúc phong cảnh cao.

懷中盈日月
眼底是乾坤

Hoài trung doanh nhật nguyệt;
Nhãn để thị càn khôn.

Trong lòng đầy nhật nguyệt;
Đáy mắt đủ càn khôn.

魂牽墨苑追神韻
道系柴門逐俗聲

Hồn khiên mặc uyển truy thần vận;
Đạo hệ sài môn trục tục thanh.

Vườn mực dẫn hồn theo vận lạ;
Cửa sài đưa đạo đuổi lời thô.

書香臥榻甘詩夢

雪 煮 清 茶 洗 俗 腸

Thư hương ngoạ tháp cam thi mộng;
Tuyết chử thanh trà tẩy tục trường.

Hương sách giường nằm thơ mộng đẹp;
Tuyết nấu trà thơm rửa ruột thô.

聊 惜 墨 耕 怡 倦 眼
且 將 文 浪 賦 新 詩

Liêu tích mặc canh di quyện nhãn;
Thả tương văn lãng phú tân thi.

Ruộng mực tạm cày thư mắt mỏi;
Sóng văn dành để viết tân thi.

几 個 清 詞 聯 妙 語
一 杯 白 水 伴 奇 書

Kỷ cá thanh từ liên diệu ngữ;
Nhất bôi bạch thuỷ bạn kỳ thư.

Vài từ thanh nhã nên câu đối;
Một chung nước trắng bạn sách kỳ.

曉 月 閑 移 三 尺 劍
孤 燈 苦 對 五 更 書

Hiểu nguyệt nhàn di tam xích kiếm;
Cô đăng khổ đối ngũ canh thư.

Trăng sáng đeo chơi kiếm ba thước;
Chiếu đèn mỏi đọc sách năm canh.

文 思 苦 撓 兩 鬢 雪
筆 意 欣 盈 三 月 花

Văn tư khổ nhiễu lưỡng mấn tuyết;
Bút ý hân doanh tam nguyệt hoa.

Nghĩ văn mỏi mệt hai mai bạc;
Ý bút tràn vui ba tháng hoa.

讀世高天知學問
析疑靜夜啓玄机

Độc thế cao thiên tri học vấn;
Tích nghi tĩnh dạ khải huyền cơ.

Đọc đến trời cao biết sự học;
Giải ngờ đêm vắng mở huyền cơ.

長追墨趣气脱俗
細品書香人自明

Trường truy mặc thú khí thoát tục;
Tế phẩm thư hương nhân tự minh.

Theo đòi bút mực chừng thoát tục;
Phẩm đẹp thư hương rạng vẻ người.

夢眈詩句久侵曉
神步史苑長未歸

Mộng đam thi cú cửu xâm hiểu;
Thần bộ sử uyển trường vị quy.

Say mộng thơ ca lâu chẳng dậy;
Bước thần vườn sử mãi chưa về.

三年靜室追今古
一句新詩喜地天

Tam niên tĩnh thất truy kim cổ;

Nhất cú tân thi hỷ địa thiên.

Ba năm nhà vắng đọc xưa nay;
Một câu thơ mới mừng trời đất.

長 眈 學 海 追 弘 碩
乍 啓 重 瞳 識 細 微

Trường đam học hải truy hoằng thạc;
Sạ khải trùng đồng thức tế vi.

Lâu say biển học tìm sâu rộng;
Bỗng mở đôi tròng thấy tóc tơ.

勤 與 學 署 寒 不 易
謹 而 信 小 大 由 之

Cần dữ học thự hàn bất dịch;
Cẩn nhi tín tiểu đại do chi.

Cần với học ấm lạnh không đổi;
Cẩn mà tin to nhỏ đều xong.

奇 書 細 品 多 滋 味
益 友 切 磋 少 謬 然

Kỳ thư tế phẩm đa tư vị;
Ích hữu thiết tha thiểu mậu nhiên.

Sách hay phẩm quý nhiều mùi vị;
Vì bạn giúp nhau ít lỗi lầm.

考 古 酌 今 審 時 度 勢
通 中 法 外 舍 短 取 長

Khảo cổ chước kim thẩm thời độ thế;
Thông trung pháp ngoại sả đoản thủ trường.

Khảo cổ lựa kim, xét thời xem thế;
Trong thoáng ngoài phép, bỏ ngắn lấy dài.

博采眾長獨辟蹊徑
陶鑄千古自成一家

Bác thái chúng trường độc tỵ khê kính;
Đào chú thiên cổ tự thành nhất gia.

Chọn kỹ vật dài, nhớ tránh đường hẻm;
Hun đúc ngàn năm, sẽ thành một nhà.

墨海遨游情激硯岸
書山跋步志聳毫峰

Mặc hải ngao du tình kích nghiễn ngạn;
Thư sơn bạt bộ chí tủng hào phong.

Ngao du biển mực tình gửi bến nghiên;
Vượt qua non sách chí ngọn cao vút.

賢者不虛生于宇宙
學人常會通乎古今

Hiền giả bất hư sinh vu vũ trụ;
Học nhân thường hội thông hồ cổ kim.

Hiền giả chẳng sống thừa trong trời đất;
Người học thường thông suốt cả xưa nay.

讀聖賢書行仁義事
立修養志存忠孝心

Độc thánh hiền thư hành nhân nghĩa sự;
Lập tu dưỡng chí tồn trung hiếu tâm.

Đọc sách thánh hiền, làm việc nhân nghĩa;

Lập chí tu dưỡng, giữ lòng trung hiếu.

居近識遠處今知古
研經賞理敷文奏懷

Cư cận thức viễn xử kim tri cổ;
Nghiên kinh thưởng lý phu văn tấu hoài.

Ở gần biết xa, việc nay hiểu xưa;
Nghiền kinh nắm lý, chưng văn gợi ý.

學問無窮曾三顏四
光明有限禹寸陶分

Học vấn vô cùng Tăng tam Nhan tứ;
Quang minh hữu hạn Vũ thốn Đào phân.

Học vấn không cùng, Tăng ba, Nhan bốn[1];
Quang minh có hạn, Vũ tấc, Đào phân[2].

欲立根基無如爲善
能光門第只有讀書

Dục lập căn cơ vô như vi thiện;
Năng quang môn đệ chỉ hữu độc thư.

Muốn xây nền tảng không gì bằng thiện;
Rạng danh môn đệ sách đọc nên chăm.

益智有珠比德于玉
學古爲鏡平理若衡

Ích trí hữu châu tỷ đức vu ngọc;

---

[1] Tăng Sâm và Nhan Uyên.

[2] Đại Vũ và Đào Tiềm.

Học cổ vi kính bình lý nhược hành.

Ích trí có châu, so đức với ngọc;
Lấy xưa làm gương, xét lý như cân.

閉户自精開卷有益
垂露在手清風入懷

Bế hộ tự tinh khai quyển hữu ích;
Thùy lộ tại thủ thanh phong nhập hoài.

Đóng cửa tự học, đọc sách có ích;
Sương đọng trên tay, gió mát vào lòng.

業精于勤勤而能奮
行成于思思則必學

Nghiệp tinh vu cần cần nhi năng phấn;
Hành thành vu tư tư tắc tất học.

Nghề tinh ở chăm, chăm hay phấn đấu;
Việc thành ở nghĩ, nghĩ ắt phải học.

聽琴明事理
望岳見崎嶇

Đức cầm minh sự lý;
Vọng nhạc kiến khi khu.

Nghe đàn biết sự việc;
Thấy nhạc rõ gian truân.

樓高先得月
室静好觀書

Lâu cao tiên đắc nguyệt;
Thất tĩnh hảo quan thư.

Lầu cao, trăng ngắm trước;
Nhà tĩnh, sách đọc hay.

長歌抒浩气
奮筆吐豪情

Trường ca trữ hạo khí;
Phấn bút thổ hào tình.

Hát lâu giảm hạo khí;
Bút gắng nhả hào tình.

愼交游勤耕讀
篤根本去浮華

Thận giao du cần canh độc;
Đốc căn bản khứ phù hoa.

Giao du cẩn thận chăm cày đọc;
Gốc rễ vun trồng bỏ thói chơi.

靜坐當思己過
閑談莫論人非

Tĩnh toạ đương tư kỷ quá;
Nhàn đàm mạc luận nhân phi.

Ngồi vắng nên nghĩ lỗi mình;
Chuyện suông chớ bàn người trái.

安得盡如人意
但求無愧我心

An đắc tận như nhân ý;
Đản cầu vô quý ngã tâm.

Đâu dễ làm vừa ý người;

Chỉ cần không thẹn lòng ta.

彈劍行歌五岳
讀書養气三巴

Đàn kiếm hành ca ngũ nhạc;
Độc thư dưỡng khí tam ba.

Đàn kiếm rong ca nhũ nhạc[1];
Đọc sách nuôi khí tam ba[2].

獨坐只因天可對
野行常有月相隨

Độc toạ chỉ nhân thiên khả đối;
Dã hành thường hữu nguyệt tương tuỳ.

Ngồi đọc chỉ mong trời đối mặt;
Chơi rông thường có ánh trăng theo.

聞思修道登眞境
信願行門入淨堂

Văn tư tu đạo đăng chân cảnh;
Tín nguyện hành môn nhập tịnh đường.

Suy tư tu đạo lên chân cảnh;
Tin nguyện hành môn nhập tịnh đường.

隱於富貴清塵俗
樂是慈悲勸善人

Ẩn ư phú quý thanh trần tục;
Lạc thị từ bi khuyến thiện nhân.

---

1 *Ngũ nhạc:* Năm ngọn núi lớn.

2 *Tam ba*: Ba vùng: Ba Quận, Ba Đông, Ba Tây.

Ẩn ở giàu sang thanh trần tục;
Vui với từ bi khuyến thiện nhân.

閒中檢點平生事
靜夜思量日所爲

Nhàn trung kiểm điểm bình sinh sự;
Tĩnh dạ tư lường nhật sở vi.

Việc đời nghĩ lại khi nhàn hạ;
Ngày bận đêm về lại suy tư.

有赫臨戎四千載鴻圖留勝跡
無疆錫福一方民赤子沐恩波

Hữu hách lâm nhung, tứ thiên tải hồng đồ lưu thắng tích;
Vô cương tích phúc, nhất phương dân xích tử mộc ân ba.

Hiển hách chiến công, bốn năm bản đồ ghi dấu thắng;
Vô tư ban phúc, một phương trời dân chúng tắm ơn nhiều.

普仗能仁德
同承慶喜恩

Phổ trượng năng nhân đức;
Đồng thừa khánh hỷ ân.

Giúp đỡ là nhân đức;
Kế thừa được ơn vui.

一花現瑞週沙界
五葉流芳遍大天

Nhất hoa hiện thụy chu sa giới;
Ngũ diệp lưu phương biến đại thiên.

Một hoa hiện tốt vòng sa giới;

Năm lá hương đưa khắp đại thiên.

祖是皇勳業猶然垂越史
族將大枝條長此拙茶山

Tổ thị hoàng, hân nghiệp do nhiên thuỳ Việt sử;
Tộc tương đại, chi điều trường thử chuyết Trà sơn.

Tổ lớn thay, sự nghiệp vẫn còn lưu sử Việt;
Họ to thật, bao cành vươn khắp toả non Trà.

無疆惟休奕葉雲仍憑后蔭
不顯亦世千秋陵廟凜英聲

Vô cương duy hưu, dịch diệp vân nhưng bằng hậu ấm;
Bất hiển diệc thế, thiên thu lăng miếu lẫm anh thanh.

Không đâu không tốt, thế thế mây lành che hậu duệ;
Chẳng gì chẳng lành, đời đời lăng miếu dấy danh thơm.

戈甲軫殷仇鐵馬齊名驚北寇
山河恢越甸金甌定宇壯南郊

Qua giáp chẩn Ân cừu, thiết mã tề danh kinh Bắc khấu;
Sơn hà khôi Việt điện, kim âu định vũ tráng Nam giao.

Khí giới nhuốm thù Ân, ngựa sắt vang danh kinh giặc Bắc;
Non sông về điện Việt, âu vàng ổn định mạnh giao Nam.

九品蓮花垂接引
七重寶樹放光明

Cửu phẩm liên hoa thuỳ tiếp dẫn;
Thất trùng bảo thụ phóng quang minh.

Chín phẩm hoa sen luôn nối tiếp;
Bảy trùng cây báu toả quang minh.

崇恩遍覆菩提地
慶祝流芳般若門

Sùng ân biến phúc Bồ đề địa;
Khánh chúc lưu phương Bát nhã nôm.

Đất Bồ đề được ơn đầy khắp;
Cửa Bát nhã mừng chúc lưu phương.

不動眞如相
無移自在身

Bất động chân như tướng;
Vô di tự tại thân.

Chẳng động tướng chân như;
Không dời thân tự tại.

積累祖功千古仰
炳彪將業歷朝封

Tích luỹ tổ công thiên cổ ngưỡng;
Bính bưu tướng nghiệp lịch triều phong.

Ngàn thuở tổ công cần gìn giữ;
Các triều nghiệp tướng vẫn sáng soi.

卓偉凜鳴勳前朝名將
昆皇隆贈典上等福神

Trác vĩ lẫm minh huân, tiền triều danh tướng;
Côn hoàng long tặng điển, thượng đẳng phúc thần.

Sự nghiệp tướng công huân, vang danh triều trước;
Huy hoàng thần sắc tặng, thượng đẳng thời nay.

生爲將化爲神歷代褒封名不朽

光於前垂於後千秋憑藉福長留

Sinh vi tướng, hoá vi thần, lịch đại bao phong danh bất hủ;
Quang ư tiền, thuỳ ư hậu, thiên thu bằng tạ phúc trường lưu.

Sống là tướng, chết thành thần, trải mấy triều tên vang bất hủ;
Trước vẻ vang, sau hưởng lộc, ngàn thu để phúc được dài lâu.

不有西來船安知寶筏慈航爲萬家佛
了得南無偈方識祈園鷲嶺是三界神

Bất hữu Tây lai thuyền, an tri bảo phiệt từ hàng vi vạn gia Phật;
Liễu đắc nam mô kệ, phương thức Kỳ viên Thứu lĩnh thị tam giới thần.

Chẳng có thuyền Tây đến, đâu hay bảo phiệt từ hàng là vạn nhà Phật;
Hiểu được kệ Nam mô, mới biết Kỳ viên Thứu lĩnh ấy ba giới thần.

啓教仗慈光結集靈文三寶藏
永承憑聖德弘施妙手一楊枝

Khải giáo trượng từ quang, kết tập linh văn tam bảo tạng;
Vĩnh thừa bằng thánh đức, hoằng thi diệu thủ nhất dương chi.

Giáo hoá dựa lòng từ, kết tập văn thiêng ba bảo tạng;
Kế thừa theo đức thánh, từng vung tay khéo một cành dương.

空中佛眼無私照
座上金身不染塵

Không trung Phật nhãn vô tư chiếu;
Toạ thượng kim thân bất nhiễu trần.

Trên không mắt Phật không riêng chiếu;
Toạ có thân kim chẳng bụi trần.

歷朝敕贈陳王顯
萬古靈聲國史傳

Lịch triều sắc tặng Trần vương hiển;
Vạn cổ linh thanh quốc sử truyền.

Trần vương hiển các triều sắc tặng;
Sử nước truyền vạn thuở anh linh.

國史書名心對乾坤完孝義
海波顯蹟水流晝夜效靈聲

Quốc sử thư danh, tâm đối càn khôn hoàn hiếu nghĩa;
Hải ba hiển tích, thuỷ lưu trú dạ hiệu linh thanh.

Sử nước chép tên, lòng đối đất trời tròn hiếu nghĩa;
Hải triều hiển tích, ngày đêm nước chảy tỏ anh linh.

自天星降塵一本鴻龐後裔
為生民立業三座鄰邑遺臨

Tự thiên tinh giáng trần, nhất bản Hồng Bàng hậu duệ;
Vi sinh dân lập nghiệp tam toà lân ấp di lâm.

Tự sao trời giáng trần, một gốc Hồng Bàng hậu duệ;
Vì dân sinh lập nghiệp, ba boà thôn xóm phụng thờ.

崇祠巍業存千古
寶命輝煌永萬年

Sùng từ nguy nghiệp tồn thiên cổ;
Bảo mệnh huy hoàng vĩnh vạn niên.

Đền thờ nghiệp lớn còn nghìn thuở;
Mệnh qúy huy hoàng mãi vạn năm.

北地奉迎始於漢帝

南天崇尚盛自陳朝

Bắc địa phụng nghênh thuỷ ư Hán đế;
Nam thiên sùng thượng thịnh tự Trần triều.

Đất Bắc đón thờ kể từ vua Hán;
Trời Nam sùng chuộng thịnh ở triều Trần.

慈心普施十方春臺壽域
慧眼通知三界寒谷隆座

Từ tâm phổ thí thập phương xuân đài thọ vực;
Tuệ nhãn thông tri tam giới hàn cốc long toà.

Lòng từ ban rộng mười phương đài xuân đất thọ;
Mắt tuệ biết thông ba giới non lạnh toà xây.

玉色降皇宮九龍噴水
金身修雪嶺百鳥獻花

Ngọc sắc giáng hoàng cung, cửu long phún thủy;
Kim thân tu tuyết lĩnh, bách điểu hiến hoa.

Sắc ngọc giáng cung vua, chín rồng phun nước;
Thân vàng tu núi tuyết, chim chóc dâng hoa.

明鏡臺高紅塵不染
寶池澤潤清水無邊

Minh kính đài cao hồng trần bất nhiễm;
Bảo trì trạch nhuận thanh thủy vô biên.

Gương sáng nơi lầu cao đâu lấm bụi;
Ao trong chỗ nước thoáng chẳng vương nhơ.

驥足自堪馳世路
猿心無處入禪門

Ký túc tự kham trì thế lộ;
Viên tâm vô xứ nhập thiền môn.

Vó tuấn mã đường đời chẳng nệ;
Lòng vượn kia cửa Phật vô duyên.

敎友往來弘誓願
佛堂修念道爲師

Giáo hữu vãng lai hoằng thệ nguyện;
Phật đường tu niệm đạo vi sư.

Giáo hữu vào ra tùng thệ nguyện;
Phật đường tu niệm đạo là thầy.

九品蓮臺金相端嚴垂接引
七靈寶樹玉毫閃爍放光明

Cửu phẩm liên đài, kim tướng đoan nghiêm thuỳ tiếp dẫn;
Thất linh bảo thụ, ngọc hào thiểm thước phóng quang minh.

Cửu phẩm đài sen kim tướng đoan nghiêm buông tiếp dẫn;
Thất linh cây báu ngọc hào sáng toả phóng quang minh.

燭暗導迷天上日
開權顯實聖中王

Chúc ám đạo mê thiên thượng nhật;
Khai quyền hiển thực thánh trung vương.

Soi tối chỉ mê mặt trời đó;
Mở quyền hiển thực thánh vương đây.

越國英雄興道將
藤江大破寇元兵

Việt quốc anh hùng Hưng Đạo tướng;

Đằng giang đại phá khấu Nguyên binh.

Anh hùng nước Việt Trần Hưng Đạo;
Đại phá giặc Nguyên giải Bạch Đằng.

聖德匡扶金本富
神功濟度貴鄉豐

Thánh đức khuông phù Kim Bản phú;
Thần công tế độ Qúy Hương phong.

Kim Bản giầu lên nhờ thánh giúp;
Qúy Hương được khá bởi thần cho.

天固縱之鐘梅水毓龍岡出之爲宇宙撐扶兩朝勳烈
神之弔矣扇楊春沛高雨賁然使山川精彩萬禓聲靈

Thiên cố túng chi, chung mai thủy dục Long cương xuất chi vũ trụ, xanh phù lưỡng triều huân liệt;
Thần chi điếu hĩ, phiến dương xuân bái cao vũ, bí nhiên sử sơn xuyên tinh thái vạn tự thanh linh.

Trời đã cho rồi, Chung Mai nước dưỡng đồi rồng xuất hiện, vì trời đất giúp hai triều lập công lớn;
Thần cũng thương vậy, phiến Dương xuân tưới mưa lớn lại về, khiến non sông tươi vạn sắc thiêng liêng.

堂樹深培芭繼發
天潢派衍水流長

Đường thụ thâm bồi ba kế phát;
Thiên hoàng phái diễn thủy lưu trường.

Cây tổ trồng sâu hoa tiếp nở;
Giòng đời chia chảy nước trường lưu.

厚基系衍初生瓞

善宅枝延昔樹花

Hậu cơ hệ diễn sơ sinh điệt;
Thiện trạch chi diên tích thụ hoa.

Vững nền cây tiếp vừa sinh nhánh;
Nhà thiện cành đẹp lại nở hoa.

庶系繁昌憑厚蔭
歷傳豪佑貴前功

Thứ hệ phồn xương bằng hậu ấm;
Lịch truyền hào hựu bí tiền công.

Các hệ phồn vinh nhờ phúc ấm;
Nhiều đời cố gắng tỏ công xưa.

名山擬尋見聞錄
寰海猶多格致書

Danh sơn nghĩ tầm kiến văn lục;
Hoàn hải do đa cách trí thư.

Chép nghe thấy núi non dễ kiếm;
Viết điều hay trời biển còn nhiều.

有植斯深木蔭栽餘宜得實
惟悠故遠河流分處即爲源

Hữu thực tư thâm, mộc ấm tài dư nghi đắc thực;
Duy du cố viễn, hà lưu phân xử tức vi nguyên.

Có gốc sâu dầy, cây lớn cành nhiều nên được quả;
Suy tư cội cũ, sông dài chia nhánh vẫn là nguồn.

脈引山腰磻石象
索浮水面峙雙魚

Mạch dẫn sơn yêu bàn thạch tượng;
Án phù thuỷ diện trĩ song ngư.

Tượng đá vòng chia bên sườn núi;
Song ngư nổi rõ trước nước sông.

蓮賦扇銘遠懷祖德
前池昔樹長引清芬

Liên phú phiến minh viễn hoài tổ đức;
Tiền trì tích thụ trường dẫn thanh phân.

Cảm đức tổ làm thơ sen viết quạt;
Hương thơm bay nhớ cây cũ ao xưa.

落花輕著地
流水入清弦

Lạc hoa khinh trước địa;
Lưu thuỷ nhập thanh huyền.

Hoa rơi nhẹ trên đất;
Nước chẩy trong tiếng đàn.

觀竹梅以養性
聽松濤而壯懷

Quan trúc mai dĩ dưỡng tính;
Thính tùng đào nhi tráng hoài.

Nhìn trúc mai để dưỡng tính;
Nghe tùng sóng mà tráng hoài (làm lớn hoài bão của mình).

多栽翠竹搖清影
獨上高樓看遠天

Đa tài thuý trúc dao thanh cảnh;

Độc thượng cao lâu khán viễn thiên.

Thuý trúc trồng nhiều lay bóng mát;
Lầu cao đứng ngắm thấy trời xa.

天 地 入 胸 誠 言 醒 世
文 章 有 道 哲 理 驚 人

Thiên địa nhập hung thành ngôn tỉnh thế;
Văn chương hữu đạo triết lý kinh nhân.

Trời đất vào tim thành ngôn tỉnh thế;
Văn chương có đạo triết lý kinh nhân.

梅 花 香 馥 琴 心 古
文 筆 縱 横 鶴 步 閑

Mai hoa hương phức cầm tâm cổ;
Văn bút tung hoành hạc bộ nhàn.

Mai hoa hương ngát đàn tâm cổ;
Văn bút tung hoành bước hạc nhàn.

懷 若 竹 虛 臨 曲 水
氣 同 蘭 静 在 春 風

Hoài nhược trúc hư lâm khúc thuỷ;
Khí đồng lan tĩnh tại xuân phong.

Hoài vọng như trúc nhìn khúc thuỷ;
Khí đồng tựa lan lắng xuân phong.

删 繁 就 簡 三 秋 樹
嶺 異 標 新 二 月 花

San phồn tựu giản tam thu thụ;
Lĩnh dị tiêu tân nhị nguyệt hoa.

Bỏ phồn đến giản tam thu mộc;
Nhận lạ nêu tân nhị nguyệt hoa.

百年人物存公論
四海虛名只汗顏

Bách niên nhân vật tồn công luận;
Tứ hải hư danh chỉ hãn nhan.

Trăm năm nhân vật còn công luận;
Bốn bể hư danh để hãm nhan.

春風大雅能容物
秋水文章不染塵

Xuân phong đại nhã năng dung vật;
Thu thuỷ văn chương bất nhiễm trần.

Xuân phong đại nhã bao dung vật;
Thu thuỷ văn chương chẳng nhiễm trần.

舉賢任能興國計
拋窮致富利民生

Cử hiền nhậm nẳng hưng quốc kế;
Phao cùng trí phú lợi dân sinh.

Bổ nhiệm hiền năng hưng quốc kế;
Hết nghèo, giàu có lợi dân sinh.

水能性澹爲吾友
竹解心虛是我師

Thuỷ năng tính đạm vi ngô hữu;
Trúc giải tâm hư thị ngã sư.

Nước luôn tính đạm làm bạn hữu;

Trúc giải tâm không xứng bậc thầy.

胸有智珠終日潤
心如寶鑒一身明

Hung hữu trí châu chung nhật nhuận;
Tâm như bảo giám nhất thân minh.

Ngực có hạt châu chung nhật thắm;
Lòng như gương báu một thân minh.

有關家國書常讀
無益身心事莫爲

Hữu quan gia quốc thư thường độc;
Vô ích thân tâm sự mạc vi.

Nhà, nước biết lo thư thường đọc;
Thân, tâm vô cảm việc chẳng làm.

室有芝蘭氣味別
胸無城府天地寬

Thất hữu chi lan khí vị biệt;
Hung vô thành phủ thiên địa khoan.

Nhà có chi lan khí vị lạ;
Người không thành phủ trời đất khoan.

每臨大事有靜氣
不信今時無古賢

Mỗi lâm đại sự hữu tĩnh khí;
Bất tín kim thời vô cổ hiền.

Mỗi khi đại sự có tĩnh khí;
Đâu biết ngày nay không cổ hiền.

胸中存事業
筆底鼓風濤

Hung trung tồn sự nghiệp;
Bút để cổ phong đào.

Trong lòng còn sự nghiệp;
Lưu bút khuấy phong đào.

開圖草裡驚蛇亂
下筆階前掃葉忙

Khai đồ thảo lý kinh xà loạn;
Hạ bút giai tiền tảo diệp mang.

Mở đường trong cỏ kinh loài rắn;
Hạ bút trước thềm quét lá đầy.

立身只覺乾坤小
放眼始知宇宙寬

Lập thân chỉ giác càn khôn tiểu;
Phóng nhãn thuỷ tri vũ trụ khoan.

Lập thân chỉ thấy càn khôn nhỏ;
Phóng mắt mới hay vũ trụ khoan (rộng lớn).

山高自有人行路
海闊不乏破浪舟

Sơn cao tự hữu nhân hành lộ;
Hải khoát bất phạp phá lãng chu.

Non cao tự có người leo tới;
Bể rộng lo gì kẻ vượt khơi.

書山有路勤為徑

學海無涯若作舟

Thư sơn hữu lộ cần vi kính;
Học hải vô nhai nhược tác châu.

Núi sách có đường, chuyên cần đi tắt;
Bể học vô bến, vượt khó làm thuyền.

雅琴飛白雪
高論橫青雲

Nhã cầm phi bạch tuyết;
Cao luận hoành thanh vân.

Đàn hay bay tuyết trắng;
Cao luận sánh mây xanh.

瘦影當窗梅得月
涼雲滿地竹籠煙

Sấu ảnh đương song mai đắc nguyệt;
Lương vân mãn địa trúc lung yên.

Bóng mảnh bên song mai sánh nguyệt;
Mây lành phủ đất trúc lồng yên.

政以德成一人有喜
福從天降萬壽無疆

Chính dĩ đức thành nhất nhân hữu hỷ;
Phúc tòng thiên giáng vạn thọ vô cương.

Chính trị lấy đức thành nhất nhân hữu hỉ;
Phúc lành theo trời giáng vạn thọ vô cương.

芳草有情皆礙馬
好雲無處不遮樓

Phương thảo hữu tình giai ngại mã;
Hảo vân vô xứ bất già lâu.

Phương thảo có tình đều ngại mã;
Mây lành không xứ chẳng che lầu.

筆架硯池辭海
詩花墨雨書林

Bút giá nghiên trì từ hải;
Thi hoa mặc vũ thư lâm.

Bút giá nghiên ao lời tựa bể;
Thơ hoa mực vũ sách như rừng.

入室詩書多少事
開軒山邑有無中

Nhập thất thi thư đa thiểu sự;
Khai hiên sơn ấp hữu vô trung.

Vào cửa thi thư bao nhiêu việc;
Mở hiên ấp núi hữu vô trung.

木本水源憑原蔭
星移物換幾因由

Mộc bản thủy nguyên bằng nguyên ấm;
Tinh di vật hoán kỷ nhân do.

Cây gốc nước nguồn bao phúc ấm;
Sao dời vật đổi mấy nguyên do.

窗含春色墨生艷
筆吐眞情詩出新

Song hàm xuân sắc mặc sinh diễm;

Bút thổ chân tình thi xuất tân.

Song ngậm sắc xuân sinh hoa mực;
Bút phô tình thực xuất tân thi.

貞 如 翠 竹 明 于 雪
靜 似 蒼 松 矯 若 龍

Trinh như thuý trúc minh vu tuyết;
Tĩnh tự thương tùng kiểu nhược long.

Trinh như trúc thắm minh về tuyết;
Tĩnh tựa tùng xanh uốn giống rồng.

琴 言 清 若 水
詩 夢 暖 於 春

Cầm ngôn thanh nhược thuỷ;
Thi mộng noãn ư xuân.

Tiếng cầm trong giống nước;
Thơ mộng ấm như xuân.

無 私 無 畏 千 秋 正 氣
至 大 至 剛 萬 古 長 春

Vô tư vô uý thiên thu chính khí;
Chí đại chí cương vạn cổ trường xuân.

Không riêng không sợ nghìn thu chính khí;
Chí đại chí cương muôn thuở trường xuân.

紅 雨 隨 心 翻 作 浪
青 山 著 意 化 爲 橋

Hồng vũ tuỳ tâm phiên tác lãng;
Thanh sơn trước ý hoá vi kiều.

Hồng vũ tuỳ lòng phiên tác sóng;
Non xanh nẩy ý hoá thành kiều.

楊柳不隨春色老
勁松唯有歲寒知

Dương liễu bất tuỳ xuân sắc lão;
Kình tùng duy hữu tuế hàn tri.

Dương liễu chẳng theo xuân sắc lão;
Kình tùng chỉ có tuế hàn tri.

青山不墨千秋畫
流水無弦萬古詩

Thanh sơn bất mặc thiên thu hoạ;
Lưu thuỷ vô huyền vạn cổ thi.

Non xanh không mực nghìn thu hoạ;
Nước chẩy không đàn muôn thuở thi.

議論不隨流俗變
襟懷聊與水雲間

Nghị luận bất tuỳ lưu tục biến;
Khâm hoài liêu dữ thuỷ vân gian.

Nghị luận chẳng theo dòng tục biến;
Dạ lòng cùng với nước vân gian.

晨窗几静安平日
草屋風清自在年

Thần song kỷ tĩnh an bình nhật;
Thảo ốc phong thanh tự tại niên.

Song mai kỷ tĩnh yên bình nhật;

Nhà cỏ phong thanh mãn nguyện năm.

與有肝膽人共事
從無字句處讀書

Dữ hữu can đảm nhân cộng sự;
Tòng vô tự cú xử độc thư.

Cùng kẻ can trường mà cộng sự;
Đến nơi ít chữ để đọc thư.

世間有水皆歸海
天下無山不是雲

Thế gian hữu thuỷ giai quy hải;
Thiên hạ vô sơn bất thị vân.

Thế gian có nước đều về biển;
Thiên hạ không non chẳng đọng mây.

春風來時宜會良友
秋月明處常思故鄉

Xuân phong lai thời nghi hội lương hữu;
Thu nguyệt minh xứ thường tư cố hương.

Lúc gió xuân về họp cùng bạn tốt;
Nơi trăng thu sáng thường nhớ quê hương.

天賦清高絶流俗
老垂著作貽子孫

Thiên phú thanh cao tuyệt lưu tục;
Lão thuỳ trước tác di tử tôn.

Trời phú thanh cao, biệt trần tục;
Già lưu trước tác, di tử tôn.

頤養人生陶情翰墨
溫清品性得趣竹蘭

Di dưỡng nhân sinh đào tình hàn mặc;
Ôn thanh phẩm tính đắc thú trúc lan.

Nuôi dưỡng nhân sinh thoả tình bút mực;
Ấm trong phẩm tính hưởng thú trúc lan.

常居名山得遠志
偶撫貞松探茯苓

Thường cư danh sơn đắc viễn chí;
Ngẫu phủ trinh tùng thám phục linh.

Thường cư danh sơn gặp viễn chí;
Ngẫu vỗ tùng già tham phục linh.

小隱樓頭容世變
高懷籬外飽霜開

Tiểu ẩn lâu đầu dung thế biến;
Cao hoài ly ngoại bão sương khai.

Ẩn náu trên lầu dung thế biến;
Vọng hoài ngoài dậu ngập sương dăng.

萬物靜觀皆自得
四時佳興與人同

Vạn vật tĩnh quan giai tự đắc;
Tứ thời giai hứng dữ nhân đồng.

Muôn vật tĩnh quan đều tự đắc;
Bốn mùa giai hứng với nhân đồng.

世間清品至蘭極

賢者虛懷與竹同

Thế gian thanh phẩm chí lan cực;
Hiền giả hư hoài dữ trúc đồng.

Thế gian phẩm hạnh lan tột bậc;
Hiền giả vọng hoài trúc tương đồng.

風雨多經人不老
關山初度路猶長

Phong vũ đa kinh nhân bất lão;
Quan sơn sơ độ lộ do trường.

Mưa gió trải nhiều người bất lão;
Quan sơn sơ độ lộ còn dài.

祖功宗德培之遠
子孝孫慈繼也長

Tổ công tông đức bồi chi viễn;
Tử hiếu tôn từ kế dã trường.

Tổ công tông đức còn thơm dấu;
Cháu thảo con hiền sáng mãi gương.

紙上得來終覺淺
心中悟出始知深

Chỉ thượng đắc lai chung giác thiển;
Tâm trung ngộ xuất thủy tri thâm.

Trên giấy bày dòng chung cục thiển;
Trong lòng ngộ xuất mới biết sâu.

事能知足心常愜
人到無求品自高

Sự năng tri túc tâm thường khiếp;
Nhân đáo vô cầu phẩm tự cao.

Việc luôn biết đủ tâm thường thoả;
Người chẳng mưu cầu phẩm hạnh cao.

品若梅花香在骨
人如秋水玉爲神

Phẩm nhược mai hoa hương tại cốt;
Nhân như thu thuỷ ngọc vi thần.

Phẩm hạnh giống mai hoa thơm cốt cách;
Con người như thu thuỷ quý tinh thần.

雲鶴有奇翼
海鷗無世情

Vân hạc hữu kỳ dực;
Hải âu vô thế tình.

Vân hạc bay về điểm hẳn lạ;
Hải âu lướt cánh thế tình không.

水清魚讀月
山靜鳥談天

Thuỷ thanh ngư độc nguyệt;
Sơn tĩnh điểu đàm thiên.

Nước trong cá đọc nguyệt;
Non tĩnh điểu đàm kinh.

鳳翥王開大昌筆陣
龍翔四海以書會一

Phượng chử vương khai đại xương bút trận;

Long tường tứ hải dĩ thư hội hữu.

Phượng liệng vương khai vẻ vang bút trận;
Rồng bay bốn biển hội họp bạn bè.

道通天地有形外
思入風雲變幻中

Đạo thông thiên địa hữu hình ngoại;
Tư nhập phong vân biến ảo trung.

Đạo thông trời đất hữu hình ngoại;
Ý nhập gió mây biến ảo trung.

道心澹泊對流水
字體變化如浮雲

Đạo tâm đạm bạc đối lưu thuỷ;
Tự thể biến hoá như phù vân.

Đại tâm bình tĩnh trước dòng chẩy;
Tự thể đổi thay tựa mây vần.

酒香留客住
詩好帶風吟

Tửu hương lưu khách trú;
Thi hảo đới phong ngâm.

Rượu qúy lưu khách trú;
Thơ hay sính ca ngâm.

浮生榮辱公能忘
老味鹹酸我亦諳

Phù sinh vinh nhục công năng vong;
Lão vị hàm toan ngã diệc am.

Cuộc đời vinh nhục ông đừng nhớ;
Già nếm mặn cay tôi đã từng.

大器量天空海闊
眞聰明岳岆淵渟

Đại khí lượng thiên không hải khoát;
Chân thông minh nhạc chí uyên đình.

Đại độ lượng như trời cao biển rộng;
Cực thông minh tựa núi lớn vực sâu.

不敢妄爲些許事
只因多讀數行書

Bất cảm vọng vi ta hứa sự;
Chỉ nhân đa độc số hành thư.

Không dám làm xằng, ít hẹn việc;
Chỉ do ham đọc, luôn hành thư.

眼中淪海小
衣上白雲多

Nhãn trung luân hải tiểu;
Y thượng bạch vân đa.

Trong mắt sóng biển nhỏ;
Trên khăn mây trắng nhiều.

春舊花不落
風靜月常明

Xuân cựu hoa bất lạc;
Phong tĩnh nguyệt thường minh.

Xuân cũ hoa không rụng;

Gió yên nguyệt thường trong.

大莫孤煙直
長河落日圓

Đại mạc cô yên trực;
Trường hà lạc nhật viên.

Sa mạc lớn làm trơ cột khói đứng;
Đại giang dài lơ lửng mặt trời tròn.

畫意詩情景無盡
春風秋月趣常殊

Hoạ ý thi tình cảnh vô tận;
Xuân phong thu nguyệt thú thường thù.

Vẽ ý thơ tình cảnh vô tận;
Gió xuân thu nguyệt thú lạ thường.

美酒飲於徵醉後
好花看到半開時

Mỹ tửu ẩm ư trưng tuý hậu;
Hảo hoa khán đáo bình khai thì.

Rượu ngon uống sau lúc đã say;
Hoa đẹp xem khi vừa hé nở.

心無俗慮精神爽
室有清淡智慧開

Tâm vô tục lự tinh thần sảng;
Thất hữu thanh đạm trí tuệ khai.

Lòng không suy nghĩ tinh thần sảng;
Nhà có thanh cao trí tuệ sinh.

春風大雅能容物
秋水文章不染塵

Xuân phong đại nhã năng dung vật;
Thu thủy văn chương bất nhiễm trần.

Gió xuân tao nhã luôn dung vật;
Thu thuỷ văn chương chẳng nhuốm trần.

大國不易教不遍俗且尊崇之亦信斯文原有用
吾儒要通經要識時無拘固也尚思聖訓永相敦

Đại quốc bất dịch giáo, bất biến tục, thả tôn sùng chi, diệc tín tư văn nguyên hữu dụng;
Ngô nho yêu thông kinh, yêu thức thời, vô câu cố dã, thượng tư thánh huấn vĩnh tương đôn.
Nước lớn nguyên giáo hoá, nguyên phong tục, vẫn tin cẩn, lại tôn sùng văn hoá này đắc dụng;
Nhà Nho xin thông kinh, xin thức thời, không câu nệ, chuộng tư thánh, đạo xưa dạy dài lâu.

士夫報答謂何哉其延選就之思國家崇尚之意
世道維持視此耳禮樂衣冠所萃青名文物所都

Sĩ phu báo đáp vị hà tai! Triều đình tuyển tựu chi ân, quốc gia sùng thượng chi ý;
Thế đạo duy trì thị thử nhĩ! Lễ nhạc y quan sở tuy, thanh danh văn vật sở đô.

Sĩ phu báo đáp những gì thay! Ơn tuyển chọn của triều đình, dụng ý quốc gia sùng chuộng;
Thế đạo duy trì nhờ đây vậy! Lễ nhạc y quan họp lại, xứng nơi văn vật thanh danh.

奎星天朗人文闡

碧水春深道脈長

Khuê tinh thiên lãng nhân văn xiển;
Bích thuỷ xuân thâm đạo mạch trường.

Sao khuê, trời sáng, nhân văn tỏ;
Nước biếc, xuân sâu, đạo mạch dài.

熙朝粉飭隆文治
傑閣眞藏集大觀

Hy triều phấn sức long văn trị;
Kiệt các chân tàng tập đại quan.

Triều thịnh điểm tô văn trị thịnh;
Gác cao tàng giữ đại quan thành.

車書共道今天下
科甲聯題古學宮

Xa thư cộng đạo kim thiên hạ;
Khoa giáp liên đề cổ học cung.

Xa thư một mối thiên hạ tại;
Khoa giáp liên đề nhà học xưa.

科甲中來名不朽
宮墻望外道彌尊

Khoa giáp trúng lai danh bất hủ;
Cung tường vọng ngoại đạo di tôn.

Khoa giáp trúng rồi, tên không nát;
Học đường vọng ngoại, đạo càng cao.

立人溧表開人徑
度世津梁覺世關

Lập nhân tiêu biểu khai nhân kính;
Độ thế tân lương giác thế quan.

Cốt yếu lập nhân khai đường tắt;
Giúp đời phương cách biết đường đi.

慶瑞一峰高玉佩築鯨傳勝跡
釣臺雙廟峙靈金耀斗護神光

KhánhThuỵ nhất phong cao, ngọc bội trúc kình truyền thắng tích;
Điếu đài song miếu trĩ, linh kim diệu đẩu hộ thần quang.

Khánh Thuỵ một ngọn cao, ngọc bội dựng xây truyền thắng tích;
Điếu đài đôi miếu lập, rùa vàng soi rọi hộ thần quang.

故殿湖山留旺氣
新祠香火接餘靈

Cố điện hồ sơn lưu vượng khí;
Tân từ hương hoả tiếp dư linh.

Hồ núi đô xưa lưu vượng khí;
Tân từ hương hoả tiếp dấu thiêng.

人間文學無權全憑陰德
天上主可有眼單有心田

Nhân gian văn học vô quyền, toàn bằng âm đức;
Thiên thượng chủ khả hữu nhãn, đan hữu tâm điền.

Chủ nghĩa nhân gian, chẳng quyền hành, dựa vào âm đức;
Trên cao công trời còn có mắt, nhìn rõ tâm điền.

論事常存忠厚心勿大分黑白
爲文不作輕薄語徒自逞雌黃

Luân sự thường tồn trung hậu tâm, vật đại phân hắc bạch;
Vi văn bất tác khinh bạc ngữ, đồ tự sính thư hoàng.

Bàn luận việc giữ lòng trung hậu, chớ phân chia đen trắng;
Làm văn đừng ngụ ý bạc khinh, tự chuốc lấy chê bai.

紫氣光回天咫尺
紅塵望隔水東南

Tử khí quang hồi thiên chỉ xích;
Hồng trần vọng cách thuỷ đông nam.

Khí tía rọi về trời gang tấc;
Bụi hồng cách nẻo nước về đông.

不厭湖上月
宛在水中央

Bất yếm hồ thượng nguyệt;
Uyển tại thuỷ trung ương.

Chẳng chán trăng trên hồ;
Vẫn như giữa làn nước.

靈湖弱水隨緣渡
塵境仙洲有路通

Linh Hồ, nhược thuỷ tuỳ duyên độ;
Lộ cảnh, tiên châu hữu lộ thông.

Linh Hồ, nhược thuỷ theo duyên tới;
Trần cảnh, cõi tiên có đường thông.

綠青依舊色
黄白拜新年

Lục thanh y cựu sắc;

Hoàng bạch bái tân niên.

Biếc xanh vẫn như cũ;
Vẳng trắng bái tân niên.

一 塵 無 染 色
四 序 皆 常 春

Nhất trần vô nhiễm sắc;
Tứ tự giai thường xuân.

Bụi trần không một hạt;
Hết thấy xuân bốn mùa.

九 天 日 月 開 新 運
萬 國 笙 哥 醉 太 平

Cửu thiên nhật nguyệt khai tân vận;
Vạn quốc sênh ca tuý thái bình.
Nhật nguyệt chín tầng khai vận mới.
Vạn quốc sênh ca tuý thái bình.

五 色 雲 中 開 曉 日
萬 年 枝 土 動 春 風

Ngũ sắc vân trung khai hiểu nhật;
Vạn niên chi thổ động xuân phong.

Năm sắc trong mây khai ngày hửng;
Muôn năm mặt đất chuyển gió xuân.

四 海 風 光 隨 處 好
滿 天 雨 露 應 時 新

Tứ hải phong quang tuỳ xứ hảo;
Mãn thiên vũ lộ ứng thời tân.

Bốn bể phong quang tuỳ xứ hảo;
Đầy trời mưa móc ứng thời tân.

一庭花影三更月
十里松陰百道泉

Nhất đình hoa ảnh tam canh nguyệt;
Thập lý tùng âm bạch đạo tuyền.

Mười dặm bóng tùng trăm nẻo suối;
Một sân hoa ảnh nửa đêm trăng.

和氣盈門迎瑞氣
春光滿眼映文光

Hoà khí doanh môn nghênh thụy khí;
Xuân quang mãn nhãn ánh xuân quang.

Hoà khí đầy nhà mừng thuỵ khí;
Xuân quang ngợp mắt ánh văn quang.

堂上椿萱輝旭日
皆前蘭桂長春風

Đường thượng xuân huyên huy húc nhật;
Giai tiền lan quế trưởng xuân phong.

Đường thượng xuân huyên ngời mắt mới;
Giai tiền lan quế đẹp gió xuân.

鶯聲田暖鳴金谷
麟趾風和步玉堂

Oanh thanh điền noãn minh kim cốc;
Lân chỉ phong hoà bộ ngọc đường.

Nhà ngọc gió hoà lân in dấu;

Hang vàng nắng ấm tiếng oanh ca.

一泓秋火餘清氣
滿室春風散異香

Nhất hoằng thu hoả dư thanh khí;
Mãn thất xuân phong tản dị hương,.

Một hồ thu thuỷ thừa thanh khí;
Đầy thất xuân phong tản dị hương.

門庭春暖生光彩
田畝年豊落太平

Môn đình xuân noãn sinh quang khí;
Điền mẫu niên phong lạc thái bình.

Xuân môn xuân ấm sinh vẻ đẹp;
Vườn ruộng niên phong[1(1)] hưởng thái bình.

椿萱日月風光好
蘭桂春秋景色多

Xuân huyên nhật nguyệt phong quang hảo;
Lan quế xuân thu cảnh sắc đa.

Xuân huyên ngày tháng phong quang đẹp;
Lan quế xuân thu cảnh sắc tươi.

千里風雲培玉樹
十分雨露發荊花

Thiên lý phong vân bồi ngọc thụ;
Thập phân lưỡng lộ phát kinh[2] hoa.

Gió mây nghìn dặm bồi cây ngọc;
Mưa móc mười phần nẩy đóa kinh.

日暖華堂來紫燕
春來王樹發青枝

Nhật mãn hoa đường lai tử yến;
Xuân lai vương thụ phát thanh chi.
Ngày ấm hoa đường bay yến quý.
Xuân về lộc thụ nẩy cành xanh.

幾點梅花迎淑氣
數聲鳥語鬧春光

Cơ điểm mai hoa nghênh thục khí;
Sổ thanh điểu ngữ náo xuân quang.

Mấy chấm hoa mai nghênh khí tốt;
Vài lần chim hót náo xuân vui.

平安竹長千年碧
富貴花開一品紅

Bình an trúc trưởng thiên niên bích;
Phú quý hoa khai nhất phẩm hồng.

Bình an trúc lớn nghìn năm biếc;
Phú quý nở hoa một đoá hồng.

堂開曉日光中好
人坐春風分外清

---

[1] Niên phong: năm được mùa.

[2] *Kinh:* Một thứ cây gai. Xưa người ta tự xưng vợ mình là kinh thê.

Đường khai hiểu nhật quang trung hảo;
Nhân toạ xuân phong phân ngoại thanh.

Nắng mai cửa mở phong quang đẹp;
Đón gió người ngồi mát mẻ chia.

四時和氣春常在
一室安居慶有餘

Tứ thời hoà khí xuân thường tại.
Nhất thất an cư khánh hữu dư.

Quanh năm hoà khí xuân còn mãi;
Gia cảnh an cư đẹp có thừa.

風發龍門春浪暖
日陰雁塔曉雲開

Phong phát long môn xuân lãng noãn;
Nhật âm nhạn tháp hiểu vân khai.

Gió thổi long môn làn xuân ấm;
Nắng soi nhạn tháp áng mây trôi.

欲培福地耕心地
且种書田作稻田

Dục bồi phúc địa canh tâm địa;
Thả chủng thư điền tác đạo điền.

Muốn bồi phúc địa phải canh tâm địa;
Muốn cấy thư điền phải tác đạo[1] điền.

詩書滿座風雲氣
孝友一堂富貴春

Thi thư mãn toạ phong vân khí;

Hiếu hữu nhất đường phú quý xuân.

Thi thư đầy sảnh phong vân khí ;
Hiếu hữu một nhà phú quý xuân.

春來也魚龍變化
時至矣桃李芳菲

Xuân lai dã, ngư long biến hoá;
Thời chí hỹ, đào lý phương phi.

Xuân về đấy, cá rồng biến hoá
Thời đến rồi đào mận đơm hoa.

階下芝蘭迎旭日
庭前桃李藹春風

Giai hạ chi lan nghênh húc nhật;
Đình tiền đào lý ái xuân phong.

Dưới bậc chi lan nghênh nắng sớm;
Trước xuân đào lý đón xuân sang.

春發其華秋結其寔
業精於動行成於思

Xuân phát kỳ hoa, thu kết kỳ thực;
Nghiệp tinh ư động, hành thành ư tư.

Xuân phát vẻ vẻ, thu hết vẻ thực;
Nghiệp tinh ở cần, hành tinh ở tư.
(1) Đạo: Lúa nếp hương.

禮以制行樂以和德
儉則足用動則有功

Lễ dĩ chế hành, nhạc dĩ hoà đức;

Kiệm tắc túc dụng, động tắc hữu công.

Lễ để chế hành, nhạc để hoà đức;
Kiệm thì dùng đủ, cần thì có công.

蘭桂聯芳一种天香浮錦砌
椿萱並秀十分春色麗華堂

Lan quế liên phương, nhất chủng thiên hương phù cẩm thế;
Xuân huyên tịnh tú, thập phân xuân sắc lệ hoa đường.

Lan quế thơm hoa, một thể thêm hương phô nền gấm;
Xuân huyên tươi tốt, mười phần xuân sắc đẹp hoa đường.

春日麗華堂郁郁椿萱榮玉葉
瑞香浮錦砌森森蘭桂濯金葩

Xuân nhật lệ hoa đường úc úc xuân huyên vinh ngọc diệp;
Thuỵ hương phù cẩm thế sâm sâm lan quế trạc kim ba.

Xuân nhật đẹp hoa đường, rực rỡ xuân huyên tươi lá ngọc;
Hương lành phô thềm gấm, xum xuê lan quế đẹp bông vàng.

不是慈孝友恭更有何事可樂
只此文章道義便云到處皆春

Bất thị từ hiếu hữu cung, cánh hữu hà sự khả lạc;
Chỉ thử văn chương đạo nghiã, tiện vân đáo xứ giai xuân;

Chưa thật từ hiếu hữu cung, cũng thấy vui tươi mọi việc;
Chỉ là văn chương đạo nghĩa, liền mừng khắp chốn đều xuân

春色壯華居雲氣飛來開書錦
桂陰森玉樹天香時動映華堂

Xuân sắc tráng hoa cư, vân khí phi lai khai thư cẩm;
Khuê âm sâm ngọc thụ, thiên hương thời động ánh hoa đường.

Xuân sắc đẹp hoa cư, vân khí bay về tươi ngàn gấm;
Quế âm lồng ngọc thụ, thiên hương lay động ánh hoa đường.

客至豈空談四壁圖書聯當酒
春來無別事一簾風月欲催詩

Khách chí khởi không đàm, tứ bích đồ thư liên đương tửu;
Xuân lai vô biệt sự, nhất liêm phong nguyệt dục thôi thi.

Khách đến há không đàm, bốn vách đồ thư mời nhau rượu;
Xuân về vô sự khác, một rèm phong nguyệt muốn đề thơ.

萬丈青雲才子路
一輪皓月眾家燈

Vạn trượng thanh vân tài tử lộ;
Nhất luân hạo nguyệt chúng gia đăng.

Muôn trượng mây xanh, đường tài tử;
Một vầng trăng sáng nến mọi nhà.

溶溶夜月燈連市
藹藹春光花滿城

Dung dung dạ nguyệt đăng liên thị;
Ái ái xuân quang hoa mãn thành.

Lung linh đêm nguyệt đèn liền thị;
Tao nhã ánh xuân hoa khắp thành.

銀登輝映天街月
玉炬光搖萬户春

Ngân đăng huy ánh thiên nhai nguyệt;
Ngọc cự quang dao vạn hộ xuân.

Đèn bạc sáng bừng nghìn lối nguyệt;

Đuốc vàng soi khắp vạn hộ xuân.

平安竹報全家慶
富貴花開滿室春

Bình an trúc báo toàn gia khánh;
Phú quý hoa khai mãn đường xuân.

Trúc báo bình an toàn gia thịnh;
Hoa khai phú quý khắp nhà xuân.

碧水環門龍起舞
丹山繞室鳳飛鳴

Bích thuỷ hoàn môn long khởi vũ;
Đan sơn nhiễu thất phượng phi minh.

Nước biếc bao quanh như rồng múa;
Núi non uốn lượn tựa rồng bay.

靜向庭中看鶴舞
閒從户外聽鶯歌

Tĩnh hướng đình trung khan hạc vũ;
Nhàn tòng hộ ngoại thính oanh ca.

Trong sân tĩnh lặng xem hạc múa;
Ngoài cổng thanh nàn lắng oanh ca.

勤與儉治家上策
和而忍處世良規

Cần dữ kiệm trị gia thượng sách;
hoà nhi nhẫn xử thế lương quy.

Cần kiệm trị gia là sách tốt;
Nhẫn hoà xử thế ấy phép hay.

忠厚傳家安且吉
公平處世熾而昌

Trung hậu truyền gia an thả cát;
Công bằng xử thế xí nhi xương.

Trung hậu truyền gia an lại tốt;
Công bằng xử thế đẹp mà hay.

碧桃紅杏乾坤景
暖日和風宇宙春

Bích đào hồng hạnh càn khôn cảnh;
Noãn nhật hoà phong vũ trụ xuân.

Hạnh hồng đào biếc càn khôn cảnh;
Ngày ấm gió hoà vũ trụ xuân.

傳家萬事皆宜忍
教子千方不外勤

Truyền gia vạn sự giai nghi nhẫn.
Giáo tử tiên phương bất ngoại cần.

Muôn việc truyền gia cần lấy nhẫn;
Nghìn phương dạy trẻ chẳng ngoài "cần".

座擁書城謀素志
門迎鴈塔望題名

Toạ ủng thư thành mưu tố chí;
Môn nghênh nhạn tháp vọng đề danh.

Nhà giúp thành thư mưu chí hướng;
Môn nghênh nhạn tháp vọng danh đề.

待人寬三分是福

處世讓一步爲高

Đãi nhân khoan tam phân thị phúc;
Xử thế nhượng nhất bộ vi cao.

Đãi người rộng ba phần là phúc;
Xử thế nhường một bước mới cao.

瑞氣生來睢孝弟
家聲振起是詩書

Thuỵ khí sinh lai duy hiếu đễ;
Gia thanh chấn khởi thị thi thư.

Khí tốt sinh ra duy hiếu đễ;
Gia thanh hưng chấn rõ thi thư.

光借清風明借月
動觀流水靜觀山

Quang tá thanh phong minh tá nguyệt;
Động quan lưu thuỷ tĩnh quan sơn.

Quang mượn thanh phong minh mượn nguyệt;
Động nhìn nước chảy tĩnh nhìn non.

同心兄弟眞師友
得意文章祇性情

Đồng tâm huynh đệ chân sư hữu;.
Đắc ý văn chương chi tính tình.

Huynh đệ đồng tâm như sư hữu;
Văn chương đắc ý chi tính tình.

處世莫如積德
傳家還是讀書

Xử thế mạc như tích đức;
Truyền gia hoàn thị độc thư.

Xử thế chẳng gì bằng tích đức;
Truyền gia duy nhất đúng độc thư.

靜以修身儉以養德
入則篤行出則友賢

Tĩnh dĩ tu thân, kiệm dĩ dưỡng đức;
nhập tắc đốc hành, xuất tắc hữu hiền.

Tình để tu thân, kiệm để dưỡng đức;
Nhập thì quyết làm, xuất thì giúp bạn.

金石其心芝蘭其室
人義爲友道德爲師

Kim thạch kỳ tâm, chi lan kỳ thất;
Nhân nghĩa vi hữu, đạo đức vi sư.

Vàng đá là tâm, chi lan là thất;
Nhân nghĩa làm bạn, đạo đức làm thầy.

慈孝友恭一堂吉慶
詩書禮樂滿室榮華

Từ hiếu hữu cung nhất đường cát khánh;
Thi thư lễ nhạc mãn thất vinh hoa.

Từ hiếu hữu cung, một nhà tốt phúc;
Thi thư lễ nhạc, đầy cửa vinh hoa.

春發其華秋結其實
行先乎孝藝裕乎文

Xuân phát kỳ hoa, thu kết kỳ thực;

Hành tiên hồ hiếu, nghệ dụ hồ văn.

Xuân phát về hoa, thu kết về thực;
Hành đầu ở hiếu, tài nghệ ở văn.

是訓是行纂乃祖考
有典有則貽厥子孫

Thị huấn thị hành toản nãi tổ khảo;
Hữu điển hữu tắc di quyết tử tôn.

Việc huấn việc hành, tổ tiên hợp lại;
Có phép có tắc con cháu kế thừa.

積慶仰前徽世德祖承所愛箕裘繼美
發祥看後裔家修勿替還其蘭桂騰芳

Tích khánh ngưỡng tiền huy, thế đức tương thừa, sở ái cơ cầu kế mỹ;
Phát tường khán hậu duệ, gia tu vật thế, hoàn kỳ lan quế đằng phương.

Tích đức ngưỡng tiền nhân, đạo đức kế thừa, kính ái dõi truyền tục mỹ;
Phát tường xem hậu duệ, nếp nhà chớ bỏ, quế lan tiếp nối thơm hương.

滿架圖書都市當行孝弟
盈庭草木莫非袛種芝蘭

Mãn giá đồ thư đô thị đương hành hiếu đễ;
Doanh đình thảo mộc mạc phi chi chủng chi lan.

Đầy giá đồ thư đều là thực hành hiếu đễ;
Một sân thảo mộc gì hơn loài quý chi lan.

柳綠桃紅四面雲山舒錦繡

蘭芳桂馥滿庭花木獻文章

Liễu lục đào·hồng tứ diện vân sơn thu cẩm tú;
Lan phương quế phức mãn đình hoa mộc hiến văn chương.

Liễu thắm đào hồng, bốn mặt núi mây như gấm dệt;
Lan thơ quế ngát, đầy sân hoa mộc đẹp văn chương.

無事樂琴棋上斷春風林下趣
有舒遺子弟還期秋月桂中攀

Thu sự lạc cầm kỳ thượng đoạn xuân phong lâm hạ thú;
Hữu thư di tử đệ hoàn kỳ thu nguyệt quế trung phan.

Nhàn tản thú cầm kỳ, hứng lấy gió xuân ùa dưới lá;
Sách đèn truyền con trẻ, hẹn kỳ thu nguyệt vịn quế cành.

積德勝遺金處世當遵司馬訓
惟善以爲寶持身宜省所書言

Tích đức thắng khiển kim xử thế đương tuân tư mã huấn;
Duy thiện dĩ vi bảo trì thân nghi tỉnh sở thư ngôn.

Tích đức thắng kim ngân, xử thế hãy theo lời Tư mã[1];
Duy thiện là của quý, tu thân nên tỉnh giọng Sở thư[2].

龍之騰鳳之舞大丈夫這般氣象
風之光月之霽士君子何等襟懷

Long chi đằng, phượng chi vũ, đại trượng phu giá ban khí tượng;
Phong chi quang, nguyệt chi tế, sĩ quân tử hà đẳng khâm hoài.

Gió thoảng trăng trong, thật rõ mộng hoài người sĩ quân tử;

---

[1] Tư Mã Quang là sử gia đời nhà Tống, Trung Quốc. Ông có sách Gia huấn nổi tiếng.

[2] Sách vở nước Sở có những điều không phù hợp với quan điểm của tác giả.

Rồng bay phượng múa, ấy là khí tượng bậc đại trượng phu.

居安宅行正路心地蕩平舒泰
稽聖經訂賢傳事業正大高明

Cư an trạch, hành chính lộ, tâm địa đãng bình thư thái;
Kê thánh kinh đính hiền truyện, sự nghiệp chính đại cao minh.

An cư gia trạch, làm theo chính lộ, tâm chí yên bình thư thái,;
Khảo cứu thánh kinh, đích chính hiền truyện, sự nghiệp chính đại cao minh.

念先人立身教家不外綱常大節
囑後裔繼志述事毋忘忠孝初心

Niệm tiên nhân lập thân giáo gia, bất ngoại cương thường đại tiết;
Chúc hậu duệ kế chí thuật sự, vô vong trung hiếu sơ tâm.

Nhớ tiền nhân lập thân giáo gia, chẳng ngoại cương thường đạo lớn;
Dặn hậu duệ kế chí thuật sự, đừng quên trung hiếu việc đầu.

室有餘香謝草鄭蘭竇桂樹
家無別况唐詩晉字漢文章

Thất hữu dư hương, Dạ thảo, Trịnh lan, Đậu quế thụ
Gia vô biệt huống, Đường thi, Tấn gia, Hán Văn chương.

Nhà ở có thừa hương thơm ngát Tạ thảo, Trịnh lan, Đậu quế[1];
Gia đường không gì khác, ngời danh đường thi, Tấn tự, Hán văn[2].

父母遐齡白髮堂中榮暮景

---

[1] Tạ Linh Vận đời Nam Bắc triều, Trịnh Huyền người đời Đông Hán, Đậu Yên Sơn đời Chu ở Trung Quốc là những người văn học giỏi và dạy bảo con cái thành đạt.

[2] Thơ đời Đường, văn chương đời Hán đều nổi tiếng.

兒孫滿眼彩衣階下舞春風

Phụ mẫu hà linh, bạch phát đường trung vinh mộ cảnh;
Nhi tôn mãn nhãn, thái y giai hạ vũ xuân phong.

Cha mẹ tuổi cao, bạch phát trung đường[1] vui kế bóng;
Cháu con tươi trẻ, thái y giai hạ[2] múa mừng xuân.

書有未曾經我讀
事無不可對人言

Thư hữu vị tằng kinh ngã độc;
Sự vô bất khả đối nhân ngôn.

Sách có thể ta chưa từng đọc;
Việc tất cùng kẻ khác đối ngôn.

四時淑氣融萱草
六月薰風動竹林

Tứ thời thục khí dung huyên thảo;
Lục nguyệt huân phong động trúc lâm.

Bốn mùa thục khí[3] ngời huyên thảo;
Tháng sáu huân phong[4] động trúc lâm.

北海樂交天下士
東山笑讀古人書

Bắc hải lạc giao thiên hạ sĩ;
Đông sơn tiếu độc cổ nhân thư.

---

[1] Bạch phát trung đường: cha mẹ già tóc bạc ở trong nhà.

[2] *Thái y giai hạ:* con cháu mặc áo đẹp ở dưới thềm.

[3] *Thục khí*: Không khí ôn hoà.

[4] *Huân phong*: gió nam.

Sĩ thiên hạ giao lưu nơi biển Bắc;
Sách cổ nhân vui độc chốn non Đông.

清言如晉人足矣
濁酒以漢書下之

Thanh ngôn như Tấn nhân túc hỹ;
Trọc tửu dĩ Hán thư hạ chi.

Nói lí luận suông, như người nước Tấn là quá đủ;
Rượu chè vô độ, xem sách đời Hán là rất xuàng.

風生草際笙蕭韻
雨過庭前蘭惠香

Phong sinh thảo tế sênh tiêu vận;
Vũ quá đình tiền lan huệ hương.

Gió qua cỏ rậm sinh tiêu sáo;
Mưa đến trên nhà ngát huệ lan.

伊周事業閒中會
孔孟文章靜裏尋

Y Chu sự nghiệp nhàn trung hội.
Khổng Mạnh văn chương tĩnh lý tầm.

Văn chương tĩnh lý tìm Khổng Mạnh[1]
Sự nghiệp nhàn quan khảo y Chu[2].

---

[1] *Khổng tử, Mạnh tử*: hai nhà Nho nổi tiếng ở Trung Quốc cổ đại.

[2] *Y Doãn:* một khai quốc công thần đời nhà Thương ở Trung Quốc. Chu Công: người đời nhà Chu ở Trung Quốc có công định chế độ lễ nhạc và nghi thức: quan, hôn, tang, tế thời xưa.

紫燕庭中宜好語
黃鸝户外報佳音

Tử yến đình trung nghi hảo ngữ;
Hoàng ly hộ ngoại báo giai âm.

Yến tía giữa sân vang tiếng hót;
Ly vàng ngoài cửa báo ân hay.

得意客來倩不厭
如心人到語相投

Đắc ý khách lai thiến bất yếm;
Như tâm nhân đáo ngữ tương đầu.

Khách thăm đắc ý vui không chán;
Người đến như lòng chuyện hợp nhau.

兄友弟恭乃君子修身之本
禮門義路爲大人涉世之方

Huynh hữu đệ cung nãi quân tử tu thân chi bản;
Lễ môn nghĩa lộ vi đại nhân thiệp thế chi phương.

Huynh hữu đệ cung[1(3)] ấy là gốc tu thân trang quân tử;
Lễ môn nghĩa lộ[2(4)] ấy là phương tiện thế bậc đại nhân.

雲路鵬程九萬里
雪窗熒火十餘年

Vân lộ bằng trình cửu vạn lý;
Tuyết song huỳnh hoả thập dư niên.

---

[1] *Huynh hữu đệ cung*: anh thì giúp đỡ, em thì cung kính.

[2] *Lễ môn nghĩa lộ*: lấy lễ làm cửa, láy nghĩa làm đường.

Chín vạn dặm chim bằng nơi vân lộ[1];
Hơn mười năm lửa đóm chốn tuyết sơn[2].

青雲路遠留心步
丹桂根深著意栽

Thanh vân lộ viễn lưu tâm bộ;
Đan quế căn thâm trước ý tài.

Đường thẳng thanh vân lưu tâm bước;
Gốc sâu đan quế chú mục vân.

一簾花影雲垂地
半夜書聲月在天

Nhất liêm hoa ảnh vân thuỳ địa;
Bán dạ thư thành nguyệt tại thiên.

Một bức bóng hoa mây rủ đất;
Nửa đêm tiếng sách nguyệt trên trời.

其人如碧梧翠竹
此志在流水高山

Kỳ nhân như bích ngô thuỳ trúc;
Thử chí tại lưu thuỷ cao sơn.

Nhân cách như ngô xanh trúc thắm;
Chí hướng tại nước chẩy non cao.

一庭花發成知己
萬卷書開見古人

---

[1] Vân lộ: đường mây, chỉ con đường học hành đỗ đạt.

[2] *Tuyết song*: nơi song cửa có tuyết. ý nói học hành chăm chỉ.

Nhất đình hoa phát thành tri kỷ;
Vạn quyển thư khai kiến cổ nhân.

Một sân hoa nở thành tri kỷ;
Vạn quyển thư khai kiến cổ nhân.

一樹梅花一樹玉
半床明月半床書

Nhất thụ mai hoa nhất thụ ngọc;
Bán sàng minh nguyệt bán sàng thư.

Một khóm hoa mai một khóm ngọc;
Nửa giường trăng sáng nửa giường thư.

學海無涯勤是岸
登雲有路志爲高

Học hải vô nhai cần thị ngạn;
Đăng vân hữu lộ chí vi cao.

Học bể vô bờ cần là bến;
Lên mây có nẻo chí phải cao.

萬丈文星光户外
一聲鳥語鬧花前

Vạn trượng văn tinh quang hộ ngoại;
Nhất thanh điểu ngữ náo hoa tiền.

Muôn trượng ánh sao soi ngoài cổng;
Một lời chim hót náo trước thềm.

文筆插天雲作篆
詞瀾浴日劍成龍

Văn bút tháp thiên vân tác triện;

Từ lan dục nhật kiếm thành long.

Văn bút viết thanh thiên, mây tác triện;
Từ lan[1(1)] tô hồng nhật, kiếm thành rồng.

滿室芝蘭滋雨露
一園桃李趙風雲

Mãn thất chi lan tư vũ lộ;
Nhất viên đào lý triệu phong vân.

Đầy thất chi lan tươi mưa móc;
Một vườn đào mận gọi gió mây.

日月兩輪天地眼
詩書萬卷聖賢心

Nhật nguyệt lưỡng luân thiên địa nhãn;
Thi thư vạn quyển thánh hiền nhân.

Nhật nguyệt đôi vầng thiên địa nhãn;
Thi thư vạn quyển thánh hiền tâm.

滿院花香呈翰墨
三春鳥語話文章

Mãn viện hoa hương trình hàn mặc;
Tam xuân điểu ngữ thoại văn chương.

Đầy viện hoa thơm tình bút mực;
Ba xuân chim hót nói văn chương.

萬里風雲橫筆陣
九天奎壁入文章

---

[1] (1) *Từ lan*: văn từ như sóng nước.

Vạn lý phong vân hoành bút trận;
Cửu thiên khuê bích nhập văn chương.

Vạn dặm gió mây vung bút trận;
Chín tầng khuê bích nhập rừng văn.

一 軒 風 月 雖 然 靜
萬 卷 詩 書 莫 放 閒

Nhất hiên phong nguyệt tuy nhiên tĩnh;
Vạn quyển thi thư mạc phóng nhàn.
Một hiên trăng gió dầu yên tĩnh.
Vạn quyển thi thư chẳng lúc nhàn.

硏 沼 風 生 排 墨 浪
筆 毫 花 放 染 彤 雲

Nghiên chiểu phong sinh bài mặc lãng;
Bút hào hoa phóng nhiễm đồng mân.

Ao nghiên sinh gió xô sóng mực;
Ngọn bút phát hoa nhuộm đỏ mây.

窗 外 青 山 舒 錦 繡
詹 前 好 鳥 話 文 章

Song ngoại thanh sơn thư cẩm tú;
Thiêm tiền hảo điểu thoại văn chương.

Ngoài cửa non xanh như gấm dệt;
Trước thềm chim hót vẻ văn chương.

曙 色 横 窗 春 日 麗
雞 聲 入 耳 夜 燈 青

Thử sắc hoành song xuân nhật lệ;

Kê thanh nhập nhĩ dạ đăng thanh.

Sắc nắng ngang song ngày xuân đẹp;
Tiếng gà lọt nhĩ ngọn đèn xanh.

十載雲窗稽古典
一朝虎榜奪科名

Thập tải vân song kê cổ điển;
Nhất triêu hổ bảng đoạt khoa danh.

Mười năm đèn sách khảo điển cố;
Một sáng bảng đề đoạt khoa danh.

士子攻書十載寒窗燈火苦
儒生及弟一朝魁榜姓名香

Sĩ tử công thư thập tải hàn song đăng hoả khổ;
Nho sinh cập đệ nhất triêu khôi bảng tính danh hương.

Sĩ tử chuyên cần, song lạnh mười năm công đèn lửa;
Nho sinh trúng tuyển, khôi khoa một sớm nhất họ tên.

有志意成雲程那怕路頭遠
無書不讀理窟方知海漾深

Hữu chí ý thành vân trình na phạ lộ đầu viễn;
Vô thư bất độc lý quật phương tri hải dạng thâm.

Có ý chí tâm thành, thang mây luống sợ đường xa lắc;
Không sách gì không đọc, suy kĩ mới hay biển học sâu.

著意栽培燈火結成丹桂
留心涵養研池飛起蒼龍

Trước ý tài bồi đăng hoả kết thành đan quế;
Lưu tâm hàm dưỡng nghiên trì phi khởi thương long.

Chú ý đáp bồi, đèn lửa kết thành đan quế;
Lưu tâm nuôi dưỡng, ao nghiên khởi động rồng bay.

風生碧澗魚龍躍
月照青山松柏香

Phong sinh bích gian ngư long dược;
Nguyệt chiếu thanh sơn tùng bách hương.

Gió sinh khe biếc cá rồng nhảy;
Trăng chiếu non xanh tùng bách thơm.

山色滿窗書滿架
雲根爲壁竹爲門

Sơn sắc mãn song thư mãn giá;
Vân căn vi bích trúc vi môn.

Sắc núi đầy song sách đầy giá;
Chân mây làm sách trúc làm môn.

千載圖書山色裏
四時歌曲鳥聲中

Thiên tải đồ thư sơn sắc lý;
Tứ thời ca khúc điểu thanh trung.

Ngàn năm sách vở trong sắc núi;
Bốn mùa chim hót rộn tiếng ca.

惟靜不嫌茅屋小
心清自覺茶根香

Duy tĩnh bất hiềm mao ốc tiểu;
Tâm thanh tự giác trà căn hương.

Tính tình chẳng hiềm nhà tranh nhỏ;

Thanh tâm tự biết gốc trà thơm.

半窗月落梅無影
三徑風來竹有聲

Bán song nguyệt lạc mai vô ảnh;
Tam kính phong lai trúc hữu thanh.

Nửa song trăng lặn mai không bóng;
Ba lối gió về trúc có thanh.

栽花準擬爲詩客
看竹何須問古人

Tài hoa chuẩn nghĩ vị thi khách;
Khán trúc hà tu vấn cổ nhân.

Tỉa hoa cẩn thận vì thi khách;
Xem trúc sao nên hỏi cổ nhân.

點點水中星看破一天河洛
層層架上史擁來萬古經綸

Điểm điểm thuỷ trung, tinh khán phá nhất thiên Hà, Lạc[1];
Tằng tằng giá thượng, sử ủng lai vạn cổ kinh luân.

Điểm điểm nước soi, tinh tú phá một trời Hà, Lạc;
Tầng tầng giá xếp, sử pho lưu vạn cổ kinh luân.

村徑遶山松葉暗
柴門林水稻花香

Thôn kính nhiễu sơn tùng diệp ám;

[1] *Hà, Lạc*: Hà đồ, Lạc thư là cơ sở của người xưa vạch ra bát quái trong sách Kinh dịch.

Sài môn lâm thuỷ đạo hoa hương.

Đường thôn vòng núi đường che kín;
Cửa ngõ nước nhìn lúa ngát hương.

農 圃 有 書 教 子 且 經 桑 扼
榮 華 無 夢 潛 身 獨 守 跧 蒿

Nông phố hữu thư, giáo tử thả kinh tang ách;
Vinh hoa vô mộng, tiềm thân độc thủ thuyên khao.

Nghề nông có sách, dạy con cháu phòng khi thất bát;
Đừng mộng vinh hoa, ẩn thân mình riêng giữ cỏ thơm.

樓 高 遠 送 千 峰 翠
閣 峻 長 生 六 月 涼

Lâu cao viễn tống thiên phong thuý;
Các tuấn trường sinh lục nguyệt lương.

Lầu cao xa tiễn nghìn núi thẳm;
Gác lớn trường sinh tháng sáu lương[1(1)].

好 月 當 樓 端 近 水
清 言 對 客 總 如 蘭

Hảo nguyệt đương lâu đoan cận thuỷ;
Thanh ngôn đối khách tổng như lai.

Tháng tốt ở lầu vui gần nước;
Lời hay tiếp khách thấy như lan.

先 祖 芳 名 留 國 史
子 孫 績 學 繼 家 風

---

[1] *Lương*: mát mẻ.

Tiên tổ phương danh lưu quốc sử;
Tử tôn tích học kế gia phong.

Tiên tổ danh thơm ghi sử nước;
Cháu con tích học nối gương nhà.

四時花月寒喧裡
一片湖山錦繡中

Tứ thời hoa nguyệt hàn huyên lý;
Nhất phiến hồ sơn cẩm tú trung.

Bốn mùa trò chuyện cùng hoa nguyệt;
Toàn cảnh gấm thêu giữa núi hồ.

虛閣清幽睹春夏秋冬景氣
小亭瀟洒樂琴棋詩畫襟懷

Hư các thanh u đổ xuân hạ thu đông cảnh khí;
Tiểu đình tiêu sái lạc cầm kỳ thư họa khâm hoài.

Các vắng thanh u nhìn xuân hạ thu đông cảnh tượng;
Tiểu đình tiêu sái, vui cầm kỳ thi họa đam mê.

翠竹蒼梧六月秋聲來枕簟
奇花異卉四時春氣藹瓊臺

Thúy trúc thương ngô lục nguyệt thu thanh lai chẩm đạn;
Kỳ hoa dị hủy tứ thời xuân khí ái quỳnh đài.

Ngô xanh trúc thắm, lục nguyệt tiếng thu về gối giỏ;
Thảo lạ hoa kỳ, tứ thời xuân khí nhã đài quỳnh.

半窗月落梅花影
三徑風來竹管聲

Bán song nguyệt lạc mai hoa cảnh;

Tam kính phong lai trúc quản thanh.

Nửa song trăng xế hoa mai bóng;
Ba luống[1] gió về sáo trúc thanh.

修竹滿庭浮翠色
芳枝遶徑映春暉

Tu trúc mãn đìnhphù thúy sắc;
Phương chi nhiễu kính ánh xuân huy.

Trúc sửa, một sân tôn sắc thắm;
Cành thơm quanh lối ánh mầu xuân.

花園紅杏酣春色
樹遶蒼松送午陰

Hoa vi hồng hạnh cam xuân sắc;
Thu nhiễu thương tuỳ tống ngọ âm.

Hoa vây hạnh đỏ mê xuân sắc;
Cây quấn tùng xanh tiễn bóng trưa.

梅雪松風清几席
竹窗書幌共煙波

Mai tuyết tùng phong thanh kỷ tịch;
Trúc song thư hoảng cộng yên ba.

Gió tuyết tùng mai sạch kỷ chiếu;
Màn song thư trúc cộng khói mây.

春來深院梅花發
秋滿閑庭桂樹新

---

1 *Ba luống*: Xưa nhà nho thường trồng ba luống cúc trước nhà làm cảnh.

Xuân lai thâm viện mai hoa phát;
Thu mãn nhàn đình quế thụ tân.

Xuân về viện thẳm mai hoa nở;
Thu mãn sân nhàn sắc quế tân.

月色溶溶青山綠水堪圖畫
風聲習習翠竹蒼松奏管絃

Nguyệt sắc dung dung thanh sơn lục thủy kham đồ hoạch;
Phong thanh tập tập thúy trúc thương tùng tấu quản huyền.

Ánh nguyệt toả lan nước biếc non xanh như nét vẽ;
Tiếng phong vi vút tùng xanh trúc thắm tựa sáo đàn.

松影入溪流照見許多魚躍樹
雲光隨日動看來無數燕飛波

Tùng ảnh nhập khê lưu chiếu kiến hứa đa ngư dược thụ;
Vân quang tuỳ nhật động khán lai vô số yến phi ba.

Bóng tùng in suối chẩy soi rõ bao nhiêu cây, cá nhẩy;
Mây sáng đuổi mặt trời, ngắm nhìn vô số sóng, yến bay.

賞山水聲音祇許漁樵問話
尋田園樂趣聊爲農圃生涯

Thưởng sơn thuỷ thanh âm chi hứa ngư tiều vấn thoại;
Tầm điền viên lạc thú liệu vi nông phố sinh nhai.

Thưởng thức thanh âm sơn thủy, vui vẻ cho ngư tiều hỏi chuyện;
Tìm về lạc thú điền viên, hãy làm người nông phố sinh nhai.

萬卷藏書宜子弟
十年種樹長風雲

Vạn quyển tàng thư nghi tử đệ;

Thập niên chủng thụ trường phong vân.

Học trò phải tàng thư vạn quyển;
Mây gió nuôi cây lớn mười năm.

卷 裡 有 詩 皆 錦 繡
人 間 無 價 是 文 章

Quyển lý hữu thi giai cẩm tú;
Nhân gian vô giá thị vằn chương.

Trong quyển có thơ là gấm vóc
Nhân gian vô giá, ấy văn chương.

玉 堂 聲 價 推 先 哲
金 鑒 家 風 見 後 賢

Ngọc đường thanh giá suy tiên triết;
Kim giám gia phong kiến hậu hiền.

Nhà ngọc tiếng tăm suy hiền triết;
Gương vàng phong tục biết hậu hiền.

天 邊 鶴 和 聲 傳 野
家 際 龍 江 德 在 淵

Thiên biên hạc họa thanh truyền dã;
Gia tế long giang đức tại uyên.

Bên trời tiếng hạc vang đồng nội;
Gia thế sông rồng bởi đức sâu.

才 花 五 色 光 明 錦
襟 度 重 宵 舒 卷 雲

Tài hoa ngũ sắc quang minh cẩm;
Khâm độ trùng tiêu thư quyển vân.

Tài hoa năm sắc quang minh gấm;
Hoài bão cao vời mở quyển mây.

道德光華溫潤玉
文章和氣吉祥花

Đạo đức quang hoa ôn nhuận ngọc;
Văn chương hòa khí cát tường hoa.

Đạo đức sáng tươi ôn nhuận ngọc;
Văn chương hoà khí tốt lành hoa.

雲衢有志終讓首
翰苑金臺待紀功

Vân cù hữu chí chung nhượng thủ;
Hàn uyển kim đài đãi kỷ công.

Đường mây có chí tròn danh vọng;
Đài ngọc rừng nho đợi chép công.

水影澄清觀萬相
月華圓满見諸天

Thủy ảnh trừng thanh quan vạn tướng;
Nguyệt hoa viên mãn kiến chư thiên.

Bóng nước trong xanh xem muôn trạng;
Trăng tròn vành vạnh thấy khắp trời.

晴窗滴露花搖席
午夜揮毫月满帷

Tình song đích lộ hoa giao chiếu;
Ngọ dạ huy hào nguyệt mãn duy.

Song sớm đọng sương hoa lay chiếu;

Nửa đêm huơ bút nguyệt đầy màn.

四壁圖書常對酒
一簾花雨欲催詩

Tứ bích đồ thư thường đối tửu;
Nhất liêm hoa vũ giục thôi thi.

Bốn vách đồ thư thường đối ẩm;
Một rèm hoa vũ muốn đề thơ.

玉振金聲臺閣度
和風光雨聖賢心

Ngọc chấn kim thanh đài các độ;
Hoà phong quang vũ thánh hiền tâm.

Lay ngọc tiếng vàng đài các độ[1];
Gió hoà mưa tạnh thánh hiền tâm.

家傳好友情多適
座擁琴書樂有餘

Gia truyền hảo hữu tình đa thích;
Tọa ủng cầm thư lạc hữu dư.

Gia truyền bạn tốt tình thân thiết;
Nhà trọng cầm thư vui có thừa.

不事詩書難脫俗
能全孝有亦流芳

Bất sự thi thư nan thoát tục;
Năng toàn hiếu hữu diệc lưu phương.

---

[1] Đài các độ: Phong độ nơi đài các.

Không trọng thi thư sao thoát tục;
Biết toàn hiếu hữu cùng lưu phương[1]

半生事業青燈共
十載憂勞白髮知

Bán sinh sự nghiệp thanh đăng cộng;
Thập tải ưu lao bạch phát tri.

Nửa đời sự nghiệp đèn xanh thắp;
Thập tải chăm lo tóc trắng thay.

學兼人己須防假
德判盈虛只戒貪

Học kiêm nhân kỷ tu phòng giả;
Đức phán doanh hư chỉ giới tham.

Học gồm mình, bạn nên phòng giả;
Đức sẻ đầy vơi chỉ sợ tham.

眼前色相皆成幻
靜裏乾坤不計年

Nhãn tiền sắc tướng giai thành ảo;
Tĩnh lý càn khôn bất kế niên.

Nhãn tiền sắc tướng đều thành ảo;
Trong khoảng đất trời chẳng tính năm.

海日磻桃開法界
曇雲駕鶴擁諸天

Hải nhật bàn đào khai pháp giới;

---

[1] Lưu phương: Truyền lại tiếng thơm cho đời sau.

Đàm vân giá hạc ủng chư thiên.

Hải nhật đầu tiên khai pháp giới;
Mây dầy cưỡi hạc ủng chư thiên.

禪門自有長生訣
佛教猶傳不老經

Thiền môn tự hữu trường sinh quyết;
Phật giáo do truyền bất lão kinh.

Cửa thiền tự có trường sinh phép;
Đạo phật còn truyền bất lão kinh.

石道泉光飛實地
一輪明月入霞觴

Bách đạo tuyền quang phi thực địa;
Nhất luân minh nguyệt nhập hà thương.

Trăm đạo suối trong bay cõi thực;
Một vầng trăng sáng nhập chén hà[2].

法界新登花甲子
禪堂長作老神仙

Pháp giới tân đăng hoa giáp tý;
Thiền đường trường tác lão thần tiên.

Pháp giới lại đăng hoa tuổi tác;
Nhà thiền còn tác lão thần tiên[1].

神聖啓炎邦至今地不改藉民不改聚

---

[2] Hà: ráng mây. Ý nói nơi huyền ảo.

[1] Lão thần tiên: Ý nói tuổi thọ.

焄高奉諸廟是謂木之有本水之有源

Thần thánh khải Viêm Bang, chí kim địa bất cải tịch, dân bất cải tụ;
Huân cao phụng thanh miếu, thị vị mộc chi hữu bản, thuỷ chi hữu nguyên.

Thần thánh mở Viêm Bang, đến nay đất không đổi tịch, dân không đổi tụ;
Hương khói thờ thanh miếu, như thế gọi cây có gốc, gọi nước có nguồn.

過故國廟瀘洮依然碧浪紅濤襟帶雙流回白鶴
登斯亭拜陵寢猶是神州赤縣山河四面控朱鳶

Quá cố quốc, miếu Lô, Thao, y nhiên bích lãng hồng đào, khâm đới song lưu hồi Bạch Hạc;
Đăng tư đình, bái lăng tẩm, do thị thần châu xích huyện, sơn hà tứ diện khống Chu Diên.

Qua cố quốc, ngắm Lô, Thao, sóng biếc cuộn hồng, hai dòng ôm ấp chầu về Bạch Hạc;
Lên đình này, vái lăng tẩm, thần châu xích huyện, bốn mặt sơn hà khống chế Chu Diên.

此地此山南國紀
吾王吾土北辰尊

Thử địa thử sơn Nam quốc kỷ;
Ngô vương ngô thổ Bắc thần tôn.

Đất đó, núi này, nước Nam cương kỷ;
Vua ta, bản thổ, cung Bắc suy tôn.

貧居中市無人問

富在山林有客尋

Bần cư trung thị vô nhân vấn;
Phú tại sơn lâm hữu khách tầm.

Bần cư giữa chợ không người hỏi;
Phú tại rừng non có khách tìm.

錢財如糞土
義重似天金

Tiền tài như phấn thổ;
Nghĩa trọng tự thiên kim.

Tiền tài như bùn đất;
Nghĩa nặng tựa nghìn vàng.

功在前朝名在史
生爲良將死爲神

Công tại tiền triều danh tại sử;
Sinh vi lương tướng tử vi thần.

Công tại triều xưa danh tại sử;
Sinh làm lương tướng tử làm thần.

過如秋草芟難盡
學似春冰積不高

Quá như thu thảo sam nan tận.
Học tự xuân băng tích bất cao.

Nhiều như cỏ thu cắt không hết.
Học tựa băng xuân chất khó cao.

煉成鋒鍔眞關學
歷盡艱難始算才

Luyện thành phong ngạc chân quan học.
Lịch tận gian nan thủy toán tài.

Luyện thành sắt nhọn nhờ chân học.
Trải khắp gian nan mới thực tài.

斗 酒 縱 觀 廿 一 史
爐 香 靜 對 十 三 經

Đẩu tửu túng quan chấp nhất sử .
Lô hương tĩnh đối thập tam kinh.

Rượu đấu, đọc chơi, hai mốt Sử
Lò hương, đêm ngẫm mười ba kinh.

板 凳 要 坐 十 年 冷
文 章 不 寫 一 句 空

Bản đắng yêu tọa thập niên lãnh.
Văn chương bất tả nhất cú không.

Chiếc ghế vắng người mười năm lạnh.
Văn chương lười viết, một câu không.

有 關 家 國 書 常 讀
無 益 身 心 事 莫 爲

Hữu quan gia quốc thư thường độc.
Vô ích thân tâm sự mạc vi.

Quan tâm nhà nước sách thường đọc.
Vô ích cho mình việc chớ dây.

删 繁 就 簡 三 秋 樹
領 導 梢 新 二 月 花

Sán phồn tựu giản tam thu thụ.

Lãnh đạo tiêu tân nhị nguyệt hoa.

Cắt thừa xén gọn cây ba năm;
Dẫn đường tạo mới hoa hai tháng.

藜火光聯書案月
筆花香泛墨池雲

Lê hỏa quang liên thư án nguyệt.
Bút hoa hương phiếm mặc trì vân.

Án nguyệt nhờ đuốc lê thắp sáng.
Nghiên mực với bút hoa hương bay.

文章眞處性情見
談笑深時風雨來

Văn chương chân xứ tính tình kiến.
Đàm tiếu thâm thời phong vũ lai.

Tính tình thể hiện ở văn chương.
Xô xát hay do lâu đàm tiếu.

家少樓臺無地起
案余燈火有天知

Gia thiểu lâu đài vô địa khởi.
Án dư đăng hỏa hữu thiên tri.

Nhà ít lầu cao không đất dựng.
Án thừa đèn thắp có trời hay.

是何意態雄且杰
不露文章世已惊

Thị hà ý thái hùng thả kiệt.
Bất lộ văn chương thế dĩ kinh.

Tình ý chi đây hùng lại kiệt.
Văn chương chưa tỏ đủ đời kinh.

花香満坐客對酒
燈影隔帘人讀書

Hoa hương mãn tọa khách đối tửu.
Đăng ảnh cách liêm nhân độc thư.

Hương hoa khắp chốn, khách mời rượu.
Đèn sáng rèm bên, người đọc thư.

開卷神游千載上
垂帘心在萬山中

Khai quyển thần du thiên tải thượng.
Thùy liêm tâm tại vạn sơn trung.

Mở sách gặp người ngàn năm trước.
Buông rèm lòng ở vạn trùng non.

嘘吸入窗通香藹
回環萬象出文章

Hư hấp nhập song thông hương ái.
Hồi hoàn vạn tượng xuất văn chương.

Hít thở vào song thoáng hương ngát.
Quang co muôn vẻ lối văn chương.

文如秋始塵埃淨
詩似春雲態度妍

Văn như thu thuỷ trần ai tĩnh.
Thi tự xuân vân thái độ nghiên.

Văn nước mùa thu không vẩn bụi.

Thơ tựa mây xuân có vẻ xinh.

胸中錦繡三都賦
筆底煙霞五岳雲

Hung trung cẩm tú Tam đô [1] phú.
Bút để yên hà Ngũ nhạc[2] vân.

Rực rỡ phú Tam đô trong bụng.
Khói mây núi Ngũ nhạc bút đề.

春似秋嘗遵萬古聖賢禮樂
左昭右穆序一家世代源流

Xuân tự thu thường tuân vạn cổ thánh hiền lễ nhạc;
Tả chiêu hữu mục tự nhất gia thế đại nguyên lưu.

Cúng tế xuân thu, tuân theo muôn thuở thánh hiền lễ nhạc;
Phụng thờ tả hữu, thứ tự một nhà thế đại nguyên lưu.

念先人立身教家不外剛常大節
囑後裔繼志述事無忘忠孝初心

Niệm tiên nhân lập thân, giáo gia bất ngoại cương thường đại tiết;
Chúc hậu duệ kế chí, thuật sự vô vong trung hiếu sơ tâm.

Nhớ tiên tổ lập thân, dạy bảo chẳng ngoài cương thường đại tiết[3];
Cậy cháu con kế nghiệp, truyền nhau đừng quên trung hiếu sơ tâm[4].

祖有德宗有功惟烈惟光永保衣冠聯後裔
左為昭右為穆以享以祀長承俎豆振前徽

---

1 Tam đô: Ba kinh đô thời cổ đại Trung Quốc.

2 Ngũ nhạc: Năm ngọn núi lớn ở Trung Quốc.

3 Đại tiết: Khí tiết lớn.

4 Sơ tâm: Cũng như "bản tâm" là cái lòng mình vốn có.

Tổ hữu đức tông hữu công, duy liệt duy quang vĩnh bảo y quan liên hậu duệ;
Tả vi chiêu hữu vi mục, dĩ hưởng dĩ tự trường thừa trở đậu chấn tiền huy.

Tổ có đức, tông có công, quang liệt vĩnh hằng y quan truyền hậu duệ;
Trái thì chiêu, phải thì mục, phụng tư trường kế lễ vật chấn tiền huy.

穆穆皇皇大聖人宗廟之美百官之富
鏘鏘濟濟惟君子能由是路出入是門

Mục mục hoàng hoàng đại thánh nhân tông miếu chi mỹ, bách quan chi phú;
Thương thương tế tế duy quân tử năng do thị lộ xuất nhập thị môn.

Cung kính đẹp tươi thay, bậc thánh nhân làm cho trăm quan giầu tông miếu đẹp;
Đàng hoàng thuận lợi vậy, trang quân tử biết chọn con đường thẳng lối vào ngay.

千秋翰墨文光燦
萬古旌旗武烈昭

Thiên thu hàn mặc văn quang xán;
Vạn cổ tinh kỳ vũ liệt chiêu.

Ngàn năm hàn mặc văn tỏa sáng;
Muôn thuở tinh kỳ võ bừng soi.

義氣秉剛常千秋武烈昭雲漢
德星輝翰墨萬古文章燦斗牛

Nghĩa khí bỉnh cương thường, thiên thu vũ liệt chiêu Vân Hán;
Đức tinh huy hàn mặc vạn cổ văn chương xán Đẩu Ngưu.

Nghĩa khí giữ cương thường, ngàn năm võ liệt soi Vân Hán
Đức tinh ngời hàn mặc, muôn thuở văn chương sáng Đẩu Ngưu

學知不足
業精于勤

Học tri bất túc.
Nghiệp tinh vu cần.

Học biết chưa đủ.
Nghề giỏi ở chăm.

杯浮海蕊
詩凝雪花

Bôi phù mai nhụy.
Thi ngưng tuyết hoa.

Chén nổi nhụy mai.
Thơ đọng hoa tuyết.

惟道習虛
好學為福

Duy đạo tập hư.
Hiếu học vi phúc.

Theo đạo lòng rỗng.
Chăm học là phúc.

尋窮天下
看盡人間

Tầm cùng thiên hạ
Khán tận nhân gian.

Tìm khắp thiên hạ.
Xem hết nhân gian.

勤能補拙

學可醫愚

Cần năng bổ chuyết.
Học khả y ngu.

Chăm hay bù vụng
Học chữa được ngu.

學知不足
事留有余

Học tri bất túc.
Sự lưu hữu dư.

Học biết chưa đủ.
Việc còn có thừa.

文心花引動
詩思鳥啼來

Văn tâm hoa dẫn động.
Thi tứ điểu đề lai.

Văn tâm hoa khêu gợi.
Thi tứ chim đề ra.

燃燈苦讀
洗耳恭聽

Nhiên đăng khổ độc.
Tẩy nhĩ cung thính.

Thắp đèn gắng đọc.
Rửa tai lắng nghe.

四体不勤五穀不分孰爲夫子
小宜不問大事必文才算學生

Tứ thể bất cần ngũ cốc bất phân thục vi phu tử.
Tiểu nghi tất vấn đại sự tất văn tài toán học sinh.

Chân tay không động, năm giống không phân, ai là thầy dạy.
Ngờ nhỏ lắng hỏi, việc lớn lắng nghe, đúng đấy học trò.

光照日月
氣壯山河

Quang chiếu nhật nguyệt.
Khí tráng sơn hà.

Sáng chiếu nhật nguyệt.
Khí mạnh sơn hà.

知足常樂
無欺自安

Tri túc thường lạc.
Vô khi tự an.

Biết đủ thường vui.
Không nhờn tự yên.

君子無逸
民生在勤

Quân tử vô dật.
Dân sinh tại cần.

Quân tử không rỗi.
Dân sinh phải chăm.

一襟和氣
萬斛寬胸

Nhất khâm hoà khí.

Vạn đẩu khoan dung.

Một vạt hoà khí.
Môn đấu lòng khoan.

抱素懷朴
安性約身

Bão tố hoài phác.
An tính ước thân.

Giữ lòng chất phác.
Yên tĩnh giữ mình.

寧為玉醉
不作瓦全

Ninh vi ngọc toái
Bất tác ngoã toàn.

Thà là ngọc nát.
Không làm ngói lành

聞過則喜
疾惡如仇

Văn quá tắc hỷ.
Tật ác như cừu.

Nghe lỗi thời mừng.
Ghét xấu như thù.

業無貴賤
品有尊卑

Tịnh vô quý tiện.
Phẩm hữu tôn ty.

Sang hèn không phân.
Thứ bậc theo phẩm.

不攻人短
莫恃己長

Bất công nhân đoản.
Mạc thị kỷ trường.

Sở đoản người chớ chê.
Sở trường mình đừng cậy.

失意休餒
得勢莫狂

Thất ý hưu nỗi.
Đắc thế mạc cuồng.

Trái ý đừng nản.
Đắc thế chớ cuồng.

當人不讓
見義勇爲

Đương nhân bất nhượng.
Kiến nghĩa dũng vi.

Gánh nhân không nhượng.
Thấy nghĩa mạnh làm.

雲山風度
松百精神

Vân sơn phong độ.
Tùng bách tinh thần.

Phong độ mây núi .

Tinh thần tùng bách.

勤能補拙
儉以養廉

Cần năng bổ chuyết.
Kiệm dĩ dưỡng liêm.

Chăm hay sửa vụng.
Kiệm để giúp liêm.

貧賤難移
威武不屈

Bần tiện nan di.
Uy vũ bất khuất.

Nghèo hèn khó rời.
Uy lực không khuất.

境由心造
事在人爲

Cảnh do tâm tao.
Sự tại nhân vi.

Cảnh do tâm tạo.
Việc bởi người làm.

寬宏大量

遠矚高瞻

Khoan hoằng đại lượng.
Viễn chúc cao chiêm.

Khoan dung đại lượng.

Trông rộng nhìn xa.

事理通達
心氣和平

Sự lý thông đạt.
Tâm khí hoà bình.

Lẽ việc thông suốt.
Tâm khí hoà bình.

甜以思苦
樂不忘憂

Điềm dĩ tư khổ.
Lạc bất phong ưu.

Ngọt hãy nhớ đắng.
Vui không quên lo.

胸懷大志
檢點自身

Hung hoài đại chí.
Kiểm điểm tự thân.

Bụng có chí lớn.
Kiểm điểm bản thân.

酒當少飲
事要多知

Tửu đương thiểu ẩm.
Sự yếu đa tri.

Rượu nên uống ít.
Việc cần biết nhiều.

求通民情
愿聞己過

Cầu thông dân tình.
Nguyện văn kỷ quá.

Mong biết tình dân.
Muốn nghe lỗi mình.

臨事勿躁
待人宜成

Lâm sự vật táo.
Đãi nhân nghi thành.

Gặp việc chớ nóng.
Đãi người nên thành.

君子結心交
智人山水樂

Quân tử kết tâm giao.
Trí nhân sơn thuỷ lạc.

Người quân tử kết thân bằng cái tâm
Lõi trí nhân là niềm vui của non nước.

福地心田宜美果
賢孫孝子即名花

Phúc địa tâm điền nghi mỹ quả.
Hiền tôn hiếu tử tức danh hoa.

Cây phúc rộng tâm nên quả đẹp.
Cháu hiền con thảo được hoa thơm.

口呼天地動

足舉鬼神驚

Khẩu hô thiên địa động.
Túc cử quỷ thần kinh.

Miệng hô trời đất chuyển.
Cất bước quỷ thần kinh.

楊柳枝頭甘露洒
蓮花座上慧風生

Dương liễu chi đầu cam lộ sái.
Liên hoa toà thượng tuệ phong sinh.

Cam lộ vẩy đầu cành dương liễu.
Gió tuệ sinh trên bệ đài sen.

一人作福千人賴
獨木開花萬木青

Nhất nhân tác phúc thiên nhân lại.
Độc mộc khai hoa vạn mộc thanh.

Một người làm phúc nghìn người hưởng.
Cây độc ra hoa vạn cây xanh.

養成大拙方爲巧
學道如愚總是賢

Dưỡng thành đại chuyết phương vi xảo.
Học đáo như ngu tổng thị hiền.

Giữ cho cực vụng mới là khéo.
Học đến như ngu thực đúng hiền.

眞讀書人天下少
不如意事古來多

Chân độc thư nhân thiên hạ thiểu.
Bất như ý sự cổ lai đa.

Người ham đọc sách thế gian ít.
Việc không như ý tự xưa nhiều.

喬木好音多住聽鶯遷金谷曉
上林春色早還看花報玉堂開

Kiều mộc hảo âm đa, trú thính oanh thiên kim cốc hiểu;
Thượng lâm xuân sắc tảo, hoàn khan hoa báo ngọc đường khai.

Cây lớn nhiều âm hay, đứng lặng oanh dời kim ốc sáng;
Trên rừng sớm xuân sắc,về nhìn hoa báo ngọc đường khai.

新火煙分新瑞氣
舊年春早舊家風

Tân hỏa yên phân tân thụy khí;
Cực niên xuân tảo cựu gia phong.

Tân hỏa khói chia tan khí tốt;
Cựu niên xuân sớm cựu gia phong.

尼山木鐸群蒙啓
夫子宮墻數仞林

Ni sơn mộc đạc quần mông khải
Phu tư cung tường số nhận lâm

Bậc danh sư [1] Ni Sơn[2] biết bao công khai mở,
Nơi bái vọng[3] phu tử[4] đến n.ấy nhận[5] tôn cao.

---

[1] Bậc danh sư: Dịch thoát chữ "mộc đạc". Mộc đạc là cái chuông, người xưa dùng đánh hiệu và học. Vì thế người ta gọi thầy học là "mộc đạc".

[2] Ni Sơn: Tên núi ở nước Lỗ, nơi sinh của Khổng Tử, nên hiệu của Khổng Tử cũng gọi là Trọng Ni.

[3] Phu tử: Tiếng tôn xưng của học trò gọi thầy.

[4] Nhận: Thời cổ, 7 thước hoặc 8 thước gọi là một nhận.

[5] Sông tứ (tứ thuỷ): Tên sông ở tỉnh Sơn Đông (Trung Quốc). Cũng là nơi nhiều người có tài văn chương.

泗水聞章昭萬古
尼山道範耀千秋

Tứ thuỷ văn chương chiêu vạn cổ;
Ni Sơn đạo phạm diệu thiên thu.

Văn chương sông Tứ[1] ngời vạn cổ;
Khuôn mẫu Ni Sơn[2] sáng nghìn thu.

昔樹今花天積德
困饑義指地鍾靈

Tích thụ kim hoa thiên tích đức;
Khốn cơ nghĩa chỉ địa chung linh.

Cây xưa hoa nay trời tích đức.
Đói nghèo nghĩa cử đất linh thiêng.

祖宗從德千年盛
子孝孫賢萬代昌

Tổ tông tòng đức thiên niên thịnh;
Tử hiếu tôn hiền vạn đại xương.

Công đức tổ tông nghìn năm thịnh;
Cháu thảo con hiền muôn đời vinh.

山之秀水之清地世巍峨源自古
田可耕書可讀族堂懍烈到于今

Sơn chi tú, thuỷ chi thanh, địa thế nguy nga nguyện tự cổ;
Điền khả canh, thư khả độc, tộc đường lẫm liệt đáo vu kim.

---

[1] Khuôn mẫu Ni Sơn: Chỉ khuôn mẫu đạo của Khổng Tử.
[2]

Non xanh nước biếc, địa thế nguy nga nguyên có từ trước;
Ruộng chăm canh, sách chăm đọc, tộc đường lẫm liệt đến nay.

祠堂振則剛常柱
地派留傳福善門

Từ đường chấn tắc cương thường trụ;
Địa mạch lưu truyền phúc thiện môn.

Từ đường thâm nghiêm thì đạo cương thường bền vững;
Mạch đất tốt điều phúc thiện lưu truyền trong nhà.

香火不忘先祖德
墓墳能對水山長

Hương hỏa bất vong tiên tổ đức;
Mộ phần năng đối thuỷ sơn trường.

Khói hương không quên đức tổ tiên;
Mồ mả trường tồn với núi sông.

壁間有耳言當謹
心上無頭念要中

Bích gian hữu nhĩ ngôn đương cẩn;
Tâm thượng vô đầu niệm yếu trung.

Bức vách có tai lời cẩn trọng;
Trong lòng đang rối tránh sự sai nghiêng.

忠孝兩全能訓禮
香煙三燭自從心

Trung hiếu lưỡng toàn năng huấn thể;
Hương yên tam chúc tự tòng tâm.

Trung hiếu vẹn toàn năng răn mình;

Khói hương ba nén tự lòng ta.

幼不求於學
老則悔終天

Ấu bất cầu ư học
Lão tắc hối chung niên.

Lúc trẻ không để tâm học tập
Về già sẽ hối hận suốt đời.

莫疑進路無知己
羞就桃源問主人

Mạc nghi tiến lộ vô tri kỷ;
Tu tựu đào nguyên vấn chủ nhân.

Chẳng nghĩ đường đời không có tri kỷ;
Gom góp việc tiêu dao hỏi chủ nhân.

桃李春觀裝點長春景色
芳蘭善室藏培今古青書

Đào lý xuân quan trang điểm trường tân cảnh sắc;
Chi lan thiện thất tàng bồi kim cổ thanh thư.

Xuân sang đào lý tô vẽ thêm cảnh sắc mới;
Nhà mới chi lan giữ thêm vào sử sách xưa.

馬按朝前水秀山青先勝跡
金星衰後龍盤虎哲滿餘聲

Mã án triều tiền, thuỷ tú sơn thanh, tiên thắng tích;
Kim tinh suy hậu, long bàn hổ triết, mãn dư thanh.

Trước có nước biếc non xanh Mã án chầu cảnh thắng tích;
Sau có rồng cuộn hổ ngồi Kim tinh chiếu mãi còn vang.

入室挽香蘭桂味
盈堂樂會晉神人

Nhập thất vãn hương lan quế vị;
Doanh đường lạc hội tấn thần nhân.

Vào nhà phảng phất hương lan quế;
Vui hội đầy nhà đón thần nhân.

日月爭光花香色
山河對面景自然

Nhật nguyệt tranh quang hoa xuân sắc
Sơn hà đối diện cảnh tự nhiên.

Nhật nguyệt sáng soi hoa thêm sắc
Núi sông đối diện cảnh tự nhiên

接客往来日夜門中不閉
迎人出入暮朝年月常開

Tiếp khách vãng lai, nhật dạ môn trung bất bế
Nghinh nhân xuất nhập, mộ triêu niên nguyệt thường khai

Tiếp khách qua lại ngày đêm, trong nhà không ngớt
Đón người ra vào sớm chiều, năm tháng thường vui.

高獨貴尊萬代長存名繼盛
祖堂靈拜天年朋在德留光

Cao độc qúy tôn, vạn đại trường tồn danh kế thịnh
Tổ đường linh bái, thiên niên bằng tại đức lưu quang.

Đấng qúy tôn muôn đời tiếng thơm lưu truyền mãi mãi
Nhà tổ chăm hương khói nghìn năm đức độ luôn toả sáng.

祖堂百世香花在

裔族千秋福祿長

Tổ đường bách thế hương hoa tại
Duệ tộc thiên thu phúc lộc trường

Nhà tổ trăm đời hương khói không ngớt
Con cháu nghìn năm phúc lộc dài

閑世平期禮户義門當進化
神先有露祥風瑞氣有登林

Nhàn thế bình kỳ, lễ hộ nghĩa môn đương tiến hoá
Thần tiên hữu lộ, tường phong thụy khí hữu đăng lâm

Thời thế yên bình, cửa lễ nghĩa đương nhiên tiến hoá
Thần tiên xuất hiện, phong khí tốt lành hướng lên non.

妙將懍如生第一天仙多顯應
眞身魂不死無雙神女最英靈

Diệu tướng lẫm như sinh, đệ nhất thiên tiên đa hiển ứng
Chân thân hồn bất tử, vô song thần nữ tối anh linh

Diệu tướng tựa như sống thứ nhất tiên trời luôn hiển ứng
Chân thân hồn bất tử không hai nữ thần rất linh thiêng.

鸞駕顯微莫測所求必應
雲車升降無停有感必通

Loan giá hiển vi mạc trắc, sở cầu nhi ứng
Vân xa thăng giá vô đình, hữu cảm tất thông

Xe loan xuất hiện chẳng lường điều cầu sẽ được
Đài mây lơ lửng không dừng có cảm tất thông.

廟宇增修千秋如在
馨祠起造萬代常新

Miếu vũ tăng tu, thiên thu như tại
Hình từ khởi tạo, vạn đại thường tân

Hiên miếu chăm tu sửa, nghìn năm vẫn còn nguyên vẹn
Lời hay xuất hiện, muôn đời thường dùng.

窈窕容儀天下母
英靈變化女忠仙

Yểu điệu dung nghi thiên hạ mẫu
Anh linh biến hoá nữ trung tiên

Dáng điệu dịu dàng xứng mẹ của thiên hạ
Biến hoá linh thiêng đáng bậc nữ trung.

微英微靈千秋正氣
此民此地萬古福神

Vi anh vi linh, thiên thu chính khí
Thử dân thử địa, vạn cổ phúc thần

Anh linh tinh diệu nghìn năm chính khí
Dân này đất này muôn thuở phúc thần.

禮樂百年修廟典
青平一曲訟神功

Lễ nhạc bách niên tu miếu điển
Thanh bình nhất khúc tụng thần công.

Lễ nhạc trăm năm tôn điển miếu
Thanh bình một thuở tụng công thần.

十全群衆閑閑望
五福當歸日日新

Thập toàn quần chúng nhàn nhàn vọng

Ngũ phúc đương quy nhật nhật tân

Thập toàn quần chúng thong thả ngóng
Ngũ phúc đương quy ngày ngày đổi mới.

萬古英靈揚聖德
一方音住仰神功

Vạn cổ anh linh dương thánh đức
Nhất phương ấm trú ngưỡng thần công.

Muôn thuở anh linh dương đức thánh
Một phương ân trạch ngưỡng công thần.

孝慈門户留與地
文武衣冠祖肇基

Hiếu từ môn hộ lưu dư địa
Văn vũ y quan tổ triệu cơ

Nếp nhà từ hiếu lưu muôn thưở
Khăn áo vũ văn tiếp nền xưa.

芳名常在留青史
功德長存記石碑

Phương danh thường tại lưu thanh sử
Công đức trường tồn kí thạch bi

Tiếng thơm còn mãi lưu thanh sử
Công đức dài lâu khắc tại bia.

市發見有威可畏
及時來禮物不遺

Thị phát kiến hữu uy khả uý
Cấp thời lai thể vật bất di

Thị phát thấy có uy đáng sợ
Tức thời nay vật thể không dời.

廟貌装嚴千古在
同民奉祀百年香

Miếu mạo trang nghiêm thiên cổ tại
Đồng dân phụng tự bách niên hương

Miếu mạo trang nghiêm nghìn năm vẫn còn đó
Muôn người thời phụng mãi còn thơm.

民到于今載德
聖自遠古之靈

Dân đáo vu kim tải đức
Thánh tự viễn cổ chi linh.

Người dân đến nay vẫn trọng đức
Đức thánh từ xưa muôn thuở linh thiêng.

繼龍君而丁李陳黎杖笠靈聲已古
通家君之東西南北宮庭香火如初

Kế Long quân nhi Đinh, Lý, Trần, Lê, trượng lạp linh thanh dĩ cổ
Thông gia quân chi đông, tây, nam, bắc, cung đình hương hoả như sơ

Kế Long quân, họ Đinh, Lý, Trần, Lê, nối dòng linh thanh thuở trước
Đến vua nay, bốn phương đông, tây, nam, bắc, cung đình hương khói như xưa

配含遇奇緣東土降生三顯聖
聲斯成大道南邦不死四靈神

Phối hàm ngộ kỳ duyên, Đông Thổ giáng sinh tam hiển thánh
Thanh tư thành đại đạo, Nam Bang bất tử tứ linh thần

Đông Thổ duyên kỳ ngộ, cùng giáng sinh ba bậc hiển thánh
Nam Bang đạo đại thành, nổi tiếng bốn vị linh thần bất tử

南天四位名高巍巍照日月
越地百靈威勝懔懔满高山

Nam thiên tứ vị, danh cao nguy nguy chiếu nhật nguyệt
Việt địa bách linh, uy thắng lẫm lẫm mãn cao sơn.

Bốn vị trời Nam, danh cao vời vợi sáng cùng nhật nguyệt
Bách linh đất Việt, uy danh lẫm liệt khắp non cao.

一夜風雷三同化
億年香火四靈通

Nhất dạ phong lôi, tam đồng hoá
ức niên hương hoả, tứ linh thông.

Một đêm sấm chớp, ba Thánh cùng hoá
Nghìn năm hương khói, bốn cõi linh thiêng.

樓前嫵媚龍翔化
檻外康莊鳳奏歌

Lâu tiền vũ mị long tường hóa
Hạm ngoại khang trang phượng tấu ca.

Trước lầu tươi đẹp rồng bay lượn
Ngoài hiên khang trang phượng tấu ca.

巍峨殿宇千千士
赫奕威靈萬萬兵

Nguy nga điện vũ thiên thiên sĩ
Hách dịch uy linh vạn vạn binh.

Nguy nga điện vũ ngàn ngàn sĩ

Chói lọi uy linh vạn vạn binh.

國色傾城天下有
英靈神女世間無

Quốc sắc khuynh thành thiên hạ hữu
Anh linh thần nữ thế gian vô.

Sắc nước nghiêng thành thiên hạ có
Anh linh thần nữ thế gian không.

昔丁卯歲奎星聚
今慶春王化日長

Tích Đinh Mão tuế Khuê tinh tụ
Kim khánh xuân vương hoá nhật trường.

Xưa năm Đinh Mão sao Khuê tụ chiếu
Nay cảnh thái bình mặt trời chiếu dài lâu.

敵掃萬兵名已古
澤成一夜昔猶今

Địch tảo vạn binh danh dĩ cổ
Trạch thành Nhất Dạ tích do kim.

Quét giặc vạn binh, danh muôn thuở
Đầm thành Nhất Dạ dấu còn đây.

造化亦無權制今鼎靈丹傳不死
神仙安在可接石斗廟貌懍如生

Tạo hoá diệc vô quyền chế, kim đỉnh linh đan truyền bất tử
Thần tiên an tại khả tiếp, thạch đầu miếu mạo lẫm như sinh

Tạo hoá cũng chẳng quyền hành, đỉnh vàng linh đan truyền bất tử
Thần tiên đâu tiếp được, thạch đầu miếu mạo vẫn còn đây.

三十六洞亭萬古聲寧天素月
七十二鄉社一壺風景世瀛蓬

Tam thập lục động, đình, vạn cổ thanh ninh thiên tố nguyệt
Thất thập nhị hương xã, nhất hồ phong cảnh thế doanh bồng.

Ba mươi sáu động đình, muôn thuở thanh ninh trời rạng rỡ
Bảy mươi hai làng xã, một vùng phong cảnh cõi doanh bồng.

靈跡照垂天古壯
神床顯相六民康

Linh tích chiêu thuỳ thiên cổ tráng
Thần sàng hiển tướng lục dân khang.

Dấu thiêng rủ chiếu nghìn thuở tráng lệ
Ban thờ thần tỏ rõ sáu dân khang ninh.

軒后鼎成鰥子府
湘妃琴托寡倉梧

Hiên hậu đỉnh thành quan Tử phủ
Tương phi cầm thác quả Thương Ngô.

Hiên hậu đỉnh thành mà Tử phủ không con
Tương phi đàn xong thì Thương Ngô goá bụa.

昔夜風雷神顯跡
今春雨露聖流恩

Tích dạ phong lôi Thần hiển tích
Kim xuân vũ lộ Thánh lưu ân.

Sấm gió đêm xưa, dấu thần tỏ rõ
Mưa móc xuân này, ơn thánh còn lưu.

靈跡照垂千古錄

神床顯聖累朝褒

Linh tích, chiếu thuỳ thiên cổ lục
Thần sàng, hiển thánh luỹ triều bao.

Tích linh để lại, nghìn năm còn chép
Ban Thần hiển thánh, nhiều triều ngợi khen.

爽豈一壺新棟宇
清光萬古舊宮庭

Sảng khải nhất hồ tân Đống vũ
Thanh quang vạn cổ cựu Cung đình.

Sảng khoái một lầu Đống vũ mới
Thanh quang muôn thuở Cung đình xưa.

過者化極其大英靈獨不觀一夜澤自然州留顯跡
得而入觀其中富美何必曰三神山太清洞有珠宮

Quá giả hoá, cực kỳ đại anh linh, độc bất quan Nhất Dạ trạch, Tự Nhiên châu, lưu hiển tích.
Đắc nhi nhập, quan kỳ trung phú mỹ, hà tất viết Tam Thần sơn, Thái Thanh động, hữu Chu cung.

Qua chơi hoá phép, anh linh diệu kì, không nhận ra đầm Nhất Dạ, bãi Tự nhiên còn lưu hiển tích.
Được lúc mà vào, xem sự giàu đẹp trong đó, việc gì phải nói động Thái Thanh, núi Tam Thần có cung Châu.

趙越王清夜一壇賁將無謀塵桂海
阮行遣黑墨半枕眞人有露出藍山

Triệu Việt Vương, thanh dạ nhất đàn, bí tướng vô mưu trần Quế Hải
Nguyễn Hành Khiển, mặc hắc bán chẩm, Chân nhân hữu lộ xuất Lam Sơn.

Triệu Việt Vương, đêm trăng lập đàn, vì hết tướng vô mưu nơi Quế Hải
Nguyễn Hành Khiển, đêm dài không ngủ, được Chân nhân mách lối chốn Lam Sơn.

顯化妙神威日麗瓊臺千古壯
陰扶姿聖德春輝化縣四民康

Hiển hoá diệu thần uy, nhật lệ Quỳnh đài thiên cổ tráng
Âm phù tư thánh đức, xuân huy Hoa huyện tứ dân khang.

Hiển hoá diệu kỳ, thần uy nhật lệ, Quỳnh đài nghìn năm tráng lệ
Âm phù sẵn có, thánh đức sáng ngời, Hoa huyên muôn dân khang.

笠印自古樓臺物華天寶
春火現今廟宇人傑地靈

Lạp ấn tự cổ lâu đài, vật hoa thiên bảo
Hương hoả hiện kim miếu vũ, nhân kiệt địa linh.

Từ xưa lạp ấn xuất hiện vật hoa thiên bảo chốn lâu đài
Hiện nay hương hoả địa linh nhân kiệt nơi miếu vũ.

再造一壺新棟宇
重修萬古舊宮庭

Tái tạo nhất hồ tân đống vũ
Trùng tu vạn cổ cựu Cung đình

Tái tạo một bầu Đống vũ đổi
Trùng tu muôn thuở vẫn Cung đình xưa.

歐亞敷天傳四異
樓臺特地屹三宮

Âu Á phu thiên truyền tứ dị

Lâu đài đặc địa ngật tam cung.

Âu, Á khắp nơi truyền bốn sự lạ
Lâu đài được đất cao vút ba cung.

東土降生遭仙景
南邦妙化顯聖宮

Đông Thổ giáng sinh tao tiên cảnh
Nam Bang diệu hoá hiển thánh cung.

Đông Thổ giáng sinh chơi tiên cảnh
Nam Bang diệu hoá tỏ thánh cung.

萬古鴻飛昭偉跡
九天龍爪顯神功

Vạn cổ hồng phi chiêu vĩ tích
Cửu thiên long trảo hiển thần công

Muôn thuở hồng bay lưu dấu lớn
Chín trời rồng lượn để thần công.

巍巍廟貌關郊野
細細濤聲引管弦

Nguy nguy miếu mạo quan giao dã;
Tế tế đào thanh dẫn quản huyền.

Miếu mạo nguy nga nơi đồng ruộng;
Tiếng sóng rì rào tựa sáo đàn.

同坤道含弘母儀天下
休天心遍覆子育倉生

Đồng khôn đạo hàm hoằng, mẫu nghi thiên hạ;
Hưu thiên tâm biến phúc, tử dục thương sinh.

Cùng đạo Khôn khoan độ, xứng mẫu nghi thiên hạ;
Vui lòng Thiên che khắp, muôn dân được trời nuôi.

煙凝寶蓋溪流蓮座都慈香
日麗祇園貝葉金鍾和道嚮

Yên ngưng bảo cái, khê lưu liên toạ đô từ hương;
Nhật lệ chi viên, bối diệp kim chung hoà đạo hưởng.

Sương khói bao trùm Tam Bảo, dòng suối, toà sen đều toả hương lành;
Mặt trời chiếu khắp vườn thiền, lá quý, chuông vàng đều hướng đạo.

龍德正中厥施斯普
神功墨將惟休無疆

Long đức chính trung quyết thi tư phổ;
Thần công mặc tướng duy hưu vô cương.

Đức rồng toả khắp, mọi kiếp phù sinh đều được tế độ;
Công thần chẳng cạn, muôn loài sa giới đều được quyền ngang.

不滅不生貝葉寶花空是色
無邊無量善人福果滿而圓

Bất diệt bất sinh, bối diệp bảo hoa không thị sắc;
Vô biên vô lượng, thiện nhân phúc quả mãn nhi viên.

Không mất không sinh, kinh Bối diệp, kinh Bảo hoa không là có;
Không giới hạn không cùng, theo việc thiện thì phúc quả tràn đầy.

三寶放玉毫而遍照
萬靈鑒法界以莊嚴

Tam bảo phóng ngọc hào nhi biến chiếu;
Vạn linh giám pháp giới dĩ trang nghiêm.

Tam Bảo toả ánh ngọc sáng chiếu khắp mọi nơi;
Vạn linh khắc ghi pháp giới tỏ rõ sự trang nghiêm.

四 生 十 類 皆 瞻 仰
三 途 六 道 免 沉 淪

Tứ sinh thập loại giai chiêm ngưỡng;
Tam đồ lục đạo miễn trầm luân.

Tứ sinh, mười loại đều chiêm ngưỡng;
Tam đồ, sáu đạo thoát cảnh trầm luân.

慧 日 慈 心 持 經 偈
明 月 清 風 伴 禪 門

Tuệ nhật từ tâm trì kinh kệ;
Minh nguyệt thanh phong bạn thiền môn.

Trời sáng lòng từ bi nắm giữ kinh kệ;
Trăng thanh gió mát làm bạn với cửa thiền.

萬 古 綱 常 惟 正 道
百 年 事 業 繫 斯 文

Vạn cổ cương thường duy chính đạo;
Bách niên sự nghiệp hệ tư văn.

Đạo cương thường muôn thuở vẫn là đạo chính;
Sự nghiệp trăm năm gắn chặt với tư văn.

道 德 文 章 參 兩 代
高 堅 前 後 卓 三 綱

Đạo đức văn chương tham lưỡng đại;
Cao kiên tiền hậu trác tam cương.

Đạo đức văn chương được coi là hai đạo lớn nhất;

Bền vững trước hay sau chỉ có ở đạo tam cương.

春回文物聲名地
日朗衣冠禮樂天

Xuân hồi văn vật thanh danh địa;
Nhật lãng y quan lễ nhạc thiên.

Xuân về đất văn vật thêm nổi tiếng;
Ngày sáng trời áo mũ đầy lễ nhạc.

人三綱正九疇敘
天四時行百物生

Nhân Tam cương chính, Cửu trù tự;
Thiên tứ thời hành, bách vật sinh.

Người giữ ngay đạo Tam Cương, Cửu trù được đặt ra;
Trời bốn mùa xoay vần, trăm vật sinh sôi nẩy nở.

至聖至誠純不已
配天配地九無疆

Chí thánh chí thành thuần bất dĩ;
Phối thiên phối địa cửu vô cương.

Bậc chí thánh, lòng thành thực lưu truyền mãi mãi;
Cùng với trời, cùng với đất bền vững dài lâu.

化日光天三代下
春風和氣兩間中

Hoá nhật quang thiên Tam đại hạ;
Xuân phong hoà khí lưỡng gian trung.

Trời quang mây tạnh thời Tam đại;
Xuân phong hoà khí giữa hai bên.

日月光華天復旦
海河清晏世如春

Nhật nguyệt quang hoa thiên phục đán;
Hải hà thanh yến thế như xuân.

Tháng ngày vui tươi trời bừng sáng;
Biển hồ phẳng lặng đời như xuân.

地靈人傑神貽福
化美風淳里有仁

Địa linh nhân kiệt thần di phúc;
Hoá mỹ phong thần lý hữu nhân.

Địa linh nhân kiệt thần để phúc;
Thuần phong mỹ tục làng có nhân.

星出雲興開舜旦
山呼風祝慶堯天

Tinh xuất vân hưng khai Thuấn đán;
Sơn hô phong chúc khánh Nghiêu thiên.

Sao hiện, mây mừng mở đất Thuấn;
Núi hô, gió chúc đẹp trời Nghiêu.

出途藏市遵王道
擊壤歌衢頌帝王

Xuất đồ tàng nhị tuân Vương đạo;
Kích nhưỡng ca cù tụng Đế vương.

Ra đường, vào chợ tôn Vương đạo;
Cầy cấy vang ca tụng Đế vương.

蘭亭佳氣微神瑞
金渚文波識聖恩

Lan đình giai khí trưng Thần thụy;
Kim chử văn ba thức thánh ân.

Đình lan khí tốt hô tên Thần;
Bến vàng văn gợn tưởng ơn Thánh.

翼軫山河高正氣
貉鴻宇宙懍靈聲

Dực Chẩn sơn hà cao chính khí;
Lạc Hùng vũ trụ lẫm linh thanh.

Sao Dực sao Chẩn, non sông cao chính khí;
Tổ tiên lạc Hùng, trời đất dấy linh thanh.

威鎮鶴江寒蜀寇
靈歸龍府福柴庄

Uy trấn Hạc giang, hàn Thục khấu;
Linh quy Long phủ, phúc Sài trang.

Uy trấn giữ ở sông Hạc, giặc Thục khiếp sợ;
Linh ứng quy về Long phủ, thôn Sài đầy phúc.

名將為福神鶴渚牛江顯跡
雙生而兩化龍樓蛟室鍾英

Danh tướng vi phúc thần, Hạc chử Ngưu giang hiển tích;
Song sinh nhi lưỡng hoá, Long lâu Giao thất chung anh.

Danh tướng làm phúc thần, bãi Hạc sông Ngưu hiển tích;
Sinh đôi mà cùng hoá, lầu Long nhà Giao linh thiêng.

鶴江一陣西無蜀
龍府雙歸水有神

Hạc giang nhất trận, tây vô Thục;
Long phủ song quy, thủy hữu Thần.

Sông Hạc một trận, phía tây không còn bóng Thục;
Phủ Long cùng về, dòng sông có linh Thần.

立 德 立 功 不 朽
配 天 配 地 無 疆

Lập đức lập công bất hủ;
Phối thiên phối địa vô cương.

Lập đức lập công danh bất hủ;
Sánh trời sánh đất rộng vô cùng.

望遠能知風浪小
凌空始覺海波平

Vọng viễn năng tri phong lãng tiểu
Lăng không thủy giác hải ba bình.

Nhìn xa mới biết phong lãng nhỏ;
Cao vút thì hay sóng bể bằng.

聖 護 神 扶 柴 邑 圓 成 新 景 色
民 康 族 密 市 庄 英 氣 舊 江 山

Thánh hộ thần phù, Sài ấp viên thành tân cảnh sắc;
Dân khang tộc mật, thị trang anh khí cựu giang sơn.

Thánh che thần giúp, ấp Sài thành cảnh sắc mới;
Dân yên dòng tộc nhiều, trang thị khí linh sông núi xưa.

破 蜀 勳 高 牛 渚 北
扶 雄 名 重 鶴 江 南

Phá Thục huân cao Ngưu chử Bắc;
Phù Hùng danh trọng Hạc giang Nam.

Phá giặc Thục, công lao lớn như bãi Ngưu vùng Bắc;
Giúp vua Hùng, danh trọng như sông Hạc phía Nam.

日月往來談法語
晨昏出入看經文

Nhật nguyệt vãng lai đàm pháp ngữ;
Thần hôn xuất nhập khám kinh văn.

Tháng ngày qua lại bàn Phật pháp;
Sớm tối ra vào đọc kinh văn.

入門口念彌陀佛
到處心持参禮經

Nhập môn khẩu niệm Di đà phật;
Đáo xứ tâm trì tham Lễ Kinh.

Vào thiền miệng niệm Di đà phật;
Khắp chốn tâm bền đọc Kinh lễ.

月影依稀魚躍影
風聲彷彿馬斯聲

Nguyệt ảnh y hy ngư dược ảnh;
Phong thanh phảng phất mã tư thanh.

Ánh trăng lờ mờ nhìn thấy bóng cá quẫy;
Tiếng gió phảng phất nghe được tiếng ngựa hí.

地下迷津開覺路
人間苦海渡慈航

Địa hạ mê tân khai giác lộ;
Nhân gian khổ hải độ từ hàng.

Bến mê dưới đất mở đường giác ngộ;

Biển khổ nhân gian vượt bến từ bi.

功 德 留 傳 天 古 念
石 碑 記 鑒 億 年 香

Công đức lưu truyền thiên cổ niệm;
Thạch bi ký giám ức niên hương.

Công đức lưu truyền nghìn năm nhớ;
Bia đá khắc ghi muôn thuở thơm.

東 土 億 年 崇 佛 法
南 越 千 秋 奉 如 來

Đông Thổ ức niên sùng Phật Pháp;
Nam Việt thiên thu phụng Như Lai.

Đông Thổ muôn đời tôn sùng Phật Pháp;
Nam Việt nghìn năm thờ phụng Như Lai.

國 家 有 永 山 河 固
佛 道 無 窮 日 月 長

Quốc gia hữu vĩnh sơn hà cố;
Phật đạo vô cùng nhật nguyệt trường.

Quốc gia vững chãi, sông núi trường tồn;
Đạo Phật vô cùng, ngày tháng dài lâu.

偈 德 通 傳 三 界 地
鍾 聲 透 徹 九 重 天

Kệ đức thông truyền tam giới địa;
Chung thanh thấu triệt cửu trùng thiên.

Đức kệ truyền thông cõi tam giới;
Tiếng chuông thấu đến chốn cửu trùng.

慧 日 麗 中 天 一 朵 曇 花 呈 瑞 氣

慈雲覆大地四時法雨潤群生

Tuệ nhật lệ trung thiên, nhất đoá đàm hoa trình thuỵ khí;
Từ vân phú đại địa, tứ thời pháp vũ nhuận quần sinh.

Trời xanh quang đãng không trung, một đoá mây thiền đưa khí tốt;
Mây lành toả khắp mặt đất, bốn mùa mưa pháp giúp quần sinh.

龍德普施一切浮生歸濟渡
神功莫測萬般沙界總權行

Long đức phổ thi, nhất thiết phù sinh quy tế độ;
Thần công mạc trắc, vạn ban sa giới tổng quyền hành.

Đức rồng toả khắp, mọi kiếp phù sinh đều được tế độ;
Công thần chẳng cạn, muôn loài sa giới đều được quyền ngang.

貝葉經成佛教興龍資大德
蓮花瑞現人群普濟仰慈恩

Bối diệp kinh thành, Phật giáo hưng long tư đại đức;
Liên hoa thuỵ hiện, nhân quần phổ tế ngưỡng từ ân.

Kinh bối diệp thành làm cho hưng thịnh phật giáo nhờ đức lớn;
Đài Liên hoa xuất hiện, cứu khắp nhân gian ngưỡng ơn lành.

金身蕩蕩三千世界盡歸依
寶將巍巍百萬天人含敬仰

Kim thân đãng đãng, tam thiên thế giới tận quy y;
Bảo tướng nguy nguy, bách vạn thiên nhân hàm kính ngưỡng.

Thân vàng rộng khắp, ba nghìn thế giới theo về hết;
Bảo tướng vời vợi, trăm vạn người đều ngưỡng mộ tôn thờ.

福生禮義家堂盛
祿進榮花富貴春

Phúc sinh lễ nghĩa gia đường thịnh
Lộc tiến vinh hoa phú quý xuân.

Phúc sinh lễ nghĩa cho nhà thịnh
Lộc nẩy vinh hoa phú quý xuân.

霹靂傳聲庇民果葉深宵夢
大蛇顯跡護國終留舊世勳

Tích lịch truyền thanh, tí dân quả diệp thâm tiêu mộng;
Đại xà hiển tích, hộ quốc chung lưu cựu thế huân.

Sấm sét truyền vang, mộng canh thâu giúp dân no ấm;
Rắn lớn hiển tích, sáng đời trước trợ nước dài lâu.

大孝大忠德重留傳萬古
至情至義道高感化天秋

Đại hiếu đại trung, đức trọng lưu truyền vạn cổ;
Chí tình chí nghĩa, đạo cao cảm hoá thiên thu.

Đại hiếu đại trung, đức trọng lưu truyền vạn cổ;
Chí tình chí nghĩa, đạo cao cảm hoá nghìn năm.

南邦第一洞石壁擎天
珥水自然洲樓臺特地

Nam bang đệ nhất động, thạch bích kình thiên
Nhị thuỷ tự nhiên châu, lâu đài đặc địa.

Động đứng đầu ở Nam Bang, thạch bích ngất trời
Bãi Tự nhiên bên dòng Nhị, lâu đài được đất.

花還水繞陸地蓬瀛
風清月白壺天宇宙

Hoa hoàn thủy nhiễu lục địa Bồng Doanh
Phong thanh nguyệt bạch hồ thiên vũ trụ.

Hoa thơm nước lượn cõi Bồng Doanh
Gió mát trăng thanh trời vũ trụ.

慢 犊 夜 澤 皆 存 跡
廟 宇 樓 臺 有 古 終

Mạn Trù, Dạ Trạch giai tồn tích
Miếu Vũ, Lâu Đài hữu cổ chung.

Mạn Trù[1], Dạ Trạch[2] nay còn đó
Miếu Vũ, Lâu Đài vẫn xưa nay.

龍 爪 兜 乖 扶 光 復
杖 笠 靈 聲 立 瀛 蓬

Long trảo đâu quai phù Quang Phục
Trượng lạp linh thanhlập Doanh Bồng.

Vuốt Rồng trao lại phù Quang Phục[3]
Trượng lạp[4] linh thanh lập Doanh Bồng[5]

一 簇 樓 臺 春 色 媚
九 天 霓 舞 樂 聲 高

Nhất thốc lâu đài xuân sắc mị
Cửu thiên nghê vũ nhạc thanh cao

---

[1] Mạn Trù: Chưa rõ.

[2] Dạ Trạch: Đầm Dạ Trạch (tức đầm Nhất Dạ hay còn gọi đầm Một Đêm). Nay thuộc xã Đa Hoà huyện Châu Giang tỉnh Hải Hưng (Hưng Yên).

[3] Quang Phục: Tức Triệu Quang Phục người huyện Chu Diên, mẹ là Nguyễn Thị Hựu, sau khi vua Lý Nam Đế mất xưng Nam Việt Quốc Vương tức Triệu Việt Vương (làm vua từ năm 549 – 570).

[4] Trượng lạp: Có nghĩa là chống gậy, úp nón. (Theo tích Chử Đồng Tử và Tiên Dung công chúa một ngày nọ trở về đầm Dạ Trạch, trời đã xế chiều bèn chống gậy úp nón nghỉ; bống đâu nơi ấy biến thành một tòa lâu đài rộng lớn, binh mã huyên náo...(trích truyện Chử Đạo Tử trong Hội Chân Biên của Thanh Hoà Tử).

[5] Doanh Bồng: Cõi tiên ở.

Một chốn lâu đài xuân sắc đẹp
Chín cõi múa ca nhạc thanh cao.

廟萃五王神陟降
朝經百代帝嘉封

Miếu tụy ngũ vương thần trắc giáng;
Triều kinh bách đại đế gia phong.

Miếu rợp năm vua, Thần thăng giáng;
Triều trải trăm đời, Vua gia phong.

道若路然得其門而入
聖即天地不可階而升

Đạo nhược lộ nhiên, đắc kỳ môn nhi nhập
Thánh tức thiên dã, bất khả giai nhi thăng[1]

Đạo tựa lối đi, được đường hướng thì vào;
Thánh tức trời vậy, chẳng thể leo mà lên.

逝水有如斯文武衣冠王侯第宅
高山長仰止三關閫奥數仞宮墻

Thệ thuỷ hữu như tư, văn vũ y quan, vương hầu đệ trạch
Cao sơn trường ngưỡng chỉ, Tam quan khổn áo, sổ nhẫn cung tường[2]

Nước chẩy cũng như vậy, áo mũ các quan, lầu phòng vua chúa;
Non cao trông vời vợi, uy nghiêm ba cửa, nhà học mấy tầm.

---

[1] Câu đối ở Văn Miếu, Hà Nội.

[2] Câu đối ở Văn Miếu, Hà Nội.

CHÚC MỪNG VIẾNG THĂM

保身保物保財產
利己利人利國家
Bảo thân bảo vật bảo tài sản.
Lợi kỷ lợi nhân lợi quốc gia.
Giữ thân giữ vật giữ tài sản.
Lợi mình lợi người lợi nước nhà.

大禍之時未受苦
防災而後更知甜
Đại hoạ chi thời vị thụ khổ.
Phòng tai nhi hậu cánh tri điềm.
Phải thời đại hoạ chưa từng khổ.
Sau lúc phòng tai mới thấy hay.

無由祈禱神難佑
有靠保安定勝天
Vô do kỳ đảo thần nan hựu.
Hữu kháo bảo an định thắng thiên.
Khấn cầu không cớ, thần khôn giúp.
Bảo an đã cậy người thắng trời.

千家保險千家樂
萬户平安萬户歡
Thiên gia bảo hiểm thiên gia lạc.
Vạn hộ bình an vạn hộ hoan.
Ngàn nhà bảo hiểm ngàn nhà sướng.
Vạn hộ bình yên vạn hộ vui.

勤儉千家多富有

防災萬户報平安
Cần kiệm thiên gia đa phú hữu.
Phòng tai vạn hộ báo bình an.
Cần kiệm nghìn nhà lắm giầu có.
Phòng tai muôn hộ báo bình an.

勤勞門第春來早
保險人家富自多
Cần lao môn đệ xuân lai tảo.
Bảo hiểm nhân gia phú tự đa.
Siêng năng con cháu, xuân về sớm.
Bảo hiểm nhà nhà, phúc sẽ nhiều.

平安無事多宜國
一旦有災可保安
Bình an vô sự đa nghi quốc.
Nhất đán hữu tai khả bảo an
Bình an vô sự, nước nên lo.
Tai hoạ sảy ra nhà sẽ ổn.

順境防災需保險
居安無事要思危
Thuận cảnh phòng tai nhu bảo hiểm.
Cư an vô sự yếu tư nguy.
Theo cảnh phòng tai, cần bảo hiểm.
Ở yên vô sự, nhớ khi nguy.

鳥入吉林多富瑞
人臻壽域賴安全
Điểu nhập cát lâm đa phúc thuỵ.
Nhân trăn thọ vực lại an toàn.
Chim thấy đất lành bay đến đậu.
Người giữ an toàn tuổi thọ cao.

不可林崖才勒馬

莫教賊走始關門
Bất khả lâm nhai tài lặc mã.
Mạc giáo tặc tẩu thuỷ quan môn.
Không thể mừng quanh tài khiến ngựa.
Chớ giặc chạy rồi cổng mới xây.

奉勸日前休惜費
管教事後保無災
Phụng khuyến nhật tiền hưu tích phí.
Quản giáo sự hậu bảo vô tai.
Xin sớm khen ai đừng tiếc của.
Để sau việc sảy tránh tai ương.

寧以千金于保險
豈可一日不防災
Ninh dĩ thiên kim vu bảo hiểm.
Khởi khả nhất nhật bất phòng tai.
Thà lấy ngàn vàng gửi bảo hiểm.
Chớ nên một buổi chẳng phòng tai.

花少許前君莫惜
得多助處自無憂
Hoa thiểu hứa tiền quân mạc tích.
Đắc đa trợ xứ tự vô ưu.
Hoa ít tiền mua xin, chớ tiếc.
Được nhiều nơi giúp, tự không lo.

自古無先知誰能免禍
而今有保險我可救災
Tự cổ vô tiên tri thuỳ năng miễn hoạ.
Nhi kim hữu bảo hiểm ngã khả cứu tai.
Tự cổ chẳng tiên tri, ai hay khỏi hoạ.
Ngày nay có bảo hiểm ta được cứu tai.

蟻穴潰堤土漸防微宜趁早

沉痾致命訪賢療疾莫延遲
Nghĩ huyệt hội đê thổ tiệm phòng vi nghi sấn tảo.
Trầm kha chí mệnh phỏng hiền liệu tật mạc diên trì.
Tổ kiến vỡ đê, bịt kín lỗ rò, nên kịp sớm.
Ốm đau gần chết, tìm thầy chữa bệnh chớ lần khân.

謹慎行船莫到危時才補漏
運籌生計安能渴甚始掘井
Cẩn thận hành thuyền mạc đáo nguy thời tài bổ lậu.
Vận trù sinh kế an năng hát thậm thuỷ quật tỉnh.
Lái thuyền cẩn thận, chớ để lúc nguy, rò mới vá.
Mưu sinh tính toán, sao hay nước cạn giếng lo đào.

國泰民安太行春早頌長治
鶯歌燕舞皇水情濃慶泰平
Quốc thái dân an Thái Hành xuân tảo tụng trường trị.
Oanh ca yến vũ Hoàng Thuỷ tình nùng khánh thái bình.
Nước thái dân an, Thái Hành xuân sớm ca đời trị.
Oanh ca yến múa, Hoàng Thuỷ tình sâu chúc thái bình.

國運興隆千家萬户頌安順
勁風駭蕩三山五岳唱康寧
Quốc vận hưng long, thiên gia vạn hộ tụng an thuận.
Kình phong hãi đãng tam sơn ngũ nhạc xướng khang ninh
Vận nước đang lên, ngàn nhà vạn hộ khen an thuận.
Sóng to gió lớn, ba non năm núi hát khang ninh.

安全第一八方舒心八處穩
康健當先一路順風一身輕
An toàn đệ nhất bátphương thư tâm bát xử ổn.
Khang kiện đương tiên nhất lộ thuận phong nhất thân khinh.
An toàn trên hết, tám hướng an tâm, tám chỗ ổn.
Sức khoẻ hàng đầu, một đường xuôi gió một thân khinh.

取于民用于民心系萬民憂樂

功在國利在國事關一國長安

Thủ vu dân dụng vu dân tâm hệ vạn dân ưu lạc.
Công tại quốc lợi tại quốc sự quan nhất quốc trường an.
Lấy cho dân, dùng cho dân, quan hệ vạn dân sướng khổ.
Công ở nước, lợi ở nước, liên quan một nước bình yên.

保而無患九州泰
化險爲夷百姓安

Bảo nhi vô hoạn cửu châu Thái.
Hóa hiểm vi di bách tính anh.
Gửi để không lo chín châu ổn.
Hóa khó thành dễ trăm họ yên.

玉屑凝成淡不厭
銀泥厚積淨無塵

Ngọc tiết ngưng thành đạm bất yếm.
Ngân nê hậu tích tĩnh vô trần.
Ngọc vụn ngưng thành nhạt chẳng ngán.
Bạc bùn lắng đọng sạch không dơ.

瓦岳澄來銀有影
金刀割處玉無瑕

Ngoã nhạc trừng lai ngân hữu ảnh.
Kim đao cát xứ ngọc vô hà.
Bình gốm lắng trong ngời ánh bạc.
Dao vàng chỗ cắt ngọc không tì.

君子淡交禪參玉版
民間眞味品重香廚

Quân tử đạm giao thiền tham ngọc bản.
Dân gian chân vị phẩm trọng hương trù.
Quân tử thanh đạm ưa chuộng, ưa chuộng bìa trắng.
Dân gian hợp vị, phẩm quý hương thanh.

明月堪持贈

仁風待奉揚
Minh nguyệt kham trì tặng.
Nhân phong đãi phụng dương.
Trăng sáng đem ra tặng.
Gió nhân đợi được xoè.

妙盾人風剪
新栽對月圓
Diệu thuẫn nhân phong tiễn.
Tân tài đối nguyệt viên.
Khéo giúp khi vắng gió.
Mới may tựa trăng tròn.

清風生掌握
爽氣滿胸圓
Thanh phong sinh chưởng ác.
Sảng khí mãn hung viên.
Gió mát nắm uy quyền.
Sảng khoái đày trong bụng.

影動半輪月
香生一握風
Ảnh động bán luân nguyệt.
Hương sinh nhất ái phong.
Phe phẩy nửa vành trăng.
Hương sinh một trận gió.

不教烈日當頭晒
自有仁風拂面來
Bất giao liệt nhật đương đầu sái.
Tự hữu nhân phong phất diện lai.
Chớ nên ngày nắng dãi phơi đầu.
Sẵn có gió xuân phe phẩy mặt.
舉處隨時消酷暑

動來常伴有清涼

Cử xử tuỳ thời tiêu khốc thử.
Động lai thường bạn hữu thành lương.
Giương lên có thể trừ cơn nắng.
Cử động thường cho trận gió lành.

紫雲張日艷
繡羽帶風飄

Tử vân trương nhật diệm.
Tú vũ đái phong phiêu,.
Mây tía che ngày nắng.
Cảnh đẹp cuộn gió bay.

千顆碎珠寒帶雪
半身柔翠冷披煙

Thiên khoả toái châu hàn đới tuyết.
Bán thân nhu thuý lãnh phi yên.
Trời tuyết lạnh hàng ngàn ngọc vụn.
Hơi lạnh bay thấy ấm nửa người.

任是滂沱至大道
偏能坦蕩到光天

Nhậm thị bàng đà chí đại đạo.
Thiên năng thản đãng đáo quang thiên.
Gặp mưa tầm tã trên đường lớn.
Vẫn hay bình thản đợi trời quang.

往來宛似祥雲覆
出入何嫌細雨淋

Vãng lai uyểntự tường vân phúc.
Xuất nhập hà hiềm tế vũ lâm.
Ung dung khép mở mây lành phủ.
Há ngại ra vào mưa bụi bay.

鐵骨根根撐苦雨

絹花朵朵蔽驕陽
Thiết cốt căn căn xanh khổ vũ.
Quyên hoa đoá đoá tế kiêu dương.
Cốt sắt từng nan đỡ khổ mưa.
Lụa hoa mỗi mảnh che trời nắng.

虛心原具沖風力
瘐骨由懷向日心
Hư tâm nguyên cụ xung phong lực.
Sấu cốt do hoài hướng nhật tâm
Bụng rỗng vẫn thừa hơi căng gió.
Xương mai còn nhớ hướng lên trời.

不愁夕陽去
還有夜珠來
Bất sầu tịch dương khứ.
Hoàn hữu dạ châu minh.
Chẳng lo nắng chiều tắt.
Sẵn có dạ minh châu,.

閃影同天笑
流光奪月輝
Thiểm ảnh đồng thiên tiếu.
Lưu quang đoạt nguyệt huy.
Lấp lánh cười với trời.
Vẻ sáng ,mờ vầng nguyệt.

光輝九天能奪月
輝煌一室勝懸珠
Quang huy cửu thiên năng đoạt nguyệt.
Huy hoàng nhất thất thắng huyền châu.
Sáng láng chín tầng trăng cũng kém
Huy hoàng một cửa ngọc còn thua.

百尺高懸如皎月

一燈遠照若明星
Bách xích cao huyền như giảo nguyệt.
Nhất đăng viễn chiếu nhược minh tinh.
Trăm thước treo cao tựa ánh trăng.
Một ngọn chiếu xa như sao sáng.

丰富文化生活
有益身心健康
Phong phú văn hoá sinh hoạt.
Hữu ích thân tâm kiện khang.
Dồi dào sinh hoạt văn hoá.
Giúp cho khoẻ khoắn tinh thần.

書畫詩歌頌大治
吹拉彈唱慶升平
Thư hoạ thi ca tụng đại trị.
Suy lạp đàn xướng khánh thanh bình.
Thư hoạ thư ca mừng dại trị.
Sáo đàn hát xướng chúc thanh bình.

金谷園中羅錦繡
玉樓天半起生歌
Kim cốc viên trung la cẩm tú.
Ngọc lâu thiên bán khởi sinh ca.
Hang vàng khắp vườn bầy gấm vóc.
Lầu ngọc lưng trời rộn hát ca.

畫印詩書娛遠志
琴棋肅笛養精神
Họa ấn thi thư ngộ viễn chí.
Cầm kỳ tiêu địch dưỡng tinh thần.
Hội hoạ văn thơ quên chí hướng.
Đàn cờ tiêu sáo dưỡng tinh thần.

説唱彈拉度周末

書刪影視偕工余
Thuyết xướng đàn lạp độ chu mạt.
Thư san ảnh thị giai công dư.
Nghe hát chơi đàn, tuần ngày cuối.
Xem phim đọc sách, lúc giờ dư.

今人能爲古人曲
聽者當知彈者情
Kim nhân năng vị cổ nhân khúc.
Thính giả đương tri đàn giả tình.
Người nay khúc soạn vì người xưa.
Khách nghe đàn thấu tình kẻ dạo.

天然圖畫
一曲陽春
Thiên nhiên đồ hoạ.
Nhất khúc dương xuân,.
Bức vẽ thiên nhiên.
Dương xuân một khúc.

古今眞樂府
天地大梨園
Cổ kim chân lạc phủ.
Thiên địa đại lê viên.
Nhạc phủ đúng xưa nay.
Sân khấu lớn giữa trời.

傳神眞寶鏡
寫意大文章
Truyền thần chân bảo kính.
Tả ý đạivăn chương.
Lột được đúng thần người.
Tả hết ý văn chương.

明月臨歌扇
新花艷舞衣
Minh nguyệt lâm ca phiến.
Tân hoa diệm vũ y.
Trăng sáng chiếu sàn diễn.
Hoa tươi đẹp vũ y.

清歌凝白雪
妙舞散紅霞
Thanh ca ngưng bạch tuyết
Diệu vũ tán hồng hà.
Ca tụng ngưng tuyết trắng.
Múa đẹp tản ráng hồng.

玉樓天半笙歌起
蓬島仙班笑話和
Ngọc lâu thiên bán sinh ca khởi.
Bồng đảo tiên ban tiếu thoại hoà.
Lầu ngọc lưng trời đàn sáo rộn.
Bồng đảo bày tiên cất tiếng ca.

借虛事指點實事
托古人提醒今人
Tá hư sự chỉ điểm thực sự.
Thác cổ nhân đề tỉnh kim nhân.
Đem chuyện bịa rạch ròi chuyện thực.
Mượn người xưa thức tỉnh người nay.

怒罵笑啼皆學問
悲歡歸去盡人情
Nộ mạ tiếu đề giai học vấn.
Bi hoan quy khứ tận nhân tình.
Mắng giận khóc cười, đều phải học.
Buồn vui đi lại thực tình người.

假笑啼中眞面目
新歌舞里舊衣冠
Giả tiếu đề trung chân diện mục.
Tân ca vũ lý cựu y quan.
Trong cười khóc giả, thực diện mạo.
Chốn ca múa mới, cũ xiêm y.

欲知世上觀臺上
不識今人看古人
Dục tri thế thượng quan đài thượng.
Bất thức kim nhân khán cổ nhân.
Việc đời muốn biết xem sân khấu.
Người nay không hiểu ngắm người xưa.

有聲畫譜描人物
無自文章爲古人
Hữu thanh hoạ phổ miêu nhân vật.
Vô tự văn chương tả cổ nhân.
Hoạ phổ có lời vẽ nhân vật.
Văn chương không chữ tả xưa nay.

能令公喜能令公怒
歌也有懷哭也有思
Năng lệnh công hỷ năng linh công nộ.
Ca dã hữu hoài khốc dã hữu tư.
Hay khiến ông mừng, hay khiến ông giận.
Hát vậy có tâm, khóc vậy có tình.

不大地方可國可家可天下
平常人物爲將爲相爲名神
Bất đại địa phương khả quốc khả gia khả thiên hạ.
Bình thường nhân vật vi tương vi tướng vi danh thần.
Mảnh sân không rộng, đấy nước, đấy nhà, đấy thiên hạ.
Nhân vật bình thường, là quan là tướng , là danh thần.

天風鳴爽籟
韻語滌塵襟
Thiên phong minh sảng lại.
Vận ngữ địch trần khâm.
Gió trời thổi ống sáo.
Vần điệu gột bụi trần.

與客笑言風月事
盡人評説古今情
Dữ khách tiếu ngôn phong nguyệt sự.
Tận nhân bình thuyết cổ kim tình.
Cùng khách nói cười chuyện trăng gió.
Với người bình luận tình xưa nay.

拍案驚奇牽魂魄
章回説岳辨忠姦
Phách án kinh kì khiên hồn phách.
Chương hồi thuyết nhạc biện trung gian.
Vỗ án ghê thay dẫn hồn phách.
Chương hồi thuyết lý biện ngay gian.

眞眞假假調情理
假假眞眞勸世人
Chân chân giả giả điều tình lý.
Giả giả chân chân khuyến thế nhân.
Chân chân giả giả cũng tình lý.
Giả giả chân chân khuyên thế gian.

啓只陽春欣白雪
更多下里樂巴人
Khởi chỉ dương xuân hân bạch tuyết.
Cánh đa hạ lý lạc ba nhân.
Đâu chỉ dương xuân ưa bạch tuyết. (hai khúc nhạc cổ)
Còn nhiều hạ lý chuộng ba nhân. (hai khúc hát cổ)

說古談今神情畢肖
鳴箏弄策風月無邊
Thuyết cổ đàm kim thần tình tất tiếu.
Minh tranh lộng sách phong nguyệt vô biên.
Nói xưa bàn nay thần trí tiêu tan.
Gảy đàn dỡn thẻ gió trăng vô hạn.

把古往今來重新說起
將悲歡離合再敘從頭
Bả cổ vãng kim lai, trùng tân thuyết khởi.
Tương bi hoan ly hợp, tái tự tòng đầu
Lượm chuyện cũ việc nay, đề ra thuyết mới.
Đem vui buồn tan hợp, kể lại từ đầu.

三寸舌談古論今活靈活現
一尺木表忠伐逆越說越奇
Tam thốn thiệt đàm cổ luận kim hoạt linh hoạt hiện.
Nhất xích mộc điểu trung phạt nghịch việt thuyết việt kỳ.
Ba tấc lưỡi bàn xưa, luận nay, thoắt ẩn thoắt hiện.
Một cây gậy tỏ trung, đánh giặc, càng nói càng kỳ.

從容施葯
厚朴行醫
Thung dung thi dược
Hậu phác hành y.
Thung dung[1] cắt thuốc.
Hậu phác[2] hành y.

岐黄事業
菩薩心腸
Kỳ hoàng sự nghiệp.

---

[1] Tên hai vị thuốc

[2] Tên hai vị thuốc

Bồ tát tâm trường.
Sự nghiệp Kỳ, Hoàng[1].
Tấm lòng Bồ Tát.

尋氣如尋病
逐愁便逐災
Tầm khí như tầm bệnh.
Trục sầu tiện trục tai.
Tìm khí như tìm bệnh.
Đuổi sầu sẽ đuổi tai.

但愿人皆健
何妨我獨貧
Đản nguyện nhân giai kiện.
Hà phương ngã độc bần.
Chỉ muốn mọi người khoẻ.
Sao hỏi riêng ta nghèo.

苦心求妙述
圣手去沉痾
Khổ tâm cầu diệu thuật.
Thánh thủ khứ trầm kha.
Khổ tâm cầu thuật giỏi.
Tay thánh dứt bệnh lâu

讀史常懷經世略
檢方更著活人書
Độc sử thường hoài kinh thế lược.
Kiểm phương cánh trước hoạt nhân thư.
Đọc sử những mong thông xử thế.
Tìm phương nhằm soạn sách cứu người.

我以公余詢疾苦

---

[1] Kỳ Bá và Hoàng Đế là hai vị tổ của đông y dược Trung Quốc.

君將仁述去瘡痍
Ngã dĩ công dư tuần tật khổ.
Quân tương nhân thuật khứ sang di.
Ta lấy lúc nhàn thăm bệnh tật.
Ông đem nhân thuật chữa thương đau.

妙葯銀針除病痛
丹心聖手保安康
Diệu dược ngân trâm trừ bệnh thống.
Đan tâm thánh thủ bảo an khang.
Thuốc hay, trâm bạc, trừ đau bệnh.
Lòng son, tay thánh, giữ an khang.

濟世風清醫國手
通方愿是讀書人
Tế thế phong thành y quốc thủ.
Thông phương nguyện thị độc thư nhân.
Chữa bệnh nổi danh thầy cả nước.
Phương hay nhờ ở sách xem nhiều.

暢通渠道
廣辟財源
Sướng thông cừ đạo.
Quảng tịch tài nguyên.
Khơi thông mương máng.
Mở rộng tài nguyên.

爲四方顧客
立三尺拒臺
Vị tứ phương cố khách.
Lập tam xích cự đài.
Vì khách hàng bốn phương.
Dựng lầu cao ba thước.

城招天下客

香引動中仙
Thành chiêu thiên hạ khách.
Hương dẫn động trung tiên.
Vui đón khách thhiên hạ.
Hương đưa người động tiên.

多想生財道
廣開致富門
Đa tưởng sinh tài đạo.
Quảng khai chí phú môn.
Nghiền ngẫm đường sinh lợi.
Mở rộng cửa làm giàu.

喜集八方化
笑迎四海賓
Hỷ tập bát phương hoá.
Tiếu nghinh tứ hải tân.
Gom hành hoá tám phương.
Đón khách hàng bốn biển.

為人民服務
開企業財源
Vị nhân dân phục vụ
Khai xí nghiệp tài nguyên.
Vị nhân dân phục vụ.
Mở tài nguyên xí nghiệp.

通八方信息
聚四海資財
Thông bát phương tín tức.
Tụ tứ hải tư tài.
Thông tin tức tám phương.
Lượm tiền của bốn biển.

物美昌銷路

價廉稱客心

Vật mỹ xương tiêu lộ.
Giá liêm xứng khách tâm.
Hàng đẹp dễ tiêu thụ.
Giá rẻ khách vừa lòng.

琳良满目貨
買賣稱心門

Lâm lương mãn mục hoá.
Mãi mại xứng tâm môn.
Hàng rực rỡ ngợp mắt.
Giá mua bán vừa lòng.

通商重信義
和眾得安康

Thông thương trọng tín nghĩa.
Hoà chúng đắc an khang.
Buôn bán trọng tín nghĩa.
Hoà nhã được an khang.

昌期開景遠
泰象啓陽春

Xương kỳ khai cảnh viễn.
Thái tượng khải dương xuân.
Thời thịnh mở viễn cảnh.
Tượng thái chỉ đầu xuân.

吉星欣在店
祥藹喜盈門

Cát tinh hân tại điếm.
Tường ái hỷ doanh môn
Sao tốt vui ở điếm.
Mây lành mừng đầy nhà.

貨物任挑選

經商通有無
Hoá vật nhậm khiêu tuyển.
Kinh thương thông hữu vô.
Hàng hóa qua chọn lựa.
Kinh doanh biết có không.

貨好門如市
心公客自來
Hoá hảo môn như thị.
Tâm công khách tự lai.
Hàng tốt cửa như chợ.
Công tâm khách khỏi mời.

生意興隆通四海
財源茂盛達三江
Sinh ý hưng long thông tứ hải.
Tài nguyên mậu thịnh đạt tam giang.
Buôn bán hưng vượng thông bốn biển.
Tài nguyên phồn thịnh nối ba sông.

財如曉日騰雲起
利自春潮帶雨來
Tài như hiểu nhật đằng vân khởi.
Lợi tự xuân trào đới vũ lai.
Tiền như ngày đẹp cưỡi mây bay.
Lợi tựa triều xuân đem nước tới.

門迎曉日財源廣
户納春風吉慶多
Môn nghinh hiểu nhật tài nguyên quảng.
Hộ nạp xuân phong cát khánh đa.
Cửa chào ngày sớm tài nguyên lắm.
Nhà đón gió xuân cát khánh nhiều.

名碑譽滿三江水

好貨能招四海賓

Danh bi dự mãn tam giang thuỷ.
Hảo hoá năng chiêu tứ hải tân.
Danh bia tiếng ngập nước ba sông.
Hàng tốt hay thu khách bốn biển.

事與人便人稱便
貨招客来客自来

Sự dữ nhân tiện nhân xưng tiện.
Hoá chiêu khách lai khách tự lai.
Việc cho người tiện người khen tiện.
Hàng kéo khách về khách tự về.

東無西有通無有
我需你求供需求

Đông vô tây hữu thông vô hữu.
Ngã nhu nhĩ cầu cung nhu cầu.
Đông không tây có thông không có.
Tôi cung anh cầu cùng cung cầu.

文明經商生意好
禮貌待客光顧多

Văn minh kinh thương sinh ý hảo.
Lễ mạo đãi khách quang cố đa.
Kinh doanh văn minh buôn bán tốt.
Nhã nhặn với khách chiếu cố đông.

國增財富店增貨
柜滿春風客滿門

Quốc tăng tài phú điếm tăng hoá.
Cự mãn xuân phong khách mãn môn.
Nước tăng giàu có quán tăng hàng.
Nhà đầy gió xuân khách đầy cửa.

門市笑迎遠近客

柜臺喜納城鄉人
Môn thị tiếu nghinh viễn cận khách.
Cự đài hỷ nạp thành hương nhân.
Cổng chợ vui đón khách xa gần.
Lầu cao mừng thấy người làng phố.

三尺柜臺傳暖意
一張笑臉帶春風
Tam xích cự đài truyền noãn ý.
Nhất trương tiếu kiểm đới xuân phong.
Ba thước lầu cao truyền ý tốt.
Một nụ cười tươi chứa gió xuân.

互濟有無需貿易
廣交朋友促供銷
Hỗ tế hữu vô nhu mậu dịch;
Quảng giao bằng hữu xúc cung tiêu.
Cùng chở có không cần mậu dịch.
Rộng chơi bầu bạn đẩy cung tiêu.

門市不缺應時貨
營業常存周到心
Môn thị bất thuyết ưng thời hoá.
Doanh nghiệp thường tồn chu đáo tâm.
Cửa chợ không thiếu hàng hợp thời.
Doanh nghiệp có thừa lòng chu đáo.

服務人民多供應
支援建設積資金
Phục vụ nhân dân đa cung ứng.
Chi viện kiến thiết tích tư kim.
Phục vụ nhân dân cung ứng lắm.
Góp công xây dựng vốn cần nhiều.

東購西銷調多補少

南装北運以有易無
Đông cấu tây tiêu điều đa bổ thiểu.
Nam trang bắc vận dĩ hữu dịch vô.
Tây bán đông mua, thiếu thừa điều chỉnh.
Nam cần bắc chuyển, không có đổi trao.

一點公心平似水
十分生意穩如山
Nhất điểm công tâm bình tự thuỷ.
Thập phần sinh ý ổn như sơn.
Một điểm công tâm ổn như nước.
Mười phần buôn bán vững như non.

貨物齊全選挑不厭
價錢公道老少無欺
Hoá vật tề toàn tuyển khiêu bất yếm.
Giá tiền công đạo lão thiếu vô khi.
Hàng hoá tốt đều, chọn lựa không ngán.
Giá tiền giữ chung, già trẻ chẳng khinh.

交流會上花如錦
生意行中客滿門
Giao lưu hội thượng hoa như cẩm.
Sinh ý hành trung khách mãn môn.
Trong hội giao lưu hoa tựa gấm.
Ở nơi buôn bán khách đầy nhà.

靈活經營財源茂盛
薄利多銷生意興隆
Linh hoạt kinh doanh tài nguyên mậu thịnh.
Bạc lợi đa tiêu sinh ý hưng long.
Kinh doanh linh hoạt, phồn thịnh tài nguyên.
Lãi ít bán nhiều, chấn hưng buôn bán.

經商信義堅如鐵

謀利毫厘薄似雲
Kinh thương tín nghĩa kiên như thiết.
Mưu lợi hào ly bạc tự vân.
Kinh doanh tín nghĩa cứng như thép.
Mưu lợi hào ly mỏng tựa mây.

禮謙宜貿無論東南西北
應時便民當分春下秋東
Lễ khiêm nghi mậu vô luận đông nam tây bắc.
Ứng thời tiện dân đương phân xuân hạ thu đông.
Lễ nghi đúng mực chẳng kể đông nam tây bắc.
Đúng thời tiện dân phải phân xuân hạ thu đông.

喜待東西南北客
樂談姐妹弟兄情
Hỷ đãi đông tây nam bắc khách.
Lạc đàm thư muội đệ huynh tình.
Mừng đón khách đông tây nam bắc.
Vui ôn tình anh em chị em.

以天下爲己任丹心似火
把顧客當親人笑臉如春
Dĩ thiên hạ vi kỷ nhiệm đan tâm tự hoả.
Bả cố khách đương thân nhân tiếu kiểm như xuân.
Lấy thiên hạ làm việc mình lòng son tựa lửa.
Coi khách hàng như người thân cười tươi như xuân.

五洲信息靈通風馳電掣
四海財源發達雨聚雲蒸
Ngũ châu tín tức linh thông phong trì điện xiết.
Tứ hải tài nguyên phát đạt vũ tụ vân chưng.
Tinh thông tin tức năm châu, gió lay chớp giật.
Thu thập tài nguyên bốn biển, mây tụ mưa vần.

進店來人人滿意

出門去個個稱心
Tiến điếm lai nhân mãn ý.
Xuất môn khứ cá cá xứng tâm.
Vào nhà hàng, người người xứng ý.
Ra khỏi cửa, kẻ kẻ vui lòng.

眼觀六路分析市場變化
耳聽八方弄清群眾需求
Nhãn quan lục lộ phân tích thị trường biến hoá.
Nhĩ thính bát phương lộng thanh quần chúng nhu cầu.
Mắt nhìn sáu ngả, phân tích thị trường biến diễn.
Tai nghe tám hướng, nhận ra quần chúng nhu cầu.

百問不煩百拿不厭
笑容常展笑口常開
Bách vấn bất phiền bách nã bất yếm.
Tiếu dung thường triển tiếu khẩu thường khai.
Trăm hỏi chẳng phiền, trăm đòi chẳng ngán.
Nét mặt thường tươi, nụ cười thường nở.

語似春風吹暖四方八面
心如爐火映紅萬户千家
Ngữ tự xuân phong suy noãn tứ phương bát diện.
Tâm như lô hoả ánh hồng vạn hộ thiên gia.
Lời tựa gió xuân, thổi ấm bốn phương tám hướng.
Lòng như bếp lửa, soi hồng muôn hộ nghìn nhà.

春滿柜臺五光四色
貨盈櫥架萬紫千紅
Xuân mãn cự đài ngũ quang thập sắc.
Hoá doanh trù hạ vạn tử thiên hồng.
Lầu quán đầy xuân năm màu mười sắc.
Hàng bầy chật tủ muôn tía nghìn hồng.

細語笑顏待客最需重禮貌

耐心誠意經商貴在講文明
Tế ngữ tiếu nhan đãi khách tiếu nhu trong lễ mạo;
Nại tâm thành ý kinh thương quý tại giảng văn minh.
Cười nói nhẹ nhàng, tiếp khách rất cần coi trọng lễ.
Ý tình nhẫn nại, kinh doanh quý ở có văn minh.

文明經商丹心似火三東暖
禮貌待客笑臉如春一店春
Văn minh kinh thương đan tâm tự hoả tam đông noãn.
Lễ mạo đãi khách tiến kiểm như xuân nhất điếm hương.
Kinh doanh văn minh, lòng son tựa lửa ấm ba đông.
Lễ phép đón mời, vẻ mặt như xuân thơm một cửa.

經營有術不在店堂大與小
貿易無欺全憑貨物美與眞
Kinh doanh hữu thuật bất tại điếm đường đại dữ tiểu.
Mậu dịch vô khi toàn bằng hoá vật mỹ dữ chân.
Kinh doanh có thuật, cửa hàng đâu ở nhỏ hay to.
Mậu dịch không lừa, hàng hoá phải là thật và đẹp.

貨有急時需有略自然無患
誠爲聚財本積少可以成多
Hoá hữu cấp thời nhu hữu lược tự nhiên vô hạn.
Thành vi tụ tài bản tích thiểu khả dĩ thành đa.
Hàng phải kịp thời trù tính trước tự nhiên khỏi lo.
Của cần tích luỹ vốn từ nhỏ có thể thành lớn.

曉日騰雲財源拾似泉中水
春風送雨生意如同錦上花
Hiểu nhật đằng vân tài nguyên thập tự tuyền trung thuỷ.
Xuân phong tống vũ sinh ý như đồng cẩm thượng hoa.
Sáng sớm cưỡi mây, tài nguyên tựa suối nguồn nước chảy.
Gió xuân mưa tiễn, buôn bán như gấm dệt hoa thêu.

物美價廉顧客如雲爭購買

貨眞質好來賓似雨喜分銷
Vật mỹ giá liêm cố khách như vân tranh cấu mãi.
Hoá chân chất hảo lai tân tự vũ hỷ phân tiêu.
Của đẹp giá hời, tranh mua khách đến tựa mây dồn.
Hàng thật chất tốt, muốn sắm người đi như nước chảy.

線腦計頭小商品百挑不厭
布匹家電大路貨日色俱全
Tuyến não châm đầu tiểu thương phẩm bách khiêu bất yếm.
Bố sất gia điện đại lộ hoá nhất sắc câu toàn.
Chỉ buộc kim cài mặt hàng vặt, trăm chọn không ngán.
Vải vóc đồ điện, vật dụng to, một vẻ vẹn toàn.

四壁騰輝星羅棋布
入面生春霞蔚雲蒸
Tứ bích đằng huy tinh la kỳ bố.
Bát diện sinh xuân hà uất vân trưng.
Bốn vách rực rỡ, hàng bày la liệt.
Tám mặt tươi vui, ráng mây huy hoàng.

服務人民南北貨任君挑選
支援生產城鄉情由我溝通
Phục vụ nhân dân nam bắc hoá nhiệm quân khiêu tuyển.
Chi viện sinh sản thành hương tình do ngã câu thông.
Hàng nam bắc phục vụ nhân dân, xin ông lựa chọn.
Giúp phố làng chi viện sản xuất, việc tôi điều hành.

有道經營貨略五湖四海
周全服務心懷萬户千家
Hữu đạo kinh doanh hoá lược ngũ hồ tứ hải.
Chu toàn phục vụ tâm hoài vạn hộ thiên gia.
Kinh doanh có đạo, hàng đến tận năm hồ bốn biển.
Phục vụ chu toàn, lòng nghĩ về vạn hộ muôn nhà.

貨好譽千家不愧誠中取利

樓高盈百尺長從微處便民
Hoá hảo dự thiên gia bất quý thành trung thủ lợi.
Lâu cao doanh bách xích trường tòng vi xứ tiện dân.
Hàng tốt nghìn nhà khen, chẳng thẹn phố phường kiếm lợi.
Lầu cao trên trăm thước, vẫn đi ngõ hẹp dân nghèo.

百貨商店店里百貨如意店
一顆紅心心中一顆爲民心
Bách hoá thương điếm, điếm lý bách hoá, như ý điếm.
Nhất khoả hồng tâm, tâm trung nhất khoả, vị dân tâm.
Bách hoá thương hiệu, hiệu đủ bách hoá, đẹp lòng hiệu
Một tấm thịnh tình, tình dù một tấm, vì dân tình.

精美齊全銷春下秋冬之貨
熱情周到迎冬西南北之人
Tinh mỹ tề toàn tiêu xuân hạ thu đông chi hoá.
Nhiệt tình chu đáo nghinh đông tây nam bắc chi nhân.
Tinh xảo giống nhau, hàng bán thu đông xuân hạ.
Nhiệt tình chu đáo, đón người nam bắc đông tây.

雲錦天仙織
霓裳巧婦裁
Vân cẩm thiên tiên chức.
Nghê thường xảo phụ tài.
Mây gấm tiên trời dệt.
Xiêm áo vợ khéo may.

紫白紅黃皆悦目
麻棉毛葛總人時
Tử bạch hồng hoàng giai duyệt mục.
Ma miên mao cát tổng nhân thời.
Tía trắng hồng vàng đều đẹp mắt.
Gai đay tơ vải cũng theo thời.

雲霞分五色
錦繡聚千絲
Vân hà phân ngũ sắc.
Cẩm tú tụ thiên ty.
Ráng mây chia năm sắc.
Gấm dệt họp ngàn tơ.

風吐絲綸成五色
龍蟠錦繡燦千花
Phong thổ ty luân thành ngũ sắc.
Long bàn cẩm tú xán thiên hoa.
Gió nhả dây tơ thành ngũ sắc.
Rồng vờn gấm dệt rạng ngàn hoa.

機逐回文巧
花依錦字明
Cơ trục hồi văn xảo.
Hoa y cẩm tự minh.
Khéo may kiểu hồi văn.
Hoa tươi nhờ chữ gấm.

萬國山川藏彩線
四時花鳥貯金針
Vạn quốc sơn xuyên tàng thái tuyến.
Tứ thời hoa điểu trữ kim châm.
Chỉ màu chứa núi sông muôn nước.
Kim khâu gom hoa điểu bốn mùa.

冷暖隨人意
纏綿動客心
Lãnh noãn tuỳ nhân ý.
Triền miên động khách tâm.
Ấm lạnh tuỳ ý người.
Uyển chuyển động lòng khách.

美富文章雲蒸霞蔚
經綸事業錦簇花團
Mỹ phú văn chương vân chưng hà uý.
Kinh luân sự nghiệp cẩm thốc hoa đoàn.
Văn chương phong phú đẹp tựa ráng mây.
Sự nghiệp kinh luân tươi như hoa gấm.

欲知世上經綸美
誠看機斗組織工
Dục tri thế thượng kinh luân mỹ.
Thí khán cơ đầu tổ chức công.
Muốn biết trên đời may mặc đẹp
Thử xem máy móc khéo gia công.

掌握千絲織就中天美錦
胸羅萬象繡成上宛奇葩
Chưởng ác thiên ty chức tưu trung thiên mỹ cẩm.
Hung lạ vạn tượng tú thành thượng uyển kỳ ba.
Nám giữ ngàn tơ, dệt được giữa trời gấm đẹp.
Bụng giàn muôn vẻ, thêu nên thượng uyển kỳ hoa.

尺量神韻
剪得風流
Xích lượng thần vận.
Tiễn đắc phong lưu.
Thước đo khéo léo.
Lưỡi kéo phong lưu.

金針堪度世
玉尺待量才
Kim châm kham độ thế.
Ngọc xích đãi lượng tài.
Kim vàng để giúp đời.
Thước ngọc chờ người giỏi.

金針鳳舞
玉尺龍飛
Kim châm phượng vũ
Ngọc xích long phi.
Kim vàng phượng múa.
Thước ngọc rồng bay.

花隨玉指添春色
聲引秋絲逐曉風
Hoa tuỳ ngọc chỉ thiêm xuân sắc.
Thanh dẫn thu ty trục hiểu phong.
Hoa nhờ tay ngọc thêm xuân sắc.
Thanh dân tơ thu đuổi gió mai.

寒衣熨出春風暖
彩線添成瑞氣多
Hàn y uất xuất xuân phong noãn.
Thái tuyến thiêm thành thuỵ khí đa.
Áo rét là xong gió xuân ấm.
Chỉ đẹp khâu rồi lắm khí lành.

一寸布一寸絲物盡其用
不論男不論女量體裁衣
Nhất thốn bố nhất thốn ty vật tận kỳ dụng.
Bất luận nam bất luận nữ lượng thể tài y.
Một tấc vải một tấc tơ vật nào việc ấy.
Không kể nam không kể nữ may áo theo người.

金剪裁成丹鳳舞
銀針引出彩鸞飛
Kim tiễn tài thành đan phượng vũ.
Ngân trâm dẫn xuất thái loan phi.
Như phượng múa kéo vàng khéo cắt.
Tựa loan bay kim bạc tài khâu.

萬線千針化作美中旋律
一刀一剪裁出身上春秋

Vạn tuyến thiên trâm hoa tác mỹ trung toàn luật.
Nhất đao nhất tiễn tài xuất thân thượng xuân thu.
Muôn sợi ngàn kim, chế tác sản phẩm hoàn mỹ.
Một dao một kéo may thành y phục xuân thu.

銀針度處功夫密
鐵剪裁來體制新

Ngân trâm độ xứ công phu mật.
Thiết tiễn tài lai thể chế tân.
Kim bạc đã dành nhiều công sức.
Kéo sắt đưa ra lắm cách tân.

剪風裁龍激情蕩漾三江水
飛針走線巧藝溫馨萬户心

Tiễn phong tài long khích tình đãng dạng tam giang thuỷ.
Phi châm tẩu tuyến xảo nghệ ôn hinh vạn hộ tâm.
Thêu cắt rồng mây, khơi tình gợi ý miền sông nước.
Chỉ kim bay lượn, khéo tay hay vẻ thoả lòng người.

男添庄重女增俏
夏透風涼冬御寒

Nam thiêm trang trọng nữ tăng tiếu.
Hạ thấu phong lương đông ngự hàn.
Nam thêm trang trọng nữ thời xinh.
Hạ cho thoáng mát đông không rét.

獨運匠心花樣般般人滿意
巧施妙手新衣件件客稱心

Độc vận tượng tâm, hoa dạng ban ban nhân mãn ý.
Xảo thi diệu thủ, tân y kiện kiện khách xứng tâm.
Mình thợ tìm tòi, vẻ hoa khiến bao người đẹp ý.
Khéo tay hết mực, áo mới làm cho khách vừa lòng.

針脚密精縫巧做
技蓺高折舊翻新
Trâm cước mật tinh phùng xảo tố.
Kỹ nghệ cao sách cựu phiên tân.
Tay kim giỏi khâu hay may đẹp.
Công nghệ cao cũ bỏ mới thay.

剪制千匹布
針縫萬種衣
Tiễn chế thiên sất bố.
Trâm phùng vạn chủng y.
Cắt may ngàn tấm vải.
Kim khâu vạn áo quần.

輕黄淡綠齊生色
紗紫嫣紅總入時
Khinh hoàng đạm lục tề sinh sắc.
Sa tử yên hồng tổng nhập thời.
Vàng phai xanh nhạt đều khoe sắc.
Tía đẹp hồng tươi thảy hợp thời.

愿將天上雲霞色
化作人間錦繡裳
Nguyệt tương thiên thượng vân hà sắc.
Hoá tác nhân gian cẩm tú thường.
Muốn đem màu sắc mây thiên giới.
Làm ra gấm vóc áo nhân giam.

成衣久享精工譽
西服遠傳巧枝名
Thành y cửu hưởng tinh công dự.
Tây phục viễn truyền xảo kỹ danh.
Kiểu nội nức khen tay thợ khéo.
Hàng âu nổi tiếng kỹ thuật cao.

時裝任我精心制
美服請君合意挑
Thời trang nhậm ngã tinh tâm chế.
Mỹ phục thỉnh quân hợp ý khiêu.
Thời trang hãy để tôi tinh chế.
Kiểu đẹp xin nhường ông chọn thay.

人受凍寒非我愿
世皆溫暖氏吾心
Nhân thụ đống hàn phi ngã nguyện.
Thế giai ôn noãn thị ngô tâm.
Người đời rét mướt đâu mình muốn.
Thế gian ấm áp hợp lòng ta.

雲錦托出一輪月
時裝擁來萬朵花
Vân cẩm thác xuất nhất luân nguyệt.
Thời trang ủng lai vạn đoá hoa.
Mây gấm một vành trăng lấp ló.
Thời trang muôn đoá hoa ganh đua.

剪綠栽紅妝麗色
挑花繡蕊美儀容
Tiễn lục tài hồng trang lệ sắc.
Khiều hoa tú nhuỵ mỹ nghi dung.
Cắt lục may hồng tô vẻ đẹp.
Khâu hoa thêu nhuỵ điểm dung nhan.

肥瘦短長皆有度
細精表里是其能
Phì sấu đoản trường giai hữu độ.
Tế tinh biểu lý thị kỳ năng.
Gầy béo ngắn dài đều có mức.
Trong ngoài tinh tế ở tài năng.

來料加工隨時方便
行針走線到處均勻
Lai liệu gia công tuỳ thời phương tiện.
Hành trâm tẩu tuyến đáo xứ quân câu.
Vật liệu gia công tuỳ thời cắt đặt.
Đường kim mũi chỉ mọi chỗ phải đều.

有冠眞秀氣
此帽最宜人
Hữu quan chân tú khí.
Thử mạo tối nghi nhân.
Có khăn khí tượng đẹp.
Đội mũ ra dáng người.

對鏡掠鬢宜麗盾
簪花抹額助新装
Đối kính lược mấn nghi lệ thuẫn.
Trâm hoa mạt ngạch trợ tân trang.
Soi gương chải tóc mong làm đẹp.
Cài hoa vuốt trán tự tân trang.

脱幘無心驚露頂
請纓有路喜彈冠
Thoát trách vô tâm kinh lộ đỉnh.
Thỉnh anh hữu lộ hỷ đàn quan.
Bỏ khăn vô ý sợ hở đầu.
Xin dải có lời mừng được mũ.

步月淩雲去
登堂入室來
Bộ nguyệt lãng vân khứ.
Đăng đường nhập thất lai.
Trăng bước, dẫm mây - đi.
Lên nhà, vào cửa - đến.

看去澤然忘白雪
步來還得映青雲
Khán khứ trạch nhiên vong bạch tuyết.
Bộ lai hoàn đắc ánh thanh vân.
Bước ra thoải mái quên trời tuyết.
Dạo về là lúc rạng mây xanh.

橋邊墜去留侯取
天畔飛來葉令歸
Kiều biên truy khứ lưu hầu thủ.
Thiên bạn phi lai diệp lệnh quy.
Bên cầu rơi xuống đành đợi nhặt.
Trên trời bay lại lá khiến về.

前程遠大脚根須站穩
工作浩繁步驟要分清
Tiền trình viễn đại cước căn tu trạm ổn.
Công tác hạo phồn bộ sâu yếu phân thanh.
Dặm thẳng đường xa giữ bàn chân cho ổn.
Tần phiền công tác mong rảo bước chóng xong.

底硬幫柔力敵千鈞何懼踩
山高路遠步隨萬里敢辭芳
Để ngạnh bang nhu lực địch thiên câu hà cụ thái.
Sơn cao lộ viễn bộ tuỳ vạn lý cảm từ lao.
Đế cứng chân mềm sức chịu ngàn đinh không ngại giẫm.
Non cao đường thẳm bước chân muôn dặm dám từ nan.

尺碼自家尋大小深淺須合意
式樣由君選婦孺老壯各隨心
Xích mã tự gia tầm đại tiểu thân thiển tu hợp ý.
Thí dạng do quân tuyển phụ nhụ lão tráng các tuỳ tâm.
Kích cỡ chọn từ nhà to nhỏ sâu nông cần hợp ý.
Kiểu dáng lựa do khách trẻ già trai gái hãy tuỳ tâm.

雪花資潤澤
香水溢芬芬
Tuyết hoa tư nhuận trạch.
Hương thuỷ dật phân phân.
Bông tuyết vẻ tươi sáng.
Nước hoa hương ngát thơm.

濃淡隨人著
芬芬入座馨
Nùng đạm tuỳ nhân trước.
Phân phân nhập toạ hinh.
Nhạt nồng tuỳ người chọn.
Hương ngát vào nhà thơm.

蝶粉香迷白
燕脂色潤紅
Điệp phấn hương mê bạch.
Yến chi sắc nhuận hồng.
Phấn hương bướm mờ trắng.
Son sắc én tươi hồng.

晶瓶香滴黃金露
粉靨膏涂白玉霜
Tinh bình hương trích hoàng kim lộ.
Phấn diệp cao đồ bạch ngọc sương.
Bình pha lê chứa rượu hoàng kim.
Cao phấn bướm đồ sương bạch ngọc.

蝶繞蜂圍渾欲醉
花香粉氣不分明
Điệp nhiễu phong vi hồn dục tuý.
Hoa hương phấn khí bất phân minh.
Bướm lượn ong vây hồn nghiêng ngả.
Hương hoa hơi phấn khó phân minh.

香送春風令我醉
粉添花氣襲人來
Hương tống xuân phong linh ngã tuý.
Phấn thiêm hoa khí tập nhân lai.
Hương xuân quyện gió khiến mình say.
Vẻ hoa giồi phấn cho người chuộng.

百美圖中最宜熏染
眾香國里別具姿容
Bách mỹ đồ trung tối nghi huân nhiễm.
Chúng hương quốc lý biệt cụ tư dung.
Vẻ đẹp như tranh vẫn cần xức hương.
Nước hoa nội hoá đủ để trang điểm.

蝶粉迷香翩翩入夢
燕脂潤色躍躍欲仙
Điệp phấn mê hương phiên phiên nhập mộng.
Yên chi nhuận sắc dược dược dục tiên.
Phấn bướm mê hương mơ màng cõi mộng.
Son yến nhuận sắc háo hức thành tiên.

粉琢紅妝丰肌生色
香飄綠野麗盾增芬
Phấn trác hồng trang phong cơ sinh sắc.
Hương phiên lục dã lệ thuẫn tăng phân.
Phấn điểm son tô làn da tươi mát.
Hương bay đồng nội vẻ đẹp càng tăng.

膚滑脂凝水流香膩
光分月白色映妝紅
Phu hoạt chi ngưng thuỷ lưu hương nhị.
Quang phân nguyệt bạch sắc ánh trang hồng.
Da thịt mịn màng thơm hương nước đọng.
Trăng sáng vằng vạc rực rỡ ánh hồng.

隨時而動
不叩自鳴
Tuỳ thời nhi động.
Bất khấu tự minh.
Theo giờ mà chuyển.
Chẳng gõ cũng kêu.

二十四時憑我報
萬千百事任君行
Nhị thập tứ thời bằng ngã báo.
Vạn thiên bách sự nhậm quân hành.
Hai mươi bốn giờ theo tớ báo.
Trăm ngàn vạn việc hãy tuỳ ông.

萬千星斗心胸里
十二時辰手腕間
Vạn thiên hung đẩu tâm hung lý.
Thập nhị thời thần thủ uyển gian.
Ngàn vạn sao trong lòng bắc đẩu.
Mười hai giờ kim chỉ thời gian.

能于細處求精确
慣与時間較短長
Năng vu tế xứ cầu tinh xác.
Quán dữ thời gian giảo đoản trường.
Cầu chính xác ở nơi tinh tế.
So ngắn dài đối với thời gian.

千秋偉業千秋福
一寸光陰一寸金
Thiên thu vĩ nghiệp thiên thu phúc.
Nhất thốn quang âm nhất thốn kim.
Ngàn năm nghiệp lớn ngàn năm phúc.
Một tấc thời gian một tấc vàng.

儲蓄有利利國利己利社會
存款方便便你便他便人民
Trữ súc hữu lợi lợi quốc lợi kỷ lợi xã hội.
Tồn khoản phương tiện tiện nhĩ tiện tha tiện nhân dân.
Để dành có lợi, lợi nước, lợi mình , lợi xã hội.
Gửi tiền có ích, ích mình, ích người, ích nhân dân.

鼓勵儲蓄活期定期各自便
歡迎户主存款取款常往來
Cổ lệ trữ súc hoạt kỳ định kỳ các tự tiện.
Hoan nghinh hộ chủ tồn khoản thủ khoản thường vãng lai.
Khuyến khích gửi tiền, dài hạn, ngắn hạn, xin tùy tiện.
Hoan nghênh chủ hộ, khoản dư, khoản rút, vẫn ra vào.

錢是勞動所得切莫揮霍浪費
儉乃持家之本還要細水長流
Tiền thị lao động sở đắc thiết mạc huy hoắc lãng phí.
Kiệm nãi trì gia chi bản hoàn yêu tế thuỷ trường lưu.
Tiền do lao động mà ra, chớ có tiêu xài lãng phí.
Kiệm để giữ nhà là gốc, nên hay dòng nhỏ chảy lâu.

年年月月動動儉儉積積撒撒家家富富裕裕
去去來來取取存存角角元元户户歡歡欣欣
Niên niên nguyệt nguyệt cần cần kiệm kiệm tích tích tán tán gia gia phú phú dụ dụ.
Khứ khứ lai lai thủ thủ tồn tồn giác giác nguyên nguyên hộ hộ hoan hoan hân hân.
Năm năm tháng tháng, cần cần, kiệm kiệm, tích tích, tán tán, nhà nhà, giàu giàu, có có.
Đi đi, lại lại, rút rút, tồn tồn, hào hào, đồng đồng, hộ hộ, vui vui, vẻ vẻ.

就我生春色
爲君飾美容
Tựu ngã sinh xuân sắc.

Vị quân sức mỹ dung.
Đến tôi tươi xuân sắc.
Vì ngài đẹp mặt mày.

手中試巧技
頭上逞技能
Thủ trung thí xảo kỹ.
Đầu thượng trình kỹ năng.
Trong tay phô kỹ xảo.
Trên đầu diễn tài năng.

但教身入座
免使發沖冠
Đãn giao thân nhập toạ.
Miễn xử phát xung quan.
Đã bảo ngồi vào ghế.
Xin đừng để bực mình.

館内皆春色
入來盡美容
Quán nội giai xuân sắc.
Nhân lai tận mỹ dung.
Bài trí đều rất đẹp.
Người đến rạng mặt mày.

逢人皆体面
遇我盡升冠
Phùng nhân giai thể diện.
Ngộ ngã tận thăng quan.
Đón người đều tươi mặt.
Gặp tớ cất mũ ngay.

進去烏頭學子
出來白面書生

Tiến khứ ô đầu học tử.
Xuất lai bạch diện thư sinh.
Bước vào đầu đen học việc.
đi ra mặt trắng thư sinh.

到來盡是彈冠客
此去應無搔首人
Đáo lai tận thị đàn quan khách.
Thử khứ ưng vô tao thủ nhân.
Lúc vào đều thấy khách phủi mũ.
Khi ra không có kẻ gãi đầu.

不教白髮催人老
便使春風滿面生
Bất giao bạch phát thôi nhân lão.
Tiện sử xuân phong mãn diện sinh.
Chớ gieo tóc trắng lên đầu lão.
Hãy thổi hơi xuân để mặt tươi.

雲鬢理就通身俏
花發妝成滿面春
Vân mấn lý tựu thông thân tiếu.
Hoa phát trang thành mãn diệu xuân.
Tóc mai gọn ghẽ trông càng đẹp.
Sang sửa làm cho vẻ mặt xuân.

手中巧藝翻雲浪
頭上精工綻霧春
Thủ trung xảo nghệ phiên vân lãng.
Đầu thượng tinh công điện vụ hoa.
Rõ khéo bàn tay gây sóng lượn.
Tuyệt vời mái tóc nở mây hoa.

士行端宜新耳目

人情元貴美須眉
Sỹ hành đoan nghi tân nhĩ mục.
Nhân tình nguyên quý mỹ tu my.
Khách chuộng đoan trang mới tai mắt.
Nhân tình vốn thích đẹp mày râu.

創人間頭等事業
理世上不平東西
Sáng nhân gian đầu đẳng sự nghiệp.
Lý thế thượng bất bình đông tây.
Dựng sự nghiệp đè đầu nhân thế.
Sửa đông tây những chỗ bất bình.

壓花卷浪隨人世
齊額披眉任客挑
Áp hoa quyến lãng tuỳ nhân ý.
Tề ngạch phi my nhiệm khách khiêu.
Tươi hoa lượn sóng, tuỳ người muốn.
Bằng trán cong my, ý khách chiều.

善心不欲世人老
巧手能教顏面新
Thiện tâm bất dục thế nhân lão.
Xảo thủ năng giáo nhan diện tân.
Tốt bụng chẳng mong ai đấy lão.
Khéo tay hay khiến mặt người tươi.

燙發推頭除舊貌
吹風修面換新容
Thang phát suy đầu trừ cựu mạo.
Suy phong tu diện hoán tân dung.
Uốn tóc gội đầu thay vẻ cũ.
Sấy khô cạo mặt mới dung nhan.

磨礪以須工夫純熟

及鋒而試手段精良
Ma lệ dĩ tu công phu thuần thục.
Cập phong nhi thí thủ đoạn tinh lương.
Mài giũa đã xong công phu thành thạo.
Sắc nhọn đem dùng tay nghề tinh thông.

細理烏絲容光增几許
巧梳青鬢春色麗無邊
Tế lý ô ty dung quang tằng kỷ hứa.
Xảo sơ thanh mấn xuân sắc lệ vô biên.
Kẽ tóc chân tơ dung nhan tăng vẻ đẹp.
Tóc mai chải khéo xuân sắc thắm vô cùng.

椅隨人轉容新兼貌美
鏡封目張笑逐幷顏開
Ỷ tuỳ nhân chuyển dung tân kiêm mạo mỹ.
Kính đối mục trương tiếu trục tịnh nhan khai.
Ghế liệu xoay người dáng mới vẻ thêm đẹp.
Gương treo trước mặt cười tươi mặt sáng ngời.

幽春襲人人不由以進店
春風吹我我又年輕出門
U hương tập nhân nhân bất do dĩ tiến điếm.
Xuân phong suy ngã ngã hựu niên khinh xuất môn.
Hương thậm quyến rũ, mọi người thoải mái vào hiệu.
Gió xuân mát rượi, mình ta trẻ lại bước ra.

順理成章堆雲卷霧皆如意
得心應手截短流長悉合時
Thuận lý thành chương đôi vân quyển vụ giai như ý.
Đắc tâm ứng thủ tiệt đoản lưu trường tất hợp thời.
Thuận nhẽ mới hay, sương cuộn mây dồn đều xứng ý.
Vừa lòng thêm hứng, để dài cắt ngắn vẫn theo thời.

艾早三年蓄

功堪百病除
Ngải tảo tam niên súc.
Công kham bách bệnh trừ.
Ngải ba năm lo trữ.
Trị trăm bệnh đều hay.

所言皆葯石
立意盡慈悲
Sở ngôn giai dược thạch.
Lập ý tận từ bi.
Lời nói đều phương thuốc.
Lập ý thảy từ bi.

人期勿葯有喜
我自立心不欺
Nhân kỳ vật dược hữu hỷ.
Ngã tự lập tâm bất khi.
Mừng thấy cả đời không thuốc.
Chớ nhờn thấy được yên thân.

但愿世間人益健
不愁架上葯生塵
Đãn nguyện thế gian nhân ích kiện.
Bất sầu giá thượng dược sinh trần.
Những muốn thế gian người mạnh sức.
Lo chi trên giá thuốc bụi trùm.

世間本乏長生術
海外何求不老丹
Thế gian bản phạp trường sinh thuật.
Hải ngoại hà cầu bất lão đan.
Thế gian vốn thiếu thuật trường sinh.
Ngoài biển cần gì đan bất lão.

Áử àL åB ä¿ ³{ ÒP ³N

只效岐黄濟世心

Tuy vô lưu, Nguyễn phùng tiên thuật.
Chỉ hiệu Kỳ, Hoàng tế thế tâm.
Không theo lưu, Nguyễn gặp người tiên.
Bắt chước Kỳ, Hoàng lo cứu thế.

深明佐使君臣禮
遠萃東西南北材

Thâm minh tá sử quân thần lễ.
Viễn tuy đông tây nam bắc tài.
Hiểu sâu phép ứng dụng vua tôi.
Nổi tiếng tài đông tây nam bắc.

欲向市中求妙葯
須知海内有奇方

Dục hướng thị trung cầu diệu dược.
Tu tri hải nội hữu kỳ phương.
Hướng tới bên ngoài cầu thuốc tốt.
Nên hay trong nước có phương hay.

花放杏林滋氣雪
葯生蘭室補肢身

Hoa phóng hạnh lâm từ khí huyết.
Dược sinh lan thất bổ chi thân.
Rừng hạnh nở hoa tươi khí huyết.
Vườn lan trồng thuốc bổ chi thân.

普濟有仁心愿諸君平康無
太和養頤福應知我醫葯有方

Phổ tế hữu nhân tâm nguyện chư quân bình khang vô lộng.
Thái hoà dưỡng khí di phúc ưng tri ngã y dược hữu phương.
Chữa chạy có lòng nhân, những muốn mọi người bình an vô sự.
Hoà nhã chăm nuôi phúc, nên hay trong nước y dược có phương.

到此且歇足

客至便爲家
Đáo thử thả yết túc.
Khách chí tiện vi gia.
Đến đây hãy nghỉ chân.
Khách coi như nhà mình.

莫言身是寄
能使客如歸
Mạc ngôn thân thị ký.
Năng sử khách như quy.
Đừng nói mình ở gửi.
Hay khiến khách như về.

相逢本萍水
小住勝親朋
Tương phùng bản bình thuỷ.
Tiểu trú thắng thân bằng.
Gặp nhau như bèo nước.
Cùng trọ hơn bạn thân.

東西南北客
兄弟姐妹情
Đông tây nam bắc khách.
Huynh đệ như muội tình.
Khách đông tây nam bắc.
Tình anh em chị em.

進門都是客
到店即爲家
Tiến môn đô thị khách.
Đáo điếm tức vi gia.
Vào cửa đều là khách.
Đến quán tức là nhà.

共對一登影

相逢萬里仁
Cộng đối nhất đăng ảnh.
Tương phùng vạn lý nhân.
Đèn một ngọn chung nhau.
Người muôn dặm gặp gỡ.

八方客愿住
四貴店如春
Bát phương khách nguyện trú.
Tứ quý điếm như xuân.
Tám phương khách muốn trọ.
Bốn mùa quán như xuân.

接待八方旅客
歡迎四海親人
Tiếp đãi bát phương lữ khách.
Hoan nghinh tứ hải thân nhân.
Tiếp đón lữ khách tám phương.
Hoan nghênh người thân bốn biển.

鄉夢不隨春夜永
客思千向雨聲多
Hương mộng bất tuỳ xuân dạ vĩnh.
Khách tư thiên hướng vũ thanh đa.
Đêm xuân đâu mãi cùng mộng đẹp.
Mưa nhiều khiến khách lắm suy tư.

煙外暮鍾催倦鳥
林間殘照促歸人
Yên ngoại mộ chung thôi quyện điểu.
Lâm gian tàn chiếu súc quy nhân.
Chuông chùa, khói toả, xua chim mỏi.
Bóng xế, rừng sâu, giục khách về.

萍水相逢如老友

停車暫住似歸家
Bình thuỷ tương phùng như lão hữu.
Đình xa tạm trú tự quy gia.
Bèo nước gặp nhau, như bạn cũ.
Dừng xe trọ tạm, tựa về nhà.

銀星未出先投宿
曉日方明赶路程
Ngân tinh vị xuất tiên đầu túc.
Hiểu nhật phương minh hãn lộ trình.
Sao hôm sắp mọc, nên tìm trọ.
Sớm mai dạng sáng, hãy lên đường.

棧曲有雲皆獻瑞
房幽無地不生香
Sạn khúc hữu vân giai hiến thuỵ.
Phòng u vô địa bất sinh hương.
Quanh nhà mây phủ đều tươi vẻ.
Phòng vắng nơi nào cũng có hương.

迎來春夏秋冬客
温暖東西南北人
Nghinh lai xuân hạ thu đông khách.
Ôn noãn đông tây nam bắc nhân.
Hoan nghênh khách thu đông xuân hạ.
Ấm áp người nam bắc tây đông.

日將夕矣君宜住
雞既鳴之我不留
Nhật tương tịch hỹ quân nghi trú.
Kê ký minh chi ngã bất lưu.
Trời đã xế chiều xin giữ khách.
Gà đang gáy sáng dám lưu người.

幽齋特下高人榻

古道頻來長者車
U trai đặc hạ cao nhân tháp.
Cổ đạo tần lai trưởng giả xa.
Phòng vắng giường riêng dành khách quý.
Lối xưa xe ngựa rộn người sang.

鴻鴈遠去皆人大地春暖
旅客常來只爲小店情深
Hồng nhạn viễn khứ giai nhân đại địa xuân noãn.
Lữ khách thường lai chỉ vị tiểu điếm tình thâm.
Hồng nhạn bay xa, cũng bởi nơi kia xuân ấm.
Lữ khách tìm đến, là do quán nhỏ tình sâu.

春夏秋冬一歲川流不息
東西南北四方賓至如歸
Xuân hạ thu đông nhất tuế xuyên lưu bất tức.
Đông tây nam bắc tứ phương tân chí như quy.
Một năm xuân hạ thu đông, thời gian chẳng nghỉ.
Bốn phương đông tây nam bắc, khách đến như về.

隨來隨吃如流水
有飯有湯供客人
Tuỳ lai tuỳ ngật như lưu thuỷ.
Hữu phạn hữu thang cung khách nhân.
Tuỳ lại, tuỳ chén, như nước chảy.
Có cơm, có canh cho khách ăn.

飯熱菜香春滿店
窗明几淨客如雲
Phạn nhiệt thái hương xuân mãn điếm.
Song minh kỷ tĩnh khách như vân.
Cơm nóng rau thơm xuân chật quán.
Nhà quang ghế sạch khách như mây.

甘旨爲惊雲外客

流霞香染月中泉
Cam chỉ vị kinh vân ngoại khách.
Lưu hà hương nhiễm nguyệt trung tuyền.
Vị ngon ngọt khách ngoài kinh ngạc.
Rượu thơm lừng trăng nước đượm hương.

喜迎故客品佳饌
長送春風開笑顏
Hỷ nghinh cố khách phẩm giai soạn.
Trương tống xuân phong khai tiếu nhan.
Chào mừng quý khách món ngon tuyệt.
Tiễn đưa gió mát vẻ cười tươi.

無人不道佳看美
有客常來滿座春
Vô nhân bất đạo giai khan mỹ.
Hữu khách thường lai mãn toạ xuân.
Chẳng ai không nói hay khen đẹp.
Có khách thường thăm mọi chốn xuân.

五味烹調香萬里
三鮮蒸炙樂天家
Ngũ vị phanh điều hương vạn lý.
Tam tiên chưng chá lạc thiên gia.
Năm vị nấu xào hương vạn dặm.
Ba tươi chưng rán thích ngàn nhà.

有名店店有名名揚四海
迎客樓樓迎客客滿一堂
Hữu danh điếm điếm hữu danh danh dương tứ hải.
Nghinh khách lâu lâu nghinh khách khách mãn nhất đường.
Nổi tiếng quán, quán nổi tiếng, tiếng vang bốn biển.
Đón khách lầu, lầu đón khách, khách đầy một nhà.

烹調膾食物美價廉味道好

精做菜看花樣齊全籯養高
Phanh điều thiện thực vật mỹ giá liêm vị đạo hảo.
Tinh tố thái khan hoa dạng tề toàn doanh dưỡng cao.
Nấu bữa ăn, món ăn ngon, giá rẻ, ăn ngon miệng.
Làm rau tươi, xem vẻ đẹp, chu toàn, dinh dưỡng cao.

今飪古烹拈來五味調奇味
中肴西饌匯集一家創名家
Kim nhẫm cổ phanh niêm lai ngũ vị điều kỳ vị.
Trung khan tây soạn vựng tập nhất gia sáng danh gia.
Nấu xưa, nấu nay, vẫn từ năm vị thành kỳ vị.
Cơm Âu, cơm Á, chung đúc một nhà nổi tiếng nhà.

面可充飢請坐下品嘗兩碗
酒能解乏快進來喝上几杯
Diện khả sung cơ thỉnh toạ hạ phẩm thường lưỡng uyển.
Tửu năng giai phiến khoái tiến lai hát thượng kỷ bôi.
Mặt có vẻ đói, xin mời ngồi, xơi tạm vài lưng.
Rượu hay gợi chuyện, hãy rót nhanh, uống chơi mấy chén.

座上客常満
杯中酒不空
Toạ thượng khách thường mãn.
Bôi trung tửu bất không.
Khách thường đến ngồi đầy.
Rượu trong chén chẳng vơi.

店好天家頌
壇開十里香
Điếm hảo thiên gia tụng.
Đàn khai thập lý hương.
Quán tốt nghìn nhà khen.
Vò mở mười dặm ngát.
舉杯邀月飲

拍手踏春風
Cử bôi yêu nguyệt ẩm.
Phách thủ đạp xuân phong.
Nâng chén mời trăng uống.
Vỗ tay đón gió xuân.

一樓風月當酣飲
萬里雲天醒醉眸
Nhất lâu phong nguyệt đương cam ẩm.
Vạn lý vân thiên tỉnh tuý mâu.
Một lầu trăng gió mềm môi uống.
Muôn dặm trời mây tỉnh mắt say.
勸君更盡一杯酒
与你同銷萬古愁
Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu.
Dữ nhĩ đồng tiêu vạn cổ sầu.
Mời ông uống cạn một ly rượu.
Cùng bạn quên đi muôn thuở sầu.

劉伶借問誰家好
李白還言此處佳
Lưu Linh tá vấn thuỳ gia hảo.
Lý Bạch hoàn ngôn thử xứ giai,
Lưu Linh ướm hỏi rượu đâu tốt.
Lý Bạch liền khoe xứ ấy ngon.

水如碧玉山如黛
酒滿全樽月滿樓
Thuỷ như bích ngọc sơn như đại.
Tửu mãn kim tôn nguyệt mãn lâu.
Nước như ngọc bích, núi như vẽ.
Rượu đầy chén vàng, trăng đầy lầu.

一榻暗香熏醉夢

千峰秀色送余杯
Nhất tháp án hương huân tuý mộng.
Thiên phong tú sắc tống dư bôi.
Rượu ngon một hũ, hương say mộng.
Cảnh đẹp ngàn non, cạn chén mời.

春徑摘花春釀酒
竹窗留月夜煎茶
Sơn kính trích hoa xuân nhưỡng tửu.
Trúc song lưu nguyệt dạ tiên trà.
Lên núi hoa xuân hái ủ rượu.
Ngoài song trăng chiếu tiệc trà khuya.

座上月明對美酒
籬邊人醉詠黄花
Toạ thượng nguyệt minh đối mỹ tửu.
Ly biên nhân tuý vịnh hoàng hoa.
Rượu ngon trước mặt, trăng ngời sáng.
Thơ cúc bên rào, ai say ngâm.

沽酒客來風亦醉
賣花人去路還香
Cô tửu khách lai phong diệc tuý.
Mại hoa nhân khứ lộ hoàn hương.
Rượu mua khách đến làm say gió.
Hoa bán, người đi đường thoảng hương.

香分花上路
水汲石中泉
Hương phân hoa thượng lộ.
Thuỷ hấp thạch trung tuyền.
Hoa sương đọng toả hương.
Đá suối nguồn ngấm nước.

煮沸三江水

同飲五岳茶
Chử phí tam giang thuỷ.
Đồng ẩm ngũ nhạc trà.
Đun sôi nước tam giang.
Cùng uống trà ngũ nhạc.

佳肴無肉可
清談離我難
Giai khan vô nhục khả.
Thanh đàm ly ngã nan.
Gặp nhau thiếu thịt - được.
Bàn suông vắng tớ – không.

金雞未唱水仙沸
旭日東升茶溫香
Kim kê vị xướng thuỷ tiên phí.
Húc nhật đông thăng trà dật hương.
Gà chưa kịp gáy, hãy đun nước.
Sáng mới hừng đông, ngát hương trà.

茶亦醉人何必酒
書能香我不須花
Trà diệc tuý nhân hà tất tửu.
Thư năng hương ngã bất tu hoa.
Trà cũng say người, đâu cứ rượu.
Sách thơm lây tớ, chẳng cần hoa.

身健都緣餐肉少
請清只爲飲茶多
Thân kiện đô duyên san nhục thiểu.
Thi thanh chỉ vị ẩm trà đa.
Người khỏe cùng nhờ ăn ít thịt.
Thơ hay chỉ tại uống nhiều trà

熏心只覺濃于酒

人口方知氣勝蘭
Huân tâm chỉ giác nùng vu tửu.
Nhập khẩu phương tri khí thắng lan.
Trong bụng chỉ ngất ngây về rượu.
Uống vào hay ngào ngạt hơn lan.

爲愛清香頻入座
欣同知己細談心
Vị ái thanh hương tần nhập toạ.
Hân đồng tri kỷ tế đồng tâm.
Vì chuộng hương thanh hay đến chỗ.
Thích cùng tri kỷ chuyện riêng tư.

幽借山巔雲霧盾
香憑崖畔蕙蘭魂
U tá sơn điên vân vụ thuẫn.
Hương bằng nhai bạn huệ lan hồn.
Mây khói đầu non u tịch lắm.
Huệ lan khe nước đượm hương nhiều.

翠葉煙騰冰碗碧
綠茅光照玉甌青
Thuý diệp yên đằng băng uyển thạch.
Lục mao quang chiếu ngọc âu thanh.
Lá biếc, khói lan, băng bát đá.
Nhà tranh ánh chiếu, ngọc âu xanh.

松濤烹雪醒詩夢
竹院浮香起雅思
Tùng đào phanh tuyết tỉnh thi mộng.
Trúc viện phù hương khởi nhã tư.
Tùng reo, tuyết chảy, tỉnh hồn thơ.
Trúc viện, hương bay, nâng tứ nhã.

刻刻催人資睿省

聲聲勸你惜光陰
Khắc khắc thôi nhân tư cảnh tỉnh.
Thanh thanh khuyến nhĩ tích quang âm.
Tích tắc giục người nên sớm tỉnh.
Loong coong khuyên bạn tiếc thời gian.

非從朝暮觀時刻
要識光陰似箭梭
Phi tòng triêu mộ quan thời khắc.
Yêu thức quang âm tự tiễn thoa.
Đâu chỉ sớm hôm xem giờ giấc.
Nên biết thời gian tựa thoi đưa.

歸三百六旬于掌握
羅二十八宿在心胸
Quy tam bách lục tuần vu chưởng ác.
La nhị thập bát tú đại tâm hung.
Ba trăm sáu mươi ngày lo quản lý.
Hai mươi tám vì sao giữ trong tâm.

喜事業興隆于民得利
看杪分准确爲國惜時
Hỷ sự nghiệp hưng long vu dân đắc lợi.
Khán miêu phân chuẩn xác vị quốc tích thời.
Mừng sự nghiệp vẻ vang cho dân được lợi.
Xem phút giây chuẩn xác vì nước tiếc giờ.

鍾點長敲當厚愛那年年月月
表針不懈應珍惜這秒秒分分
Chung điểm trường xao đương hậu ái na niên niên nguyệt nguyệt.
Biểu trâm bất giải ứng trân tích giá miểu miểu phân phân.
Chuông điểm giờ lâu, nên ưu ái năm năm tháng tháng ấy.
Kim quay không mỏi, phải xót sa phút phút giây giây này.

懸將小日月

照徹大乾坤
Huyền tương tiểu nhật nguyệt.
Chiếu triệt để càn khôn.
Đeo như nhật nguyệt nhỏ.
Soi hết vũ trụ lớn.

胸中存灼見
眼底辨秋毫
Hung trung tồn chước kiến.
Nhãn để biện thu hào.
Trong lòng nhiều mưu chước.
Đáy mắt rõ tóc tơ.

如用之皆能明也
茍合矣不亦樂乎
Như dụng chi giai đăng minh dã.
Cẩu hợp hỹ bất diệc lạc hồ.
Nếu đeo vào, đều thấy sáng rõ.
May hợp số, chẳng cũng vui sao.

遠求海内珍藏本
快獨人間未見書
Viễn cầu hải nội trân tàng bản.
Khoái độc nhân gian vị kiến thư.
Xa cần bản trong nước lưu giữ.
Ưa đọc sách nhân gian chưa xem.

藏古今學術瑰寶
聚中外文化精華
Tàng cổ kim học thuật khôi bảo.
Tụ trung ngoại văn hoá tinh hoa.
Chứa học thuật quý giá kim cổ.
Tụ tinh hoa văn hóa trong ngoài.

奇探二酉搜羅富

賦就三都聲價高
Kỳ thám nhị dậu sưu la phú.
Phú tựu tam đô thanh giá cao.
Đến thăm nhị dậu[1] tìm nơi có.
Phú tới tam đô[2] giá mới cao.

古人都向書中見
男女當爲天下奇
Cổ nhân đô hướng thư trung kiến.
Nam tử đương vi thiên hạ kỳ.
Cổ nhân tìm kiến thức trong sách.
Tài trai làm việc lạ thiên hạ.

翰墨圖書皆成風采
往來談笑盡是鴻儒
Hàn mặc đồ thư giai thành phong thái.
Vãng lai đàm tiếu tận thị hồng nho.
Văn chương ghi chép, thảy đều tươi vẻ.
Qua lại cười chê, những bậc túc nho.

錦繡成文原非我有
琳瑯滿目惟待人求
Cẩm tú thành văn nguyên phi ngã hữu.
Lâm lãng mãn mục duy đãi nhân cầu.
Gấm vóc lời văn, ta vốn không có.
Lung linh ngợp mắt, người cần vẫn chờ.

大塊文章百城富有
名山事業天古長留
Đại khối văn chương, bách thành phú hữu.
Danh sơn sự nghiệp, thiên cổ trường lưu.

---

[1] Nhị dậu: Hai ngọn núi biểu tượng văn hoá.
[2] Tam đô: Ba kinh đô biểu tượng văn hoá.

Khối lớn văn chương, trăm thành xứng giá.
Non danh sự nghiệp, ngàn thuở còn lưu.

聚典籍精華嘉傳後進
匯中西學術樂授新人

Tụ điển tịch tinh hoa gia truyền hậu tiến.
Hối trung tây học thuật, lạc thụ tân nhân.
Thu sách vở tinh hoa, để lại đời sau.
Hợp Á, Âu học thuật, vui trao kẻ mới.

信貸無私爲建設
資金周轉利民生

Tín hải vô tư vị kiến thiết.
Tư kim chu chuyển lợi dân sinh.
Tín dụng vô tư vì kiến thiết.
Tiền vàng chu chuyển, lợi dân sinh.

儲蓄爲盈能聚寶
勤勞如樹可搖錢

Trữ súc vi doanh năng tụ bảo.
Cần lao như thụ khả dao tiền.
Tích góp hàng ngày hay tụ quý.
Siêng năng hôm sớm có thêm tiền.

集少成多節約爲本
化零爲整儲蓄當先

Tập thiểu thành đa tiết ước vi bản.
Hoá linh vi chỉnh trữ súc đương tiên.
Góp ít thành nhiều, tiết kiệm là gốc.
Hoá không thành có, tích luỹ làm đầu.

儲蓄愛國國富民富
勤儉持家家康人康

Trữ súc ái quốc, quốc phú dân phú.

Cần kiệm trì gia, gia khang dân khang.
Gửi tiền yêu nước, nước giàu dân giàu.
Cần kiệm giữ nhà, nhà mạnh người mạnh.

海上鯤鵬三萬里
人間甲子幾千秋
Hải thượng côn bằng tam vạn lý.
Nhân gian giáp tý kỷ thiên thu.
Trên biển côn bằng[1] ba vạn dặm.
Nhân gian tuổi tác mấy nghìn thu.

雲迷古洞還丹室
日俸南山入壽杯
Vân mê cổ động hoàn đan thất.
Nhật bổng Nam sơn nhập thọ bôi.
Vân mê[2] cổ động về đan thất[3];
Nhật bổng sơn Nam[4] nhập chén mừng.

大椿翠浥千秋露
叢桂香飄萬里風
Đại xuân thuý ấp thiên thu lộ;
Tùng quế hương phiêu vạn lý phong.
Cây xuân thắm mượt thiên thu lộ;
Lùm quế hương bay vạn lý phong.

桃花已發三千浪
玉樹長含萬里風
Đào hoa dĩ phát tam thiên lãng;
Ngọc thụ trường hàm vạn lý phong.

---

[1] Côn, bằng: Hai loại chim trời bay khoẻ.

[2] Vân mê: Mây bay không định hướng.

[3] Đan thất: Nơi luyện thuốc tiên.

[4] Nhật bổng Nam sơn: Bưng mặt trời ở núi Nam Sơn.

Đào hoa đã nở tam thiên lãng[1];
Cây ngọc trường hàm vạn lý phong.

知命知非成化境
言慈言孝樂千倫
Tri mệnh tri phi thành hoá cảnh;
Ngôn từ ngôn hiếu lạc thiên luân.
Biết mệnh biết phi thành thuận cảnh;
Nói từ nói hiếu hợp lẽ trời.

學到知非宏門壽域
年齊大衍共晉霞觴
Học đáo tri phi hoằng môn thọ vực;
Niên tề đại diễn cung tấn hà thương.
Học đến biết, chẳng phải đến nơi vực thọ;
Năm đã dài, vẫn còn tiến đến chén hà.

頌祝遐齡椿作紀
筵開壽宴海為樽
Tụng chúc hà linh xuân tác kỷ;
Diên khai thọ yến hải vi tôn.
Chúc tụng tuổi cao xuân vừa tròn kỷ;
Chiếu mừng yến thọ bể tựa chén mời.

耆壽極星占上壽
仲春花甲衍長春
Kỳ thọ cực tinh chiêm thượng thọ;
Trọng xuân hoa giáp diễn thường xuân.
Sáu mươi thọ, nhìn sao xem thượng thọ;
Tháng trọng xuân, tuổi tác hướng trường xuân.

杯傾北海辰初度

---

[1] Lãng: Sóng.

頌獻南山甲再週
Bôi khuynh Bắc hải thần sơ độ;
Tụng hiến Nam sơn giáp tái chu.
Bắc hải chén nghiêng thời sơ độ
Nam sơn chúc tụng lại chu kỳ.

敬獻滿觴瞻北斗
還從花甲祝南山
Kính hiến mãn thương chiêm Bắc đẩu;
Hoàn tòng hoa giáp chúc Nam sơn.
Kính hiến chén mừng nhìn Bắc đẩu;
Mong hoàn hoa giáp chúc Nam sơn.

祝遐齡三千歲月
游化日六十春秋
Chúc hà linh tam thiên tuế nguyệt;
Du hoá nhật lục thập xuân thu.
Chúc tuổi thọ ba nghìn năm tháng;
Đã trôi đi sáu chục xuân thu.

花甲逢春酒映青襟春共醉
太山祝壽歌傳白雪壽頻添
Hoa giáp phùng xuân tửu ánh thanh khâm xuân cộng tuý;
Thái sơn chúc thọ ca truyền bạch tuyết thọ tần thiên.
Hoa giáp[1] mừng xuân rượu ánh thanh khâm[2] xuân say chén;
Thái sơn chúc thọ ca truyền bạch tuyết[3] thọ mấy lần.

耆壽極星占上壽
仲春花甲衍長春

---

[1] Hoa giáp: Tuổi tròn 60.

[2] Thanh khâm: Ngày xưa học sinh trường công của Trung Quốc mặc áo sắc xanh.

[3] Bạch tuyết: Tên một khúc ca do Đường Cao Tông (Trung Quốc) chế ra.

Kỳ thọ cực tinh chiếm thượng thọ[1];
Trọng xuân hoa giáp diễn trường xuân.
Phúc thọ sao trời chiếm thượng thọ;
Tháng xuân tuổi tác nối trường xuân.

從心已紹尼山脈
杖國還徵渭水車
Tòng tâm dĩ thiệu Ni Sơn mạch;
Thượng quốc hoàn trưng Vị Thuỷ xa.
Tâm tuỳ đã nối Ni Sơn mạch;
Quốc lão nhàn về Vị Thuỷ xa.

三千朱履隨南極
七十霞觴進北堂
Tam thiên chu lý tuỳ Nam cực;
Thất thập hà thương tiến Bắc đường.
Ba nghìn giày đỏ theo Nam cực;
Bấy chục chén hà đến Bắc đường.

事業從心共推元老
曾孫繞膝咸祝地山
Sự nghiệp tòng tâm cộng thôi nguyên lão;
Tằng tôn nhiễu tất hàm chúc địa tiên.
Sự nghiệp tuỳ lòng dấy đà nguyên lão;
Tằng tôn quanh gối hàm chúc cảnh tiên.

八千歲爲春自今伊始
七十杖於國從古稱稀
Bát thiên tuế vi xuân tự kim y thuỷ;
Thất thập trượng ư quốc tòng cổ xưng hy.
Tám nghìn năm làm xuân, từ đây khởi thuỷ;
Bẩy chục tuổi với nước, tự cổ hiếm hoi.

海屋籌添古來稀者今來盛

華筵慶衍福有五兮祝有三

Hải ốc trù thiêm cổ lai hy giả, kim lai thịnh;
Hoa diên khánh diễn phúc hữu ngũ hề, chúc hữu tam
Tuổi thọ thêm cao[1] xưa kia hiếm mà nay lại thịnh;
Chiếu mừng càng đẹp, phúc có năm[2] xin chúc được ba.

碩德流徽咸仰南山占上壽
嘉賓有寵適從杖國著芳名

Thạc đức lưu huy hàm ngưỡng Nam sơn chiếm thượng thọ;
Gia tân hữu sủng thích tòng trượng quốc trứ phương danh.
Đức lớn phát huy, hàm ngưỡng non Nam chúc thượng thọ;
Khách mừng yêu mến, bước theo quốc trượng nổi danh thơm.

德重如山高仰泰山永壽
名尊在國長留杖國行仙

Đức trọng như sơn cao ngưỡng Thái sơn vĩnh thọ;
Danh tôn tại quốc trường lưu trượng quốc hành tiên.
Đức nặng như sơn, ngưỡng vọng thái sơn trường thọ;
Danh tôn tại quốc, dài lâu trượng quốc thành tiên.

四大宴春臺小作陽春添紀算
七旬欽國策初從杖國誦岡陵

Tứ đại yến xuân đài tiểu tác dương xuân thiêm kỷ toán;
Thất tuần khâm quốc sách sơ tòng trượng quốc tụng cương lăng.
Tứ đại mừng yến xuân đài, việc nhỏ ngày xuân thêm kỷ toán[3];
Thất tuần khâm quốc sách, bước theo trượng quốc tụng cương lăng[4].

杖朝步履儀容古
釣渭絲綸日月長

---

[1] Tuổi thọ thêm cao (hải ốc trù thiêm): Thành ngữ chúc thọ nhau thời xưa.
[2] Phúc có năm (ngũ phúc): Năm thứ hạnh phúc: Phú quí, thọ, khang, ninh.
[3] Kỷ toán: Ghi đếm. Ý nói được thêm tuổi tác.
[4] Cương lăng: Gò đất cứng rắn. Ý nói tuổi tác cứng cỏi.

Trượng triều bộ lý nghi dung cổ;
Điếu Vị ti luân nhật nguyệt trường.
Đi dép vào triều nghi dung cổ;
Buông câu sông Vị nhật nguyệt trường.

桃化結子三千歲
椿樹敷榮八十春
Đào hoa kết tử tam thiên tuế;
Xuân thụ phu vinh bát thập xuân.
Hoa đào kết quả tam thiên tuế;
Cây cối phô tươi bát thập xuân.

八仙會裏增南極
九老圖中祝北辰
Bát tiên hội lý tăng Nam cực;
Cửu lão đồ trung chúc Bắc thần.
Tám tiên trong hoạ tăng Nam cực;
Chín cụ giữa tranh chúc Bắc thần.

五福正儀開壽域
百齡誰不進霞觴
Ngũ phúc chính nghi khai thọ vực;
Bách linh thuỳ bất tiến hà thương.
Ngũ phúc chính ngay khai cõi thọ;
Bách linh[1] ai chẳng đến chén mừng.

齒德兼優八秩添籌盈海屋
萁裘濟美一堂獻綵舞斑衣
Xỉ đức kiêm ưu bát trật thiên trù doanh hải ốc;
Cơ cừu tế mỹ nhất đường hiến thái vũ ban y.
Thọ đức đều hay tám trật thêm trù đầy hải ốc[2];

---

[1] Bách linh: Trăm tuổi.

[2] Hải ốc: xem chú thích "Hải ốc thiêm trù" ở trên.

Cơ cừu[1] càng đẹp một nhà hiến lụa múa ban y[2].

南極桑弧懸九一
東方桃實獻三千

Nam cực tang hồ huyền cửu nhất;
Đông phương đào thực hiến tam thiên.
Nam cực cung tên treo cửu[3] nhất.
Đông phương đào quả hiến tam thiên.

菊酒香浮延九衮
松筠秀色歷三秋

Cúc tửu hương phù diên cửu cổn;
Tùng quân tú sắc lịch tam thu.
Rượu cúc xông hương tràn cửu cổn;
Tùng quân sắc đẹp trải ba thu.

天子珍從兼好德
尚書口授更邀榮

Thiên tử trân tòng kiêm hảo đức;
Thượng thư khẩu thụ cánh yêu vinh.
Thiên tử quí theo gồm đức tốt;
Thượng thư vâng nhận lại yêu vinh.

談笑眼中無故舊
往來膝下有曾玄

Đàm tiếu nhãn trung vô cố cựu;
Vãng lai tất hạ hữu tằng huyền.
Đàm tiếu trong mi không cố cựu;
Vãng lai dưới gối có tằng huyền.

---

[1] Cơ cầu: Con cháu nối được nghiệp cha ông.
[2] Ban y: áo sắc lốm đốm như áo trẻ con. Lão Lai mặc làm cho cha mẹ vui.
[3] Cửu nhất: 91 tuổi.

桃熟三千樽開北海
春光九十詩頌南山
Đào thục tam thiên tôn khai Bắc hải;
Xuân quang cửu thập thi tụng Nam sơn.
Đào chín ba nghìn chén mừng bể Bắc.
Xuân quang chín chục thơ tụng non Nam.

邱壑足煙霞九十年來謂逸老
廟堂多雨露八千歲後又生春
Khưu hác túc yên hà cửu thập niên lai vị dật lão;
Triều đường đa vũ lộ bát thiên tuế hậu hựu sinh xuân.
Gò rãnh đủ yên hà, chín chục niên nay xưng nhàn lão.
Triều đường nhiều vũ lộ, tám nghìn tuổi sau lại sinh xuân.

九十嘉賓海屋籌添延鶴算
三春令旦搖池瑞藹獻磻桃
Cửu thập gia tân hải ốc trù thiêm diện hạc toán;
Tam xuân lệnh đán dao trì thuỵ ái hiến bàn đào.
Chín chục, khách mừng, hải ốc trù thiêm[1] dài tuổi hạc;
Ba xuân, ngày đẹp, dao trì thuỵ ái[2] hiến đào tiên.

壽躋期頤青海外
光增甲第紫微前
Thọ tê kỳ di thanh hải ngoại;
Quang tăng giáp đệ tử huy tiền.
Tuổi thọ vượt niên kỳ xanh rờn biển cả;
Hiển vinh tăng giáp đệ rạng rỡ gia môn.

搖池桃熟三千歲
海屋籌添一百春
Dao trì đào thục tam thiên tuế;

---

[1] Hải ốc trù thiêm: Xem chú thích ở trên.

[2] Dao trì: Ao ngọc, nơi bà Tây Vương mẫu ở.

Hải ốc trù thiêm nhất bách
Dao trì đào chín, ba nghìn tuổi;
Hải ốc thêm trù, một trăm xuân.

春樹敷榮一百春秋歌上壽*xuân*
磻桃獻瑞三千珠履慶高年

Xuân thụ phu vinh nhất bách xuân thu ca thượng thọ;
Bàn đào hiến thuỵ tam thiên châu lý khách cao niên.
Cây cối khoe tươi, nhất bách xuân thu ca thượng thọ;
Đào tiên dâng hiến, ba nghìn dày ngọc chúc cao niên.

五經兼通有此材宜有此遇
九重嘉悦詢其父又及其翁

Ngũ kinh kiên thông, hữu thử tài nghi hữu thử ngộ;
Cửu trùng gia duyệt, tuân kỳ phụ hựu cập kỳ ông.
Thông suốt năm kinh, có tài ấy thì đạt danh ấy;
Đẹp ý nhà vua, đã tin cha thì ắt tin ông.

晨農本草香千里
岐伯醫風播五洲

Thần nông bản thảo hương thiên lý.
Kỳ Bá y phong bá ngũ châu.
Bản thảo Thần Nông hương vạn dặm.
Y phong Kỳ Bá nổi năm châu.

壽世良方祛邪扶正
回春妙述固本清源

Thọ thế lương phương khư tà phù chính.
Hồi xuân diệu thuật cố bản thanh nguyên.
Tuổi thọ, phương hay, đuổi tà, phù chính.
Hồi xuân, thuật giỏi, vững gốc, trong nguồn.

握五寸刀柄開腸割腹除痼疾
用十分熱忱披肝瀝膽作良醫

Ác ngữ thốn đao bính khai trường cát phúc trừ cổ tật.
Dụng thập phần nhiệt thầm phi can lịch đảm tác lương y.
Cầm chuôi dao năm tấc, mổ bụng, cắt ruột trừ bệnh ác.
Với nhiệt tình mười phần, mổ gan, rửa ruột xứng lương y.

少飲几杯甘露酒何愁幸福不在
多投若干保險金豈畏災情横飛
Thiểu ẩm kỷ bôi cam lộ tửu hà sầu hạnh phúc bất tại.
Đa đầu nhược can bảo hiểm kim khởi uy tai tình hoạnh phi.
Rượu cực ngon uống vài chén, lo chi hạnh phúc không còn ở.
Tiền bảo hiểm góp bao nhiêu, há sợ tai ương chắn lối bay.

何須蛋里尋營養
只此盤中有文章
Hà tu đàn lý tầm doanh dưỡng.
Chỉ thử bàn trung hữu văn chương.
Dinh dưỡng phải đâu chỉ là trứng.
Văn chương vẫn có ở trên bàn.

味超玉液瓊漿外
巧在然萁煮豆中
Vị siêu ngọc dịch quỳnh tương ngoại.
Xảo tại nhiên cơ chử đậu trung.
Vị ngọt hơn quỳnh tương ngọc dịch.
Khéo trong khi nấu đậu nhóm lò.

家財雖萬貫一旦遭災貧如洗
保險僅數元十分安全穩如山
Gia tài tuy vạn quán nhất đán tao tai bần như tẩy.
Bảo hiểm cẩn sổ nguyên thập phần an toàn ổn như sơn.
Gia tài dẫu vạn quan, một sớm gặp tai, sạch như nước.
Bảo hiểm góp vài đồng, mười phần an toàn, vững tựa non.

年年防月月防一日不防一日悔

人人保歲歲保四時常保四時安

Niên niên phòng nguyệt nguyệt phòng nhất nhật bất phòng nhất nhật hối.

Nhân nhân bảo tuế tuế bảo tứ thời thường bảo tứ thời an.

Năm năm phòng, tháng tháng phòng, một ngày quên phòng, một ngày hối.

Người người bảo, năm năm bảo, bốn mùa thường bảo, bốn mùa yên.

吃粗茶淡飯安步當車無災即福

享山珍海味養尊處優有禍難防

Ngật thô trà đạm phạn an lộ đương xa vô tai tức phúc;

Hưởng sơn trân hải vị dưỡng tôn xứ ưu hữu hoạ nan phòng.

Chỉ trà thô cơm đạm, hết bộ đến xe, không tai là phúc.

Ưa sơn hào hải vị, ăn ngon ở đẹp, có hoạ khó ngừa.

館内人來自南北東西各抒己見交留信息

座上客無分農攻商學自得其樂閑暇清心

Quán nội nhân lai tự nam bắc đông tây các trữ kỷ kiến giao lưu tin tức.

Toạ thượng khách vô phân nông công thương học tự đắc kỳ lạc nhàn hạ thanh tâm.

Trong quán, người đến từ nam bắc đông tây, đem điều thấy giao lưu tin tức.

Ngồi đây, khách không phân nông công thương học, tự làm vui nhàn hạ thanh tâm.

保險逢凶能化吉

公司解難又排憂

Bảo hiểm phùng hung năng hoá cát.

Công ty giải nạn hựu bài ưu.

Bảo hiểm gặp hung hay hoá cát.

Công ty giải hạn lại bày hay.

春風喜引吉祥鳥

細雨潤紅幸福花

Xuân phong hỷ dẫn cát tường điểu.
Tế vũ nhuận hồng hạnh phúc hoạ.
Gió mát dẫn đường chim báo hỷ.
Mưa nhỏ thêm hồng hoa gặp may.

瓦壺水沸邀清客
茗碗香騰遣睡魔
Ngõa hồ thuỷ phí yêu thanh khách.
Minh uyển hương đằng khiển thuỵ ma.
Bình gốm nước sôi mời khách nhã.
Trà quý hương bay hết ngủ trưa.

寰宇慶升平集四海英賢談心場所
天涯若比鄰共一堂茶水聚首因緣
Hoàn vũ khánh thăng bình tập tứ hải anh hiền đàm tâm trường sở.
Thiên nhai nhược tỷ lân cộng nhất đường trà thuỷ tụ thủ nhân duyên.
Mừng thế giới thái bình, họp bốn biển anh tài, nỗi lòng bày tỏ.
Với người xa như biết, chung một chỗ uống trà, âu cũng nhân duyên.

處處通途何去何從居兩間分清邪正
頭頭是道誰賓誰主吃一碗各自東西
Xứ xứ thông đồ hà khứ hà tòng cư lưỡng gian phân thanh tà chính.
Đầu đầu thị đạo thuỳ tân thuỳ chủ ngật nhất uyển các tự đông tây.
Khắp chốn đường thông, đi đâu về đâu, giữa hai ngả nên phân hay dở.
Rõ ràng đâu đấy, ai khách ai chủ, một miếng ăn phải rõ đúng sai.

清潔舒適浴洗方便請君未晚先頭宿
服務周到報時准确無須雞鳴早看天

Thanh khiết thư thích dục tẩy phương tiện thỉnh quân vị vãn tiên đầu túc.
Phục vụ chu đáo báo thời chuẩn xác vô tu kê minh tảo khán thiên.

Sạch sẽ thoải mái, tắm rửa thuận tiện, xin mời khách đến khi chưa tối.
Phục vụ chu đáo, báo giờ chuẩn xác, không cần gà gáy sớm hôm sau.

領略家鄉風味
溫馨故里人情
Lãnh lược gia hương phong vị.
Ôn hinh cố lý nhân tình.
Nắm được phong vị quê hương.
Hâm nóng tình người chốn cũ.

水陸兼呈皆上味
賓朋盡興共加餐
Thuỷ lục kiên trình giai thượng vị.
Tân bằng tận hứng cộng gia san.
Sơn hào hải vị, món ăn tuyệt.
Bạn bè cao hứng, bữa cơm ngon.

綜新舊舒刊莫謂古文無今文有
統中西學術請看近者買遠者郵
Tổng tân cựu thư san, mạc vị cổ văn vô, kim văn hữu.
Thống trung tây học thuật, thỉnh khan cận giả mãi viễn giả bưu.
Tổng duyệt sách mới cũ, chớ bảo cổ văn không, kim văn có.
Thống học thuật Trung, Tây, xin hãy nhớ gần thì mua, xa gửi thư.

廣通財路
巧館資金
Quảng thông tài lộ.
Xảo quản tư Kim.
Rộng thông tiền của,
Khéo quản bạc vàng.

社會交流憑匝制
財源命脈系金融
Xã hội giao lưu bằng táp chế.
Tài nguyên mạnh mạch hệ kim dung.
Xã hội giao lưu nhờ phép tắc.
Tài nguyên huyết mạch cậy cây vàng.

求知識學海探寶累亦矣
追科學書山尋珍苦也甜

Cầu tri thức học hải thám bảo luỵ diệc hỷ.
Truy khoa học thư sơn tầm trân khổ dã điềm.
Cầu biển học tri thức, Kiếm ngọc, luỵ cũng vui.
Thăm núi sách khoa học, tìm ngon, đắng mà ngọt.

文海放舟健儿要敢頂風上
書山探寶志士哪能空手回

Văn hải phóng chu kiện nhi yêu cảm đính phong thượng.
Thư sơn thám bảo chí sỹ na năng không thủ hồi.
Biển văn vượt thuyền, người mạnh dám cưỡi lên đầu gió.
Núi sách tìm ngọc, chí sỹ đâu trở về tay không.

不戲不怠古今傳家皆由學時起
宜勤宜勉中外碩士都從苦中來

Bất hý bất đãi cổ kim truyền gia giai do học thời khởi.
Nghi cần nghi miên trung ngoại thạc sỹ đô tòng khổ trung lai.
Chẳng cợt, chẳng lười, xưa nay truyền đời đều do học mà nên.
Nên chăm, nên gắng, trong ngoài rộng học cũng phải khổ mới được.

慧眼明分眞善美君不論中人西人任你挑選
寶光細驗假高低鏡當分遠視近視隨你需求

Tuệ nhãn minh phận chân thiện mỹ quân bất luận trung nhân tây nhân nhận nhĩ khiêu tuyển.
Bảo quang tế nghiệm giả cao đê kính đương phân viễn thị cận thị tuỳ nhĩ nhu cầu.

Mắt tuệ soi qua, đúng tốt đẹp, khách chẳng kể người âu kẻ á, chọn lựa xin mời.
Điện quang nghiệm rõ, mượn cao thấp kính chia ra viễn thị cận thị, yêu cầu tuỳ ý.

湊六經芳潤
儲二酉精華
Thấu lục kinh phương nhuận.
Trữ nhị Dậu tinh hoa.
Thấm hương nhuận lục kinh.
Trữ nhị Dậu tinh hoa .(Hai ngọn núi có tên Dậu Sơn

藏古今學術
聚天地精華
Tàng cổ kim học thuật.
Tụ thiên địa tinh hoa.
Chứa học thuật xưa nay.
Tụ tinh hoa trời đất.

察及秋毫如燭照
看來老眼不昏花
Sát cập thu hào như chúc chiếu.
Khán lai lão nhãn bất hôn hoa.
Xét rõ tơ hào như có đuốc.
Xem ra mắt lão chẳng hề hoa.

邀來日月懸隆准
攬得河山入玉眸
Yêu lai nhật nguyệt huyền long chuẩn.
Giảo đắc hà sơn nhập ngọc mâu.
Sống mũi nếu treo vầng nhật nguyệt.
Con ngươi thu được cả sơn hà.

電腦驗光睐眼間就可知君底細
精工配鏡顧盼後便應信我名聲
Điện não nghiệm quang trắc nhãn gian tựu khả tri quân để tế.
Tinh công phối kính cố phán hậu tiện ứng tín ngã thành danh.
Nghiệm điện não quang đo khoảng cách, đủ biết mắt ông còn tốt.
Khéo gia công kính ngắm người đeo càng tin danh tiếng hiệu ta.

燕剪飛來敢夸手藝
鴛針度處别出心裁
Yến tiễn phi lai cảm khoa thủ nghệ.
Uyên trâm độ xứ biệt xuất tâm tài.
Lưỡi kéo én bay dám khoe tay khéo.

Đường kim uyên lượn dốc hết lòng may.

人要衣裝經紅妝素裏便丰神奕奕
体需服飾能寬適窄宜即風度翩翩
Nhân yếu y trang kinh hồng trang tố lý tiên phong thần dịch dịch.
Thể nhu phục sức năng khoan thích trách nghi tức phong độ phiên phiên.
Ngoài hồng trong trắng, vẻ tươi hơn hớn, nhờ đến y trang.
Thích chật ưa thoáng, có dáng đàng hoàng,cậy hàng phục sức.

嘉名稱博士
大禮重高冠
Gia danh xứng bác sĩ.
Đại lễ trọng cao quan.
Tài giỏi xứng bác sĩ.
Lễ lớn trọng mũ cao.

交以道接以禮笑盈盈迎四海來賓門庭若市
近者悅遠者來喜滋滋待入方顧客商店如家
Giao dĩ đạo tiếp dĩ lễ tiếu doanh doanh nghinh tứ hải lai tân môn đình nhược thị.
Cận giả duyệt viễn giả lai hỉ tư tư đãi bát phương cố khách thương điếm như gia.
Giao lấy đạo, tiếp lấy lễ, tủm tỉm cười đón khách bốn phương, trước nhà như chợ.
Gần người vui, xa người lại, vẻ vui tươi tiếp người tám hướng, cửa hiệu như nhà.

薄利多消顧客盈門生意活
竭成服務春風滿面熱情高
Bạc lợi đa tiêu cố khách doanh môn sinh ý hoạt.
Kiệt thành phục vụ xuân phong mãn diện nhiệt tình cao.
Lãi ít bán nhiều, khách đến chật nhà, buôn bán thoáng.
Hết lòng phục vụ, gió xuân mát mặt, nhiệt tình cao.

錦繡兩廂藏百貨
春風一店暖千家
Cẩm tú lưỡng sương tàng bách hoá.
Xuân phong nhất điếm noãn thiên gia.
Hai chái đẹp, hàng bày trăm thứ.
Một trời xuân, gió ấm ngàn nhà.

萬民便利
百貨流通

Vạn dân tiên lợi.
Bách hoá lưu thông.
Tiện lợi muôn nhà.
Lưu thông bách hoa.

公平有德
和氣致祥

Công bình hữu đức.
Hoà khí chí tường.
Có đức công bằng.
Rành mạch hoà nhã.

財源若海
顧客盈門

Tài nguyên nhược hải.
Cố khách doanh môn.

Tài nguyên như biển.
Khách hàng đầy nhà.

禮貌待客
文明經商

Lễ mạo đãi khách.
Văn minh kinh thương.
Với khách lễ phép.
Kinh doanh văn minh.

大名鼎鼎上等功夫海角天涯享盛譽
美貌堂堂發端技巧廳間室外拂春風

Đại danh đỉnh đỉnh thượng đẳng công phu hải giác thiên nhai hưởng thịnh dự.
Mỹ mạo đường đường phát đoan kỹ xảo sảnh gian thất ngoại phất xuân phong.
Tiếng tăm lừng lẫy, tuyệt đỉnh công phu, góc biển chân trời người xứng tụng.
Dung mạo đàng hoàng, tay nghề cực khéo, trong nhà ngoài sảnh gió xuân đưa.

操毫末技藝不教斯人憔悴古今中外离不得
習頂上功夫能使其面蕲新南女老幼盡開顏

Thao hào mạt kỹ nghệ bất giao tư nhân tiều tuỵ cổ kim trung ngoại ly bất đắc.
Tập đỉnh thượng công phu năng sử kỳ diện tiệm tân nam nữ lão ấu tận khai nhan.
Nắm kỹ thuật tinh vi, chẳng để cho người tiều tuỵ, trong, ngoài, kim, cổ chẳng khi rời.
Tập công phu tuyệt đỉnh, hay làm gương mặt tinh tươm, trai, gái, trẻ, già đều rạng vẻ.

擇里仁爲美
安居德有鄰

Trạch lý nhân vi mỹ.
An cư đức hữu lân.
Chọn chỗ nhân làm tốt.
Sống bên đức mới yên.

遷宅吉祥日
安居大有年
Thiên trạch cát tường nhật.
An cư đại hữu niên.
Ngày tốt lành dọn nhà.
Năm được mùa yên chốn.

棟起祥雲連北斗
堂開瑞氣煥春光
Đống khởi tường vân liên bắc đẩu.
Đường khai thụy khí hoán xuân quang.
Dựng cột mây lành vờn bắc đẩu.
Trình nhà khí tốt rực xuân quang.

仁風春日煦
德澤福星明
Nhân phong xuân nhật húc.
Đức trạch phúc tinh minh.
Tục nhân ấm trời xuân.
Ơn đức sáng sao phúc.

居之安山明水秀
人之和地九天長
Cư chi an sơn minh thuỷ tú.
Nhân chi hoà địa cửu thiên trường.
Ở lấy yên, nước non tươi đẹp.
Người được hoà, trời đất dài lâu.

鶯遷金谷曉

花報玉堂春

Oạnh thiên kim cốc hiểu.
Hoa báo ngọc đường xuân.
Oanh hang vàng rời sớm.
Hoa viện ngọc tin xuân.

金梁燦燦光輝日
玉柱巍巍力擎天

Kim lương xán xán quang huy nhật.
Ngọc trụ nguy nguy lực kình thiên.
Xà vàng xán lạn chói vầng nhật.
Trụ ngọc nguy nga sức chống trời.

家種吉祥草
宅開幸福門

Gia chủng cát tường thảo.
Trạch khai hạnh phúc môn.
Vườn trồng giống cỏ lành.
Nhà mở cửa hạnh phúc.

鳴花炮聲聲道喜
起大梁步步登高

Minh hoa pháo thanh thanh đạo hỷ.
Khởi đại lương bộ bộ đăng cao.
Đốt pháo hoa vang vang khắp chốn.
Dựng cây xà bước bước lên cao.

朝臨新氣象
拱照大文章

Triêu lâm tân khí tượng.
Củng chiếu đại văn chương.
Chiêu tập khí tượng mới.
Soi rọi khắp văn chương.

花開富貴人開眼

日上中天屋上梁
Hoa khai phú quý nhân khai nhãn.
Nhật thượng trung thiên ốc thượng lương.
Hoa nở giầu sang người nở tài.
Trời lên bóng đứng nhà lên nóc.

玉堂映署色
珠樹發秋香
Ngọc đường ánh thự sắc.
Châu thụ phát thu hương.
Nhà ngọc ngời sắc sớm.
Cây châu ngát hương thu.

紅日洒輝臨吉宅
春風送暖入花堂
Hồng nhật sái huy lâm cát trạch.
Xuân phong tống noãn nhập hoa đường.
Trời hồng rải sáng trên đất tốt.
Gió xuân đưa ấm đến nhà hoa.

重陽及宅第
金菊鑲花堂
Trùng dương cập trạch đệ.
Kim cúc nhưỡng hoa đường.
Trùng dương xây chỗ mới.
Cúc vàng gắn nhà hoa.

新廈落成增秀氣
花門安樂進財源
Tân hạ lạc thành tăng tú khí.
Hoa môn an lạc tiến tài nguyên.
Nhà mới xây xong tăng vẻ đẹp.
Cửa hoa vui nở góp thêm giàu.

江山聚秀歸新宇

日月交輝映錦堂
Giang sơn tụ tú quy tân vũ.
Nhật nguyệt giao huy ánh cẩm đường.
Giang sơn góp đẹp cho nơi mới.
Nhật nguyệt đan xen rạng vẻ nhà.

向陽庭院風光好
勤儉人家幸福多
Hướng dương đình viện phong quang hảo.
Cần kiệm nhân gia hạnh phúc đa.
Hướng dương nhà cửa phong quang lắm.
Cần kiệm mọi người hạnh phúc hơn.

春風化雨艷桃李
瑞藹盈屋旺子孫
Xuân phong hoá vũ diệm đào lý.
Thụy ái doanh ốc vượng tử tôn.
Gió xuân mưa bụi tươi đào mận.
Nhà tụ mây lành vượng cháu con.

一片彩霞迎旭日
滿門春訊慶春歌
Nhất phiến thái hà nghinh húc nhật.
Mãn môn xuân tấn khánh tân cư.
Một áng mây mai chào rạng sáng.
Đầy cửa tin xuân chúc mới nhà.

新屋造就千般喜
滿室和睦百事興
Tân ốc tạo tựa thiên ban hỷ.
Mãn thất hoà mục bách sự hưng.
Chỗ mới xây xong vui mọi nỗi.
Đầy nhà hoà thuận tốt trăm điều.

三陽日照平安宅

五福星臨吉慶門
Tam dương nhật chiếu bình an trạch.
Ngũ phúc tinh lâm cát khánh môn.
Tam dương trời chiếu nhà yên ổn.
Ngũ phúc sao soi cửa tốt lành.

宏圖大展興隆宅
泰運長臨富裕家
Hoằng đồ đại triển hưng long trạch.
Thái vận trường lâm phú dụ gia.
Kế hoạch mở ra nhà cửa lớn.
Vận may đến mãi đất giàu to.

門迎春下秋冬福
户納東西南北祥
Môn nghinh xuân hạ thu đông phúc.
Hộ nạp đông tây nam bắc tường.
Cửa đón phúc, thu đông xuân hạ.
Nhà thâu lành, nam bắc đông tây.

鶯過重門留好語
花開勝地吐其香
Oanh quá trùng môn lưu hảo ngữ.
Hoa khai thắng địa thổ kỳ hương.
Oanh qua cửa lớp còn lưu tiếng.
Hoa nở đất lành vẫn ngát hương.

祥雲環繞新門第
紅日光臨喜人家
Tường vân hoàn nhiễu tân môn đệ.
Hồng nhật quang lâm hỷ nhân gia.
Cổng mới dựng, mây lành quấn quýt.
Nhà vui mừng, trời đỏ dõi soi.

花春入室春風藹
瑞氣盈門淑景新

Hoa xuân nhập thất xuân phong ái.
Thuỵ khí doanh môn thục cảnh tân.
Hương hoa theo gió xuân vào cửa.
Hơi lành ưa cảnh mới đầy nhà.

擇居仁里和爲貴
喜与人同德有鄰

Trạch cư nhân lý hoà vi quý.
Thiện dữ nhân đồng đức hữu lân.
Chọn ở chỗ nhân hoà mới quý.
Hoà hợp cùng người đức dễ thân.

家居光天化日下
人在細雨和風中

Gia cư quang thiên hoá nhật hạ.
Nhân tại tế vũ hoà phong trung.
Nhà xây chỗ trời mây quang đãng.
Người ở nơi mưa gió thuận hoà.

庭前月色清如許
户外嵐光翠欲流

Đình tiền nguyệt sắc thanh như hứa.
Hộ ngoại lam quang thuý dục lưu.
Trước sân ánh trăng trong hò hẹn.
Ngoài ngõ non mây biếc muốn trôi.

日照新居添錦秀
花栽院圃吐芬芳

Nhật chiếu tân cư thiêm cẩm tú.
Hoa tài viện phố thổ phân phương.
Nắng soi nhà mới thêm vui mắt.
Hoa nở vườn bao vẫn toả hương.

華堂喜對山河秀
福宅欣迎日月輝

Hoa đường hỷ đối sơn hà tú.
Phúc trạch hân nghinh nhật nguyệt huy.
Nhà hoa mừng ngắm non sông đẹp.
Đất phúc hoan nghênh nhật nguyệt ngời.

家居綠水青山畔
人在春風和氣中

Gia cư lục thuỷ thanh sơn bạn.
Nhân tại xuân phong hoà khí chung.
Nhà kề bên nước biếc non xanh.
Người ở giữa gió xuân khí mát.

地久天長門有喜
年風人壽福無邊

Địa cửu thiên trường môn hữu hỷ.
Niên phong nhân thọ phúc vô biên.
Cửa có tin vui trời đất vững.
Phúc không giới hạn thọ thêm giàu.

地無寒舍春常在
居有芳鄰德不孤

Địa vô hàn xá xuân thường tại.
Cư hữu phương lân đức bất cô.
Đất không nhà khó xuân lui tới.
Ở cạnh người hay đức dập dìu.

旭日東升臨大廈
青山含翠映華堂

Húc nhật đông thăng lâm đại hạ.
Thanh sơn hàm thuý ánh hoa đường.
Trời sáng ánh dương vào cửa lớn.
Non xanh ngậm biếc rạng nhà hoa.

春風楊柳鳴金屋
晴雪梅花照玉堂
Xuân phong dương liễu minh kim ốc.
Tinh tuyết mai hoa chiếu ngọc đường.
Gió xuân cợt liễu reo trên nóc.
Tuyết trắng đùa mai chiếu trước nhà.

玉樹琪花香作錦
水光山色翠連雲
Ngọc thụ kỳ hoa hương tác cẩm.
Thủy quang sơn sắc thuý liên vân.
Cây hoa vẻ ngọc tươi như gấm.
Non nước màu xanh biếc tựa mây.

高堂映日開丹桂
新室藏春醉碧桃
Cao đường ánh nhật khai đan quế.
Tân thất tàng xuân tuý bich đào.
Trời đẹp nhà cao đan quế nở.
Xuân đầy chỗ mới bích đào say.

堂凝瑞氣雲追月
棟染谷香秋勝春
Đường ngưng thuy khí vân truy nguyệt.
Đống nhiễm cốc hương thu thắng xuân.
Nhà đọng hơi lành mây giỡn nguyệt.
Cột vương hương núi thu hơn xuân.

新院新防新氣象
好山好水好風光
Tân viện tân phòng tân khí tượng.
Hảo sơn hảo thuỷ hảo phong quang.
Mới viện mới phòng mới cảnh tượng.
Đẹp sông đẹp núi đẹp phong quang.

歲寒三有添新色
和氣滿堂聚德光
Tuế hàn tam hữu thiêm tân sắc.
Hoà khí mãn đường tụ đức quang.
Bộ ba (tùng, trúc, mai) quen lạnh đông càng đẹp.
Một nhà hoà thuận đức thêm tươi.

玉宇前青山似畫
花堂後碧樹成林
Ngọc vũ tiền thanh sơn tự hoạ.
Hoa đường hậu bích thụ thành lâm.
Ngắm trước cửa núi xanh như vẽ.
Nhìn sau nhà cây biếc thành rừng.

淑氣和風光棟宇
銀花玉樹染門庭
Thục khí hoà phong quang đống vũ.
Ngân hoa ngọc thụ nhiễm môn đình.
Khí lành, gió mát quang nhà cửa.
Cây ngọc, hoa ngân rợp trước sân.

美酒盈樽嘉客醉
清風繞宅瑞雲生
Mỹ tửu doanh tôn gia khách tuý.
Thanh phong nhiễu trạch thuỵ vân sinh.
Rượu ngon đầy chén say lòng khách.
Gió mát quang nhà đẹp bóng mây.

山環水抱風光美
柳暗花明景色新
Sơn hoàn thuỷ bão phong quang mỹ.
Liễu ám hoa minh cảnh sắc tân.
Nước non vây bọc phong quang lắm.
Hoa liễu khoe màu cảnh sắc tươi.

瑞雪迎春居大廈
東風送暖進樓臺
Thuỵ tuyết nghinh xuân cư đại hạ.
Đông phong tống noãn tiến lâu đài.
Tuyết mới đón xuân về dưới mái.
Gió đông đưa ấm đến lầu cao.

朴素大方新宅第
勤劳節儉好人家
Phác tố đại phương tân trạch đệ.
Cần lao tiết kiệm hảo nhân gia.
Mộc mạc dễ ưa nhà cửa mới.
Siêng năng tiết kiệm đẹp con người.

水如碧玉山如黛
鳳有高梧鶴有松
Thủy như bích ngọc sơn như đại.
Phượng hữu cao ngô hạc hữu tùng.
Nước như ngọc bích, non như kẻ (vẽ).
Phượng có cành ngô, hạc có tùng.

華堂建就六新力
玉宇落成百匠功
Hoa đường kiến tựu lục thân lực.
Ngọc vũ lạc thành bách tượng công.
Nhà đẹp sáu thân[1] đều góp sức.
Mái ngọc trăm tay thợ góp công.

合天時祥雲連畫棟
得地利峻嶺對新庭
Hợp thiên thời tường vân liên hoạ đống.
Đắc địa lợi tuấn lãnh đối tân đình.

---

[1] Sáu thân gồm: Cha, mẹ, anh, em, vợ, con.

Hợp thiên thời mây lành như bức hoạ.
Được địa lợi núi đẹp đứng trước nhà.

東令如春江山吐秀
生財有道棟宇增輝

Đông lệnh như xuân giang sơn thổ tú.
Sinh tài hữu đạo đống vũ tăng huy.
Đông đẹp như xuân, núi sông lắm vẻ.
Làm giàu có cách, nhà cửa thêm quang.

喬遷喜天地人共喜
新居榮福祿壽全榮

Kiều thiên hỷ thiên địa nhân cộng hỷ.
Tân cư vinh phúc lộc thọ toàn vinh.
Thăng tiến mừng, trời, đất, người cùng mừng.
Nhà mới vui, phúc lộc đất người thọ đều vui.

竹風留客飲
松月伴賓茶

Trúc phong lưu khách ẩm.
Tùng nguyệt bạn tân trà.
Gió trúc lưu bạn rượu.
Trăng tùng đón khách trà.

鳥鳴千户竹
書枕一床風

Điểu minh thiên hộ trúc.
Thư chẩm nhất sàng phong.
Chim ca, trúc ngàn khóm.
Sách gối, gió một giường.

為愛鳥聲多種樹
欲留花氣不垂帘

Vị ái điểu thanh đa chủng thụ.

Dục lưu hoa khí bất thuỳ liêm.
Bởi yêu chim hót cây trồng lắm.
Vì luyến hương hoa chẳng rủ rèm.

架 上 詩 書 無 暇 日
階 前 草 木 總 長 春
Giá thượng thi thư vô hạ nhật.
Giai tiền thảo mộc tổng trường xuân.
Sách hay đầy giá không khi rỗi.
Thềm trước nhiều cây có sẵn xuân.

梅 召 春 光 蘭 遣 夏
菊 呈 秋 色 竹 凌 冬
Mai triệu xuân quang lan khiển hạ .
Cúc trình thu sắc trúc lăng đông.
Mai gọi xuân về, lan khiến hạ.
Cúc tin thu tới, trúc nhờn đông.

自 喜 軒 窗 無 俗 韻
亦 知 草 木 有 眞 香
Tự hỷ hiên song vô tục vận.
Diệc tri thảo mộc hữu chân hương.
Mừng thấy hiên song không tiếng tục.
Vẫn hay cây cỏ có hương thầm.

庭 前 瑞 發 花 成 錦
門 外 春 來 鳥 唱 歌
Đình tiền thụy phát hoa thành cẩm.
Môn ngoại xuân lai điểu xướng ca.
Sân trước khí lành hoa gấm dệt.
Cổng ngoài xuân đến tiếng chim ca.

房 中 雅 奏 同 心 曲
室 内 應 無 交 滴 聲

Phòng trung nhã tấu đồng tâm khúc.
Thất nội ưng vô giao trích thanh.
Trong phòng nên sẵn nhạc đồng tâm.
Chỗ ở chớ lắm lời châm chọc.

好山入座清如洗
嘉樹當窗翠欲流
Hảo sơn nhập toạ thanh như tẩy.
Gia thụ đương song thuý dụclưu.
Núi đẹp ngồi thiền lòng rửa sạch.
Cây xanh bên cửa biếc như trôi.

傾壺待客花開後
出竹吟詩月上時
Khuynh hồ đãi khách hoa khai hậu.
Xuất trúc ngâm thi nguyệt thượng thời.
Nghiêng bầu đãi khách sau hoa nở.
Cạnh trúc ngâm thơ lúc mọc trăng.

野樹穿花月在澗
清風拂座竹環門
Dã thụ xuyên hoa nguyệt tại giản.
Thanh phong phất toạ trúc hoàn môn.
Trăng khe thấp thoáng hoa sườn núi.
Trúc ngõ la đà gió mát lay.

得好友來如對月
有佳書讀勝看花
Đắc hảo hữu lai như đối nguyệt.
Hữu giai thư độc thắng khan hoa.
Bạn tốt đến nhà như trước nguyệt.
Sách hay đang đọc biếng thăm hoa.

數竿修竹三間屋

一席清風萬壑雲
Sổ can tu trúc tam gian ốc.
Nhất tịch thanh phong vạn hác vân.
Ba gian nhà, dăm hàng trúc biếc.
Vạn đám mây một chiếu gió thanh.

明月清風開浪韻
高山流水有知音
Minh nguyệt thanh phong khai lãng vận.
Cao sơn lưu thủy hữu tri âm.
Gió mát trăng thanh vần điệu đẹp.
Non cao nước chảy bạn bè thân.

居心中正明如鏡
接物寬和藹似春
Cư tâm trung chính minh như kính.
Tiếp vật khoan hoà ái tự xuân.
Sáng tựa gương trong lòng thẳng thắn.
Tươi như xuân đẹp vẻ khoan hoà.

愛客襟懷春滿座
照人肝膽月盈庭
Ái khách khâm hoài xuân mãn toạ.
Chiếu nhân can đảm nguyệt doanh đình.
Quý khách thấy lòng xuân mọi chỗ.
Soi người gan mật nguyệt đầy sân.

獨坐每將書作伴
閉門常与竹爲鄰
Độc toạ mỗi tương như tác bạn.
Bế môn thường dữ trúc vi lân.
Mình ngồi sách vở quen làm bạn.
Đóng cửa xóm giềng trúc vẫn thân.

一庭花發來知己

半卷書開見古人
Nhất đình hoa phát lai tri kỷ.
Bán quyển thư khai kiến cổ nhân
Một sân hoa nở chờ tri kỷ.
Nửa quyển dành xem thấy cổ nhân.

窗前草色侵吟席
帘外花香入瑞軒
Song tiền thảo sắc xâm ngâm tịch.
Liêm ngoại hoa hương nhập thuỵ hiên.
Sắc cỏ bên song vào chiếu đọc.
Hương hoa rèm trước ngát hương nằm.

詩情畫意皆良友
鳥語花香最可人
Thi tình hoạ ý giai lương hữu.
Điểu ngữ hoa hương tối khả nhân.
Tình thơ ý hoạ đây người tốt.
Chim hót hoa hương đấy kẻ hay.

樹影横窗知月上
花香入夢覺春來
Thụ ảnh hoành song tri nguyệt thượng.
Hoa hương nhập mộng giác xuân lai.
Bóng cây xuyên cửa biết trăng lên.
Hương hoa vào mộng hay xuân đến.

愛容常開新釀酒
呼童時展舊藏書
Ái dung thường khai tân nhưỡng tửu.
Hô đồng thời triển cựu tàng thư.
Ủ được nồi men tươi tỉnh mặt.
Phơi dăm pho sách lại hò con.

月浸一帘花影瘦

風搖半榻竹陰涼
Nguyệt tẩm nhất liêm hoa ảnh sấu.
Phong dao bán tháp trúc âm lương.
Ánh trăng rèm ngập khiến hoa gầy.
Giường ngủ gió lay nên trúc mát.

門對好山惟種竹
園通活水可澆蔬
Môn đối hảo sơn duy chủng trúc.
Viên thông hoạt thuỷ khả kiêu sơ.
Cửa trước núi cao nên cắm trước.
Vườn thông dòng chảy nhớ trồng rau.

深院塵稀書韻雅
明窗風靜墨花香
Thâm viện trần hy thư vận nhã.
Minh song phong tĩnh mặc hoa hương.
Nhà vắng bụi trần vần điệu nhã.
Gió yên song sáng mực hương đưa.

家有藏書墨庄香遠
門無俗客竹徑風清
Gia hữu tàng thư mặc trang hương viễn.
Môn vô tục khách trúc kính phong thanh.
Nhà có chứa sách hương mực bay xa.
Cổng không khách tục lối trúc gió mát.

午枕聽儿吟好句
晚窗留客弄殘棋
Ngọ chẩm thính nhi ngâm hảo cú.
Vãn song lưu khách lộng tàn kỳ.
Trưa nằm nghe trẻ, ngâm câu đẹp.
Song muộn người lưu, dở cuộc cờ.

好花四時明月千古

遠峰一角奇書半床
Hảo hoa tứ thời minh nguyệt thiên cổ.
Viễn phong nhất giác kỳ thư bán sàng.
Bốn mùa hoa đẹp, trăng sáng muôn đời.
Gió xa chợt tỉnh, sách lạ nửa giường.

高敞軒窗迎海月
預栽花木待春風
Cao thưởng hiên song nghinh hải nguyệt.
Dự tài hoa mộc đãi xuân phong.
Hiên song thoáng mát chờ trăng biển.
Hoa cỏ vun trồng đợi gió xuân.

良友遠來异書新得
好花半放美酒爲醺
Lưỡng hữu viễn lai dị thư tân đắc.
Hảo hoa bán phóng mỹ tửu vi huân.
Sách lạ mới hay, mừng bạn đến thăm.
Rượu ngon hơi say, đợi xem hoa nở.

室外獨留滋卉地
年來幸得養花天
Thất ngoại độc lưu tư huỷ địa.
Niên lai hạnh đắc dưỡng hoa thiên.
Mảnh đất trước nhà trồng cây đẹp.
Sang năm may được tưới hoa tươi.

竹影横窗花香入室
香光交夢秋月沁心
Trúc ảnh hoành song hoa hương nhập thất.
Xuân quang giao mộng thu nguyệt tẩm tâm.
Bóng trúc qua song, hương hoa vào cửa.
Ánh xuân đưa mộng, thu nguyệt ngấm lòng.

舊書細讀猶多味

佳客能來不費招
Cựu thư tế độc do đa vị.
Giai khách năng lai bất phí chiêu.
Sách xưa đọc kỹ còn nhiều vị.
Khách quý năng thăm chớ ngại mời.

白鳥多情留人小住
青山無語与我神交
Bạch điểu đa tình lưu nhân tiểu trú.
Thanh sơn vô ngữ dữ ngã thần giao.
Cò trắng có tình được người thoáng ngắm.
Núi xanh không tiếng cũng hiểu ngầm ta.

花徑不曾緣客掃
蓬門今始為君開
Hoa kính bất tằng duyên khách tảo.
Bồng môn kim thuỷ vị quân khai.
Lối hoa chưa kén duyên người quét.
Non bồng nay đã mở ngài coi.

桂花開時香雲成海
明月高處廣寒有居
Quế hoa khai thời hương vân thành hải.
Minh nguyệt cao xứ quảng hàn hữu cư.
Một biển hương mây, mùa hoa quế nở.
Đầu non cung quảng, bóng trăng treo cao.

秋菊開三徑
琴書萃一堂
Thu cúc khai tam kính.
Cầm thư tuỵ nhất đường.
Cúc thu trồng ba luống.
Đàn sách gắng một nhà.

花心起墨彙

春色散毫端
Hoa tâm khởi mặc vựng.
Xuân sắc tán hào đoan.
Nở hoa lúc mài mực.
Sắc xuân trên nét vương.

意飄雲物外
詩入畫圖中
Ý phiêu vân vật ngại.
Thi nhập hoạ đồ trung.
Ý bay ngoài sự vật.
Thơ vào trong hoạ đồ.

聲言宣至理
古意發高文
Thanh ngôn tuyên chí lý.
Cổ ý phát cao văn.
Bàn suông nói cạn lẽ.
Ý cổ nẩy văn hay.

筆酣詩意厚
墨舞友情深
Bút cam thi ý hậu.
Mặc vũ hữu tình thâm.
Bút say thơ ý hậu.
Mực múa bạn tình thân.

墨醉花香動
文成劍氣毫
Mặc tuý hoa hương động.
Văn thành Kiếm khí hào.
Mực say hương hoa động.
Văn xong khí kiếm hào.

推窗觀日月
揮筆起雲煙
Suy song quan nhật nguyệt.
Huy bút khởi vân yên.
Mở song xem nhật nguyệt.
Múa bút tả khói mây.

水石窮幽賞
文章識大家
Thuỷ thạch cùng u thưởng.
Văn chương thức đại gia.
Khe suối cùng thưởng ngoạn.
Văn chương biết tài hoa.

春風寄瀟洒
大雅含華容
Xuân phong ký tiêu sái.
Đại nhã hàm hoa dung.
Gió xuân vốn phóng khoáng.
Đức lớn sẵn khoan dung.

欲知天地事
須讀古今書
Dục tri thiên địa sự.
Tu độc cổ kim thư.
Muốn biết chuyện trời đất.
Nên đọc sách xưa nay.

退筆如山未足惜
讀書萬卷始通神
Thoái bút như sơn vị túc tích.
Độc thư vạn quyển thuỷ thông thần.
Bút cao như núi còn không tiếc.
Sách đọc muôn pho mới thấy thông.

杯沾花露留佳客
案接雲山檢异書
Bôi triêm hoa lộ lưu giai khách.
Án tiếp vân sơn kiểm dị thư.
Chén thấm sương hoa lưu khách quý.
Án liền mây núi kiểm sách hay.

遙看北斗挂南岳
常撞大呂應黃鍾
Dao khoan bắc đẩu quải nam nhạc.
Thường chàng đại lữ ứng hoàng chung.
Xa trông Bắc đẩu trên Nam nhac.
Thường ca Đại lữ tấu Hoàng chung.

片紙能見天下意
一毫可畫古今情
Phiến chỉ năng kiến thiên hạ lý.
Nhất hào khả hoạ cổ kim tình.
Mảnh tờ hay thấy ý thiên hạ.
Một nét vẽ nên tình cổ kim.

名畫要如詩句讀
古琴兼作水聲聽
Danh hoạ yêu như thi cú độc.
Cổ cầm kiêm tác thuỷ thanh thinh.
Bức vẽ đẹp như bài thơ hay.
Tiếng đàn xưa như dòng suối chảy.

書到精絶方弄險
詩窮蹇滯更吟豪
Thư đáo tinh nguyệt phương lộng hiểm.
Thi cùng kiển trệ cánh ngâm hào.
Sách đến tột vời thường hiểu khó.
Thơ càng ngưng đọng mới ngâm hay.

雨惊詩夢來蕉葉
風載書聲出藕花
Vũ kinh thi mộng lai tiêu diệp.
Phong đới thư thanh xuất ngẫu hoa.
Thánh thót tàu tiêu tỉnh mộng thơ.
Phơ phất sen đưa lời đọc sách.

風月有情常似舊
丹青妙處不堪傳
Phong nguyệt hữu tình thường tự cựu.
Đan thanh diệu xứ bất kham truyền.
Trăng gió có tình nên vốn biết.
Sắc màu chốn đẹp khó hay ghi.

山川佳色澄懸鏡
松竹清陰靜讀書
Sơn xuyên giai sắc trừng huyền kính.
Tùng trúc thanh âm tĩnh độc thư.
Trăng treo vẻ đẹp ngời sông núi.
Sách đọc thầm nghe vẳng tiếng tùng.

几上江湖書一卷
窗前燈火夜三更
Kỷ thượng giang hồ thư nhất quyển.
Song tiền đăng hoả dạ tam canh.
Trên ghế giang hồ một pho sách.
Trước song đèn thắp suốt ba canh.

衣襟半染煙霞氣
詩卷長留天地間
Y khâm bán nhiễm yên hà khí.
Thi quyển trường lưu thiên địa gian.
Vạt áo nửa phần sương khói nhuộm.
Quyển thơ đành gửi đất trời lưu.

花木清香庭院翠
琴書雅趣館堂幽
Hoa mộc thanh hương đình viện thuý.
Cầm thư nhã thú quán đường u.
Hoa lá thơm hương, sân viện biếc.
Sách đàn thú nhã, quán thanh u.

文姿筆態雲山里
畫意詩情煙樹中
Văn tư bút thái vân sơn lý.
Hoạ ý thi tình yên thụ trung.
Thần thái bút văn mây với núi.
Ý tình thi họa khói cùng cây.

春庭草色和煙暖
午夜書聲帶月寒
Xuân đình thảo sắc hoà yên noãn.
Ngọ dạ thư thanh đới nguyệt hàn.
Sắc cỏ sân xuân làn khói ấm.
Đêm về đọc sách lạnh trăng khuya.

名花照眼春光滿
奇句天開妙論高
Danh hoa chiếu nhãn xuân quang mãn.
Kỳ cú thiên khai diệu luận cao.
Hoa thơm mắt ngó xuân đầy sáng.
Thơ lạ trời xui ý mới cao.

吟成不覺野花語
睡起忽聞山鳥鳴
Ngâm thành bất giác dã hoa ngữ.
Thụy khởi hốt văn sơn điểu minh.
Ngâm lên mới biết hoa đồng nói.
Tỉnh dậy vừa hay chim núi kêu.

文成蕉葉書猶綠
吟到梅花字亦香
Văn thành tiêu diệp thư do lục.
Ngâm đáo mai hoa tự diệc hương.
Văn ghi trên lá xanh còn đượm.
Thơ nói về mai, chữ cũng thơm.

春雲曉室琴書潤
嘉樹當軒几席清
Xuân vân nhiễu thất cầm thư nhuận.
Gia thụ đương hiên kỷ tịch thanh.
Nhà phủ mây xuân đàn sách nhuận.
Hiên trùm cây tốt chốn ngồi thanh.

閑栽蕉葉題唐句
細嚼梅花讀漢書
Nhàn tài tiêu diệp đề Đường cú.
Tế tước mai hoa độc Hán thư.
Nhàn thu lá rụng, chép thơ Đường.
Nghiền ngẫm hoa mai, đọc sách Hán.

雲淡雨香詩世界
水流花放畫根源
Vân đạm vũ hương thi thế giới.
Thuỷ lưu hoa phóng hoạ căn nguyên.
Mưa hương, mây nhạc, thơ thế giới.
Nước chảy, hoa trôi, hoạ cội nguồn.

萬卷詩書如好友
一樽談笑伴高人
Vạn quyển thi thư như hảo hữu.
Nhất tôn đàm tiếu bạn cao nhân.
Vạn quyển thi thư như bạn tốt.
Một trướng đàm tiếu bạn người cao.

花間酌酒邀明月
石上題詩掃綠苔
Hoa gian chước tửu yêu minh nguyệt.
Thạch thượng đề thi tảo lục đài.
Chuốc rượu bên hoa mời trăng sáng.
Đề thơ đầu núi quét rêu xanh.

文名遠播如長夢
書法精求得永和
Văn danh viễn bá như trường mộng.
Thư pháp tinh cầu đắc vĩnh hòa.
Văn tài nổi tiếng hay dài mộng.
Thư pháp cầu tinh hãy vững tay.

石壁挂藤通篆意
桐陰滴露挹琴聲
Thạch bích quải đằng thông triện ý.
Đồng âm trích lộ ấp cầm thanh.
Vách đá dây leo truyền ý chữ.
Bóng đồng[1] sương giọt dẫn đàn thanh.

法取蘭亭存氣韻
書隨時代見精神
Pháp thủ lan đình tồn khí vận.
Thư tuỳ thời đại kiến tinh thần.
Pháp chọn lan đình hay vận khí.
Thư theo thời đại đủ tinh thần.

琴窗古韻長生趣
藝苑溫馨足慰情
Cầm song cổ vận trường sinh thú.
Nghệ uyển ôn hinh túc uỷ tình.

---

[1] Cây ngô đồng.

Thú trường sinh điệu cổ song đàn.
Tình an ủi vườn thơm nghệ thuật.

天館文毫爭色彩
萬家詩墨兢風流
Thiên quản văn hào tranh sắc thái.
Vạn gia thi mặc cạnh phong lưu.
Ngàn quản bút lông đua sắc thái.
Vạn nhà thơ mực đấu phong lưu.

眞抒情意多文采
苦練筆功達自然
Chân trữ tình ý đa văn thái.
Khổ luyện bút công đạt tự nhiên.
Diễn đạt ý tình nhiều văn vẻ.
Luyện rèn nét bút đạt tự nhiên.

盛世書風多浩氣
晩年池墨大精神
Thịnh thế thư phong đa hạo khí.
Vãn niên trì mặc đại tinh thần.
Tuổi trẻ văn phong giàu hạo khí.
Khi già nét bút mạnh tinh thần.

重帘不卷留香水
古硯微凹聚墨多
Trọng liêm bất quyển lưu hương cửu.
Cổ nghiễn vị ao tụ mặc đa.
Rèm nặng giữ hượng nên chẳng cuốn.
Nghiên xưa đọng mực bởi lòng sâu.

喜我詞章無俗韻
愛人畫品友清操
Hỷ ngã từ chương vô tục vận.

Ái nhân hoạ phẩm hữu thanh thao.
Mừng tớ văn chương không vẻ tục.
Yêu người hoạ phẩm có màu thanh.

竹露松風蕉葉雨
茶煙琴韻讀書聲
Trúc lộ tùng phong tiêu diệp vũ.
Trà yêu cầm vận độc thư thanh.
Sương trúc gió tùng mưa tàu chuối.
Khói trà tiếng nhạc giọng bình văn.

詩書千載經綸事
松竹四時瀟洒心
Thi thư thiên tải kinh luân sự.
Tùng trúc tứ thời tiêu sái tâm.
Thi thư ngàn thuở việc kinh luân.
Tùng trúc bốn mùa lòng thư thái.

對韻求工藏國醉
聯詩術志顯民風
Đối vận cầu công tàng quốc tuý.
Liên thi thuật chí hiểnn dân phong.
Vần đối khéo tìm mang quốc tuý.
Thi liên thuật chí hiển dân phong.

清新雋永詩書氣
朴素天眞寒墨情
Thanh tân tuyển vĩnh thi thư khí.
Phác tố thiên chân hàn mặc tình.
Thanh tân ý vị khí thi thư.
Chất phác tính trời tình bút mực.

閑處攜書花下讀
興來得句竹間吟

Nhàn xử huề thư hoa hạ độc.
Hứng lai đắc cú trúc gian ngâm.
Đọc sách dưới hoa ngồi lúc rỗi.
Ngâm thơ bên trúc hứng khi về.

閑拈古帖林池寫
靜捧奇書就月觀
Nhàn niêm cổ thiếp lâm tri tả.
Tĩnh bổng kỳ thư tựu nguyệt quan.
Nhàn mang thiếp cũ bên ao viết.
Tĩnh đem sách lạ dưới trăng xem.

韻筆不靈看燕舞
行文無自賞花開
Vận bút bất linh khan yến vũ.
Hành văn vô tự thưởng hoa khai.
Ngó thấy ngòi khô, ngắm yến bay.
Trông chừng văn bí, xem hoa nở.

人居百尺松蘿上
詩在天層花雨中
Nhân cư bách xích tùng la thượng.
Thi tại thiên tầng hoa vũ trung.
Người nằm trên ngọn tùng trăm thước.
Thơ ở dưới mưa hoa ngàn tầng.

墨池煙藹花間露
茗鼎香浮竹外雲
Mặc trì yên ái hoa gian lộ.
Minh đỉnh hương phù trúc ngoại vân.
Ao mực khói trùm sương đọng hoa.
Chén trà hương toả mây mờ trúc.

鳥向枝頭催筆韻

梅從花外度書聲
Điểu hướng chi đầu thôi bút vận.
Mai tòng hoa ngoại độ thư thanh.
Chim hướng đầu cành giục vần bút.
Mai đến cùng hoa đưa tiếng thơ.

小苑詩風籠翠墨·
怡亭筆興拜青藤
Tiểu uyển thi phong lung thuý mặc.
Di đình bút hứng bái thanh đằng.
Vườn nhỏ gió thơ trùm mực biếc.
Đình chơi hứng bút vái dây xanh.

雅言不在詩文外
琴德原超絲竹間
Nhã ngôn bất tại thi văn ngoại.
Cầm đức nguyên siêu ty trúc gian.
Thơ văn vẫn sẵn lời tao nhã.
Tơ trúc nằm trong đức ngón đàn.

丹青落紙化春色
彩墨從心題妙詩
Đan thanh lạc chỉ hoá xuân sắc.
Thái mặc tòng tâm đề diệu thi.
Sắc màu trên giấy cảnh đầy xuân.
Nét mực theo lòng thơ đến tuyệt.

細雨暗滋書策草
春風首報墨家香
Tế vũ ám tư thư sách thảo.
Xuân phong thủ báo mặc gia hương.
Mưa nhỏ thấm dần trang giấy viết.
Gió xuân báo trước mực nhà thơm.

客去茶甘流舌本

睡余書味在胸中

Khách khứ trà cam lưu thiệt bản.

Thuy dư thư vị tại hung trung.

Khách về cuống lưỡi dư trà ngọt.

Muộn dậy trong lòng có vị thơ.

華堂入雲江山添一景

大廈落成農户樂三春

Hoa đường nhập vân giang sơn thiêm nhất cảnh.

Đại hạ lạc thành nông hộ lạc tam xuân.

Nhà đẹp mây trùm non nước góp thêm một cảnh.

Mái to mới lợp, nhà nông vui đến ba xuân.

吉日遷居萬事如意

良辰安宅百年遂心

Cát nhật thiên cư vạn sự như ý.

Lương thời an trách bách niên toại tâm.

Ngày tốt dọn nhà muôn việc đẹp ý.

Giờ lành yên chỗ trăm năm vừa lòng.

笑語聲聲共慶喬遷喜

腊梅朵朵同妝進取樓

Tiếu ngữ thanh thanh cộng khách kiều thiên hỷ.

Lạp mai đoá đoá đồng trang tiến thủ lâu.

Oang oang cười nói, chúc mừng tin tốt vinh thăng.

Đoá đóa mai vàng, tô đẹp lầu cao tiến thủ.

一輪明月

四壁清風

Nhất luân minh nguyệt.

Tứ bích thanh phong.

Một vành trăng trong.

Bốn bề gió mát.

詩寫梅華月
茶煎谷雨春
Thi tả mai hoa nguyệt.
Trà tiên cốc vũ hương.
Thơ hoa mai dưới nguyệt.
Trà nước suối thơm hương.

閑搜妙句書紅葉
忽得新詩寄白雲
Nhàn sưu diệu cú thư hồng diệp.
Hốt đắc tân thi ký bạch vân.
Lá hồng rỗi lượm ghi câu đẹp.
Mây trắng tin dùm mới có thơ.

來看絶妙畫
共賞無聲詩
Lai khan tuyệt diệu hoa.
Cộng thưởng vô thanh thi.
Đến xem hoa tuyệt đẹp.
Cùng thưởng thơ vô thanh.

書山覓玉
學海泛舟
Thư sơn mịch bảo.
Học hải phiếm chu.
Núi sách tìm ngọc.
Biển học dạo thuyền.

讀書眞福樂
賞畫悅心神
Độc thư chân phúc lạc.
Thưởng hoạ duyệt tâm thần.
Đọc sách thực phúc lạc.
Ngắm hoạ vui tâm thần.

書畫益壽
金石延年
Thư hoạ ích thọ.
Kim thạch diên niên.
Thư hoạ tăng thọ.
Vàng đá thêm năm.

雅琴飛白雪
高論橫青雲
Nhã cầm phi bạch tuyết.
Cao luận hoành thanh vân.
Đàn nhã bay tuyết trắng.
Lời hay chắn mây xanh.

書存金石氣
室有蕙蘭香
Thư tồn kim thạch khí.
Thất hữu huệ lan hương.
Sách bền khí vàng đá.
Nhà có hương huệ lan.

學語春鶯轉
書窗秋雁斜
Học ngữ xuân oanh chuyển.
Thư song thu nhạn tà.
Oanh xuân chuyển giọng học.
Nhạn thu sà thư song.

几淨雲生硯
窗明月映書
Kỷ tĩnh vân sinh nghiễn.
Song minh nguyệt ánh thư.
Ghế tĩnh mây trong nghiên.
Song sáng trăng soi sách.

詩情畫意
琴韻書聲
Thi tình hoạ ý.
Cầm vận thư thanh.
Tình thơ ý hoạ.
Đàn vận sách tiếng.

圖書聚所好
竹柏得棋真
Đồ thư tụ sở hảo.
Trúc bách đắc kỳ chân.
Đồ thư tụ chỗ tốt.
Trúc bách được là ngay.

松風煮茗
竹雨談詩
Tùng phong chử minh.
Trúc vũ đàm thi.
Gió tùng trà pha.
Mưa trúc thơ luận.

琴書多古意
水石澹幽居
Cầm thư đa cổ ý.
Thuỷ thạch đạm u cư.
Sách đàn nhiều ý cổ.
Suối đá dợn hang u.

書林漫步
學海遨游
Thư lâm mạn bộ.
Học hải ngao du.
Rừng sách đi dạo.
Biển học ngao du.

爽目詩書畫
悅神梅竹蘭
Sảng mục thi thư hoạ.
Duyệt thần mai trúc lan.
Sáng mắt thi thư hoạ.
An thần mai trúc lan.

書畫怡且樂
金石壽而康
Thư hoạ di thả lạc.
Kim thạch thọ nhi khang.
Thư hoạ nhã mà vui.
Vàng đá thọ lại khoẻ.

博通上下
雅集古今
Bác thông thượng hạ.
Nhã tập cổ kim.
Rộng thông trên dưới.
Khéo học xưa nay.

高窗妙挹千川月
小屋長看四季春
Cao song diệu ấp thiên xuyên nguyệt.
Tiểu ốc trường khan tứ quý xuân.
Ngàn ánh trăng ôm cửa sổ cao.
Bốn mùa xuân ngắm ngôi nhà nhỏ.

博覽群書見多識廣
兼采百家目明耳聰
Bác lãm quần thư kiến đa thức quảng.
Kiêm thái bách gia mục minh nhĩ thông.
Mọi sách đọc qua, kiến thức sâu rộng.
Trăm nhà kiêm đủ, tai mắt thông minh.

筆永健
藝常青
Bút vĩnh kiện.
Nghệ thường thanh.
Bút luôn mạnh.
Vẻ thường tươi.

筆酣墨暢
心曠神怡
Bút cam mặc sướng.
Tâm khoáng thần di.
Bút mực say sưa.
Tâm hồn phóng khoáng.

喜有和風駐
欣無俗客來
Hỷ hữu hoà phong trú.
Hân vô tục khách lai.
Mừng có gió mát tới.
Vui không khách tục thăm.

風雲三尺劍
花鳥一床書
Phong vân tam xích kiếm.
Hoa điểu nhất sàng thư.
Gió mây kiếm ba thước.
Chim hoa sách một giường.

伴我書千卷
可人花一帘
Bạn ngã thư thiên quyển.
Khả nhân hoa nhất liêm.
Bạn ta sách ngàn cuốn.
Người tốt hoa một rèm.

室雅何須大
花香不在名
Thất nhã hà tu đại.
Hoa hương bất tại đa.
Nhà nhã cần gì lớn.
Hoa thơm chẳng ở nhiều.

墨研清露月
琴晌碧千秋
Mặc nghiên thanh lộ nguyệt.
Cầm hưởng bích thiên thu.
Mực mài sương nguyệt trong.
Tiếng đàn trời thu biếc.

逢人覽妙句
流客聽清泉
Phùng nhân lãm diệu cú.
Lưu khách thính thanh tuyền.
Gặp người xem câu tuyệt.
Giữ khách tiếng suối trong.

桂香清院落
梅影小窗紗
Quế hương thanh viện lạc.
Mai ảnh tiểu song sa.
Hương quế lọt nhà thanh.
Ảnh mai qua rèm nhỏ.

風清楊柳夢
月淡海棠陰
Phong thanh dương liễu mộng.
Nguyệt đạm hải đường âm.
Gió mát mộng dương liễu.
Trăng nhạt đậm hải đường.

香開梅映月
爽挹竹明秋
Hương khai mai ánh nguyệt.
Sảng ấp trúc minh thu.
Hương thanh, mai ánh nguyệt.
Khí nhã trúc với thu.

窗開千里月
硯洗一雞雲
Song khai thiên lý nguyệt.
Nghiễn tẩy nhất khê vân.
Song đầy trăng vạn dặm.
Nghiên rửa mây một khe.

貴客常盈座
樽中酒不空
Quý khách thường doanh toạ.
Tôn trung tửu bất không.
Khách quý thường đông đảo.
Chén rượu chẳng hề vơi.

客來花欲笑
人与月同清
Khách lai hoa giục tiếu.
Nhân dữ nguyệt đồng thanh.
Chúm chiếm hoa chào khách.
Thủ thỉ người với trăng.

竹深留客處
荷淨納良時
Trúc thâm lưu khách xứ.
Hà tịnh nạp lương thời.
Trúc dày nơi khách lưu.
Sen sạch hứng gió mát.

花明生喜氣
客雅起香風
Hoa minh sinh hỷ khí.
Khách nhã khởi hương phong.
Hoa tươi sinh khí đẹp.
Khách nhã toả mùi hương.

梅香入夢
竹影橫窗
Mai hương nhập mộng.
Trúc ảnh hoành song.
Hương mai vào mộng.
Ảnh trúc ngang song.

椅欄吟夜月
卷帘挹春風
Ỷ lan ngâm dạ nguyệt.
Quyển liêm ấp xuân phong.
Tựa lan ngâm trăng tối.
Cuộn rèm đón gió xuân.

春怡眼底
月在堂前
Xuân di nhãn để.
Nguyệt tại đường tiền.
Xuân trong đáy mắt.
Trăng ở trước nhà.

月影窗前靜
琴聲雨後清
Nguyệt ảnh song tiền tĩnh.
Cầm thanh vũ hậu thanh.
Trước song ánh trăng lặng.
Sau mưa tiếng đàn trong.

四時佳景
滿座高明
Tứ thời giai cảnh.
Mãn toạ cao minh.
Bốn mùa cảnh đẹp.
Lắm khách cao minh.

斗室乾坤大
寸心天地寬
Đẩu thất càn khôn đại.
Thốn tâm thiên địa khoan.
Nhà nhỏ vũ trụ to.
Tấc lòng trời đất rộng.

相見亦無事
不來忽億君
Tương kiến diệc vô sự.
Bất lai hốt ức quân.
Gặp mặt biết vô sự.
Xa nhau thấy nhớ người.

溪聲來枕上
山翠落樽前
Khê thanh lai chẩm thượng.
Sơn thuý lạc tôn tiền.
Bên gối vẳng tiếng suối.
Đáy cốc hiện non xanh.

瑞藹佳地
福蘊新居
Thuỵ ái giai địa.
Phúc uẩn tân cư.
Đất tốt mây lành.
Nhà mới chứa phúc.

祥雲籠吉地
嘉樹拂新軒
Tường vân lung cát địa.
Gia thụ phất tân hiện.
Mây lành phủ đất lành.
Cây đẹp che hiên đẹp.

門庭多福
日月重光
Môn đình đa phúc.
Nhật nguyệt trùng quang.
Cửa nhà lắm phúc.
Nhật nguyệt lại quang.

祥光浮紫閣
喜氣繞朱軒
Tường quang phù tử các.
Hỷ khí nhiễu chu hiên.
Mây lành vờn gác tía.
Khí tốt phủ hiên son.

日麗新居暖
風和甲第安
Nhật lệ tân cư noãn.
Phong hoà giáp đệ an.
Đẹp trời ấm chỗ mới.
Lặng gió yên cửa nhà.

上梁喜鵲叫
豎柱彩霞飛
Thượng lương hỷ thước khiếu.
Thụ trụ thái hà phi.
Khách kêu chúc cất xà.
Ráng bay mừng dựng cột.

明月一輪滿
德門四處和
Minh nguyệt nhất luân mãn.
Đức môn tứ xứ hoà.
Trăng sáng một vành đầy.
Cửa đức bốn xứ thuận.

祥光臨福地
喜氣滿新居
Tường quang lâm phúc địa.
Hỷ khí mãn tân cư.
Mây lành đến đất phúc.
Khí tốt đầy nhà mới.

豎千年柱
架萬代梁
Thụ thiên niên trụ.
Giá vạn đại lương.
Dựng cột ngàn năm.
Gác xà muôn thuở.

吉星高照
福地呈祥
Cát tinh cao chiếu.
Phúc địa trình tường.
Sao tốt chiếu cao.
Đất phúc điềm lành.

山環水繞
人傑地靈
Sơn hoàn thuỷ nhiễu.
Nhân kiệt địa linh.
Núi quanh nước cuộn.
Người kiệt đất linh.

奠定千秋業
撑起萬載梁
Điện định thiên thu nghiệp.
Xanh khởi vạn tải lương.
Định sự nghiệp ngàn thu.
Dựng cây xà muôn thuở.

婺星西隕恩無既
泰水冬流淚与同
Vụ tinh tây vẫn ân vô ký.
Thái thuỷ đông lưu lệ dữ đồng.
Vụ tinh tây rụng ơn còn để.
Dòng thái đông về lệ chảy chung.

满苑禾苗傷化雨
一門桃李哭春風
Mãn uyển hoà miêu thương hoá vũ.
Nhất môn đào lý khốc xuân phong.
Đầy đồng lúa mạ thương mưa xuống.
Một cổng mận đào khóc gió xuân.

欲見嚴容何處覓
唯思良訓弗能文
Dục kiến nghiêm dung hà xứ mịch.
Duy tư lương huấn phất năng văn.
Vẻ nghiêm muốn thấy tìm đâu gặp.
Lời dậy hằng mong chẳng được nghe.

眉間爽氣無缘見
座右聲言不再聞
Mi gian sảng khí vô duyên kiến.
Toạ hữu thanh ngôn bất tái văn.
Cận kề hào khí không duyên gặp.
Ngồi cạnh lời hay chẳng lại nghe.

宮娥此日先題詠
丹桂他年任取攜
Cung nga thử nhật tiên đề vịnh.
Đan quế tha niên nhiệm thủ huề.
Cung nga ngày ấy đã đề vịnh.
Đan quế năm sau sẽ vịn tay.

莫把寒宮攀桂手
漫題彩筆畫娥眉
Mạc bả hàn cung phan quế thủ.
Mạn đề thái bút hoạ nga my.
Đâu chỉ cung hàn tay vịn quế.
Tạm đem bút tốt vẽ mày ngài.

好把蟾宮攀桂手
輕拈兔穎畫娥眉
Hảo bả thiềm cung phan quế thủ.
Khinh niêm thỏ dĩnh họa nga my.
Đã khéo cung thiềm tay vịn quế.
Còn đem bút thỏ vẽ mày ngài.

彩麗燭花開好夜
香飄桂苑發來秋
Thái lệ chúc hoa khai hảo dạ.
Hương phiên quế uyển phát lai thu.
Rực rỡ đuốc hoa đêm toả sáng.
Hương bay vườn quế báo thu sang.

構邊紅葉漂秋水
月李素娥映彩霞
Cấu biên hồng diệp tiêu thụ thuỷ.
Nguyệt lý tố nga ánh thái hà.
Lá đỏ trôi theo nước thu trong.
Hằng nga rạng dưới trăng mây đẹp.

桐枝漸長翔丹鳳
桂蕊新開集紫鸞
Đồng chi tiệm trưởng tường đan phượng.
Quế nhuỵ tân khai tập tử loan.
Cành ngô mới lớn phượng bay lượn.
Nhuỵ quế xoè ra loan xúm quanh.

丹桂香含飄秀閣
碧雲光吐映粧紅
Đan quế hương hàm phiêu tú các.
Bích vân quang thổ ánh trang hồng.
Quế đỏ hương bay vào gác đẹp.
Mây xanh sáng tỏ ánh hồng trang.

秋深喜作蟾宮客
夜靜欣逢月裡人
Thu thâm hỷ tác thiềm cung khách.
Dạ tĩnh hân phùng nguyệt lý nhân.
Thu muộn mừng làm khách cung thiềm.
Đêm vắng vui gặp người dưới nguyệt.

玉種藍田歡偕鳳侶
香飄丹桂夢葉螽斯
Ngọc chủng lam điền hoan giai phượng lữ.
Hương phiêu đan quế mộng diệp chung tư.
Ngọc rắc lam điền vui bầy với phượng.
Hương bay đan quế mộng lá chung tư.

搖琴一曲雙聲奏
月殿三秋五桂香
Dao cầm nhất khúc song thanh tấu.
Nguyệt điện tam thu ngũ quế hương.
Dạo đàn một khúc đôi làn giọng.
Trăng điện ba thu, năm quê hương.

桂子秋香欣行奠鴈
杏林春暖定夢惟熊

Quế tử thu hương hân hành điện nhạn.
Hạnh lâm xuân noãn định mộng duy hùng.
Cây quế hương thu vui làm lễ nhạn.
Rừng hạnh ấm xuân chỉ muốn mộng hùng.

紫鸞幷集三秋桂
丹鳳雙棲入月桐

Tử loan tịnh tập tam thu quế.
Đan phượng song thê bát nguyệt đồng.
Loan tía vây quanh, quế ba năm.
Phượng đỏ đậu đôi, đồng tháng tám.

嫦娥月裡到入間丹桂香風飄秀幙
秦女樓中來鳳侶紫蕭雅調引文鸞

Thường nga nguyệt lý đáo nhân gian đan quế hương phong phiêu tú mạc.
Tần nữ lâu trung lai phượng lữ tử tiêu nhã điệu dẫn văn loan.
Hằng nga cung quảng xuống nhân gian, hương lan quế gió lay rèm đẹp.
Tần nữ trên lầu tìm bạn phượng, giọng tử tiêu dẫn dắt loan xinh.

此日茱萸爭燦爛
地年蘭桂茁芬芳

Thử nhật thù du tranh xán lạn.
Tha niên lan quế truật phân phương.
Ngày ấy thù du tranh xán lạn.
Năm sau đan quế mạnh đưa hương.

金綴蘺花簪借色
玉飄叢桂佩留香

Kim xuyết ly hoa trâm tá sắc.
Ngọc phiêu tùng quế bội lưu hương.
Cúc dậu hoa vàng tôn vẻ đẹp.

Quế tùng gió ngọc toả hương thơm.

金菊瑞呈金屋女
玉蘭香透玉樓人

Kim cúc thuỵ trình kim ốc nữ.
Ngọc lan hương tú ngọc lâu nhân.
Cúc vàng mừng trình gác nhà vàng.
Lan ngọc hương thơm người lầu ngọc.

巹酒流馨浮菊酒
燭花煥彩共蘭花

Cẩn tửu lưu hinh phù cúc tửu.
Chúc hoa hoán thái cộng lan hoa.
Rượu cẩn lưu hương thơm rượu cúc.
Hoa đuốc sáng ngời cạnh hoa lan.

露浥玉蘭凝繡閣
風飄金菊映新粧

Lệ ấp ngọc lan ngưng tú các.
Phong phiêu kim cúc ánh tân trang.
Sương đọng ngọc lan, ngưng gác đẹp.
Gió lay kim cúc, rạng tân trang.

午夜芳蘭輝彩夢
三秋叢菊映新粧

Ngọ dạ phương lan huy thái mộng.
Tam thu tùng cúc ánh tân trang.
Nửa đêm lan thơm toả mộng đẹp.
Ba thu tùng cúc rạng màu xanh.

此日黄花方吐艶
來年丹桂正飄香

Thử nhật hoàng hoa phương thổ diệm.
Lai niên đan quế chính phiêu hương.

Ngày ấy cúc vàng đang đẹp vẻ.
Năm sau quế đỏ mới đưa hương.

鴛幃正飲黄花酒
鳳閣初描綠柳眉

Uyên vi chính ẩm hoàng hoa tửu.
Phượng các sơ miêu lục liễu my.
Màn uyên đang uống rượu hoàng hoa.
Gác phượng mới tô mày lá liễu.

登高賦就于歸句
對鏡裁成博議扁

Đăng cao phú tựu vu quy cú.
Đối kính tài thành bác nghị thiên.
Lên cao nên có vu quy cú.
Soi kính soạn thành bác nghị thiên.

新婚菊酒三秋燕
好夜燭花滿室香

Tân hôn cúc tửu tam thu yến.
Hảo dạ trúc hoa mãn thất hương.
Ba thu yến tân hôn rượu cúc.
Một nhà hương đêm đẹp đuốc hoa.

好合句中聯好友
登高節後占登科

Hảo hợp cú trung liên hảo hữu.
Đăng cao tiết hậu chiếm đăng khoa.
Trong câu hảo hợp còn hảo hữu.
Sau tiết đăng cao chiếm đăng khoa.

秋季金花舒燦爛
韻餘錦瑟葉諧和

Thu quý kim hoa thư xán lạn.

Vận dư cầm sắt diệp hài hoà.
Thu muôn hoa vàng tươi xán lạn.
Vận thừa tiếng sắt đẹp hài hoà.

雞鳴驚起三秋夜
態夢祥開九月天
Kê minh cảnh khởi tam thu dạ.
Hùng mộng tường khai cửu nguyệt thiên.
Suốt ba thu tiếng gà dục dậy.
Ngày tháng chín mộng hùng điềm lành.

玉種藍田態入夢
詩題紅葉筆生花
Ngọc chủng lan điền hùng nhập mộng.
Thi đề hồng diệp bút sinh hoa.
Ngọc rải lam điền hùng vào mộng.
Thơ đề lá thắm bút sinh hoa.

畫眉好借題糕筆
合巹欣傾賞菊杯
Họa mi hảo tá đề cao bút.
Hợp cẩn hân khuynh thưởng cúc bôi.
Nâng tay bút giúp tô mày đẹp.
Thưởng chén rượu mừng hợp cẩn vui.

此日菊花斟巹酒
今霄燭影映粧臺
Thử nhật cúc hoa châm cẩn tửu.
Kim tiêu chúc ảnh ánh trăng đài.
Ngày ấy rượu cẩn thơm mùi cúc.
Đêm nay trang đài rạng đuốc hoa.

步月月娥香繡閣
生花花燭映粧臺

Bộ nguyệt nguyệt nga hương tú các.
Sinh hoa hoa chúc ánh trăng đài.
Dưới nguyệt, nguyệt nga thơm gác đẹp.
Nở hoa, hoa đuốc rạng trang đài.

蘭室書香成好女
菊花酒味慶齊眉
Lan thất thư hương thành hảo hữu.
Cúc hoa tửu vị khánh tề my.
Nhà lan hương sách nên bạn tốt.
Rượu cúc mùi thơm chúc lứa đôi.

點額新梅香繡閣
回陽麗日暖粧臺
Điểm ngạch tân mai hương tú các.
Hồi dương lệ nhật noãn trang đài.
Chớm nở vườn mai thơm gác đẹp.
Hồi dương ngày tốt ấm trang đài.

梅花賦就爲元唱
柳絮吟成作畫章
Mai hoa phú tựu vi nguyên xướng.
Liễu nhứ ngâm thành tác họa chương.
Hoa mai đáng tôn là lĩnh xướng.
Bông liễu ngâm lên có thể hoà.

繡閣夜蘭態入夢
嶺梅春早鳳和鳴
Tú các dạ lan hùng nhập mộng.
Lĩnh mai xuân tảo phượng hoà minh.
Gác đẹp lan đêm hùng gửi mộng.
Mai non xuân sớm phượng hoà kêu.

小春雪映藍田璧

高燭花迎太乙藜
Tiểu xuân tuyết ánh lan điền bích.
Cao chúc hoa nghinh thái ất lê.
Xuân tiểu tuyết rạng ngọc lam điền.
Giơ đuốc hoa đón lê thái ất.

蕭吹鳳閣三星夜
花笑鸞箋十月春
Tiêu suy phượng các tam tinh dạ.
Hoa tiếu loan tiên thập nguyệt xuân.
Ba sao sáng tiếng tiêu gác phượng.
Mười tháng qua hoa giễu văn loan.

繡幙已傳梅信早
粧臺由帶菊花香
Tú mạc dĩ truyền mai tín tảo.
Trang đài do đới cúc hoa hương.
Rèm đẹp đã truyền tin mai sớm.
Trang đài còn giữ hương cúc vàng.

繡閣燈先輝彩筆
陽春月色映新粧
Tú các đăng quang huy thai bút.
Dương xuân nguyệt sắc ánh tân trang.
Gác tía đèn treo ngời ánh bút.
Dương xuân nguyệt sắc rạng tân trang.

燭花獻瑞春非小
蘭砌生香福自歸
Chúc hoa hiến thuỵ xuân phi tiểu.
Lan thế sinh hương phúc tự quy.
Điềm lành hoa đuốc xuân không nhỏ.
Hương toả thềm lan phúc tự về.

高燭祥花輝繡閣
小春瑞雪映藍田
Cao chúc tường hoa huy tú các.
Tiểu xuân thuỵ tuyết ánh lam điền.
Hoa đẹp đuốc cao ngời tú cao.
Tuyết lành xuân chút rạng lam điền.

今日嶺梅金鳳友
他年繡閣玉麟祥
Kim nhật lĩnh mai kim phượng hữu.
Tha niên tú các ngọc lân tường.
Mai núi phượng vàng nay kết bạn.
Lầu xinh lân ngọc sẽ đưa lành.

繡閣少陽梅點額
粧臺良月葉題詩
Tú các thiếu dương mai điểm ngạch.
Trang đài lương nguyệt diệp đề thi.
Gác đẹp tháng mười mai chớm nở.
Trang đài trăng đẹp lá đề thơ.

幸逢陽月親鴻案
預卜丹山振鳳毛
Hạnh phùng dương nguyệt thân hồng án.
Dự bốc đan sơn chấn phượng mao.
Gần án hồng may gặp dương nguyệt.
Xoè cánh phượng dự đoán đan sơn.

愛日舒情園橘裝成錦繡
和風布燠嶺梅噴出芬芳
Ái nhật thư tình viên quất trang thành cẩm tú.
Hoà phong bố úc lĩnh mai phún xuất phân phương.
Ngày xưa thong thả, vườn quất sửa sang đẹp đẽ.
Gió nay ấm áp, mai non hương toả thơm lừng.

灰飛葭管聲諧鳳
雪擁藍田兆夢熊
Khôi phi hà quản tranh hải phượng.
Tuyết ủng lam điền triệu mộng hùng.
Tro bay sáo đỏ thanh hoà phượng.
Tuyết ngập lam điền mộng thấy hùng.

百歲良緣諧子月
一扁佳句占陽春
Bách tuế lương duyên hài tý nguyệt.
Nhất thiên giai cú chiêm dương xuân.
Trăm tuổi duyên lành hoà tháng tý.
Một thiên câu đẹp cả mùa xuân.

官梅初放新粧麗
端雪凝成繡閣輝
Quan mai sơ phóng tân trang lệ.
Thụy tuyết ngưng thành tú các huy.
Mai quan mới nở vẻ tươi xinh.
Tuyết lành ngưng đọng gác rực rỡ.

玉管聲中吹桂客
一陽月裏降嫦娥
Ngọc quản thanh trung suy quế khách.
Nhất dương nguyệt lý giáng thường nga.
Sáo ngọc véo von chào khách quế.
Dương sinh trăng tỏ hiện hằng nga.

吹蕭臺上梅賡調
合巹樽前雪映杯
Suy tiêu đài thượng mai canh điệu.
Hợp cẩn tôn tiền tuyết ánh bôi.
Tiêu thổi trên đài mai đổi vẻ.
Giao duyên bày tiệc tuyết ngời ly.

玉梅嬌映青鸞舞
自雪光浮紫燕飛
Ngọc mai kiều ánh thanh loan vũ.
Bạch tuyết quang phù tử yến phi.
Ngọc mai rạng chiếu thanh loan múa.
Bạch tuyết ngời soi tử yến bay.

雪映鏡幃人是玉
詩敲金屋字生珠
Tuyết ánh kính vi nhân thị ngọc.
Thi xao kim ốc tự sinh châu.
Tuyết ánh gương soi ngời vẻ ngọc.
Thơ chép nhà vàng chữ tựa châu.

六出蠹飛聯雙璧合
五紋添繡一陽生
Lục xuất dô liên song bích hợp.
Ngũ văn thiêm tú nhất dương sinh.
Sáu cạnh kết liên, đôi ngọc hợp.
Năm màu rực rỡ, một dương sinh.

初復得緣吟白雪
新粧振采映藍田
Sơ phục đắc duyên ngâm bạch tuyết.
Tân trang chấn thái ánh lam điền.
Sơ phục gặp duyên ngâm bạch tuyết.
Tân trang đẹp vẻ rạng lam điền.

大雪映奩輝雪案
早梅比質整梅粧
Đại tuyết ánh liêm huy tuyết án.
Tảo mai tỷ chất chỉnh mai trang.
Tuyết lớn ánh rèm soi án tuyết.
Mai sớm xem ra đẹp lũng mai.

詠雪簾前比玉人
吹蕭台上客凌雲
Vịnh tuyết liêm tiền tỷ ngọc nhân.
Suy tiêu đài thượng khách lăng vân.
Trước rèm vịnh tuyết sánh người ngọc.
Trên đài thổi sáo khách vườn mây.

官梅初放青鸞舞
端雲飄來紫燕蠢
Quan mai sơ phóng thanh loan vũ.
Thuy vân phiêu lai tử yến đô.
Mai quan mới nở, thanh loan múa.
Mây lành bay lại, tử yến bầy.

雪案三欣紅得案
燭花環映筆生花
Tuyết án tam hân hồng đắc án.
Chúc hoa hoàn ánh bút sinh hoa.
Tuyết án hân hoan hồng đậu án.
Đuốc hoa đuốc chiếu sáng bút sinh hoa.

新詠雪飛逢復月
古稱竹立慶他年
Tân vịnh tuyết phi phùng phục nguyệt.
Cổ xưng trúc lập khanh tha niên.
Mới vịnh tuyết bay đà tháng một.
Xưa khen trúc đứng chúc năm sau.

初復友雞窗苑諧鳳耦
新粧聯雪案爲助雲程
Sơ phục hữu kê song, uyển hài phượng ngẫu.
Tân trang liên tuyết án, vi trợ vân trình.
Sơ phục bạn song gà, thuận theo cùng phượng.
Tân trang liền án tuyết, nâng bước đường mây.

律轉一陽嶺上梅花舒玉白
杯傳二性洞中桃片甸朱紅
Luật chuyển nhất dương lĩnh thượng mai hoa thư ngọc bạch.
Bôi truyền nhị tính động trung đào phiến điện chu hồng.
Năm tới nhất dương, đào núi mai hoa phô ngọc bạch.
Chén mời hai họ, hoa đào trong động rực khoe hồng.

巹酒熏顏逢臘月
梅花點額兆春魁
Cẩn tửu huân nhan phùng lạp nguyệt.
Mai hoa điểm ngạch triệu xuân khôi.
Rượu cẩn má hồng trăng tháng chạp.
Hoa mai chớm điểm báo đầu xuân.

評花賦就梅粧額
詠絮詩成書滿階
Bình hoa phú tựu mai trang ngạch.
Vịnh nhứ thi thành tuyết mãn giai.
Bình hoa phú gợi thung mai nở.
Vịnh bông thơ rải tuyết đầy thềm.

雪滿鴛幃裁博議
梅開鳳閣誦周南
Tuyết mãn uyên vi tài bác nghị.
Mai khai phượng các tụng chu nam.
Tuyết phủ màn uyên thêm bác nghị.
Mai phô gác phượng tụng chu nam.

良緣喜遇和鳴日
佳偶欣諧大呂時
Lương duyên hỷ ngộ hoà minh nhật.
Giai ngẫu hân hài đại lã thời.
Ngày sáng sủa mừng được hòa duyên.
Thời đại lã vui nên giai ngẫu.

園中梅蕊偷春色
砌下蘭芽吐異香
Viên trung mai nhuỵ thâu xuân sắc.
Thế hạ lan nha thổ dị hương.
Trong vườn mai nhuỵ phô xuân sắc.
Dưới hiên lan nhú đã thơm hương.

及第花簪司馬帽
探春梅點壽陽粧
Cập đệ hoa trâm tư mã mạo.
Thám xuân mai điểm thọ dương trang.
Trâm hoa cập đệ mũ tư mã.
Mai điểm thăm xuân trang thọ dương.

冬日雞窗欣結伴
春宵熊夢待占祥
Đông nhật kê song hân kết bạn.
Xuân tiêu hùng mộng đãi chiêm tường.
Ngày đông song gà mừng kết bạn.
Đêm xuân mộng hùng đợi điềm lành.

粧襯碧梅逢臘月
瑞符藍玉映春暉
Trang sấn bích mai phùng lạp nguyệt.
Thuỵ phù lam ngọc ánh xuân huy.
Mai biếc điểm trang khoe tháng chạp.
Ngọc lan tươi vẻ rạng ngời xuân.

四字既成成燕好
三陽將筆筆熊占
Tứ tự ký thành thành yến hảo.
Tam dương tương triệu triệu hùng chiêm.
Bốn quý qua rồi nên yến thích.
Tam dương đã tới báo hùng vui.

逢臘梅粧春獨早
種階玉樹瑞春多
Phùng lạp mai trang xuân độc tảo.
Chủng giai ngọc thụ thuỵ xuân đa.
Tháng chạp thung mai xuân đến sớm.
Thềm gieo cây ngọc lắm xuân lành.

臘盡雞窗添一友
春來熊夢入三更
Lạp tận kê song thiêm nhất hữu.
Xuân lai hùng mộng nhập tam canh.
Năm hết song gà thêm một bạn.
Xuân về hùng mộng suốt ba canh.

歲晚花容梅點額
秋來馥氣桂當階
Tuế vãn hoa dung mai điểm ngạch.
Thu lai phức khí quế đương giai.
Năm hết vẻ hoa, mai chớm nở.
Thu về hương toả, quế đương thì.

雪映玉人來好友
梅程金屋點春魁
Tuyết ánh ngọc nhân lai hảo hữu.
Mai trình kim ốc chiếm xuân khôi.
Tuyết soi người ngọc ban tốt lại.
Mai nở nhà vàng chiếm bảng xuân.

畫眉不是風流淺
吟絮無非雪意濃
Hoạ my bất thị phong lưu thiển.
Ngâm nhứ vô phi tuyết ý nùng.
Vẽ mày chẳng phải cạn phong lưu.
Ngâm bông đâu vì nồng ý tuyêt.

結緣五百年孔雀屏中魁首選
臘逢十二月桃源洞裏占先春
Kết duyên ngũ bách niên khổng tước bình trung khôi thủ tuyển.
Lạp phùng thập nhị nguyệt đào nguyên động lý chiếm tiên xuân.
Duyên kết năm trăm năm, khổng tước công trong màn, chọn số một.
Lễ vào tháng mười hai, đào nguyên chốn ấy, chiếm xuân đầu.

桐木逢春雙引鳳
桂宮待月早生花
Đồng mộc phùng xuân song dẫn phượng.
Quế cung đắc nguyệt tảo sinh hoa.
Ngô đồng gặp xuân dẫn đôi phượng.
Cung quế trăng soi sớm nở hoa.

花璪樓排雙卺酒
紫荊樹宿兩鴛鴦
Hoa tảo lâu bài song cẩn tửu.
Tử kinh thụ túc lưỡng uyên ương.
Lầu hoa tảo bày hai tiệc rượu.
Cây tử kinh trú đôi uyên ương.

宴爾新婚如兄如第
之子于歸宜家宜室
Yến nhĩ tân hôn như huynh như đệ.
Chi tử vu quy nghi gia nghi thất.
Tiệc mi tân hôn, ra anh, ra em.
Này con vụ quy, nên nhà, nên cửa.

庭階兩兩邀鸞舞
繡幙雙雙擬燕投
Đình giai lưỡng lưỡng yêu loan vũ.
Tú mạc song song nghĩ yến đầu.
Bậc thêm cặp cặp mời loan múa.
Rèm đẹp từng đôi đón yến về.

美奐輪祥開奕葉
佳兒婦慶衍齊眉
Mỹ hoán luân tường khai dịch diệp.
Giai nhi phụ khánh diễn tề my.
Vẻ đẹp điềm lành, xanh tốt lá.
Chồng tài vợ giỏi, sánh ngang mày.

悲歌動地
哀樂惊天
Bi ca động địa.
Ai nhạc kinh thiên.
Ca buồn rậy đất.
Nhạc thương động trời.

素心懸夜月
高義薄秋雲
Tố tâm huyền dạ nguyệt.
Cao nghĩa bạc thu vân.
Lòng trong trẹp vầng nguyệt.
Cao nghĩa nhạt mây thu.

一生行好事
千古紀芳名
Nhất sinh hành hảo sự.
Thiên cổ kỷ phương danh.
Một đời làm việc tốt.
Ngàn năm sử tiếng thơm.

壽終德望在
身去笑容存
Thọ chung đức vọng tài.
Thân khứ tiếu dung tồn.
Thọ hết đức ở lại.
Người đi vẻ tươi còn.

一生樹美德
半世有嘉風
Nhất sinh thụ mỹ đức.
Bán thế hữu gia phong.
Một đời trồng đức tốt.
Nửa cõi có gia phong.

痛心傷永逝
揮淚億深情
Thống tâm thương vĩnh thệ.
Huy lệ ức thâm tình.
Đau lòng thương kẻ khuất.
Gạt lệ nhớ tình thâm.

丹心昭日月
剛正泣河山
Đan tâm chiêu nhật nguyệt.
Cương chính khấp hà sơn.
Lòng son rạng nhật nguyệt.
Cương trực khóc sơn hà.

哭靈心欲碎
彈淚眼將枯
Khốc linh tâm dục toái.
Đàn lệ nhãn tương khô.
Khóc linh lòng muốn vỡ.
Giòng lệ mắt hầu khô.

直道至今由在
清名終古長留
Trực đạo chí kim do tại.
Thanh danh chung cổ trường lưu.
Đường thẳng đến nay còn đó.
Tiếng tăm mãi sẽ còn lưu.

一世辛勤劳動
終生淳朴爲人
Nhất thế tân cần lao động.
Chung sinh thuẫn phái vi nhân.
Một đời chuyên cần lao động.
Cuộc sống chân thật làm người

事業已歸前輩彔
典型留作后人模
Sự nghiệp dĩ qui tiên bối lục.
Điển hình lưu tác hậu nhân mô.
Sự nghiệp đã ghi trong sử sách.
Điển hình lưu để kẻ sau noi.

悲音難挽流人住
哭調相隨野鶴飛
Bi âm nan vãn lưu vân trú.
Khốc điệu tương tuỳ dã hạc phi.
Âm buồn khó giữ mây trôi lại.
Điệu thảm đành theo cánh hạc bay.

山哀水哭悲長睡
骨動心摧作永离
Sơn ai thuỷ khốc bi trường thụy.
Cốt động tâm tồi tác vĩnh ly.
Giấc ngủ dài, non thương nước khóc.
Buồn biệt ly, xương nhức, lòng đau.

桃花流水杳然去
明月清風何處游
Đào hoa lưu thuỷ diểu nhiên khứ.
Minh nguyệt thanh phong hà xứ du.
Hoa đào nước cuốn trôi đi mãi.
Gió mát trăng trong, biết dạo đâu.

一世精神歸石表
滿堂血淚入雲天
Nhất thế tinh thần quy thạch biểu.
Mãn đường huyết lệ nhập vân thiên.
Cuộc sống tinh thần vào bia đá.
Đầy nhà lệ máu gửi trời mây.

已剩丰功垂史策
由存大節譽人民
Dĩ thặng phong công thuỳ sử sách.
Do tồn đại tiết dự nhân dân.
Đã thừa công trạng ghi trong sử.
Hãy còn khí tiết gửi nhân dân.

終生儉朴留模範
一世勤劳傳好風
Chung sinh kiệm phác lưu mô phạm.
Nhất thế cần lao truyền hảo phong.
Làm khuôn phép một đời chất phúc.
Lưu tác phong cuộc sống cần lao.

空梁月冷人千古
花苑魂歸鶴一聲
Không lương nguyệt lãnh nhân thiên cổ.
Hoa uyển hồn quy hạc nhất thanh.
Xà không, trăng lạnh, người thiên cổ.
Vườn đẹp, hồn đâu, hạc tiếng kêu.

雲深竹徑樽猶在
雪壓芝田夢不回
Vân thâm trúc kính tôn do tại.
Tuyết áp chi điền mộng bất hồi.
Mây che lối trúc, chén còn đó.
Tuyết tán, vườn chi, mộng chẳng về.

想見音容空有淚
欲聞教訓杳無聲
Tưởng kiến âm dung không hữu lệ.
Dục văn giáo huấn diểu vô thanh.
Tưởng thấy âm dung mà ứa lệ.
Muốn nghe lời dạy, tiếng đâu còn.

魂歸天上風雲惨
名在人間草木香
Hồn quy thiên thượng phong vân thảm.
Danh tại nhân gian thảo mộc hương.
Hồn về thượng giới gió mây thảm.
Tên ở nhân gian cây cỏ thơm.

良操渼德千秋在
亮節高風萬古存
Lương thao mỹ đức thiên thu tại.
Lượng tiết cao phong vạn cổ tồn.
Khéo thay đức tốt ngàn năm ở.
Tiết sạch vẻ cao muôn thuở còn.

慈惠常留眾口頌
典型堪作後人師
Từ huệ thường lưu chúng khẩu thuận.
Điển hình kham tác hậu nhân sư.
Từ huệ vẫn còn lưu cửa miệng.
Điển hình đủ để dạy người sau.

三徑寒松含露泣
半窗残竹帶風號
Tam kính hàn tùng hàm lộ khấp.
Bán song tàn trúc đới phong hào.
Ba hàng tùng rét ngậm sương khóc.
Nửa song trúc cỗi gió đương gào.

慎終不望先人志
追遠常懷一片心
Thận chung bất vong tiên nhân chí.
Truy viễn thường hoài nhất phiến tâm.
Chí người trước chớ quên khi khuất.
Một tấm lòng tưởng nhớ lúc xa.

不成門户貴爲子
難報春暉欲斷腸
Bất thành môn hộ quý vi tử.
Nan báo xuân huy dục đoạn trường.
Chẳng nên người tốt, làm con thẹn.
Khó báo ba xuân, muốn đoạn trường.

音容苑在靈車駕
子女堂前血淚抛
Âm dung uyển tại linh xa giá.
Tử nữ đường tiền huyết lệ phao.
Âm dung lẫn quất trên linh giá.
Con cháu trước nhà lệ máu tuôn.

壯懷猶在風雲上
詩卷長留天地間
Tráng hoài do tại phong vân thượng.
Thi quyển trường lưu thiên địa gian.
Lúc mạnh chí còn trên mây gió.
Quyển thơ để lại chốn trần gian.

情深風木終天慟
淚點寒梅觸景思
Tình thâm phong mộc chung thiên đỗng.
Lệ điểm hàn mai xúc cảnh tư.
Trọn đời xót, tình sâu cha mẹ.
Cảnh gợi sầu, lệ nhỏ lạnh mai

人間未遂青雲志
天上先成白玉樓
Nhân gian vị toại thanh vân chí.
Thiên thượng tiên thành bạch ngọc lâu.
Trần gian chưa thoả chí thanh vân.
Thượng giới trước xây lầu Bạch ngọc.

千里吊君惟有淚
十年知己不因文
Thiên lý điếu quân duy hữu lệ.
Thập niên tri kỷ bất nhân văn.
Ngàn dặm viếng ông duy có lệ.
Mười năm làm bạn chẳng nhờ văn.

盛德合應傳後世
遺形從此望前賢
Thịnh đức hợp ưng truyền hậu thế.
Di hình tòng thử vọng tiền hiền.
Thịnh đức vẫn còn truyền hậu thế.
Hình còn từ đấy ngóng người xưa.

白骨未歸三尺土
忠魂已上九重天
Bạch cốt vị quy tam xích thổ.
Trung hồn dĩ thượng cửu trùng thiên.
Xương trắng chưa về ba thước đất.
Hồn trung đã ở chín tầng trời.

美德堪稱吾輩典范
遺訓長昭後世子孫
Mỹ đức kham xưng ngô bối điển phạm.
Di huấn trường chiêu hậu thế tử tôn.
Đức tốt xứng bậc tiền bối mô phạm.
Di huấn rạng soi con cháu đời sau.

勤劳美德愿儿孫永繼
簡朴家風望後代長傳
Cần lao mỹ đức nguyện nhi tôn vĩnh kế.
Giảm phác gia phong vọng hậu đại trường truyền.
Đức tốt xiêng năng, mong con cháu tiếp nối.
Gia phong giản dị, muốn đời sau mãi truyền.

生前忠節自松凌霜雪
身後高風如水照青天
Sinh tiền trung tiết tự tùng lăng sương tuyết.
Thân hậu cao phong như thuỷ chiếu thanh thiên.
Khi còn, khí tiết tựa tùng khinh sương tuyết.
Lúc mất, vẻ cao như nước chiếu trời xanh.

頻年善訓常聆何以報也
一旦訃音忽志能不悲乎
Tần niên thiện huấn thường linh, hà dĩ báo dã.
Nhất đán phó âm hốt chí, năng bất bi hồ.
Hàng năm lời dạy thường nghe, khôn hay báo đáp.
Một sớm tin buồn bỗng nhận, khó nén đau thương.

煙雨淒迷萬里紅花洒血淚
音容寂寞千條留水放悲聲
Yên vũ thê mê, vạn lý hồng hoa sái huyết lệ.
Âm dung tịch mịch, thiên điều lưu thuỷ phóng bi thanh.
Mưa gió buồn tênh, muôn dặm hoa hồng tràn lệ máu.
Tăm hơi vắng lặng, ngàn dòng nước chảy cất lời thương.

敦厚可風實爲前輩表率
和謙共仰堪作後人典型
Đôn hậu khả phong, thực vi tiền bối biểu xuất.
Hoà khiêm cộng ngưỡng, kham tác hậu nhân điển hình.
Đôn hậu nêu gương, thực đáng tôn vinh trong kẻ trước.
Hoà khiêm đủ vẻ, mà hay mẫu mực với người sau.

音容苑在勤奮一生傳佳話
神魂离去芳名百世著清風
Âm dung uyển tại, cần phấn nhất sinh truyền giai thoại.
Thần hồn ly khứ, phương danh bách thế trứ thanh phong.
Dung mạo như còn, sức gắng một đời nên truyện thú.
Thần hồn đi mất, danh thơm trăm thuở gió lan truyền.

天若有情應壽百年于後傑
人誰不死獨將天古讓英雄
Thiên nhược hữu tình, ưng thọ bách niên vu tuấn kiệt.
Nhân thuỳ bất tử, độc tương thiên cổ nhượng anh hùng.
Trời nếu có tình, hẳn để trăm năm dành tuấn kiệt.
Người nào không chết, riêng nêu muôn thuở tiếng anh hùng.

大雅雲亡綠水青山敘遺志
老成凋謝落花啼鳥總傷情
Đại nhã vân vong, lựu thuỷ thanh sơn tự di chí.
Lão thành điêu tạ, lạc hoa đề điểu tổng thương tình.
Hiền giả đi đâu, nước biếc non xanh còn kể chí.
Lão thành điến cõi, chim kêu hoa rụng thấy thương tình.

規律難違自古誰能千年壽
高風永繼而今人仰一世功
Quy luật nan vi, cổ thuỷ năng thiên niên thọ.
Cao phong vĩnh kế, nhi kim nhân ngưỡng nhất thế công.
Quy luật tránh đâu, tự cổ ai đây ngàn tuổi thọ.
Vẻ cao còn mãi, mà nay người trọng một đời công.

明月不長圓過了中秋終是缺
高風最可仰如何一別難再逢
Minh nguyệt bất trường viên, quá liễu trung thu chung thị khuyệt.
Cao phong tối khả ngưỡng, như hà nhất biệt nan tái phùng.
Trăng sáng chẳng tròn lâu, qua tết trung thu rồi cũng khuyết.
Vẻ cao nên ngưỡng mộ, đã khi xa cách khỏi mong tìm.

天不留耆舊
人皆惜老成
Thiên bất lưu kỳ cựu
Nhân giai tích lão thành.
Trời chẳng lưu kẻ cũ.
Người đều tiếc ông già.

流水夕陽千古恨
暮雲春樹一天愁
Lưu thuỷ tịch dương thiên cổ hận.
Mộ vân xuân thụ nhất thiên sầu.
Nước chảy nắng chiều muôn thuở hận.
Mây hôm cây trẻ một trời sầu.

天不遺一老
人已足千秋
Thiên bất di nhất lão.
Nhân dĩ túc thiên thu.
Trời không lưu một cụ.
Người đã đủ ngàn thu.

平生風義兼師友
來世因緣結弟兄
Bình sinh phong nghĩa kiêm sư hữu.
Lai thế nhân duyên kết đệ huynh.
Bình sinh tình nghĩa kiêm thầy bạn.
Đời sau duyên nợ kết anh em.

何如一夢飛蝴蝶
竟使千秋泣杜鵑
Hà tri nhất mộng phi hồ - điệp.
Cánh sử thiên thu khấp đỗ – quyên.
Hoá bướm lượn lờ trong giấc mộng.
Khiến quyên gào khóc đã ngàn năm.

四壁蕭然悲夜月
三更冷落憫春暉
Tứ bích tiêu nhiên, bi dạ nguyệt.
Tam canh lãnh lạc, mẫn xuân huy.
Bốn vách quạnh hiu, vầng trăng thảm.
Ba canh lạnh lẽo, ánh xuân buồn.

老淚無多哭知己
蒼天何遽喪斯人
Lão lệ vô đa khốc tri kỷ.
Thương thiên hà cử táng tư nhân.
Lệ lão đâu nhiều khóc bạn thân.
Trời xanh vô cớ chôn người ấy.

鶴駕難回終隔雲山家萬里
猿腸易斷那堪風雨月三更
Hạc giá nan hồi, chung cánh vân sơn gia vạn lý.
Viên trường dị đoạn, na kham phong vũ nguyệt tam canh.
Xe hạc khôn về, cách biệt non mây, nhà vạn dặm.
Ruột hầu dễ đứt, chịu sao mưa gió, nguyệt ba canh.

跨鶴孤山三十載梅花一夢
騎鯨采石五百年明月重圓
Khoá hạc cô sơn, tam thập tải mai hoa nhất mộng.
Kỵ kình thái thạch, ngũ bách niên minh nguyệt trùng viên.
Ba chục xuân gót hạc núi cô, hoa mai giấc mộng.
Năm trăm năm cưỡi kình lượm đá, trăng sáng lại tròn.

時事傷心風號鶴唳人何處
哀情慘目月落烏啼霜滿天
Thời sự thương tâm phong hào hạc lệ nhân hà xứ.
Ai tình thảm mục, nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên.
Câu chuyện đau lòng, hạc khóc gió gào đâu thấy kẻ.
Cảnh tình buồn mắt, qua kêu trăng lặn chỉ mờ sương.

慈顏已逝
風木与悲
Từ nan dĩ thệ.
Phong mộc dự bi.
Dáng hiền khuất nẻo.
Nghĩ mẹ buồn thương.

雨泣黄花應有恨
風淒翠竹更堪悲
Vũ khấp hoàng hoa ưng hữu hận.
Phong thê thuý trúc cánh kham bi.
Mưa khóc cúc vàng nên có hận.
Gio lay trúc biếc lại càng thương.

女星沉寶婺
仙駕返搖池
Nữ tinh trầm bảo vụ.
Tiên giá phản Dao trì.
Bão vụ mờ sao nữ.
Dao trì đón khách tiên.

魂返九天悲夜月
芳流百代億春風
Hồn phản cửu thiên bi dạ nguyệt.
Phương lưu bách đại ức xuân phong.
Hồn lại chín tầng trăng tối thẳm.
Danh lưu trăm thuở gió xuân buồn.

名梢彤史範
望斷白雲香
Danh tiêu đồng sử phạm.
Vọng đoạn bạch vân hương.
Danh nêu trang đồng sử.
Vọng dứt hương bạch vân.

梅吐玉容含孝意
柳拖金色動哀情
Mai thổ ngọc dung hàm hiếu ý.
Liễu đà kim sắc động ai tình.
Vẻ ngọc mai phô hàm ý hiếu.
Sắc vàng liễu rủ động tình thương.

西池駕已歸王母
南國輝空仰婺星
Tây trì giá dĩ quy vương mẫu.
Nam quốc huy không ngưỡng vụ tinh.
Xe tây trì đã theo Vương mẫu.
Ánh trời nam hướng tới Vụ tinh.

掃榻飛煙惊化鶴
卷帘留月覓歸魂
Tảo tháp phi yên kinh hoá hạc.
Quyến liêm lưu nguyệt mịch quy hồn.
Quét giường tung bụi, kinh thành hạc.
Rèm vén lưu trăng muốn gọi hồn.

寶婺光沉天上宿
蓮花香現佛前身
Bảo vụ quang trầm thiên thượng tú.
Liên hoa hương hiện phật tiên thân.
Chòm Bảo vụ mờ sao thượng giới.
Hương hoa sen hiện phật tiền thân.

身似芳蘭從此逝
心如皓月几時回
Thân tự phương lan tòng thử thệ.
Tâm như hạo nguyệt kỷ thời hồi.
Thân tựa lan thơm không trở lại.
Tâm như trăng sáng đến khi nào.

懿德難忘流痛淚
慈恩未報繞愁腸
Ý đức nan vong lưu thống lệ.
Từ ân vị báo nhiễu sầu trường.
Đức tốt khó quên tuôn lệ xót.
Ơn từ chưa báo rối sầu cơn.

細語柔言情苑在
淒風苦雨恨偏腸
Tế ngữ nhu ngôn tình uyển tại.
Thê phong khổ vũ hận thiên đường.
Nói nhẹ lời mềm tình ở lại.
Gió buồn mưa khổ hận chưa thôi.

英靈昭日月
肝膽映山河
Anh linh chiêu nhật nguyệt.
Can đảm ánh sơn hà.
Anh linh sáng nhật nguyệt.
Can đảm rạng sơn hà.

江河大地存忠骨
哀淚悲歌悼傑靈
Giang hà đại địa tồn trung cốt.
Ai lệ bi ca điệu kiệt linh.
Sông ngòi lai láng xương ai giữ.
Dòng lệ buồn đau tuấn kiệt thương.

正氣留千古
丹心照萬年
Chính khí lưu thiên cổ.
Đan tâm chiếu vạn niên.
chính khí lưu muôn thuở.
Lòng son chiếu vạn năm.

未酬壯志身先死
留取丹心照汗青

Vị thù tráng chí thân tiên tử.
Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh.
Chưa xong chí lớn thân đến nợ.
Gửi lại lòng son rạng sử xanh.

鐵肩擔道義
熱血荐軒轅

Thiết kiên đảm đạo nghĩa.
Nhiệt huyết tiến Hiên Viên.
Vai sắt gánh đạo nghĩa.
Máu nóng dâng Hiên Viên.

英靈已作蓬萊客
德范猶薰故里人

Anh linh dĩ tác bồng lai khách.
Đức phạm do huân cố lý nhân.
Hồn thiêng đã xứng khách non tiên.
Khuôn đức thơm lây người chốn cũ.

憂國身先殉
游仙夢不回

Ưu quốc thân tiên tuẫn.
Du tiên mộng bất hồi.
Vì nước sớm quên thân.
Cõi tiên mộng chẳng về.

青山綠水長留生前浩氣
翠柏蒼松堪慰逝後英靈

Thanh sơn lục thuỷ trường lưu sinh tiền hạo khí.
Thuý bách thương tùng kham uý thệ hậu anh linh.
Nước chảy non xanh, khí phách lúc còn, nhớ mai.
Tùng xanh bách biếc anh linh khi khuất, vẫn thương.

雄風赫赫千秋頌
偉績昭昭萬大傳
Hùng phong hách hách thiên thu tụng.
Vĩ tích chiêu chiêu vạn đại truyền.
Hùng khí lẫy lừng, ngàn năm ca tụng.
Công lao hiển hách, muôn thuở lưu truyền.

忠骨雖滅浩氣存千秋萬代，
遺言永銘贊歌傳六合八荒
Trung cốt tuy diệt hạo khí tồn thiên thu vạn đại.
Di ngôn vĩnh minh tán ca truyền lục hợp bát hoang.
Nắm xương dù nát, khí phách toả ngàn thu muôn thuở.
Lời dặn còn ghi, tiếng ca vang tám hướng sáu phương.

深恩未報慚爲子
隱感難消忝作人
Thâm ân vị báo tàm vi tử.
Ẩn cảm nan tiêu thiểm tác nhân.
Ơn sâu chưa báo thẹn làm con.
Mặc cảm khó tan đâu xứng kẻ.

倚門人去三更月
泣杖儿悲五夜寒
Ỷ môn nhân khứ tam canh nguyệt.
Khấp trượng nhi bi ngũ dạ hàn.
Vắng người nương cửa trăng khuya quạnh.
Thương con chống gậy rét đêm nhiều.

多感佳賓來祭奠
深悲嚴父去難留
Đa cảm giai tân lai tế điện.
Thâm bi nghiêm phụ khứ nan lưu.
Khách thân đến viếng, nhiều thương cảm.
Cha không ở lại, nặng buồn đau.

思親腊盡情無盡
望父春歸人未歸
Tư thân lạp tận tình vô tận.
Vọng phụ xuân quy nhân vị quy.
Nhớ người tháng tận tình không tận.
Mong cha xuân về người chửa về.

心因父逝心流血
月見吾悲月失輝
Tâm nhân phụ thệ tâm lưu huyết.
Nguyệt kiến ngô bi nguyệt thất huy.
Lòng thấy cha đi, lòng ứa máu.
Trăng coi ta khóc, ánh trăng mờ.

只見三秋多苦雨
誰知九月别嚴親
Chỉ kiến tam thu đa khổ vũ.
Thuỳ tri cửu nguyệt biệt nghiêm thân.
Ba năm chỉ thấy mưa tầm tã.
Chín tháng ai hay bố bặt tin.

無露庭前重見母
有時夢里一呼儿
Vô lộ đình tiền trùng kiến mẫu.
Hữu thời mộng lý nhất hô nhi.
Gặp lại mẹ, trước nhà không lối.
Tiếng hô con, trong mộng có lần.

春近人歡花發早
歲更我哭母長辭
Xuân cận nhân hoan hoa phát tảo.
Tuế canh ngã khốc mẫu trường từ.
Xuân đến người vui hoa nở sớm.
Năm thay ta khóc mẹ lời sâu.

世上痛無救母葯
靈前哭煞斷長人
Thế thượng thống vô cứu mẫu dược.
Linh tiền khốc sát đoạn trường nhân.
Thuốc mẹ khôn tìm trên cõi thế.
Lòng con muốn đứt trước linh sàng.

怎忍心撇下儿女匆匆离去
如有覺夢中母親每每歸來
Chẩm nhẫn tâm phách hạ nhi nữ thông thông li khứ.
Như hữu giác mông trung mẫu thân mỗi mỗi quy lai.
Nỡ bỏ cháu con ở lại, mà vội vã ra đi.
Mong gặp mẹ hiền trong mộng, xin người hãy hiện về.

終天唯有思親淚
寸草痛無益母靈
Chung thiên duy hữu tư thân lệ.
Thốn thảo thống vô ích mẫu linh.
Trọn đời dành lệ khóc người thân.
Tấc cỏ đau lòng khôn giúp mẹ.

音容莫睹傷心難禁千行淚
親恩未報哀痛不覺九回腸
Âm dung mạc đổ thương tâm nan cấm thiên hàng lệ.
Thân ân vị báo ai thống bất giác cửu hồi trường.
Gương mặt khó tìm, thương nhớ khôn ngăn dòng lệ nhỏ.
Ơn người chưa báo, khóc than luống những ruột tơ vò.

婺星頓失天光黯
美德猶存家景長
Vụ tinh đốn thất thiên quang ám.
Mỹ đức do tồn gia cảnh trường.
Vụ tinh bỗng rụng, trời u ám.
Đức tốt còn đây, nhà vững bền.

涼月寫淒清環砌秋聲聽倍慘
慈雲歸縹緲空庭落月恨何如

Lương nguyệt tả thê thanh hoàn thiết thu thanh thính bội thảm.
Từ vân quy phiếu miểu không đình lạc nguyệt hận hà như .
Lạnh lẽo ánh trăng trong, khắp chốn tiếng thu càng thảm thiết.
Xa thẳm áng mây từ, sân lặng trăng tà hận xiết bao.

半子無伊何所賴
東床有淚几時干

Bán tử vô y hà sở lại.
Đông sàng hữu lệ kỷ thời can.
Nửa con không cậy đâu mà dựa.
Giường đông có khóc biết khi khô.

峰頂大人嗟已矣
膝前半子痛何如

Phong đính đại nhân ta dĩ hĩ.
Tất tiền bán tử thống hà như.
Người lớn đỉnh non (bố vợ), thôi đã khuất.
Nửa con (chàng rể) trước gối, xót làm sao.

泰岳無雲滋玉潤
東床有淚滴冰清

Thái nhạc vô vân tư ngọc nhuận.
Đông sàng hữu lệ trích băng thanh.
Thái nhạc (bố vợ) không mây cho ngọc nhuận.
Giường đông (con rể) giọt lệ tựa băng trong.

大雅雲亡梁木斷
老成凋謝泰山頹

Đại nhã vân vong lương mộc đoạn.
Lão thành điêu tạ Thái sơn đồi.
Kẻ lớn ra đi xà gỗ gãy.
Người già héo rụng thái sơn suy.

去年病入黄泉路
今夜惊穨泰岳峰
Khứ niên bệnh nhập hoàng tuyền lộ.
Kim dạ kinh đồi thái nhạc phong.
Bệnh cũ suối vàng đưa dẫn lối.
Đêm nay thái nhạc sụp mà kinh.

德范堪欽惟冀泰山常蔭婿
鶴龄方祝孰期冰鑒頓捐塵
Đức phạm kham khâm duy ký Thái sơn thường âm tế.
Hạc linh phương chúc thục kỳ băng giám đốn quyên trần.
Đức vọng tôn sùng, những tưởng Thái sơn là chỗ dựa.
Tuổi hạc cầu chúc, nào hay gương ngọc lánh trần ai.

自入婿鄉蒙厚愛
何堪甥館杳慈雲
Tự thập đế vương mông hậu ái.
Hà kham sanh quán diểu từ vân.
Làng rể ngày thăm đưa đón hậu.
Quê dì nay đã vắng mây từ.

億半子昔日承龍東床有幸
痛岳母今朝駕鶴北堂無依
Ức bán tử tích nhật thừa long đông sàng hữu hạnh.
Thống nhạc mẫu kim triêu giá hạc bắc đường vô y.
May được giường đông, ngày trước cưỡi rồng lòng vẫn nhớ.
Đâu còn nhà bắc, nay đưa xe hạc nặng tình thương.

凄涼甥館慈雲黯
縹緲仙鄉夜月寒
Thê lương sanh quán từ vân ám.
Phiếu miểu tiên hương dạ nguyệt hàn.
Mây từ u ám trùm quê ngoại.
Trăng khuya lạnh lẽo chiếu làng tiên.

蓮蕊生香有子心中無限苦
萱花遽謝出入意外不勝悲
Liên nhuỵ sinh hương hữu tử tâm trung vô hạn khổ.
Huyên hoa cự tạ xuất nhập ý ngoại bất thăng bi.
Sen nhuỵ toả hương, con thấy trong lòng vô hạn khổ.
Hoa huyên đài héo, người đi ngoài ý xiết bao buồn.

全校同教傷益友
满庭桃李哭涼師
Toàn hiệu đồng giao thương ích hữu.
Mãn đình đào lý khốc lương sư.
Cùng dạy cả trường thương bạn tốt.
Đầy sân đào mận khóc thầy hay.

茿室未能如子貢
心哀聊以學檀弓
Trúc thất vị năng như Tử Cống.
Tâm ai liêu dĩ học Đàn Cung.
Lều mộ chưa hay bằng Tử Cống.
Lòng thương riêng đã học Đàn Cung.

培養李桃曾盡瘁
光輝竹帛永流芳
Bồi dưỡng lý đào tăng tận tuỵ.
Quang huy trúc bạch vĩnh lưu phương.
Vun đắp mận đào bao tận tuỵ.
Điểm tô trúc bạch mãi còn thơm.

桃李悼良師從今不復聞教誨
教工傷益友億昔徒嗟失音容
Đào lý điệu lương sư tòng kim bất phục văn giáo hối.
Giáo công thương ích hữu ức tích đồ ta thất âm dung.
Đào mận tiếc thầy hay, nay chẳng được nghe lời dạy bảo.
Thày cô thương bạn tốt, nhớ chăng đường vắng bóng người xưa.

淑女成佳婦
奇男已丈夫
Thục nữ thành giai phụ.
Kỳ nam dĩ trượng phu.
Gái đảm thành vợ hiền.
Trai tài nên người lớn.

百年琴瑟好
千載鳳麟祥
Bách niên cầm sắt hảo.
Thiên tải phượng lân tường.
Trăm năm vui cầm sắt.
Ngàn thuở đẹp phượng lân.

新粧梅點額
吉夢燕投懷
Tân trang mai điểm ngạch.
Cát mộng yến đầu hoài.
Áo mới mai chớm nở.
Mộng lành yến vào lòng.

吹簫堪引鳳
攀桂喜乘龍
Suy tiêu kham dẫn phượng.
Phan quế hỷ thừa long.
Thổi tiêu hay dẫn phượng.
Vin quế mừng cưỡi rồng.

本為攀桂客
暫作探花郎
Bản vi phan quế khách.
Tiệm tác thám hoa lang.
Vốn là khách vin quế.
Tạm làm chàng thám hoa.

芝 蘭 千 載 茂
琴 瑟 百 年 和
Chi lan thiên tải mậu.
Cầm sắt bách niên hoà.
Chi lan ngàn thuở tốt.
Cầm sắt trăm năm hoà.

健 筆 春 山 試
雄 文 繡 閣 裁
Kiện bút xuân sơn thí.
Hùng văn tú các tài.
Bút cứng vẽ non xuân.
Văn hùng tả gác đẹp.

花 燭 生 光 彩
瓊 筵 燕 喜 冠
Hoa chúc sinh quang thái.
Quỳnh diên yến hỷ quan.
Đuốc hoa sinh vẻ sáng.
Tiệc quỳnh uống rượu vui.

户 映 三 星 繡 幙 錦 屏 春 色 滿
門 迎 百 輛 花 堂 銀 燭 夜 光 浮
Hộ ánh tam tinh tú mạc cẩm bình xuân sắc mãn.
Môn nghinh bách lượng hoa đường ngân chúc dạ quang phù.
Nhà ba sao chiếu, rèm thêu màn gấm đầy xuân sắc.
Cửa trăm xe đón, nhà hoa đuốc bạc sáng trời đêm.

南 國 賦 桃 夭 允 矣 宜 家 宜 室
大 人 占 吉 夢 成 哉 維 態 維 羆
Nam quốc phú đào yêu doãn hỹ, nghi gia nghi thất.
Đại nhân chiêm cát mộng thành tai, duy hùng duy bi.
Trời nam se duyên đẹp, được đấy, nên nhà nên cửa.
Kẻ cả đoán mộng lành, thành vậy, kết hùng kết bi.

男女正婚姻時開五倫之第一
陰陽和天地位欲萬物已無窮

Nam nữ chính hôn nhân thời, khai ngũ luân chi đệ nhất.
Âm dương hoà thiên địa vị, dục vạn vật dĩ vô cùng.
Nam nữ định hôn nhân, lúc mở ngũ luân coi bậc nhất.
Âm dương hoà trời đất, sinh nuôi vạn vật đến vô cùng.

金結同心百歲鳳鸞良匹耦
彩繩繫足千秋琴瑟永和諧

Kim kết đồng tâm bách tuế phượng loan lương sất ngẫu.
Thái thằng hệ túc thiên thu cầm sắt vĩnh hoà hài.
Giải vàng đồng tâm, trăm tuổi phượng loan lành đôi lứa.
Dây đỏ buộc chân, ngàn năm cầm sắt vẫn giao hoà.

友以瑟友以琴梅花香度桃花暖
麟之趾麟之定仙人信付玉人來

Hữu dĩ sắt hữu dĩ cầm mai hoa hương độ đào hoa noãn.
Lân chi chỉ lân chi định tiên nhân tín phó ngọc nhân lai.
Bạn đàn sắt, bạn đàn cầm, hoa mai hương đậm, hoa đào ấm.
Lân để dấu, lân để ý, người tiên tin gửi, người ngọc về.

蟾影浮光皓月交明花燭
龍纏應律祥雲直逼星橋

Thiềm ảnh phù quang hạo nguyệt dao minh hoa chúc.
Long triền ứng luật tường vân trực bức tinh kiều.
Bóng thiềm sáng tỏ, ánh trăng xen lẫn đuốc sáng.
Rồng lên ứng luật, mây lành trùm lấy cầu ngân.

畫眉終愛蓮花品
伴讀重修博議書

Hoạ mi chung ái liên hoa phẩm.
Bạn độc trùng tu bác nghị thư.
Vẽ mày thấy chuộng phẩm hoa sen.
Bạn đọc hai lần bà sửa sách.

不惜鸞膠千里續
自應鳳偶百年諧
Bất tích loan giao thiên lý tục.
Tự ưng phượng ngẫu bách niên hài.
Chẳng tiếc keo loan ngàn dặm nối.
Bỗng thành đôi phượng trăm năm duyên.

鳳凰于飛亦集爰止
琴瑟在御其新孔嘉
Phượng hoàng vu phi diệc tập viên chỉ.
Cầm sắt tại ngự kỳ tân khổng da.
Phượng hoàng đang bay cũng tìm đến đậu.
Cầm sắt cùng hoà điệu mới càng vui.

彩筆新添描夜月
桃源舊路駕輕車
Thái bút tân thiêm miêu dạ nguyệt.
Đào nguyên cựu lộ giá khinh xa.
Bút hay thêm mới tả trăng sáng.
Nguồn đào đường cũ, cưỡi xe êm.

家鄉阻隔雲千李
玉女團圓月一輪
Gia hương trở cách vân thiên lý.
Ngọc nữ xum vầy nguyệt nhất luân.
Quê nhà cách trở mây ngàn dặm.
Ngọc nữ đoàn viên nguyệt một vành.

千里人緣絲繫足
百年風月客爲家
Thiên lý nhân duyên ty hệ túc.
Bách niên phong nguyệt khách vi gia.
Ngàn dặm nhân duyên chân buộc chỉ.
Trăm năm trăng gió khách là nhà.

湖海襟期眞浩蕩
鳳凰羽翼相鮮新
Hồ hải khâm kỳ chân hạo đãng.
Phượng hoàng vũ dực tướng tiên tân.
Hồ hải ước mong trời rộng lớn.
Phượng hoàng lông cánh vẻ thêm xinh.

鵲橋直上龍門客
鳳閣初騰翰苑人
Thước kiều trực thượng long môn khách.
Phượng các sơ đằng hàn uyển nhân.
Khách long môn đến thẳng cầu ô.
Người rộng học vừa lên gác phượng.

關雎賦就回文錦
麟趾賡成戒旦雞
Quan thư phú tựu hồi văn cẩm.
Lân chỉ canh thành giới đán kê.
Phú quan thư tựa gấm hồi văn.
Dấu lân bước thành răn gà gáy.

梅綻粧臺花解語
文隨繡閣筆生香
Mai điện trang đài hoa giải ngữ.
Văn tuỳ tú các bút sinh hương.
Mai điểm trang đài, hoa giải ngữ.
Văn theo gác đẹp, bút sinh hương.

詩禮庭前由舊訓
瑟琴堂上聽新聲
Thi lễ đình tiền do cựu huấn.
Cầm sắt đường thượng thính tân thanh.
Trước sân thi lễ lời xưa dạy.
Trong nhà cầm sắt mới thanh âm.

舍章玉質吟嬌雪
博議風裁學畫眉
Xá chương ngọc chất ngâm kiều tuyết.
Bác nghị phong tài học hoạ my.
Ngâm tuyết đẹp nhà phô vẻ ngọc.
Học vẽ mày bàn chuyện phong lưu.

凌雲奇氣知才子
映雪新粧識玉人
Lăng vân kỳ khí tri tài tử.
Ánh tuyết tân trang thức ngọc nhân.
Vượt mây khí lạ biết tay tài.
Tuyết ánh tân trang hay người ngọc.

漫將江筆為張筆
好向雞鳴聽鹿鳴
Mạn tương giang bút vi trương bút.
Hảo hướng kê minh thính lộc minh.
Đùa đem giang bút làm trương bút.
Khéo hướng gà kêu ghe hươu kêu.

碧紗待月人如玉
紅袖添香夜讀書
Bích sa đãi nguyệt nhân như ngọc.
Hồng tụ thiêm hương dạ độc thư.
Lụa biếc dưới trăng người tựa ngọc.
Vạt áo giồi hương sách đọc đêm.

藜火雞聲雨不夜
筆花燭影共聯輝
Lê hoả kê thanh vũ bất dạ.
Bút hoa chúc ảnh cộng liên huy.
Lửa lê gà gáy đêm đâu quản.
Bút hoa ánh đuốc sáng ngời chung.

筆花暫向燈花燦
御酒還從巹酒香
Bút hoa tiệm hướng đăng hoa xán.
Ngự tửu hoàn tòng cẩn tửu hương.
Hoa bút dần hướng hoa đèn rạng.
Rượu ngự đành theo rượu cẩn thơm.

跨鳳原爲攀桂客
探花暫作畫眉人
Khoá phượng nguyên vi phan quế khách.
Thám hoa tiệm tác họa my nhân.
Cưỡi phượng vốn là khách vin quế.
Thám hoa tạm làm người vẽ mày.

待畫柳眉描筆意
須燃花燭映文光
Đãi hoạ liễu my miêu bút ý.
Tu nhiên hoa chúc ánh văn quang.
Đợi tô mày liễu qua ý bút.
Cần giương hoa đuốc sáng lời văn.

博議新書文吐錦
畫眉彩筆玉生香
Bác nghị tân thư văn thổ cẩm.
Hoạ mi thái bút ngọc sinh hương.
Bàn rộng sách hay văn tựa gấm.
Vẽ mày nét đẹp ngọc sinh hương.

玉人早向書中得
金榜還從筆下來
Ngọc nhân tảo hướng thư trung đắc.
Kim bảng hoàn tòng bút hạ lai.
Người ngọc tìm trong sách mà được.
Bảng vàng nhờ có bút nên công.

先向洞房裁博議
好從清夜問常娥
Tiên hướng động phòng tài bác nghị.
Hảo tòng thanh dạ vấn thường nga.
Trước hướng động phòng khoe biết rộng.
Khéo lần đêm vắng hỏi Hằng nga.

彩筆輕描寒夜月
新粧光照錦紋花
Thái bút khinh miêu hàn dạ nguyệt.
Tân trang quang chiếu cẩm văn hoa.
Bút hay nhàn tả đêm trăng lạnh.
Tân trang sáng tỏ ánh hoa văn.

秋水近流琴韻好
江風遠送筆生香
Thu thuỷ cận lưu cầm vận hảo.
Giang phong viễn tống bút sinh hương.
Giòng thu chảy cạnh tiếng đàn hay.
Gió cuốn xa đưa hương bút toả.

既聯詩句傳嬌語
還向文章德好音
Ký liên thi cú truyền kiều ngữ.
Hoàn hướng văn chương thính hảo âm.
Thơ viết liền câu ngôn ngữ đẹp.
Văn chương đều hướng âm thanh hay.

已擬鳳池輝翰苑
先登月窟伴嫦娥
Dĩ nghĩ phượng trì huy hàn uyển.
Tiên đăng nguyệt quật bạn thường nga.
Đã bày ao phượng bên vườn lạnh.
Còn bạn thềm trăng với Tố Nga.

摧粧句配河洲錦
伴讀燈挑博議書
Thôi trang cú phối hà châu cẩm.
Bạn độc đăng khiêu bác nghị thư.
Vẻ đẹp lời hay vui bãi nước.
Bạn đọc đèn khêu lắm sách hay.

粧摧香閣珠璣燦
筆寫香山錦繡新
Trang thôi hương các châu cơ xán.
Bút tả xuân sơn cẩm tú tân.
Áo thơm hương gác châu ngọc rạng.
Bút tả non xuân gấm vóc tươi.

墨酒天橋紅作句
粧摧月殿錦成詩
Mặc tửu thiên kiều hồng tác cú.
Trang thôi nguyệt điện cẩm thành thi.
Rượu mực cầu ngân mống viết chữ.
Áo hồng điện nguyệt gấm thành thơ.

紅樓蓮步摧雲步
春夜燭花映筆花
Hồng lâu liên bộ thôi vân bộ.
Xuân dạ chúc hoa ánh bút hoa.
Lầu hồng bước sen giục bước mây.
Đêm xuân hoa đuốc sáng hoa bút.

得句不勞窗外客
攀花且問月中人
Đắc cú bất lao song ngoại khách.
Phan hoa thả vấn nguyệt trung nhân.
Câu hay chẳng phiền khách ngoài cửa.
Vin hoa ướm hỏi người trong trăng.

雪麗河洲吟雪句
雲連濟水映雲程
Tuyết lệ hà châu ngâm tuyết cú.
Vân liên tế thuỷ ánh vân trình.
Tuyết đẹp bãi sông ngâm thơ tuyết.
Mây liền mặt nước tỏ đường mây.

諧偶百年期桂實
子歸正月詠桃夭
Hài ngẫu bách niên kỳ quế thực.
Vu quy chính nguyệt vịnh đào yêu.
Hẹn quế bẻ trăm năm duyên đẹp.
Vịnh đào tơ tháng giêng vu quy.

繡幕香濃人似玉
春霄夢暖筆生花
Tú mạc hương nùng nhân tự ngọc.
Xuân tiêu mộng noãn bút sinh hoa.
Rèm thêu hương đậm người như ngọc.
Đêm xuân mộng ấm bút sinh hoa.

雪案夜深聯好友
梅粧日暖議新書
Tuyết án dạ thâm liên hảo hữu.
Mai trang nhật noãn nghị tân thư.
Án tuyết đêm khuya vui bạn tốt.
Thung mai ngày ấm luận sách hay.

雎合西河逢泰運
梅開南嶺煥新粧
Thư hợp tây hà phùng thái vận.
Mai khai nam lĩnh hoán tân trang.
Bến tây xum họp gặp thái vận.
Non nam mai nở rạng tân trang.

擁髻銀燈含宿膩
窺簾碧月照春容
Ủng kế ngân đăng hàm tú nhị.
Khuy liêm bích nguyệt chiếu xuân dung.
Đèn soi tóc búi vẻ tế nhị.
Trăng chiếu song nhòm rạng vẻ xuân.

時值泰交欣合巹
人從寅統喜牽絲
Thời trị thái giao hân hợp cẩn.
Nhân tòng dần thống hỷ khiên ty.
Giờ lúc giao hoà vui hợp cẩn.
Người theo truyền thống mừng dắt dây.

歲月水和賦宜家室
乾坤相配夢葉熊羆
Tuế nguyệt thuỷ hoà phú nghi gia thất.
Càn khôn tương phối mộng diệp hùng bi.
Năm tháng thuận hoà dựng nên gia thất.
Đất trời phối hợp mộng thấy hùng bi.

銀燭光浮元夜月
玉簫吹徹洞房春
Ngân chúc quang phù nguyên dạ nguyệt.
Ngọc tiêu suy triệt động phòng xuân.
Đuốc rực sáng, mờ trăng đầu tháng.
Tiêu ngọc vui, thêm xuân động phòng.

時值泰交祥開瓜瓞
月逢歲首夢入芝蘭
Thời trị thái giao tường khai qua điệt.
Nguyệt phùng tuế thủ mộng nhập chi lan.
Đúng lúc giao hoà tỏ tường lòng dạ.
Trăng chiếu đầu năm mộng chốn hương hoa.

花朝日暖青鸞舞
柳絮風和紫燕飛
Hoa triêu nhật noãn thanh loan vũ.
Liễu nhứ phong hòa tử yến phi.
Sớm hoa ngày ấm loan xanh múa.
Liễu bông gió thuận én biếc bay.

度花朝適逢花燭
憑月老試步月宮
Độ hoa triêu thích phùng hoa chúc.
Bằng nguyệt lão thí bộ nguyệt cung.
Độ hoa sớm đúng giờ hoa đuốc.
Nguyệt lão se sánh bước cung trăng.

花月新粧宜學柳
雲窗好友早栽蘭
Hoa nguyệt tân trang nghi học liễu.
Vân song hảo hữu tảo tài lan.
Trăng hoa vẻ mới nên tìm liễu.
Cỏ thơm bạn tốt sớm trồng lan.

簫吹夜色三更韻
粧點春容二月花
Tiêu suy dạ sắc tam canh vận.
Trang điểm xuân dung nhị nguyệt hoa.
Tiếng tiêu thủ thỉ suối ba canh.
Vẻ xuân tô điểm hoa hai tháng.

汗濕紅粧花帶露
雲堆綠鬢柳拖煙
Hãn thấp hồng trang hoa đới lộ.
Vân đôi lục mấn liễu đà yên.
Hoa nặng sương đêm áo đẫm nước.
Liễu tuôn khói sớm tóc vờn mây.

花朝春色光花竹
柳絮奇姿畫柳眉
Hoa triêu xuân sắc quang hoa chúc.
Liễu nhứ kỳ tư hoạ liễu my.
Hoa sớm sắc xuân rạng đuốc hoa.
Liễu trông vẻ lạ tô mày liễu.

已見衣將柳汁染
行看鏡以菱花懸
Dĩ kiến y tương liễu trấp nhiễm.
Hành khan kính dĩ lăng hoa huyền.
Đã thấy áo hoa cùng liễu ướt.
Còn xem trong kính có lăng treo.

階下花開花映燭
堂中燕至燕投懷
Giai hạ hoa khai hoa ánh chúc.
Đường trung yến chí yến đầu hoài.
Dưới thềm hoa nở hoa ngời đuốc.
Trong nhà yến đến yến đang mong.

芙蓉新艷凌花燭
玉鏡初明照藍田
Phù dung tân diễm lăng hoa chúc.
Ngọc kính sơ minh chiếu lam điền.
Phù dung mới nở xem thường đuốc.
Kính ngọc vừa soi tỏ nội lam.

應花朝如新作合
居繡作好友言歡
Ứng hoa triêu như tân tác hợp.
Cư tú các hảo hữu ngôn hoan.
Với hoa sớm như vừa tác hợp.
Ở gác đẹp bạn bè đều vui.

月應花朝燭花獻彩
時逢燕至玉燕終祥
Nguyệt ứng hoa triêu chúc hoa hiến thái.
Thời phùng yến chí ngọc yến chung tường.
Trăng soi hoa sớm, rực rỡ đuốc hoa.
Gặp lúc yến về, điềm lành yến ngọc.

陽春瑞藹飛鸚鵡
太呂律和引鳳凰
Dương xuân thuỵ ái phi anh vũ.
Thái lữ luật hoà dẫn phượng hoàng.
Mây trùm dương xuân anh vũ bay.
Luật theo thái lữ phượng hoàng lại.

綠柳移陰春帳暖
夭桃吐艷巹杯紅
Lục liễu di âm xuân trướgn noãn.
Yêu đào thổ diễm cẩn bôi hồng.
Liễu xanh rợp bóng trướng xuân ấm.
Đào tơ tươi đẹp rượu cẩn hồng.

鳳曲迎風吟柳綠
桃花趁雨醉春紅
Phượng khúc nghinh phong ngâm liễu lục.
Đào hoa sấn vũ tuý xuân hồng.
Ngâm liễu biếc khúc phượng đón gió.
Say xuân hồng hoa đào gặp mưa.

百世緣和諧鳳侶
三春日永賦雞明
Bách thế duyên hoà hài phượng lữ.
Tam xuân nhật vĩnh phú kê minh.
Trăm năm duyên hài hoà phượng hót.
Ba xuân ngày vẫn phú gà kêu.

柳色映眉粧鏡曉
桃花照面洞房春
Liễu sắc ánh mi trang kính hiểu.
Đào hoa chiếu diện động phòng xuân.
Sắc liễu tươi mày soi kính đẹp.
Đào hoa rạng mặt động phòng xuân.

紅雨花村鴛並倚
翠煙柳驛鳳和鳴
Hồng vũ hoa thôn uyên tịnh ỷ.
Thuý yên liễu dịch phượng hoà minh.
Mưa nhợt xóm hoa uyên phải ẩn.
Khói xanh trang biếc phượng đều kêu.

日暖鴛鴦依錦水
風和海燕繞珠簾
Nhật noãn uyên ương y cẩm thuỷ.
Phong hoà hải yến nhiễu châu liêm.
Ngày ấm uyên ương xuôi nước biếc.
Gió hoà hải yến lượn rèm châu.

樂奏黄鍾諧鳳侶
詩題紅葉詠桃花
Nhạc tấu hoàng chung hài phượng lữ.
Thi đề hồng diệp vịnh đào hoa.
Nhạc tấu hoàng chung vui phượng bạn.
Thơ đề lá đỏ vinh đào hoa.

鶯語和偕春風帳暖
桃花絢爛巹酒杯浮
Oanh ngữ hoà giai xuân phong trướng noãn.
Đào hoa huyến lạn cẩn tửu bôi phù.
Trướng ấm gió xuân tiếng oanh thỏ thẻ.
Rượu cẩn đầy chén hoa đào xinh tươi.

碧沼芰荷開並帝
繡幃鸞鳳結同心
Bích chiểu kỳ hà khai tịnh đế.
Tú vi loan phượng kết đồng tâm.
Ao biếc súng sen chung rễ nở.
Màn thêu loan phượng kết đồng tâm.

蓮花影入水晶鏡
竹葉香浮鸚鵡杯
Liên hoa ảnh nhập thuỷ tinh kính.
Trúc diệp hương phù anh vũ bôi.
Gương thuỷ tinh thấy ảnh hoa sen.
Chén anh vũ toả hương lá trúc.

池上綠荷揮彩筆
天邊朗月偃新眉
Trì thượng lục hà huy thái bút.
Thiên biên lãng nguyệt yển tân my.
Sen biếc trên cao thêm hứng bút.
Bên trời trăng sáng đọng hàng mi.

琴瑟哺和剛四月
熊羆入夢喜三更
Cầm sắt bổ hoà cương tứ nguyệt.
Hùng bi nhập mộng hỷ tam canh.
Mới tháng tư cầm sắt hài hoà.
Mừng ba canh hùng bi vào mộng.

探花幸際時初夏
夢燕欣逢麥至秋
Thám hoa hạnh tế thời sơ hạ.
Mộng yến hân phùng mạch chí thu.
Thăm hoa may gặp thời sơ hạ.
Mộng yến vừa hay mạch đến thu.

筆挾薰風眉彩畫
蘭培錦砌夢投香
Bút hiệp huân phong my thái hoạ.
Lan bồi cẩm thế mộng đầu hương.
Bút nhờ gió ấm tô mày đẹp.
Lan tốt bên thềm mộng toả hương.

梅雨雲週聯好友
榴花伊始映新粧
Mai vũ vân chu liên hảo hữu.
Lựu hoa y thuỷ ánh tân trang.
Bên bạn tốt mưa mai mây cuốn.
Đẹp tân trang hoa lựu giống xưa.

書葉草從窗外綠
芙蓉花向座中紅
Thư đới thảo tòng song ngoại lục.
Phù dung hoa hướng toạ trung hồng.
Sách mang cỏ đến ngoài song biếc.
Phù dung hoa hướng khách khoe hồng.

春色映搖臺一曲紫蕭飛彩鳳
惠風清寶瑟數行錦字篆青虬
Xuân ánh dao đài nhất khúc tử tiêu phi thái phượng.
Huệ phong thanh bảo sắt sổ hàng cẩm tự triện thanh cù.
Xuân sắc chiếu dao đài, một khúc tiêu hay vời phượng đẹp.
Gió thơm trong tiếng sắt, vài hàng chữ gấm gửi rồng xanh.

燭花喜並榴花艷
蒲酒欣蓮巹酒斟
Chúc hoa hỷ tịnh lựu hoa diệm.
Bồ tửu hân liên cẩn tửu châm.
Hoa đuốc kề bên hoa lựu đẹp.
Rượu nho cùng với rượu cẩn mời.

蒲酒流馨連巹酒
燭花絢彩映榴花
Bồ tửu lưu hinh liên cẩn tửu.
Chúc hoa huyến thái ánh lựu hoa.
Rượu nho cùng rượu cẩn thơm ngát.
Hoa đuốc bên hoa lựu rực màu.

菡萏枝連諧繡幙
鴛鴦翼比媚將臺
Hạm đạm chi liên hài tú mạc.
Uyên ương dực tỵ my tương đài.
Hoa sen chung rễ hợp rèm thêu.
Uyên ương chắp cánh nổi đài đẹp.

巹酒香浮蒲酒綠
榴花艷映燭花紅
Cẩn tửu hương phù bồ tửu lục.
Lựu hoa diễm ánh chúc hoa hồng.
Rượu nho thơm giúp hương rượu cẩn.
Hoa lựu đẹp nhờ đuốc hoa hồng.

杯斟暑日飛鸚鵡
曲奏薰風引鳳凰
Bôi châm thử nhật phi anh vũ.
Khúc tấu huân phong dẫn phượng hoàng.
Rượu mời ngày nóng anh vũ bay.
Khúc tấu nồm nam phượng hoàng lại.

樂奏函鍾諧鳳侶
詩歌南國葉螽斯
Nhạc tấu hàm chung hài phượng lữ.
Thi ca nam quốc diệp chung tư.
Nhạc tấu hàm chung vui bầy phượng.
Thơ ca nam quốc lá chung tư.

酷暑銷金金屋見
荷花吐玉玉人來
Khốc thử tiêu kim kim ốc kiến.
Hà hoa thổ ngọc ngọc nhân lai.
Nắng gắt tiêu vàng, nhà vàng hiện.
Hoa sen nhả ngọc, người ngọc về.

燭映繡幃揮彩筆
杯交暑日畫新眉
Chúc ánh tú vi huy thái bút.
Bôi giao thử nhật hoạ tân my.
Ánh đuốc rèm thêu rạng vẻ bút.
Chén trao ngày nóng vẽ tươi mày.

燭映繡幃金鳳麗
杯交暑日玉蘭新
Chúc ánh tú vi kim phượng lệ.
Bôi giao thử nhật ngọc lan tân.
Ánh đuốc rèm thêu, kim phượng đẹp.
Chén trao ngày nóng, ngọc lan tươi.

鵲橋初駕雙星渡
熊夢新徵百子祥
Thước kiều sơ giá song tinh độ.
Hùng mộng tân trưng bách tử tường.
Cầu ô vừa bắc, hai sao vượt.
Mộng hùng mới hiện, lắm con hay.

鵲橋月皎人如玉
牛渚星輝酒似蘭
Thước kiều nguyệt giảo nhân như ngọc.
Ngưu chử tinh huy tửu tự lan.
Cầu thước ngời trăng người tựa ngọc.
Bến trâu sao sáng rượu như lan.

紅葉新生春帳暖
銀河初渡夜香深
Hồng diệp tân sinh xuân trướng noãn.
Ngân hà sơ độ dạ hương thâm.
Lá thắm mới sinh, trướng xuân ấm.
Ngân hà vừa vượt, hương đêm nồng.

鵲橋巧渡雙星會
鳳卜和諧百世昌
Thước kiều xảo độ song tinh hội.
Phượng bốc hoà hài bách thế xương.
Cầu ô khéo vượt hai sao hội.
Bói phượng hài hòa trăm thuở yên.

前夕鵲橋占好兆
今霄月殿會仙娥
Tiền tịch thước kiều chiêm hảo triệu.
Kim tiêu nguyệt điện hội tiên nga.
Đêm trước cầu ô đoán điềm tốt.
Tối nay điện nguyệt hội tiên nga.

玉宇澄清輝玉鏡
金風瞻蕩弗金粧
Ngọc vũ trừng thanh huy ngọc kính.
Kim phong chiêm đãng phất kim trang.
Hiên ngọc lắng trong ngời kính ngọc.
Gió vàng thấp thoáng bóng xiêm vàng.

金屋人間詩聯二美
銀河天上夜渡雙星
Kim ốc nhân gian thi liên nhị mỹ.
Ngân hà thiên thượng dạ độ song tinh.
Nhà vàng nhân gian thơ hay đối đẹp.
Ngân hà thượng giới đêm vượt hai sao.

緣符月老當瓜月
喜對花容映繡花
Duyên phù nguyệt lão đương qua nguyệt.
Hỷ đối hoa dung ánh tú hoa.
Duyên nhờ nguyệt lão, dưa đang vụ.
Mừng thấy dung nhan, ánh sắc hoa.

天錫佳期玉宇喜看金雀舞
人諧盛事畫堂欣聽彩鸞鳴
Thiên tích giai kỳ ngọc vũ hỷ khan kim tước vũ.
Nhân hài thịnh sự hoạ đường hân thính thái loan minh.
Trời định giai kỳ, hiên ngọc mừng xem sẻ vàng múa.
Người vui việc tốt, nhà hoa vui nghe loan hót hay.

秋深喜為攀桂客
夜靜新作畫眉人
Thu thâm hỷ vi phan quế khách.
Dạ tĩnh hân tác họa my nhân.
Thu muộn mừng làm khách vin quế.
Đêm vắng vui là kẻ vẽ mày.

丹桂香飄金屋瑞
紅粧彩映玉堂鮮
Đan quế hương phiêu kim ốc thuỵ.
Hồng trang thái ánh ngọc đường tiên.
Đan quế hương bay kim ốc đẹp.
Hồng trang óng ánh, ngọc đường tươi.

盛世長青樹
百年不老松
Thịnh thế trường thanh thụ.
Bách niên bất lão tùng.
Đời thịnh cây xanh mãi.
Trăm năm tùng chẳng già.

壽同山巒老
福共海天長
Thọ đồng sơn loan lão.
Phúc cộng hải thiên trường.
Thọ lâu cùng núi bọc.
Phúc dài với biển trời.

如梅花挺秀
似松樹長青
Như mai hoa đĩnh tú.
Tự tùng thụ trường thanh.
Như hoa mai đẹp trội.
Giống cây tùng xanh lâu.

八旬酬盛世
一世煥清輝
Bát tuần thù thịnh thế.
Nhất thế hoán thanh huy.
Tám chục vui đời thịnh.
Một đời rực sáng trong.

乃武乃文乃壽
如梅如竹如松
Nãi vũ nãi văn nãi thọ.
Như mai như trúc như tùng.
Là vũ, là văn, là thọ.
Như mai, như trúc, như tùng.

福如東海長流水
壽比南山不老松
Phúc như đông hải trường lưu thuỷ.
Thọ tỷ nam sơn bất lão tùng.
Phúc tựa biển đông, dòng chảy mãi.
Thọ ví non nam, tùng không già.

周天行健人常健
秋日燈高壽更高
Chu thiên hành kiện nhân thường kiện.
Thu nhật đăng cao thọ cánh cao.
Vòng trời đi khoẻ, người thường khoẻ.
Ngày thu lên cao, thọ càng cao.

足食丰衣晚景好
勤耕苦讀老來紅
Túc thực phong y vãn cảnh hảo.
Cần canh khổ độc lão lai hồng.
Đủ ăn, đủ mặc già xuân chán.
Chăm cày, chăm đọc lão còn tươi.

年高喜看花千樹
人壽笑斟酒一杯
Niên cao hỷ khán hoa thiên thụ.
Nhân thọ tiếu châm tửu nhất bôi.
Tuổi cao mừng ngắm hoa ngàn khóm.
Người thọ cười vui rượu một chung.

光明心地恒增壽
爽朗精神自健康
Quang minh tâm địa hằng tăng thọ.
Sảng lãng tinh thần tự kiện khang.
Tâm địa quang minh tăng tuổi thọ.
Tinh thần sáng láng thấy an khang.

老當益壯雄心未已
晚節堅貞斗志彌堅
Lão đương ích tráng hùng tâm vĩ dĩ.
Vãn tiết kiên trinh đẩu chí di kiên.
Già còn mạnh sức, hùng tâm chưa hết.
Tiết mạnh kiên trinh, chí mạnh càng bền.

柏翠松蒼含歌五福
椿榮萱茂同祝百齡

Bách thuý tùng thương hàm ca ngũ phúc.
Xuân vinh huyên mậu đồng chúc bách linh.
Bách biếc, tùng xanh ngợi ca năm phúc.
Xuân tươi, huyên rậm, cùng chúc trăm tròn.

青松增壽年年壽
丹桂飄香户户香

Thanh tùng tăng thọ niên niên thọ.
Đan quế phiên hương hộ hộ hương.
Tùng xanh tăng thọ, năm thêm thọ.
Quế đỏ hương bay, khắp chốn hương.

歲序更新添壽考
江山竟秀顯英才

Tuế tự canh tân thiên thọ khảo.
Giang sơn cạnh tú hiển anh tài.
Năm dần đổi mới, tăng tuổi thọ.
Núi sông đua đẹp, rõ anh tài.

報國不愁生白髮
讀書哪肯負蒼生

Báo quốc bất sầu sinh bạch phát.
Độc thư na khẳng phụ thương sinh.
Báo nước chẳng buồn khi tóc bạc.
Học chăm đừng phụ lúc đầu xanh.

白髮朱顏宜登上壽
丰衣足食樂享高齡

Bạch phát chu nhan nghi đăng thượng thọ.
Phong y túc thực lạc hưởng cao linh.
Tóc bạc da mồi, cần lên thượng thọ.
Đủ ăn đủ mặc, vui hưởng tuổi cao.

棠棣齊開千載好
椿萱幷茂萬年長
Đường lệ tề khai thiên tải hảo.
Xuân huyên Tịnh mậu vạn niên trường.
Đường, lệ nở hoa ngàn thuở đẹp.
Xuân, huyên tươi tốt, vạn năm dài.

勤儉起家由內助
康強到老有余閑
Cần kiệm khởi gia do nội trở.
Khang cường đáo lão hữu dư nhàn.
Cần kiệm dựng nhà nhờ nội trợ.
Khang cường vào lão được an nhàn.

鳳凰枝上花如錦
松菊堂中人幷年
Phượng hoàng chi thượng họa như cẩm.
Tùng cúc đường trung nhân tịnh niên.
Trên cành hoa gấm Phượng Hoàng đậu.
Trong nhà người thọ cúc tùng xanh.

年享高齡椿萱幷茂
時逢盛世蘭桂齊芳
Niên hưởng cao linh xuân huyên tịnh mậu.
Thời phùng thịnh thế lan quế tế phương.
Trời cho tuổi thọ, xuân huyên đều tốt.
Gặp thời thịnh trị, lan quế cùng thơm.

磻桃捧日三千歲
古柏參天四十圍
Bàn đào bổng nhật tam thiên tuế.
Cổ bách tham thiên tứ thập vi.
Bàn đào ngày hội, ba ngàn năm.
Bách cổ ngất trời, bốn chục tuổi.

寶婺星輝歌四秩
磻桃獻瑞祝千秋
Bảo vụ tinh huy ca tứ trật.
Bàn đào hiến thuỵ chúc thiên thu.
Chòm bảo vu hát mừng bốn chục.
Hội bàn đào kiến quả ngàn năm.

五十花筵開北海
三千朱履慶南山
Ngũ thập hoa diên khai Bắc hải.
Tam thiên chu lý khánh Nam Sơn.
Năm chục tuổi tiệc mừng thông Bắc hải.
Ba ngàn năm giày đỏ chúc Nam Sơn.

海屋籌添春半百
瓊池桃熟歲三千
Hải ốc trù thiêm xuân bán bách.
Quỳnh trì đào thục tuế tam thiên.
Nửa thế kỷ xuân thêm nhà biển.
Ba ngàn năm đào chín ao Quỳnh.

尺宿騰輝百齡半度
天星煥彩五福駢臻
Vụ tú đằng huy bách linh bán độ.
Thiên tinh hoán thái ngũ phúc biền trăn.
Chòm Vụ sáng ngời, trăm tròn có nửa.
Trời sao rạng vẻ, năm phúc bày hàng.

甲子重新新甲子
春秋几度度春秋
Giáp tý trùng tân tân giáp tý.
Xuân thu kỷ độ độ xuân thu.
Giáp tý vừa qua, qua giáp tý.
Xuân thu mấy độ, độ xuân thu.

一家歡樂慶長壽
六秩安康醉太平
Nhất gia hoan lạc khánh trường thọ.
Lục trật an khang tuý thái bình.
Một nhà vui vẻ chúc trường thọ.
Sáu chục an khang say thái bình.

群鳥長歌歌耳順
眾芳同喜喜壽增
Quần điểu trường ca, ca nhĩ thuận.
Chúng phương đồng hỉ, hỉ thọ tăng.
Chim bấy đồng ca, ca tai thuận.
Mọi hoa đều chúc, chúc thọ tăng.

花甲初周茂如松柏
長庚朗曜慶溢桂蘭
Hoa giáp sơ chu mậu như tùng bách.
Trường canh lãng diệu khánh dật quế lan.
Hoa giáp vòng đầu, tốt như tùng bách.
Lâu dài rực rỡ, tươi đẹp quế lan.

前壽五旬又迎花甲
待延十歲再祝古稀
Tiền thọ ngũ tuần hựu nghinh hoa giáp.
Đãi diên thập tuế tái chúc cổ hi.
Đã thọ năm tuần lại thêm hoa giáp.
Đợi tròn chục nữa, sẻ chúc cổ hi.

三千歲月春常在
七十丰神古所稀
Tam thiên tuế nghiệp xuân trường tại.
Thất thập phong thần cổ sơ hi.
Ba ngàn năm tháng xuân thường trú.
Bảy chục còn tươi cổ vốn hi.

休辭客路三千遠
須念人生七十稀
Hưu từ khách lộ tam thiên viễn.
Tu niệm nhân sinh thất thập hi.
Đừng ngại đường khách ba ngàn xa.
Nên biết trên đời bảy chục hiếm.

此日萱庭登七秩
他年閬苑祝期頤
Thử nhật huyên đình đăng thất trật.
Tha niên lãng uyển chúc kỳ di.
Ngày ấy nhà huyên nên bảy chục.
Năm khác vườn tiên đợi chúc thăm.

月滿桂花延七里
庭留萱草茂千秋
Nguyệt mãn quế hoa diên thất lý.
Đình lưu huyên thảo mậu thiên thu.
Hoa quế trăng rằm hương bảy dặm.
Cỏ huyên sân trước tốt ngàn năm.

金桂生輝老益健
萱堂長壽慶稀年
Kim quế sinh huy lão ích kiện.
Huyên đường trường thọ khánh hy niên.
Quế vàng rực rỡ già thêm mạnh.
Nhà huyên trường thọ, chúc hiếm người.

年過七旬稱健婦
籌添三十享期頤
Niên qúa thất tuần xưng kiện phụ.
Trù thiêm tam thập hưởng kỳ di.
Tuổi ngoại bảy tuần khen cụ khỏe.
Còn thêm ba chục lộc trời cho.

渭水一竿閑試釣
武凌千樹笑行舟
Vị thuỷ nhất can nhàn thí điếu.
Vũ lăng thiên thụ tiếu hành chu.
Bên giòng sông vị thả câu chơi.
Rừng rậm vũ lăng cười thuyền dạo.

八旬且獻搖池瑞
几代同瞻寶婺輝
Bát tuần thả hiến dao trì thuỵ.
Kỷ đại đồng chiêm Bảo vụ huy.
Chốn Dao trì tám mươi hiến thuỵ.
Chòm Bảo vụ mấy thuở cùng xem.

八秩康強春不老
四時健旺福無窮
Bát trật khang cường xuân bất lão.
Tứ thời kiện vượng phúc vô cùng.
Tám chục chưa già xuân vẫn mạnh.
Bốn mùa khỏe sức phúc vô cùng.

九秩曾留千載壽
十年再進百齡觴
Cửu trật tằng lưu thiên tải thọ.
Thập niên tái tiến bách linh thương.
Chín chục hãy còn ngàn tuổi thọ.
Mười năm lại chúc chén trăm năm.

九十春光堂前活佛
三千甲子山上靈春
Cửu thập xuân quang đường tiền hoạt Phật.
Tam thiên giáp tý sơn thượng linh xuân.
Chín chục mùa xuân, trong nhà Phật sống.
Ba ngàn giáp tý, trên núi xuân thiêng.

天邊將滿一輪月
世上還鍾百歲人
Thiên biên tương mãn nhất luân nguyệt.
Thế thượng hoàn chung bách tuế nhân.
Chân trời rực rỡ một vành nguyệt.
Dưới đất chuông mừng người chẵn trăm.

古稀已是尋常事
上壽尤多百歲人
Cổ hy dĩ thị tầm thường sự.
Thượng thọ vưu đa Bách tuế nhân.
Đã nhàm câu nói: xưa nay hiếm.
Trăm tuổi ngày nay đã lắm người.

家中早釀千年酒
盛世長歌百歲人
Gia trung tảo nhưỡng thiên niên tửu.
Thịnh thế trường ca bách tuế nhân.
Trong nhà sớm ủ rượu ngàn năm.
Đời thịnh luôn khen người trăm tuổi.

月藹桂花延七袠
庭留萱草茂千秋
Nguyệt ế quế hoa diên thất trật.
Đình lưu huyên thảo mậu thiên thu.
Hoa quế trăng soi mừng bảy chục.
Cỏ huyên sân mọc rậm ngàn thu.

萱榮北地年稀少
婺煥南千日正長
Huyên vinh bắc địa niên hy thiểu.
Vụ hoán nam thiên nhật chính trường.
Cỏ huyên đất bắc năm chừng ngắn.
Sao vụ trời nam ngày vấn dài.

碧漢婺星輝七袠
青陽萱草茂千秋
Bích hán vụ tinh huy thất trật.
Thanh dương huyên thảo mậu thiên thu.
Sao vụ sông ngân sáng bảy chục.
Cỏ huyên trời rạng rậm ngàn thu.

酒釀屠蘇觴七袠
桃開度朔祝三千
Tửu nhưỡng đồ tô thương thất trật.
Đào khai độ sóc chúc tam thiên.
Rượu ngọt bày ra mừng bảy chục.
Hoa đào chớm nở chúc ba ngàn.

誥賁五花堂聯四代
觴稱九月福衍三多
Cáo bí ngũ hoa đường liên tứ đại.
Thương xưng cửu nguyệt phúc diễn tam đa.
Rực rỡ năm màu nhà liền tứ đại.
Rượu mừng tháng chín phúc đủ tam đa.

菊酒慶稀齡三子喜賡三祝
萱花施錦悅九秋頻誦九如
Cúc tửu khánh hy linh tam tử hỷ canh tam chúc.
Huyên hoa thi cẩm thuế cửu thu tần tụng cửu như.
Tuổi hiếm xưa nay rượu cúc ba con mừng ba chén.
Khăn thêu rực rỡ hoa huyên chín tháng chúc chín như.
Tháng chín thọ, sinh ba con.

壽慶八旬光錦悅
時逢五月醉磻桃
Thọ khánh bát tuần quang cẩm thuế.
Thời phùng ngũ nguyệt tuý bàn đào.
Thọ chúc tám tuần khăn rực rỡ.

Năm qua năm tháng rượu bàn đào.

四代斑衣榮耋壽
八旬寶婺慶遐齡

Tứ đại ban y vinh điệt thọ.
Bát tuần bảo vụ khánh hà linh.
Bốn đời áo đỏ mừng thêm thọ.
Tám chục vụ tinh chúc tuổi cao.

婺星獻輝增秋色
萱草敷榮慶耋年

Vụ tinh hiến huy tăng thu sắc.
Huyên thảo phu vinh khánh điệt niên.
Sao vụ sáng ngời đẹp vẻ thu.
Cỏ huyên thắm sắc mừng cao tuổi.

萱草耋齡添秀色
梨園慶壽播輝音

Huyên thảo điệt linh thiêm tú sắc.
Lê viên khách thọ bá huy âm.
Cỏ huyên năm tháng thêm tươi đẹp.
Vườn lê chúc thọ rộn âm thanh.

秋夜婺星輝曲征
耋年萱草慶遐齡

Thu dạ vụ tinh huy khúc chính.
Điệt niên huyên thảo khánh hà linh.
Sao vụ đêm thu ngời vẻ sáng.
Cỏ huyên năm tháng chúc lâu dài.

八旬且獻搖池瑞
四代同瞻寶婺輝

Bát tuần thả hiến dao trì thuỵ.
Tứ đại đồng chiêm Bảo vụ huy.

Dao trì hiến điềm lành tám chục.
Bảo vụ cùng soi tỏ bốn đời.

萱草敷榮壽延八秩
婺星煥彩慶衍千秋

Huyên thảo phu vinh thọ diên bát trật.
Vụ tinh hoán thái khánh diễn thiên thu.
Cỏ huyên tươi tốt, tiệc thọ tám mươi.
Sao vụ sáng ngời chúc mừng ngàn tuổi.

八秩華筵欣舞綵
千年寶婺喜生輝

Bát trật hoa diên hân vũ thái.
Thiên niên Bảo vụ hỷ sinh huy.
Tám chục tiệc hoa mừng múa đẹp.
Ngàn năm Bảo vụ rạng niềm vui.

紫鸞對舞菱花鏡
海燕雙飛玳瑁樑

Tử loan đối vũ lăng hoa kính
Hải yến song phi đại mội lương.
Kính lăng hoa tử lòan múa cặp
Xà đồi mồi hải yến đậu đôi.

洞房鏡裡誇雙美
孔雀屏中詠二南

Động phòng kính lý khoa song mỹ
Khổng tước bình trung vịnh nhị nam.
Động phòng gương sáng khoe song mỹ
Khổng tước trong rèm vịnh nhị nam.

仙容藍田欣種玉
月娥金屋警鳴雞

Tiên dung lam điền hân chủng ngọc

Nguyệt nga kim ốc cảnh minh kê.
Chốn lam điền tiên dung gieo ngọc
Nơi nhà vàng nguyệt nga nhắc gà.

繡閣鴛鴦山海固
洞房琴瑟地天長
Tú các uyên ương sơn hải cố
Động phòng cầm sắt địa thiên trường.
Bền non biển uyên ương gác đẹp
Vững đất trời cầm sắt động phòng.

周召國風曾訓子
謝王佳偶自宜家
Chu Triệu quốc phong tằng huấn tử
Tạ Vương giai ngẫu tự nghi gia.
Chu, Triệu từng dạy con quốc phong
Vương, Tạ chuyện nghi gia giai ngẫu.

曲禮三千隆莫鴈
國風十五首關雎
Khúc lễ tam thiên long mạc nhạn
Quốc phong thập ngũ thủ quan thư.
Ba ngàn khúc lễ hơn mạc nhạn
Mười lăm quốc phong đầu quan thư.

雪映收臺蘭葉夢
梅輝繡閣帽簪花
Tuyết ánh thu đài lan diệp mộng
Mai huy tú các mạo trâm hoa.
Mây rực đài cao mộng lan diệp
Mai bừng gác đẹp vẻ trâm hoa.

人間錦繡繞金屋
天上笙歌送玉麟

Nhân gian cẩm tú nhiễu kim ốc
Thiên thượng sinh ca tống ngọc lân.
Gấm vóc nhân gian quây nhà vàng
Sinh ca thượng giới tiễn lân ngọc.

韻流湘永三千峽
夢繞巫山十二峰
Vận lưu tương vĩnh tam thiên hiệp
Mộng nhiễu vu sơn thập nhị phong.
Ba ngàn khe dòng Tương luôn chảy
Mười hai ngọn vu sơn mộng quanh.

青燈夜雨滋文藻
藍田春色上羅衣
Thanh đăng dạ vũ tư văn tảo
Lam điền xuân sắc thượng la y.
Mưa tối đèn xanh tươi cảnh vật
Xuân sắc lam điền đẹp áo hoa.

一曲陽春歌繡閣
滿簾明月照紅粧
Nhất khúc dương xuân ca tú các
Mãn liêm minh nguyệt chiếu hồng trang.
Một khúc dương xuân ca gác đẹp
Đầy rèm trăng sáng chiếu hồng trang.

彩筆喜題紅葉句
華堂欣訟采蘋詩
Thái bút hỉ đề hồng diệp cú
Hoa đường hân tụng thái tần thi.
Bút giỏi đề thơ trên lá thắm
Nhà hoa ngâm vịnh khúc rau tần.

春山淡試淩雲筆

紅袖新翻博議書
Xuân sơn đạm thí lăng vân bút
Hồng tụ tân phiên bác nghị thư.
Non xuân tạm trổ bút tài cao
Vạt đỏ phất phơ lời tán rộng.

繡閣雲凝金鳳舞
錦池春暖玉龍飛
Tú các vân ngưng kim phượng vũ
Cẩm trì xuân noãn ngọc long phi.
Mây ngưng gác đẹp phượng vàng múa
Xuân ấm hồ xinh rồng ngọc bay.

百尺絲羅欣有托
千年琴瑟永和鳴
Bách xích ty la hân hữu thác
Thiên niên cầm sắt vĩnh hòa minh.
Trăm thước lụa tơ vui uỷ thác
Ngàn năm cầm sắt vẫn giao hòa.

鸞鳳和鳴昌百世
麒麟瑞葉慶千齡
Loan phượng hòa minh xương bách thế
Kỳ lân thụy diệp khánh thiên linh.
Loan phượng hót chung mừng trăm thuở
Kỳ lân điềm tốt chúc ngàn năm.

詩禮庭前歌窈窕
鴛鴦筆下展經綸
Thi lễ đình tiền ca yểu điệu
Uyên ương bút hạ triển kinh luân.
Sân thi lễ lời ca yểu điệu
Bút uyên ương gợi mở kinh luân.

華堂翠幙春風至

繡閣金屏曙色開
Hoa đường thúy mạc xuân phong chí
Tú các kim bình thự sắc khai.
Gió xuân đến nhà vàng rèm biếc
Rạng sáng soi gác tía màu vàng.

錦堂喜見雙星聚
繡閣欣覘百子圖
Cẩm đường hỉ kiến song tinh tụ
Tú các hân siêm bách tử đồ.
Nhà đẹp mừng hai sao tụ hội
Gác hoa vui trăm trẻ tranh treo.

一色杏花春十里
兩行燭影燿三更
Nhất sắc hạnh hoa hương thập lý
Lưỡng hàng chúc ảnh diệu tam canh.
Một sắc hoa mơ hương chục dặm
Hai hàng đuốc thắp sáng ba canh.

燭花彩映芙蓉閣
巹酒香浮琥珀杯
Chúc hoa thái ánh phù dung các
Cẩn tửu hương phù hổ phách bôi.
Đuốc hoa rực rỡ gác phù dung
Rượu cẩn nổi hương ly hổ phách.

月下彩娥來跨鳳
雲間仙客近乘龍
Nguyệt hạ thái nga lai khóa phượng
Vân gian tiên khách cận thừa long.
Người đẹp dưới trăng vui với phượng
Tiên khách đường mây thoả cưỡi rồng.

彩燭雙輝歡合巹

清歌一曲詠宜家

Thái chúc song huy hoan hợp cẩn
Thanh ca nhất khúc vịnh nghi gia.
Vui hợp cẩn hai lần đuốc sáng
Vịnh nghi gia một khúc ca thanh.

縷結同心山海固
樹成連理地天長

Lũ kết đồng tâm sơn hải cố
Thụ thành liên lý địa thiên trường.
Kết mối đồng tâm non biển chặt
Cây thành liền rễ đất trời lâu.

瓊樓月皎人如玉
繡閣花香酒似蘭

Quỳnh lâu nguyệt giảo nhân như ngọc
Tú các hoa hương tửu tự lan.
Lầu quỳnh trăng sáng người như ngọc
Gác đẹp hương hoa rượu ngát hương.

庭鵲聲中呈白璧
紅雲深處遇藍橋

Đình thước thanh trung trình bạch bích
Hồng vân thâm xứ ngộ lam kiều.
Tiếng thước trong sân trình ngọc trắng
Mây hồng xứ vắng gặp cầu lam.

月映珠簾欣巹合
夢成繡閣兆麟祥

Nguyệt ánh châu liêm hân cẩn hợp
Mộng thành tú các triệu lân tường.
Trăng sáng rèm châu vui hợp cẩn
Mộng nơi gác đẹp triệu lân lành.

春風綠柳飛鸚鵡

夜雨青燈引鳳凰
Xuân phong lục liễu phi anh vũ
Dạ vũ thanh đăng dẫn phượng hoàng.
Gió xuân liễu biếc đón anh vũ
Mưa tối đèn xanh dắt phượng hoàng.

賦宜家室春風早
夢葉熊羆世澤長
Phú nghi gia thất xuân phong tảo
Mộng diệp hùng bi thế trạch trường.
Phú nên gia thất gió xuân sớm
Mộng lá hùng bi phúc trạch dài.

胭肢香滿芙蓉帳
花燭光呈錦繡幃
Yên chi hương mãn phù dung trướng
Hoa chúc quang trình cẩm tú vi.
Hương yên chi tỏa trướng phù dung
Rạng đuốc hoa soi nơi màn gấm.

春風柳絮雙飛燕
夜雨青燈萬卷書
Xuân phong liễu nhứ song phi yến
Dạ vũ thanh đăng vạn quyển thư.
Gió xuân bông liễu bay đôi yến
Mưa tối đèn xanh vạn quyển hay.

紅葉流溝來好句
黄花滿徑襯新粧
Hồng diệp lưu câu lai hảo cú
Hoàng hoa mãn kính sấn tân trang.
Lá đỏ theo dòng gửi câu đẹp
Hoa vàng đầy lối vướng tân trang.

月照碧洞雙鳳彩

風流楊柳偶鶯鳴
Nguyệt chiếu bích động song phượng thái
Phong lưu dương liễu ngẫu oanh minh.
Động biếc trăng soi ngời cặp phượng
Liễu xanh gió thổi hót đôi oanh.

千飛鳳卜春屏暖
乃夢熊占晝錦長
Thiên phi phượng bốc xuân bình noãn
Nãi mộng hùng chiêm trú cẩm trường:
Màn xuân ấm ngàn lần bói phượng
Đêm huyền sâu trong mộng đoán hùng.

錦瑟聲中鸞對語
玉梅花際鳳雙飛
Cẩm sắt thanh trung loan đối ngữ
Ngọc mai hoa tế phượng song phi.
Đàn sắt tiếng trong loan đổi giọng
Hoa mai vẻ ngọc phương đôi bay.

華堂彩結觀鸞舞
繡閣絲連看鳳飛
Hoa đường thái kết quan loan vũ
Tú các ty liên khán phượng phi.
Nhà hoa lụa tết xem loan múa
Gác đẹp tơ sen ngắm phượng bay.

杯交玉液飛鸚鵡
樂奏瓊簫引鳳凰
Bôi giao ngọc dịch phi anh vũ
Nhạc tấu quỳnh tiêu dẫn phượng hoàng.
Chén mời nước ngọc bay anh vũ
Nhạc tấu tiêu quỳnh dẫn phượng hoàng.

珊瑚窗裡乾坤大

玳瑁筵前日月長

San hô song lý càn khôn đại
Đại mội diên tiền nhật nguyệt trường.
Trước cửa san hô trời đất lớn
Trên yến đồi mồi tháng ngày dài.

繡閣燈明鴛鴦並立
粧臺燭麗翡翠同棲

Tú các đăng minh uyên ương tịnh lập
Trang đài chúc lệ phỉ thúy đồng thê.
Đèn soi gác đẹp uyên ương bên nhau
Đuốc chiếu trang đài phỉ thúy cùng đậu.

易曰乾坤定矣
詩云鍾鼓樂之

Dịch viết: càn khôn định hĩ
Thi vân: chung cổ lạc chi.
Dịch nói: càn khôn định vậy
Thi rằng: chiêng trống vui thay.

不惑但從今日始
知天猶得十年來

Bất hoặc đản tòng kim nhật thủy
Tri thiên do đắc thập niên lai.
Kể từ nay xem như bất hoặc
Mười năm nữa hẳn sẽ tri thiên.

正氣高凌銅柱北
精英長引喝江南

Chính khí cao lăng đồng trụ Bắc
Tinh anh trường dẫn Hát giang Nam.
Chính khí cao vời đồng trụ Bắc
Tinh anh còn mãi Hát Giang Nam.

飄香推桂子喜圜橋得路萬里九霄應比翼

舉案羡蘭孫快繡閣崔粧一堂三代慶齊眉

Phiêu hương suy quế tử hỉ viên kiều đắc lộ vạn lí cửu tiêu ưng tỵ dực
Cử án tiễn lan tôn khoái tú các thôi trang nhất đường tam đại khánh tề my.
Hương bay giục con quế, mừng đường quan nhẹ bước, muôn dặm chín tầng cùng sát cánh.
Tiệc đặt mừng cháu lan, sướng gác cao áọ đẹp, ba đời một cửa chúc ngang mày.

萱草含芳千歲艷
菊花香動五株新

Huyên thảo hàm phương thiên tuế diệm
Cúc hoa hương động ngủ chu tân.
Cỏ huyên thơm ngát ngàn năm tươi
Hoa cúc hương bay nắm gốc mới.

恭儉溫良宜家受福
仁愛篤厚荻壽保年

Cung kiệm ôn lương nghi gia thụ phúc
Nhân ái đốc hậu địch thọ bảo niên.
Cung kiệm ôn hoà nên nhà được phúc
Nhân ái trung hậu tuổi thọ bình yên.

九旬慶衍千秋喜見萱花沾玉露
四代稱觴七月欣觀寶樹藹金風

Cửu tuần khánh diễn thiên ᵗhu hỉ kiến huyên hoa chiêm ngọc lộ.
Tứ đại xưng thương thất nguyệt hân quan bảo thụ ái kim phong.
Chín mươi chúc thọ ngàn năm mừng thấy hoa huyên đẫm sương ngọc
Bốn đời thành đạt, tháng bảy vui xem cây quý ngợp gió thu.

桃熟瑤池三千歲月
籌添海屋一百春秋

Đào thục Dao Trì tam thiên tuế nguyệt
Trù thiêm hải ốc nhất bách xuân thu.

Ba ngàn năm tháng, đào chín dao trì
Trăm năm tuổi tác, dựng thêm nhà biển.

樂奏雲璈歌百歲
德輝彤史祝千秋

Nhạc tấu vân ngao ca bách tuế
Đức huy đồng sử chúc thiên thu.

Nhạc tấu vân ngao, mừng trăm tuổi
Đức ghi đồng sử, chúc ngàn năm.

細柳營中親淑女
夭桃華裏指軍符

Tế liễu doanh trung thân thục nữ
Yêu đào hoa lý chỉ quân phù.

Chốn doanh liễu gần kề thục nữ
Vẻ đào tơ nay chỉ quân phù.

玉質金粧承將略
輕裘緩帶教佳人

Ngọc chất kim trang thừa tướng lược
Khinh cừu hoãn đới giáo giai nhân.

Vàng ngọc y trang, theo tướng lược
Áo cừu đai nhẹ, dặn giai nhân.

多少人痛悼斯人難再得
千百世最傷此世不重來

Đa thiểu nhân thống điệu tư nhân nan tái đắc
Thiên bách thế tối thương thử thế bất trùng lai.

Đôi ba người thương tiếc – người này khó lại có
Trăm ngàn thuở xót xa - đời ấy chẳng hai lần.

少者亡老者存數誠難測
天之涯地之角情不可終

Thiếu giả vong, lão giả tồn số thành nan trắc

Thiên chi nhai, địa chi giác tình bất khả chung.
Trẻ chết, già còn, sống chết số trời khôn biết
Chân trời, góc biển, mất còn tình nghĩa khó quên.

同心最相親佗白發青燈昨夜夢尚陪連夜話
名山期共往嘆天目雁蕩此身无复並肩游
Đồng tâm tối tương thân ức bạch phát thanh đăng tạc dạ thượng bồi liên dạ thoại
Danh sơn kỳ cộng vãng thán thiên mục nhạn đãng thử thân vô phục tịnh kiên du.
Một bụng thân nhau, nhớ khi tóc bạc đèn xanh, năm trước vẫn còn đêm chuyện vãn.
Non cao ước hẹn, đáng tiếc lưng trời cánh nhạn, thân này đâu được sánh vai chơi.

此老竟蕭條幸有高文垂宇宙
平生怀大志廣栽桃李在人間
Thử lão cánh tiêu điều hạnh hữu cao văn thùy vũ trụ
Bình sinh hoài đại chí quảng tài đào lý tại nhân gian.
Già cả thấy quạnh hiu, may có sách hay trùm vũ trụ
Một đời ôm chí lớn, rộng gieo đạo lý ở nhân gian.

夢筆賢嗣添一友
培蘭瑞應慰雙親
Mộng bút hiền tự thiêm nhất hữu
Bồi lan thụy ứng úy song thân.
Mộng bút nối liền thêm một bạn
Vun lan điềm tốt thỏa hai thân.

塞夜燭花開好夜
少年巹酒慶延年
Tái dạ chúc hoa khai hảo dạ
Thiếu niên cẩn tửu khánh diên niên.
Đêm tối đuốc hoa thành đêm sáng

Tuổi trẻ vui duyên chúc tuổi già.

快 賭 加 冠 尊 醮 命
旋 瞻 繩 武 振 家 聲
Khoái đổ da quan tôn tiếu mạnh
Toàn chiêm thằng vũ chấn gia thanh.
Mừng nên người lớn được ban rượu
Nơi theo tiên tổ rạng danh nhà.

端 月 良 男 諧 鳳 友
來 春 天 水 躍 龍 孫
Đoan nguyệt lương nam hài phượng hữu
Lai xuân thiên thủy dược long tôn.
Tiết đoan ngọ con trai dựng vợ
Xuân sang năm trời mở cháu trai.

吉 葉 三 秋 由 命 醮
祥 占 四 代 疊 分 甘
Cát diệp tam thu do mạnh tiếu
Tường chiêm tứ đại điệp phân cam.
Mừng đã ba đời còn rượu chúc
Vui xem tứ đại họ càng đông.

風 送 芹 香 翻 藝 苑
月 移 桂 影 藹 琴 房
Phong tống cần hương phiên nghệ uyển
Nguyệt di quế ảnh ái cầm phòng
Gió thổi hương cần đến vườn đẹp
Trăng rời bóng quế rợp cung đàn.

天 河 汲 水 勾 宮 粉
月 窟 簪 花 染 御 香
Thiên hà cấp thủy câu cung phấn
Nguyệt quật trâm hoa nhiễm ngự hương.

Thiên hà dẫn nước cho cung phấn
Hang nguyệt hoa trâm đượm ngự hương.

墨浪擬從桃浪煖
筆花早向燭花開

Mặc lãng nghĩ tòng đào lãng noãn
Bút hoa tảo hướng chúc hoa khai.

Sóng mực chừng theo ấm sóng đào
Bút hoa sớm hướng vui hoa đuốc.

芹香初秀桃源洞
桂影長隨月窟人

Cần hương sơ tú đào nguyên động
Quế ảnh trường tùy nguyệt quật nhân.

Hương cần mới tỏ động đào nguyên
Bóng quế dõi theo người dưới nguyệt

方向廣宮拾藻彩
隨從月窟探天香

Phương hướng quảng cung thập tảo thái
Tùy tòng nguyệt quật thám thiên hương.

Hướng tới quảng cung lượm rau quý
Dõi theo hang nguyệt kiếm hương trời.

竹影仍偕身影在
墨花盡帶淚花飛

Trúc ảnh nhưng giai thân ảnh tại
Mặc hoa tận đới lệ hoa phi.

Ảnh trúc vẫn là thân ảnh đấy
Mực hoa đem hết lệ hoa bay.

好夢渺難尋白雪陽春絶調竟成廣陵散
知音能有几高山流水傷心永斷伯牙琴

Hảo mộng miểu nan tầm bạch tuyết dương xuân tuyệt điệu cánh thành quảng lăng tán.
Tri âm năng hữu kỷ cao sơn lưu thủy thương tâm vĩnh đoạn Bá Nha cầm.

Mộng đẹp khó tìm, nhờ Bạch Tuyết dương xuân mà khúc hát Quảng lăng được soạn.
Tri âm mấy kẻ, tưởng cao sơn lưu thủy nên cây đàn Bá Nha đập tan.

教育深恩終身感戴
浩然正氣萬古長存
Giáo dục thâm ân chung thân cảm đái
Hạo nhiên chính khí vạn cổ trường tồn.
Dạy dỗ ơn sâu, trọn đời tưởng nhớ
Hạo nhiên chính khí, muôn thuở vẫn còn.

瑞藹堂中來燕賀
祥臨膝下慶鸞鳴
Thụy ái đường trung lai yến hạ
Tường lâm tất hạ khánh loan minh.
Nhà phủ mây lành yến đến mừng
Bên gối niềm vui loan lại chúc.

美奐美輪賀來燕雀
宜家宜室夢占熊羆
Mỹ hoán mỹ luân hạ lai yến tước
Nghi gia nghi thất mộng chiếm hùng bi.
Đẹp vẻ, đẹp thay, yến tước lại mừng
Nên nhà, nên cửa, hùng bi gặp mộng.

金屋輝煌饒五彩
玉簫嘹喨澈三霄
Kim ốc huy hoàng nhiêu ngũ thái
Ngọc tiêu liệu lượng triệt tam tiêu.
Rực rỡ nhà vàng đầy năm vẻ
Nỉ non tiêu ngọc suốt ba đêm.

鳳閣鸞幃並燿輝題葉題名共羡休聲疊疊
鹿鳴麟趾同賡詠宜家宜國爭誇喜事重重

Phượng các loan vi tịnh diệu huy để diệp đề danh cộng tiễn hưu thanh điệp điệp.
Lộc minh lân chỉ đồng canh vịnh nghi gia nghi quốc tranh khoa hỉ sự trùng trùng.
Gác phượng màn loan đều rực rỡ, nêu tên nêu tuổi cùng cất tiếng vui rộn rã
Hươu tộ bước lân cùng ca hát, nên nhà nên cửa, tranh khoe việc hỷ râm ran.

家學有淵源看桂子望重橋門知藝苑目關世德
花鈿多錦秀喜蘭孫粧崔梅韻信香奩亦載文章
Gia học hữu uyên nguyên khán quế tử vọng trọng kiều môn tri nghệ uyển mục quan thế đức
Hoa điện đa cẩm tú hỷ lan tôn trang thôi mai vận tín hương liêm diệc tải văn chương.
Nếp nhà học có nguồn, thấy con quế cửa cao vọng trọng, biết vườn đẹp trồng cây đức tốt
Hoa cài như gấm thêu, mừng cháu lan vẻ đẹp sắc mai, tin điểm trang cũng có văn chương.

聚樂事於一堂題名合巹壁水藍橋雙煥彩
流芳徽於天載經國宜家青雲紅葉並增輝
以上子貴孫婚
Tụ lạc sự ư nhất đường đề danh hợp cẩn bích thủy lam kiều song hoán thái
Lưu phương huy ư thiên tải kinh quốc nghi gia thanh vân hồng diệp tịnh tăng huy.
Dĩ thượng tử quý tôn hôn.
Họp chuyện cũ ở một nhà, vinh quy nạp thái, nước biếc cầu lam hai vẻ đẹp
Lưu tiếng thơm cho muôn thuở, giúp nước nên nhà, mây xanh lá thắm thảy huy hoàng.
Trên đây con thành đạt cháu lấy vợ.

年週花甲榮瑤島
庭長芝蘭映玉堂
Niên chu hoa giáp vinh dao đảo
Đình trưởng chi lan ánh ngọc đường.
Tuổi tròn hoa giáp thơm danh tiếng
Sân mọc chi lan rạng cửa nhà.

堂粲長庚徵上壽
名登仕藉試鴻才
Đường Sán trường canh Trưng thượng thọ
Danh đăng sĩ tịch thí hồng tài.
Nhà rạng tuổi cao lên thượng thọ
Tên nêu bảng sĩ thử tài năng.

堂北萱花榮晝錦
皆前桂子噴天香
Đường bắc huyên hoa vinh trú cẩm
Giai tiên quế tử phún thiên hương.
Nhà bắc hoa huyên tươi vẻ gấm
Trước thềm cây quế tỏa hương trời.

嶺上梅花報喜信
庭前椿樹户芳齡
Lĩnh thượng Mai hoa báo hỉ tín
Đình tiền xuân thụ hộ phương linh.
Hoa mai đầu núi báo tin vui
Cây xuân sân trước nâng cao tuổi.

愿慈母千年不老
祝松百萬載長青
Nguyện từ mẫu thiên niên bất lão
Chúc tùng bách vạn tải trường thanh.
Mong mẹ hiền ngàn năm vẫn trẻ
Chúc tùng bách muôn thuở còn xanh.

今日正逢萱草壽
前身合是杏花仙
Kim nhật chính phùng huyên thảo thọ
Tiền thân hợp thị hạnh hoa tiên.
Hôm nay đúng gặp ngày sinh mẹ
Kiếp trước hẳn là hạnh hoa tiên.

白斗偕老
同心永結
Bạch đầu giai lão
Đồng tâm vĩnh kết
Đầu bạc cùng già
Đồng tâm kết mãi.

鴛鴦比翼
夫婦同心
Uyên ương tị dực
Phu phụ đồng tâm.
Uyên ương liền cánh
Chồng vợ đồng lòng.

同心生產好
合意感情深
Đồng tâm sinh sản hảo
Hợp ý cảm tình thâm.
Đồng tâm làm ăn tốt
Hợp ý cảm tình sâu.

才高鸚鵡賦
春入鳳凰樓
Tài cao Anh Vũ phú
Xuân nhập Phượng hoàng lâu
Tài cao phú Anh Vũ
Xuân vào lầu Phượng hoàng.

藍田曾种玉
紅葉自題詩
Lam điền tăng chủng ngọc
Hồng diệp tự đề thi.
Lam điền thêm giống ngọc
Lá thắm tự đề thơ.

懾成雙壁影
締結百年歡
Nhiếp thành song bích ảnh
Đế kết bách niên hoan.
Chụp thành bức ảnh đôi
Thắt giây mừng trăm tuổi.

鳳凰鳴瑞世
琴瑟譜新聲
Phượng hoàng minh thụy thế
Cầm sắt phổ tân thanh.
Phượng hoàng kêu đời thịnh
Cầm sắt phổ tân thanh.

喜見紅梅放
樂迎淑女來
Hỉ kiến hồng mai phóng
Lạc nghinh thục nữ lai.
Mừng thấy mai hồng nở
Vui đón thục nữ về.

四季花長好
百年月永圓
Tứ quí hoa trường hảo
Bách niên nguyệt vĩnh viên.
Bốn mùa hoa đều nở
Trăm năm trăng vẫn tròn.

良 日 良 時 良 偶
佳 男 佳 女 佳 緣
Lương nhật lương thời lương ngẫu
Giai nam giai nữ giai duyên.
Ngày tốt, giờ tốt, tốt đôi
Trai đẹp, gái đẹp, đẹp duyên.

檻 外 紅 梅 竟 放
檐 前 紫 燕 雙 飛
Hạm ngoại hồng mai cạnh phóng
Thiềm tiền tử yến song phi.
Ngoài hiên mai hồng đua nở
Trước thềm tử yến sánh bay.

佳 偶 百 年 好 合
知 音 千 里 相 逢
Giai ngẫu bách niên hảo hợp
Tri âm thiên lí tương phùng.
Đôi đẹp trăm năm hòa hợp
Tri âm ngàn dặm, gặp nhau.

一 門 喜 慶 三 春 暖
兩 姓 欣 成 百 世 緣
Nhất môn hỉ khánh tam xuân noãn
Lưỡng tính hân thành bách thế duyên.
Một cửa đón mừng ba xuân ấm
Hai họ vui chúc trăm năm duyên.

一 朝 喜 結 千 年 侶
百 歲 不 移 半 寸 心
Nhất triêu hỉ kết thiên niên lữ
Bách tuế bất di bán thốn tâm.
Một sớm mừng kết bạn ngàn năm
Trăm tuổi không thay lòng nửa tấc.

二姓聯婚成大禮
百年偕老岳長春
Nhị tính liên hôn thành đại lễ
Bách niên giai lão lạc trường xuân.
Hai họ thông gia thành lễ lớn
Trăm năm lên lão kéo dài xuân.

萬里云天爭比翼
百年事業結同心
Vạn lý vân thiên tranh tỵ dực
Bách niên sự nghiệp kết đồng tâm.
Vạn dặm mây trời tranh sát cánh
Trăm năm sự nghiệp kết đồng tâm.

云漢橋成牛女渡
春台簫引鳳凰飛
Vân hán kiều thành Ngưu, Nữ độ
Xuân đài tiêu dẫn Phượng, Hoàng phi.
Xây cầu Vân hán mừng Ngưu, Nữ
Tiếng sáo đài Xuân dẫn Phượng, Hoàng.

書聲喜有琴聲伴
翰墨新添黛墨香
Thư thanh hỉ hữu cầm thanh bạn
Hàn mặc tân thiêm đại mặc hương.
Tiếng sách có tiếng đàn làm bạn
Mực bút thêm hương mực vẽ mày.

瓊樓月皓人如玉
秀閣花香酒似蘭
Quỳnh lâu nguyệt hạo nhân như ngọc
Tú các hoa hương tửu tự lan.
Lầu quỳnh trăng sáng người như ngọc
Gác đẹp hoa hương rượu tựa lan.

碧海云生龍對舞
丹山日出鳳雙飛
Bích hải vân sinh long đối vũ
Đan sơn nhật xuất Phượng song phi.
Biển biếc mây trùm Rồng múa cặp
Núi non trời ló Phượng bay đôi.

女慧男才原是對
你恩我愛總相聯
Nữ tuệ tam tài nguyên thị đối
Nhĩ ân ngã ái tổng tương liên.
Gái giỏi trai tài nom thật đối
Em ân anh ái có tương liên.

詩題紅葉同心句
酒飲黄花合巹杯
Thi đề hồng diệp đồng tâm cú
Tửu ẩm hoàng hoa hợp cẩn bôi.
Đề thơ lá thắm giải đồng tâm
Uống rượu cúc vàng ly hợp cẩn.

互敬互幫創大業
相親相愛樹新風
Hỗ kính, hỗ bang sáng đại nghiệp
Tương thân tương ái thụ tân phong.
Cùng kính, cùng giúp, xây nghiệp lớn
Tương thân, tương ái dựng tân phong.

堂前奏笛迎賓客
户外吹笙引鳳凰
Đường tiền tấu địch nghinh tân khách
Hộ ngoại xuy sinh dẫn Phượng Hoàng
Trước nhà tấu sáo đón tân khách
Ngoài ngõ hòa tiêu dẫn Phượng Hoàng.

鳳求凰百年樂事
男嫁女一代新風
Phượng cầu Hoàng bách niên lạc sự
Nam giá nữ nhất đại tân phong.
Trăm năm vui việc Phượng cầu Hoàng
Một đời đổi mới nam cưới nữ.

紅葉題詩傳厚意
赤繩系足結良緣
Hồng diệp đề thi truyền hậu ý
Xích thằng hệ túc kết lương duyên.
Lá thắm đề thơ truyền ý kín
Chỉ hồng chân buộc kết duyên lành.

花燭交心互勉志
英才攜手共圖強
Hoa chúc giao tâm hỗ miễn chí
Anh tài huề thủ cộng đồ cường.
Đuốc hoa lòng kết nên rèn chí
Tài giỏi tay trao quyết đến giầu.

破舊俗婚事簡辨
樹新風致富爭先
Phá cựu tục hôn sự giản biện
Thụ tân phong chí phú tranh tiên.
Bỏ tục xưa, cưới xin đơn giản
Nêu gương mới, lầm giầu là đầu.

柳暗花明春正半
珠聯碧合影成雙
Liễu ám hoa minh xuân chính bán
Châu liên bích hợp ảnh thành song.
Liễu rậm hoa tươi, xuân mới nửa
Châu liền thành chuỗi, ảnh thành đôi.

宜國宜家新婦女
能文能武好男儿
Nghi quốc nghi gia tân phụ nữ
Năng văn năng vũ hảo nam nhi
Thuận nước, thuận nhà, phụ nữ mới
Hay văn, hay vũ, nam nhi tài.

婚締自由移舊俗
禮行平等樹新風
Hôn đế tự do, bỏ tục xưa
Giao tiếp bình đẳng, nêu gương mới.
Hôn nhân tự do, bỏ tục xưa
Giao tiếp bình đẳng, nêu gương mới.

勤勞手足患憂少
恩愛夫妻歡樂多
Cần lao thủ túc hoạn ưu thiểu
Ân ái phu thê hoan lạc đa
Lao động chân tay, lo lắng ít
Ái ân chồng vợ, sướng vui nhiều.

百年恩愛雙心結
千里姻緣一線牽
Bách niên ân ái song tâm kết
Thiên lý nhân duyên nhất tuyến khiên.
Trăm năm ân ái, hai lòng buộc
Ngàn dặm nhân duyên, một sợi ràng.

愛貌愛才尤愛志
知人知面更知心
Ái mạo ái tài vưu ái chí
Tri nhân tri diện cánh tri tâm.
Yêu vẻ, yêu tài, càng yêu chí
Biết người, biết mặt, lại biết lòng.

作婦須知勤儉好
治家應教紫孫賢
Tác phụ tu tri cần kiệm hảo
Trị gia ưng giáo tử tôn hiền.
Làm vợ nên hay cần kiệm giỏi
Trị nhà phải dạy cháu con hiền.

詩詠河洲鳩喜集
經傳桂里鳳和鳴
Thi vịnh hà châu cưu hỉ tập
Kinh truyền quế lý Phượng hoà minh.
Thơ vịnh bãi sông cưu đến họp
Kinh truyền rừng quế Phượng cùng kêu.

相親相愛青春永
同德同心幸福長
Tương thân tương ái thanh xuân vĩnh
Đồng đức đồng tâm hạnh phúc trường
Tương thân, tương ái, thanh xuân mãi
Đồng đức, đồng tâm, hạnh phúc dài.

容貌心齡雙俊秀
才華事業兩風流
Dung mạo tâm linh song tuấn tú
Tài hoa sự nghiệp lưỡng phong lưu
Dung mạo, tâm hồn, đôi tuấn tú
Tài hoa, sự nghiệp, cặp phong lưu.

互敬互愛互相學習
同德同心同建家庭
Hỗ kính hỗ ái hỗ tương học tập
Đồng đức đồng tâm đồng kiến gia đình.
Lẫn kính, lẫn yêu, lẫn giúp học tập
Cùng đức, cùng lòng, cùng xây gia đình.

同心同德美滿夫婦
克儉克勤幸福鴛鴦
Đồng tâm đồng đức mỹ mãn phu phụ
Khắc kiệm khắc cần hạnh phúc uyên ương.
Cùng lòng, cùng đức, vợ chồng mỹ mãn
Biết cần, biết kiệm hạnh phúc uyên ương.

恩愛夫妻情似青山不老
幸福半侶意如碧水長流
Ân ái phu thê tình tự thanh sơn bất lão
Hạnh phúc bất lữ ý như bích thủy trường lưu
Ân ái vợ chồng, tình tựa non xanh trẻ mãi
Hạnh phúc đôi lứa, ý như nước biếc chảy hoài.

男尊女女尊男男幫女助
夫敬妻妻敬夫夫德妻賢
Nam tôn nữ nữ tôn nam nam bang nữ trợ
Phu kính thê thê kính phu phu đức thê hiền.
Nam trọng nữ nữ trọng nam nam giúp nữ đỡ
Chồng kính vợ, vợ kính chồng chồng đức vợ hiền.

惟求愛永恒一生同伴侶
但愿人長九千里共嬋娟
Duy cầu ái vĩnh hằng nhất sinh đồng bạn lữ
Đản nguyện nhân trường cửu thiên lý cộng thiền quyền.
Mong tình yêu vĩnh hằng, mọi đời cùng đôi lứa
Muốn người lâu hưởng thọ, ngàn dặm với thiền quyên.

鳥語花香仲春一幅天然畫
賓歡主樂嘉客滿堂錦上花
Điểu ngữ hoa hương xuân nhất bức thiên nhiên hoạ
Tân hoan chủ lại gia khách mãn đường cẩm thượng hoa.
Chim hót, hoa hương, một bức thiên nhiên xuân vẽ
Khách vui, chủ sướng đầy nhà rực rỡ gấm hoa.

鴛鴦對舞
鸞鳳和鳴
Uyên ương đối vũ
Loan phượng hoà minh
Uyên ương múa đôi
Loan phượng hoà tiếng.

月圓花好
鳳舞龍飛
Nguyệt viên hoa hảo
Phượng vũ long phi
Trăng tròn hoa đẹp
Phượng múa rồng bay.

男婚女嫁
夫德妻賢
Nam hôn nữ giá
Phu đức thê hiền
Trai cưới gái gả
Chồng đức vợ hiền.

志同道合
意厚情長
Chí đồng đạo hợp
Ý hậu tình trường.
Chí cùng ý hợp
Ý sâu tình dài.

東風入户
喜氣盈門
Đông phong nhập hộ
Hỉ khí doanh môn
Gió đông vào nhà
Khí lành đầy cửa.

志同道合
花好月圓
Chí đồng đạo hợp
Hoa hảo nguyệt viên.
Chí cùng đạo hợp
Hoa đẹp trăng tròn.

椿影已隨雲氣散
鵑聲猶帶月光寒
Xuân ảnh dĩ tuỳ vân khí tán
Quyên thanh do đới nguyệt quang hàn.
Xuân ảnh đã theo cùng vân khí
Quyên thanh như lạnh quyện trăng quang.

花樂萱幃春去早
光寒婺宿夜來沈
Hoa lạc huyên vi xuân khứ tảo
Quang hàn vụ túc dạ lai trầm.
Hoa rụng màn huyên xuân đi sớm
Quang hàn sao vụ tối đến chìm.

寶婺雲迷粧閣冷
萱花霜萎繡幃寒
Bảo vụ vân mê trang các lãnh
Huyên hoa sương uỷ tú vi làn.
Sao quí mây mờ trang các lạnh
Hoa huyên sương giá dệt màn hàn.

萱謝北堂寒霧鎖
婺沈西海暮煙封
Huyên tạ bắc đường hàn vụ toả
Vụ trầm tây hải mộ yên phong.
Huyên dã bắc đường sương lạnh khóa
Vụ chìm tây hải khói chiều phong.

椿樹早凋悲未已
萱花纔殞痛何如
Xuân thụ tảo điêu bi vị dĩ
Huyên hoa tài vẫn thống hà như
Xuân thụ sớm khô đau chưa dứt
Huyên hoa lại rụng xót làm sao.

萱草香凋春日暮
婺星光掩夜雲陰
Huyên thảo hương điêu xuân nhật mộ
Vụ tinh quang yểm dạ vân âm.
Cỏ huyên hương nhạt ngày xuân muộn
Sao Vụ quang che mây tối đêm.

杳杳雙親無後見
哀哀兩字那堪聞
Liểu liểu song thân vô phục kiến
Ai ai lưỡng tự ná kham văn.
Vắng lặng song thân không còn thấy
Thảm thương hai chữ luống kham nghe.

萱花既隕山河黯
椿樹旋枯日月昏
Huyên hoa ký vẫn sơn hà ảm
Xuân thụ toàn khô nhật nguyệt hôn.
Huyên hoa đã rụng sơn hà ám
Xuân thụ toàn khô nhật nguyệt đen.

夢游蝴蝶飛雙影
血洒杜鵑泣思親
Mộng du hồ điệp phi song ảnh
Huyết sái đỗ quyên khấp tứ thân.
Giấc mơ hồ điệp bay đôi bóng
Máu ứa đỗ quyên khóc mẹ cha.

臨深履薄言猶在
諭志承歡養未能
Lâm thâm lý bạc ngôn do tại
Dụ chí thừa hoan dưỡng vị năng.
"Vực sâu băng mỏng" câu còn đó[1]
Lời dạy thuận vui buổi dưỡng đâu.

雨催玉樹終天恨
雲暗竹林兩地悲
Vũ thôi ngọc thụ chung thiên hận
Vân ám trúc lâm lưỡng địa bi.
Mưa dồn ngọc thụ chung trời hận
Mây ám trúc lâm lưỡng đất bi.

愁繫竹林畔
淚彈荊樹邊
Sầu hệ trúc lâm bạn
Lệ đàn kinh thụ biên
Sầu buộc bờ rừng trúc
Lệ đàn bên khóm gai.

不圖花萼終聯集
何忍雁行各自飛
Bất đồ hoa ngạc chung liên tập
Hà nhẫn nhạn hàng các tự phi.
Nào ngờ hoa cạnh lìa khỏi khóm
Sao nỡ nhạn bầy lẻ tự bay.

祇道荊庭常聚首
寧知雁陣條離群

---

[1] Thiên *Thái Bá* sách *Luận ngữ* có câu: "... như lâm thâm uyên, như lý bạc băng". Nghĩa là: "... nguy hiểm như đến vực sâu, như đi trên băng mỏng". Ở đây ý nói lòng cung kính của con cái đối với cha mẹ.

Chi đạo kinh đình thường tụ thủ
Ninh tri nhạn trận điều ly quần.
Chỉ nói sân gai thường tụ hội
Nào hay bầy nhạn lại ly đàn.

雁陣霜寒悲折翼
鴻原露冷痛孤飛
Nhạn trận sương hàn bi chiết dực
Hồng nguyên lộ lãnh thống cô phi.
Nhạn thế sương sa đau gẫy cánh
Hồng đàn mây lạnh xót lẻ bay.

原土春深鶺鴒音斷雲千里
林稍夜寂鴻雁聲哀月一輪

Nguyên thổ xuân thâm, tích linh âm đoạn vân thiên lý
Lâm sảo dạ tịch, hồng nhạn thanh ai nguyệt nhất luân.
Đất phẳng xuân sâu, tích linh[1] âm đứt, mây nghìn dặm;
Rừng thưa đêm vắng, hồng nhạn thanh buồn, nguyệt một vầng.

詩夢阻殘芳草野
塤聲吹落紫荊花

Thi mộng trở tàn phương thảo dã
Huyên thanh xuy lạc tử kinh hoa.
Giấc mộng thơ ngăn tàn cỏ nội
Tiếng huyên[2] thổi lại lạc hoa gai.

薤露興歌刑永隔
鶺鴒抱痛淚空垂

Giới lộ hưng ca hình vĩnh cách
Tích linh bão thống lệ không thùy.

---

[1] Tích linh: Chim chìa vôi.

[2] *Huyên*: Một loại nhạc khí thời cổ.

Giới lộ[1] (nổi lên hình cách biệt
Tích linh[2] thống thiết lệ rơi hoài.

北望鴒原千里遠
南來應侶半行孤
Bắc vọng linh nguyên thiên lý viễn
Nam lai nhạn lữ bán hàng cô.
Bắc ngóng cánh chim xa nghìn dặm
Nam về bầy nhạn lẻ nửa hàng.

藍田種玉緣何淺
青鳥傳音去不還
Long điền chủng ngọc duyên hà thiển
Thanh điểu truyền âm khứ bất hoàn.
Lam Điền[3] loài ngọc duyên sao mỏng;
Thanh điểu[4] truyền âm khuất chẳng về.

甘苦共嘗情曷極
幽明永隔痛何如
Cam khổ cộng thường tình hạt cực
U minh vĩnh cách thống hà như
Ngọt đắng sẻ chia, tình sao cực
U minh vĩnh cách, xót nhường bao.

獨鶴愁悲雙鳳管
孤鸞哀斷七絃琴
Độc hạc sầu bi song phượng quản

---

[1] *Giới lộ*: Tên một bài hát lúc chôn người chết thời xưa.

[2] *Tích linh*: Xem chú thích trang trước

[3] *Lam Điền*: Tên núi ở Thiểm Tây (Trung Quốc). Vì có nhiều ngọc nên cũng gọi là Ngọc Sơn.

[4] *Thanh điểu*: Chim xanh. Chỉ điềm có người đến làm mối cho con trai con gái.

Cô loan đoạn thất huyền cầm.
Hạc lẻ sầu bi đôi ống quyển
Loan cô đứt đoạn bẩy dây đàn.

紅墻銀漢途難越
碧海青天怨有餘
Hồng tường Ngân Hán đồ nan việt
Bích hải thanh thiên oán hữu dư.
Tường hồng Ngân Hán đường khôn vượt
Bể biếc thanh thiên oán có thừa.

哭爾三年髮白
愁余五夜燈青
Khốc nhĩ tam niên phát bạch
Sầu du ngũ dạ đăng thanh.
Khóc em ba năm tóc bạc
Sầu anh ngũ dạ[1] đèn xanh.

菱鏡影孤哉慘聽秋封吹落葉
錦機聲寂矣愁看夜月照空幃
Lăng kính ảnh cô tai, thảm thính thu phong xuy lạc diệp
Cẩm cơ thanh tịch hĩ, sầu khan dạ nguyệt chiếu không vi.
Gương kính bóng lẻ thay, thảm thấm gió thu bay lá rụng
Gấm khung thanh lặng vậy, oán nhìn trăng giãi chiếu màn không.

家累總無依卿從此去擔了矣
世情多不測我自今來喚奈何
Gia lụy tổng vô y, khanh tòng thử khử đảm liễu hĩ
Thế tình đa bất trắc, ngã tự kim lai hoán nại hà.
Gia hệ thẩy trông nhờ, nàng đi bỏ lại đây gánh nặng
Thế tình đa bất trắc, ta từ nay nào biết gọi ai.

南極輝沈空太息

---

[1] *Ngũ dạ*: Nên hiểu là ngũ canh, tức cả đêm.

東床望斷失瞻依
Nam cực huy trầm không thái tức
Đông sàng vọng đoạn thất chiêm y.
Nam cực[1] mờ chìm đành an nghỉ
Đông sàng[2] dứt đoạn mất trông nhờ.

丈人峰屺瞻如昨
半子情灰帳在茲
Trượng nhân phong dĩ chiêm như tạc
Bán tử tình khôi trướng tại tư.
Đỉnh non nhạc phụ trông như tạc
Tình cảm rể con xót tự đây.

峰頂丈人嗟已矣
膝前半子痛何如
Phong đính trượng nhân ta dĩ hĩ
Tất tiền bán tử thống hà như.
Nhạc phủ đỉnh non ôi đã khuất
Rể con trước gối tủi nhường bao.

丁年痛入黄泉路
年夜驚頹太嶽峰
Đinh niên thống nhập hoàng tuyền lộ
Niên dạ kinh đồi thái nhạc phong.
Tráng niên khổ nỗi hoàng tuyền[3] đến
Bán dạ kinh hồn thái nhạc[4] suy.

圯上罔聞呼小子
雪中空想見先生

---

[1] *Nam cực*: Tên một ngôi sao. Ở đây chỉ nhạc phủ.
[2] *Đông sàng*: Chỉ chàng rể.
[3] *Hoàng tuyền*: Nơi suối vàng của người đã chết.
[4] *Thái nhạc*: Núi lớn. Chỉ người bố vợ.

Bĩ thượng võng văn hô tiểu tử
Tuyết trung không tưởng kiến tiên sinh.
Chẳng còn nghe thầy hô tiểu tử
Tưởng hoài trong tuyết thấy tiên sinh.

青氈席冷思模範
絳帳庭空憶管絃
Thanh chiên tịch lãnh tư mô phạm
Giáng trướng đình không ức quản huyền.
Chăn xanh chiếu lạnh suy khuôn mẫu
Trướng đỏ sân không nhớ sáo đàn.

面命只今無一語
心喪未可短三年
Diện mệnh chỉ kim vô nhất ngữ
Tâm tang vị khả đoản tam niên.
Trước mặt đến nay không một ngữ
Tang lòng chưa thể trọn ba năm.

影落青松裏
神留絳帳中
Ảnh lạc thanh tùng lý
Thần lưu giáng trướng trung.
Hình ảnh lạc trong tùng xanh
Tinh thần lưu giữa trướng đỏ.

綠水青山長送月
碧雲紅樹不勝愁
Lục thủy thanh sơn trường tống nguyệt
Bích vân hồng thụ bất thăng sầu.
Nước biếc non xanh dài đưa nguyệt
Cây hồng mây thắm chẳng thiết sầu.

翠色和雲籠夜月

玉容帶雨泣春風
Thúy sắc hoà vân lung dạ nguyệt
Ngọc dung đới vũ khấp xuân phong.
Sắc biếc hoà vân lồng đêm nguyệt
Mặt hoa ngấn lệ khóc gió xuân.

春風十載交情舊
夜雨三秋别恨多
Xuân phong thập tải giao tình cựu
Dạ vũ tam thu biệt hận đa.
Gió xuân thập tải giao tình cũ
Mưa tối tam thu biệt hận nhiều.

雲鎖巫山人不見
月明仙嶺鶴歸來
Vân toả Vu Sơn nhân bất kiến
Nguyệt minh tiên lĩnh hạc qui lai.
Mây khoá Vu Sơn[1] người chẳng thấy;
Trăng soi Tiên Lĩnh[2] hạc bay về.

春影已隨殘月去
桂香猶逐好風來
Xuân ảnh dĩ tùy tàn nguyệt khứ
Quế hương do trục hảo phong lai.
Xuân ảnh đã theo trăng xế bóng
Quế hương còn đuổi gió lành đi.

推殘玉樹三更雨
促殞瓊花五夜風
Suy tàn ngọc thụ tam canh vũ
Xúc vẫn quỳnh hoa ngũ dạ phong.

---

[1] *Vu Sơn*: Nơi thần núi ở.

[2] *Tiên Lĩnh*: Nơi tiên ở.

Héo khô cây ngọc tam canh gió
Tàn tạ hoa quỳnh ngũ dạ mưa.

自昔文章誇霧隱
而今意氣仰雲模
Tự tích văn chương khoa vụ ẩn
Nhi kim ý khí ngưỡng vân mô.
Từ trước văn chương khoa vụ ẩn[1]
Mà nay ý khí ngưỡng vân mô[2]

三月雨催椿樹老
五更風促杜鵑啼
Tam nguyệt vũ thôi xuân thụ lão
Ngũ canh phong xúc đỗ quyên đề.
Mưa ba tháng giục cây xuân lão
Gió năm canh đòi tiếng quốc kêu.

月臨椿樹渾無影
風送杜鵑卻有聲
Nguyệt lâm xuân thụ hồn vô ảnh
Phong tống đỗ quyên khước hữu thanh.
Trăng soi xuân thụ mờ không ảnh,
Gió tiễn đỗ quyên lại có thanh.

何知一夢飛蝴蝶
竟使千秋泣杜鵑
Hà tri nhất mộng phi hồ điệp
Cánh sử thiên thu khấp đỗ quyên.
Biết đâu một giấc bay hồ điệp
Để khiến nghìn thu khóc đỗ quyên.

倚門人去三更月

---

[1] *Khoa Vụ ẩn:* Khoa trương ở nơi mây mù ẩn khuất.

[2] *Ngưỡng vân mô*: Ngẩng nhìn mô phỏng lại ở trên mây.

泣杖兒悲五夜寒

Ỷ môn nhân khứ tam canh nguyệt
Khấp trượng nhi bi ngũ dạ hàn.
Tựa cửa người đi tam canh nguyệt
Già sầu trẻ tủi ngũ dạ hàn.

明月山頭思古道
清風江上想芳型
Minh nguyệt sơn đầu tư cổ đạo
Thanh phong giang thượng tưởng phương hình.
Trăng soi đỉnh núi mơ đạo cũ
Gió thổi trên sông tưởng mẫu hình.

大雅云亡綠水青山誰作主
老成凋謝落花啼鳥總傷神
Đại nhã vân vong, lục thủy thanh sơn, thùy tác chủ
Lão thành điêu tạ, lạc hoa đề điểu, tổng thương thần.
Bậc đại nhã[1] chẳng còn, núi biếc sông xanh ai làm chủ,
Người lão thành[2] khô héo, chim kêu hoa rụng thấy đau lòng.

掛劍若爲情黃菊花開人去後
思君在何處白楊秋淨月明時
Quải kiếm nhược vi tình, hoàng cúc hoa khai nhân khứ hậu
Tư quân tại hà xứ, bạch dương thu tịnh nguyệt minh thời.
Treo kiếm thuận theo tình, cúc vàng hoa nở khi người khuất
Nhớ ông nơi đâu ngụ, dương trắng tiết thu buổi tròn trăng.

懿德傳諸鄉里口
賢慈報在子孫身
Ý đức truyền chư hương lý khẩu
Hiền từ báo tại tử tôn thân.

---

[1] *Bậc đại nhã*: Người có đức tao nhã lớn.

[2] *Người lão thành*: Người nhà có lịch duyệt nhiều.

Đức hạnh truyền đi nhiều làng xã
Hiền tài báo đáp khắp cháu con.

瓊簫響寂三千界
玉鏡粧空十二樓

Quỳnh tiêu hưởng tịch tam thiên giới
Ngọc kính trang không thập nhị lâu
Vắng lặng quỳnh tiêu tam thiên giới[1]
Quạnh hưu gương ngọc thập nhị lâu[2]

恚質蘭姿歸閬苑
瓊林玉樹繞庭階

Huệ chất lan tư qui lãng uyển
Quỳnh lâm ngọc thụ nhiễu đình giai.
Huệ đẹp lan thơm về lãng uyển[3]
Rừng quỳnh cây ngọc quẩn sân thềm.

駕鶴九霄懷素履
乘鸞三島憶芳蹤

Giá hạc cửu tiêu hoài tố lý
Thừa loan tam đảo ức phương tung.
Cưỡi hạc bay chín tầng in hài cũ
Theo loan về ba đảo nhớ gót xưa.

長留壼範型千古
自有龍章報九泉

Trường lưu hồ phạm hình thiên cổ
Tự hữu long chương báo cửu tuyền.

---

[1] *Tam thiên giới*: Nhà Phật quan niệm thế giới ta ở hiện nay là tam thiên thế giới (ba nghìn thế giới).

[2] *Thập nhị lâu:* Tức thập nhị trùng lâu: ống thực quản của người ta có 12 đốt, ở đây chỉ dáng đẹp của người phụ nữ đã khuất.

[3] *Lãng uyển*: Nơi tiên ở.

Khuôn mẫu còn lưu hình thiên cổ
Long chương[1] tự có báo cửu tuyền.

貞靜擬歌黃髮頌
逍遙竟去白雲天

Trinh tĩnh nghĩ ca hoàng phát tụng
Tiêu dao cánh khứ bạch vân thiên.
Trinh tiết dắn đo mừng hoàng phát[2]
Tiêu dao chung cục ngưỡng bạch vân[3]

懿德難忘流淚血
慈恩未報饒愁腸

Ý đức nan vong lưu lệ huyết
Từ vân vị báo nhiễu sầu trường.
Đức hạnh kho quên lưu huyết lệ
Ân từ chưa báo khổ tâm sầu.

子息祇依青鬢母
孫枝還賴白頭人

Tử tức chi y thanh mấn mẫu
Tôn chi hoàn lại bạch đầu nhân.
Con gốc nương nhờ xanh tóc mẹ[4]
Cháu cành trông cậy trắng đầu ông[5]

鶴馭瑤臺秋月冷
鵑啼玉砌隴雲飛

Hạc ngự giao đài thu nguyệt lãnh
Quyên đề ngọc thế lũng vân phi

---

[1] *Long chương*: Vẻ đẹp.

[2] *Hoàng phát*: Người già xưng là hoàng phát (tóc vàng).

[3] *Bạch vân*: Chỉ nơi quê cha.

[4] *Thanh mấn mẫu:* Người mẹ tóc mai xanh. Chỉ người vợ kế của cha.

[5] *Bạch đầu nhân*: Người đầu bạc. Chỉ ông bà nội, hoặc ông bà ngoại.

Hạc ngự đài tiên trăng thu lạnh
Quyên kêu thềm ngọc áng mây bay.

靜夜鳥鳴悲月色
長年雞警付花塵
Tĩnh dạ điểu minh bi nguyệt sắc
Trường niên kê cảnh phó hoa trần
Đêm lặng chim kêu sầu sắc nguyệt
Năm dài gà gáy mặc bụi hoa.

女宗靡依痛深戚里
母範何恃淚滴慈爲
Nữ tông mị y thống thâm thích lý
Mẫu phạm hà thị lệ trích từ vi.
Dâu hiền thôi hết cậy, đau đớn thâm tình thích lý[1]
Mẹ thảo chẳng còn nhờ, lệ rơi lã chã từ vi[2]

青鳥信來王母歸時環珮冷
玉簫聲斷秦娥去後鳳樓空
Thanh điểu tín lai, Vương Mẫu qui thời hoàn bội lãnh
Ngọc tiêu thanh đoạn, Tần nga khứ hậu phượng lầu không.
Thanh điểu truyền tin, Vương Mẫu[3] về rồi, vòng ngọc lạnh
Ngọc tiêu đứt đoạn, Tần nga[4] ly biệt, phượng lầu không.

柏操千磨無改翠
松齡百劫有餘青
Bách tảo thiên ma vô cải thúy
Tùng linh bách kiếp hữu dư thanh.

---

[1] *Thích lý*: Bà con làng xóm bên ngoại.

[2] *Từ vi*: Nơi màn trướng của mẹ hiền.

[3] *Vương Mẫu:* Một vị nữ thần, tức Tây Vương Mẫu. Con cháu cũng tôn xưng tổ đã mất là Vương Mẫu.

[4] *Tần nga*: Chỉ người con gái đẹp.

Bách dẫu nghìn mài không đổi thắm
Tùng già trăm kiếp vẫn thừa xanh.

北苑花飛寒繐帳
西窗月落冷深閨
Bắc uyển hoa phi hàn huệ trướng
Tây song nguyệt lạc lãnh thâm khuê.
Uyển bắc[1] hoa bay màn trướng lạnh
Song tây[2] nguyệt lặn chốn khuê mờ.

形單影隻經三世
志潔行芳越百年
Hình đơn ảnh chích kinh tam thế
Chí khiết hành phương việt bách niên.
Hình đơn bóng lẻ qua tam thế[3]
Chí sạch làm hay vượt bách niên.

靡他矢志扶黃口
惟此甘心到百頭
Mỵ tha thỉ chí phù hoàng khẩu
Duy thử cam tâm đáo bạch đầu.
Chí thề chẳng khác phù con trẻ
Lòng quyết không sai đến bạc đầu.

節難移方鐵石
堅操不改耐冰霜
Hình tiết nan di phương thiết thạch
Kiên thao bất cải nại băng sương.
Vững chí khôn dời niềm sắt đá
Kiên tâm chẳng cải mặc băng sương.

---

[1] *Uyển bắc*: Vườn phía bắc.
[2] *Song tây*: Cửa sổ phía tây.
[3] *Tam thế*: Ba đời: ông, cha, con.

鸞分十載雲中舞
鶴別三更月下鳴
Loan phân thập tải vân trung vũ
Hạc biệt tam canh nguyệt hạ minh.
Trong mây loan múa phân thập tải
Dưới nguyệt hạc kêu biệt tam canh.

獨鶴猶經深夜雪
孤鸞且耐永宵霜
Độc hạc do kinh thâm dạ tuyết
Cô loan thả nại vĩnh tiêu sương.
Lẻ hạc còn qua đêm sâu tuyết
Đơn loan lại chịu cảnh sương mây.

禪房冷靜三更月
文室虛明牛夜燈
Thiền phòng lãnh tĩnh tam canh nguyệt
Văn thất hư minh ngưu dạ đăng.
Thiền phòng lạnh vắng tam canh nguyệt[1]
Văn thất quang không ngưu dạ đăng[2]

流水行雲談貝葉
清風明月憶曇花
Lưu thủy hành vân đàm bối diệp
Thanh phong minhnguyệt ức đàm hoa.
Nước chẩy mây trôi đàm lá quý
Gió lành trăng sáng tưởng hoa mờ.

彈指不聞花雨落
轉頭猶見月潭清

---

[1] *Tam canh nguyệt*: Trăng lúc canh ba, tức nửa đêm.
[2] *Cả câu ý nói*: phòng văn trống không, đèn chỉ là ánh sáng của sao thiên ngưu rọi vào.

Đàn chỉ bất văn hoa vũ lạc
Chuyển đầu do kiến nguyệt đàm thanh.
Đàn ngọt chẳng nghe mưa hoa rụng
Ngoảnh đầu còn thấy nguyệt ao trong.

石上月光留化跡
瓶中連影散餘香
Thạch thượng nguyệt quang lưu hóa tích
Bình trung liên ảnh tản dư hương.
Trên đá trăng soi lưu dấu tích
Trong bình sen bóng tản hương thừa.

深院落藤花石不點頭龍不語
殘經凋貝葉香無飛篆磬無聲
Thâm viên lạc đằng hoa, thạch bất điểm, đầu long bất ngữ;
Tàn kinh điêu bối diệp, hương vô phi, triện khánh vô thanh.
Viện thẳm rụng hoa đằng, đá chẳng điểm, đầu rồng chẳng nói;
Kinh tàn xăm lá quí, hương không bay, triện khánh không thanh.

華表鶴歸留素影
玉屏仙去剩丹邱
Hoa biểu hạc qui lưu tố ảnh;
Ngọc bình tiên khứ thặng đan khưu.
Hoa nổi hạc về lưu ảnh lụa;
Bình ngăn tiên vắng lẻ gò đan[1]

風過林空花滿地
丹成爐在火無煙
Phong quá lâm không hoa mãn địa;
Đan thành lô tại hỏa vô yên.
Gió qua rừng trống hoa mãn địa[2]

---

[1] *Gò đan*: Gò luyện thuốc tiên.

[2] *Hoa mãn địa*: Hoa nở đầy đất.

Đan thành lò tại hỏa vô yên[1]

夢不醒來野鶴空悲華表月
事都撇去桃華那戀武陵春

Mộng bất tỉnh lai, dã hạc không bi hoa biểu nguyệt;
Sự đô phách khứ, đào hoa nà luyến vũ lăng xuân.
Mộng chẳng tỉnh rồi, hạc nội vụt bay sầu ánh nguyệt;
Việc đều bỏ hết, hoa đào rơi cánh thảm mầu xuân.

子道無成空讀禮
親恩罔極望回雲

Tử đạo vô thành không độc lễ;
Thân ân võng cực vọng hồi vân.
Đạo trẻ chẳng thành lười đọc lễ;
Ơn cha vô tận ngóng hồi mây.

深恩未報慚為子
飲泣難銷忝作人

Thâm ân vị báo tàm vi tử;
Ẩm khấp nan tiêu thiệm tác nhân.
Ơn sâu chưa báo làm con thẹn;
Nuốt tủi khôn tiêu cách sống hèn.

遇亦甚難哉慷慨先已駙馬子
神當不沒矣悽愴長在昇龍門

Ngộ diệc thậm nan tai! Khảng khái tiên dĩ phò mã tử;
Thần đương bất một hĩ! Thê thương trường tại Thăng Long môn.
Cảnh ngộ thật khó thay, khẳng khái trước hi sinh – con phò mã;
Tinh thần không mất vậy, cảm thương người vời vợi đất Thăng Long.

同郡疊告哀君之逝去竹堂范老幾何日
八年兩制敵今之役視癸酉往事勝一籌

[1] Cả câu ý nói: Lò luyện thuốc tiên còn đó, lửa khói không còn nữa.

Đồng quận điệp cáo ai, quân chi thệ khứ Trúc Đường Phạm lão kỷ hà nhật;

Bát niên lưỡng chế địch, kim chi dịch thị Quí Dậu vãng sự thắng nhất trù.

Đồng hương liên tiếp cáo tang, ông ra đi cách Phạm Trúc Đường là mấy?
Tám năm hai phen dẹp giặc, việc ngày nay so năm Quý Dậu hơn nhiều.

廿年使許身報國何以家爲何家非家亦何家是家家國夢中苦最苦國破家亡仇尚在
一片心殉義捐生欲得死所欲死不死未欲死竟死死生度外悲奚悲生雄死烈志難埋

Trấp niên sử hứa thân báo quốc, hà dĩ gia vi, hà gia phi gia, diệc hà gia thị gia, gia quốc mộng trung, khổ tối khổ, quốc phá gia vong cừu thượng tại;

Nhất phiến tâm tuẫn nghĩa quyên sinh, dục đắc tử sở, dục tử bất tử, vị dục tử cánh tử, tử sinh độ ngoại, bi hề bi, sinh hùng tử liệt chí nan mai.

Hai mươi năm đem thân báo nước, nào kể chi nhà, nhà nào là nhà, nhà nào không phải nhà, trong mộng nước nhà, khổ là khổ, nước mất nhà tan, thù vẫn đó.

Một tấm lòng vì nghĩa quên mình, muốn tìm chỗ chết, muốn chết không chết, không muốn chết lại chết, ngoài vòng sống chết, sống hùng chết liệt, chí khôn vùi.

忠孝有眞傳念祖國念同胞豈忍天涯遺老父
英雄無印板亦頑民亦義士管教史筆屬名家

Trung hiếu hữu chân truyền, niệm Tổ quốc, niệm đồng bào, khởi nhẫn thiên nhai di lão phụ;

Anh hùng vô ấn bản, diệc ngoan dân, diệc nghĩa sĩ, quản giao sử bút thuộc danh gia.

Trung hiếu do truyền thống từ xưa, nghĩ Tổ quốc, nghĩ đồng bào, khởi nhẫn thiên nhai di lão phụ;

Anh hùng không bản in để lại, cũng ngoan dân, cũng nghĩa sĩ, rồi đây bút sử chép danh gia.

霹靂一聲群奸膽散
江山千古大俠魂香

Tịch lịch nhất thanh quần gian đảm tán
Giang sơn thiên cổ đại hiệp hồn hương.

Sấm sét một tiếng vang, bọn gian gan nát;
Non sông ngàn thuở mãi, hiệp sĩ hồn hương.

讀四千年歷史刺客傳俠客傳乃君爲開卷第一人固應日月星辰高懸姓字
語五千萬同胞吾民仇吾國仇矧汝亦亞黄眞貴種好與江山城郭洗淨腥羶

Độc tứ thiên niên lịch sử, Thích khách truyện, Hiệp khách truyện nãi quân vi khai quyển đệ nhất nhân, cố ưng nhật nguyệt tinh thần, cao huyền tính tự;
Ngữ ngũ thiên vạn đồng bào, ngô dân cừu, ngô quốc cừu, thẩm nhữ diệc Á hoàng chân quí chủng, hảo dữ giang sơn thành quách, tẩy tĩnh tinh chiên.

Đọc bốn nghìn năm lịch sử, truyện Thích khách, truyện Hiệp khách, với ông thật là người đầu tiên, vậy nên với mặt trời, trăng sao, nêu cao tên tuổi.
Nói năm ngàn vạn đồng bào, thù dân ta, thù nước ta, huống mày cũng da vàng châu Á, thề phải vì non sông thành quách, rửa sạch hôi tanh.

不能死又不能生展轉病中魂國難家仇痛史到君無底痛
與俱出誰與俱入蕭條亡後劫天涯海角悲場任我自由悲

Bất năng tử hựu bất năng sinh, triển chuyển bệnh trung hồn, quốc nạn gia cừu, thống sử đáo quân vô để thống.
Dữ câu xuất thùy dữ câu nhập, tiêu điều vong hậu kiếp, thiên nhai hải giác, bi trường nhậm ngã tự do bi.

Chết không được, sống cũng lại không xong, bệnh hồn dằn vặt bấy lâu, nạn nước thù nhà, đau đớn anh ơi hồn xiết kể;

Ra với nhau, về biết cùng ai nhỉ? Thân thế tiêu điều lắm nỗi, chân trời góc bể, thương thầm tôi cũng biết sao đây?

造少年國先造少年人塡海補天蓋世奇功希汝翼
與同志出不與同志入悲風慘雨滿城方草爲誰萋

Tạo thiếu niên quốc, tiên tạo thiếu niên nhân, điền hải bổ thiên cái thế kỳ công hy nhữ dực;
Dữ đồng chí xuất, bất dữ đồng chí nhập, bi phong thảm vũ, mãn thành phương thảo vị thùy thê.
Tạo nước thiếu niên, trước tạo người thiếu niên, lấp bể vá trời, công việc hơn đời nhờ ở bác;
Cùng đồng chí đi, không cùng đồng chí lại, mưa sầu gió thảm, cỏ hoa đầy phố để cho ai?

問汝漢姦即今奴隸舞臺閉幕從究竟何如夢裏昏昏偏怪汝
哀君義種從古英雄歷史發軔初大都自此傭中佼佼最憐君

Vấn nhữ Hán gian, tức kim nô lệ vũ đài, bế mạc hậu cứu cánh hà như, mộng lý hôn hôn thiên quái nhữ;
Ai quân nghĩa chủng, tòng cổ anh hùng lịch sử, phát nhận sơ đại độ tự thử, dong trung giảo giảo tối liên quân.
Hỏi mày bọn Hán gian, hiện nay sân khấu tôi đòi, hạ màn rồi sau sẽ ra sao? trong lúc tối tăm mày thật quái;
Thương bác người nghĩa hiệp, tự cổ anh hùng lịch sử, đẩy xe trước toàn như thế cả, làm thuê sáng tỏ bác nên thương.

會看戰馬南旋殄仇虜慰壯心寄語英齡有作九原應默護
愁見征鴻北上弔中原談舊事幾經艱苦無情二豎忍相欺

Hội khan chiến mã Nam toàn, điển cừu lỗ, ủy tráng tâm, ký ngữ anh linh, hữu tác cửu nguyên ưng mặc hộ;
Sầu kiến chinh hồng Bắc thượng, điếu Trung nguyên, đàm cựu sự, kỷ

kinh gian khổ, vô tình nhị thụ nhẫn tương khi
Những mong chiến mã về Nam, giết giặc cướp, thỏa tấm lòng, nhắn gửi hồn thiêng, có biết suối vàng nên giúp đỡ.
Buồn thấy chinh hồng lên Bắc, thăm Trung Nguyên, bàn việc cũ, trải bao gian khổ, vô tình mà bệnh nỡ giày vò.

見君之去不見君之還他年奏凱聲中鴻嶺魚峰草木爲君齊墜淚
與我同來寧與我國死幾度飲愁杯裏盤城島國風塵剩我最傷心

Kiến quân chi khứ bất kiến quân chi hoàn, tha niên tấu khải thanh trung, Hồng lĩnh, Ngư phong, thảo mộc vị quân tề trụy lệ;
Dữ ngã đồng lai ninh dữ ngã đồng tử, kỷ độ ẩm sầu bôi lý, Bàn thành, Đảo quốc, phong trần thặng ngã tối thương tâm.
Thấy anh đi, chẳng thấy anh về, ngày nào trong tiếng khải hoàn, núi Hồng, cồn Ngư, cây cỏ vì anh đều nhỏ lệ;
Cùng tôi ra, không cùng tôi chết, mấy bận cùng nâng chén rượu, thành Bàn, nước Đảo, phong trần để bạn phải thương tâm.

心不能爲之哀一夢太淒涼六十年來故國江山甘我棄
天竟何從而問同胞都義烈三千里外他邦瘴厲忍予仇

Tâm bất năng vi ch ai, nhất mộng thái thê lương, lục thập niên lai, cố quốc giang sơn cam ngã khí;
Thiên cánh hà tòng nhi vấn, đồng bào đô nghĩa liệt, tam thiên lý ngoại, tha bang chướng lệ nhẫn dư cừu.
Lòng thương biết làm sao? một mộng quá buồn sầu, sáu chục năm nay, nước cũ non sông đành bỏ bạn;
Trời theo đâu mà hỏi? đồng bào đều nghĩa liệt, ngoài ba ngàn dặm, quê người lam chướng nợ thù nhà.

壯在我公戰壘殘魂馳驅終不倦上留東數閲月導游學先河不虛憂患半生竟隨國殉

嗟乎吾國新潮初涌進步未有窮況同志許多人當復仇後勁有日中原一捷願告公知

Tráng tai ngã công, chiến lũy tàn hồn, trì khu chung bất quyện, thượng lưu đông sổ duyệt nguyệt, đạo du học tiên hà, bất hư ưu hoạn bán sinh, cánh tùy quốc tuẫn;

Ta hồ ngô quốc, tân trào sơ dũng, tiến bộ vị hữu cùng, huống đồng chí hứa đa nhân, đương phục cừu hậu kính, hữu nhật trung nguyên nhất tiệp, nguyện cáo công tri.

Chí ông đáng khen thay! Chiến lũy đã tàn, mà ruổi rong không mỏi, còn lưu lại Đông Kinh vài tháng, khơi nguồn du học, không uổng nửa đời lo nghĩ, lại vì nước chết đi;

Vận nước đáng buồn lắm! Tân trào mới nổi, nên tiến bộ chưa cùng, đã có trong đồng chí bao người, gánh việc phục thù, có ngày đất nước thu hồi, xin cùng ông nói lại.

君豈其虛生作戲於世耶提兵三稔去國廿餘年一泣於英一泣於清忽忽焉大泣於冬誰齡思入秋風向我神京埋古劍

我亦不知死之爲何物也讀書五洲知交數十輩或戰以舌或戰以筆端端的力戰以鐵直使血塗溫帶爲吾黄族豎紅旗

Quân khởi kỳ hư sinh tác hí ư thế da, đề binh tam nẫm, khứ quốc trấp dư niên, nhất khấp ư Anh, nhất khấp ư Thanh, hốt hốt yên đại đại khấp ư Đông, thùy linh tứ nhập thu phong, hướng ngã thần kinh mai cổ kiếm.

Ngã diệc bất tri tử chi vi hà vật dã, độc thư ngũ châu, tri giao sổ thập bối, hoặc chiến dĩ thiệt, hoặc chiến dĩ bút, đoan đoan đích lực chiến dĩ thiết, trực sử huyết đồ ôn đới, vị ngô hoàng tộc thụ hồng kỳ.

Bác há phải sống mà chơi ở đời đâu? Cầm quân ba bận, bỏ nước hai mươi năm, đã kêu ở Anh, đã kêu ở Thanh; lại còn thấy tiếng kêu ở Đông, vì đâu ngọn gió mùa thu, đến chốn thần kinh chôn kiếm cổ;

Tôi không biết chết là vật gì nữa cả! Đọc sách năm châu, quen biết vài chục bạn, kẻ đánh bằng lưỡi, kẻ đánh bằng bút, có kẻ ra sức đánh bằng sắt để khiến máu rơi ôn đới, vì nòi hoàng tộc dựng cờ hồng.

崑崙島面積若幾偏容許多人奇絶奇造設當初寧問有期與無期波中湧起孤峰高高高留個英雄萬古宅
大越國血購得來所值只一死怨何怨流離此日不以歌去以哭去夢裡驚呼同志戰戰戰還我山河獨立天

Côn Lôn đảo diện tích nhược kỷ, thiên dung hứa đa nhân, kỳ tuyệt kỳ, tạo thiết đương sơ, ninh vấn hữu kỳ dữ vô kỳ, ba trung dũng khởi cô phong, cao cao cao, lưu cá anh hùng vạn cổ trạch.

Đại Việt quốc huyết cấu đắc lai, sở trị chỉ nhất tử, oán hà oán, lưu ly thử nhật, bất dĩ ca khứ dĩ khốc.khứ, mộng lý kinh hô đồng chí, chiến chiến chiến, hoàn ngã sơn hà độc lập thiên.

Đảo Côn Lôn diện tích bấy nhiêu, dung được biết bao người lạ lạ sao! Xây dựng từ xưa, nào hỏi gì có hẹn hay không, giữa lòng nổi ngọn non côi, cao cao cao, nhà cửa anh hùng lưu tại đó;

Nước Đại Việt máu xương mua lại, giá đáng một cái chết, oán oán mãi! Lưu ly ngày ấy, bước ra lại không ca mà khóc, trong mộng hoảng kêu đồng chí đánh đánh đánh, bầu trời độc lập trả về đây.

嗟 嗟 許 大 山 河 徵 王 不 作 趙 嫗 安 歸 翻 教 歷 史 數 千 年 多 渠 一 死
咄 咄 成 何 世 界 沱 海 漲 羞 屏 山 凝 臭 忍 看 鬚 眉 幾 百 輩 與 賊 俱 生

Ta ta hứa đại sơn hà, Trưng Vương bất tác, Triệu Ẩu an qui, phiên giáo lịch sử sổ thiên niên, đa cừ nhất tử;

Đốt đốt thành hà thế giới, Đà hải trướng tu, Bình Sơn ngưng xú, nhẫn khán tu mi kỷ bách bối, dữ tặc câu sinh.

Nước non rộng rãi đáng than thay! Trưng Vương không dậy, Triệu Ẩu về đâu? khiến cho lịch sử vài nghìn năm, thêm người chết nữa;
Thế giới lung tung đáng sợ thật! Đà Hải thẹn đầy, Bình Sơn thối ứ, nỡ để râu mày mấy trăm kẻ, cùng giặc sống sao?

嗟我生無補於時海外寄殘軀風雨一天空洒淚
噫君死已得其所簷頭留碧血江山千古有餘香

Ta ngã sinh vô bổ ư thời, hải ngoại ký tàn khu, phong vũ nhất thiên không sái lệ;

Y quân tử dĩ đắc kỳ sở, thiềm đầu lưu bích huyết, giang sơn thiên cổ hữu dư hương.

Sống như ta không ích cho đời, đất khách gửi xương tàn, mưa gió một trời riêng nhỏ lệ.

Chết mà bạn đã tìm được chốn, mái nhà rơi máu đỏ, non sông muôn thuở có thừa hương.

邦傑沒兮百身終莫贖好是文明初度星火燎原誓將百鍊千磨鑄時鑄世鑄江山光前爍後

國魂在否一慟竟無聲哀哉辛苦牧場仰天吞彈所望一心同德有叔有弟有朋友雖死猶生

Bang kiệt một hề, bách thân chung mạc thục, hảo thị văn minh sơ độ, tinh hỏa liệu nguyên, thệ tương bách luyện thiên ma, chú thời, chú thế, chú giang sơn, quang tiền thước hậu;

Quốc hồn tại phủ, nhất đỗng cánh vô thanh, ai tai tân khổ mục trường, ngưỡng thiên thôn đạn, sở vọng nhất tâm đồng đức, hữu thúc, hữu đệ, hữu bằng hữu, trung tử do sinh.

Hào kiệt mất rồi, trăm mình khôn chuộc lại, tiếc nỗi văn minh buổi mới, chút lửa cháy đồng, thề rằng trăm luyện ngàn tôi, đúc thời, đúc thế, đúc non sông, trước sau rạng rỡ;

Quốc hồn đâu tá, một tiếng thét không ra, thương thay trường mục đắng cay, nhìn trời nuốt đạn, ước những đồng tâm, đồng đức, còn chú còn em, còn bạn hữu, sống chết như nhau.

年少億同游間嘗拔劍劈天誓殲仇虜眞個略韜素蘊大有乃父風吾夫子席前言志時噲然心許

時危誰爲拯方欲揮戈挽日濂失英雄獨憐忠孝兩全留作吾儕鏡老將軍海外聞哀日莞爾顏開

Niên thiếu ức đồng du, gian thường bạt kiếm phách thiên, thệ tiêm cừu lỗ, chân cá lược thao tố uẩn, đại hữu nãi phụ phong, ngô phu tử tịch tiền ngôn chí thời, khoái nhiên tâm hứa

Thời nguy thời vị chửng, phương dục huy qua vãn nhật, cự thất anh hùng độc liên trung hiếu lưỡng toàn, lưu tác ngô sài kính, lão tướng quân hải ngoại văn ai nhật, hoản nhĩ nhan khai.

Nhớ khi tuổi trẻ cùng chơi, đã từngmang giáo chí trời cao, thề trừ giặc cướp, thật là đã gồm tài thao lược, theo lối của người cha, thầy học ta khi nói chỉ học trò, lòng đà khâm phục;
Gặp lúc nguy nan ai cứu, những muốn múa gươm xong cuộc thế, đã mất anh hùng, chỉ tức rằng trọn đạo hiếu trung, làm gương cho bạn hữu, lão tướng quân lúc được nghe ai tin, mặt vẫn tươi cười.

乾坤翻覆以來間豈無轟轟烈烈好場誰似君家三攖虜刃再殉孤城幾回看寶劍掌中魂到九原猶殺賊
身世浮沈至此日常抱鬱鬱孛孛奇氣欲揮吾手拔崑崙山平芹徐海一聲語姪兒海外身先同志厲誅仇

Càn khôn phiên phúc dĩ lai, gian khởi vô oanh oanh liệt liệt hảo trường, thùy tự quân gia, tam anh lỗ nhận, tái tuẫn cô thành, kỷ hồi khan bảo kiếm chưởng trung, hồn đáo cửu nguyên do sát tặc.
Thân thế phù trầm chí thử, nhật thường bão uất uất bột bột kỳ khí, dục huy ngô thủ, bạt Côn Lôn sơn, bình Cần Giờ hải, nhất thanh ngữ diệt nhi hải ngoại, thân tiên đồng chí lệ tru cừu.
Trời nghiêng đất ngả đến nay, há không trường liệt liệt oanh oanh, ai như nhà ông, ba người đánh giặc chết, hai bận giữ thành cô, bao lần xem báu kiếm trong tay, hồn đến suối vàng còn giết giặc.
Bẩy nổi ba chìm là thế, ôm cái chí uất uất bột bột, muốn giơ tay tớ, san phẳng núi Côn Lôn, lấp bằng bể Cần hải, một tiếng gọi cháu trai ngoài cõi, hàng đầu đồng chí gắng phanh thù.

自攜手離東忽七年間風雨重洋關山萬里每於艱險地膽爲酒薪爲床時對心言生斯世當雄之飛毋雌之伏
曁分襟而西已一載半鴈音竟杳鴻爪空留恍於夢寐中聲如雷目如炬來告予曰眞男子寧玉而碎毋瓦而全

Tự huề thủ ly Đông, hốt thất niên gian, phong vũ trùng dương, quan sơn vạn lý, mỗi ư gian hiểm địa, đảm vi tửu tân vi sàng, thời đối tâm ngôn: sinh tư thế đương hùng chi phi, vô thư chi phục;
Ký phân khâm nhi Tây, dĩ nhất tải bán, nhạn âm cánh diểu, hồng

trảo không lưu, hoảng như mộng mị trung, thanh như lôi, mục như cự, lai cáo dư viết: chân nam tử ninh ngọc nhi toái, vô ngoã nhi toàn.
Từ dắt tay dời Đông, bỗng trong bẩy năm, mưa gió ngàn trùng, quan san muôn dặm, khi ở nơi gian hiểm, mật làm rượu, gai làm giường, bấm bụng nói thầm: "Sinh ở đời này, thà giống trống mà bay, không làm giống mái mà nấp".
Lần chia áo đi Tây, nay một năm rưỡi, tin nhà đã vắng, móng hồng không còn, bỗng trong giấc chiêm bao, tiếng như lôi, mắt như lửa, gọi tôi mà bảo: "Đã là nam tử, thà làm ngọc mà nát, không làm hòn ngói mà nguyên".

浮生何足悲可憐國難家仇壯志半生流水逝
同黨依然在會看乾旋坤轉英魂萬里烈風來

Phù sinh hà túc bi, khả liên quốc nạn gia cừu, tráng chí bán sinh lưu thủy thệ;
Đồng đảng y nhiên tại, hội khán kiền toàn khôn chuyển, anh hồn vạn lý liệt phong lai.
Phù sinh có tiếc gì, đáng thương nạn nước thù nhà, tráng chí nửa đời theo nước chẩy;
Đồng đảng còn đây cả, sẽ thấy trời xoay đất chuyển, hồn thiêng muôn dặm gió bay về.

噫天遽喪予耶磊磊一生心方將吞四海吸三江捲萬千怒浪愁濤惟吾驅策
使人儘如君者茫茫全亞陸奚至朝歐雲暮美雨把四百神州赤縣任汝縱橫

Y thiên cự táng dư da, lỗi lỗi nhất sinh tâm, phương tương thôn tứ hải hấp tam giang, quyển vạn thiên nộ lãng sầu đào, duy ngô khu sách;
Sử nhân tận như quân giả, mang mang toàn Á lục, hề chí triêu Âu vân mộ Mỹ vũ, bả tứ bách thần châu xích huyện, nhậm nhữ tung hoành.
Trời làm hại ta chăng? Lỗi lạc một tấm lòng, những đang hòng nuốt bốn bể, hút tam giang, cuốn muôn ngàn ngọn sóng kinh đời, để ta sai khiến;
Mọi người như ông cả, mênh mông toàn châu Á, sao đến nỗi sớm mây Âu, chiều gió Mỹ, đem bốn trăm huyện châu quí báu cho chúng tung hoành.

一腔熱血竟付東流成敗局人奈天何千秋淚洒珠江水
十歲雄圖欲翻西海感慨場今猶昨也萬里魂馳故國山

Nhất xoang nhiệt huyết cánh phó Đông lưu, thành bại cục nhân nại thiên hà, thiên thu lệ sái châu giang thủy.
Thập tuế hùng đồ dục phiên Tây hải, cảm khái trường kim do tạc dã, vạn lý hồn trì cố quốc sơn.

Một bầu nhiệt huyết, phó mặc Đông lưu, cuộc thành bại người biết trời sao, nước châu giang ngàn thu lệ rưới.
Mười năm hùng đồ, muốn lay Tây hải, trường cảm khái nay như xưa vậy, non cố quốc muôn dặm hồn về.

方將聯一氣爲地球無所謂合並無所謂離管教地下人間總依然燈前劍影枕畔雞聲得意也都忘爾我
且欲導眾生於天國有爲之因必有爲之果憑仗天齡佛力會須看塵裏歐雲毫端美雨牧場那復計東西

Phương tương liên nhất khí vi địa cầu, vô sở vị hợp tịnh vô sở vị ly, quản giáo địa hạ nhân gian, tổng y nhiên đăng tiền kiếm ảnh, chẩm bạn kê thanh, đắc ý dã đô vong nhĩ ngã;
Thả dục đạo chúng sinh ư thiên quốc, hữu vi chi nhân, tất hữu vi chi quả, bằng trượng thiên linh Phật lực, hội tu khán trần lý Âu vân, hào đoan Mỹ vũ, mục trường na phục kế đông tây.

Cũng toan liều một mạch làm địa cầu, không gì là hợp, cũng không gì là ly, khiến cho dưới đất giữa người, đều y nhiên trước đèn bóng kiếm, bên gối tiếng gà, khi đắc ý lại quên mày tớ;
Lại muốn dẫn chúng sinh lên thiên quốc, đã làm ra nhân ắt sẽ làm ra quả, dựa ở oai trời sức Phật, tất phải thấy trong bụi mây Âu, đầu tia mưa Mỹ, trường chăn chi sá kể đông tây.

玄黄未定如此世須才有其奮矣而更蹶有其蹶矣而復能奮歟臥我於窮島荒山尸祝萬因齊救國
淘汰無情衹疑天亦醉彼宜死者何以生彼宜生者又何而死也憐君以空拳白面奔馳十載不知家

Huyền hoàng vị định, như thử thế tu tài, hữu kỳ phấn hĩ nhi cánh quệ, hữu kì quệ nhi phục năng phấn dư, ngọa ngã ư cùng đảo hoang sơn thì chúc vạn nhân tề cứu quốc;
Đào thải vô tình, chỉ nghi thiên diệc túy, bỉ nghi tử giả hà dĩ sinh bỉ nghi sinh giả hựu hà nhi tử dã, liên quân dĩ không quyền bạch diện, bôn trì thập tải bất tri gia.
Cao dày chưa định thế, đời còn cần kẻ có tài, có người đã dậy rồi, lại ngã, có người đã ngã rồi lại dậy chăng? Đẩy ta ra đảo vắng rừng hoang, muôn kẻ ước mong đều cứu nước.
Lừa lọc khéo vô tình, trời hẳn như người say rượu, kia kẻ đáng chết sao lại sống, kẻ đáng sống sao lại phải chết thế? Thương anh chỉ tay không mặt trắng, mười năm chạy vạy biết chi nhà.

君死一生心可白
將軍雖死面猶紅
Quân tử nhất sinh tâm khả bạch
Tướng quân tuy tử diện do hồng[1]
Quân tử trọn đời lòng tỏ trắng
Tướng quân dầu chết mặt còn hồng.

怒倒山河三尺劍
功成夫婦一家兵
Nộ đảo sơn hà, tam xích kiếm
Công thành phu phụ, nhất gia binh[2]
Núi sông rạp đổ, gươm ba thước
Chồng vợ xông pha, lính một nhà.

少為故鄉子老還為故鄉翁得喪始終俱隱夢

---

[1] Câu đối của Phó bảng Nguyễn Đôn Tiết viếng liệt sĩ Phạm Bành, mất năm 1886. Bản chữ Hán và bản tịch, tuyển từ *Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ 19*.

[2] Khuyết danh; Câu đối mừng vợ chồng nghĩa quân Bãi Sậy. Xuất xứ như trên.

生爲南國人死猶爲南國鬼是非千古有公評
Thiếu vi cố hương tử, lão hoàn vi cố hương ông, đắc táng thủy chung câu ẩn mộng
Sinh vi Nam quốc nhân, tử do vi Nam quốc quỷ, thị phi thiên cổ hữu công bình[1]
Trẻ là con quê hương, già về là lão quê hương, được mất trước sau dường giấc mộng.
Sống làm người đất nước, chết vẫn làm ma đất nước, đúng sai muôn thuở có lời bàn.

痛心時事異常士君子有國之仇無身之怨
回頭江山依舊大丈夫雖死之日猶生之年
Thống tâm thời sự dị thường, sĩ quân tử hữu quốc chi cừu, vô thân chi oán;
Hồi đầu giang sơn y cựu, đại trượng phu tuy tử chi nhật, do sinh chi niên[2].
Đau lòng thay thời thế khác thường, người quân tử không nghĩ oán riêng, chỉ lo thù nước;
Quay đầu lại non sông như cũ, kẻ trượng phu tuy rằng đã chết, cũng vẫn như còn.

有志弗成英雄已矣
未捷先死天意謂何
Hữu chí phất thành, anh hùng dĩ hỉ
Vị tiệp tiên tử, thiên ý vị hà[3]
Có chí không thành, anh hùng đã khuất
Chưa thắng đã chết, ý trời ra sao!

---

[1] Khuyết danh; Câu đối viếng một thủ lĩnh nghĩa quân Bãi Sậy.Xuất xứ như trên.

[2] Câu đối khuyết danh viếng Nguyễn Quang Bích mất năm 1889. Văn bản chữ Hán và bản dịch tuyển từ *Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ 19.*

[3] Câu đối của Phan Đình Phùng viếng Cao Thắng[(2)] và Lê Ninh[(3)]. Xuất xứ như trên.

雖云成敗由天唱義先聲存藝靜
堪嘆英雄無地扶君大節有鴻藍

Tuy vân thành bại do thiên, xướng nghĩa tiên thanh tồn Nghệ Tĩnh
Kham thán anh hùng vô địa, phù quân đại tiết hữu Hồng Lam.

Tuy rằng thành bại tại trời, xướng nghĩa đầu tiên truyền Nghệ Tĩnh
Than nhẽ anh hùng không đất, phò vua tiết lớn sánh Hồng Lam[1].

成敗英雄莫論此孤忠此大義誓與諸君子
始終硃之英墨之齡讀書每念綱常重可恨
者垂顛大廈一木難支宮冷煙消誰人不作
深山怨況當日龍非雲暗共嗟人事無常可
憐羅越江山百年文獻翻兵馬

古今天地無窮而流水而高峰同此大丈夫
宇宙藍之風鴻之雪沖寒無奈柏松凋謂何
哉潰決頹波中流砥柱星移物換何人不起
故園情及此時雁散風堪嘆天心莫助獨此
松梅氣節一死精神貫斗牛(1)ÁC

Thành bại anh hùng mạc luận, thử cô trung, thử đại nghĩa, thề dữ chư quân tử thủy chung; Châu chi anh, Mặc chi linh, độc thư mỗi niệm cương thường trọng. Khả hậu giả thùy điên đại hạ, nhất mộc nan chi; cung lãnh yên tiêu, thùy nhân bất tác thâm sơn oán! Huống đương nhật long phi vân ám, cộng ta nhân sự vô thường; khả liễn La Việt giang sơn, bách niên văn hiến phiên binh mã;

Cổ kim thiên địa vô cùng, nhi lưu thủy, nhi cao phong, đồng thử đại trượng phu vũ trụ; Lam chi phong, Hồng chi tuyết, xung hàn vô nại bách tùng điêu. Vị hà tai hội quyết đồi ba, trung lưu để trụ, tinh di vật hoán, hà nhân bất khởi cố viên tình! Cập hử thời nhạn tán phong

---

[1] Đây là đôi câu đối các văn thân Nghệ Tĩnh viếng chí sĩ Phan Đình Phùng mất ngày 28 tháng 12 năm 1895. Phần chữ Hán và phần dịch, chúng tôi tuyển từ *Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ 19*.

(1) Đôi câu đối này có ý nghĩa hết sức sâu sắc về nội dung, còn về nghệ thuật cũng rất đặc sắc; chúng tôi dẫn để chúng ta cùng tham khảo, học tập.

xuy, kham thán thiên tâm mạc trợ; độc thử tùng mai khí tiết, nhất tử tinh thần quán đẩu ngưu!

Anh hùng thành bại kể chi, tấc dạ cô trung, tấm gương nghĩa cả, thề cùng các bạn chu tuyền; Son mực thánh thần, đọc sách lấy cương thường làm trọng. Giận vì lẽ nhà to sắp đổ, một cây chẳng chống được nào; cung lạnh khói tàn, cảnh non thẳm ai không xót nỗi. Gặp vận rồng bay mây tối, ngậm ngùi cuộc thế đổi thay, thương ôi La Việt non sông, văn hiến trăm năm binh mã loạn;

Trời đất cổ kim còn mãi, một dòng nước chảy, muôn trượng núi xa, ấy chốn nam nhi ngang dọc; Lam Hồng gió tuyết, ngạo đông cho tùng bách cũng gầy. Tính sao đây sóng cả đang dâng, cột đá giữa dòng khó vững; sao dời vật đổi,t ình cố hương ai chẳng chạnh lòng! Nguồn cơn nhạn lạc gió gầm, ngao ngán lòng trời cay nghiệt; thấy chửa tùng mai khí tiết, tinh thần một thác đẩu ngưu cao!

自 古 英 雄 鐵 石 肝 腸 難 盡 寫
到 頭 事 勢 川 河 血 厲 曷 能 流

Tự cổ anh hùng, thiết thạch can trường nan tận tả
Đáo đầu sự thế xuyên hà huyết lệ hạt năng lưu[1]
Từ trước anh hùng, dạ sắt gan vàng khôn xiết tả
Đến cùng sự thế, máu sông lệ suối chảy sao trôi.

錦 悅 動 金 風 王 母 稱 觴 聯 卺 酒
燭 花 輝 繡 閣 蘭 孫 引 鳳 舞 斑 衣

Cẩm thuế động kim phong Vương mẫu xưng thương liên cẩn tửu.
Chúc hoa huy tú các, lan tôn dẫn phượng vũ ban y.
Khăn gấm gió thu bay, Vương mẫu chén mời bên rượu cưới.
Đuốc hoa ngời gác đẹp, vườn lan đưa phượng múa áo hoa.

八 月 稱 觴 桂 苑 投 香 延 八 秩
千 聲 奏 樂 萱 花 迎 笑 祝 千 秋

---

[1] Câu đối các thân sĩ Thanh Hóa viếng Tống Duy Tân mất ngày mồng 5 tháng 10 năm 1892. Xuất xứ như trên.

Bát nguyệt xưng thương quế uyển đầu hương diên bát trật.
Thiên thanh tấu nhạc huyên hoa nghinh tiếu chúc thiên thu.
Tháng tám tiệc thọ, vườn quế đưa hương mừng tám chục.
Ngàn thanh nhạc tấu, hoa huyên vui đón chúc ngàn thu.

禖婺呈輝八十年來光八月
蟠桃獻瑞三千歲後待三禺
Bảo vụ trình huy bát thập niên lai quang bát nguyệt.
Bàn đào hiến thuỵ tam thiên tuế hậu đãi tam ngu.
Bảo vụ sáng sao, tám chục tuổi rồi soi tháng tám.
Bàn đào hiến thọ, ba ngàn năm tới đợi ba nơi.

錦悅動金鳳壽度八旬逢九月
繡花輝寶婺祥鍾一室慶千秋
Cẩm thuế động kim phượng thọ độ bát tuần phùng cửu nguyệt.
Tú hoa huy bảo vụ tường chung nhất thất khánh thiên thu.
Phượng vàng bay rực rỡ, tuổi thọ tám tuần vào tháng chín.
Bảo vụ ngời hoa đẹp, chuông lành một cửa chúc ngàn năm.

四德俱全逢九秩
三多咸憊祝千秋
Tứ đức câu toàn phùng cửu trật.
Tam đa hàm bị chúc thiên thu.
Tứ đức vẹn toàn lên chín chục.
Tam đa đầy đủ chúc ngàn năm.

堂北萱花榮九秩
天南寶婺耀千秋
Đường bắc huyên hoa vinh cửu trật.
Thiên nam bảo vụ diệu thiên thu.
Nhà bắc hoa huyên vinh chín chục.
Trời nam Bảo vụ sáng ngàn năm.

德合無疆年逾九秩

壽稱難老慶祝三多
Đức hợp vô cương niên du cửu trật.
Thọ xưng nan lão khánh chúc tam đa.
Đức đến vô cùng vượt qua chín chục.
Thọ nay hiếm kẻ cầu chúc tam đa.

寶婺星輝年九十
蟠桃果熟歲三年
Bảo vụ tinh huy niên cửu thập.
Bàn đào quả thục tuế tam thiên.
Bảo vụ sáng soi năm chín chục.
Bàn đào quả chín tuổi ba mươi.

九旬鶴髮同金母
七秩斑衣學老萊
Cửu tuần hạc phát đồng kim mẫu.
Thất trật ban y học lão Lai.
Chín mươi tóc hạc cùng kim mẫu.
Bảy chục áo hồng học lão Lai.

錦悦動春風壽延九秩
萱花棟徑色慶衍千秋
Cẩm thuế động xuân phong thọ diên cửu trật.
Huyên hoa đống kính sắc khánh diễn thiên thu.
Khăn gấm động gió xuân, thọ mừng chín chục.
Hoa huyên đầy luống cỏ, cầu chúc ngàn năm.

華崇酒進香流菊
粧閣詩成氣挹蘭
Hoa đường tửu tiến hương lưu cúc.
Trang các thi thành khí ấp lan.
Nhà hoa rượu rót thơm hương cúc.
Gác đẹp câu thơ đượm khí lan.

霞譪桃觴浮玉液

德滋蘭蕊映金粧
Hà ái đào thương phù ngọc dịch.
Đức tư lan nhuỵ ánh kim trang.
Ngọc dịch chén đào mây hiện bóng.
Áo vàng lan nhuỵ đức thơm hương.

絳縣高年欽勁節
河洲佳詠紹遺風
Giáng huyện cao niên khâm kính tiết.
Hà châu giai vịnh thiệu di phong.
Giáng huyện tuổi cao mừng mạnh sức.
Bãi sông vịnh khúc nối di phong.

白髮紅顏同帶笑
桑弧花鐲兢生輝
Bạch phát hồng nhan đồng đới tiếu.
Tang hồ hoa trúc cạnh sinh huy.
Má hồng tóc bạc cười vui vẻ.
Cung dâu đàn trúc vẫn ganh đua.

瑞啓瓊花逢七秩
榮聯錦膝繞雙佳
Thuỵ khải quỳnh hoa phùng thất trật.
Vinh liên cẩm tất nhiễu song giai.
Mừng thấy hoa quỳnh hoa vừa bảy chục.
Vinh thay dưới gối đẹp hai đôi.

椿室開筵添鶴算
墨池起浪上龍門
Xuân thất khai diên thiên hạc toán.
Mặc trì khởi lãng thượng long môn.
Nhà xuân mở tiệc thêm tuổi hạc.
Ao mực sóng cồn vượt cửa rồng.

萬里九霄初發軔

一堂三代慶齊眉
Vạn lý cửu tiêu sơ phát nhẫn.
Nhất đường tam đại khánh tề my.
Chín tầng muôn dặm xe vừa đẩy.
Ba đời một cửa chúc ngang mày.

春酒香浮芹酒綠
文星彩煥極星輝
Xuân tửu hương phù cần tửu lục.
Văn tinh thái hoán cực tinh huy.
Rượu xuân hương nổi, rượu cần xanh.
Sao văn rực rỡ, sao cực sáng.

椿榮海屋連芹綠
幟樹宮墻映悅紅
Xuân vinh hải ốc liên cần lục.
Sí thụ cung tường ánh thuế hồng.
Xuân tươi nhà biển rượu cần đậm.
Cờ treo cung điện sắc thêm hồng.

寶砌風和湘蘭並茂
重帷日暖鶴髮雙輝
Bảo thế phong hoà tương lan tinh mậu.
Trùng duy nhật noãn hạc phát song huy.
Thềm đá phong quang tương lan đều tốt.
Màn đôi ấm áp hai mái bạc phơ.

祖晉霞觴蟠溪逸叟
孫明花燭月殿常娥
Tổ tấn hà thương bàn khê dật tẩu.
Tôn minh hoa chúc nguyệt điện thường nga.
Chúc ông rượu thọ, già ẩn bàn khê.
Mừng cháu đẹp duyên, hằng nga nguyệt điện.

陛區與添籌濟美

遊擁共合巹齊輝

Thăng biển dữ thiêm trù tế mỹ.
Du ung cộng hợp cẩn tề huy.
Biển treo tuổi thọ càng thêm đẹp.
Thành đạt hoà duyên cảnh thật vui.

椿樹逢春長不老
梯花浥露滿庭芳

Xuân thụ phùng xuân trường bất lão.
Đệ hoa ấp lộ mãn đình phương.
Cây xuân gặp xuân càng trẻ mãi.
Hoa đệ đầm sương khắp chốn thơm.

一幹靈椿榮晝錦
兩株丹桂吐天香

Nhất cán linh xuân vinh trú cẩm.
Lưỡng thù đan quế thổ thiên hương.
Một gốc linh xuân tươi tựa gấm.
Đôi cành đan quế nhả hương trời.

喬木籌添盈海屋
桂花香噴捷雍宮

Kiều mộc trù thiêm doanh hải ốc.
Quế hoa hương phún tiệp ung cung.
Gỗ lớn muốn sửa nhà trên biển.
Quế hoa hương toả ngát trong nhà.

弧懸共慶長春酒
藝苑咸稱命世才

Hồ huyền cộng khánh trường xuân tửu.
Nghệ uyển hàm xưng mạnh thế tài.
Cung treo tiệc chúc rượu trường xuân.
Vườn đẹp tiếng khen người tài đức.

蓮池特誦長生葉

璧水連徵命世才
Liên trì dặc tụng trường sinh diệp.
Bích thuỷ liên trưng mạnh thế tài.
Ao sen ca tụng lá trường sinh.
Nước biếc ngợi khen người tài đức.

婺宿流輝光璧水
宮衣絢彩舞圜橋
Vụ tú lưu huy quang bích thủy.
Cung y huyến thái vũ viên kiều.
Sao vụ sáng ngời soi nước biếc.
Cung y rực rỡ múa cầu ngân.

海屋籌添萱草秀
雍宮彩徹梓花香
Hải ốc trù thiêm huyên thảo tú.
Ung cung thái triệt tử hoa hương.
Nhà biển cỏ huyên còn rực rỡ.
Cung vui hoa tử vẫn đưa hương.

寶婺呈祥共應萱花榮晝錦
圜橋播譽咸推桂子噴天香
Bảo vụ trình tường cộng ứng huyên hoa vinh trú cẩm.
Viên kiều bá dự hàm suy quế tử phún thiên hương.
Bảo vụ điềm lành, cùng với hoa huyên tươi vẻ gấm.
Cầu ngân lộng lẫy, còn thêm cây quế toả hương trời.

萱草長凝芹藻綠
蟠桃遠送桂花香
Huyên thảo trường ngưng cần tảo lục.
Bàn đào viễn tống quế hoa hương.
Cỏ huyên đẫm nước cần xanh lục.
Bàn đào đưa tiến quế hương hoa.

萱草常滋仙掌露

梓花新浴判池春
Huyên thảo thương tư tiên chưởng lộ.
Tử hoa tân dục phán trì xuân.
Cỏ huyên vẫn đậm sương tiên giới.
Hoa tử vừa hay tắm nước xuân.

堂上萱花榮晝錦
階前桂子舞斑衣
Đường thượng huyên hoa vinh trú cẩm.
Giai tiền quế tử vũ ban y.
Trên nhà hoa huyên tươi vẻ gấm.
Trước sân con quế múa làm vui.

稱觴大啓桃花宴
拜爵榮開仕進門
Xưng thương đại khải bàn đào yến.
Bái tước vinh khai sĩ tiến môn.
Chốn bàn đào tiệc lớn chúc mừng.
Cửa thăng tiến vinh quang bái tước.

筵啓瓊瑤開壽域
才徵黼黻贊王尊
Diên khải quỳnh dao khai thọ vực.
Tài trưng phủ phất tán vương tôn.
Tiệc mở quỳnh dao mừng tuổi thọ.
Tài cao mũ áo tạ ơn vua.

堂燦萱花榮鶴算
名登仕籍試鴻才
Đường sán huyên hoa vinh hạc toán.
Danh đăng sỹ tịch thí hồng tài.
Nhà rạng hoa huyên vinh thọ hạc.
Tên ghi sỹ tịch bậc tài hoa.

萱榮晝錦聯桃碧

燭燦蘭房映帨紅
Huyên vinh trú cẩm liên đào bích.
Chúc sán lan phòng ánh thuế hồng.
Huyên tươi vẻ gấm bên đào biếc.
Đuốc sáng phòng lan đẹp khăn hồng.

花燭光聯萱壽燭
霞杯香繞子交杯
Hoa chúc quang liên huyên thọ chúc.
Hà bôi hương nhiễu tử giao bôi.
Đuốc hoa sáng, nhà huyên đuốc thọ.
Chén mừng thơm, lẫn chén giao hoan.

北海開宗西陵獻壽
東有才子南國家人
Bắc hải khai tôn Tây lăng hiến thọ.
Đông hữu tài tử Nam quốc gia nhân.
Biển Bắc tiệc bày, Tây lăng hiến thọ.
Miền đông tài tử, Nam quốc nên nhà.

王母獻金觴看此日桃宴生輝共慶長春不老
蘭孫調錦瑟喜今霄梅花葉韻預兆五世其昌
Vương mẫu hiên kim thương, khán thử nhật đào yến sinh huy, cộng khánh trường xuân bất lão.
Lan tôn điều cầm sắt, hỷ kim tiêu mai hoa diệp vận, dự triệu ngũ thế kỳ xương.
Vương mẫu dâng chén vàng, nhớ ngày ấy yến đào rạng rỡ, chúc cho trẻ mãi không già.
Lan tôn vui đàn sắt, mừng đêm nay hoa mai tươi tốt, điềm nêu thịnh vượng năm đời.

萱草長榮十分秀色槐堂麗
桂枝特茂一種天香璧水生
Huyên thảo trường vinh, thập phần tú sắc hoè đường lệ.

Quế chi đặc mậu, nhất chủng thiên hương bích thuỷ sinh.
Cỏ huyên tươi tốt, xuân sắc mười phần sân hoè đẹp.
Cành quế rậm rạp, hương trời một loại nước non xanh.

海屋添籌，金丹進南山之祝
瑤池舞彩，蘭孫揚芹泮之名
Hải ốc thiên trù, kim đan tiến Nam sơn chí chúc.
Dao trì vũ thái, lan tôn dương cần phán chi danh.
Nhà biển thêm dài, đơn vàng đến núi nam chúc thọ.
Dao trì múa đẹp, cháu lan nêu danh tiếng hoa cần.

設帨榮邀金闕露
明經聲著玉堂春
Thiết thuế vinh yêu kim khuyết lộ.
Minh kinh thanh trước ngọc đường xuân.
Cờ treo muốn đượm sương kim khuyết.
Thông kinh nức tiếng xuân ngọc đường.

喜向園橋舒彩步
欣看膝下對新粧
Hỷ hướng viên kiều thư thái bộ.
Hân khan tất hạ đối tân trang.
Mừng hướng cầu ngân thư thái bước.
Vui nhìn bên gối thấy tân trang.

春淩仕籍聯金誥
桂映粧臺對玉人
Xuân lăng sỹ tịch liên kim cáo.
Quế ánh trang đài đối ngọc nhân.
Trên biển vàng, hương xuân sỹ tịch.
Trước người ngọc, ánh quế đài trang.

琪花彩結金門曉
桂蕊香含寶鏡輝

Kỳ hoa thái kết kim môn hiểu.
Quế nhụy hương hàm bảo kính huy.
Cửa vàng rực rỡ kết hoa lạ.
Gương quý còn vương nhuỵ quế hương.

既仰雍池騰鳳起
旋看膝下警雞鳴
Ký ngưỡng ung trì đằng phượng khởi.
Toàn khan tất hạ cảnh kê minh.
Cưỡi phượng bay tham quan ao đẹp.
Sợ gà gáy bên gối vẫn xem.

椿樹敷榮膺國典
梓花吐瑞引文鸞
Xuân thụ phu vinh ưng quốc điển.
Tử hoa thổ thuỵ dẫn văn loan.
Cây xuân tươi tốt nhờ ơn nước.
Hoa tươi điềm báo bởi văn loan.

伯擅英才騰鳳闕
仲輝彩筆畫蘭眉
Bá thiện anh tài đằng phượng khuyết.
Trọng huy thái bút hoạ loan my.
Nhờ có tài năng gần cửa phượng.
Mượn cây bút tốt vẽ mày loan.

壎奏雍池歌鳳起
篪吹繡幙警雞鳴
Huân tấu ung trì ca phượng khởi.
Trì suy tú mạc cảnh kê minh.
Ao đẹp tấu huân ca cưỡi phượng.
Rèm thêu thổi sáo nhắc tiếng gà.

難第難兄名梢璧沼

宜家宜室議注蘭房
Nan đệ nan huynhdanh tiêu bích chiểu.
Nghi gia nghi thất nghị chú lan phòng.
Tên nêu hồ ngọc khó anh khó em.
Bàn chuyện phòng lan nên nhà nên cửa.

伯擅奇才騰藝苑
仲輝彩筆注蘭房
Bá thiên kỳ tầi đăng nghệ uyển.
Trọng huy thái bút chú lan phòng
Tỏ rõ tài dạo vườn nghệ thuật.
Vươn cao bút tô điểm phòng lan.

伯儲攀桂風流欣從壁水橋中漸徵大志
仲擅探花手暇喜向溫柔鄉裏聊試奇才
Bá trừ phan quế phong lưu hân tòng bích thuỷ kiều trung tiệm trưng đại chí
Trọng thiện thám hoa thủ hạ kỷ hướng ôn nhu hương lý liêu thí kỳ tài.
Anh sẵn phong lưu vin quế, tạm khoe chí lớn, men theo dòng biếc qua cầu,
Em chừng tiện tay bẻ hoa, muốn thử tài năng, mừng hướng thuận hoà hương lý.

壎奏橋門聲葉鹿鳴誇拔萃
篪和繡幙音諧梅韻笑摧粧
Huân tấu kiều môn thanh diệp lộc minh khoa bạt tụy.
Trì hoà tú mạc âm hoài mai mai vận tiếu thôi trang.
Huân tấu cửa cao, lá reo hươu tộ khoe siêu việt.
Sáo thổi màn thêu, âm đẹp mai cười giễu điểm trang.

壎跨鸞幃羆入夢
篪騰鳳閣筆生花
Huân khoá loan vi bi nhập mộng.
Trì đằng phượng các bút sinh hoa.

Huân phủ màn loan, bi đến mộng.
Trì vươn gác phượng, bút sinh hoa.

壎從繡幕歌鸞舞
篪向儒林譜鹿鳴

Huân tòng tú mạc ca loan vũ.
Trì hướng nho lâm phổ lộc minh.
Huân theo rèm đẹp ca loan múa.
Sáo hướng rừng nho hoạ tiếng hươu.

桂子登龍誇拔萃
蘭孫引鳳笑摧粧

Quế tử đăng long khoa bạt tuy.
Lan tôn dẫn phượng tiếu thôi trang.
Con quế cưỡi rồng khoe tài giỏi.
Cháu lan đưa phượng cười điểm trang.

桂蕊飄香盈藝苑
蘭芽競繡映粧臺

Quế nhụy phiêu hương doanh nghệ uyển.
Lan nha cạnh tú ánh trang đài.
Nhuỵ quế hương tràn vườn nghệ thuật.
Mầm lan tranh đẹp rạng đài trang.

桂子題名騰鳳閣
蘭孫合巹對鸞幃

Quế tử đề danh đằng phượng cát.
Lan tôn hợp cẩn đối loan vi.
Con quế tên nêu leo gác phượng.
Cháu lan duyên đẹp trước màn loan.

青雲生錦步泮壁騰輝燕翼徽聲游碧水
彩筆繪新眉瑟琴葉韻詒謀令緒引紅絲

Thanh vân sinh cẩm bộ phán bích đằng huy yến dực huy thanh du bích thuỷ.
Thái bút hội tân my sắt cầm diệp vận di mưu lệnh tự dẫn hồng ty.
Thành đạt tạo dáng đi, bến ngọc cao bay cánh yến, tiếng kêu vọng nước xanh.
Bút tốt vẽ hàng mi, cầm sắt lá reo bày đặt, se chắp mối tơ hồng.

辟雍傳燕翼壁耀奎明俱慶堂中鳴瑞鳳
繡幙詔詁謀琴和瑟合齊眉案上舞祥鸞
Tích ung truyền yến dực bích diệu khêu minh câu khánh đường trung minh thuỵ phượng.
Tú mạc chiếu cổ mưu cầm hoà sắt hợp tề my án thượng vũ tường loan.
Lệnh trên truyền cánh yến, bích sáng khuê minh đều tốt, phượng lành hót nhà trong.
Rèm đẹp giảng nghĩa xưa, cầm hoà sắt hợp ngang mày, loan vui múa trên án.

桂子題名早凌壁水振辟雍望重園橋誇拔萃
蘭孫得意先詠關雎歌麟趾聲來繡閣笑摧粧
Quế tử đề danh tảo lăng bích thủy chấn tích ung vọng trọng viên kiều khoa bạt tuỵ .
Lan tôn đắc ý tiên vinh quan thư ca lân chỉ thanh lai tú các tiếu thôi trang.
Con quế nêu tên, sớm vượt nước xanh, dựng ngôi cao vọng trọng, cầu ngân khoe lỗi lạc.
Cháu lan đắc ý, trước vịnh quan thư, ca bước lân vang dội, gác đẹp giục tân trang.

膝下名婚雙濟美
堂中龍鳳並增輝
Tất hạ danh hôn song tế mỹ.
Đường trung long phượng tịnh tăng huy.
Danh hôn dưới gối hai đều đẹp.
Long phượng trong nhà rạng cả đôi.

堂前彩結宜男草
月裏清飄桂子香
Đường tiền thái kết nghi nam thảo.
Nguyệt lý thanh phiêu quế tử hương.
Trước nhà cỏ đẹp kết nên trai.
Dưới nguyệt hương thanh vờn gốc quế.

入貢豎芳桅並值蘭階欣納婦
明經推俊彥初週甲子慶添籌
Nhập cống thụ phương ngôi tịnh trị lan giai hân nạp phụ.
Minh kinh suy tuấn ngạn sơ chu giáp tý khánh thiên trù.
Đỗ đạt dựng cây cao, tính chuyện thềm lan vui nạp thái.
Thông kinh nên rạng vẻ, tuần đầu giáp tý chúc thêm lâu.

得相遊雍所喜箕裘丕振
明經樹幟正逢甲子初週
Đắc tương du ung sở hỷ cơ cừu phỉ chấn.
Minh kinh thụ xí chính phùng giáp tý sơ chu.
Được dự chốn cao sang, mừng thấy cơ cừu dựng nghiệp.
Thông kinh nêu cờ quạt, hội may giáp tý tuần đầu.

蛾眉好試生花筆
泮沼欣逢佐讀人
Nga my hảo thí sinh hoa bút.
Phán chiểu hân phùng tá độc nhân.
Mày ngài thi giỏi bút sinh hoa.
Hồ nước gặp may người giúp đọc.

試把蟾宮攀桂手
好從繡閣畫蛾眉
Thí bả thiềm cung phan quế thủ.
Hảo tòng tú các hoạ nga my.
Thử đến cung thiềm tay bẻ quế.
Mừng lên gác đẹp vẽ mày ngài.

袖喏桂香飄月頂
筆翻花氣上雲頭
Tụ nhã quế hương phiêu nguyệt đính.
Bút phiên hoa khí thượng vân đầu.
Áo đưa hương quế lên thăm nguyệt.
Bút dẫn khí hoa đến đỉnh mây.

金屋屏開欣中雀
泮池日暖羡乘龍
Kim ốc bình khai hận trung tước.
Phán trì nhật noãn tiễn thừa long.
Nhà vàng màn mở vui nhờ sẻ.
Hồ đẹp ấm trời thích cưỡi rồng.

燭搖紅影輝金屋
袖帶芹香馥洞房
Chúc dao hồng ảnh huy kim ốc.
Tụ đới cần hương phức động phòng.
Chập chờn ánh đuốc chiếu nhà vàng.
Thoang thoảng hương cần nơi hợp cẩn.

盛世名才儲虎觀
香幃雅奏葉笙鸞
Thịnh thế danh tài trừ hổ quán.
Hương vi nhã tấu diệp sinh loan.
Danh tài đời thịnh sẵn quan hổ.
Màn hương Nhã nhạc nhịp sênh, loan.

連理枝頭騰鳳羽
合歡筵上酌芹杯
Liên lý chi đầu đằng phượng vũ.
Hợp hoan diên thượng chước cần bôi.
Gắn bó đầu cành tung cánh phượng.
Chung vui trên tiệc rót ly cẩn.

雀屏喜中穿楊手
虎榜旋登折桂才
Tước bính hỷ trung xuyên dương thủ.
Hổ bảng toàn đăng chiết quế tài.
Bắn sẻ mừng tay xuyên lá liễu.
Bảng hổ khen tài quế bẻ cành.

泮沼風流推吉士
月宮消息問嫦娥
Phán chiểu phong lưu suy cát sỹ.
Nguyệt cung tiêu tức vấn thường nga.
Hồ đẹp phong lưu tôn kẻ sỹ.
Cung trăng tin tức hỏi hằng nga.

詠雪佳人歡占鳳
談經才子喜乘龍
Vịnh tuyết giai nhân loan chiếm phượng.
Đàm kinh tài tử hỷ thừa long.
Mừng chiếm phượng giai nhân vịnh tuyết.
Vui cưỡi rồng tài tử bàn kinh.

早知天下無雙士
獨占人間第一春
Tảo tri thiên hạ vô song sỹ.
Độc chiếm nhân gian đệ nhất xuân.
Sớm hay thiên hạ vô song sỹ.
Mình chiếm nhân gian đệ nhất xuân.

司馬三升榮國命
玉蕭雙徹繞秦樓
Tư mã tam thăng vinh quốc mạnh.
Ngọc tiêu song triệt nhiễu tần lâu.
Tư mã ba lần vinh mạnh nước.
Ngọc tiêu hai giỏi hoạ lâu tần.

明經筆舄春山媚
博議才通學海深
Minh kinh bút tả xuân sơn mỹ.
Bác nghị tài thông học hải thâm.
Thông kinh bút tả non xuân đẹp.
Bàn rộng tài hay biển học sâu.

解語花前思獻策
明經案內羡吟梅
Giải ngữ hoa tiền tư hiến sách.
Minh kinh án nội tiễn ngâm mai.
Trước hoa giải nghĩa lo dâng sách.
Bên án thông kinh chuộng vịnh mai.

明經喜試描眉筆
博議欣賡詠絮才
Minh kinh hỷ thí miêu mi bút.
Bác nghị hân canh vịnh nhứ tài.
Thông kinh vui thử bút vẽ mày.
Bàn rộng mừng xem tài vịnh tuyết.

雲閣教佳人燈燭交輝經籍明時栽博議
粧臺親國士淑才雙美繡奩香處載文章
Vân các giáo giai nhân đăng chúc giao huy kinh tịch minh thời tài bác nghị.
Trang đài thân quốc sỹ thục tài song mỹ tú liêm hương xứ tải văn chương.
Gác sách tiếp giai nhân, đèn đuốc dáng chưng, kinh sách gặp thời nên biết rộng.
Đài trang thân quốc sỹ, đức tài trọn vẹn, rèm thêu hương ngát tập văn chương.

苹吉慶於德門大登科小登科喜見名婚同濟美
振芳徽於天府思恩進士歲進士行看黼黻永騰輝

Tuy cát khánh ư đức môn đại đăng khoa tiểu đăng khoa hỷ hiến danh hôn đồng tế mỹ.
Chấn phương huy ư thiên phủ ân tiến sỹ tuế tiến sỹ hành khan phủ phất vĩnh đằng huy.
Hợp chúc mừng nơi cửa đức, đại đăng khoa tiểu đăng khoa, mừng thấy cả hai đều tốt đẹp.
Rạng danh thơm chốn phủ đệ, ân tiến sỹ tuế tiến sỹ, thử xem mũ áo mãi huy hoàng.

八 歲 佳 人 歡 解 語
九 齡 才 子 試 明 經
Bát tuế giai nhân hoan giải ngữ.
Cửu linh tài tử thí minh kinh.
Tám tuổi giai nhân mừng giải ngữ.
Lên chín tài tử thử minh kinh.

巹 合 洞 房 方 妙 歲
明 經 藝 苑 正 髫 年
Cẩn hợp động phòng phương diệu tuế.
Minh kinh nghệ uyển chính điều niên.
Động phòng hợp cẩn khi vừa lớn.
Vườn nghệ thông kinh tuổi trái đào.

髫 年 喜 協 明 經 選
幼 歲 欣 瞻 詠 雪 才
Điều niên hỷ hiệp minh kinh tuyển.
Ấu tuế hân chiêm vịnh tuyết tài.
Từng dự minh kinh khi để chỏm.
Đã tài vịnh tuyết lúc còn thơ.

芳 名 此 日 登 天 府
花 燭 今 宵 映 洞 房
Phương danh thử nhật đăng thiên phủ.
Hoa chúc kim tiêu ánh động phòng.

Tiếng thơm ngày ấy nêu thiên phủ.
Hoa đuốc đêm nay sáng động phòng.

雍宮擅藻推佳士
繡閣摛華貯麗人

Ung cung thiện tảo suy giai sỹ.
Tú các xi hoa trữ lệ nhân.
Cung đình mũ áo tôn giai sỹ.
Gác cao hoa lệ đợi giai nhân.

名題鳳閣芳徽遠
筆畫娥眉氣象新

Danh đề phượng các phương huy viễn.
Bút hoạ nga my khí tượng tân.
Tên nêu gác phượng, thơm còn mãi.
Bút vẽ mày ngài, vẻ mới thay.

辟雍池煖觀龍躍
繡閣香浮聽鳳鳴

Tịch ung trì noãn quan long dược.
Tú các hương phù thính phượng minh.
Chốn thanh, ao ấm, xem rồng nhảy.
Gác đẹp, hương bay, nghe phượng kêu.

位列雍宮南北試
當聯花燭室家宜

Vị liệt ung cung nam bắc thí.
Đường liên hoa chúc thất gia nghi.
Chỗ đứng cung đình xét nam bắc.
Nhà treo hoa đuốc đẹp cửa nhà.

璧水輕飄紅葉句
園橋垂愛綠衣郎

Bích thuỷ khinh phiêu hồng diệp cú.
Viên kiều thuỳ ái lục y lang.
Nước biếc nhẹ bay câu lá đỏ.
Cầu ngân lưu luyến chàng áo xanh.

園 橋 門 外 紅 葉 句
銀 燭 臺 前 白 雪 詩

Viên kiều môn ngoại hồng diệp cú.
Ngân chúc đài tiền bạch tuyết thi.
Trước cổng cầu ngân câu lá đỏ.
Trên lầu thơ tuyết dưới đuốc hoa.

雍 門 桃 李 恩 初 屋
繡 閣 笙 簧 調 水 諧

Ung môn đào lý ân sơ ốc.
Tú các sinh hoàng điệu thuỷ hài.
Cửa cung đào mận, ơn vừa thấm.
Gác đẹp sinh hoàng, điệu mới hoà.

佳 兒 桂 婦 聯 佳 氣
大 德 大 年 表 大 廷

Giai nhi giai phụ liên giai khí.
Đại đức đại niên biểu đại đình.
Con hay cha hay, lắm vẻ hay.
Đức lớn tuổi lớn, sân triều lớn.

當 夏 佳 兒 歡 合 巹
來 秋 乃 祖 樂 含 飴

Đương hạ giai nhi hoan hợp cẩn.
Lai thu mãi tổ lạc hàm di.
Hạ tới con trai vui hợp cẩn.
Thu sau lên nội ngậm đường nha.

此日家冠尊醮命
他年繩武有英人
Thử nhật gia quan tôn tiếu mạnh.
Tha niên thằng vũ hữu anh nhân.
Ngày ấy đội mũ rượu vâng mệnh.
Năm sau nối nghiệp có anh tài.

肖子良緣眉試畫
阿翁喜色耳何聾
Tiêu tử lương duyên my thí hoạ.
A ông hỷ sắc nhĩ hà lung.
Con nhỏ vui duyên thử vẽ mày.
Ông già mừng rỡ nên tai điếc.

序列三偕孫娶媳
祥開四葉子爲翁
Tự liệt tam giai tôn thú tức.
Tương khai tứ diệp tử vi ông.
Tính đã ba đời cháu lấy vợ.
Mừng xem tứ đại con lên ông.

喜值三秋陳醮席
旋覘四代舞斑衣
Hỷ trị tam thu trần tiếu tịch.
Toàn chiêm tứ đại vũ ban y.
Mừng đã ba thu bày tiệc rượu.
Ngoái xem tứ đại múa áo hoa.

王父詒謀聯冠命
嫡孫衍慶顯弧門
Vương phụ di mưu liên quán mạnh.
Đích tôn diễn khánh hiển hồ môn.
Vương phụ lo toan làm kẻ cả.
Đích tôn mừng thọ rạng cung dâu.

鳳卜已酬王父願
熊祥早葉太人占
Phượng bốc dĩ thù vương phụ nguyện.
Hùng tường tảo diệp thái nhân chiêm.
Đoán phượng xem ra vừa ý bố.
Điềm hùng chừng đã sớm theo ông

華堂初詠睢麟句
繡閣新編博議書
Hoa đường sơ vịnh thư lân điện.
Tú các tân biên bác nghị thư.
Nhà hoa vừa vịnh nội thư lân.
Gác đẹp mới biên sách bác nghị.

華開連理描新樣
酒飲交杯醉太平
Hoa khai liên ý miêu tân dạng.
Tửu ẩm giao bôi tuý thái bình.
Liền cành hoa nở vẻ thanh tân.
Trao chén rượu mời say khang thái.

笙吹夜月無雙韻
鳳占于山第一峰
Sinh suy dạ nguyệt vô song vận.
Phượng chiếm Vu Sơn đệ nhất phong.
Tiêu thổi đêm trăng không tiếng hoạ.
Phượng đậu Vu Sơn đỉnh núi cao.

留菊好裝金屋夜
望梅先占玉堂春
Lưu cúc hảo trang kim ốc dạ.
Vọng mai tiên chiếm ngọc đường xuân.
Nhà vàng mặc đẹp đêm hương cúc.
Đài ngọc đầu xuân sớm ngắm mai.

雲棲欲上攀丹桂
月殿先登晤素娥
Vân thê dục thượng phan đan quế.
Nguyệt điện tiên đăng ngộ Tố Nga.
Thang mây những muốn vin đan quế.
Điện nguyệt vừa lên gặp tố nga.

永結百年諧靜好
宏開五世慶琪昌
Vĩnh kết bách niên hài tĩnh hảo.
Hoằng khai ngũ thế khánh kỳ xương.
Trăm năm kết mối duyên hài đẹp.
Năm đời rộng mở chúc vinh xương.

鸞鳳和明琴瑟樂
熊羆葉夢子孫多
Loan phượng hoà minh cầm sắt lạc.
Hùng bi diệp mộng tử tôn đa.
Phượng loan cùng hót vui cầm sắt.
Hùng bi mộng lá đông cháu con.

花堂日暖朝鳴鳳
繡閣風清夜夢熊
Hoa đường nhật noãn triêu minh phượng.
Tú các phong thanh dạ mộng hùng.
Nhà hoa ngày ấm phượng sớm hót.
Gác xinh gió mát hùng đêm mơ.

吐鳳雄才成博議
畫娥彩筆點新詩
Thổ phượng hùng tài thành bác nghị.
Hoạ nga thái bút điểm tân thi.
Tài hùng nhả phượng thành bác nghị.
Bút hay vẽ đẹp điểm tân thi.

芙蓉帳裡香風度
翡翠簾前皓月來
Phù dung trướng lý hương phong độ.
Phỉ thuý liêm tiền hạo nguyệt lai.
Phù dung trong trướng hương phong độ.
Ngọc biếc trước rèm bóng trăng về.

瑞藹華堂欣鳳舞
香笙繡閣葉況飛
Thụy ái hoa đường hân phượng vũ.
Hương sinh tú các diệp hùng phi.
Mừng phượng múa nhà hoa mây phủ.
Lá hùng bay gác đẹp toả hương.

宜男草發連科綠
多子花開及第紅
Nghi nam thảo phát liên khoa lục.
Đa tử hoa khai cập đệ hồng.
Nên trai thịnh phát liền khoa bảng.
Lắm con hoa nở nối ngôi cao.

鴛鴦對舞輸迴月
鸞鳳偕鳴葉納春
Uyên ương đối vũ thâu hồi nguyệt.
Loan phượng giai minh diệp nạp xuân.
Uyên ương múa cặp thu vầng nguyệt.
Loan phượng cùng kêu đón gió xuân.

雙玉初諧琴瑟調
五花新授鳳鸞封
Song ngọc sơ hài cầm sắt điệu.
Ngũ hoa tân thụ phượng loan phong.
Điệu cầm, sắt hài hoà đôi ngọc.
Vây phượng loan trao mới năm hoa.

藍橋步上雲程月
紅葉詩裁繡閣春
Lam kiều bộ thượng vân trình nguyệt.
Hồng diệp thi tài tú các xuân.
Cầu lam bước nguyệt thẳng đường mây.
Lá đỏ gác xuân đề thơ đẹp.

已看春雲籠彩鬢
還窺月夜印金蓮
Dĩ khán xuân vân lung thái mấn.
Hoàn khuy nguyệt dạ ấn kim liêm.
Đã thấy mây xuân chùm mái tóc.
Còn xem trăng sáng rọi sen vàng.

TẢN MẠN VỚI NHỮNG GIAI THOẠI VỀ CÂU ĐỐI

NGÔ VƯƠNG ANH

*Câu đối quen thuộc với người Việt Nam lắm. Kể cả những người chưa được học chữ Hán, chữ Nôm, không thuộc luật bằng - trắc, khi nhìn qua hai hàng chữ đặt song song với nhau ở những nơi tôn nghiêm cũng có thể đoán rằng đó là **Câu đối** ...*

Không chỉ được treo tại những nơi trang trọng, câu đối còn có một cuộc sống sinh động trong đời sống xã hội, trong dân gian. Và những thứ không được ghi chép không phải cái nào cũng dễ mất vì nó đã được lưu trong tâm trí của con người - *Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ*... Câu đối là tiếng nói của tư tưởng, tâm hồn, tình cảm được thể hiện dưới một hình thức độc đáo, đậm chất trí tuệ. Giai thoại hay về câu đối, trong dân gian có đến hàng ngàn, hàng vạn...

... Câu đối là câu trả lời của khí phách dân tộc bất khuất đối lại với thái độ sô vanh, hợm hĩnh của nước lớn "thiên triều"... Nguyễn Tuấn khi đi sứ Tàu đã đối lại sự ngạo mạn: *Đồng cổ chí kim đài dĩ lục* - ý nói tới cột đồng Mã Viện dựng ngày xưa khi xâm lược nước ta - bằng *Đằng giang tự cổ huyết do hồng* - nhắc lại chiến thắng lẫy lừng trên sông Bạch Đằng của người Đại Việt...

... Người ta mang câu đối tặng nhau một cách trọng thị như một món quà biểu hiện tình cảm quý mến, tôn trọng giữa những người đã thân thiết...

Tôn Thất Thuyết viếng Hoàng Diệu sau khi ông hy sinh cùng với thành Hà Nội bằng đôi câu:

Nhất tử thành danh tự cổ anh hùng phi sở nguyện

Bình sinh trung nghĩa đương niên đại cục khả vô tâm.

Tạm dịch:

Tử mà thành danh, chí anh hùng từ xưa thường không toại

Sinh trọn trung nghĩa, nhìn đại cục có thể chẳng thẹn tâm.

... Nhưng cũng có những câu đối mà kẻ nhận được phải bầm gan tím ruột khi người làm câu đối đọc đúng tim đen, điểm đúng "huyệt hiểm" của hắn... Một đám hát bội diễn cho Nguyễn Thân - tay sai đắc lực của Pháp đánh dẹp nghĩa quân Cần vương:

Đội mũ mang râu làm mặt lạ (nạ)

Vác siêu khuân giáo đánh người quen.

... Nhân dân Thái Bình "khen" sinh phần của một nghị viên họ Lại thời Tây:

Rực rỡ mé đường Tây, kẻ lại người qua, ca tụng sinh phần quan lớn Lại

Vang lừng trong thôn Bắc, trên kính dưới rái, một lòng tôn trọng cụ trong dân.

Mấy chữ cuối ở hai câu này phải đọc theo kiểu nói lái mới thấy dân gian tuy rằng "nôm na mách qué" nhưng cũng chẳng phải không thâm thuý, sâu cay...

... Câu đối cũng có thể là vũ khí tinh thần của kẻ yếu - nhưng không yếu về trí tuệ - chống lại cường quyền của kẻ mạnh hơn mình - về lực lượng vật chất. Câu đối là câu trả lời thông minh của tinh thần khảng khái, ý chí kiên cường và một tấm lòng

trong sáng yêu sự công bằng,... đối lại với sự ức hiếp, đè nén, bất công... dù lớn dù nhỏ.

... Nguyễn Hoè tuổi nhỏ khi đi thi bị quan chủ khảo bắt bẻ vì trùng tên với quan chủ khảo:

Lạn Tương Như, Tư Mã Tương Như, danh tương như, thực bất tương như

Lạn Tương Như, Tư Mã Tương Như, hai người cùng tên nhưng công danh sự nghiệp khác nhau.

Nguyễn Hoè đối lại:

Nguy Vô Ky, Trưởng Tôn Vô Ky, bỉ vô ky, ngã diệc vô ky.

Nguy Vô Ky, Trưởng Tôn Vô Ky, ông tên vô ky, tôi cũng tên vô ky.

Để ý mới thấy rằng *vô ky* còn có nghĩa là *không sợ*. Viên quan thấy câu dối xược liền ra tiếp một vế:

Xỉ tính cương, thiệt tính nhu, cương tính bất như nhu tính cửu

Nghĩa là: Răng tính cứng, lưỡi tính mềm, tính cứng không bền lâu như tính mềm - ý nói chớ nên ngông nghênh bướng bỉnh nữa.

Nguyễn Hoè lại đối:

My sinh tiên, tu sinh hậu, tiên sinh bất nhược hậu sinh trường

Nghĩa là: My sinh trước, râu mọc sau, sinh trước không thể dai bằng mọc sau. Viên quan đành chịu.

... Ông Lê Công Hành - người được tôn là tổ nghề thêu ở Quất Động (Chương Mỹ, Hà Tây) lúc chưa đỗ đạt phải đi làm phu xây cống. Quan huyện ra vế đối:

"Ngói đỏ lợp nghè, lớp trên đè lớp dưới".

Lê Công Hành đối lại:

"Đá xanh xây cống, hòn dưới nống hòn trên".

Vế đối thật hoàn hảo, đối thanh, đối ý chan chát, cả về mặt âm điệu cũng hiện rõ cái tinh thần khảng khái, ý chí phản kháng, không chịu bị *lớp trên đè* mà *hòn dưới* còn *nống hòn trên*...

... Đặng Trần Thường theo Gia Long, sau khi thắng Tây Sơn, bắt trói trả thù Ngô Thì Nhậm ở Quốc tử giám. Y ra vế đối:

Ai công hầu, ai khanh tướng, trong trần ai, ai đã biết ai; có ý kháy họ Ngô khi xưa khinh y, nay đang gặp cảnh thất thế.

Ngô Thì Nhậm khẳng khái đối lại:

Thế Chiến quốc, thế Xuân thu, gặp thời thế, thế thời phải thế.

Nhân đây cũng xin có thêm vài suy nghĩ nhỏ: Theo niêm luật bằng - trắc của câu đối thì lẽ ra câu của Đặng Trần Thường phải đặt sau, ở vị trí *đối*, câu của Ngô Thì Nhậm phải đặt trước, ở vị trí của câu *xướng*. Cả Đặng Trần Thường và Ngô Thì Nhậm đều là những người am hiểu Nho học chẳng lẽ lại chưa thuộc luật đối ?... Câu đối này lưu truyền khá rộng rãi, nhiều người đã biết, đã đọc, đã thuộc nhưng có lẽ ít người để ý điểm này... Điều này trong câu đối Việt Nam thỉnh thoảng lại gặp còn trong câu đối Trung Quốc thì niêm luật được giữ rất đúng.

Trong đời sống xã hội, trên bình diện rộng hơn, câu đối là một thú chơi tao nhã, có khi tinh nghịch dí dỏm trong câu chữ, có khi thâm trầm sâu sắc trong triết lý... Câu đối cũng mang nặng hồn người... Bởi vì câu đối kết tinh cả tâm hồn và trí tuệ, thể hiện một thế giới quan, một nhân sinh quan, thể hiện những sắc thái rung động tâm hồn và tình cảm, cả những nét tính cách độc đáo của người đã làm ra nó, đối cảnh sinh tình,.. Người ta hiểu nhau qua câu đối, có thể thân nhau, phục nhau nhờ câu đối. Những người xuất chúng trong xã hội cũng thường là những người rất

giỏi ứng đối. Những giai thoại về tài ứng đối nhanh trí của những nhân vật lịch sử và cả của những nhân vật trong văn học dân gian như Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Hiền, Lương Thế Vinh, Cao Bá Quát, rồi Hồ Xuân Hương, Đoàn Thị Điểm, rồi Nguyễn Khuyến, Tú Xương..., rồi trạng Quỳnh, trạng Lợn, Xiển Bột, Ba Giai Tú Xuất... tập hợp lại cũng đã nhiều quyển...

... Chẳng phải ai trượt chân bị ngã cũng thốt lên được như Hồ Xuân Hương:

"*Giang tay với thử trời cao thấp*

Xoạc cẳng đo xem đất ngắn dài"...

Xem ra cái khẩu khí thò tay "*với trời*" và xoạc cẳng "*đo đất*" chẳng phải là ngôn ngữ thường ngày của nữ nhi chân yếu tay mềm. Cái khẩu khí đó chắc chỉ có ở bà chúa thơ nôm Xuân Hương - người đã dám viết *Đang cơn nắng cực chửa mưa tè* - mà về sau một nhà phê bình nổi tiếng bình rằng bà bỡn cợt với cả trời, coi trời như con trẻ để mắng rằng (nó) *chửa mưa tè*... Cũng có lẽ bởi cái khẩu khí ngang tàng khí khái đó mà đường hạnh phúc riêng của bà khá lận đận, để sau này Chiêu Hổ viết cho bà:

*Người **Cổ** lại còn đeo thói **Nguyệt***

*Buồng **Xuân** sao để lạnh mùi **Hương**.*

Chữ *Cổ*, chữ *Nguyệt* ghép lại thành chữ *Hồ*, chữ *Xuân*, chữ *Hương* ở câu sau thì ghép thành tên của nữ sĩ. Chiêu Hổ dùng chữ cũng tài tình lắm thay... Cũng cô Xuân Hương ấy đang giặt áo dưới cầu, thấy võng quan đi qua liền ứng khẩu:

Võng đào quan lớn đi trên ấy

Váy rách bà con giặt dưới này. (!)...

Giai thoại cũng kể về những trò tinh nghịch lúc còn nhỏ của ông đầu xứ Thái (Hoàng Phan Thái, người Nghệ An). Nhà ông gần

chùa, nhà sư ở đây lại thích thơ phú. Một lần sư chùa ra một câu tức cảnh: *Dầu vương ra đế* khi rót dầu lỡ tay rớt ra đế đèn. Cậu học trò Thái nhìn quanh, đối lại: *Ỉa vãi vào sư* rồi ù té chạy... Câu đối rất xược nhưng về mặt câu chữ quả là không chê vào đâu được. Một lần khác sư lại ra một vế:

***Cái** là **tượng, tượng** là **voi, voi** chầu cửa **cái**.*

Câu này khá lắt léo. Nguyên chữ Hán *cái* là *tượng* - là dáng vẻ, *tượng* cũng là *con voi*, chữ *cái* cuối cùng là chữ nôm - cái là to. Cậu Thái xin phép ra đứng ở tam quan rồi mới đọc:

***Tu** là **hổ, hổ** là **cọp, cọp** bắt thày **tu**.*

Đọc xong lại ù té chạy. Vế đối của cậu Thái cũng lắt léo tài tình không kém.. Trong Hán tự, *tu* nghĩa là *xấu hổ, hổ* cũng là *con cọp*...

... Ông Chiêu Phu (không rõ tiểu sử) viết cho một bà goá lấy chồng người Trung Quốc:

Bí phát kết ngô duyên di hi kim chiêu hồng bắc khứ

Bình đầu lưu khách địa ta tai hà nhật nhạn nam quy

Tạm dịch nghĩa:

Kết tóc đuôi sam, (theo kiểu người Trung Quốc) lấy chồng nước khác, con chim hồng đã bay về phương bắc.

Quay đầu về đất khách, thương ôi đến ngày nào con chim nhạn về nam.

Bà goá này đi giữa đường gặp một người chê *"Dở lắm, đem trả lại, lấy tiền về đây"*. Ông Chiêu Phu biết người chê mình là Cao Bá Quát liền mời họ Cao đến chơi và hỏi câu đối nọ của mình dở thế nào. Cao Bá Quat thủng thỉnh đáp: *"Dở ở chỗ ý hai vế giống*

nhau". Ông Chiêu Phu mời Cao Bá Quát làm lại câu đối ấy. Sau khi nghĩ ngợi một lát, Cao Bá Quát đọc:

Xoắn đuôi chuột, trở về với mẹ

Khép mu sò, dừng lại nuôi con.

Câu đối rất hợp với tình cảnh người đàn bà goá nọ nhưng cái chất bỡn cợt, tinh nghịch *rất Cao Bá Quát* vẫn hiện lên rất rõ...

Cao Bá Quát khởi nghĩa không thành, bị bắt, bị giam, bị cùm chân, chờ đem ra xử tội. Ngồi trong ngục tối, ông vẫn ngâm:

*Một chiếc cùm lim chân có **đế***

*Ba vòng xích sắt bước thì **vương...***

Đúng là khí phách của kẻ anh hùng lâm nạn, đầu sắp lìa khỏi cổ mà giọng văn vẫn sắc sảo, vẫn trào lộng..., vẫn khiến người ta kính nể.

... Tam nguyên Yên Đổ Nguyễn Khuyến là bậc thầy dùng chữ nôm trong câu đối đến mức tuyệt diệu. Trong câu đối của ông, âm nôm kết hợp với chữ Hán một cách nhuần nhuyễn, tinh vi khiến người đọc nhiều khi phải giật mình ngạc nhiên thú vị. Hãy nghe ông tự trào bằng câu đối, thật nôm na nhưng vô cùng thâm thuý:

*Người nước Nam hỏi tiếng Tây chẳng biết tiếng Tây, hỏi tiếng Tàu chẳng biết tiếng Tàu, cho nên phải "**minh tiên vương chi đạo di đạo**"*

*Nhà hướng Bắc, người chưa rét thì mình đã rét người chưa bức thì mình đã bức, nên gọi là "**tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu**".*

Minh tiên vương chi đạo di đạo là câu của Mạnh Tử có ý là đem đạo của các vua trước như Nghiêu, Thuấn, Vũ ra làm cho sáng tỏ. *Tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu* là câu của Phạm Trọng Yêm

đời Tống có nghĩa là trước khi thiên hạ lo thì mình đã lo rồi. Nguyễn Khuyến gặp thời loạn lạc, cáo quan về quê, chẳng theo Tây, cũng chẳng theo Tàu (!) nhưng cái ***đạo*** của ông, cái ***ưu*** của ông làm nhiều người cảm kích... Ông là người sâu sắc thâm thúy nhưng cũng rất dí dỏm , tinh nghịch, hay trêu đùa người khác bằng câu chữ.

Ông tức cảnh khi anh hàng thịt mang biếu bát tiết canh và đôi bầu dục vào một ngày cuối năm rồi nài xin cụ cho câu đối Tét

*Tứ thời **bát tiết canh** chung thuỷ*

*Ngạn liễu **đôi bổ dục** điểm trang.*

Một lần ông đi qua chùa Đọi (Hà Nam).Chùa này có một chú tiểu nói ngọng và một sư cụ móm nói phều phào. Tam nguyên Yên Đổ làm đôi câu đối:

Phất phất phóng phong phan pháp phái phi phù phan phụng phật

Căn căn canh cổ kệ cao ca kì cứu cứu cùng kinh.

Tạm dịch xuôi:

Phất phơ cờ phướn bay trước gió, đạo pháp và cờ phướn bay để thờ phật

Tất cả cùng đọc kinh cổ, đọc to lên để khảo cứu kinh phật cho đến cùng.

Về ý, không ai dám chê câu đối ca tụng phật pháp không hay nhưng về âm, khi đọc lên không ai không bật cười vì *cái phều phào,cái nghíu ngô* cứ ẩn, cứ hiện... Thật là tài tình ...

Hãy nghe Nguyễn Khuyến làm câu đối khóc vợ, về sau rất nhiều người đã thuộc lòng câu đối nổi tiếng này.:

Nhà chỉn cũng nghèo thay, nhờ được bà hay lam hay làm, thắt lưng bó que, xắn váy quai cồng, le te chân trước chân sau, vì tớ đỡ đần mọi việc.

Bà đi đâu vội mấy, để cho lão vất vơ vất vưởng, búi tóc củ hành buông quần lá toạ, gật gù tay đũa tay chén, lấy ai kể lể chuyện trăm năm.

Về già, mắt Nguyễn Khuyến kém, ông cảm nhận không khí Tết một cách rất đặc biệt:

Tối ba mươi, nghe pháo nổ đùng, ờ ờ Tết

Sáng mùng một, chạm nêu đánh cộc, à à Xuân

... Cũng trào lộng và sắc sảo không kém, Tú Xương làm câu đối cho một người cháu khóc ông:

Ông đi đẩu đi đâu, đến sáng mai, ngày tết ngày tung, buồn rỉ buồn rầu không yếm đỏ

Cha khóc lăn khóc lóc, qua bữa nọ, mất cướp mất bóc, khổ sao khổ vậy, thực hồi đen.

... Cũng có khi một câu đối là một cuộc đối thoại đầy chất trí tuệ giữa người ứng với người đối. Đây là cuộc so tài có thể coi rằng không có kẻ thắng người thua, tuy người ta vẫn thừa nhận *xuất đối dị, đối đối nan*...Kẻ đối được là người thông minh, tài trí nhưng người ra vế đối cũng không thể là người nông cạn. Dân gian còn ghi lại rất nhiều giai thoại về những cuộc đấu trí kỳ thú đó...

Mạc Đĩnh Chi đi sứ qua một nơi có câu chuyện về một anh học trò vì không đối được vế thách đối của cô gái mình đang theo đuổi mà nhảy xuống giếng tự vẫn. Nghe người dân ở đó nói lại vế đối của cô gái: *Ngân bình kiên thượng tỵ* (Bình bạc mũi trên vai - chỉ cái vòi ở trên vai ấm), Mạc Đĩnh Chi làm vế đối giải oan cho

anh học trò kia: *Kim toả phúc trung tu.* (Khoá vàng râu trong bụng - chỉ cái tua khoá ở trong ruột khoá). Một chuyện kỳ quặc *mũi trên vai* được đối lại với một chuyện kỳ quặc khác *râu trong bụng* rất tương xứng. Người đối phải là người có trí thông minh và óc quan sát tuyệt vời trong vốn thực tế phong phú mới có thể đối được chỉnh như vậy...

... Dân gian vẫn truyền nhau câu đối (khuyết danh) của một cô dâu thử tài chú rể trong đêm tân hôn:

Hang Thiên Thai then khoá động đào, đóng chặt lại kẻo chàng Lưu quen lối cũ (Cô dâu dùng điển Lưu Thần nhập Thiên Thai).

Chú rể cũng chẳng phải tay vừa:

Cửa Hàm Cốc lỏng khuôn tạo hoá, mở toang ra cho ông Bái dẫn quân vào. (Chú rể dùng điển Bái Công - Lưu Bang dẫn quân qua cửa Hàm Cốc để đối lại.). Cô dâu chịu và tất nhiên là ... mở cửa...

... Vương Toán (không rõ tiểu sử) thông minh, học giỏi nhưng nhà nghèo, lại thích con gái nhà quan họ Bạch. Quan ra vế đối:

Trai họ ***Vương*** *đầu đội nón* ***trúc****, tuổi* ***hai mươi****, hà túc toán dã.*

Câu này chắp chữ *vương*, chữ *trúc* và chữ *trấp* (là hai mươi) thành chữ *Vương Toán*, nhưng có ý coi thường vì *hà túc toán dã,* trích từ sách *Luận ngữ*, nghĩa là *có gì đáng kể.*

Vương Toán đối:

Gái họ ***Bạch*** *lưng thắt dây* ***tơ****, tuổi* ***mười tám****, bất diệc lạc hồ.*

Câu này ghép chữ *bạch*, chữ *ty* (tơ) và chữ *thập bát* (là mười tám) thành chữ *Bạch Lạc* là tên cô gái, lại có ý cự lại câu trên vì *Bất diệc lạc hồ,* cũng trích từ sách *Luận ngữ,* nghĩa là *sao lại không vui...*

... Có cô ở phố Hàng Đào bán hàng tấm (hàng vải tơ lụa), ra vế đối kén chồng:

Cô nhất cẩm tú thượng cầm hạ thú, lưỡng biên phú thọ khang ninh

(Bán một tấm gấm, trên (thêu) chim dưới (thêu) thú, hai bên (thêu) phú thọ khang ninh).

Một hôm có anh học trò mặt trắng cầm có một đồng kẽm đến đòi mua tấm gấm. Cô hàng nổi giận nhưng khi biết anh chàng kia đến "sinh sự" vì câu đối thì đành chịu bởi vế đối của anh:

Chú nhất ván tiền nội phương ngoại viên tứ tự Gia Long thông bảo

(Đúc một đồng tiền, trong vuông ngoài tròn, bốn chữ Gia Long thông bảo). Anh học trò đó là Tú Xuất...

... Người ta còn dạy nhau bằng những chuyện tưởng như chuyện cười xung quanh câu đối. Chẳng biết những ai thường quen thói nhìn cục bộ, từng chi tiết, từng bộ phận như kiểu *thày bói mù xem voi*, có giật mình khi nghe chuyện có người đối lại vế *Thần Nông giáo dân nghệ ngũ cốc* bằng cách tách từng chữ để đối cho chỉnh, cuối cùng được vế đối nghe cũng khá hay (!), bằng - trắc cũng chỉnh ... nhưng vô nghĩa...: *Thánh sâu gươm nước gừng tam cò.* (!)...

... Nhiều câu đối đến nay vẫn còn đang chờ được hoàn chỉnh... Nổi tiếng trong dân gian là những vế đối khó của cô Điểm thách Trạng Quỳnh - một ông trạng đậm màu giai thoại:

*Lên phố **Mía**, gặp cô hàng **mật**, cầm tay **kẹo** lại hỏi thăm **đường**.*

*Trời mưa đất **thịt** trơn như **mỡ**, **giò*** (dò) *đến hàng **nem, chả** muốn ăn.*

Bà đồ ***Nứa****, đi võng* ***tre****, đến khóm* ***trúc*** *thở dài hí* ***hóp...*** *v.v...*

Tương truyền cô Điểm còn ra cho trạng một vế khác chỉ có năm chữ nhưng chẳng những đã làm ông trạng "bí", đành chịu không đối được mà còn làm đau đầu biết bao sĩ tử sau này: *Da trắng vỗ bì bạch;* Cái oái oăm nhất của vế đối chính là *bì bạch* vừa có nghĩa Hán - Việt là *da trắng* vừa là một từ tượng thanh, như tiếng vỗ nước, rất nôm na, bình dị, rất Việt. Nghe nói, cũng đã có người đối: *Giấy đỏ viết chỉ chu* nhưng rõ ràng so với *Da trắng vỗ bì bạch* thì vế này vẫn chưa thể coi là chỉnh... Lại có người đối rằng *Rừng sâu mưa lâm thâm.* Về mặt chữ nghĩa và ý thì có thể tạm coi là được, về bằng - trắc cũng có thể châm chước nhưng về âm thì rõ ràng là kém cô Điểm nhiều lắm...

Còn một vế đối năm chữ khác, cũng hóc búa không kém, tương truyền là do bà vợ ba của vị thủ lĩnh nghĩa quân Cai Vàng thách đối: ***Cô Miên ngủ một mình...*** Chẳng biết Cai Vàng có cách nào vượt qua vế đối này để được cô ưng thuận...

Câu đối khó trong dân gian khá nhiều, thật tiếc chưa thể sưu tầm đầy đủ:

Bò lang *chạy vào* ***làng Bo.***

Cha con *thày thuốc* ***về quê,*** *gánh một gánh* ***hồi hương phụ tử.***

Song song *là hai* ***cửa sổ****, hai người ngồi trong* ***cửa sổ song song.***

Thằng ***Quỳnh*** *ngồi trên cây* ***cậy*** *dái đỏ hồng hồng* - Dân gian cũng gán câu này cho cô Điểm... Đây cũng là một vế *xướng* có chữ cuối mang vần bằng...

Gái ***tơ chỉ kén ngài*** *quân tử*

Trong ***quần anh*** *có em học khá.*

v.v... và v.v...

Từ khi chữ quốc ngữ chiếm ưu thế tuyệt đối trên văn đàn, câu đối cũng không còn được treo và làm một cách rộng rãi như trước nữa; nhưng vẫn có những câu đối len lỏi trong dòng văn học dân gian, đôi lúc hiện lên như những chấm phá khá bất ngờ thú vị. Thời hiện đại, cái thú chơi câu đối không mất đi mà đã mang màu sắc mới, với những chất liệu mới lấy từ cuộc sống hiên đại...:

Cán bộ to đi xe nhỏ

Nhân viên thấp ở nhà cao.

Trong học đường, những tay học sinh hay tếu táo thường đọc cho nhau nghe: *Con bò cạp cạp con bò cạp, cạp rồi lại bò, bò rồi lại cạp* - vâng, tất nhiên là cố tình dùng sai chữ *bọ cạp*. Vế đối khá hóc nhưng cũng đã có anh đối lại: *Thày sinh vật vật cô sinh vật, vật rồi lại sinh, sinh rồi lại vật*. Chỉ tiếc rằng đến chữ cuối cùng thì lại vấp về niêm luật.

... v.v ...

*

*   *

Nếu nói một cách hình tượng, có người đã cho rằng mỗi câu đối có thể so sánh với một bài thơ, một bản nhạc, một bức tranh, một bức chạm... với hình ảnh, ngôn ngữ, với âm thanh, nhịp điệu..., với ý tứ nội dung sâu sắc trong sự cô đọng đến mức kết tinh của ngôn từ...v.v... Nhưng thực ra, câu đối không thể so sánh với một thể loại nào của một ngành văn hoá nghệ thuật nào khác - vì nó chỉ là nó, với tất cả những đặc trưng của riêng mình.

Người Trung Quốc và người Việt Nam định cư trong khu vực ảnh hưởng mạnh của gió mùa, thời tiết hay thay đổi, nhiều thiên tai mưa lụt... nên rất quan tâm đến việc sống hoà đồng với thiên nhiên - bởi thế những kết quả của sự tìm tòi về thời sinh học của người

Trung Quốc có từ rất sớm trong nền văn minh Trung Hoa: lịch tiết khí; lịch giông tố, lịch con nước; các phép xem thời tiết ứng với không gian thiên văn và thời gian bốn mùa trong năm, trong vòng luân chuyển thập thiên can, thập nhị địa chi v.v... theo quy luật âm dương - ngũ hành...; lịch thời châm trong phép châm cứu; thuật dưỡng sinh theo mùa...; và rất nhiều thứ thuật khác cũng dựa trên những quy luật của trời đất... Khác với người phương Tây, người phương Đông chú trọng đến thích nghi với tự nhiên nhiều hơn là chinh phục tự nhiên. Người phương Đông chú ý đến *đối phó* hơn *cải tạo*. Câu đối là một loại hình sản phẩm trí tuệ khá đặc biệt nhưng cũng không nằm ngoài cái "*xu thế đối phó*" đó..., là ảnh xạ xa xôi của cái *tâm thức đối phó* kia chăng ?...

*

*   *

Câu đối là sản phẩm văn hoá, kết tinh trí tuệ và tình cảm của nhân dân. Nó đã được kiểm chứng giá trị qua chiều dài thời gian của lịch sử, bằng chỗ đứng đã được khẳng định trong tâm thức của nhân dân.

Di sản câu đối là một phần của kho tàng văn hoá dân tộc, mang đậm bản sắc... - cần được bảo tồn và phát huy.

Hà Nội - Xuân Nhâm Ngọ

N.V.A

MỘT SỐ THUẬT NGỮ

1. Phật 佛 : Người tự giác ngộ mình và giác ngộ người theo chính đạo.
2. Phạn 梵 : Thanh tịnh. Phạn văn: Văn tự dùng trong các kinh văn cổ của đạo Phật.
3. Nam vô 南無: Đọc theo tiếng Phạn là nó mó, có nghĩa là một lời cầu khẩn thành kính tin theo.
4. A Di Đà Phật 阿彌陀佛 : Đức giáo chủ của thế giới cực lạc Tây phương, còn có nghĩa là vô lượng thọ Phật.
5. Bồ Tát 菩薩 : Người giác ngộ cho chúng sinh ở mức gần Phật.
6. Ma Ha Tát 摩訶薩 : Đại chúng sinh
7. Bát nhã 般若 : Trí tuệ
8. Bồ đề 菩提 : Cây bồ đề, tượng trưng cho sự giác ngộ.
9. Cam lộ 甘露 : Nước sương ngọt. Phật rẩy nước cam lộ vào chúng sinh để rửa bớt phiền não.
10. Cát địa 吉地: Đất tốt, đem lại điều tốt lành.
11. Châu thành 州成: Bãi cát bồi đã canh tác thuần thục.
12. Diệu lý 妙理: Chân lý sâu sắc.
13. Danh lam 名藍 : Chùa nổi tiếng; Thắng tích: 勝跡 Di tích nổi tiếng.
14. Dương liễu chi đầu 楊柳枝頭 : Đầu cành dương liễu. Phật nhúng đầu cành dương liễu vào bình cam lộ rẩy cho chúng sinh.
15. Chân thân 眞身 : Thực tướng của mình.
16. Đồng môn bất nhị 同門不二 : Chỉ sự nhất trí trong tinh thần ngộ đạo.
17. Kim thân 金身 : Mình vàng, chỉ tượng Phật.

18. Liên hoa tòa thượng 蓮花座上: Tòa sen, nơi Phật ngự.

19. Lục thức 六識: Nhãn thức; nhĩ thức, tỵ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, các cơ quan cảm giác dẫn đến nhận thức.

20. Minh kính 明鏡: Gương sáng, rút từ bài kệ của Thần Tú 神秀 đứng đầu phái Bắc Tông, nói lên nhận thức về vũ trụ. Bài kệ như sau:

身是菩提樹

Thân thị bồ đề thụ

Thân là cây bồ đề

心如明鏡臺

Tâm như minh kính đài

Tâm như đài gương sáng

時時勤拂拭

Thời thời cần phất thức

Hàng ngày chăm lau quét

莫使惹塵埃

Mạc sử nhạ trần ai

Đừng để bụi bám vào

Ông (Thần Tú) công nhận tồn tại, đó là thân và tâm của con người, vì thế phải luôn tu dưỡng để giữ cho trong sáng. Một triết thuyết dung hòa giữa Nho và Phật, hợp với ý Trung dung" (Nhân tâm duy nguy. Đạo tâm duy vi: Nhân tâm hay nguy, Đạo tâm hay mờ) của Nho giáo.

Trái với ông, Huệ Năng 慧能 người đứng đầu Nam Tông chủ trương mọi vật đều không, không vật gì đeo bám được. Kệ:

菩提本非樹

Bồ đề bản phi thụ

Bồ đề vốn không cây

明鏡亦非臺

Minh kính diệc phi đài

Gương sáng cũng không đài

本來無一物

Bản lai vô nhất vật

Vốn không vật gì cả

何處惹塵埃

Hà xứ nhạ trần ai

Bụi bám vào chỗ nào.

21. Nhân quả 因果: Nguyên nhân và kết quả.
22. Nhật tụng kim kinh 日誦金經: Hàng ngày tụng Kinh vàng (Kinh Phật).
23. Mê tân 迷津: Bến mê. Bến của dục vọng.
24., Phạn vũ 梵宇: Mái hiên Phật. Không gian thế giới của Phật.
25. Pháp vũ 法宇: Mưa pháp.
26. Phổ chiếu 譜照: Chiếu khắp nơi.
27. Pháp lực 法力: Quyền lực của đạo pháp
28. Phật đạo vô tư 佛道無私: Đạo Phật không riêng cho ai.
29. Pháp tính 法性: Bản tính của Phật pháp.
30. Sắc tướng 色相: Những vật chất có hình tượng có thể trông thấy được.
31. Sắc không 色空: Hai phạm trù trong đạo Phật: có và không, vật chất và hư không.
32. Tam giới 三界: Ba giới: dục giới, sắc giới, vô sắc giới.
33. Tam sinh 三牲: Ba loài sinh vật dùng để cúng tế: bò, lợn, dê. Ba kiếp: dĩ vãng, hiện tại, tương lai.
34. Tam thiên thế giới 三千世界: Ba ngàn thế giới.
35. Bách vạn nhân thiên 百萬人天: Trăm vạn con người.
36. Tam đồ khổ 三途苦: Ba đường khổ sau khi chết: địa ngục, quỷ đói, súc vật.
37. Tuệ 慧: Minh mẫn, sáng láng.

38. Tuệ nhãn 慧眼 : Cặp mắt sáng suốt thấy rõ thực tướng.

39. Tuệ nhật 慧 日 : Mặt trời sáng tỏ, ví sự sáng láng của đạo giáo như mặt trời.

40. Tam thừa 三 乘 : Ba cỗ xe. Chỉ ba nhánh tu đạo Phật: Đại thừa, trung thừa, tiểu thừa.

41. Thập ác duyên 十 惡 緣 : Mười điều ác trong đạo Phật: Sát sinh, trộm cắp, dâm tà, lừa dối, chia lìa người, ác khẩu, nói hoa mỹ, nói trợn trạo, gian tà.

42. Trần ai 塵埃 : Bụi trần. Mọi dục vọng, khổ đau của đời người.

43. Thời tuyên bảo kệ 時 宣 寶 偈 : Đúng thời đọc bài kệ quý.

44. Tịnh giới 净 界 : Thế giới của sự vắng lặng. Thế giới của vô niệm.

45. Kỳ viên 祈 園 : Tiếng phạn là Jêtavana. Khu vườn mà trưởng giả Cấp cô độc đã mua của hoàng thân Jêta để tặng Đức Phật làm tịnh xá. Tương truyền ông đã phải rải vàng khắp mặt vườn để mua được khu vườn này và trồng ở đây một cây bồ đề đã sống lâu nhất, gọi là cây bồ đề Ananđa.

46. Từ tâm 慈 心 : Lòng thành, bản tính của Phật là từ thiện.

47. Niết bàn 涅 槃 : Tiếng Phạn là Nirvana (Ni là hình thức phủ định: không có; Vana: sắc dục). Có nghĩa là sự tách rời khỏi ái dục. Một trạng thái tinh thần thoát khỏi ái dục và vọng niệm về bản ngã.

48. Giới 戒 : Điều răn, phép tắc. Kẻ tu hành phải giữ đủ bốn giới luật.

- Giới luật căn bản.
- Giới luật về nhận thức (qua lục căn)
- Giới luật về thanh tịnh trong đời sống.
- Giới luật về quan hệ với chúng sinh.

49. Định 定 : Ổn định tâm thần, kiểm soát để trau dồi tâm đi trên con đường trong sạch.

50. Tuệ 慧 : Sự minh mẫn, kết quả của giới và định. Đây là giai đoạn cuối cùng để bước vào niết bàn. Khi đã giữ được giới luật, định được tâm, thì trí tuệ bừng sáng và lúc đó người tu hành chứng quả Niết bàn.

51. Cửu như 九如 : Chín lời chúc trong *Kinh thi*: Như núi, như gò, như băng (gò nhỏ), như sông ngòi chảy khắp, như bờ cõi, như vừng trăng sáng, sống lâu như Nam Sơn, xanh tốt như tùng bách.

52. Hải ốc thiêm trù 海屋添籌 : Nhà biển thêm thẻ tre.

Rút trong truyện về ba cụ già, trong đó một cụ kể tuổi của mình như sau: "Mỗi lần biển biến thành nương dâu, ta bỏ ra một thẻ tre, khi gặp ông thì số thẻ đó đầy mười gian nhà rồi".

53. Ca Diếp 迦葉 : Một môn đệ của Thích Ca, đã thấu triệt được giáo lý chính đạo. Ông đắc quả ALaHán – một trình độ nhận thức gần Thích Ca.

54. Ẩm quang 飲光 : Phát hào quang khi ăn uống. Tên thường gọi của Ca Diếp là Ma ha ca diếp ba. Ma ha là to lớn. Ca diếp ba là ẩm quang.

55. Như lai 如來 : Theo như thực đạo mà thành chính quả (Có nhiều cách giải thích từ này):

1) Pháp hiệu của đức Thích ca mâu ni.

2) Không từ đâu đến, không đi về đâu, nên gọi là Như Lai.

3) Vốn tự giác là như. Bắt đầu sự giác ngộ là lai

4) Đem cái bản tính chân như sẵn có để giác ngộ chúng sinh.

56. Tam tạng 三藏 : Ba chỗ chứa gồm Kinh, Luật, Luận.

57. Tam đa 三多 : Ba nhiều: nhiều phú, nhiều thọ, nhiều con trai.

58. Tam tôn 三尊 : Ba ngôi vị tôn quý trong chế độ phong kiến: vua, thầy, cha.

59. Tam muội 三昧 : Còn gọi là Tam ma đề hay Tam ma đế có nghĩa là chính định – yên định thẳng thắn, bài trừ mọi tạp niệm để tâm thần bình tĩnh.

60. Tam giới 三戒 : Ba điều răn. Trong sách *Luận ngữ* có nói: Người quân tử có ba điều răn. Lúc trẻ, khí huyết chưa định, nên răn mình về sắc dục, lúc trai tráng khí huyết phương cương, nên răn mình võ đấu (đánh nhau); Khi về già, khí huyết đã suy, nên răn ở tự đắc.

61. Khai hạp gian 開闔間 : Khoảng thời gian đóng mở. Theo thuyết âm dương,Trời mở vào giờ Tý, Đất khép vào giờ Sửu.

62. Dực, Chẩn 翼軫 : Thời Trung Quốc cổ đại, khoa Thiên văn chia bầu trời làm chín khu vực theo phép cửu trù hồng phạm, nước Việt Nam thuộc khu vực có các sao Dực, Chẩn.

63. Lục khí 六氣 : Sáu khí. Có nhiều định nghĩa khác nhau: Trời, đất, xuân, hạ, thu, đông. Y học cho lục khí là: Giá, nóng, rét, thấp, lửa, táo.

64. Khí hạo nhiên 浩然氣 : Khí tự nhiên bao la.

65. Lan đình 蘭亭 : Một kiểu chữ của nhà thư pháp cổ Trung Quốc Vương Hy Chi.

66. Tấn thiếp 晉帖 : Lá Thiếp đời Tấn.

67. Đào thi 陶詩 : Thơ Đào Tiềm, một nhà thơ ẩn dật đời Tấn.

68. Tam cổ 三古 : Ba vị thánh hiền thời Trung Quốc cổ đại: Phục Hy, Văn Vương, Khổng Tử.

69. Nhất gia ngôn 一家言 : Tên một tác phẩm cổ đại Trung Quốc, tập hợp các giá trị văn hóa.

70. Tam đô 三都 : Ba kinh đô thời Trung Quốc cổ đại.

71. Ngũ nhạc 五岳 : Năm ngọn núi lớn của Trung Quốc.

72. Bảo vụ tinh 寶婺星 : Chòm sao Bảo vụ.

73. Bàn đào 蟠桃 : Một giống đào nơi tiên giới.

74. Xuân huyên 春萱 : Tượng trưng cho cha và mẹ.

75. Tam cúc kính 三菊徑 : Ba luống cúc. Nơi ông Đào Tiềm cáo quan về hưu, vườn nhà trồng ba luống cúc.

76. Giáng huyện 降縣 : Tên một huyện ở Trung Quốc.

77. Long môn 龍門 : Cửa rồng. Ý nói thi đỗ cao.

78. Bàn khê 蟠溪 : Nơi Khương Tử Nha, tức Lã Vọng ngồi câu cá trước khi gặp Văn Vương nhà Chu.

79. Vũ ban y 舞班衣 : Áo mũ rực rỡ. Ý nói về ông Lão Lai tuổi già, nhưng mặc áo hoa múa vui cho cha mẹ xem.

80. Dao trì 瑤池 : Ao xây bằng ngọc dao, nơi ở của Tây Vương Mẫu.

81. Minh kinh 明經 : Giỏi kinh điển. Các triều đại phong kiến Trung Quốc thường hay mở khoa thi giỏi kinh điển để chọn người tài.

82. Vu sơn 于山 : Rút trong tích vua nước Sở gặp thần nữ ở Vu Sơn.

83. Nhị nam 二南 : Hai thiên *Chu Nam* 周南 và *Thiệu Nam* 召南 trong *Kinh Thi*.

84. Chu, Thiệu 周召 : Chu Công Đán và Thiệu Công Thích, con cháu nhà Chu được phân phong ở Thiểm Tây.

85. Vương Tạ 王謝 : Hai họ danh giá ở Trung Quốc xưa.

86. Quốc phong 國風 : Thơ Quốc phong *Kinh thi;* nói về phong tục cổ đại Trung Quốc, trong đó có thiên *Quan thư* 關雎 nói về tình yêu đôi lứa.

87. Bạch tuyết dương xuân 白雪陽春 : Bạch tuyết là khúc hát dân gian. Dương xuân: một điệu hát hay được sáng tác vào thời cổ đại Trung Quốc.

88. Kình ba 鯨波 : Sóng kình, sóng dữ, sóng lớn.

89. Phủ trạch 府宅 : Phủ nha, cơ quan, nhà quan.

90. Dân an 民安 : Dân được yên, dân được vui vẻ.

91. Vật phụ 物阜: Vật chất nhiều, cuộc sống phong phú, vật nhiều, vật thịnh.

92. Quốc thái 國泰: Nước yên hòa, thái bình.

93. Giang sơn 江山: Sông, núi, non sông – chỉ đất nước, tổ quốc.

94. Sơn hà 山河: Núi, sông, non sông – cũng chỉ đất nước, tổ quốc.

95. Sơn thủy 山水: Núi, sông; non, nước – Sơn thanh thủy tú: non xanh nước biếc. Sơn cao thủy thâm: Núi cao sông sâu.

96. Thiên khung 天穹: bầu trời.

97. Thanh thiên 青天: Trời xanh, trời.

98. Tích thụ kim hoa 昔樹今花: Cây xưa hoa nay, thường chỉ tổ tiên gây dựng, con cháu phát triển.
99. Phụ canh tử hoạch 阜耕子穫: Cha trồng trọt con được hưởng.
100. Tư Mã Huấn 司馬訓: Sách Gia Huấn của Tư Mã Dung, đời Tống, Trung Quốc.
101. Sở thư 楚書: Sách vở nước Sở.
102. Sĩ quân tử 士君子: Người thuộc giới thượng lưu.
103. Đại trượng phu 大丈夫: Người đàn ông có tài đức nổi trội hơn nhiều người khác.
104. Gia trạch 家宅: Nhà ở, nhà cửa.
105. Chính lộ 正路: Đường thẳng, hành vi chính đáng.
106. Thánh kinh 聖經: Sách của thánh nhân.
107. Hiền truyền 賢傳: Sách chép sự tích các bậc hiền nhân để lại đời sau.
108. Chính đại cao minh 正大高明: Làm việc ngay thẳng sáng suốt.
109. Cương thường 綱常: Tam cương ngũ thường của nhà nho. Tam cương: Quân thần, phụ tử, phu phụ. Ngũ thường: Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.
110. Thần công 神功: Công của thần. Sức của thần.
111. Thánh trạch 聖澤: Ơn trạch của thánh.
112. Tổ công tông đức 祖功宗德: Công đức của tổ tông.
113. Tử hiếu tôn hiền 子孝孫賢: Con hiếu cháu hiền.
114. Liên đăng tục diệm 連燈續焰: Đèn liền, tiếp nối tỏa sáng.
115. Quang tiền dụ hậu 光前裕後: Làm sáng đời trước, để phúc cho đời sau. Có khi còn viết là Quang tiền dũ hậu 光前愈後 hoặc Quang tiền thùy hậu 光前垂後。

SÁCH DẪN

Để giúp bạn đọc tìm được hoành phi, câu đối theo yêu cầu riêng một cách nhanh chóng trong bộ *3000 hoành phi câu đối Hán Nôm* này, chúng tôi soạn thêm phần *Sách dẫn*.

Khi sử dụng bảng *Sách dẫn* này, xin lưu ý:

Trước, qua *Tổng mục lục*, tìm phần chính theo yêu cầu, tức các phần: I. Hoành phi; II. Câu đối chữ Nôm; III. Câu đối chữ Hán.

Sau, qua phần chính, tìm Hoành phi, Câu đối cần tìm:

Phần I: HOÀNH PHI

Tìm theo thứ tự A - B - C phần phiên âm; xong đối chiếu số trang

Ví dụ: *Tường quang viễn chiếu*

Vần T; Trang : 49;

Đạo quán cổ kim

Vần Đ; Trang: 43.

Phần II: CÂU ĐỐI CHỮ NÔM

Trong bảng *Sách dẫn* này, về câu đối chữ Nôm, tìm theo thứ tự A - B - C chữ đầu vế trên; xong đối chiếu số trang.

1. *Đón Xuân sang*
2. *Nghe tiếng chuông vàng*
3. *Giầu có thiếu chi tiền*
4. *Thi hương lá cờ đuôi nheo*

Ví dụ như mấy câu dẫn trên thì tìm:

Câu 1. Vần Đ, trang: 66;

Câu 2. Vần N, trang: 94;

Câu 3. Vần G, trang 84;

Câu 4. Vần T, trang 100. v.v...

Phần III: CÂU ĐỐI CHỮ HÁN

Về Câu đối chữ Hán, trước qua *Tổng mục lục*, tìm chủ đề; đó là: I. CÂU ĐỐI TẾT; II. CÂU ĐỐI VỀ PHONG CẢNH; III. CÂU ĐỐI VỀ HỌC TẬP VÀ TU DƯỠNG; IV. CÂU ĐỐI MỪNG VÀ VIẾNG, sau tìm Câu đối xếp theo thứ tự A - B - C chữ đầu ở vế trên phần *phiên âm* trong chủ đề ấy.

Ví dụ: CÂU ĐỐI TẾT

Tra *Sách dẫn* thấy chép:

Sổ điểm đào hoa

Vần S, trang 114. Theo chỉ dẫn ấy, sẽ tìm được câu:

Sổ điểm đào hoa tri vãn tuế

Nhất hương địa bỉnh báo tân xuân

Có đầy đủ cả phần chữ Hán, dịch nghĩa.

Với Câu đối về phong cảnh (II), Câu đối về học tập và tu dưỡng (III) và Câu đối chúc mừng thăm viếng (IV) cũng tìm theo cách như vậy.

Bảng *Sách dẫn* này mong giúp bạn đọc có cái nhìn tổng thể về *3000 hoành phi câu đối Hán Nôm* thông dụng có trong tay các bạn; ngoài ra, giúp các bạn tìm được một cách nhanh chóng hoành phi, câu đối thông dụng ấy mà các bạn muốn có cả nguyên văn cùng dịch chú.

Phần I : HOÀNH PHI

A

B

C

D

Đ

G

H

K

L

S

T

U

V

X

Y

Phần II : CÂU ĐỐI NÔM

A

B

C

H

I

K

L

M

N

O

P

Q

R

S

T

V

X

Y

Phần III: CÂU ĐỐI CHỮ HÁN

CÂU ĐỐI TẾT

B

C

D

Đ

G

H

K

L

M

N

P

Q

S

T

PHONG CẢNH

D

Đ

G

H

K

L

Q

S

P

Q

S

T

U

V

X

Y

HỌC TẬP TU DƯỠNG

A

B

C

D

Đ

G

H

I

K

L

M

N

O

P

Q

S

T

U

V

X

Y

CHÚC MỪNG VIẾNG THĂM

A

B

C

D

Đ

G

H

K

L

M

N

O

P

Q

S

T

Ư

V

Y

TỔNG MỤC LỤC

Trang.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN
43 Lò Đúc - Hà Nội

3000 CÂU ĐỐI HÁN NÔM

TRẦN LÊ SÁNG *(chủ biên)*

Chịu trách nhiệm xuất bản
VŨ ANH CHƯƠNG

Chịu trách nhiệm xuất bản
PHẠM NGỌC LUẬT

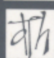
Biên tập: **NGUYỄN TẤT HÒA**
Sửa bài: **BIÊN TẬP VÀ TÁC GIẢ**
Bìa: **TRẦN ĐẠI THẮNG**

In 800 cuốn, khuôn khổ 16x24cm. Tại Trường THKT in
Giấy phép xuất bản số: 105-XB-QLXB/ 41-VHTT
In xong và nộp lưu chiểu Quý II năm 2003.

3000
HOÀNH PHI CÂU ĐỐI HÁN NÔM



PHÁT HÀNH TẠI



NHÀ SÁCH ĐÔNG TÂY
32 Bà Triệu - Hà Nội. ĐT: 9348484 - Fax: 8251374
466 Nguyễn Chí Thanh - Hà Nội. ĐT: 7733041

3000 hoành phi câu đối Hán Nôm



D T 0 0 6 0
Giá: 110.000Đ